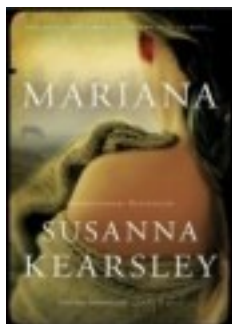


Mariana

Contents

Mariana	1
1. Chương 1	2
2. Chương 2	7
3. Chương 3	12
4. Chương 4	16
5. Chương 5	22
6. Chương 6	27
7. Chương 7	32
8. Chương 8	38
9. Chương 9	42
10. Chương 10	48
11. Chương 11	52
12. Chương 12	57
13. Chương 13	62
14. Chương 14	67
15. Chương 15	72
16. Chương 16	78
17. Chương 17	84
18. Chương 18	91
19. Chương 19	96
20. Chương 20	100
21. Chương 21	104
22. Chương 22	110
23. Chương 23	115
24. Chương 24	119
25. Chương 25	124
26. Chương 26	129
27. Chương 27	133
28. Chương 28	139
29. Chương 29	145
30. Chương 30	150
31. Chương 31	154
32. Chương 32	159
33. Chương 33	165
34. Chương 34	169

Mariana



Giới thiệu

Thể loại: Lãng mạn Dịch giả: Chi Tử Bao nhiêu mùa đã trôi qua, bao nhiêu đợt tuyết đã đến và đi, h

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/mariana>

1. Chương 1

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy ngôi nhà là vào mùa hè tôi tròn năm tuổi.

Tất cả hoàn toàn là lỗi của một nhà thơ. Thực tế, chính chuyến viếng thăm đến nhà bà bác lớn tuổi được cả nhà yêu mến ở Exeter vào dịp cuối tuần đã đẩy cha tôi vào tâm trạng lãng đãng chất thơ như thế.

Đối mặt với một ngã ba thành linh xuất hiện trên con đường về nhà ở Oxford, ông cố tình chọn ngã rẽ trái thay vì rẽ phải. “Con đường hiểm khách vắng lại”, ông bảo chúng tôi bằng giọng nói hiền hòa và mơ mộng. Và như nhà thơ kia đã hứa hẹn, điều này quả thực đã tạo nên tất cả khác biệt.

Cho sự khởi đầu, chúng tôi lạc hướng. Mất phương hướng một cách vô vọng đến mức, thực tế, chính mẹ tôi đã phải quăng bản đồ đi. Những đám mây cuộn tròn bao lấy vàng thái dương dường như chỉ là sự tiếp nối cho tâm trạng mỗi lúc một âm u của cha tôi, tất cả chất thơ chẳng thấy tăm hơi khi ông gù lưng lo lắng trên bánh lái. Đến giờ ăn trưa thì trời đổ mưa, khá nặng hạt, mẹ đã đưa những chiếc kẹo cho anh Tommy và tôi trong cố gắng vô ích giữ chúng tôi khỏi chộc tức cha thêm nữa, người với cơn giận trứ danh đang gần chạm đến điểm giới hạn.

Những chiếc kẹo có vị bạc hà, kẻ sọc những đường hồng và trắng như những miếng cẩm thạch lớn, khiến chúng tôi phải nhè hết kẹo ra mới nói chuyện được với nhau. Đến khi chúng tôi tới dãy nhà và cửa hàng đầu tiên trong làng, mặt và tay tôi đã lem nhem đường, còn đằng trước chiếc váy yếm xếp đăng ten mới tinh thì đầy nếp nhăn cùng vết bẩn ó màu.

Tôi chưa bao giờ hoàn toàn chắc chắn về nguyên nhân đã khiến cha tôi dừng xe ở nơi đó. Tôi nhớ loáng thoáng có một con mèo lao qua đường trước mặt chúng tôi, nhưng có lẽ đó đơn thuần chỉ là sản phẩm từ trí tưởng tượng của một đứa trẻ đã mệt nhoài. Dù lý do là gì chẳng nữa, chiếc xe cũng dừng chạy, động cơ khựng lại, trong chớp mắt động cơ nổi tiếp, tôi đã có cái nhìn thoáng qua đầu tiên và đắm nước mắt về ngôi nhà.

Nó là một ngôi nhà cổ to lớn, vuông vức, chắc chắn, nằm cách một khoảng với con đường và được ngăn cách bởi một đám cây cối um tùm mọc rải rác bao quanh. Mái đá lấp lánh mơ hồ dốc xuống một góc đáng sợ hợp lại với những bức tường đá xám bọt bọt, sắc màu nhờ nhờ buồn tẻ bị phá vỡ nhờ đôi ống khói bằng gạch đỏ cùng một dãy cửa sổ lớn nhiều ô kính, với khung sơn trắng tinh tươm.

Khi tôi đang ấn mũi lên lớp kính lạnh lẽo của chiếc xe, để căng mắt nhìn rõ hơn, thì sau vài tiếng chửi thề cực kỳ ác độc, cha tôi đã xoay sở để đỗ được động cơ trở về với sự sống.

Mẹ tôi, nhẹ nhõm một cách rõ ràng, quay sang để kiểm tra hai anh em chúng tôi.

“Julia, dừng con”, bà thuyết phục. “Con làm bẩn kính bây giờ.”

“Đó là nhà của con”, tôi giải thích.

Anh Tommy của tôi chỉ vào một ngôi nhà to hơn và oai vệ hơn nhiều vừa đi vào tầm mắt. “Ờ, kia là ngôi nhà của anh”, anh đáp trả, ra chiều đắc thắng. Khiến cha mẹ tôi thích thú, hai anh em tôi tiếp tục trò chơi suốt chặng về, và ngôi nhà màu xám cô đơn chìm vào quên lãng.

Tôi đã không thấy nó trong suốt mười bảy năm.

Mùa hè đó, cái mùa hè tôi bước sang tuổi hai mươi hai, vẫn còn khắc sâu trong trí nhớ của tôi. Tôi vừa tốt nghiệp trường nghệ thuật, và giành được công việc tương chừng hoàn hảo ở một công ty quảng cáo nhỏ tại Luân Đôn. Anh Tom của tôi, hơn tôi ba tuổi, mới tốt nghiệp Oxford cùng tấm bằng xuất sắc và ngay lập tức khiến cả nhà choáng váng với việc thông báo kế hoạch tham gia Giáo hội Anh. Gia đình chúng tôi không đặc biệt mộ đạo, nhưng Tom hài hước bảo vệ ý kiến rằng, với việc đặt tên anh như vậy, anh hầu như chẳng có lựa chọn nào khác trong vấn đề này. “Thomas Beckett[1]! Con hỏi mẹ”, anh trêu. “Mẹ còn có thể mong chờ gì nữa nào?”

[1] Thomas Beckett đọc gần giống tên của Thomas Becket hay còn gọi là Thánh Thomas Canterbury, vị Tổng giám mục tử vì đạo ở Canterbury.

Để kỷ niệm mốc đánh dấu sự trưởng thành, Tom và tôi quyết định sẽ đi nghỉ ngắn ngày ở bờ biển nam Devon, nơi chúng tôi có thể tạm quên đi cha mẹ, trách nhiệm và tận hưởng thời tiết nóng bức đầy ánh nắng mà thiên nhiên ban tặng cho miền nam nước Anh. Không phải thất vọng, chúng tôi dành một tuần hạnh phúc cho việc lang thang trên bờ biển ở Torquay, hoàn toàn thư giãn, trẻ hóa, và râm nắng.

Tom, còn mải đắm mình trong lạc quan dâng trào, chỉ định tôi làm hoa tiêu cho chuyến trở về. Anh đáng lẽ phải dự liệu tốt hơn. Trong khi khả năng định hướng bản đồ của tôi chính xác là không hề tệ, thì tôi lại là đứa dễ dàng bị xao nhãng bởi phong cảnh xung quanh. Bởi vậy, lạc khỏi đường chính đương nhiên là điều khó tránh khỏi, chúng tôi cứ thế nhọc nhằn vượt qua một chuỗi tưởng như vô tận những ngôi làng nhỏ bé hao hao nhau được kết nối bằng con đường hẹp có những tán cây rậm rạp đan lại trên đầu mang về ngoài y hệt một đường hầm.

Sau ngôi làng thứ bảy, Tom bán sang cho tôi những cái liếc dài buộc tội. Cả hai đều được thừa hưởng màu tóc, màu mắt và những đường nét đẹp đẽ của người mẹ gốc Cornwall, nhưng khi mái tóc và cặp mắt đen mang cho tôi ấn tượng tinh quái nhiều hơn xinh đẹp, thì có thể giúp Tom trở nên tuyệt đối đe dọa theo ý anh.

“Em nghĩ chúng ta đang ở đâu?” Anh hỏi, với thái độ lịch sự chết người.

Tôi nghiêm túc nghiên cứu bản đồ. “Wiltshire, em hy vọng thế”, tôi vui vẻ trả lời anh. “Nơi nào đó giữa đường.”

“Hừm, nghe mạch lạc đấy.”

“Coi nào”, tôi đề nghị, khi đến ngôi làng thứ tám, “sao anh không ngừng bưng bình và hỏi đường ở một quán rượu tiếp theo? Thành thực mà nói, Tom à, anh cũng tệ y hệt như cha...”. Lời nói kết thúc trong tiếng ré lên đột ngột.

Lần này, tôi không hề tưởng tượng. Một con mèo núc ních vàng hoe xông ngay qua đường, thẳng trước mũi ô tô của chúng tôi. Chiếc phanh rít lên phản đối khi Tom đạp phanh, và rồi, bất thành linh, động cơ chết ngóm.

“Khốn kiếp!”

“Các cha xứ không ăn nói thế đâu”, tôi nhắc và anh nhe răng cười vô tư.

“Anh đang loại bỏ nó ra khỏi hệ thống từ ngữ của mình đây”, đó là lời giải thích của anh.

Bật cười, tôi nhìn qua cửa sổ và đông cứng.

“Không thể tin được.”

“Anh biết rồi”, anh trai tôi đồng ý. “Nhờ miệng thôi mà.”

Tôi lắc đầu. “Không phải, Tom, nhìn kia - đây là nhà của em.”

“Cái gì?”

“Ngôi nhà xám của em”, tôi nói. “Anh không nhớ sao, cái ngày con mèo chạy qua đường và cha làm chết máy ô tô ấy?”

“Không.”

“Trên đường trở về từ nhà bác Helen”, tôi nói thêm, “ngay sau sinh nhật thứ năm của em. Trời đổ mưa và cha rẽ nhầm lối, rồi một con mèo chạy qua đường và cha phải dừng xe”.

Anh trai nhìn tôi hết theo cái cách một nhà khoa học nghiên cứu mẫu xét nghiệm mới quái dị, và lắc đầu.

“Không, anh không nhớ.”

“Ừm, xảy ra thật mà”, tôi khẳng định, “và chiếc xe chết máy ngay chỗ này, rồi em trông thấy ngôi nhà đó”.

“Nếu em đã nói thế.”

Bây giờ chiếc xe bắt đầu khởi động lại, và Tom cho nó tấp vào lề đường nên tôi có thể nhìn rõ ràng hơn.

“Anh có biết thế nghĩa là sao không?” Tôi hỏi.

“Anh nghĩ thế có nghĩa là số gia đình ta quá đen với đám mèo ở Wiltshire”, Tom đáp. Tôi chọn cách lờ anh đi.

“Em tự hỏi không biết nó bao nhiêu tuổi.”

Tom nghiêng đầu lại gần hơn. “Anh nghĩ là từ thời Elizabeth I[2]. Cũng có thể từ thời James I[3]”

[2] Elizabeth I (1533-1603): Nữ hoàng trị vì nước Anh từ 1558 đến khi qua đời. Dưới sự cai quản của bà, quyền lực của nước Anh vươn xa trên toàn thế giới, đây là một giai đoạn huy hoàng trong lịch sử của nước Anh.

[3] James I (1566-1625) trị vì nước Anh từ 1603 đến khi qua đời năm 1625.

Tôi quên mất Tom vốn rất say mê môn kiến trúc. Bên cạnh đó, anh ấy luôn biết tất cả mọi thứ.

“Em muốn được nhìn gần hơn.” Giọng tôi tràn trề hy vọng nhưng Tom đơn giản chỉ trao cho tôi một cái nhìn thoáng qua bao dung trước khi đánh xe vòng vào làng.

“Anh sẽ không”, anh nói, “đi nhòm qua cửa sổ nhà ai đó chỉ để thỏa mãn tính tò mò của em đâu. Bên cạnh đó, người ta dễ biến ‘Đất tư’ trên lối vào nhà rồi”.

Đi được một quãng ngắn thì chúng tôi lái xe vào sân đỗ của quán Sư Tử Đỏ, một quán rượu tao nhã có kết cấu phân nửa làm từ gỗ với phần mái lợp tranh cổ kính cùng những chiếc bàn xếp tạm trước hiên để đón khách buổi trưa. Tôi ngồi trong xe, sẵn sàng đổi chỗ sang ghế lái, trong khi Tom vào quán để tu nhanh một vài bia và hỏi hướng trở lại đường chính.

Vì quá bận nghĩ ngợi về sự quái lạ tột độ khi đi lạc hai lần tại cùng địa điểm, tôi quên bồng bảo anh trai hỏi xem ngôi làng này tên là gì.

Phải đến tám năm sau, tôi mới nhận ra một lần nữa mình đang ở Exbury, Wiltshire.

Lần này, cũng là lần cuối cùng, vào đầu tháng Tư, còn hai tháng nữa mới đến sinh nhật thứ ba mươi của tôi, và - lần này - tôi không bị lạc. Tôi vẫn sống ở Luân Đôn, trong một căn hộ cho thuê nhỏ xíu dẫn trở nên gần bó ở Bloomsbury, dù vừa bất ngờ được bác Helen bên đằng nội cho thừa kế một khoản kékch xù, đây cũng chính là bà bác mà nhiều năm trước gia đình chúng tôi đã ghé thăm ở Exeter. Mới chỉ gặp tôi hai lần, nên vì sao bác chọn tôi làm người thừa kế khoản tiền quá lớn đó vẫn là một bí ẩn. Có lẽ vì tôi là đứa cháu gái duy nhất trong dòng họ. Bác Helen, theo cha tôi, là người sở hữu một nhân sinh quan gắn chặt với bình quyền nữ giới. “Một căn phòng dành riêng cho em”, Tom tuyên bố rành rọt với tôi. “Đấy là những gì bác ấy để lại cho em. Em đã đọc Virginia Woolf[4] chưa?”

[4] Virginia Woolf là một trong những tiểu thuyết gia hiện đại lừng danh nhất thế kỷ XX, câu châm ngôn “Nếu một người phụ nữ định viết tiểu thuyết, cô ta cần tiền và một căn phòng riêng cho mình” rất nổi tiếng trong tác phẩm Một căn phòng riêng của bà.

Thực sự số tiền đó thừa sức mua một căn phòng, nhưng dù chỉ là chút mơ hồ, tôi cũng chẳng biết xử lý số tiền đó ra sao. Tom nhất quyết từ chối lời đề nghị của tôi chia khoản thừa kế cho anh, còn cha mẹ tôi cũng bảo không cần, vì sau khi cha tôi nghỉ làm bác sĩ phẫu thuật thì cha mẹ tôi cũng sống thừa sung túc rồi.

Vậy đây.

Phần lớn thời gian tôi đều khá bận rộn, khi cứ phải luân phiên làm những việc từ thiết kế đồ họa cho đến vẽ tranh minh họa, lĩnh vực vừa mang cho tôi nhiều hứng thú lẫn thù hao hậu hĩnh hơn. Nhờ chút may mắn, trước đó tôi có cơ hội làm việc với một tác giả vô cùng tài năng, và việc cộng tác cho ra đời một tuyển tập các câu chuyện giả tưởng cho thiếu nhi đã mang lại một danh tiếng đáng kể cho tôi trong công việc, đây là còn chưa kể một mức sống ổn định hơn. Tuần đó, tôi vừa được ủy quyền vẽ minh họa cho một tuyển tập mới vô cùng đồ sộ về truyền thuyết và các câu chuyện cổ tích đến từ khắp nơi trên thế giới, một dự án khiến tôi vô cùng hào hứng và hứa hẹn sẽ giữ cho tôi bận rộn suốt phần lớn thời gian còn lại trong năm. Không gì có thể diễn tả nổi niềm hạnh phúc của tôi.

Thông thường, tôi sẽ ăn mừng cơ may của bản thân cùng gia đình, nhưng bởi cha mẹ tôi đã đi nghỉ ở nơi cách nửa vòng trái đất và Tom thì bận rộn với các buổi lễ Phục sinh, tôi đành chuyển sang phương án hay ho tiếp theo và dành ra những ngày cuối tuần đến Bath[5] cùng bạn. Vào sáng thứ Hai, khi nhận thấy dòng xe cộ trên trục đường chính hơi đông quá mức với mình, tôi bẻ lái sang hướng bắc và đi dọc con sông Kennet dịu dàng uốn lượn đổ về Luân Đôn.

[5] Thành phố ở Anh nổi tiếng với suối nước nóng và khu nghỉ dưỡng do người La Mã xây dựng từ hàng nghìn năm trước.

Trời tuy hơi lạnh nhưng vẫn là một ngày mùa xuân hoàn hảo, hàng cây hai bên đường đang hăng hái vươn lá non như cây vùng nhiệt đới. Với sự ngưỡng mộ mùa xuân, tôi đã lái xe với những khung cửa kính được hạ xuống, không khí có mùi ngọt ngào của mưa, đất và vạn vật sinh sôi.

Với tiếng khò khè phản đối, chiếc xe Peugeot thấp khớp nhưng đáng tin cậy của tôi leo lên ngọn đồi nhỏ. Ghìm tốc độ, tôi vượt qua một vòng cung rộng nơi con đường dốc xuống thung lũng trước khi vượt qua Kennet trên chiếc cầu đá hẹp. Khi vượt qua chiếc cầu, tôi cảm giác ngứa ran lơ mơ sau gáy mình, và những ngón tay bắt giác siết lấy vô lăng.

Ngạc nhiên nhất là tôi hoàn toàn không hề bất ngờ, vào lần này, lúc nhìn thấy ngôi nhà. Không hiểu vì sao, tôi gần như trông đợi nó sẽ nằm ở đó. Tôi cho xe lăn bánh chậm chậm, rồi đỗ lại và tắt máy, ngay đối diện lối lái xe dài rải đầy sỏi. Một con mèo vàng nghênh ngang băng qua đường mà không thèm liếc mắt nhìn tôi, và biến mất vào trong đám cỏ dập dờn. Ba lần trong một đời người, tôi tự nhủ, thậm chí nếu không có con mèo, điều này chắc chắn nằm ngoài phạm vi của sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Chắc chắn, tôi suy luận, người nào đó sở hữu ngôi nhà cũng không thực sự phiền lòng nếu tôi tùy tiện ngó nghiêng xung quanh, phải không nhỉ...? Khi tôi còn đang ngập ngừng cắn môi, một bầy sáo đá đập cánh bay lên từ cánh đồng ngay bên cạnh, tùm lại và nhảy lách chích trên ngôi nhà đá màu xám, rồi biến mất.

Đối với tôi, đó là yếu tố mang tính quyết định. Từ cách nhìn nhận của mẹ tôi, tôi cũng được thừa kế bản tính mê tín từ những tổ tiên Cornwall, và bầy chim sáo chính là điềm lành theo quan niệm của bản thân tôi. Từ thuở nhỏ, bất cứ khi nào tôi nhìn thấy một bầy chim sáo có nghĩa có chuyện gì đó rất tuyệt sắp xảy ra.

Anh Tom luôn cố gắng chỉ ra kẻ hờ trong niềm tin này bằng cách nhắc tôi nhớ chim sáo ở các đồng quê nước Anh không hề hiếm, và mối liên kết của chúng với hạnh phúc của tôi chỉ là một xác suất ngẫu nhiên quá lớn mà thôi. Tôi tiếp tục hoài nghi. Chỉ biết những chú chim sáo chưa bao giờ dẫn tôi nhầm lối, lúc này nhìn chúng quay trở lại và bay khỏi ngôi nhà, tôi đột ngột ra quyết định.

Tôi vò lấy chiếc áo choàng xanh lá bùng nhùng từ ghế bên cạnh và ra khỏi xe; thiếu chút nữa thật chân xuống rãnh trong trạng thái quá háo hức. Tôi phải thừa nhận kiểu ăn mặc của bản thân không hề phù hợp với chuyện thăm thú, khi kéo chiếc áo khoác trùm lên quần jean cùng chiếc áo nỉ xù lông - nhưng cũng chẳng ích gì. Tôi lùa bàn tay qua mái tóc trong cổ gắng đến tuyệt vọng làm mượt những lọn tóc ngắn bờm xờm, nhưng cơn gió ẩm ướt đang thổi đã phá hỏng mọi nỗ lực của tôi.

Giờ thì, tôi nghĩ, nên dùng lý do nào bây giờ? Lạc đường? Xin một ly nước? Hay xe gặp trục trặc? Tôi ngó lại chiếc Peugeot lồi lõm và méo mó rồi gật đầu. Hồng xe, tôi quyết định.

Ai cũng sẽ tin điều đó. Nhắm lại đoạn thoại của mình, tôi băng qua đường và bắt đầu đi lên lối xe rải sỏi. Một tấm biển rạn nứt và bạc thếp cùng dòng chữ “Đất tư” sơn đỏ phai màu ử rữ treo trên một chiếc đinh đóng trên cái cây gần đó. Một cách dũng cảm, tôi tiếp tục kiên trì, hy vọng những bước chân không tạo ra tiếng lạo xạo với những người trong nhà như với đôi tai của chính mình.

Ngôi nhà trông hết như những gì mà tôi ghi nhớ - mái ngói đỏ với những ống khói bằng đất nung; những khung cửa sổ trắng nằm cân xứng, bốn ô kính bên trên và bên dưới; những bức tường thô kệch dưới vòm đá đen dốc đứng. Thứ khác biệt duy nhất là cái cửa. Tôi luôn hình dung nó có màu nâu, nhưng lúc này tôi trông thấy màu xanh thẫm rõ ràng, tạo nên sự tương phản rõ nét với khung đá đồ sộ bao xung quanh.

Tiếng gõ cửa của tôi vọng lại nặng nề với âm thanh trầm đục và trống rỗng. Tôi gõ ba lần lên cánh cửa gỗ chắc nịch, trước khi phải thừa nhận sẽ chẳng có ai trả lời tiếng gọi cửa.

Có nghĩa là chẳng có ai ở nhà. Và, tôi hạnh phúc nghĩ thầm, bởi không có ai ở nhà, dẫn đến không một ai sẽ cảm thấy phiền hà nếu tôi vòng ra sau ngôi nhà và ngó qua vài ô cửa sổ. Có lý do hợp lý hóa cho hành động xâm phạm của bản thân, tôi quay trở lại con đường vào nhà và theo nó đi vòng đến phần phía bắc ngôi nhà.

Con đường đột ngột kết thúc trước một ngôi nhà to bè bằng đá thấp lè tè lợp mái tranh. Có thể đoán được nơi này từng là chuồng ngựa, nhưng phần thanh chắn của một chiếc xe nhô ra từ một trong các ngăn chuồng bên trái đã khẳng định chắc chắn chức năng hiện thời của nó.

Tầm nhìn từ chỗ tôi đứng, trải khắp vườn cây cùng thảm cỏ gợn sóng nhấp nhô, thi thoảng đan xen với những khóm cây xanh thẫm cùng bụi cây dại, thực sự rất đẹp. Không có hàng rào bao quanh, nhưng một chồng đá lộn xộn cách đó khoảng ba mươi mét đằng sau ngôi nhà trông như thể đã từng là một phần của bức tường phân cách. Và dù tôi đã tính cả trong đó ba cây sồi, một cây ăn quả, và vài đám cây bụi mọc phía trước, phần thực vật duy nhất đang vươn gần bức tường sau nhà là cây bạch dương lẻ loi có lớp vỏ sần sùi và những nhánh cây màu xanh bằng bạc run run trong gió.

Có thêm một cánh cửa màu xanh thẫm ở đây, với then cửa cổ xưa, cùng hai hàng cửa sổ sơn trắng khác. Bên dưới thứ tôi cho là cửa sổ bếp, ai đó đã đặt lên một chồng chậu hoa cũ, hai bên sườn đóng một lớp rêu dày vì lâu không được sử dụng. Tôi rướn chân và cúi người lại gần hơn, khum bàn tay lên lớp kính để che mắt trước ánh phản chiếu của mặt trời. Nó đã từng là cửa sổ bếp, hoặc phòng chứa thức ăn. Tôi vừa vặn có thể thấy một giá treo thực phẩm đóng hộp và bệ rửa bát bằng sứ cũ kỹ. Đang ngó nghiêng để nhìn rõ hơn thì giọng một người đàn ông đột ngột vang lên đằng sau tôi.

“Ông ấy không có nhà đâu.”

Một giọng nói thân thiện, với lối phát âm có chút không thuần Anh khó nghe, từ xa vọng lại. Nhưng tôi không nhận ra bất cứ dấu hiệu nào ngay lập tức. Tôi giật mình quay phắt lại, làm chồng chậu hoa rơi loảng xoảng xuống đất.

Ban đầu tôi không nhìn thấy ai, nhưng khi cứ đứng đó nhìn chằm chằm, dáng hình một người đàn ông dần tách ra khỏi bức tường đá đổ nát và băng qua bãi cỏ về phía tôi. Anh ta còn trẻ, có lẽ nhiều hơn tôi năm tuổi, mặc áo lao động bằng vải thô và đeo đôi găng tay dài bằng da kỳ quặc như thể có từ thời trung cổ và vô cùng bất hợp lý.

“Tôi không định khiến cô hoảng sợ”, anh ta xin lỗi. “Tôi tưởng cô đang tìm Eddie, ông ấy không có ở đây.”

Giờ anh ta đã đến khá gần, đủ gần để tôi có thể nhìn thấy mái tóc nâu vàng và cặp mắt màu xám tro, rõ ràng là người Scotland. Anh ta mỉm cười, nụ cười cũng thân thiện đi đôi cùng giọng nói.

“Cô là bạn của Eddie à?” Anh ta hỏi.

Tôi lắc đầu.

“Ra là họ hàng.”

“Không.” Cũng cố thêm lời thú nhận, mặt tôi thoáng đỏ. Tôi đã linh cảm câu chuyện bịa về chiếc xe hỏng của mình sẽ không qua được đôi mắt xám sắc sảo đó. “Không, tôi không quen chủ nhà. Liệu anh có biết khi nào ông ấy sẽ trở lại không?”

Người đàn ông nghiêng đầu sang một bên và nhìn tôi dò xét, phần nào khiến tôi nhớ đến anh trai mình.

“Tôi hy vọng là không”, anh ta đều giọng nói. “Chúng tôi mới chôn cất ông ấy tháng trước.”

“Ôi, tôi xin lỗi.” Sắc màu trên má tôi sậm hơn. “Tôi thực sự xin lỗi.”

“Không hại gì cả.” Anh ta nhún vai. “VẬY cô chỉ đang ngó nghiêng thôi, đúng không?”

Mặt tôi, lần này đã chuyển sang đỏ lừ, và tôi cứ có cảm giác sự bồn chồn rõ ràng của mình khiến anh ta thích thú. Phải mất một lúc toàn bộ tầm quan trọng trong điều anh ta vừa mới nói cuối cùng cũng lắng xuống trong tôi, và tôi đột ngột quên đi tình trạng bối rối của bản thân.

Tôi nhanh chóng ngược mắt lên. “Tức là ngôi nhà đang rao bán?”

“Phải. Nên cô muốn xem xét nó hả?”

“Tôi muốn mua nó. Tôi đã chờ để mua ngôi nhà này hai mươi lăm năm rồi.”

Người đàn ông nhướn một bên lông mày nâu đỏ, rồi tôi phát hiện ra không biết vì lý do ngớ ngẩn nào bản thân lại đang bập bẹ toàn bộ câu chuyện về “Ngôi nhà và tôi”, còn anh ta thì lắng nghe với sự kiên nhẫn rất đáng ngưỡng mộ. Tôi không tưởng tượng nổi anh ta thấy câu chuyện đáng thú vị ở chỗ nào. Khi tôi kết thúc bài tường thuật ngây ngô, tầm mắt anh ta đón ánh mắt tôi lần thứ hai, và vẻ tương đồng với anh trai tôi thậm chí còn rõ rệt nhiều hơn nữa.

“Hừm”, anh ta nghiêm nghị nói, “thế tốt nhất cô nên gặp ông Ridley ở đường Thượng. Tôi không mang chìa khóa theo, không thì tôi đã dẫn cô xem quanh đây rồi”. Anh ta cởi một chiếc găng và chìa tay ra bắt. “Nhân tiện, tôi là Iain Sumner.”

“Julia Beckett.” Tôi phải sửa lại biểu cảm khi nhìn thấy bàn tay anh ta, bởi anh ta lại mỉm cười lúc nhìn xuống những vết cứa nhỏ xíu trên làn da mình.

“Do bụi mâm xôi”, anh ta giải thích. “Tôi mà không tĩa bớt là chúng lại làm tắc nghẽn khu vườn của tôi. Không đau đâu”, anh ta vừa cam đoan vừa kéo lại găng tay. “Tốt hơn hết tôi nên quay lại làm việc. Chúc cô may mắn với ngôi nhà nhé.”

“Cảm ơn anh”, tôi nói, nhưng anh ta đã ra khỏi tầm nghe mất rồi.

Năm phút sau, tôi đang ngồi trong văn phòng của Ridley và Staward, những người môi giới bất động sản. Thú thực, tôi không nhớ được nhiều về chiều hôm đó. Tôi có chút ấn tượng không mấy rõ ràng về những lời dông dài của ông Ridley với các vấn đề luật pháp, chuyển nhượng và điều tra gì đó, nhưng tôi cũng không thực sự chú ý lắng nghe.

“Cô có chắc”, ông Ridley hỏi tôi, “rằng cô không muốn xem nhà trước không?”

“Tôi đã thấy nó rồi”, tôi đảm bảo với ông ta. Thành thực mà nói, những thủ tục thế này dường như không cần thiết. Nó, sau cùng, là nhà của tôi. Nhà của tôi. Tôi vẫn ôm nhận thức đó một cách mạnh mẽ, như đứa trẻ ôm món quà, khi gõ lên khung cửa nhà mục sư ở khu vực St. Stephen, Elderwel, Hampshire, chiều hôm đó.

“Chúc mừng em đi nào, mục sư.” Tôi cười rạng rỡ trước cái giật bắn mình trên gương mặt của anh tôi. “Trên thực tế, chúng ta đã trở thành hàng xóm. Em vừa mới mua một ngôi nhà ở Wiltshire.”

2. Chương 2

“Cái này để ở đâu vậy, thưa cô?”

Anh chàng phụ tá trẻ tóc vàng của đội vận chuyển nhắc bóng chiếc đi vắng dễ dàng như bẻ một món đồ chơi, và ngừng lại ở hành lang chờ tôi chỉ dẫn.

Tôi đang bận lục lọi trong đám hộp chứa vật dụng linh tinh, cố gắng định vị ấm pha trà cũ kỹ gắn bó lâu năm của mình trước khi chiếc ấm đun nước tôi mới bắc trên bếp lò sôi. Tôi lơ đãng liếc qua vai.

“Trong phòng ngủ của tôi”, tôi bảo anh ta. “Phòng đầu tiên bên tay phải của anh ngay trên tầng ấy. A, đây rồi!”

Tay tôi sờ ngay đường cong thân thuộc nơi tay cầm của ấm trà đúng lúc ấm nước sôi lên với một tiếng rít sắc nhọn. Ngắt van an toàn của bình ga, tôi xúc một ít lá trà sấy cho vào trong bình, châm ngập nước nóng và đặt lại bếp lò trong lúc chờ đợi.

“Thưa cô Beckett?” Là ông Owen, người quản lý đội vận chuyển, cùng một phụ tá khác đứng ở cửa sau. Gương mặt tròn tròn vui vẻ của ông ta hồng lên vì cố sức. “Chúng tôi đã đặt bàn bếp của cô ở đây. Mang nó vào từ phía sau có lẽ là tiện nhất - tôi không thích lưu lại dấu vết lên khung cửa gỗ ở sảnh trước.”

Tôi nhường đường cho họ, kéo một hay hai chiếc hộp trong cùng.

“Tôi vừa mới châm trà”, tôi nói, “nếu ông và người của ông muốn một tách. Ôi thôi chết”, tôi nhìn quanh, đột nhiên nhớ ra. “Tôi vẫn chưa dỡ chiếc tách nào ra hết.”

“Xin đừng ngại.” Ông Owen tử tế nháy mắt. “Tôi có sẵn một hộp cốc trong xe tải. Lúc nào tôi cũng chuẩn bị.”

Anh chàng phụ tá trẻ tóc vàng hoe quay trở lại, trông có vẻ lúng túng. “Cô có chắc ý cô là cánh cửa thứ nhất bên tay phải không, thưa cô? Nhìn nó không giống phòng ngủ bởi nó nhỏ khỉnh khỉnh và còn có một giá vẽ hoặc thứ gì đó bên trong.”

Tôi vỗ bàn tay lên trán và mỉm cười xin lỗi.

“Thứ lỗi cho tôi, ý tôi là cánh cửa thứ ba bên tay phải. Phòng ngủ lớn ở mặt phía bắc ngôi nhà.”

“Ồn rồi, thưa cô.” Gương mặt anh ta giãn ra, và anh ta biến mất lần nữa.

“Lúc nào cũng có một chút hoang mang, phải không?” Ông Owen đẩy chiếc bàn vào vị trí sát vách phòng cất thức ăn. “Chẳng mấy chốc cô sẽ sắp xếp mọi thứ đâu ra đấy thôi. Phải rồi, tôi nghĩ đồ đạc đều mang cả vào trong rồi đấy. Chỉ còn lại đồng hồ thôi. Vậy để tôi đi lấy cốc uống trà ngay nhé?”

Ông ta có một chút gì đó kỳ lạ, chắc chắn là người đàn ông ngăn nắp nhất tôi từng gặp, và rất xứng đáng với khoản tiền tôi định trả thêm cho những dịch vụ của ông ta. Khi mua ngôi nhà ba tuần trước, tôi không quá bận tâm đến chuyện chuyển đồ của mình từ Luân Đôn về Exbury. Nhưng ngay khi trở lại căn hộ của mình trên đường Bloomsbury và bắt đầu đóng gói, tôi mau chóng nhận ra cần phải nhờ đến một sự trợ giúp chuyên nghiệp. Ngoài nội thất phòng ngủ từ thời Victoria theo đúng ước nguyện của tôi - một tài sản thừa kế khác từ bác Helen - còn có nội thất phòng khách và đồ đạc bên trong bếp, tất cả dụng cụ vẽ, bảng vẽ, vài trăm cuốn sách tôi mang về từ các phiên đấu giá và những cửa hàng sách cũ trong suốt những năm ở Luân Đôn. Theo giới thiệu của một người bạn thân, tôi đã gọi cho ông Owen, và ông ấy đã nhận nhiệm vụ, chẳng khác một hiệp sĩ hiện đại đến giải cứu cho tôi là mấy.

Trong căn hộ của tôi, đồng hồ đựng đồ được đánh dấu và dán nhãn gọn gàng trông đồ sộ và hoành tráng bao nhiêu thì ở đây, trong căn nhà này, khó mà phát hiện ra chúng, khi chúng trở nên nhỏ nhoi trước tầm vóc tuyệt đối của kiến trúc cùng dãy phòng rộng lớn ngập ánh nắng. Tôi đã rất hài lòng khi phát hiện phần bên trong ngôi nhà cổ cũng quyến rũ đến từng phần nhỏ hệt như bên ngoài, và khá phù hợp với sở thích truyền thống của tôi.

Bước qua cửa chính thì sẽ vào sảnh lớn phía trước, cửa chính được ghép từ những tấm ván bằng gỗ sồi bóng loáng vô cùng lộng lẫy. “Thế kỷ mười bảy”, ông Owen liếc qua và tuyên bố, “và cực kỳ hảo hạng”. Thẳng về phía trước, một cầu thang từ gỗ sồi chắc nịch đặt ngay chính sảnh dốc lên vài bậc, ngừng tại một chiếu nghỉ vuông vức, rồi xoay một góc chín mươi độ đột ngột ngoặt sang bên trái và tiếp tục hành trình lên tầng trên. Những cánh cửa dẫn đến phòng khách và phòng đọc mở lối tương ứng hai bên trái phải phía sau sảnh, trong khi mé phải của cầu thang là một hành lang thông đến bếp. Phòng ăn, bếp và phòng để chén đĩa kiểu cũ choán hết nửa phần sau của tầng trệt, từ những khung cửa sổ lớn ngập sáng có thể nhìn bao quát đồng cỏ xanh um rải rác những đóa hoa dại chớm nở của mùa xuân.

Có bốn phòng ngủ ở trên tầng. Một phòng lớn, có chiều dài chạy khắp mặt bắc của ngôi nhà bên trên phòng đọc và phòng để chén đĩa, hiển nhiên sẽ được lựa chọn làm phòng ngủ của tôi. Nó thậm chí còn được thiết kế lò sưởi riêng, cùng với một tủ búp phê cỡ đại nấu trong không gian bên dưới những bậc thang lên gác mái. Tôi chọn phòng ngủ nhỏ phía sau làm xưởng vẽ, và bằng lòng để hai phòng phía trước bỏ không trong một khoảng thời gian, dùng làm khu vực nhà kho cho đến khi tôi hoàn toàn ổn định. Giữa xưởng vẽ và phòng ngủ, một khoảng không khá rộng, là một phòng tắm đầy đủ tiện nghi - khá sang trọng so với một ngôi nhà cổ.

Đương nhiên vẫn có vài chỗ rạn và kêu cọt kẹt, vài phản đối từ đám ống nước, cũng như sự ẩm ướt đã bóp vụn lớp vữa trát quanh những khung cửa sổ ở tầng trên, nhưng không có gì không thể đặt về đúng chỗ, một cách kịp thời.

“Ngôi nhà cổ cô mua đáng yêu thật đấy”, ông Owen nói, như đang thừa nhận với những suy nghĩ của riêng tôi khi ông ta ngồi lên chông thùng đựng đồ bên cạnh và đưa cho tôi một chiếc cốc nhựa. “Cô nói nó được xây vào khoảng năm 1580 phải không?”

“Đấy là điều mà người môi giới bất động sản đã nói với tôi.” Tôi gật đầu, rót trà đặc cho người vận chuyển và hai phụ tá đang toát mồ hôi của ông ta, rồi an vị lên chỗ ngồi tạm thời để tận hưởng cốc trà nghi ngút khói của mình. “Tôi e mình không biết nhiều lắm về lịch sử ngôi nhà.”

“Ồ, dân làng rồi sẽ bổ sung chỗ khuyết ấy cho cô thôi”, ông Owen tỉnh tường phát biểu. “Những ngôi nhà cổ như thế này luôn có quá khứ. Phần lớn trong số đó đều vô cùng thú vị. Từ người dân địa phương, cô sẽ biết vô khối chuyện hơn bất cứ cuốn sách lịch sử nào.”

“Tôi sẽ ghi nhớ điều đó.”

Hai người đàn ông trẻ hơn lễ phép thưởng thức trà trong im lặng, kiên nhẫn chờ ông Owen kết thúc cuộc nói chuyện và ra dấu cho họ trở lại công việc. Cuối cùng, sau tách trà thứ hai, ông ta đứng dậy. Ngay lúc đó, một tiếng sập khùng khiếp dội vào sảnh trước, làm tôi nhảy dựng khỏi chỗ.

“Chỉ là cửa trước thôi, thưa cô”, một trong hai nhân viên vận chuyển trẻ tuổi giải thích. “Các bản lề bị cong vào trong, cô thấy đấy, còn then cài cũng không mấy chắc chắn. Gió mạnh một cái cũng bật tung cả cửa.”

Ông Owen nhanh chóng kiểm tra cánh cửa, lắp thêm lớp bảo vệ cho tay cầm bên trong để tránh gây thiệt hại nhiều hơn cho bức tường ốp gỗ đằng sau, và đề nghị tôi mua một ổ khóa mới càng sớm càng tốt. “Cẩn thận chẳng bao giờ thừa đâu”, đó là lời khuyên chân thành như người cha dành cho con gái của ông.

Chưa đầy một giờ, ba người đàn ông đã hoàn thành công việc tháo dỡ và sắp xếp phần còn lại trong đồng đồ đạc của tôi, và vào lúc hai rưỡi, tôi đã đứng ngay ngưỡng cửa, vẫy chào lần cuối với chiếc xe tải đang khuất dần và có cảm giác, lần đầu tiên trong đời, vô cùng bấp bênh với chính bản thân mình. Và cực kỳ đơn độc.

Cảm giác lớn lao từ những gì vừa làm đột ngột đánh vào tôi, với cường độ ngay cả toàn bộ chủ nghĩa hoài nghi của anh trai lẫn những bài diễn thuyết nhẹ nhàng hơn trên điện thoại của cha mẹ tôi cũng khó có thể đạt được.

Tôi đã tuyên bố có thể thoải mái làm việc khi ở Exbury cũng như khi ở Luân Đôn. Trên thực tế, rõ ràng tôi còn có thể có nhiều cảm hứng hơn khi ở Exbury, tránh xa những xao nhãng mà thành phố mang lại cho tôi. Và sau cùng, mua nhà nghe có vẻ mang tính chất đầu tư. Còn sự thực, việc này thay đổi từ môi trường thân thuộc và sự quây quần của những người bạn quen biết từ lâu sang một cộng đồng những người xa lạ chưa bao giờ có vẻ quá quan trọng với tôi. Cho đến giờ phút này. Tôi có cảm giác nhói đau một chút với khao khát khi nghĩ tới căn hộ ở tầng ba, và bà hàng xóm Angie, ở dọc hành lang, người luôn sống lệ thuộc vào tách cà phê và những câu chuyện buồn đùa lúc ban chiều.

Dù vậy nỗi khao khát ấy cũng nhòe đi trong thoáng chốc, khi tôi từ sảnh quay vào phòng đọc. Đó là một căn phòng yên tĩnh đáng yêu, với những bức tường ốp gỗ tối màu, những hàng giá sách trống thoáng mùi dầu chanh, và lò sưởi trông vô cùng ấm áp tương tự như chiếc lò trong phòng ngủ trên tầng của tôi. Lúc rạng sáng, ánh mặt trời chiếu qua khung cửa sổ thiếu rèm, trải rộng, xiên những đường chiếu vuông vức trên lớp da nâu bọc chiếc sofa cũ của tôi. Giờ ánh nắng chao nghiêng, và lò mờ yên ả. Ngoài chiếc sofa, những vật dụng duy nhất còn lại được tôi thêm vào căn phòng là chiếc ghế bành tương xứng đặt trước

lò sưởi và một bộ bàn viết cùng ghế đơn giản làm từ gỗ cây óc chó. Giờ phút này, chúng đang bị chôn vùi bên dưới các thùng đựng sách và giấy tờ chuyển đến cùng với tôi.

Ý tưởng bắt đầu dỡ đồ của mình ở đây thật cảm dỗ, nhưng từ kinh nghiệm, tôi thừa biết rằng sự xao nhãng mà việc đó gây ra nhỏ đến mức nào. Một cuốn sách cũ yêu thích mà tôi hân hoan tìm thấy giữa một thùng đồ, sẽ đồng nghĩa với việc tiêu tốn phần còn lại của buổi chiều trong sự lãng quên, vô bổ và niềm hạnh phúc của tôi. Tốt nhất nên dọn phòng đọc cuối cùng, tôi kết luận, và bắt đầu ở một nơi hợp lý và thực tế nhất - phòng bếp.

Tôi miễn cưỡng đóng cửa phòng đọc và rút lui ra phía sau ngôi nhà, vài giờ tới, tôi sẽ tấn công các hộp đồ đóng gói ở đó với sự hăng hái phải khiến mẹ tôi tự hào. Sau cùng, công việc nặng nhọc cũng bỏ tôi lại với lớp bụi dày bao quanh, và ước ao - giống như chú chuột chũi trong câu chuyện thiếu nhi yêu thích của tôi - hít thở bầu không khí mát lạnh của mùa xuân.

Với tính bốc đồng của chú chuột chũi, tôi kéo rộng cánh cửa sau nhà và thơ thẩn bước ra ngoài, đón chào cơn gió nhẹ nô đùa trên làn da và thổi những lọn tóc lòa xòa trên vầng trán mướt mồ hôi của mình. Tôi chùi hai lòng bàn tay lên quần để lau phần cấu bẩn cứng đầu nhất, và đứng chống tay trong chốc lát, tận hưởng cảm giác tự do vô cùng xứng đáng.

Ánh mắt tôi lướt trên chồng đá ngổn ngang, nơi Iain Sumner đã từng đứng cái ngày tôi mua ngôi nhà, và tôi thích thú rẽ về hướng ấy.

Nó cách ngôi nhà khoảng hơn hai mươi bảy mét, ngay bên ngoài ranh giới đất nhà tôi, mặc dù không giống với một phần của hàng rào, nó cũng toát lên vẻ cân xứng để có thể trở thành một bức tường tự nhiên. Khi tiến lại gần hơn, tôi thấy những khối đá được xếp thành hình chữ L, mạn dài hơn của chữ L chạy song song với tường sau nhà tôi. Tại những vị trí đó, bức tường không thấp hơn chiều cao một mét sáu của tôi, và trong góc khuất của chữ L, ai đó đã cẩn thận xới đất để làm thành một khu vườn. Lớp đất đen được lên luống gọn gàng và mới bón phân, đã sẵn sàng để gieo trồng.

“Vây là cô đã mua nó.”

Lần thứ hai tôi nhảy dựng lên và quay phắt lại, trước âm thanh từ giọng nói của Iain Sumner. Anh ta không phải người nhỏ bé gì cho cam và cái cách anh ta băng qua bãi cỏ mà tôi không hề hay biết thì thật sự quá kỳ quái. Nhanh chóng lấy lại bình tĩnh, tôi có thể chào đón anh ta bằng nụ cười rạng rỡ nhất của mình. Anh ta mặc một chiếc áo len xù xì màu nâu cùng chiếc quần lao động và đội một chiếc mũ nâu có vành lấm tấm bẩn. Anh ta kéo ngược chiếc mũ ra sau đầu và đôi mắt xám đáp lại nụ cười của tôi.

“Cô đã mua ngôi nhà”, anh ta lặp lại.

Đó là một lời tuyên bố, không phải câu hỏi, nhưng dù sao tôi vẫn trả lời. “Vâng.”

“Mấy tuần vừa rồi cô đã trở thành chủ đề bàn tán của cả dân làng, tôi tốt hơn hết nên cảnh báo cô, vì ông Ridley đã tiết lộ cô là họa sĩ đến từ Luân Đôn, nên tất cả mọi người đều rất tò mò. Nếu không có vài người bạn bắt hảo và buông thả để mời xuống chơi cuối tuần, tốt nhất cô nên kết bạn ngay đi, không thì cả làng sẽ thất vọng mất.”

Tôi bật cười. “Tôi e họ sẽ thấy tôi vô cùng nhàm chán. Và tôi không có người bạn buông thả nào cả.”

“Không một người họ hàng bắt hảo?”

“Tất cả đều đã chuyển đến New Zealand rồi. Giờ cha mẹ tôi cũng đang ở đó, thế nên thực tế trong tương lai gần chỉ có mỗi mình anh tôi có thể ghé qua thôi”, tôi giải bày. “Và anh ấy là mục sư.”

“À. Thế”, anh ta chấp nhận thông tin một cách nhả nhặn, nghiêng đầu sang một bên. “Cô thấy khu vườn của tôi thế nào?”

“Rất đẹp”, tôi thành thật nói. “Hóa ra đây là đất của anh?”

“Không.” Anh ta lắc đầu. “Nó thuộc về một người bạn của tôi. Tôi chỉ giúp cậu ta thôi. Chỉ còn chút không gian cho vài loại hoa, không nhiều lắm.”

“Và bụi mâm xôi”, tôi thêm vào, nhớ về đôi tay của anh ta.

“Phải.” Anh ta nhe răng cười rầu rĩ. “Và bụi mâm xôi. Đồng hành với nghề làm vườn, thế đấy.”

Tôi vươn bàn tay chạm vào bức tượng đá, rất thích cảm giác bề mặt ram ráp ấm lên trong ánh mặt trời bên dưới những ngón tay.

“Trước đây nơi này là gì vậy?” Tôi hỏi anh ta.

“Từng là chuồng bồ câu, người ta kể với tôi thế, để nhốt những chú chim bồ câu. Giờ không còn lại nhiều lắm.”

“Nó lâu đời lắm phải không?”

“Cũng như ngôi nhà, tôi tin vậy. Có khi còn cổ hơn.”

“Vậy những người sống ở đây ban đầu là nông dân chăng?”

“Rất có thể là những người nông dân thuê đất.” Anh ta nhún vai. “Nơi cô đang đứng là đất thuộc trang viên, luôn luôn là vậy theo những gì tôi được biết.”

“Tôi có hứng thú với các ngôi nhà cổ”, tôi thú nhận, bàn tay vẫn lơ đãng vuốt ve phiến đá bạc màu, “nhất là ngôi nhà này. Tôi rất muốn được hiểu thêm về lịch sử của nó.”

“À”, anh ta đập hai tay vào nhau và nói, “vậy thì cô nói chuyện với nhằm người rồi. Tôi sống ở đây chưa được năm năm. Vivien mới là người cô nên trò chuyện”.

“Vivien?”

“Phải.” Đôi mắt anh ta dịu đi. “Vivien Well, ở quán Sứ Tử Đỏ. Cô ấy là cuốn sách bách khoa toàn thư chính cống di động. Nếu như có điều gì cô ấy không biết, tức là điều ấy không đáng bận tâm.”

Tôi không thực sự lắng nghe, bởi khi ngẩng đầu lên thì toàn bộ chú ý của tôi đã bị một người cưỡi ngựa đơn độc xuất hiện từ xa ngay sau vai Iain Sumner nắm giữ. Người đó đang đứng dưới bóng một cây sồi, dõi theo chúng tôi. Chú ngựa có màu xám, to lớn và đầy sức mạnh, còn người cưỡi ngựa là một người đàn ông mặc quần áo màu đen, nhưng cách quá xa để tôi có thể nhìn thấy rõ ràng.

Iain Sumner nhíu mắt. “Có gì không ổn sao?”

“Gì cơ?” Tôi mang ánh mắt hối lỗi trở lại nhìn anh ta. “Xin lỗi. Không, tôi chỉ đang nhìn người đàn ông kia thôi.”

“Người đàn ông nào?”

“Người đàn ông trên lưng ngựa, đằng sau anh”, tôi vừa nói vừa chỉ.

Anh ta quay lại, nhưng bóng râm bên dưới cây sồi trống trải.

Tôi lắc đầu. “Anh ta đi mất rồi. Một người to lớn, cưỡi ngựa xám.”

“Có thể là Geoff”, Iain chậm rãi nói. “Đấy vẫn thuộc đất trang viên. Dù tôi không biết cậu ta có con ngựa xám nào trong chuồng ngựa không.”

“Không quan trọng đâu”, tôi bảo anh ta.

“Có lẽ không.” Anh ta mỉm cười. “Tôi tốt hơn hết không nên quấy rầy cô nữa. Tôi quay lại với cái mai của mình đây.”

Anh ta tìm được món dụng cụ bị bỏ quên trong góc tường và chúc tôi buổi chiều tốt lành, rồi kéo chiếc mũ sụp che đi đôi mắt và vừa sải bước xuống con đường vừa huýt sáo.

Sau khi nhìn quanh lần cuối, tôi trở lại ngôi nhà, nơi không còn khả năng nắm giữ nguồn nhiệt huyết trước đó nữa, tôi lơ quyết định ban đầu đi và lưu mình trong phòng đọc. Sau khi dỡ gần hai thùng sách, tôi tình cờ chạm phải bản in Đá Mặt Trăng góc của Wilkie Collins. Qua nửa đêm, tôi cuối cùng mới lết được lên tầng để tắm rửa rồi rã rời ngủ thiếp đi, với bóng cây bạch dương vắt ngang giường ngủ như một người bảo vệ.

3. Chương 3

Không khó khăn để xác định vị trí của Vivien Wells trong quầy bar của quán Sư Tử Đỏ chiều hôm sau. Đây chính là quán rượu Tommy và tôi đã dừng lại để hỏi đường nhiều năm trước. Những thanh rầm từ vương triều Tudor[1] cùng lớp vữa trát dưới mái lợp tranh mới trông sạch sẽ hơn những gì tôi còn nhớ. Bên trong, khu vực quầy bar chính có trần thấp hơn và có vẻ ẩm cứng, có lẽ hơi cũ kỹ nhưng thoải mái, nền nhà cũ được phủ một tấm thảm mòn vẹt như hút hết âm thanh trò chuyện.

[1] Vương triều trị vì nước Anh từ năm 1485 đến 1603.

Trừ một nhóm vài người đàn ông luống tuổi tụ lại quanh một bàn trong góc, tôi là khách hàng duy nhất còn lại tận hưởng bầu không khí thân thiện của quán rượu vào giờ này trong ngày. Và trong hai người đứng quầy, chỉ có một người là phụ nữ.

Vivien Wells cao và trông rất khỏe mạnh, cũng trạc tuổi tôi, với mái tóc dài màu mật ong, đôi mắt xanh dương chân thành và nụ cười thoáng hiện lúm đồng tiền. Vừa nhìn, tôi đã thấy thích cô ấy rồi.

Cô ấy đẩy một ly Gin Tonic[2] qua quầy về phía tôi và chống hai khuỷu tay lên mặt gỗ sứt sẹo, nghiêng đầu đánh giá.

[2] Một loại cocktail.

“Iain nói cô rất đẹp”, cô ấy nhận xét không hề ác tâm, làm tôi ngưng ngừng trở mình trên ghế.

“Anh ấy bảo cô là một cuốn bách khoa toàn thư”, tôi mở lời khiến cô ấy bật cười thích thú.

“Vây là ca ngợi rồi. Công cuộc thưởng thức Đàn Cừ Xám của cô thế nào rồi?”

Tôi nhướn mày. “Gì cơ?”

“Nhà của cô”, cô ấy nói thêm. “Đấy là tên của nó.”

“Tôi tưởng tên nó là Mạn Sông. Rõ ràng đấy là tên trên giấy tờ chuyển nhượng mà?”

“Đó là tên Eddie đặt”, cô ấy bảo tôi. “Người chủ sau cùng. Ông ấy nghĩ tên đó nghe hay hơn, mặc cho sự thật hiển nhiên là chúng tôi chẳng có mạn sông nào mấy dặm quanh đây cả. Nó đơn giản chỉ là Đàn Cừ Xám từ khi tôi lớn lên thôi, và tất cả mọi người vẫn gọi nó thế.”

“Đàn Cừ Xám.” Tôi cố thử cảm giác của cái tên trên đầu lưỡi. “Nghe cũng rất lãng mạn.”

“Thực sự không thú vị đâu.” Vivien Wells mỉm cười với tôi. “Đó chỉ là tên từ xưa của thứ đá người ta dùng để xây dựng ở đây thôi. Đá sa thạch. Cô biết đấy, giống như loại ở Stonehenge[3]. Từng có hàng trăm khối nằm nghiêng ngả khắp các cánh đồng và những người thợ xây chỉ cần lấy phiên đá họ muốn.”

[3] Công trình đá kỳ bí từ thời tiền sử của Anh, đến giờ vẫn còn là một thách thức với các nhà khoa học.

“Ồ.”

“Theo Iain kể thì cô đã để mắt đến nó từ trước rồi phải không?”

Tôi gật đầu, tự hỏi anh ta đã kể bao nhiêu phần câu chuyện ngu ngốc của tôi với cô ấy. Không nhiều lắm, tôi đánh cuộc, khi nhớ đến đôi mắt đá xám và điềm tĩnh đó. Với tôi, Iain Sumner không gây ấn tượng là kiểu người thích đưa chuyện.

“Tôi đã nhìn thấy nó vài năm trước, và bắt đầu phải lòng nó”, tôi giải thích. “Vận may kỳ diệu đã đến khi nó được rao bán. Và ở mức giá tôi có thể chi trả.” Gần chi trả được thôi, tôi tự sửa lại với bản thân, khi nghĩ về tài khoản tiết kiệm bị tước đoạt của mình.

“Ừm”, Vivien nhắc một chiếc ly lên và bắt đầu lau chùi thành thạo. “trong khu vực này, nhu cầu mua nhà không nhiều lắm. Chúng tôi chỉ có vài trang trại cùng nửa tá các cửa hàng - giờ hầu như chỉ toàn người nghỉ hưu sống ở đây. Tôi e cô sẽ thấy chúng tôi buồn tẻ chết người so với Luân Đôn”.

“Luân Đôn được đánh giá quá cao thôi”, tôi nói, nhưng tôi biết chắc Vivien Wells đã biết điều đó. “Hơn nữa, tôi cần một nơi yên tĩnh để tập trung làm việc.”

“Đương nhiên rồi.” Cô ấy nhắc một chiếc ly khác và tiếp tục lau chùi. “Cô là họa sĩ, đúng không? Cô vẽ tranh gì?”

“Màu nước”, tôi đáp. “Thực ra tôi vẽ tranh minh họa. Tôi vẽ cho các cuốn sách.”

“Thật sao? Có quyền nào tôi biết không?”

“Không, trừ khi cô đọc sách thiếu nhi. Tôi đã thực hiện bộ Llandrah với Bridget Cooper vài năm trước.”

“Là cô? Tôi có cô cháu gái sáu tuổi cực kỳ thích những câu chuyện đó. Chà, chà.” Vivien nhướn cả hàng lông mày vì bị ấn tượng. “Cô không ngại nếu tôi lan rộng tin này chứ? Nó sẽ khiến người làng an tâm đôi chút. Họ lo cô có thể là một nhà điều khắc trường phái đương đại. Cô biết đấy, những tảng đá lớn cùng kim loại méo mó, đại loại thế.”

Tôi mỉm cười lắc đầu. “Không, tôi không ngại đâu.”

“Tôi không nghĩ họ sẽ... Đợi đã, cô thứ lỗi cho tôi một chút nhé?”

Những tiếng gọi từ nhóm người sôi nổi tại chiếc bàn trong góc thu hút sự chú ý của Vivien, trong khi cô ấy tham gia với họ, tôi uống một ngụm Gin Tonic nữa và hơi xoay người sang một vị trí khác thoải mái hơn trên chiếc ghế bằng gỗ cứng.

Tôi không ngủ ngon đêm hôm trước. Trong khi cơ thể mệt mỏi rã rời, đôi tai tôi vẫn tiếp tục tỉnh táo và nhạy cảm với từng âm thanh bất thường trong căn nhà trống vắng: từng tiếng kéo kẹt của chiếc cầu thang lên gác mái cạnh phòng ngủ, từng giọt nước nhỏ tí tách trong phòng tắm, từng chuyển động của nhánh cây quét qua mái ngói trên không. Tôi cứ thế chấp chờn ngủ, và tỉnh giấc vì căn cà phê sáng hơn lúc thường.

Dù sao tôi đã cố gắng mở hầu hết những chiếc thùng trong phòng đọc trước khi được nghỉ ngơi và đi bộ một đoạn vào thị trấn.

Quán Sư Tử Đỏ nằm trên con đường Thượng của Exbury cùng một ít các cửa hàng và văn phòng, một dãy các ngôi nhà nông thôn sau thời chiến, một vài ngôi nhà cổ lui về phía sau con đường và được che chắn khỏi những cơn mưa tò mò nhờ bức tường đá thấp cùng cánh cổng sắt chạm trổ hoa văn. Bản thân con đường đã được lát cẩn thận, nhưng ở phần phía tây của nó, lối đi bộ cũ kỹ rải sỏi hầu như không được đụng đến, thêm vào sự quyến rũ riêng biệt cho ngôi làng. Tôi thích thú chú ý, còn có một cánh cổng gỗ theo kiểu cổ, cùng những băng ghế dài và mái che, phải thừa nhận rằng chính chúng đã khiến tôi để ý đến nhà thờ nơi có một gác chuông khó lòng trông thấy từ bên dưới tấm bình phong của hàng cây đang đâm chồi nảy lộc.

Tôi lười nhác tự hỏi không biết nhà thờ này bao nhiêu tuổi, và hẳn đã nói to câu hỏi đó, bởi Vivien Wells đã trả lời tôi, khi trở về vị trí của mình sau quầy bar. “Thực ra nhiều phần của nó do người Saxon xây dựng, dù đến thế kỷ XV nó mới được hoàn thiện.” Cô ấy ném ánh mắt thân thiện về phía chiếc ly của tôi. “Cô có muốn thêm ly nữa không?”

“Chỉ thêm một chút thôi”, tôi thú nhận, đẩy chiếc ly về phía Vivien. “Cô thực sự là nhà sử học địa phương đấy.”

Vivien mỉm cười. “Tôi rất thích môn lịch sử”, cô ấy nói, “và tôi cũng có một người bà ưa nói chuyện nữa. Iain bảo cô đang tìm kiếm thông tin về ngôi nhà, phải vậy không? Tôi e mình cũng không biết nhiều về nó đâu. Dĩ tôi chắc chắn sẽ biết nhiều hơn. Theo những gì tôi nhớ thì nhà Randall đã sống ở đó từ rất lâu rồi, và họ không phải những người lý thú cho lắm. Dù vậy, tôi có thể tìm hiểu vài thứ cho cô. Bối thực tế...”

Cô ấy quay sang nhìn người đồng nghiệp đang ngồi ườn ở tít cuối quầy đọc một tờ báo hằng ngày và hút một điếu thuốc lá.

“Ned ơi”, cô ấy gọi anh ta, “cha anh đã từng làm việc ở Đan Cừ Xám khi ông Randall làm chủ, phải không?”

Ned ngược mắt khỏi tờ báo, thoáng nhìn về phía chúng tôi và mỉm cười với Vivien, rồi gọi qua vai, “Cha ơi”.

Một trong số những người đàn ông lớn tuổi ngồi ở chiếc bàn trong góc ngẩng đầu đáp lại. “Sao?”

“Viv có chuyện muốn hỏi”.

Cha của Ned chống người rồi lão đảo tiến về quầy bar. Người đàn ông giới thiệu với tôi tên là Jerry Walsh, thợ hàn về hưu. Phải, ông nói với Vivien, ông từng làm vài việc cho ông già Bill Randall.

“Ông ta muốn sửa phòng tắm cho hiện đại hơn”, ông nói. “Thay mới toàn bộ ống nước và tất cả những thứ khác. Cô sẽ không bao giờ cần lo về đám ống nước đâu, cô gái ạ”, ông tự hào thêm vào khi vỗ ngực. “Ta mà đã làm thì đâu ra đây. Chứ không như đám nhóc bây giờ.”

Tôi chọn cách không đề cập đến vôi nước nhỏ giọt cũng như lớp nước màu nâu tồi tệ xối ra lần đầu tiên khi vặn vôi. “Bác không nhớ nhà Randall đã mua ngôi nhà từ ai sao, Jerry?” Vivien hỏi.

Ông nhú mày. “Tôi không chắc... họ đã mua nó ngay sau cuộc chiến Thế giới lần thứ nhất, tôi nghĩ vậy. Trước đó có vẻ một tay quân nhân đã sở hữu nó. Anh Art nhà tôi có khi sẽ nhớ đấy... Arthur à!” Ông gọi một người đàn ông khác đang ngồi ở chiếc bàn trong góc.

Trong vòng mười phút, tôi bị vây quanh bởi tất thảy bảy người, bị áp đảo trong sự thân thiện và háo hức muốn giúp đỡ của họ. Lần ngược về trước, với một loạt các tranh luận, họ xác định Eddie Randall đã thừa kế ngôi nhà từ người cha tên William của ông ấy vào đầu thập niên năm mươi. William đã mua ngôi nhà vào năm 1921 từ một đại úy nào đó, nghe đồn ông ta có hai cô con gái vô cùng xinh đẹp. Ngoài những điều đó ra, không ai hoàn toàn dám chắc, dù cố gắng mấy họ cũng không thể nhớ thêm bất cứ tình tiết thú vị nào về lịch sử ngôi nhà của tôi.

“Ngoại trừ hồn ma”, một người đàn ông đánh bạo phát biểu.

“Hồn ma ạ?” Tôi lặp lại theo.

Vivien mỉm cười. “Tôi quên mất đấy”, cô nói.

“Nhiều năm rồi người ta không trông thấy cô ấy”, Jerry Walsh đảm bảo với tôi.

“Đúng rồi, giờ cũng phải ba mươi năm còn gì”, anh trai của ông chen ngang. “Thiếu Phụ Xanh phải không?” Những người khác gật đầu và ông tiếp tục. “Tôi chưa nhìn thấy cô ấy bao giờ, nhưng rất nhiều người đã thấy rồi. Chỉ là một cô gái trẻ, mặc chiếc váy màu xanh lá cây. Thường xuất hiện trong khu vườn lúc trời nhá nhem.”

“Tôi đã thấy cô ấy một lần”, một người đàn ông lần đầu tiên đột ngột lên tiếng. “Làm tôi sợ chết khiếp. Cô ấy chỉ đứng đó, nhìn xuyên qua tôi với đôi mắt u hoài...”

“Không phải hồn ma gây hại”, Jerry Walsh ngắt lời, hướng ánh mắt trách cứ về phía người đàn ông nhỏ bé. “Cô ấy chẳng làm hại ai cả. Chỉ đôi khi đứng trong vườn thôi.”

Thế là ngay cả những hồn ma ở Đàn Cừu Xám cũng buồn tẻ, tôi tự nhủ. Không có tiếng xích va loảng xoảng, không có những tiếng rú tang tóc giữa đêm...

“Không giống mấy hồn ma trên lâu đài, mấy ông nhỉ?” Nụ cười toe toét của Arthur Walsh khoe cả hàng răng đen xỉn vì nicotine. “Giờ thì có rất nhiều nhân vật sống động cho cô rồi nhé. Tôi chưa bao giờ thực sự nhìn thấy hồn ma nào trong số họ, nhưng nghe người ta nói...”

“Thôi đủ rồi”, Vivien chặn ngang, giọng nói hiền hòa. “Các bác đang thấy ác mộng cho cô gái này đấy.”

“Ôi, không sao đâu ạ.” Tôi mỉm cười. “Cháu rất thích nghe chuyện ma. Lâu đài ở đâu thế ạ?”

Một trong số những người đàn ông chìa ngón cái qua vai. “Lâu đài Crofton”, ông ta nói. “Tòa trang viên cổ đấy ở ngay mặt bên kia của nhà thờ. Cô chưa lên đó bao giờ à?”

Tôi phải thừa nhận mình chưa đánh bạo đi đâu xa hơn khu văn phòng đại lý nhà đất, nằm ngay phía đối diện của quán Sư Tử Đỏ trên đường Thượng. Vài hàng lông mày nhướn cao giữa một đàn hợp xướng la hét không tin.

“Cô phải thăm thú lâu đài...”

“...được đề cập trong ba cuốn sách hướng dẫn du lịch, nó...”

“...chắc chắn cậu chàng Geoff sẽ vui vẻ dẫn cô đi một vòng. Dù sao thì đa phần lâu đài đều mở cửa cho khách tham quan. Cậu ta chỉ giữ riêng mạn phía nam để sử dụng thôi.”

Tôi đầu hàng trước những lời phản đối. “VẬY cháu sẽ làm một chuyến thăm thú, khi sắp xếp xong đồ đạc trong nhà.”

Được xoa dịu phần nào, những người đàn ông bắt đầu chuyện trò sôi nổi liên quan đến chủ đề chuyển nhà, điều tôi hứng thú cao độ mặc cho sự thật tôi hầu như không góp nổi một từ.

Vào bốn giờ kém mười, tất cả bảy người bọn họ đồng loạt đứng dậy, lịch sự chúc tôi một ngày tốt lành và nói đuôi nhau ra khỏi cửa. Vivien Wells mỉm cười đón ánh mắt thắc mắc của tôi.

“Giờ uống trà”, cô giải thích. “Thời điểm họ cập nhật những tin đồn từ các bà vợ. Dù hôm nay tôi nghĩ những người đàn ông sẽ nói nhiều hơn.”

“Ý cô là gì?”

“Ý tôi là họ sẽ kể chuyện về cô.” Cô ấy cười toe toét. “Cô sẽ có rất nhiều điều phải học về cuộc sống ở làng quê, cô biết đấy. Chuyện hắt hơi một cái ở đây mà hàng xóm không nhảy ra nói một câu ‘Chúa phù hộ’ khó xảy ra lắm.”

“Tôi đảm bảo sẽ thích nghi được thôi.”

Cô ấy gật đầu. “Tôi không nghi ngờ điều ấy. Thực tế, cô có vẻ đã gặt hái tương đối thành công trong ngày hôm nay. Cô cứ đợi mà xem - ngày mai thôi, cô sẽ có cả hàng dài các vị khách ghé thăm ngôi nhà, với các đĩa bánh ngọt và chậu hoa phong lữ, đến để xem cô thu xếp ra sao.”

“Tôi sẽ lau chùi bộ ấm pha trà bằng bạc”. tôi hứa. “Thực tế, tôi có thể nhờ vả luôn các vị khách vào ngày mai. Tôi đang có kế hoạch xoay vài món đồ trong phòng khác, và rất có thể sẽ có thêm vài đôi tay giúp đỡ nữa.”

Vivien bật cười. “Cô cần giúp đỡ thật ấY hả?” Cô ấy hỏi. “Bởi tôi chắc chắn Iain sẽ vui vẻ giúp một tay.”

“Trời ơi, không”, tôi nói, giơ tay lên phản đối. “Tôi chỉ nói đùa thôi.” Một ý nghĩ đột nhiên nảy đến. “Dù sao thì công việc của Iain Sumner là gì vậy? Anh ấy có phải thợ làm vườn không?”

“Nông dân”, cô ấy sửa lại. “Anh ấy nuôi cừu. Có cả một vườn táo nhỏ nữa, nhưng phần lớn là do sở thích.”

“Ồ”, tôi thốt lên.

“Đương nhiên anh ấy rất có khiếu với những khu vườn”, cô ấy tiếp tục. “Anh ấy tốn rất nhiều thời gian để giúp Geoff cải tạo khu vườn ở lâu đài đón khách tham quan, trước khi nó được mở cửa, cha Geoff đã để nơi đó xuống cấp một chút, mặt đất là một đồng hỗn độn kinh khủng. Giờ nó đã có một người làm vườn toàn thời gian rồi. Khu vườn hoa hồng đáng yêu của họ - cô thực sự phải đến thăm nó vào mùa hè.”

“Chắc rồi”, tôi nói. “Sau cùng, chúng tôi là hàng xóm, không phải sao? Nhà của tôi ngay đằng sau đất trang viên, theo những gì tôi nghe nói.”

“Đúng vậy. Cô sẽ thích Geoff. Anh ấy là quý tộc chính cống đấy - gia đình anh ấy đến đây cùng Quân Xâm Chiếm[4] - nhưng anh ấy là người thực tế và vui tính cực kỳ. Nhân tiện nhắc đến, anh ấy có thể kể cho cô nghe điều gì đó về Đàn Cừu Xám. Anh ấy quần thảo rất nhiều sách về lịch sử địa phương khi viết cuốn sách hướng dẫn du lịch cho lâu đài Crofton.” Vivien quay đi để rót cho mình một tách cà phê từ chiếc bình trông như bình chứa thuốc độc nơi cuối quầy bar. “Tiếc là giờ anh ấy đang đi nghỉ ở Pháp, nhưng khi anh ấy quay lại, chắc chắn tôi sẽ giới thiệu với cô. Trong lúc ấy”, cô ấy vừa nói thêm vừa khuấy tách cà phê, “tôi sẽ xem xem có thể tự tìm thấy gì ở chỗ dì tôi và ở dân làng không”.

[4] Chỉ đội quân Norman xâm chiếm nước Anh năm 1066.

“Cảm ơn cô, tôi biết ơn cô nhiều lắm. Đồ uống của tôi hết bao nhiêu vậy?”

“Không mất tiền.” Cô ấy phẩy tiền của tôi sang một bên và lắc mái đầu màu mật ong. “Miễn phí. Coi như cách chào mừng đến Exbury của tôi đi, nếu cô thích.”

“Nhưng rõ ràng... ý tôi là, cô thật tốt bụng, nhưng...” Tôi thoáng nhìn về phía quầy bar, nơi Ned vẫn cắm cúi vào tờ báo, và Vivien tình ý nhìn theo ánh mắt tôi.

“Ồ, Ned không phải kiểu người chuyên đi thừa chuyện với ông chủ đâu”, cô ấy quả quyết. “Giả như ông ta có ở đây cũng chẳng thu được lợi lộc gì cả, vì tôi là sếp.”

Tôi lấp bắp nhanh một câu xin lỗi và đỏ lựng cả mặt. Vivien hòa nhã lờ đi sự xấu hổ của tôi.

“Điện thoại của cô đã được kết nối chưa? Tốt. Số bao nhiêu?”

Tôi nói và cô ấy ghi nhanh lại. “Được rồi”, cô ấy nói. “Tôi sẽ gọi cho cô nếu tìm thấy có gì thú vị. Đây.” Vivien đẩy cho tôi một hộp diêm. “Số của tôi ở mặt sau, nếu cô cần gì. Hoặc cô có thể chỉ cần ghé qua, bất cứ khi nào cảm thấy chán việc dở dề. Chiều nào tôi cũng có thời gian tán gẫu.” Cô ấy nhìn thẳng vào mắt tôi và thoáng nở nụ cười chân thật.

“Tôi rất vui khi cô chuyển đến sống ở đây”, cô ấy nói đơn giản.

Tôi cười đáp lại, trong lòng cảm thấy ấm áp đến lạ.

“Tôi cũng vậy”, tôi nói với theo.

Nụ cười vẫn lưu lại trên môi khi tôi đi bộ về nhà, tận hưởng cảm giác trong lành, đầy sức sống của ngọn gió cuối tháng Tư và sự yên lặng tuyệt vời của con đường không người qua lại. Ngôi nhà đứng đó đón tôi về, trông đã ít lồi thoi đi một chút dưới đôi mắt chênh vênh chếch của tôi.

“Xin chào, Đàn Cừ Xám”, tôi chào nó, khi leo lên lối lái xe vào nhà. Ít nhất tôi cũng biết được cái tên chính xác của nó. Và một hồn ma. Những người đàn ông ở Sư Tử Đỏ gọi cô ấy là gì nhỉ? Thiếu Phụ Xanh. Ở đâu đó trong khu vườn.

Vấn đề là, tôi tự hỏi không rõ khu vườn trước đây nằm ở chỗ nào? Chắc chắn giờ không còn bất cứ dấu vết gì của nó, ít nhất cũng không ở phía trước nhà. Tò mò, tôi đi vòng ra sau và ngó thử.

Không phải chỗ chuồng bò câu, tôi khẳng định. Khu vườn còn mới. Có khi nào gần nhà bếp, dọc theo lối lái xe không? Mặt đất ở đó tất nhiên trông phẳng hơn, nhưng...

Không. Không phải ở đó. Tôi dồn chú ý sang phía kia của khoảng sân. Ở đó, tôi tin chắc. Người ta thậm chí có thể nhìn thấy mặt đất hơi gồ lên, nơi các thảm hoa được vun xới bởi những bàn tay thương yêu. Tôi băng qua sân và hân hoan đứng trên chỗ đó.

Mặt trời hạ xuống thấp hơn trên bầu trời và ngọn gió quét ngang qua tôi lạnh đến rùng mình. Rúc sâu hơn vào chiếc áo len, tôi ôm lấy người giữ hơi ấm, quay sang phía hàng cây ở phía xa.

Người đàn ông cười con ngựa xám đứng đó, nương mình dưới tán sồi, quan sát tôi.

Tôi bước bình yên cầm. Tôi thề rằng anh ta đã mỉm cười, dù tôi đứng cách quá xa để có thể nhìn rõ mặt anh ta, chứ chưa nói đến chuyện phán đoán biểu cảm. Sau một lúc lâu, anh ta thúc ngựa quay lại và hướng thẳng về lâu đài Crofton, dáng hình sẫm tối của anh ta bị nuốt dần vào bóng râm của những cây cổ thụ.

Quên biến Thiếu Phụ Xanh, tôi bước chân vào nhà, chăm chút đặc biệt cho cái then cửa đằng sau lưng.

4. Chương 4

Trưa hôm sau, tôi ước gì mình đã lau chùi bộ ấm trà theo lời nói tùy tiện đã đưa ra hôm trước. Thực tế, tôi đã ước gì mình kịp lường trước mà mua một bộ ấm chén ngay từ đầu. Do đó, tôi đành phải dùng chiếc ấm nâu sứt sẹo cũ mềm cùng một bộ cốc sứ mỗi cái một kiểu không mấy ăn nhập với đĩa, để chiêu đãi các vị khách của mình.

Đương nhiên là nhà tôi có khách rồi. Những người đến đầu tiên, vào lúc chín giờ, là ông Ridley, nhân viên môi giới nhà đất, và vợ ông ấy, hai người rõ ràng thức dậy từ sớm khi mang theo một đĩa bánh bao Bath[1] vẫn còn ấm khổi lò. Nổi gót họ là Jerry Walsh và Eva - người vợ đáng mến của ông cùng hai lọ thạch nho đen; rồi Arthur và Marie Walsh bê một đĩa bánh quy sô cô la. Vài người khác đến và đi như gió, bao gồm cả bà Hutherson lớn tuổi có giọng nói dịu dàng, người cho tôi hai tá bánh nướng bơ hoa quả và những lời chúc tốt đẹp nhất của mình. Tất cả mọi người đều vô cùng tốt bụng, thân thiện và nắm bắt tin tức cực kỳ tốt.

[1] Loại bánh ngọt có hình tròn giống chiếc bánh bao rắc nho khô trên vỏ bánh, rất nổi tiếng ở khu vực Bath thuộc nước Anh.

“Sách thiếu nhi, phải không cháu?” Bà Hutherson khê giọng hỏi. “Cháu tài hoa thật đấy.” Đôi mắt xanh của bà gợi lên một nét thân thuộc trong ký ức của tôi, nhưng bà đã đi trước khi tôi kịp hình dung ra mối liên hệ.

Cặp đôi lặng lẽ đến cuối cùng đem theo chai rượu mâm xôi được lợi nhất khi tha hồ lựa chọn món. Bàn cà phê trong phòng khách của tôi lúc này đầy ắp các tặng phẩm thức ăn khiến bất cứ ai cũng nghĩ tôi đã bỏ ra hàng giờ để chuẩn bị cho buổi tiệc trà thiết đãi hàng xóm.

Bất cứ nghi ngờ nào còn sót lại trong đánh giá của các vị khách về nhân phẩm của tôi cuối cùng đã được gạt bỏ, một cách dứt khoát và bất ngờ, bởi chuyến ghé thăm của anh trai tôi, với phần cổ áo đặc trưng của các mục sư và trông ngoan đạo đến tột độ. Thực tế, ngoan đạo đến mức tôi nghi ngờ liệu có giáo dân nào của anh ấy nhận ra anh ấy nữa không.

Chẳng mấy chốc, sau buổi trưa, đám đông cũng vãn dần, Tom ngã lưng trên ghế và vòng hai tay sau đầu.

“Chúc mừng em”, anh nói. “Anh ở trong làng đến một tuần trời thì hàng xóm mới thêm vầy lấy anh. Em mới ở đây được bao lâu? Hai ngày à?”

“Em chuyển đến từ thứ Ba, nên đây là ngày thứ ba. Thả chân xuống bàn cà phê giúp em đi.”

“Xin lỗi.” Anh ngoan ngoãn nhúc nhích đôi giày. “Anh hy vọng chuyến tạt ngang không làm phiền em. Anh nghĩ mình nên gọi trước.”

“Anh không chọn thời điểm nào thích hợp hơn được đâu.” Tôi đảm bảo. “Em nghĩ anh đến còn gây hiệu quả tuyệt vời kìa. Vào giờ uống trà, toàn thị trấn sẽ biết em có người nhà làm mục sư.”

Hừm. Hoặc em đang hẹn hò với người đó.” Tom cười nhả nhỏ. “Trí tưởng tượng của dân làng cực kỳ kinh khủng, em thừa biết còn gì.”

Tôi lơ anh đi. “Hôm nay là ngày nghỉ của anh à?”

“Ừ. Anh giao giáo khu vào bàn tay vị cha phó mới kế nhiệm tài năng, anh chàng Ogilvie trẻ tuổi. Em sẽ thích cậu ấy, Julia ạ. Ogilvie bớt tệ nhạt hơn người phụ trách của cậu ấy rất nhiều. Đương nhiên, với các giáo dân thì tầm nhìn của cậu ấy có hơi hạn chế một chút, nhưng là người tốt.”

“Tốt chán so với cha phó trước đây còn gì”, tôi đồng ý với sự cảm thông. “Michael gì đó, đúng không nhỉ? Theo phái Hạ Giáo hội[2], không bao giờ mỉm cười, luôn sôi sùng sục với lửa địa ngục và dọa đầy hả?”

[2] Nguyên tác: Low Church - một phái thuộc Giáo hội Anh không coi trọng quyền lực của giám mục.

“Là người đó.”

“Mà có chuyện gì xảy ra với anh ta vậy?”

“Anh sắp xếp để chuyển cậu ta lên một giáo khu phía bắc. Anh cảm giác mình đã hoàn thành quá trình hành xác”, Tom vừa mỉm cười vừa nói. “Thôi, trở lại chủ đề ngày nghỉ. Anh đã hứa với cha mẹ tuần này sẽ đến xem em thu xếp ra sao. Thế nào rồi?”

“Rất tốt, cảm ơn anh. Em nghĩ đã dọn xong gần hết các phòng tầng dưới rồi.”

“Trông rất đẹp.” Anh để ánh mắt lang thang khắp căn phòng rộng lớn, ngập ánh mặt trời. “Quả là một ngôi nhà đáng yêu. Anh bị ấn tượng đấy. Em sẽ dẫn anh đi thăm thú một chuyến, hay”, ánh mắt anh rơi trên chiếc bàn đầy ụ thức ăn, “để anh phải giúp em lau dọn trước?”

Tôi đảm bảo là việc lau dọn có thể chờ và bắt đầu chuyến thăm thú trong căn phòng chúng tôi đang ngồi.

“Ừm, đây, đương nhiên là phòng khách”, tôi nói. “Em cần mua một tấm thảm to hơn để bảo vệ sàn nhà, và những tấm rèm đương nhiên sẽ phải...”

“Anh hiểu.” Tom nghiêng ngả trong lúc nhìn lớp vải hoa sắc sỡ. “Dẫu vậy, riêng các khung cửa sổ cũng đẹp sẵn rồi. Và anh thật sự thích lò sưởi. Chỗ này thông với đâu vậy?” Anh ra dẫu về cánh cửa ngách trên bức tường phía xa.

“Phòng ăn.” Tôi dẫn anh đi qua.

“Julia!” Giọng anh tôi đầy thán phục. “Em lấy chạn bát này đâu ra vậy?”

“Trông được phết nhỉ? Nó có sẵn trong nhà.”

Chạn bát từ cuối thời Victoria, làm từ gỗ óc chó chắc nịch, cao gần hai mét tám, mặt trên của nó chạm trần trát thạch cao của phòng ăn. Tôi đoán nó có sẵn trong nhà bởi phải dùng đến cần trục mới đưa được nó vào đây. Món đồ duy nhất hoàn toàn nổi trội trong căn phòng dài khiến người ta khó để ý tới chuyện căn phòng này không bàn không ghế. Ở mỗi bên chạn bát, hai dãy cửa sổ cao nhìn ra bãi cỏ phía sau, càng làm tăng ấn tượng về vẻ tao nhã.

Từ phòng ăn, chúng tôi đi qua cánh cửa vẩy[3] vào phòng bếp đơn giản và bụi bặm với kho chứa nhỏ, rồi thông qua hành lang hẹp để vào sảnh trước ốp gỗ. Sau ít phút rẽ ngang vào phòng đọc, nơi Tom có thể dễ dàng chiếm cứ cả ngày mà tôi thì kiểu gì cũng không lười anh ra được, chúng tôi bước lên cầu thang chéo để lên tầng.

[3] Loại cửa mở được theo cả hai chiều.

“Hiện tại em chưa động tay tí nào trên này từ ngày chuyển vào”, tôi cảnh báo, “nên vài phòng có thể bừa bộn một chút. Nói chung, anh đừng mong đợi nhiều”.

“Những cái trần nhà khỉ gió.” Tom hụp người quá muộn nên vừa bước lên đỉnh cầu thang anh vừa bóp đầu. “Làm cho người tí hon chắc. Em có bao nhiêu phòng ngủ?”

“Bốn. Nhưng em chỉ dùng hai thôi. Hai phòng kia”, tôi chỉ những cánh cửa sát tay trái của chúng tôi, “hiện tại dùng để chứa đồ”.

“Rất hợp lý.” Tò mò hơn bao giờ hết, Tom thò đầu vào phòng đầu tiên và chăm chú nhìn quanh. Nó là một căn phòng dài và hẹp, ngăn khỏi phòng tôi bởi cầu thang lên gác mái chạy sau lưng bức tường. Ánh sáng chiếu qua khung cửa sổ đôi khi bị chắn một phần bởi những tán lê mọc sát mặt tiền ngôi nhà. Phòng làm kho chứa còn lại choán hết vạt trước phía nam, tuy chỉ có một số cửa sổ nhưng nó được bù lại với sự hiện diện của lò sưởi khác.

“Em phải học cách bỏ củi đi thôi”, bình luận của anh làm tôi nhăn nhó.

“Còn lâu ấy, Tom. Anh nhìn em nhóm lửa trước đây còn gì. Cả nhà sẽ cháy ngùn ngụt như nền La Mã mất.”

Tom cười toe toét và cúi người nghiêng cứu mặt lò sưởi khắc gỗ. Để anh ở đấy, tôi hướng đến cánh cửa tiếp theo, dẫn đến căn phòng nhỏ ở góc đằng sau tôi chọn làm xưởng vẽ. Tôi vẫn chưa buồn kiểm tra dụng cụ lẫn các trang thiết bị, khi đã quả quyết không nghĩ đến công việc trong tuần đầu tiên, nhưng rồi tôi đột ngột nhận ra rằng bởi Tom đang ở đây, nên tôi có thể ép anh ấy ráp bàn vẽ cho mình.

Bình thường, tôi không vô dụng đến thế nếu phải thực hiện các công việc mang tính kĩ thuật, nhưng đây là một bàn vẽ đặc biệt - được phát minh bởi một nhà thiết kế Thụy Điển tàn bạo - luôn cố vùi dập mọi nỗ lực cao độ của tôi, bỏ tôi ngồi nản chí và vô dụng giữa đồng ống crom la liệt, đủ loại dụng cụ hỗn hợp, và một cái then gì đó được đề cập trong các chỉ dẫn.

Nhân tiện, tôi tươi tỉnh nghĩ, tôi thực sự cũng chưa nhìn thấy đội chuyển đồ mang chiếc bàn lên trên tầng. Có lẽ nó bị thất lạc trong khi vận chuyển. Tôi mở cánh cửa xưởng vẽ, bước vào căn phòng và đứng khựng lại vì bối rối.

Chẳng có gì ở đây. Đại khái không có thứ gì của tôi. Ngoại trừ một chiếc giường hẹp và thấp kê sát bức tường cuối phòng cùng một tủ đựng quần áo kiểu cổ đặt trong góc, căn phòng hoàn toàn trống rỗng.

“Kỳ quái thật”, tôi nói lớn.

“Cái gì kỳ quái?” Anh tôi hỏi vọng lại.

“Đồ đạc này không phải của em”, tôi trả lời khi băng qua hành lang để đến phòng ngủ phía trước. “Họ phải để các thứ trong xưởng vẽ của em vào một trong các phòng này. Đáng lẽ phải có một giá vẽ, bả vẽ và cái ghế to đùng xấu xí đó. Em không thể hình dung nơi...”

Giọng tôi nhỏ dần khi tôi lục lọi giữa đám hộp và bóng anh trai lướt qua tôi vào trong hành lang.

“Julia”, anh tôi gọi một lát sau đó. “Lại đây.”

Tôi thấy anh đang đứng ngay ngưỡng cửa của xưởng vẽ, hai tay chống lên hông. “Nào”, anh nói, khi tôi đến chỗ anh, “em nhìn thấy cái gì?”

Tôi nhìn, cật lực chớp mắt và nhìn lại. Tất cả đều ở đây - chiếc giá vẽ, nội thất trong xưởng, đồng hồ màu lộn xộn, bút lông và giấy...tất cả mọi thứ, như nó luôn ở đó. Hơn nữa, cũng không thấy dấu vết nào của chiếc giường hay tủ quần áo.

“Em không uống tí rượu nặng nào đây chứ?” Tom trêu chọc.

“Nhưng mà anh Tom”, tôi ngơ ngác lắc đầu, “quả thực những thứ này một phút trước còn không có trong đây”.

Anh nhìn tôi, mặt có vẻ âu lo, và khi cuối cùng lên tiếng, giọng anh mất đi tính giễu cợt. “Nghe này”, anh nói, “sao chúng ta không đợi thêm một lúc nữa mới tiếp tục chuyển tham quan nhỉ? Em hẳn đã kiệt sức sau sáng nay rồi”.

“Em không điên.”

“Đương nhiên là em không điên. Còn sức pha một ấm trà không?”

Tôi buồn bã theo anh xuống tầng.

“Anh không bảo em sai. Anh cũng không nói em không thấy những gì em bảo mình thấy. Anh chỉ nghĩ rõ ràng có nguyên do hợp lý cho những gì em bảo mình được chứng kiến thôi.”

“Em hiểu”, tôi nói. “Chẳng hạn như?”

Tom nhún vai. “Anh không biết. Em mệt mỏi, em đã thúc ép bản thân quá sức... Tối qua em đi ngủ lúc nào?”

“Muộn”, tôi thừa nhận. “Nhưng em không thể tin có gì đó liên quan...”

“Thế sáng nay dậy lúc mấy giờ?”

“Hơn sáu giờ một chút. Nhưng...”

“Thì đấy”, anh nói, gơ cả hai bàn tay để nhấn mạnh luận điểm của bản thân. “Em có ngủ đủ đâu.”

Quá quen với tính khí của anh trai, tôi đợi cho đến khi trà pha xong và chúng tôi ngồi đối diện nhau bên chiếc bàn bếp, trước khi tôi dám cãi lại.

“Thực tế là”, tôi khẳng định, “em ngủ đầy ra ấy. Em thực sự chẳng mệt gì hết. Em còn chẳng hoàn thành công việc thực thụ nào từ lúc chuyển đến kia, em chỉ mới mở vài thùng đồ thôi”.

“Em trông có vẻ mệt.”

“Tom”, tôi mỉm cười trước sự ngoan cố của anh, “nghe em này. Em nghỉ ngơi thực sự đầy đủ. Em ngủ mục cả người đi đây này. Nhân tiện nhắc đến thì đêm nào em cũng nằm mơ”.

“Thật á? Nghe không mấy bình thường với em nhỉ? Anh tưởng có mấy khi em nằm mơ đâu.”

“Có lẽ là do khí hậu vùng quê.”

“Loại giấc mơ nào vậy?”

“Em thực sự không thể nhớ hầu hết trong số chúng”, tôi đáp, thoáng nhăn mày khi uống tách trà của mình. “Một trong số chúng về sao chổi, em nghĩ thế. Phải, đúng rồi... có hai ngôi sao chổi, nối tiếp nhau, và mọi người kháo rằng có điều gì đó khủng khiếp sắp xảy ra. Freud[4] nói gì về những giấc mơ xuất hiện sao chổi vậy anh?”

[4] Sigmund Freud (1856-1939) là bác sĩ người gốc Do Thái - cha đẻ của liệu pháp trị liệu tâm lý.

“Không phải Freud.” Tom lắc đầu. “Là Jung[5]. Mà anh thực sự cũng không biết nữa. Anh không nghiên cứu tâm lý học. Điều nhắc anh”, anh đột ngột ngồi vươn về trước, “thứ Bảy tới, Rod Denton định tổ chức một bữa tiệc tối tại nhà cậu ta ở Luân Đôn”.

[5] Carl Gustav Jung (1875-1961) là bác sĩ tâm lý người Thụy Sĩ có những phát kiến quan trọng trong việc lý giải bí ẩn của những giấc mơ.

“Làm sao giấc mơ về sao chổi của em có thể nhắc anh đến bữa tiệc tối của Rod Denton được?”

“Rod có nghiên cứu về tâm lý học ở trường đại học”, Tom giải thích. “Cùng nhiều thứ khác.” Roderick Denton tốt nghiệp Oxford cùng thời điểm với anh tôi, nhưng khác với anh tôi, anh ta được định trước cho những đeo đuổi mang tính trần tục hơn. Anh ta đã cưới con gái của một Bá tước, được thừa kế một ngôi nhà ở Belgravia[6], và đạt được thành công nhất định trong giới tài chính.

[6] Một phần phía tây trung tâm Luân Đôn, nơi tập trung rất nhiều nhà cửa lẫn cửa hàng sang trọng của các đại sứ quán của nước ngoài.

“Đại khái”, Tom tiếp tục, “các bữa tiệc của cậu ta thường khá là vui vẻ. Anh nghĩ em có thể muốn đi cùng anh. Đi ra ngoài chơi một ngày sẽ tốt cho em đấy”.

“Anh làm như em đã ở lì tại đây hàng tuần liền rồi không bằng.”

“Anh chỉ nghĩ”, anh bắn cho tôi cái lườm tăm tối, “rằng em có thể nghỉ ngơi một chút và thoát khỏi đồng việc này thôi”.

“Hừm, thực ra em có thể đi”, tôi thừa nhận, uống cạn tách trà với một nụ cười. “Cảm ơn anh. Anh nói thứ Bảy tới phải không? Mấy giờ?”

“Tiệc cocktail vào sáu giờ ba mươi. Em nhớ chỗ cậu ta sống chứ?”

Tôi gật đầu. “Vậy nếu anh muốn, em sẽ gặp anh ở đây. Em chắc Cheryl sẽ vui vẻ giữ em lại một đêm. Em có thể gửi xe ở chỗ cô ấy, ngay trên quận Islington[7] và đi tàu điện ngầm xuống chỗ của Rod. Anh thấy có được không?”

[7] Quận ở đông bắc Luân Đôn, đa phần dân cư là tầng lớp trung lưu.

“Được.”

“Tốt rồi. Anh đã sẵn sàng cho phần còn lại của chuyến thăm thú chưa?”

“Em có chắc còn đủ sức không thế?”

“Đương nhiên rồi. Bên cạnh đó”, tôi vừa nói vừa thân thương choàng cánh tay lên vai anh trai, “em muốn anh ngó qua cái bàn vẽ của em”.

Anh nhú mày. “Anh trông thấy rồi còn gì.”

“Nhìn thật gần cơ, anh hiểu ý em chứ.”

Tom tóm được ngụ ý của tôi và nặng nhọc thở hắt ra. “Đừng nháy mắt với anh, cưng à, anh nhìn một cái là biết có bấy ngay.” Anh dẫn đường lên cầu thang và tôi nghe thấy một tiếng chửi thề báng bổ kinh hãi khi mái đầu đen của anh chạm phải trần nhà thấp lần thứ hai.

“Cũng may cho em”, anh bảo, khi ngoác miệng cười và quay lại nhìn tôi, “hàng xóm không ở quanh để nghe câu vừa rồi”.

Chiều muộn hôm đó, thêm một lần nữa tôi lại thơ thẩn trên con đường hẹp dẫn vào làng, vừa đi vừa hưởng mặt về phía ngọn gió và mê mải trong bầu không khí thôn dã mát rượi và thơm ngát thổi vào hai lá phổi đóng bụi của tôi.

Tom ra về cách đây gần một giờ. Phần còn lại của chuyến ghé thăm của anh đã trôi qua êm ả - tôi không bị thêm ảo giác nào nữa và nhẹ nhõm hơn hẳn là mọi căn phòng chúng tôi bước vào đều y chang như cũ. Sau cùng, tôi phải khẳng định là anh trai tôi hẳn đã nói đúng. Tôi kết luận, Tom có một thói quen không thể chịu được là chẳng bao giờ nhầm. Có lẽ tôi đã thúc ép bản thân quá sức, cố gắng thực hiện quá nhiều việc cùng lúc nên mới bị như vậy.

Tôi đã lên kế hoạch sẽ dọn dẹp tàn dư từ buổi tiệc trà ngẫu hứng ban sáng, rửa chén đĩa và thử bịt lại lỗ rò trong nhà tắm sau khi anh trai tôi đi, nhưng thay vào đó, tôi quyết định nghe theo lời khuyên của Tom và rời ngôi nhà một lúc.

Ý định ban đầu của tôi là ghé qua quán Sứ Tử Đỏ để ăn nhẹ và tán gẫu với Vivien, nhưng ánh nắng rạng ngời và con đường cứ dang tay vẫy gọi, và một khi càng dần bước, tôi lại càng có cảm giác muốn đi dạo hơn.

Tôi vượt qua quán Sứ Tử Đỏ, văn phòng nhà đất của vợ chồng Ridley và Stewart, cùng một dãy cửa hàng khác. Đi thêm một quãng ngắn, khung cửa đá đồ sộ dần nhô lên bên tay phải của tôi, cánh cổng sắt hé mở đầy lôi cuốn. Một con đường đất nhỏ hẹp uốn mình khuất dần vào khu bóng râm mát lạnh, được tạo thành nhờ tán cây gọn ghẽ như được dặt từ hai hàng cây san sát mọc nối tiếp nhau đang tỏa bóng mát. Đây, tôi nghiêm túc thừa nhận, hẳn phải là lối vào tòa trang viên lừng danh.

Kháng cự cảm dỗ xâm nhập vào bên trong, tôi kiên quyết quay trở lại đường Thượng rải sỏi. Để hôm nào khác đủ thời gian thăm thú trang viên đi, tôi tự nhủ. Bên cạnh đó, Vivien cũng đã nói người chủ sở hữu tòa lâu đài đang đi vắng. Ở Pháp. Tốt hơn nên đợi anh ta quay lại rồi hãy thực hiện chuyến tham quan bên trong lâu đài tử tế. Tôi bước lên khung cửa có mái che bằng gỗ khác lạ vừa thần phục lúc trước, đẩy rộng cánh cửa khép hờ và lặng lẽ vào nghĩa địa nhà thờ.

Hiếm địa điểm nào ở nước Anh được yên ả và đẹp lạ thường như một nghĩa trang nơi thôn dã, nơi đây thường xuân mọc dày đặc trong những góc tối và rải rác khắp các phiến đá hao mòn, bề mặt chạm khắc của chúng gần như không thể đọc nổi sau vô số năm dài dầu trước nắng mưa. Có rất nhiều phiến đá nằm chênh vênh, nghiêng sang một bên như những người canh gác say rượu. Một vài hoàn toàn lật nhào khỏi trụ và được cẩn thận dựng chống vào bức tường bao quanh nhà thờ.

Tự bản thân nhà thờ cũng nhỏ nhắn và giản dị, nó là một tòa nhà tương đối thấp làm từ những phiến đá bạc thếp và sở hữu một ngọn tháp vuông vức có lỗ châu mai. Một tấm áp phích viết tay phai màu dán lên cửa cho biết đây là nhà thờ St. John, hoạt động vào các tối Chủ nhật và thứ Bảy. Chỉ cần một cú đẩy là cánh cửa gỗ sồi to bản đã ngoan ngoãn kẹt mở trên các bản lề sắt nặng nề, cho tôi thấy không gian đơn sơ bên trong, tuy vậy vẫn mang lại ấn tượng về một khoảng không rộng lớn. Ánh chiều muộn rót qua ô cửa kính hẹp nhiều màu và tấm những bức tường đá trơ trụi trong làn ánh sáng ảm áp và rục rờ.

Những bước chân vang vọng một cách lạ thường, chẳng khác gì thực tại đang xâm phạm vào nơi yên ả thần thánh này khi tôi chậm chậm bước vào trung tâm nhà thờ, đọc những cái tên đáng chú ý trên tấm bia đá vuông ghi danh dưới chân mình: Staynor, Alleyn, Hatch, de Mornay...

Một âm thanh dữ dội nổ ra, tôi ngẩng phắt đầu lên và giật mình ngoái quanh, trái tim đập điên cuồng trong lồng ngực. Chỉ là một con chim bồ câu, tạm thời bị mắc kẹt đằng sau bức bình phong làm lễ, quấy cánh trong hoảng loạn trước khi tìm được lối thoát và vội vã bay ra ngoài qua ô cửa hé mở.

Trái tim từ từ quay trở lại nhịp đập bình thường, để lại cho tôi cảm giác hơi văng vắt, với tiếng chuông ngân đều đều trong tai, như thể tôi chực ngất đi. Nhà thờ nhỏ chan hòa ánh nắng đột nhiên mang lại cho

tôi cảm giác ngột ngạt không khác gì trong một lăng mộ và tôi loạng choạng trở ra ngoài, hộp từng ngậm không khí vào hơi thở sâu hây còn run rẩy của mình.

Trong trạng thái hỗn loạn, tôi quay lưng lại đường Thượng và phát hiện bản thân đang dần bước trên con đường đất rợp bóng râm từ những cây sồi sừng sững đang xào xạc trong cơn gió xoay vần. Gương mặt ướt đầm mồ hôi, và khi tôi chống bàn tay lên một thân cây thô ráp để nghỉ tạm thì có một âm thanh rầm rập vọng lại rõ ràng bên tai. Tiếng rầm rập kia mỗi lúc một to hơn, nhịp nhàng hơn cho đến khi có thể nhận ra là tiếng vó ngựa nện trên nền đất chắc nịch. Ngược lên, tôi thấy một người cưỡi ngựa đang tiến đến. Một con ngựa xám đang chở người đàn ông cao to mặc quần áo đen.

Tôi chớp mắt, tầm nhìn nhòe nhòe. Con ngựa đã đổi màu, giờ không phải xám nữa mà là màu hạt dẻ, có chiếc bờm mượt mà và chiếc đuôi đen. Người đàn ông cưỡi ngựa cũng hơi khác, giống như đất sét rót từ khuôn này sang khuôn khác, đường nét của anh ta lơ mơ trong những vạt râm của con đường. Dẫu người đàn ông càng lại gần hơn, tôi vẫn không thoát nên lời hay di chuyển một chút nào, chỉ đứng cầm rế tại chỗ và trợn mắt nhìn như một đứa đàn độn.

Bóng ma đó tiến gần, gần hơn nữa, cho đến khi con ngựa bị ghìm lại trước mặt tôi. Tôi nhìn lên. Mặt trời đang nằm ngay trên đầu người cưỡi ngựa. Xuyên qua các tán cây, ánh nắng tạo nên một vầng hào quang chói lòa quanh mái đầu đen của người đàn ông, và tôi cảm giác được, hơn là nhìn thấy, nụ cười của anh ta. “Xin chào”, anh ta nói. “Cô hẳn là hàng xóm mới của tôi. Tôi là Geoffrey de Mornay.”

Ngay tức khắc, tôi quên mất các phép tắc xã giao. Tôi đưa tay lên, mỉm cười với anh ta rồi lặn đùng ra như chết dưới chân con ngựa của anh ta.

5. Chương 5

Đây không phải là cuộc gặp thuận lợi nhất, tôi thừa nhận khi ngồi ẩn đầu giữa hai gối trên chiếc sofa nhà Geoffrey de Mornay. Bất cứ ấn tượng nào mà tôi hy vọng là có thể thể hiện với vị hàng xóm nổi tiếng của mình thì chắc chắn cũng không phải như thế này.

“Tôi sẽ mang cho cô một ly nước”, anh ta lên tiếng lúc trở vào phòng. “Không, đừng ngồi ngay dậy. Cô thấy thế nào rồi?”

“Ồn.” Giọng nói của tôi như bị bóp nghẹt.

Anh ta ấn ly nước vào tay tôi và tôi ngửa đầu để uống một hớp, hành động này cho phép tôi có cái nhìn đầy đủ đầu tiên về vị chủ nhà. Dẫu không có giọng nói, học thức, quần áo cắt may khéo léo cùng những vật dụng đắt tiền xung quanh, Geoffrey de Mornay hẳn vẫn sẽ được anh bạn đồng nghiệp Bridget cổ lỗ của tôi xếp vào loại “xuất sắc”. Bridget sẽ để ý tới chiều cao, thân hình lực lưỡng và nụ cười rạng rỡ lóe lên trong giây lát của người đàn ông này. Tôi thì chú ý đến những đường nét cổ điển trên cấu trúc xương và chiều sâu tĩnh lặng từ đôi mắt nâu đỏ của anh ta, nằm bên dưới hàng lông mày đen tương ứng chính xác với màu nâu sẫm trên mái tóc.

“Cảm ơn anh”, tôi nói, gượng gượng trao cho anh ta nụ cười tươi tắn nhất. Tôi không chắc mình đã ngắt xỉu bao lâu, nhưng hẳn mới vài phút thôi, bởi ánh mặt trời vẫn đang tràn qua ban công ốp kính rộng đối diện. Tôi nhớ lơ mơ là mình đã được nâng lên và bế đi một đoạn, rồi không có gì xảy ra cho đến vài phút tiếp theo, thời điểm tôi mở choàng mắt, hét lên đòi đứng dậy và bị ấn một cách thô lỗ xuống vị trí không đúng đắn hiện thời.

“Không có gì.” Anh ta ngồi lên chiếc ghế chênh chếch với tôi, thận trọng quan sát gương mặt tôi như thể nghĩ tôi sẽ thành linh bật dậy bất cứ lúc nào. “Tôi xin lỗi nếu khiến cô hoảng sợ. Brutus không đơn thuần chỉ là một con ngựa to lớn, và tôi thường quên mất...”

“Không phải lỗi của anh, thực đấy. Mấy hôm nay tôi cứ thức khuya dậy sớm nên mới bị vậy, thế thôi.”

“Cô chắc không cảm thấy ốm chứ?”

“Chắc chắn.” Giọng tôi vững vàng, sau khi nghiêng cứu gương mặt tôi một chút, anh ta mỉm cười.

“Vậy có lẽ chúng ta sẽ thử giới thiệu lần hai xem sao”, vừa đề nghị anh ta vừa nhoài người ra trước và vươn bàn tay ra. “Geoffrey de Mornay, rất lấy làm hân hạnh.”

“Julia Beckett.” Tôi đáp lại cái bắt tay. Cẩn thận ngồi dậy, tôi cố gắng cứu vớt tình huống bằng việc mở lời. “De Mornay... vậy là tôi đã nhìn thấy một vài tổ tiên của anh trong nhà thờ. Gia tộc anh hẳn là một trong những gia tộc cổ xưa nhất ở đây.”

“Còn tùy thuộc vào cách hiểu của cô”, anh ta nhún vai đáp. “Dòng họ de Mornay ngụ tại lâu đài Crofton từ triều đại của nữ hoàng Elizabeth I nhưng lại bán nó đi khoảng một thế kỷ sau. Cha tôi đã đợi người ta rao bán lâu đài hàng năm trời, và cuối cùng khi thời điểm đến, ông mua lại. Ông là người cực kỳ tâm huyết với lịch sử gia đình.”

Tôi đánh giá xung quanh, phát hiện căn phòng dài và chan hòa ánh nắng, trần thạch cao được trang trí công phu, những bức tường dán giấy nhuộm đầy vẽ trang nhã và hào hoa từ một kỷ nguyên xa xưa. “Bảo tồn các ngôi nhà cổ như thế này quả là một công việc tuyệt vời”, tôi nói.

“Và đắt đỏ”, anh ta đáp, dùng hiện thực kim tính lãng mạn của tôi. “Còn chưa đề cập đến việc thiếu thực tế. Khi có quá nhiều phòng cho một con người.”

“Đây là lý do anh mở cửa ngôi nhà cho các đoàn tham quan?”

“Không.” Anh ta lại mỉm cười thích thú. “Không, tôi e mình không phải một công dân có đầu óc đến thế. Tôi đã đăng ký nhận khoản trợ cấp của chính phủ vài năm trước, để kiến tạo một số thứ và đổi lại, nghĩa vụ của tôi là mở cửa nơi này.”

“Rất đẹp để tham quan”, tôi chỉ ra. “Vài người đã kể với tôi là vé vào rất đáng tiền.”

“Ngôi nhà đúng là rất đáng yêu. Giờ tôi sẽ dẫn cô đi một vòng, miễn phí, nhưng tôi e sẽ hơi khó với tình trạng của cô.”

Đôi chân đang có cảm giác như muốn sụm xuống, nhưng tôi không muốn nghĩ sâu hơn về nguyên nhân. Tôi mỉm cười. “Có lẽ dễ lần khác.”

“Chắc chắn rồi. Lúc nào đó vào tuần sau, khi tôi cũng thu xếp ổn thỏa một chút. Tôi vừa mới đi nghỉ về.”

“Tôi biết. Từ Pháp, phải không?”

Geoffrey de Mornay mỉm cười, một nụ cười rộng - không chủ định quyến rũ tôi - và có vẻ hơi buộc tội. “Cô đã đến quán Sứ Tử Đồ”, anh ta nói. “Phải, tôi neo một con thuyền trong cảng tại Antibes[1], miền nam nước Pháp. Hằng năm, tôi đều đưa nó ra khơi một hoặc hai lần. Thi thoảng tránh mùa mưa cũng thú vị lắm.”

[1] Một thành phố du lịch nổi tiếng ở đông nam nước Pháp bên bờ Địa Trung Hải.

“Và ai đã trông coi lâu đài khi anh vắng mặt?”

“Tôi có một đội ngũ nhân viên siêu năng lực quản lý thay mình.” Anh ta ngả lưng trên ghế, hơi xoay đôi vai rộng. “Hai hướng dẫn viên, một quản gia, một nhân viên vệ sinh làm ngoài giờ, một người làm vườn - theo mùa - và một người chăm sóc lũ ngựa. Thực sự là cả một chu trình.”

“Đương nhiên rồi!” Tôi gật đầu khi đột nhiên lĩnh hội. “Điều đó giải thích hết thảy.”

“Giải thích cái gì?”

“Xin lỗi. Tôi chỉ mới tháo gỡ được một bí ẩn, thế thôi. Tôi đã nhìn thấy một người đàn ông cưỡi ngựa trên các cánh đồng của anh, một người đàn ông mặc quần áo đen cưỡi con ngựa màu xám. Hẳn là người chăm sóc ngựa nhà anh.”

“Nếu là ngựa xám thì không phải. Trong chuồng nhà tôi chỉ có ngựa màu hạt dẻ và hồng mao.” Anh ta lười nhác lướt ngón cái dọc tay cầm chiếc ghế, vuốt ve mặt vải, và giọng anh ta, khi cất lên, có vẻ rất tùy tiện. “Cô chắc nó có màu xám chứ?”

“Ngựa có thể không phải thể mạnh của tôi”, tôi bảo anh ta, “nhưng màu sắc thì có”.

Anh ta cười toe toét. “Tôi quên mất. Cô là họa sĩ, phải không? Hừm, tôi cũng không lo ngại gì đâu. Tôi không quá so đo về quyền sở hữu đất đai. Nếu ai đó muốn sử dụng con đường cưỡi ngựa của tôi thì họ đều được hoan nghênh. Trông anh ta thế nào?”

Tôi cố gắng nhớ lại một cách thật chính xác. “Tôi thực sự không nhìn rõ anh ta, anh ta ở quá xa. Tôi nghĩ anh ta khá cao - dù khó mà nói vậy nếu ngồi trên lưng ngựa, đúng chứ? Anh ta mặc quần áo đen, lạ cái là tóc anh ta cũng dài”

“Nghe như mấy gã từ quán trọ. Có một quán trọ dành cho khách nghỉ qua đêm cách đây ba dặm về hướng tây”, anh ta giải thích. “Tương đối lớn. Rất nhiều khách du lịch đi ngang qua nó. Thi thoảng họ cũng thuê một con ngựa.”

“Tôi hiểu.” Điều này chắc chắn nghe có vẻ hợp lý với tôi. Tôi uống nốt ly nước, Geoffrey de Mornay cựa quậy trên chiếc ghế.

“Cô muốn uống thêm không?” Anh ta đề nghị. “Thứ gì đó có vị hơn?”

“Ôi, không đâu. Tôi thực sự ổn rồi mà. “ Đặt ly xuống cuối chiếc bàn bên cạnh rồi lúng túng đứng dậy, tôi lùa bàn tay qua mái tóc rối bù. “Anh thật tốt bụng, nhưng tôi quả thực nên đi thôi. Tôi đã chiếm dụng thời gian của anh đủ rồi.”

“Không hề. Nhưng tôi chưa bao giờ tranh cãi với hàng xóm cả.” Anh ta cũng đứng lên, khiến tôi trông lúng túng, và lịch thiệp nghiêng đầu. “Lại đây, tôi sẽ tiễn cô.”

Tôi đi theo anh ta qua hành lang hẹp và tới đến cửa ngách, rồi quay người lại nơi ngưỡng cửa để cảm ơn anh ta lần nữa.

“Vinh dự của tôi”, anh ta quả quyết, một vai dựa vào trụ cửa và khoanh hai tay trước ngực. “Thay đổi thứ vị trong lịch trình hằng ngày. Tôi không thường được gặp các cô gái xinh đẹp là người dưới chân mình như thế.”

“Ừm, vâng, chuyện đó”, tôi đỏ mặt nói, “sẽ không xảy ra nữa đâu”.

Anh ta mỉm cười với tôi, sau cái bắt tay cuối cùng, tôi lên đường ra về. Khi tôi gần đến cuối quãng đường có hai bên lề cỏ được cắt tỉa gọn ghẽ, thì anh ta lên tiếng.

“Đáng tiếc thật đấy”, anh ta nói, nhưng tôi không nghĩ đấy là câu anh ta định nói cho tôi nghe.

“Em cần cẩn thận, cưng ạ”, anh trai tôi ra chiều am hiểu dặn dò lúc tôi kể cho anh câu chuyện về lần gặp gỡ Geoffrey de Mornay. “Em biết đấy, các lãnh chúa có những đặc quyền bất di bất dịch trong lịch sử. Lựa chọn các cô trinh nữ trong làng, và nhiều hơn nữa kia.”

“Anh thôi vớ vẩn đi”, tôi đáp.

Một tuần đã trôi qua, giờ là tối thứ bảy, và chúng tôi đang ngồi giữa những vật dụng sang trọng không lẫn đi đâu được trong nhà Roderick Denton tại Luân Đôn. Bữa tiệc tối hết sức thành công, khi toàn bộ các đối tác đầu tư của Rod đều tề tựu, đây cũng không phải lần đầu tiên tôi buộc phải thừa nhận lời khuyên của anh trai là chính xác.

Bữa tối cho tôi một quãng nghỉ thư thái khỏi vòng quay của việc dờ dề và trang trí liên miên, tôi có cảm giác gần như lại được làm người. Hơn hết, tôi cuối cùng cũng có lý do để mặc quần áo sang trọng, thay cho những chiếc quần jean và áo sơ mi mềm suốt hai tuần qua. Chúng cho tôi cảm giác trưởng thành và lọc lõi một cách thú vị. Giá như mình không quá đổi buồn chán như thế...

Mới có hai tuần rời Luân Đôn thôi, tôi nghĩ, mà cuộc chuyện trò diễn ra quanh căn phòng này dường như đã chẳng còn liên quan đến tôi rồi, hơn nữa còn hơi hợt đến hờn hĩnh. Tóm tắt được cái ngáp của tôi và trên chọc huyệt tôi một cái.

“Anh đã bảo em uống rượu từ từ rồi mà”, anh nhắc.

“Xin lỗi.” Tôi lại ngáp. “Em nghĩ mình đến giới hạn rồi, Tom à. Em phải đi đây.”

“Được rồi. Anh sẽ gặp em ở cửa.”

“Julia yêu quý.” Roderick Denton bất ngờ tấn công với hai cánh tay dang rộng, chặn đường đào tẩu của tôi.
“Anh rất vui vì em đã đến.”

Tôi ôm lại anh ta. “Cảm ơn vì lời mời. Em vui lắm. Và nhớ gửi lời cảm ơn đến chị Helen hộ em nhé.”

“Không phải em đang định về đây chứ?”

“Em e là thế. Có một người bạn đang đợi em.”

“Ồ?” Anh ta nhướn một bên lông mày đưa chuyện lên. “Em định nghỉ lại tối nay trong thành phố à?”

“Vâng, ở chỗ Cheryl. Anh nhớ Cheryl chứ, Rod? Cô ấy làm ở Whitehall[2].”

[2] Tên con đường tập trung các cơ quan đầu não của Anh. Hay còn để chỉ chính phủ Anh.

Anh ta thoáng nhíu mày, rồi hỏi. “Tóc đỏ hả? Khá thông minh? Sống ở Camden Town[3]?”

[3] Một quận nội thành phía tây bắc Luân Đôn.

“Giờ ở Islington rồi”, tôi sửa lại. “Cô ấy được tăng lương.”

Rod hẳn sẽ đánh giá cao điều đó, tôi suy luận, khi tự bản thân cũng là một người leo lên không ngừng trong xã hội thượng lưu. Tôi lén lấy Cheryl làm lý do để rời bữa tiệc. Thực tế, cô ấy không hề đợi tôi. Cô ấy giờ thậm chí còn không ở Luân Đôn. Cô ấy được bạn trai mời đi nghỉ ở quận Hồ[4], nên rất hân hoan cho tôi mượn căn hộ một đêm, cùng với con mèo cưng và sử dụng chỗ đỗ xe của cô ấy.

[4] Công viên quốc gia lớn nhất nước Anh.

“Nếu em đợi vài phút, anh có thể tìm ai đó cho em đi nhờ”, Rod - vị chủ nhà chu đáo hơn bao giờ hết - đề nghị.

“Thôi, em cảm ơn.” Tôi lắc đầu. “Đi tàu điện ngầm cũng nhanh mà. Còn anh”, tôi thúc vào cánh tay Tom, “cũng nên về đi. Nếu không anh sẽ ngủ gật suốt buổi thuyết giảng ngày mai mất”,

“Cùng với phần còn lại của giáo đoàn”, Rod nói, làm tôi cười khúc khích.

Tom mỉm cười khoan dung. “Cứ cười to vào”, anh mời mọc. “Em thừa biết anh sẽ không để mặc em đi tàu điện ngầm trong tình trạng này rồi còn gì. Anh sẽ tìm cho em một chiếc taxi.”

“Em không muốn đi taxi”, tôi phản đối. “Em muốn đi tàu điện ngầm. Hoặc đi bộ. Em thích hít thở một chút không khí trong lành.”

Nhưng Tom rất cương quyết. Anh đưa tôi xuống đường, vẫy một chiếc taxi, ấn tôi vào và đưa chỉ dẫn đến thẳng căn hộ của Cheryl. Ngay khi chiếc xe ngoặt vào góc đầu tiên, tôi cúi người lên trước và đập vào vai tài xế. “Tôi đổi ý rồi”, tôi bảo anh ta. “Làm ơn cho đến ga tàu điện ngầm Embankment.”

Sau cùng, tôi nên đi taxi. Lối vào ga tàu điện ngầm đông nghẹt thanh niên, người người chen chúc nhau trong mùi bia ôi cùng mồ hôi đêm thứ Bảy khiến nỗi sợ không gian kín của tôi càng rõ rệt. Tôi đã định bắt tuyến bắc chạy thẳng đến Islington, rồi đột nhiên ánh đèn sắc sỡ trong ga điện ngầm chỉ còn lại chút mời gọi. Thực sự cũng không cần phải vội, tôi tự nhủ. Tôi có thể tản bộ một đoạn dọc bờ sông rồi bắt tuyến đi vòng ở ga xa hơn. Với ánh nhìn quyết định cuối cùng về phía đám đông huyền ảo, tôi quay gót hướng đến ánh đèn dịu dịu của đường Embankment và vô số hình ảnh phản chiếu lấp lánh trên sông Thames đang thiu thiu ngủ.

Đằng sau tôi, sau cây cầu Westminster, là mặt ngoài ấn tượng của tòa lâu đài cổ County uốn cong, phía trước là kiến trúc mái vòm thân thuộc của nhà thờ St. Paul đang sáng lung linh, hiện lên như một ngọn hải đăng trên bầu trời đêm. Quả là một đêm tuyệt đẹp, yên ả đến không ngờ và nhiệt độ khá dịu, mặc cho độ ẩm cao. Tôi lững thững bước, vượt qua ngọn tháp hình chiếc kim của Cleopatra, với những con nhân sư canh gác, vượt qua chiếc bóng khổng lồ của tòa nhà Somerset[5] và cổng vào còn uy nghi hơn dẫn đến trường Luật và Hội luật Hoàng gia.

[5] Trung tâm văn hóa nghệ thuật lớn ở Luân Đôn.

Đầu tiên, tôi khoan khoái tận hưởng cảm giác đơn độc. Nhưng vài phút sau, nỗi thỏa mãn bị rượu che mờ của tôi dần dần rẽ lối cho sự thận trọng trườn vào. Sau cùng, giờ đang là khuya thứ Bảy, dù cũng có thể đáng yêu như đường Embankment, nhưng đây không phải nơi khôn ngoan nhất cho một người phụ nữ đi dạo một mình. Tôi bồn chồn rảo bước. Đến đúng trạm tiếp theo, tự hứa với bản thân, tôi sẽ đi xuống ga điện ngầm. Tôi đã đi bộ đủ xa trong một đêm. Bên cạnh đó, tôi cũng uống rượu hơi quá mức cho phép và lúc này tôi có cảm giác mệt mỏi kinh khủng. Những bước chân của tôi bắt đầu thoáng lung lay và loạng choạng, song đầu óc lại có cảm giác tỉnh táo đến lạ lung, chứa đầy những hồi chuông vang vang kỳ quặc.

Một phút sau, tôi bỏ luôn ý định bắt tàu điện ngầm và đổi hướng khỏi bờ sông để tìm một chiếc taxi. Nhưng không có một chiếc xe nào trong tầm mắt, và càng tìm kiếm trong những con đường rối như mê cung, tôi càng bị lạc. Những con đường đầu tiên hẹp lại thành ngõ, rồi hẻm nhỏ, lối đi mỗi lúc một tối thêm và nhấp nhô thêm dưới chân, trong khi tiếng chuông bên tai càng trở nên rõ nét. Sau vài lần rẽ nhầm, tôi cuối cùng cũng băng qua một con đường trông có vẻ quen thuộc - một con đường hơi quanh co với những ngôi nhà dựng từ gỗ sồi có tường thạch cao, những tầng cao trên cùng nhô lên được sơn màu và trang trí. Khi tôi đi qua một khug cửa có mái che, một cậu bé nhỏ thó, rách rưới giơ chiếc đèn lồng tiến lên trước.

“Cô có cần đèn không, thưa cô?” Cậu bé hỏi tôi đầy hy vọng, nhưng tôi lắc đầu và vội vã đi tiếp.

Thêm một đoạn ngắn xuôi xuống con đường, tôi dừng lại ở một trong những ngôi nhà đứng tùm lại với nhau và gõ dồn dập lên khung cửa. Tưởng như thời gian trôi qua rất lâu trước khi tiếng gõ cửa của tôi cuối cùng cũng được trả lời bởi một người phụ nữ nhỏ bé, trung tuổi với đôi mắt xanh hiền hòa và gương mặt mộc mạc. Bà đang mặc đồ ngủ và choàng một tấm khăn từ đầu xuống vai để tránh làn hơi buốt lạnh buổi đêm.

Nhìn thấy tôi, đôi mắt bà trừng lớn vì kinh ngạc. “Cháu tôi! Sao cháu lại ra ngoài lúc đêm hôm thế này? Vào trong đi... vào trong và làm ấm người lên!”

Tôi như lê khỏi ngưỡng cửa và đứng trước ngọn lửa bập bùng. Tôi nhìn chăm chăm vào đồng lửa, cảm thấy hơi lạnh trùng sâu vào nơi hơi ấm từ ngọn lửa không thể chạm đến.

“Mẹ cháu bị ốm”, tôi nói.

Ánh mắt người phụ nữ chạm ánh mắt tôi và có một nỗi đau khổ thấu hiểu lướt qua chúng tôi còn hơn cả việc diễn đạt bằng lời.

“Khi nào?” Bà hỏi.

“Mẹ đột ngột ngã bệnh.” Giọng tôi dờ dãi. “Vào bữa tối. Rồi bà sốt cao và không nhận ra cháu nữa. Người hầu đã đưa cháu ra khỏi nhà.”

“Họ đã làm đúng. Cháu không thể quay lại đây.” Bà nặng nhọc ngồi xuống bên cạnh tôi. “Cũng không thể ở lại đây. Hàng xóm nhà bác cũng rất sợ bệnh dịch. Họ sẽ gây rắc rối.” Bà nghĩ ngợi rồi trầm ngâm một lúc lâu. “Cháu sẽ về nông thôn”, cuối cùng bà lên tiếng. “Đến chỗ bác cả của cháu.”

“Bác Jabez ạ?” Tôi cắn môi. Bà biết nguyên nhân cho những e ngại của tôi.

“Bác ấy không giống bác John của cháu, Chúa phù hộ cho linh hồn hiền lành của ông ấy. Nhưng là người đáng kính trọng và lương thiện. Bác sẽ sắp xếp một chiếc xe ngựa vào sáng mai. Cháu không mang gì theo sao?”

Tôi lắc đầu khiến bà nhúm mày. “Cháu sẽ cần quần áo. Ellen nhà bác cũng tương tự với cháu. Con bé có lẽ sẽ có thứ gì đó phù hợp.”

Bà đứng dậy khỏi ghế và hỏi hả hướng về cầu thang hẹp. Tôi yếu ớt phản đối.

“Bác Mary...”

“Mariana.” Giọng bà chắc nịch. “Đây là ý Chúa. Tất cả đã định rồi.”

Điệu vũ của những ngọn lửa chập chờn, mờ ảo, và biến mất.

Tôi chớp mắt. Tôi đang đứng ở hẻm Blackfriars, giữa chồng gạch xây dựng trong một lô đất trống tối đen. Trời bắt đầu mưa, lại một trận mưa xuân lạnh lẽo không ngớt, một chiếc xe vụt qua hắt làn nước buốt giá khiến cả thân thể tôi lạnh cóng và hàm răng va vào nhau lập cập. Một tòa nhà lùm lùm hiện lên ngay phía

trước, ánh đèn vàng cùng tiếng cười hòa trong âm nhạc tràn khắp con đường qua ô cửa để mở của quán rượu trong khu và tôi xoay những bước chân vấp vấp của mình thẳng về hướng đó.

Hãng taxi nhanh chóng phản hồi cuộc điện thoại của tôi. Nhét mình vào ghế sau trong một quãng ngắn ngược lên Islington, tôi rút người vào trong một góc tối, tránh xa ánh sáng loang loáng của những ngọn đèn đường bỏ lại sau lưng.

Trong chiếc xe, thoát khỏi màn mưa, không còn thấy lạnh nữa; nhưng tôi liên tục rung mình, như thể chẳng bao giờ sẽ lại cảm thấy ấm áp.

6. Chương 6

“Mariana.” Vivien Wells cuộn cái tên trên đầu lưỡi như định lượng năm sản xuất rượu, rồi nhúu mày quay đầu ra sau. “Không, tôi không nhớ từng nghe nói ai đó có cái tên này. Anh thì sao, Ned?”

Không buồn ngẩng lên từ tờ báo, anh chàng phục vụ quầy bar lắc đầu, Vivien tiếp tục cân nhắc khi tính tiền.

“Cái tên này khá lạ, không phải sao?” Cô ấy nói. “Một cái tên cổ.”

“Hài hước là cô lại gọi cái tên đó như vậy.” Tôi cười với ly nước cam, cô ấy hứng thú ngẩng đầu lên.

“Còn cô vẫn tìm kiếm những lá thư cũ nhét dưới ván sàn đấy hả?” Cô ấy hỏi.

“Gần tương tự. Thực sự cũng không quan trọng đâu.” Tôi đặt ly lên quầy bar và liếc về phía chiếc bàn trống trong góc.

“Tôi thấy những người đàn ông chưa đến hôm nay.”

Vivien nhìn theo tôi và mỉm cười. “Vẫn còn sớm”

Tôi ngó đồng hồ và nhìn, với chút ngạc nhiên, mới mười hai giờ rưỡi. Phải thừa nhận vẫn còn hơi sớm cho người dân lương thiện ở Exbury đến quán rượu, nhất là vào Chủ nhật. Dẫu thế, với tôi thì cứ như thể đã đến giữa chiều rồi vậy.

Tôi có một giấc ngủ tệ hại đêm hôm trước. “Ngủ” có lẽ không phải từ chính xác, bởi hầu hết cả đêm tôi đều trừng mắt nhìn vào bóng tối, dõi theo chiếc đồng hồ điện tử dạ quang cạnh giường hiển thị từng phút một.

Tôi nhớ lại những khoảnh khắc lạ lùng và đáng sợ trong hẻm Blackfriars, lật đi lật lại chúng trong tâm trí cho đến khi có cảm giác mình hẳn đã bị điên. Nó không giống trải nghiệm có thể kể với bất kì ai. Tom có thể sẽ lắng nghe, nhưng hôm nay là Chủ nhật, và liên lạc với Tom vào Chủ nhật là điều không tưởng. Trên chiếc bàn ăn sáng trong căn hộ đơn độc ở Luân Đôn, con mèo của Cheryl cứ nhìn chăm chăm vào tôi.

“Mày nghĩ gì thế?” Tôi hỏi nó. “Tao sắp mất trí rồi phải không?” Con mèo đơn giản vẫn tiếp tục nhìn, Không mong đợi có được câu trả lời từ hướng đó nên tôi trở về nhà. Thật lạ lùng, tôi nghĩ, chẳng mấy chốc mà ngôi làng nhỏ hẻo lánh đã mang lại cho tôi cảm giác như ở nhà. Càng lạ hơn khi Luân Đôn, nơi tôi sinh sống biết bao năm, giờ dường như trở nên xa cách và tách biệt đến lạ.

“Quay lại thành phố vui chứ?” Câu hỏi của Vivien nhảy vào tâm trí tôi với sự chính xác đến kỳ quặc.

“Cô có biết”, tôi từ tốn nói, “tôi đang nghĩ thật mừng khi thoát khỏi Luân Đôn không? Đã trở về nhà”.

Cô ấy gật đầu thấu hiểu. “Sống ở đây đủ lâu, và Luân Đôn có vẻ bắt đầu trở nên không thực. Người ta quá căng thẳng khi sống ở đó. Tôi thường tự hỏi làm sao ai đó có thể chịu đựng được loại căng thẳng ấy ngày này qua ngày khác. Anh nghĩ thế nào hả, Iain?”

Tôi giật nảy trên ghế và quay lại. Như mọi khi, tôi không nghe thấy tiếng anh ta tiến lại gần.

“Anh á? Anh không khoái Luân Đôn”, Iain Sumner vừa nói vừa chống khuỷu tay lên quầy bar và vắt chéo đôi chân đi bốt nặng nề.

“Anh di chuyển cứ như một con mèo phải gió vậy”, tôi cúi kính buộc tội anh ta, dây thần kinh của tôi tróc hết cả ra vì thiếu ngủ. Anh ta quay đầu sang nhìn tôi, rồi nhướn một bên lông mày khó hiểu lên.

“Tôi xin lỗi”, anh ta bình tĩnh nói. “Cô có muốn tôi huýt sáo, hay làm gì để đánh động cho cô biết rằng tôi đang đến không?”

“Ý hay đấy.” Vivien bật cười, đôi mắt xanh dương nhảy múa. Tôi có ấn tượng rõ nét rằng cô ấy rất quý mến Iain Sumner. “Anh vẫn uống như mọi khi chứ?”

“Ừ”, anh ta gật đầu, quan sát cô ấy rót cho mình một vai bia đắng sủi bọt màu đen. Anh ta lôi từ túi áo sơ mi một gói thuốc lá nhãn nhúm, lắc ra một điếu và tò mò nhìn tôi. “Cô có phiền không?”

“Ý anh là nếu anh hút thuốc ấy hả?” Tôi lắc đầu. “Không đâu.”

“Cảm ơn.” Anh ta châm điếu thuốc, khum những ngón tay lem nhem đất quanh que diêm và lơ đi ánh nhìn phê phán của Vivien.

“Em tưởng anh bỏ rồi”, cô nói.

“Ừ. Mẹ anh cũng vậy.” Anh ta nhìn thấy cô ấy ra chiều vô tội. “Anh mới từ lâu đài về. Geoff nói cậu ta đã tìm thấy tất cả giấy tờ em hỏi, những tài liệu cậu ấy dùng cho việc nghiên cứu lịch sử lâu đài và hỏi em có muốn mời cậu ấy uống cà phê tối nay không, để cậu ấy có thể mang đến đây cho em với Julia xem.”

“Em có muốn mời anh ấy không á? Thế mới ghê chứ!” Vivien nở nụ cười thật rộng. “Giữa đây, nông dân bọn em không được phép đến lâu đài vào Chủ nhật à?”

Iain nâng vai bia của mình lên và nhún vai. “Có vẻ người giúp việc mới về cách đây không lâu. Em biết Geoff rồi đây. Cậu ta đã bày bữa một đồng khi tìm đám giấy tờ.”

“Được rồi”, Vivien đầu hàng, “bảo anh ấy cứ xem như được mời đi. Đó là nếu Julia rồi. Phải không?”

Tôi gật đầu.

“Tốt. Vậy chúng ta hẹn bảy giờ nhé? Iain thì sao?”

Đôi lông mày của anh ta nhướn lên. “Anh cũng được mời à?”

“Anh lúc nào cũng được mời”, cô ấy bảo anh ta.

“Thế thì em tốt nhất nên bồi dưỡng cho anh.”

“Em sẽ làm sandwich”, Vivien nghiêm túc hứa hẹn. “Nhân đây, cái tên Mariana có ý nghĩa gì với anh không?”

“Shakespeare”, là câu trả lời tức khắc và không ngờ của anh ta.

“Shakespeare?” Tôi lặp lại và anh ta gật đầu.

“Vị hôn thê lén lút của Angelo trong vở Mạt cửa mướp đắng[1].”

[1] Vở bi kịch có tên Measure for measure của Shakspear.

“Ồ.”

“Nó có ý nghĩa gì đó khác không?”

“Không sao đâu, thật đấy”, tôi nói, “tôi chỉ tình cờ đọc được cái tên này trong một... lá thư khi dọn dẹp và tự hỏi liệu có ai biết cô gái ấy không thôi”. Không ai nhận ra chút vấp vấp trong lời nói dối của tôi.

“Hừm, rõ ràng tôi không phải người thích hợp nhất để hỏi những chuyện như thế”, Iain thừa nhận với nụ cười khê, “Dì Freda nhà em có thể sẽ biết đấy”, anh ta bảo Vivien. “Hoặc nhóm đàn ông.” Anh ta bắt đầu về phía chiếc bàn trống trong góc.

“Thật sự không quan trọng đâu”, tôi lặp lại và gần như hối tiếc vì đã hỏi Vivien ngay từ đầu. Sau cùng, trải nghiệm lạ lùng của tôi ở hẻm Blackfriars tối qua rất có thể chỉ là sản phẩm từ quá nhiều rượu, hoặc quá nhiều căng thẳng... hoặc mối nguy ngầm ngấm nào đó từ bệnh thần kinh đan kết trong dòng họ của tôi. Dù sao đi nữa, khả năng người phụ nữ trẻ tên Mariana cùng bà bác Mary ồn ào của cô ấy có thật trên đời cũng rất mong manh. Ít nhất thì tôi thích nghĩ thế hơn. Bởi giả sử thực sự từng có một Mariana, thì cũng đồng nghĩa rằng tôi...

“Được rồi.” Iain đặt chiếc vai rộng xuống quầy bar với tiếng cạch thỏa mãn, cắt đứt dòng suy nghĩ của tôi. “Anh đi đây.”

“Anh sẽ không quên chuyển lời nhắn của em đến Geoff đấy chứ?” Vivien hỏi khi Iain quay ra cửa.

“Không, anh không quên đâu. Mà em biết không”, anh ta nghiêm trang, “mấy người bọn em nên học cách sử dụng điện thoại và cứu lấy đôi chân đau nhức của anh đi thôi”.

“Đi bộ tốt cho anh còn gì”, cô ấy bắn trả.

“Hắn rồi. Vậy hẹn gặp lại hai người sau nhé.”

“Anh ấy thực sự rất tuyệt”, Vivien cất tiếng lúc cánh cửa sập lại sau lưng anh ta.

“Và đọc Shakespeare.”

“Điều đó khiến cô ngạc nhiên phải không? Dù tin hay không thì Iain cũng nghiên cứu Ngữ văn ở Cambridge. Thế nên anh ấy với Geoff mới gặp nhau.”

“Vậy ư? Và giờ anh ấy chán cừ?”

“Ừm. Hiện tại Iain chán nuôi. Anh ấy có thể làm rất nhiều chuyện với cuộc đời của mình - ý tôi là, anh ấy ổn định về mặt tài chính và có thể trở nên thông minh chết người bất cứ khi nào anh ấy muốn. Nhưng tôi nghĩ anh ấy hạnh phúc nhất khi vầy vò với đám đất.”

“Còn Geoffrey de Mornay học gì ở Cambridge vậy?” Tôi hỏi, hy vọng sự thờ ơ ở đúng mức độ.

“Chính trị, tôi nghĩ thế. Không phải cái anh ấy cần. Chưa bao giờ phải thắc mắc về tương lai của Geoff.” Cô ấy mỉm cười. “Ông của anh ấy là người đã lập nên hãng điện tử Morland.”

“Tôi hiểu.” Có chút điếng người. Logo màu đỏ tươi của Morland gần như có thể nhận ra như cái bóng của bãi đá cổ Stonehenge, và gần như truyền đi nỗi kinh sợ. Từ một công ty sản xuất các thiết bị radio nhỏ trong thời chiến, Morland đã bành trướng thành một trong những công ty đa quốc gia lớn nhất nước Anh. Tôi đoán lợi nhuận hằng năm của nó phải tính bằng con số hàng nghìn tỷ bảng.

“Cô vẫn chưa gặp anh ấy à?” Vivien hỏi.

“Thực tế thì tôi gặp rồi. Chiều thứ Năm tuần trước. Đại loại chúng tôi đâm phải nhau trên lối đi cạnh nhà thờ.”

“Vậy ư? Là anh ấy không nhắc đến.” Cô ấy nhìn tôi tò mò. “Khôi ngô chết người, phải không? Tôi thường nghĩ ông trời thật bất công khi cho một người tất cả tiền tài và một khuôn mặt như thế.”

“Tôi hình dung anh ta hẳn đã bị mọi cô gái trong làng theo đuổi”, tôi nói. Một câu hỏi dò mạo hiểm và đáng xấu hổ, Vivien lại mỉm cười.

“Tôi cũng theo đuổi anh ấy”, cô ấy thừa nhận, “khi còn đi học. Cô sẽ thấy anh ấy là điều gì đó thật tuyệt vời, cô nên nhìn anh ấy lúc đó. Anh ấy sống năm năm ở California và có làn da rám nắng khủng khiếp, mỗi khi nói đều lẫn một chút trọng âm Mỹ”. Cô ấy lim dim mắt tán thưởng. “Nhưng đương nhiên anh ấy để mắt chúng còn nhanh hơn. Cambridge đã gột đám trọng âm ấy đi.”

“California?” Điều đó khiến tôi ngạc nhiên. “Anh ấy làm gì ở đó vậy?”

“Cha mẹ Geoff ly hôn khi anh ấy lên mười một tuổi. Mẹ anh ấy bỏ theo người đàn ông khác và Geoff đến Mỹ với cha mình. Tôi nghĩ Morland có một chi nhánh lớn ở đó, gần San Francisco. Dù sao lúc mười sáu tuổi thì cuối cùng Geoff cũng quay về. Coi như một chút điều chỉnh với anh ấy”, cô ấy lại mỉm cười nói. “Dẫu vậy, anh ấy vẫn không hòa nhập được với cộng đồng ở đây và thậm chí mọi chuyện còn tệ hơn khi anh

ấy quay lại - ai anh ấy cũng kết bạn hết. Kể cả tôi”, cô ấy toe toét thêm vào. “Cứ nghĩ mà xem, thời gian đó chúng tôi sống chung dưới một mái nhà, nên có kết bạn thì cũng chẳng có gì đáng chê trách cả, nhưng vẫn khiến vài người nhướn mày. Giờ ngẫu nhiên vẫn vậy đấy.”

Tôi thoáng nhúm mày và cố gắng bắt theo. “Cô đã sống ở lâu đài Crofton sao?” Tôi ngập ngừng. “Khi cô còn nhỏ?”

“Phải. Xin lỗi, tôi quên mất là cô không biết.” Một nụ cười lúng túng xoẹt qua. “Tôi cứ luôn phải nhắc bản thân, cô biết đấy, rằng chúng ta chỉ mới gặp nhau. Nhưng đôi khi cứ như tôi với cô đã kết bạn hàng năm trời rồi ấy, cô có cảm thấy thế không? Dù sao thì đúng, lúc còn nhỏ, tôi đã sống ở lâu đài. Di tôi trông tòa nhà hộ cha của Geoff, cô thấy đấy, và tôi đã sống với dì ấy. Cha mẹ tôi”, cô giải thích, trước khi tôi kịp hỏi, “mất trong một tai nạn tàu hỏa nhiều năm trước. Tôi hầu như không nhớ nổi mặt họ. Di Freda đã cứu mạng tôi, và xét cho cùng đã thực hiện việc ấy một cách phi thường, dù tôi chắc chắn mình là nguyên nhân cho từng sợi tóc bạc trên mái đầu dì”. Cô mỉm cười trước dòng ký ức. “Một đêm, dì phát hiện tôi có mặt trong những tấm ảnh cùng Geoff. Thế là dì bắt tôi qua đường đến nhà ông bà tôi, cùng chiếc vali. Không đứa cháu nào của dì được trở thành đề tài cho các câu chuyện ngồi lê đôi mách của dân làng. Di Freda tội nghiệp.”

Tôi dùng chiếc ly vạch lên một biểu tượng vu vơ trên quầy bar. “VẬY cô và Geoffrey de Mornay từng là...”

“Ôi, lạy trời, không. Chẳng có gì nghiêm túc cả. Thực đây, chưa bao giờ có ai thực sự nghiêm túc, với Geoff.” Nụ cười của Vivien trở nên rộng hơn khi nhìn vào mắt tôi. “Vẫn chưa.”

Tôi thoáng đỏ mặt và uống nhanh một ngụm từ ly nước quả.

“Cô có chắc không muốn thứ gì mạnh hơn không?”

“Chắc mà.” Tôi nói, rồi xoay cổ tay để có thể nhìn thấy mặt đồng hồ. “Thực sự tôi nên về đây. Tôi vẫn phải sắp xếp cho xong xương vế, và sau đó, nếu may mắn thì tôi có thể ngủ vài giờ trước khi trời tối. Hôm ở Luân Đôn tôi không ngủ ngon mấy.”

“Trông cô mệt lắm”, Vivien nói. “Nếu muốn thì lúc nào chúng ta cũng có thể hoãn bài học lịch sử được mà.”

“Ôi, không không. Tôi sẽ ổn thôi. Bây giờ phải không?”

Cô ấy gật đầu. “Cứ đi vòng ra cửa sau. Đây là khu vực riêng của tôi. Ned có thể tự mình trông quán một đêm, đúng không chứ?”

Tại đầu kia của quầy bar, Ned lật một tờ của trang thể thao. “Ừ, đương nhiên rồi”, anh ta nói.

Hắn có điều gì đó lộ trên mặt tôi khi nghĩ Ned tự mình trông quán ra sao, bởi Vivien cười ha hả.

“Anh có thấy ấn tượng anh gây cho cô gái này không Ned?” Cô ấy hỏi anh ta. “Cô ấy thậm chí không thể hình dung nổi cảnh anh làm việc này.”

“Cô ấy chưa nhìn thấy anh hành động thôi”, Ned đáp với cái nhún vai tùy tiện.

Vivien hạ giọng và hất đầu về phía đồng nghiệp. “Nói chung chúng tôi chỉ giữ anh ấy ở đây bởi tài pha màu quá khéo của anh ấy”, cô ấy giải bày. “Nhưng thì thoảng anh ấy thực sự cứ ngồi yên một chỗ thế đấy. Cũng thú vị ra trò nhỉ.”

“Tiếp tục đi”, người đàn ông ở quầy bar điềm nhiên thách thức, “và đêm nay quán rượu sẽ mở cửa đầy cứng à. Miễn phí cho toàn bộ khách”.

Tôi bật cười. “Cô có muốn tôi mang gì đến tối nay không?”

“Mang người đến thôi. Cô có chắc mình đủ sức không thế?”

“Ngủ một hai giờ là tôi sẽ đâu vào đấy ngay”, tôi quả quyết.

Tôi đang cảm thấy kiệt quệ. Nhưng không hiểu sao, thay vì đi thẳng về nhà lúc rời quán Sư Tử Đỏ, tôi lại thấy mình rẽ phải và thơ thẩn đi ngược lên đường Thượng hướng về phía nhà thờ.

Rõ ràng ở đây có mưa đêm hôm trước, giống Luân Đôn. Ngoài bầu trời u ám trên cao, vĩa hè vẫn ẩm ướt, mùi đất ngai ngái, cỏ đầm nước và những bông hoa sũng mưa ủ rũ trong không khí ban chiều. Người ta có thể bắn thẳng một quả đại bác trên đường mà không trúng nổi một linh hồn, ngôi làng yên tĩnh vậy đấy, nhưng các vết chân dính đầy bùn đất ở nhiều nơi trên con đường rải sỏi ít nhất cũng cho thấy dấu hiệu của vài người đã thức dậy đủ sớm để đi lễ nhà thờ.

Cũng có những dấu chân hướng lên con đường rợp bóng dẫn về tòa trang viên. Những dấu chân của Iain Sumner, tôi suy luận, khi có hai vết dấu chân đi vào và chỉ có một hàng dấu chân lại đi ra. Trong cơn bốc đồng, tôi rời đường lớn và bắt đầu đi lên con đường nhỏ, giày của tôi giẫm bì bạch trên lớp bùn dần khô. Chỉ là cơn bốc đồng vẩn vơ thôi, tôi tự nhủ. Tôi thực sự chưa nhìn kỹ ngôi nhà trong lần viếng thăm mới đây và nghi ngờ khả năng Geoffrey de Mornay sẽ thấy phiền nếu tôi chỉ ngó qua một vòng.

Con đường tĩnh lặng và vắng vẻ. Bên tay trái của tôi, qua hàng cây chen nhau san sát, tôi chỉ có thể phác lên đường nét mờ mờ của nhà thờ, những bức tường đá vàng của nó mờ đục hắt trong không gian vắng ánh nắng mặt trời. Con đường ôm lấy nghĩa địa nhà thờ vòng một góc trong trơn tru, rồi lại được nắn thẳng khi đến gần tòa trang viên. Trước mặt tôi lơ mờ hiện lên cổng vườn dành cho khách bộ hành dẫn đến lối vào phía bắc của lâu đài, một khung cửa không có giá đỡ được đeo từ đá vôi xám, một cái gờ kèm khối cầu trang trí phủ lên trên. Một biển hiệu đặt một bên cổng lịch sự thông báo: “Chào mừng đến lâu đài Crofton. Mạn này dùng cho gia chủ. Khách tham quan xin mời sử dụng cổng phía đông, dẫn vào từ đường Thượng”.

Quả là chu đáo, tôi nghĩ, để hướng dẫn cho những người bị lạc. Mà cũng khiến họ không cảm thấy khó chịu khi phải quay lại lối vừa đi vào. Một cánh cổng nhỏ gắn với bức tường đá thấp bên tay trái dẫn vào khu nghĩa địa nhà thờ, mời chào đi tắt trở lại đường Thượng.

Bên tay phải của tôi, một tòa nhà dài và thấp lợp mái đá vượn khỏi cổng vườn bệ vệ trước mặt. Mùi hăng hăng dễ chịu lan ra qua khung cửa rộng mở ngay lập tức cho thấy đây là chuồng ngựa của lâu đài. Sự do dự của tôi chỉ dừng trong chốc lát. Tôi chưa bao giờ có thể kháng cự nét quyến rũ gần như nam châm trước sự hiện diện của những chú ngựa. Quên đi tất cả về tòa dinh thự, tôi bản thân bước về phía khung cửa lớn, tiếng ruối những nhieu không mấy phiền hà bên tai tôi.

Đập vào mắt tôi là khu chuồng ngựa cũ kỹ được xây từ những phiến đá xám thô ráp trông giống hệt loại dùng để xây nhà tôi. Đá sa thạch, Vivien đã gọi chúng thế. Con ruồi lại vo ve bay qua, lần này lớn tiếng hơn và tôi lại xua nó đi. Bên trong, chuồng ngựa ẩm áp và thơm ngát, tôi ngừng chốc lát để mắt quen với ánh sáng mờ.

Ở đây có bảy gian có cửa sổ, hầu hết đều là loại hai khung hai cánh mạ chì độc đáo, với những con ngựa xanh thỏ thuê đập cánh o o bên lớp kính. Trong chín ngăn chuồng thẳng hàng thì có sáu ngăn chứa ngựa, đủ các màu từ đen huyền như màn đêm đến nâu vàng óng ả. Nhưng có một con ngựa xám trong góc chuồng phía xa, đã thu hút ngay sự chú ý của tôi.

Đó là một con ngựa giống, cao đúng mười sáu gang tay^[2], với cái cổ vươn cao ngạo nghễ và khuôn mặt vương giả gợi nhớ đến những bãi biển lộng gió gồ ghề và những vương quốc ngoại giáo xa xôi. Khi bước lại gần hơn, con ngựa xám quay đầu về phía tôi, đôi mắt đen của nó ánh lên thoáng tò mò và mũi nó khẽ khịt khịt. Tôi vươn bàn tay vuốt chiếc mũi mượt như nhung, làm hai lỗ mũi đang phập phồng xinh xắn của nó hơi run lên đáp lại, khi hít vào mùi của tôi.

[2] Đơn vị đo chiều cao của ngựa, mỗi gang tay bằng 4 inch khoảng 10cm.

“Xin chào, Navarre”, tôi âu yếm chào nó, “bé cưng xinh đẹp”.

Con ngựa sục mõm vào tay tôi, tìm kiếm sự cưng nựng trái phép. Và nó có thể đã được vuốt ve một cái nếu giây phút ấy tôi không nghe thấy tiếng bước chân đang tiến lại gần - những bước chân chắc nịch, tự tin cùng tiếng huýt sáo vui vẻ. Tôi vội quay phắt lại và đứng trân trân nhìn cánh cửa với hai bàn tay giấu sau lưng như một nữ sinh mắc lỗi.

Nhưng không có ai tiến vào.

Đàn ruồi càng lúc càng réo rắt ồn ã hơn trên các khung cửa kính, dim tiếng tim đập dồn dập của tôi chìm ngấm, tôi chớp mắt trước ánh đèn điện đột ngột sáng bừng, thứ rõ ràng không có mặt ở đây một lúc trước đó. Khung cửa sổ mạ chì biến mất, được thay vào bởi những khung cửa đôi tiết kiệm năng lượng. Cũng bay

biến là các ngăn chuồng ngay ngắn, ở vào vị trí của chúng là các lô giữ ngựa gọn gàng và rộng rãi hơn. Còn con ngựa sau lưng tôi, khi tôi thu đủ dũng khí để nhìn, không còn mang màu xám nữa, mà là một con ngựa hồng mao sẫm màu, đang tò mò nhìn tôi từ bức tường an toàn tí phía xa.

Tôi không có thời gian phân tích chuyện gì vừa xảy đến. Tôi bỏ chạy. Bỏ chạy khỏi chuồng ngựa, băng qua con đường và xông vào cánh cửa dẫn đến khu nghĩa địa tôn nghiêm im lìm, và nếu không vấp phải một rễ cây ngoằn ngoèo, tôi chắc chắn sẽ tiếp tục chạy thực mạng

Tôi ngã sõng soài ra đất giữa đám cỏ mọc um tùm cạnh tường nhà thờ, cú ngã khiến tôi không thở nổi, phải nằm yên một lúc. Và khi tôi nằm đó, thở hổn hển, hy vọng không có ai đó nhìn thấy mình trong tình trạng bất nhả này, ánh mắt rơi tự do lên một phiến đá bạc thếp cách tay tôi một quãng ngắn.

Đó là một phiến đá cổ, dựng lên một góc khó tin và bị dây tường vi quấn dày đặc, nhánh tường vi bao kín phiến đá đến mức chỉ có thể đọc được tên của người nằm yên nghỉ bên dưới:

Mariana...

7. Chương 7

Lối vào dãy phòng riêng của Vivien sau quán Sư Tử Đỏ vòng qua một trong những khu vườn đáng yêu nhất tôi từng thấy - kiểu vườn vẫn được in trong những tờ quảng bá du lịch mang tiêu đề “Khu vườn đồng quê Anh”. Hay ít nhất cũng trở thành kiểu vườn như thế vào mùa hè, khi hoa trong vườn nở rộ, thậm chí giờ đây, đang giữa tháng năm, khu vườn cũng đã như một mớ bông bong tuyết diệu, với những bông hoa li ti bám trên từng kẽ nứt của bức tường đá cũ kỹ bao quanh sân. Chân tôi giật lùi lại trong chốc lát, để bước lang thang trong nỗi thán phục lặng câm.

“Tôi đang lại gần sau cô này”, Iain Sumner thông báo từ cách đó vài thước. “Thế”, anh ta nói, khi dần tiến lại chỗ tôi, “đã ổn hơn chưa?”

Bật cười, tôi lắc đầu. “Tôi xin lỗi, nhưng chả ổn tí nào. Tôi vẫn nhảy dựng lên.”

“À, hừm”, anh ta thở dài, “chúng ta sẽ nghĩ ra cách nào đó. Tôi không muốn cô lên cơn đau tim đâu”.

“Xin chào!” Geoffrey de Mornay ngoặt qua góc ngôi nhà, trông thanh lịch lạ lùng trong chiếc quần jean và áo sơ mi giản dị. Lời chào của anh được gửi đến Iain, nhưng nụ cười, tôi ảo tưởng, là dành cho tôi.

“Sao cậu lại khiến cô ấy lên cơn đau tim?” Anh ta hỏi. Iain nhe răng cười.

“Vì tôi cứ di chuyển như một con mèo phải gió ấy.”

“Thứ lỗi cho tôi?”

“Anh ấy cứ rón rén theo tôi”, tôi giải thích.

Iain phật ý và nhướn cả đôi lông mày lên vờ phẫn nộ. “Một người Scotland”, anh ta tuyên bố với tôi, “không bao giờ rón rén”.

“Ừm, sao cũng được. Tôi chưa bao giờ nghe thấy tiếng anh ấy lại gần.”

Geoff nhíu mày. “Tôi nghĩ cậu có thể đổi sang một đôi boots nặng hơn”, anh ta gợi ý, nhưng Iain lắc đầu.

“Sao đi nổi đôi nào nặng hơn nữa.”

Cả ba chúng tôi nhìn xuống đôi giày đầy bùn của Iain, vẻ mặt trầm ngâm, cho đến khi tiếng háng giọng dần rõ ràng khiến đầu chúng tôi đồng loạt ngẩng lên.

“Chào.” Vivien mỉm cười rạng rỡ từ khung cửa ngõ. “Cả ba người muốn vào trong, hay tôi nên ra đó với mọi người nào?”

“Chào, Viv.” Geoff cúi người để hôn lên má cô. “Cảm ơn vì đã mời anh.”

Anh lướt qua cô tiến vào trong nhà, Iain và tôi nối gót theo sau. Vivien vừa đóng cửa sau lưng vừa lắc đầu. “Cả ba đang làm trò gì thế?”

“Nhìn đôi boot của anh”, Iain giải thích, đá bay mào từ cửa câu hỏi và thông dong đi vào căn bếp nhỏ với bàn chân chỉ còn đôi tất. Anh ta cũng mặc quần jean và một chiếc áo sơ mi lao động, chiếc váy cùng áo len dài tay của tôi hẳn đã cho tôi cảm giác chùng diện thái quá nếu không tính đến thực tế Vivien cũng đang mặc váy, một chiếc váy xẻ màu xanh nước biển xinh xắn càng tôn lên mái tóc vàng hoe của cô ấy.

“Khu vườn nhà cô đáng yêu thật đấy”, tôi khen làm cô ấy mỉm cười.

“Cảm ơn, nhưng tôi không thể nhận hết công lao đâu. Phần lớn việc gieo trồng đều do Iain làm.”

“Còn khu vườn nhà ai anh ấy chưa đụng tay vào không?” Tôi muốn biết.

“Hầu như không”, Iain ngoái lại trả lời khi đang lục lọi tủ lạnh. “Tôi thích những khu vườn, ghét việc nhìn thấy chúng bị bỏ tan hoang.” Anh ta đứng thẳng với một chiếc bánh sandwich trong tay. “Tiện đây cũng từng có một khu vườn rất đẹp ở nhà cô. Eddie già để mặc nó mọc tràn lan. Không buồn bận tâm đến nó.”

“Khu vườn nơi Thiếu Phụ Xanh xuất hiện.”

“Đúng rồi”, Geoff lên tiếng lúc ngồi xuống một chiếc sofa dài trong phòng khách thông với nhà bếp. “Cô đã kịp tìm tòi về các truyền thuyết trong vùng rồi hả?”

“Tôi thấy chúng rất hấp dẫn. Tôi chưa từng gặp ma trước đây.”

“Giờ cô cũng không nhất thiết phải gặp đâu”, anh ta chỉ ra. “Người ta chưa gặp Thiếu Phụ Xanh từ ngày tôi mặc quần đùi kia. Trừ khi cô mới gặp cô ấy gần đây?”

“Không, tôi e là không.” Tôi lắc đầu, khi Vivien băng qua căn phòng từ khu vực nấu ăn để đưa một ly chất lỏng có màu hổ phách nhạt cho Geoff.

“Dẫu vậy, cô ấy đã tìm thấy các lá thư cũ được cất giấu”, cô ấy nói, “Anh có biết ai tên Mariana sống ở đây không?”

“Mariana...” Geoff nghiêng ngả nhấp một ngụm rượu. “Anh không chắc. Cô có biết họ của cô ấy là gì không?”

“Farr”, tôi nói, đáp lại ánh nhìn thắc mắc của Vivien, “Tôi thấy mộ của cô ấy trong nghĩa trang nhà thờ”.

“Mariana Farr. Không, tôi không nhớ. Nhưng có thể cô ấy đang được nói đến ở đây.” Anh ta gõ lên tập tài liệu dày cộm đang nằm trên bàn cà phê thấp cạnh đầu gối mình, với những khay pho mát cùng bánh quy nướng sắp xếp cẩn thận xung quanh.

“Cô tốt nhất nên ngồi cạnh Geoff ấy, Julia, để có thể nhìn rõ hơn”, Vivien khéo léo thu xếp. “Iain, anh cũng dùng một chút rượu Scot chứ?”

“Mạch nha nguyên chất?”, Iain ngoái lại trả lời khi đang lục lọi tủ lạnh. “Tôi thích những khu vườn. Ghét việc nhìn thấy chúng bị bỏ tan hoang.” Anh ta đứng thẳng với một chiếc bánh sandwich trong tay. “Tiện đây cũng từng có một khu vườn rất đẹp ở nhà cô. Eddie già để mặc nó mọc tràn lan. Không buồn bận tâm đến nó.”

“Pha.”

“Vậy anh sẽ dùng một ly, cảm ơn.” Anh ta lôi một chai bia nhập khẩu ra từ tủ lạnh và ngồi cùng chúng tôi, chọn cái ghế đối diện với chiếc sofa qua chiếc bàn cà phê.

“Còn cô muốn thứ gì hả, Julia? Vivien hỏi. “Ý tôi là đồ uống ấy.”

Trong quá khứ, mỗi lần được hỏi câu đó, tôi luôn thành công trong nỗ lực chọn loại đồ uống chủ nhà không có. Lần này, tôi thử một cách giải quyết khác.

“Cô là bartender[1].” Tôi mỉm cười. “Tôi sẽ để cô chọn giúp.”

[1] Người phục vụ quầy bar, phụ trách rót và pha chế rượu.

“Linh hồn cả tin”, Geoff nhận xét lúc Vivien đi lấy đồ uống cho tôi. “Vậy kể tôi nghe xem. Chính xác thì hứng thú với cái gì?”

“Gi cơ?”

“Về mặt lịch sử. Chỉ ngôi nhà của cô thôi sao?”

“Vâng, chủ yếu là thế. Nhưng tôi cũng hứng thú với lịch sử lâu đài của anh nữa.”

“Thật ư?” Anh ta trông có vẻ hài lòng.

Iain lớn tiếng rên rỉ. “Lại nữa à”, anh ta nói, với cái miệng đầy bia và sandwich.

“Sao thế? Tôi nói gì à?”

“Không gì cả”, Vivien đáp, quay trở lại với hai chiếc ly cao đầy áp chất lỏng lợt màu. “Giống như Geoff lại định sa hồ nữa ấy, thì thoảng lại thế khi anh ấy vùi đầu vào lịch sử lâu đài.” Cô ấy đặt đồ uống trước mặt tôi và ngồi bên cạnh Iain, người vừa bắn cho cô ấy một cái liếc ý nhị.

“Đấy là nói một cách tử tế”, anh ta bình luận.

Tôi tò mò nhìn ly nước của mình làm Vivien mỉm cười. “Có rượu rum trong đó”, cô ấy cảnh báo tôi, “nhưng thành phần còn lại là tối mật”.

Ngụm thử nghiệm đầu tiên là một bất ngờ thú vị. “Tuyệt quá. Cảm ơn.”

“Không có gì. Giờ thì, Geoff, mời anh bắt đầu bài giảng đi. Em nghĩ tốt hơn hết anh nên đưa bọn em trở về thời tu viện Benedict và tiếp tục từ đó, theo hứng thú của Julia.”

“Được.” Anh mở tập tài liệu và vui vẻ sắp xếp các giấy tờ bên trong, hệt như một cậu học trò đang thuyết trình trước lớp học. “Vào năm 1173, tôi tin rằng...”

“74”, Iain vừa dùng một tay dụi mắt vừa sửa lại.

“... khi Henry II ban một mảnh đất cho Thomas Killingbeck, nhằm xây dựng tu viện thuộc dòng thánh Benedict. Quy mô xây dựng tương đối lớn vào thời ấy.”

“Henry II”, tôi lơ đãng nhồi người về trước. “Đó là cha của Richard Tim Sư Tử, đúng không? Người đã giết Thomas Becket?”

Geoff hướng đôi mắt tán đồng về phía tôi. “Phải rồi. Không nhiều người nhớ đâu.”

“Ừm, anh biết đây, đó là tên anh trai tôi”, tôi giải thích. “Thomas Beckett. Đại loại là tôi đã chú ý đến phần đó trong bài học lịch sử ở trường.”

Iain duỗi chân, gác một cánh tay dọc theo đệm lưng của chiếc ghế đôi. “Tên anh trai cô là Thomas?” Đôi mắt xám của anh ta ánh lên thích thú. “Cha mẹ cô chọn cái tên tương đối thích hợp nhỉ?”

“Tương đối.” Nhằm chiếm được sự đồng tình của Geoff và Vivien, tôi giải thích. “Tom là mục sư ở Hampshire, cách đây không xa lắm.”

Geoff bật cười. “Không phải đấy chứ? Nếu được chọn làm Tổng giám mục Canterbury, anh ấy chắc chắn sẽ khiến vài cái đầu ngoái lại nhìn cho xem.”

“Tôi không nghĩ anh ấy tham vọng thế. Tom thích cuộc sống ở miền quê. Dù sao thì tôi cũng lạc đề mất rồi. Chuyện gì xảy đến với tòa tu viện vậy?”

“À, các thầy tu vẫn ổn cho đến khi Henry VIII quyết định xung công tu viện. Tu viện trưởng cuối cùng đã bị treo cổ vì chống đối hoàng gia.”

“Ông ấy là một trong những bóng ma sao?” Vivien hỏi.

“Rất có thể. Vài người báo cáo đã nhìn thấy hồn ma thầy tu bay khắp các hành lang, nhưng khả năng có phải là hồn ma của tu viện trưởng không thì chưa biết.” Anh ta thẳng thắn đến mức kinh ngạc, như thể nhìn thấy ma ở một trong các hành lang là chuyện thường ngày vậy. “Dù sao đi nữa”, anh ta tiếp tục khi rà soát các ghi chép, “khu đất đã được bán vào năm 1547 cho ngài James Crofton, người bắt đầu xây dựng

một tòa nhà trên tàn tích của tu viện. Tòa nhà gọi theo họ của ông ta. Trong những tấm bản đồ cổ, nó được đề là lâu đài của Crofton, và khi thời gian trôi đi, người ta bắt đầu bỏ đi từ ‘của’. Ông ta chỉ sống ở đó mười bốn năm, trước khi bán cho Nicholas Hatch, người đã tặng nó cho con trai Edmund như một món quà cưới.”

“Edmund Hatch cũng không dành nhiều thời gian tận hưởng ngôi nhà, bởi ông ta chết vào năm 1594. Có vẻ như do tai nạn súng bắn. Ông ta để lại tài sản cho Ann - vợ ông ta, và bà ấy, Chúa phù hộ, ngay lập tức kết hôn với tổ tiên của tôi, William de Mornay.”

“William làm nghề gì?” Tôi hỏi.

“Ông ấy là một quân nhân về hưu. Tôi không biết vì sao bà lại cưới ông - bà mới mãn tang và người đàn ông ấy gấp đôi tuổi bà.”

“Có thể ông ấy giàu”, Iain giả thuyết.

“Cũng có khả năng.”

Tôi thiên về ý kiến phản đối. Nếu tất cả sức quyến rũ và vẻ bề ngoài của Geoff đều được thừa kế từ tổ tiên của anh ta, thì tôi nghĩ mình biết chính xác vì sao người góa phụ tên Ann Hatch lại vội vã kết hôn với William de Mornay.

“Ann và William có một đứa con, cũng tên là William, khiến mọi nghiên cứu thêm rối rắm. Cha tôi phải trải qua một giai đoạn kinh khủng để cố phân loại tài liệu nào nói về William cha và tài liệu nào nói về William con. Dù sao nhân vật William con cũng có một chút thú vị. Trong suốt cuộc nội chiến, khi đất nước bị chia cắt bởi từng tấc của vua Charles I và những người ủng hộ nghị viện của Cromwell, William con đã mắc sai lầm tai hại, dù đáng khâm phục, khi về phe nhà vua.”

“Khi nhà vua mất đầu, William con mất trang viên và bị ném vào tháp Luân Đôn[2] vì các rắc rối gây ra. Ông được thả vào năm 1660 khi Charles II đoạt lại ngai vàng và được hoàn trả đất đai, nhưng sức khỏe của ông thì không bao giờ phục hồi lại được. Không đầy một năm sau, ông qua đời. Có một bức chân dung còn khá nguyên vẹn của ông trong phòng ăn ở lâu đài - tôi nghĩ có một bức ảnh chụp của nó, đây... phải, đây rồi. Đây là William con.”

[2] Tháp Luân Đôn hay còn gọi là Cung điện Nữ Hoàng nằm ở trung tâm Luân Đôn, phía bắc sông Thames. Đây từng là cung điện, pháo đài của hoàng gia song sang thế kỷ XVI và XVII, nó trở thành nhà tù của những người có địa vị cao (Nữ hoàng Elizabeth I từng bị giam ở đây).

Anh ta đẩy tấm ảnh qua bàn về phía tôi và tôi cúi người để nhìn rõ hơn. Giả định ban đầu của tôi là chính xác. Về ưa nhìn dứt khoát được kế thừa từ đời này qua đời khác. William de Mornay trông khá thanh lịch trong tấm chân dung sống động, với mái tóc xoắn đen, chòm râu vĩnh Vandyke và cặp mắt đen lười biếng mang cảm giác đầy nhục dục. Trong chiếc áo choàng đỏ tươi và quần ống túm, một tay ông để trên chuôi kiếm và tay kia ngang ngực chống lên hông, ông trông giống một kỵ sĩ[3] hào hoa đến từng phân nhỏ.

[3] Nguyên gốc là “cavalier” - chỉ những người ủng hộ đức vua trong cuộc nội chiến thế kỷ XVII ở Anh.

Tôi miễn cưỡng trả lại tấm ảnh. “Một tấm chân dung tuyệt vời.”

“Phải. Chúng tôi không tìm thấy ghi chép nào về những đứa con của ông, bởi tòa trang viên được truyền lại cho cháu trai của ông, Arthur de Mornay. Điều đó có chút sai lầm. Arthur có vẻ đam mê bài bạc và không những mất toàn bộ gia tài của gia đình mà còn dẫn đến kết cục phải bán trang viên để trả nợ. Nên nhà de Mornay lần thứ hai mất đất đai. Chúng tôi không lấy lại được nó cho đến khi cha tôi mua lại lâu đài vào năm 1964.” Anh ta lật thêm vài trang giấy với cái nhàu mảy lơ đặng. “Tôi thật sự nên hỏi tưởng lại điều này, cô biết đấy, một trong những ngày ấy. Cha tôi say mê gia phả - ông dành nhiều ngày giam mình trong cục lưu trữ công, tìm kiếm những tờ di chúc và tài sản. Nhưng cuối cùng, ông phần nào đã đánh mất hứng thú và tôi dường như không bao giờ có thời gian...”

Iain ngọ nguậy trên ghế. “Bắt đầu hơi chán sau ngài Arthur già rồi, cậu không nghĩ vậy sao Geoff? Sao cậu không tìm cho chúng tôi thứ gì đó về ngôi nhà của Julia ấy?”

“Gì cơ?” Geoff ngơ ngẩn nhìn lên, rồi mỉm cười. “Ồ, đúng rồi. Đợi một phút, tôi phải tìm kiếm một chút đã.”

Tôi nhìn đôi bàn tay anh ta như bị mê hoặc, khi anh ta xáo tung đám giấy tờ. Anh ta có một đôi bàn tay tuyệt đẹp, thon gầy, mạnh mẽ và rám nắng, kèm đôi chút duyên dáng ngẫu nhiên hiển hiện qua từng cử động.

“À há!” Anh ta rút một tờ từ chồng giấy. “Nó đây. Đền Cừ Xám. Theo nghiên cứu, nó được xây vào năm 1587 bởi một người đàn ông tên Stephen Sharington, một người nông dân thuê đất từ người bạn Edmund Hatch già cỗi của chúng ta. Ngôi nhà được người con trai của Stephen là John thừa kế, người đã bán nó vào năm 1626 cho Robert Howard, một lái buôn. Có ổn chứ?”

Tôi gật đầu. “Chỉ là cơn ớn lạnh thôi. Xin anh tiếp tục.”

“Gia đình Howard giữ ngôi nhà cho đến những năm đầu thế kỷ XIX, rồi họ bán cho Lawrence Alleyn. Ông ta là một kiểu người vui nhộn - đã chiến đấu với Wellington[4] ở trận Waterloo và dành vài năm ở Ấn Độ. Ông ta chỉ có một đứa con gái tên là Mary, và cô ta có đôi chút cấp tiến trước thời đại. Mặc quần dài và viết tiểu thuyết.”

[4] Hay còn gọi là Công tước Wellington “Công tước Sắt”, một nhà chỉ huy quân sự tài ba, nổi tiếng với trận Waterloo đánh thắng Napoleon năm 1815. Sau này trở thành Thủ tướng Chính phủ.

“Những cuốn tiểu thuyết kinh khủng”, Vivien khẽ nhún vai thêm vào. “Tôi từng đọc một cuốn. Dạng thời Victoria. Đây rấy những đoạn miêu tả dài loằng ngoằng và khô như ngói.”

“Tuy vậy.” Geoff mỉm cười khoan dung. “Cô ấy chết vào năm 1896 và ngôi nhà được bán cho đại úy James Guthrie.”

“Chính là ‘Đại úy nào đó’ mà những người đàn ông đã kể cho cô nghe hôm trước”, Vivien nói. “Tôi đã hỏi dì tôi về ông ta. Dì ấy nói ông ta là sĩ quan hải quân, hay gì đó, nói chung là rất bí ẩn. Vài người nghĩ ông ta là gián điệp. Có vẻ ông ta đã điều hành ngôi nhà như một trong những con tàu của mình. Có ba cô con gái, hầu như không được phép đi ra ngoài, tội nghiệp.”

“Chuyện gì xảy đến với họ?” Tôi hỏi.

“À, cuối cùng người cha chết.” Cô ấy mỉm cười. “Bị hạ độc, hầu hết mọi người đều nghĩ vậy. Các cô gái bỏ đi và lấy chồng. Chuyện này diễn ra vào đầu những năm hai mươi.”

“Hừm, ăn khớp đấy”, Geoff thừa nhận, “bởi vào năm 1921, ngôi nhà được bán cho William Randall, cha của Eddie già. Ông ta đã cố thuyết phục người sở hữu lâu đài Crofton khi đó - tôi nghĩ tên là Pilkington - tách một phần vùng đất, nên nhà Randall là những người đầu tiên đứng tên đất chính chủ.”

“Và sau nhà Randall, người chủ tiếp theo là cô”, Vivien nói với tôi. “Không đề cập đến một cô Mariana nào ở đây sao?”

Iain nhún vai. “Cô ấy có thể là một người hầu.”

“Hoặc vợ của ai đó”, Geoff đoán. “Các ghi chép cũ hiếm khi đề cập đến những người phụ nữ trong gia đình.”

Tôi gật đầu. “Dù sao cũng rất thú vị. Không phiền nếu anh cho tôi một bản sao của nó chứ?”

“Lịch sử ngôi nhà của cô hả? Tôi rất vui ấy chứ.” Ánh mắt anh ta ảm áp nét cười đón mắt tôi và tôi đột ngột cảm giác như thể mình không hít đủ không khí. Tôi quay đi, phá vỡ kết nối, và với tay lấy đồ uống của mình.

“Cô có muốn thêm một ly không?” Vivien đề nghị khi nhìn vào ly tôi.

“Ôi, không đâu, cảm ơn cô, tôi như đang trôi bồng bềnh rồi đây này.”

“Dẫu vậy, anh sẽ uống thêm một ly Scotch nữa.” Geoff phấn khởi gơ chiếc ly rỗng của mình lên làm Vivien mỉm cười đứng dậy khỏi chiếc ghế đôi.

“Thế khá hơn là không nói năng gì, không phải sao? Còn Iain? Thêm bia nữa nhé?”

“Chắc rồi, sao không? Anh ta cũng đưa lên chiếc chai rỗng và trông cũng gần mệt như tôi vậy. Rồi tôi nhớ ra, là một nông dân, anh ta chắc chắn phải dậy sớm khi bình minh ló dạng mỗi ngày.

Geoff ngả lưng trên ghế, ly rượu của anh ta đã được đổ đầy. Anh ta xê dịch một chút trên sofa để có thể trực diện nhìn tôi. “Thế, việc định cư của cô thế nào rồi?”

“Tương đối ổn, cảm ơn anh”, tôi nói. “Tôi đã dỡ được hầu hết các thứ quan trọng, quét dọn các phòng sạch sẽ và số còn lại tôi sẽ làm tiếp khi nào có hứng.”

Vivien ngồi xuống ghế đôi, khoanh hai chân lại. “Tôi nghĩ cô rất khôn ngoan”, cô ấy nói. “Sau cùng, những phòng quan trọng nhất là phòng bếp và phòng ngủ, thực đấy.”

“Và phòng tắm”, Geoff đề thêm.

“Và xưởng vẽ của tôi.” Tôi mỉm cười. “Hai tuần vừa rồi thật kinh khủng, tôi không làm việc một chút nào cả. Biên tập của tôi sẽ ngắt xiu bốn mươi lần nếu cô ấy phát hiện ra.”

“Julia”, Vivien thông báo chung cho cả phòng, “vẽ tranh minh họa cho sách thiếu nhi”.

Iain uống một mạch hết chỗ bia, đôi mắt xám của anh ta lấp lánh trên gương mặt điềm tĩnh. “Ừ, anh nghĩ mình có nghe nói về điều đó.”

“Công việc thú vị”, đó là lời bình luận của Geoff. “Hắn cô không có nhiều bó buộc.”

“Vâng. Nhưng tôi vẫn phải tuân theo kế hoạch, nếu không sẽ chẳng bao giờ hoàn thành việc gì cả. Tôi thường làm việc vào các buổi sáng và nghỉ vào phần còn lại trong ngày.”

“Giờ cô đang minh họa loại sách nào thế?” Vivien hỏi. “Một cuốn khác của Bridget Cooper ư?”

Tôi lắc đầu. “Thực ra nó là một bộ truyện cổ tích. Hay lắm. Có rất nhiều câu chuyện từ phương Đông và bản dịch thì xuất sắc.”

“Cô làm việc dựa vào mỗi trí tưởng tượng thôi”, cô ấy thắc mắc, “hay tranh ảnh và thứ gì đó khác?”

“Mỗi thứ một chút. Đôi khi tôi vẽ những cái nhìn thấy từ cuộc sống, phụ thuộc vào hình dáng tôi muốn.”

“Vậy cô sẽ cần người mẫu”, Geoff lưu ý, phô bày gương mặt với sự khoa trương rất kịch.

Iain nhe răng cười. “Lại tự tưởng tượng mình là Hoàng Tử Quyển Rũ đấy à?”

“Đức vua cơ”, Geoff khinh khỉnh sửa lại. “Cần gì mà ấn định mình chỉ là hoàng tử?”

“Hoàng tử mới được con gái chạy theo”, Iain chỉ ra làm Geoff nghiêng đầu nghiêng ngả.

“Cậu nói đúng. Thôi được rồi, tôi đành tự đề cử mình làm Hoàng Tử Quyển Rũ vậy. Nếu cô cần tôi”, anh ta nói, cùng với một nụ cười có thể khiến trái tim người đối diện ngừng đập ngay tức khắc.

Tôi ưu tiên không đáp lại, dù phải thừa nhận Geoffrey de Mornay chắc chắn đủ điều kiện để sắm vai hoàng tử trong truyện cổ tích.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi diễn ra chậm rãi thêm khoảng nửa giờ, thời điểm tôi phải vật lộn để chống giữ mí mắt. Trái ngược với tôi, tôi nhận thấy Iain Sumner đang nhìn mình với nụ cười thấu hiểu, đầu anh ta dựa sâu hơn vào những tấm nệm.

“Nếu cậu muốn trở thành Hoàng Tử Quyển Rũ”, cuối cùng anh ta làm gián đoạn câu chuyện khi quay sang nói với Geoff, “cậu có thể ngừng nói và hộ tống cô gái tội nghiệp này trở về nhà trước khi cô ấy ngủ gật”.

Geoff ngạc nhiên nhìn tôi, “Xin lỗi”, anh ta nói. “Tôi quên mất cả đêm qua cô đi dự tiệc ở Luân Đôn. Cô có muốn quá giang về nhà không? Tôi có thể lái xe vòng lại đây.”

“Lấy xe em ấy, nếu anh muốn”, Vivien gợi ý. “Nó đỗ ngay góc đường.”

Quyết định có vẻ là vì tôi. Vài phút sau, tôi phát hiện bản thân đang ngồi cạnh Geoff trong chiếc Vauxhall được Vivien giữ gìn cẩn thận, chỉ nhớ lơ mơ đã tạm biệt chủ nhà và Iain, anh chàng đã cắm rễ sâu hơn vào đệm của chiếc ghế đôi.

Chỉ mất vài phút lái xe để đưa tôi về nhà. Khi cho chiếc xe đỗ lại trên lối đi rải sỏi, Geoff quay sang nhìn và tôi đột ngột nhận thức được tác động tuyệt đối từ thân thể gần gũi của anh ta trong chiếc xe thăm tối.

“Ngày mai cô định làm gì?” Anh ta hỏi.

“Tôi không chắc. Sao thế?”

“Tôi đang nghĩ có thể dẫn cô đi tham quan lâu đài như đã hứa. Kiểu tham quan đằng-sau-hậu-trường, nếu cô thích. Hấp dẫn hơn những gì khách du lịch nhìn thấy rất nhiều.” Nụ cười của anh ta vô cùng quyến rũ, và rất thuyết phục.

“Được thôi.”

“Tốt. Vậy chọn lúc nào đó vào buổi chiều nhé. Tôi sẽ ở nhà cả ngày.”

“Vâng. Chúc anh ngủ ngon, Geoff.” Tôi mò mẫm tìm tay nắm cửa. “Cảm ơn đã cho tôi đi nhờ.”

“Không có gì.”

Không hiểu sao, có vẻ rất tự nhiên, khi Geoff vươn người qua và trao cho tôi nụ hôn chúc ngủ ngon. Cũng tự nhiên khi tôi nghiêng người thấp hơn một chút để đáp lại cử chỉ đó. Tất cả chỉ là tình cờ và là giao tiếp mang tính bạn bè, ấy vậy mà tôi vẫn có thể cảm nhận được hơi ấm lưu lại ngay khi đèn đuôi xe của chiếc Vauxhall biến mất cuối đường để quay lại ngôi làng.

Với tiếng thở dài khe khẽ, tôi quay người và bắt đầu băng qua bãi cỏ đi về ngôi nhà, lê đôi chân trong cơn mỗi một đột ngột dâng lên. Gió thổi mạnh hơn kể từ bữa tối. Không khí buổi đêm có vẻ nặng nề với cơn mưa đe dọa ập đến. Thêm vào việc khẳng định phán đoán chính xác của tôi, tiếng sấm ầm ầm phía xa có thể nghe rõ ràng trên tiếng gió rền rĩ qua những rặng cây kéo kẹt.

Còn vài bước nữa mới đến cửa trước thì nó thành linh bật mở, mắng sáng màu vàng tràn qua bãi cỏ và dựng lên bóng hình của một người đàn ông, người đang nhìn tôi tiến lại với hai cánh tay khoanh trước ngực.

“Bác”, tôi gọi, nhưng giọng nói đã bị gió cuốn phăng.

Sấm lại rền vang, những bước chân của tôi thoáng loạn choạng. Thu hết can đảm, tôi nhấc vạt váy sũng nước khỏi mặt cỏ và ép bản thân đi những mét cuối cùng đến khung cửa.

Người đàn ông hơi ngẩng đầu và tôi có thể nhìn thấy nét mặt ông rõ hơn - đôi mắt của mẹ tôi đang nằm trên gương mặt như điều hâu và không sót lại chút dịu dàng nào của bà. Tôi ghéch cằm và im lặng nhìn ông chăm chăm. Tôi đã định mỉm cười, nhưng không hiểu sao về mặt ông không đem lại cảm giác thân quen nào. Chúng tôi nhìn nhau một lúc lâu, trong khi cơn bão nổi lên và quần thảo phía sau, cùng lúc gió mỗi lúc một than văn điên cuồng.

“Vây”, ông cuối cùng cũng lên tiếng. “Chị đã đến.”

8. Chương 8

Thật khó để mô tả cảm giác bị trôi ngược thời gian, trao đổi với một thực tại khác cũng chân thật, hữu hình và thân thuộc y như vậy. Có lẽ tôi không nên cho nó là “trôi”, bởi thực tế tôi đã bị tổng - đột ngột và không báo trước - từ thời đại này đến thời đại khác, như thể tôi đã bước qua một cánh cổng xoay vô hình ngăn chia hiện tại và quá khứ vậy.

Khi mọi chuyện xảy ra, vào khoảnh khắc bước qua cánh cổng, tôi vẫn vui vẻ mà không hay biết có điều gì đã thay đổi. Nhận thức ấy, và toàn bộ tác động từ tầm quan trọng của nó, đến muộn hơn, khi tôi trở về là Julia Beckett.

Nhưng khi đứng trên những bậc cửa trước thềm Đàn Cừu Xám tối đó, nhìn chăm chăm người đàn ông chặn ngang khung cửa, tôi không còn là Julia. Julia, cùng toàn bộ ký ức lẫn lộn của cô, đã bị tước đoạt khỏi tôi.

Những suy nghĩ của tôi đã trở thành suy nghĩ của một ai đó khác, cơ thể tôi không thuộc về chính tôi, và khi cử động, tôi sống với trải nghiệm lần đầu tiên xảy ra trong đời. Tôi là Mariana, và qua đôi mắt của Mariana, tôi đang nhìn bác mình.

Jabez Howard là một người đàn ông cao lớn, với bờ vai đầy sức mạnh và chiếc cổ to bè. Ông không cần đệm lót dưới tất để tạo cảm giác về những khối cơ bắp, và chiếc quần ống túm cùng áo khoác dạ bị kéo căng hết cỡ tại những đường may không khác gì quần áo dành cho một người có dáng hình nhỏ bé hơn nhiều. Mái tóc được cắt tỉa đủ để đội những bộ tóc giả hợp thời trang, trông lơ bịch và tàn bạo dị thường trong thứ ánh sáng xa lạ ấy. Nhưng rồi, cuối cùng ông cũng mỉm cười, làm tôi như lại được nhìn thấy gương mặt mẹ mình, và những mối âu lo của tôi được thay thế bằng cảm giác ấm cúng như được về nhà.

“Ta không nghe thấy tiếng xe ngựa”, ông nói khi nheo mắt nhìn vào mảng tối sau lưng tôi.

“Một con ngựa bị trật chân và người đánh xe không dám mạo hiểm mất thêm một con nữa giữa đêm thế này. Anh ta đã cho cháu xuống quán trọ trong làng.”

“Và chị tự mình đến đây. Chị nên đợi đến lúc trời sáng.”

“Cháu rất hăm hở được đến chỗ bác.” Giọng nói lén lút, nài nỉ của gã đánh xe có bộ dạng dâm dăng cùng mùi hôi thối của bia, thuốc lá và những người khách trọ hợp lại đã chiến thắng nỗi sợ hãi phải đi bộ một mình trên con đường trống trải. Người chủ khách trọ đã tốt bụng chỉ đường và hứa sẽ giữ hộ chiếc rương của tôi cho đến khi tôi có thể quay lại lấy nó.

Bác tôi hừ một tiếng chê trách và quay đi, ra hiệu cho tôi theo mình vào trong. Phòng khách rộng bừng lên như được chiếu sáng từ hàng trăm cây nến, những đốm lửa nhảy múa trên các chân đèn và lấp lánh trên những tấm gỗ ốp tường bóng loáng. “Đóng cửa vào”, ông ra chỉ thị ngắn gọn và tôi tuân theo, chặn bóng tối lẫn cơn bão chực ập đến bên ngoài và chốt then cài bằng sắt.

“Chị đã nói chuyện với ông chủ quán Sư Tử Đỏ?” Ông hỏi.

Tôi biết ông đang hỏi điều gì.

“Cháu bảo ông ấy rằng mình là con của em gái bác, ở Southampton, và đến đây ở với bác một thời gian. Đây là những gì bác Mary khuyên cháu nói.”

Bác Jabez gật đầu thỏa mãn. “Thằng John em ta, mặc cho tất cả sai lầm của nó, đã có lựa chọn hôn nhân chính xác”, ông nói. “Bác chị là người tốt bụng và thông minh. Để tâm mà ghi nhớ lời khuyên ấy. Nơi này rất sợ bệnh dịch nên các du khách đến từ Luân Đôn không được chào đón ở đây.”

“Cháu rất biết ơn”, tôi nói với ông, khi nhớ đến lối cư xử của mình, “vì bác đã cho cháu một mái ấm, trong khi bác hẳn cũng rất e ngại bị lây nhiễm”.

Đôi mắt ông dịu đi. “Ta không có gì phải e ngại. Ta là người ngay thẳng. Lại đây.”

Ông dẫn tôi xuôi theo một hành lang hẹp về phía sau ngôi nhà. Tôi nhích từng bước chân theo ông, chiếc váy đi mượn nặng nề kéo lê trên đôi chân mềm nhũn. Hai ngày đi đường gian khổ đã đưa tôi đến bờ vực kiệt sức, mái tóc vàng xỉn màu vì bẩn thỉu và cấu ghét, còn đôi mắt xanh trũng sâu đỏ ngầu. Bụi đất bám khắp nơi, biến chiếc váy màu xanh lá cây của tôi thành một màu xám xịt và chúng còn dai dẳng bám sâu trong cổ họng tôi khiến những tràng ho liên tiếp cũng không thể rũ bỏ hết.

Chúng tôi ra khỏi ánh sáng rực rỡ của phòng khách để bước vào khoảng sáng nhạt màu hơn của căn bếp dài có hơi ẩm tỏa ra từ một cái bếp lò thực thụ. Một người phụ nữ ngồi cạnh bếp lò đang cho một em bé bầu bình hồng hào bú. Gần họ, một người phụ nữ trẻ hơn đang cúi húi bên bếp, thành thạo giữ vạt váy tránh xa đám lửa trong khi đảo món ăn nghi ngút khói trong nồi. Cả hai người cùng quay đầu lại khi chúng tôi đi vào bếp, đôi mắt họ quét qua bác tôi trước tiên, rồi mới hướng về chỗ tôi. Ông hắt đầu về phía người phụ nữ ôm đứa trẻ.

“Bác Caroline của chị đây”, ông bảo tôi.

Bác gái có một gương mặt dễ chịu, rõ nét và trẻ trung mặc những sợi tóc bạc phá hỏng mái tóc đen mượt. Nhưng tôi thấy vẻ mặt của bác rất đáng lo ngại. Tuy không thân thiện nhưng cũng không ác tâm; chỉ là

thiếu đi biểu cảm, không cá tính, đôi mắt thì thờ dãn và trống rỗng như một con cừu. Bác lơ dềnh gặt đầu lại với tôi và tiếp tục đơng đưa đứa trẻ.

“Rachel, em gái của vợ ta”, bác trai tôi nói tiếp, khi người phụ nữ kia đứng thẳng dậy từ bếp lò cháy sáng. Cô ấy, ít ra cũng tràn đầy sức sống, và có độ tuổi gần tương đương tôi - có lẽ nhỏ hơn một hoặc hai năm so với tuổi hai mươi của tôi. Mái tóc màu mật ong của cô ấy gọn sóng trên đôi má hồng hào và nụ cười hoạt bát cũng rất ấm áp và hoan nghênh.

“Tôi đang hâm nóng chút bia”, cô ấy thông báo, “và có bánh mì trên bàn nếu cô đói”.

Tôi thực sự đang đói cồn cào ruột gan, vì hầu như không ăn gì từ bữa sáng muộn. Tôi biết ơn và ngồi xuống ghé đối diện bác trai trên chiếc bàn thô ráp bằng gỗ sồi, đón một vại bia thơm ngát bằng đất nung và những lát bánh mì nặng trĩu. Cô gái tên Rachel ngồi bên cạnh tôi, đôi mắt đen chân thật nhìn tôi tò mò.

“Có tin tức gì từ Luân Đôn vậy?” Cô ấy hỏi. “Có thật nhà vua sẽ chuyển đến cung điện Hampton vì sợ hãi dịch bệnh không?”

“Tôi không biết ý định của nhà vua”, tôi thành thật nói, “nhưng người dân bàn tán rất nhiều đến chuyện di chuyển”.

Dưới sự thúc giục của Rachel, tôi kể với họ về nỗi sợ hãi bóp nghẹt cả thành phố, những lời đồn thổi không ngừng cùng những lời cầu nguyện lặng câm, cả những ngôi nhà tôi thấy bị niêm phong ở Westminster, với dấu gạch chéo sơn đỏ cùng dòng chữ ‘Chúa rủa lòng thương’ viết nguệch ngoạc bên dưới bởi một bàn tay điên rồ nhưng vẫn còn hy vọng nào đó.

Bác tôi nhún vai.

“Luân đôn là một nơi báng bổ đầy tội lỗi”, ông nói, “và bàn tay của Chúa đang tìm kiếm sự trả thù. Những ai ngay thẳng thì không cần sợ hãi”.

Tôi ghéech cảm lên, đôi mắt nhức nhối.

“Mẹ cháu không làm gì nên tội”, tôi bảo, “mà bà vẫn chết”.

Bác trai nhai nhồm nhoàm nốt miếng bánh, gương mặt vô cảm. Đôi mắt xanh xám của ông dường như đột nhiên trở nên cứng rắn và xa cách, tương trợ cho tất cả sự điềm nhiên trong giọng nói. “Nó đã làm trái lời cha mình. Trong mắt Chúa, đấy là tội lỗi.”

Tôi không cần thúc bách ông hơn. Tôi thừa biết mẹ mình đã chống lại ý muốn của ông ngoại để lựa chọn một nhân viên sao chép tài liệu nghèo giữa tất cả những sẵn sọc từ người muốn cầu hôn bà trong vùng. Là người trực tiếp chứng kiến tình yêu của cha mẹ tôi, tình yêu đã soi rọi tuổi thơ của tôi và giúp mẹ tôi trụ vững qua chín năm góa bụa cô đơn, tự tôi không thể gọi lựa chọn của bà là tội lỗi. Nhưng tôi nuốt lại những lý lẽ của bản thân, kịp thời nhớ ra tinh thần can đảm được cha mẹ tôi khuyến khích không được cho phép trong những gia đình khác.

Tôi hạ thấp đôi mắt và hẳn đã cúi gầm nếu bác tôi không vươn bàn tay to lớn qua chiếc bàn để siết cầm tôi và nâng nó lên trong ánh sáng của ngọn lửa.

“Chị trông không giống mẹ chị”, ông lơ mãng nói sau một lúc nghiên cứu. “Annie là một thiếu nữ duyên dáng. Ở chị, ta cũng không thấy bóng dáng chồng Annie, lạ Chúa.”

“Mọi người bảo cháu giống bà nội.”

Ông lâu bầu, mắt hứng thú và thả cầm tôi ra.

“Con bé mệt lả rồi, Jabez”, bác gái đột ngột nói từ chỗ ngồi trong góc, với chất giọng cũng vô hồn như đôi mắt, “Rachel có thể chỉ cho con bé phòng của nó.”

“Ừ”, ông thừa nhận. “Chị đi ngủ đi. Chúng ta còn phải dậy sớm để đi lễ nhà thờ.”

Tôi dợm đứng dậy, nhưng ông đột ngột vươn người về trước, đôi mắt dán lên đôi mắt tôi với hứng thú mãnh liệt. “Chị có sợ Chúa không, Mariana Farr?” Ông hỏi.

“Cháu được dạy dỗ để làm thế.”

Ông không thực sự chạm vào tôi, nhưng đôi mắt khiến tôi đông cứng tại chỗ và giọng ông gần như khiến người ta hoảng sợ vì sự dữ dội của nó. “Thổi kèn của người trên thiên đường”, ông êm ái trích dẫn, “đầy vang tiếng cảnh báo trên ngọn núi thần thánh của ta; khiến cư dân mặt đất run rẩy...”. Ông ngừng lại, chờ đợi và tôi nhận ra đó là một bài kiểm tra.

Tôi hoàn thành đoạn trích trong Kinh Thánh hộ ông. “cho ngày Đức Chúa tới”, tôi nói, “cho màn đêm gần kề”.

“Ngoan lắm”, bác tôi khen, lại dựa mình trên ghế với nụ cười thỏa mãn. “Rất tốt. Chúng ta sẽ hợp nhau, chị và ta.”

Đó là câu cho phép lui. Đứng dậy, tôi chúc cả ông lẫn bác gái ngủ ngon và theo cô gái tên Rachel ra khỏi phòng. Cô ấy đi cách vài bước trước mặt tôi, giơ cao một ngọn nến cháy bập bùng soi sáng cho chúng tôi bước lên cầu thang rộng trên tầng trên. Ở đây không khí lạnh hơn, và ẩm ướt, ánh lên từ cây nến đổ những bóng dài trên bức tường chỉ trát thạch cao.

“Phòng của chị ở đây”, Rachel vừa nói vừa dẫn đường đi xuôi theo một hành lang tối đen đến cánh cửa ở góc sau ngôi nhà.

Đó là một phòng ngủ tồi tàn và đơn giản, với một chiếc giường hẹp và một tủ quần áo trống. Có cảm giác Rachel đang quan sát gương mặt tôi khi tôi nhìn khắp căn phòng. “Đây là căn phòng nhỏ”, cô gái nói, “nhưng vô cùng yên tĩnh và chị sẽ thấy toàn cảnh con đường xuôi xuống dòng sông từ cửa sổ”.

Sự hăm hở rõ nét muốn tôi hài lòng của cô ấy ép tôi phải mỉm cười, cảm giác giọng nói của tôi đã bớt chán chường hơn nhiều. Có thể thấy được sự nhẹ nhõm của cô gái, cũng như tính chân thật của sự nhẹ nhõm ấy. “Tôi đã mang một cái váy ngủ của tôi đến cho chị”, cô ấy nói, ra dấu về phía hình dáng mờ trắng trên giường. “Chúng tôi không biết chị có kịp chuẩn bị hành lý không.”

“Cảm ơn cô.”

Tôi nhặt chiếc váy lên và vuốt ve nó trong khi Rachel thắp nến cạnh chiếc giường. Đây hẳn là chiếc váy ngủ đẹp nhất của cô ấy, làm từ vải gai mịn màu trắng với những chiếc cúc trang trí nhỏ xíu. Tôi ngờ rằng nó thậm chí còn chưa bao giờ được mặc.

“Không sao đâu.” Cô ấy đỏ mặt một chút vì thỏa mãn, hơi lưỡng lự nơi ngưỡng cửa với bàn tay đặt trên thềm cửa. “Tôi rất mừng vì chị đã đến sống ở đây”, cô ấy ngập ngừng nói.

Trước khi tôi có thể trả lời, cô gái đã đóng cánh cửa ngăn giữa chúng tôi và tôi có thể nghe những bước chân nhẹ bẫng lùi dần trong hành lang. Tự bản thân tôi thì không thấy mừng. Tôi chỉ cảm thấy mệt mỏi, đói và tuyệt vọng. Cởi chiếc váy xanh bám đầy đất ra, tôi mặc chiếc váy ngủ đáng yêu rồi trườn mình vào dưới tấm chăn và vươn tay để dập tắt ngọn nến.

Nơi đây, trong bóng tối, với nhận thức về toàn bộ sức nặng của tình thế hiện giờ đè nặng lên người, nỗi thống khổ cứ thế dâng lên như mặt đất đặc sệt và khó nuốt trong cổ họng tôi. Tôi phát hiện bản thân đang nhớ Luân Đôn, và chiếc giường thoải mái ở nhà, cũng như đôi môi lành lạnh dịu dàng của mẹ chạm lên trán tôi. Mẹ tôi...

Ý nghĩ về bà thêm lần nữa khiến đôi mắt tôi ướt nhoe. Đây cũng từng là nhà bà, tôi nghĩ, khi bà cùng độ tuổi với tôi. Trước khi bà gặp cha tôi và theo ông đi xa. Không ngạc nhiên khi bà rất sẵn lòng bỏ đi. Đây là một ngôi nhà tăm tối và ẩm ướt, không có chỗ nào phù hợp với người phụ nữ sống động hay cười trong ký ức của tôi cả. Liệu đây có phải cũng từng là phòng của bà, tôi tự hỏi, liệu bà có từng mang nước mắt vào giấc ngủ như tôi lúc này, áp gương mặt vào tấm chăn để giấu đi nỗi tuyệt vọng của mình không?

Tôi thức giấc trong im lặng và ánh sáng xám lạnh lẽo của bình minh. Sự im lặng gần như khiến tôi bối rối. Vào giờ sớm thế này trong ngày, con đường dưới cửa sổ phòng tôi trong thành phố đã nhộn nhịp tiếng người - những người bán hàng rong với những chiếc xe đẩy và xe thồ, những chồng giỏ lác lác trên cánh tay khi họ lấp đầy không khí trong lành buổi sáng với những tiếng hỗn độn từ những điệu hát ê a, trong khi các quý tộc với đôi mắt mệt mỏi cùng phu nhân mệt rũ đi cùng nhanh chóng về nhà đi ngủ sau một đêm hội hè linh đình.

Tôi nhìn chăm chăm lên trần nhà, vật lộn với nỗi nhức nhối nhớ nhà vừa trỗi dậy và tự hỏi điều gì đã đánh thức mình, khi một tiếng gõ vang lên khung cửa và không đợi trả lời, Rachel đã lướt vào trong phòng. Cô ấy ăn mặc chỉnh tề trong chiếc váy trơn màu cà phê, mái tóc chải đơn giản, không một chút rối, gương mặt đã được rửa cẩn thận sáng bừng và toát lên vẻ điềm tĩnh. Cô ấy bê một chậu nước cùng một mảnh vải xù xì.

“Tôi nghĩ chị có thể muốn tắm rửa trước buổi lễ”, cô ấy vui vẻ chào tôi, rồi đặt chậu nước lạnh bên cạnh giường. “Chị ngủ có ngon không?”

“Rất ngon, cảm ơn cô”, tôi nói dối.

Tiếng huýt sáo phẫn khởi xé rách không gian im lặng bên ngoài, giống tiếng huýt sáo của cha tôi đến mức khiến tôi lao ra khỏi giường và chạy đến cửa sổ trước khi tâm trí hoàn toàn nhận thức được những hành động của bản thân. Khung cửa sổ nhìn ra ngoài khu vườn phía sau và chuồng ngựa, với tầm nhìn hướng về phía con sông uốn quanh giữa khu rừng và những cánh đồng, và đồi cỏ xanh mướt phía xa.

Một người đàn ông đang leo lên ngọn đồi từ con đường, vác chiếc rương nặng đựng quần áo của tôi lên vai dễ dàng như thể nó là một bao tải đựng lông vậy. Anh ta bước đi với những sải chân dài nhịp nhàng. Trong khi chiếc mũ rộng vành của anh ta che khuất gương mặt, tôi có thể thoáng nhìn đường viền quai hàm vuông vức và nhẵn nhụi, cùng mái tóc nâu quăn dài tự nhiên.

“Rachel”, tôi nói, ra dấu cho cô gái đến bên cửa sổ, “người đàn ông bên dưới là ai vậy? Người đang nói chuyện với bác tôi kia”.

Rachel ngoan ngoãn lại gần nhìn, rồi lại quay đi, đôi má ửng đỏ lạ kỳ. “Đấy là Evan Gilroy”, cô ấy nói với tôi. “Anh ấy sống ở trang viên trong làng.”

“Anh ta mang rương của tôi từ quán trọ đến.”

Bác tôi, người vừa ra khỏi bếp để gặp người đàn ông, trông không có vẻ vừa lòng vì thiện ý của anh ta. Bằng cách đứng nhón chân và ép mình thật sát vào lớp kính, tôi có thể thấy rõ cả hai người đàn ông khi họ đứng bên dưới phòng tôi. Gương mặt bác tôi tấm tối và khó chịu, dù không thể nghe thấy những gì ông nói, nhưng tôi biết chất giọng của ông vẫn cụt lùn và khó nghe. Người đàn ông đáp lại gì đó, tôi thấy nụ cười xoẹt qua môi anh ta khi anh ta lẳng cái rương xuống đất rồi quay bước đi cùng tiết tấu vui nhộn, thông thả như trước về hướng ngôi làng.

Trùng mắt nhìn theo anh ta một lúc lâu, sau khi lẩm bầm mấy câu thì bác tôi nhẹ nhàng vác cái rương lên vai, thêm lần nữa khiến tôi ấn tượng với kích cỡ to lớn và sức mạnh của ông. Tôi nghe cửa nhà bếp đóng sập lại bên dưới và ngược mắt lên, định tránh khỏi cửa sổ, nhưng ngay lập tức sự chú ý bị một cái bóng dưới cây sồi to bên rìa cánh đồng tóm gọn. Cái bóng dần thay đổi và trở thành một người đàn ông, một người đàn ông tóc đen cuội con ngựa xám, đang táo bạo nhìn chăm chăm lên cửa sổ phòng ngủ của tôi.

Khi tôi đứng nhìn theo, phong cảnh mờ ảo chuyển dịch, trở nên nhòe nhoẹt, mọi màu sắc chồng lên nhau như màu nước trên bảng vẽ của một nghệ sĩ, rồi toàn bộ bức tranh bắt đầu rung động và tôi phát hiện bản thân đang liêu lĩnh bầu chặt lấy gờ cửa sổ khi cả thế giới trở nên tối đen.

9. Chương 9

Khi còn là một đứa trẻ, tôi luôn giữ đôi mắt lơ lơ của mình nhắm chặt mỗi khi tỉnh giấc từ một cơn ác mộng, sợ rằng nếu tôi mở mắt sẽ phát hiện bóng ma khủng khiếp nào đó thực sự đang đứng bên cạnh giường. Cùng một loại bản năng ngây ngô đó đã ép chặt đôi mắt tôi lúc này. Tôi nằm yên như chết, thu mình sát lại bức tường, và máu chảy rần rật bên tai khi tôi sờ soạn tay sang bên cạnh.

Những ngón tay kiếm tìm của tôi chạm phải mặt sàn gỗ yếu ớt, lướt dọc một tấm thảm len xơ mòn, và yên tâm đặt tay lên một vật hình ống quen thuộc lạnh lạnh làm từ thép. Là do cả chiếc bàn vẽ của tôi bằng

cách nào đó cũng tự chuyển mình về quá khứ. Đánh liều lần chót, tôi thận trọng hé mắt, chớp vài cái để tập trung.

Căn phòng rung chuyển một lần, rồi đứng yên. Với sự nhẹ nhõm dâng lên, tôi nhìn thấy các vật dụng của thế kỷ XX nằm hỗn độn xung quanh - thùng các tông, giấy tờ, bút vẽ la liệt khắp sàn. Ngắc đầu thêm một chút, tôi vươn cổ để nhìn khắp phòng rõ hơn, rồi nằm lặn ra trên sàn gỗ cứng với tiếng thở dài rã rời.

Chỗ tôi buông người là một khoảng sàn trống trơn ngay bên dưới cửa sổ trống không ở phía tây, lý giải cho cơn gió lạnh tôi cảm nhận trên mặt và cổ. Bên ngoài, từ bầu trời nhợt nhạt, những tia nắng yếu ớt đầu tiên của sớm mai rọi xuống mang cảm giác gần như không màu. Tôi vẫn mặc bộ quần áo tối hôm qua lúc đến nhà Vivien, chiếc áo len dài tay cùng váy nhún nhúm và đầy nếp gấp như thể tôi đã mặc chúng đi ngủ.

Chỉ có mình tôi trong phòng.

Tôi chậm rãi đẩy người ngồi dậy, ngừng lại để thở và thận trọng tựa vào chiếc bàn vẽ để đứng lên. Tôi có cảm giác sưng sờ và mất phương hướng hết như nhân vật Ebenezer Scrooge[1] đã trải qua, khi ông ta cuối cùng cũng thức dậy vào buổi sáng Giáng sinh trong cuốn tiểu thuyết trứ danh ấy. Đây từng là góc kê chiếc giường ngủ của tôi, tôi nghĩ khi nhìn quanh; đây từng là nơi tôi cởi đồ và đặt chiếc váy màu xanh lá cây cau bần ra xa; đây là khung cửa nơi cô gái tên Rachel đã đứng, thoáng nở nụ cười e thẹn với tôi.

[1]Nhân vật chính trong tác phẩm A Christmas Carol của nhà văn Charles Dickens: kẻ có máu lạnh, keo kiệt và căm ghét lễ Giáng sinh.

Bắn thần ra ngoài hành lang, tôi đi xuống cầu thang trên đôi chân run rẩy. Nhà bếp trông nhỏ hơn những gì tôi nhớ và đứng nhũn mảy một lúc cho đến khi sự lý giải đánh vào mình - nhà bếp tôi đứng tới qua không có phòng chứa thức ăn. Nhà bếp rõ ràng bị ngăn làm đôi cho đến triều đại nữ hoàng Victoria, nếu xét đến các ngăn tủ và đồ gỗ trang trí bên trong phòng chứa.

Tôi bước về phía phòng chứa thức ăn nhìn cho rõ và ngừng lại để vuốt bàn tay lên bức tường phía bắc. Không có khung cửa sổ nào ở đây, lớp thạch cao có cảm giác thô ráp và gồ ghề, như thể người ta đã trát lên thứ gì đó đã được thiết kế sẵn trong nhà. Một bếp lò lộ thiên, có lẽ thế...

“Chuyện gì đang xảy ra với mình thế này?” Tôi gần như chỉ thì thào những từ đó, nhưng chúng cứ vang vọng trong không gian vắng lặng.

Đột nhiên cảm thấy nghẹt thở, bất chấp va quệt lung tung trong bếp, tôi xông đến giật mở cửa hậu và gần như ngã nhào trong sự gấp gáp ra khỏi căn nhà. Bước được vài bước thì tôi ngừng lại, vòng hai tay ôm lấy cơ thể đang run bần bật và hít vào những hơi thở sâu và thốn thức từ làn không khí ẩm ướt buổi sáng.

Ngay cả trước khi tóc kịp rụng đứng trên gáy, tôi vẫn biết mình đang bị theo dõi. Tôi quay phắt lại để đối mặt với cây sồi cùng người đàn ông tóc đen cười con ngựa xám mà tôi biết chắc sẽ ở đó. Rồi nổi giận dữ, mù quáng và cuồng nộ đột ngột như thủy triều cồn lên trong tôi.

“Cút đi!” Tôi hét về phía anh ta. “Cút đi và để tôi yên. Tôi không muốn anh ở đây!”

Từ từ, một cách miễn cưỡng, cả người lẫn ngựa rút lui vài bước, màn sương xám buổi sáng dâng lên lấp đầy nơi người và ngựa vừa đứng. Vẫn còn run rẩy do bị cảm xúc tác động, tôi ôm lấy mình chặt hơn và cụp mắt xuống.

Bên dưới chân tôi, những bông hoa dại màu xanh dương mong manh lướt thưa, ướt sương và nép mình dưới lớp cỏ um tùm. Mặt đất bằng phẳng và cứng rắn, có thể dễ dàng nhìn thấy nơi nào hơi lún xuống, và rất lâu về trước, dường như ai đó đã từng trồng một khu vườn ở đây...

Ngôi nhà của mục sư ở Elderwel, Hampshire là một tòa nhà vững chãi kiểu Victoria bằng gạch đỏ thẫm, tọa lạc gần đường và đối diện với nhà thờ St. Stephen trang nhã được xây dựng từ thế kỷ XV. Dây thường xuân tìm được căn cứ vững chắc ở mạn phía bắc của ngôi nhà, và đám dây leo chằng chịt sum suê lá, với ý chí kiên định gần như đã vươn tới ngưỡng cửa sổ tầng trên. Bên trên tầm với của dây thường xuân, những ô cửa sổ đầu hồi nép dưới phần mái dốc nghiêng nhìn về phía ngôi làng như những con mắt nhân từ và độ lượng.

Bên trong, ngôi nhà trông như một tổ kiến với nhiều căn phòng nhỏ tối đen, được thiết kết để làm nơi trú ngụ cho các đại gia đình trong thế kỷ trước. Bởi chưa kết hôn, anh Tom tự hài lòng với phần chính của căn nhà nhiều góc ngách, để các tầng phía trên cho cha phó cũng như các vị khách bất chợt và người vô gia cư trong giáo khu xử dụng. Phần lớn công việc trong nhà anh đều tự mình làm, nhưng thứ Hai hằng tuần, bà Pearce, người dọn dẹp, sẽ đến để làm công việc của mình.

Là bà Pearce, với khăn lau trong tay, đã trả lời tiếng gõ cửa của tôi sáng hôm nay và đưa tôi vào phòng làm việc được trang trí đầy nam tính nhưng rất thoải mái. Tôi kinh ngạc nhận ra bà Pearce có lối cư xử vô cùng khéo léo. Tôi trông như quỷ, và tự biết điều đó. Tôi chưa bao giờ biết làm sao mình có thể lái xe từ Exbury đến Elderwel mà không gây thiệt hại gì cho bản thân hay chiếc xe, nhưng khi tôi đến ngôi nhà dành cho mục sư thì đúng một giờ nữa mới đến thời điểm ăn sáng.

Lúc này sự kích động đã bắt đầu giảm dần, tôi vẫn đang run rẩy đến mức hầu như không thể kiểm soát bản thân, nhưng nếu nhận ra, bà Pearce cũng không bình luận gì. Bà kéo rèm, nhìn tôi ngồi xuống chiếc ghế bành yêu thích của Tom, lặng lẽ và ý nhị rút lui để đặt nồi lên bếp.

Vài phút sau, Tom xuất hiện trong lúc vẫn đang cài cúc áo. Anh, chắc chắn, đã định đùa cợt về sự xâm chiếm lúc tỉnh mơ của tôi vào chốn linh thiêng của mình, nhưng vừa nhìn thấy tôi thì nụ cười giấu cợt của anh đã tắt ngay trên môi.

“Làm sao thế?” Anh gấp gấp hỏi.

Sợi dây kiểm soát mong manh cuối cùng đứt đoạn và tôi bật khóc. Sau đó, tôi đã ước mình mang theo một chiếc máy quay phim, để ghi lại biểu cảm trên gương mặt Tom - tôi ngờ rằng vẻ mặt tuyệt đối hoảng loạn của anh chỉ có trong những bộ phim câm.

Phản ứng của anh, đủ khô hời, cũng hoàn toàn có thể thông cảm. Tôi chưa bao giờ khóc to thành tiếng. Thậm chí rất hiếm khi thút thít. Lần cuối cùng Tom nhìn thấy tôi chảy nước mắt là gần hai mươi năm về trước, khi anh vô tình đập cánh cửa ô tô vào tay tôi. Ngay cả khi đó, nước mắt trào ra cũng vừa phải, chứ không giống những tiếng thổn thức bật phát đầy đáng sợ và vặn xoắn tim gan mà anh đang phải chứng kiến lúc này.

“Julia?” Giọng anh không chắc chắn. Phải mất vài phút trước khi tôi có thể phục hồi bản thân đủ để trả lời.

“Em ổn, thật đấy”, tôi nói giữa những tiếng khịt mũi. “Em chỉ đang mất trí thôi.”

Tom ngồi xuống chiếc ghế đối diện và nhú mày. “Cái gì?”

“Loạn óc”, tôi tỉ mỉ diễn giải. “Suy sụp. Không còn lời giải thích nào khác nữa.”

“Em làm anh rối trí.”

Những giọt nước mắt giờ đã rút hẳn, tôi hít vào một hơi sâu run rẩy và lấy cổ tay chùi gương mặt ướt nhẹp. “Em biết anh sẽ không tin nếu em kể anh nghe”, tôi nói.

“Thử xem nào.”

Tôi nhìn anh hồi lâu đầy đánh giá, rồi thử ra một hơi run run khác và bắt đầu kể. Tôi bắt đầu, từ khoảng khắc đầu tiên tôi nhìn thấy người đàn ông cưới con ngựa xám, qua sự việc diễn ra ở ngõ Blackfriar, đến việc phát hiện ra ngôi mộ của Mariana Farr trong nghĩa địa và cơn mơ sống động tối qua. Bà Pearce yên lặng đi ra đi vào căn phòng, đặt bình trà, bánh quy và nhanh chóng mang phần thừa đi xa mà không một lần cắt ngang bài tường thuật của tôi, trong khi anh trai tôi lắng lắng lắng nghe. Khi tôi kết thúc, anh trầm ngâm ngả lưng lên ghế và hạ thấp hàng lông mày vẫn nhướn lên này giờ.

“Những... trải nghiệm đó”, cuối cùng anh nói, “chúng đến đột ngột, hay em sẽ có vài cảnh báo trước khi chúng xảy ra?”

Tôi nỗ lực để ngấm lại. Thôi thúc đầu tiên khiến tôi định nói không có bất cứ một dấu hiệu nào, nhưng... “Đôi khi em nghe thấy tiếng chuông bên tai”, tôi nói với anh. “hay một chút chóng mặt. Hoặc cả hai”.

“Em chắc chắn mình là người tham dự cả quá trình, chứ không phải khán thính giả đang theo dõi một vở kịch chứ?”

“Rõ ràng là không. Thực tế, em thậm chí không có cảm giác như mình là một diễn viên tham gia diễn xuất. Các diễn viên còn có kịch bản, chứ em thì một chút ý tưởng về chuyện gì sắp diễn ra cũng không biết. Nó giống hết đời thực... như thế này!” Tôi giũa hai bàn tay rồi xòe ra, trong một điệu bộ bao trùm cả căn phòng lẫn hai chúng tôi. “Ngay cả thời gian và không gian xung quanh cũng rất thật. Em rõ ràng đã dịch chuyển, bởi em bắt đầu ở bên ngoài ngôi nhà tối qua và kết thúc ở trong xưởng vẽ sáng nay.”

Tom ngẫm nghĩ về chuyện đó. “Và khi có những trải nghiệm đó, em không nhớ bất cứ điều gì về Julia Beckett sao?” Tôi lắc đầu. “Nhưng khi thoát ra, em có thể nhớ rành rọt mình đã biến thành một người phụ nữ khác?”

“Em nhớ tất cả mọi thứ.”

“Lúc này cứ đặt lập luận em bị điên sang một bên đã”, anh chậm rãi nói, “thế em nghĩ chuyện gì đang diễn ra?”

“Em cho rằng... em cho rằng đó có thể là một hồn ma.”

“Em đang nhắc đến Thiếu Phụ Xanh, người được tất cả dân làng đề cập đấy à?”

Tôi gật đầu. “Chiếc váy em mặc tối qua, khi e là cô ấy... khi em là Mariana... có màu xanh. Em không biết nữa. Anh có nghĩ một hồn ma có thể chiếm hữu thân thể một người đang sống không?”

“Anh hầu như không am hiểu về vấn đề này”, Tom thừa nhận. “Anh nghĩ là có thể, nhưng trong trường hợp của em, anh sẽ không cho là như vậy. Trừ khi hồn ma theo em từ Luân Đôn về đây từ tuần trước.” Anh nhú mày. “Còn có một khả năng em vẫn chưa tính đến.”

“Là gì?”

Anh ngẩng đầu lên và nhìn tôi. “Rằng mọi thứ em nhìn thấy. mọi thứ em trải qua, rất có thể đến từ chính ký ức của em. Rằng thực tế, em rất có thể là Mariana.”

“Anh đùa em đấy à?”

“Sao không? Đầu thai là một hiện tượng được chấp nhận rộng rãi trong rất nhiều nền văn hóa. Thậm chí anh có thể kể tên vài nhà thờ chuyên biệt ở Anh đều ủng hộ học thuyết này.”

“Và điều anh tin là gì?” Tôi thách thức.

“Hừm...” Anh mỉm cười. “Một trong các đòi hỏi ở công việc của anh đó là anh tin vào sự sống trường tồn của linh hồn con người. Và điểm đến của linh hồn sau khi con người qua đời là câu hỏi chỉ cái chết mới có thể trả lời.”

“Vậy tức là anh nghĩ trong một kiếp nào đó của em, em có thể đã sống trong ngôi nhà đó sao?” Nghe thật nực cười, nhưng biểu cảm của Tom rất nghiêm túc.

“Phải, anh nghĩ ý tưởng ấy rất đáng nghiên cứu đấy. Sau cùng, nếu em cảm thấy mình đã từng ở nơi nào đó trước đây, giải thích logic thường là em đã ở đó trước đây.”

Tôi nhú mày. “Em cho rằng nó có thể lý giải vì sao em bị ngôi nhà hấp dẫn.”

“Và vì sao em biết vị trí của khu vườn cũ. Vì sao em chọn xưởng vẽ trong căn phòng bé xíu ở mặt sau ngôi nhà, thay vì sử dụng một trong số các căn phòng đẹp hơn ở mặt trước.”

Khi anh trai nói những lời đó, một hình ảnh trôi lơ lửng ngay trước mắt tôi, viên phụ tá trẻ của bên vận chuyển đang bê cái ghế trong phòng ngủ của tôi và hỏi với giọng bối rối, “Cô có chắc ý cô là phòng ngủ đầu tiên bên tay phải không...?”

Tôi giật mình, bản thân trở về hiện tại. “Chúa lòng lành”, tôi thất thần thốt lên.

“Anh có thể tìm hiểu thêm về vấn đề này cho em”, Tom đề nghị. “Bọn anh có một thủ thư lập dị ở đây rất thích săn lùng những mẫu thông tin lạ lùng.”

“Anh tin có kiếp trước thật đấy à?” Tôi hỏi và anh nhún vai.

“Chúa chuyển dịch theo nhiều cách bí ẩn lắm.” Anh mỉm cười trả lời.

“Ôi, điều đó nhắc em”, tôi thốt lên, ngồi thẳng dậy. “Anh đã từng nghe đoạn nào trong Kinh Thánh bắt đầu với Thối kèn trên thiên đường hay câu nào tương tự chưa? Em không nhớ phần còn lại, thứ gì đó về loài người run rẩy và ngày phán quyết.”

Tom đảo tròn mắt. “Nghe như một trong những chương diệt vong -và- tắm tối trong kinh Cựu Ước”, anh suy đoán. “Rất có thể là lời tiên tri của Micah hoặc Joel.” Đứng dậy khỏi ghế, anh đến chỗ làm việc và cầm một bản in Kinh Thánh vua James[2] nhàu nát lên. Vài phút sau, anh im lặng lật vài trang. Sau cùng, tôi đang định đến chỗ anh để bảo cũng chẳng có gì quan trọng thì anh đột ngột ấn mạnh một ngón tay thẳng lợi lên một trang. “A ha! Lời tiên tri của Joel. Chương hai, khổ một. Em xem này.”

[2] Bản dịch Kinh Thánh tiếng Anh theo yêu cầu của vua James I in lần đầu năm 1611.

Anh đưa quyển Kinh Thánh vẫn đang mở rộng cho tôi và chỉ vào chỗ đó. Khi tôi đọc đoạn thơ ngắn gọn, u ám đó, Tom lại ngồi xuống, bắt giắc gãi trán. “Cha phó trước kia của anh thường rất thích đọc những trích đoạn của Joel”, anh nhớ lại. “Thực tế là thể loại địa-ngục-cùng sự nguyên rửa, khó mà gây cảm hứng cho giáo đoàn. Dẫu vậy anh có vẻ vẫn nhớ phần đó được cái ông Joel già cỗi viết suốt giai đoạn diễn ra nạn dịch châu châu, nên anh nghĩ ông ta có quyền trở nên sầu muộn.”

Nạn dịch... cụm từ đó đột ngột rống lên một hồi chuông trong ký ức của tôi và tôi ngược mắt lên khỏi trang giấy. “Anh có biết thời điểm diễn ra nạn đại dịch ở Luân Đôn không?”

“Anh nghĩ cũng có vài lần”, Tom đáp. “Đương nhiên có nạn dịch hạch vào thế kỷ XIII.” Tôi khép hờ mắt, tua lại những cảnh tượng trong tâm trí, cố gắng tập trung vào quần áo mọi người mặc, kiểu tóc của họ, đồ đạc trong nhà...

“Không.” Tôi lắc đầu. “Nạn dịch em nghĩ xảy ra muộn hơn.”

“Sau đó thì có một nạn dịch khá lớn vào giữa thế kỷ XVII, ngay trước trận Đại Hỏa Hoạn[3].”

[3] Trận hỏa hoạn lớn năm 1666 ở Luân Đôn.

“Chính là nó.” Tôi không chắc làm sao hay lý do nào mình lại biết, nhưng tôi khẳng định chính là nó.

“Em muốn biết gì về nó nào?”

“Tất cả mọi thứ.”

Tôi vươn vai rộng hơn. “Giai đoạn lịch sử đó em không am hiểu lắm. Và em đảm bảo đấy là khoảng thời gian Mariana đã sống. Mẹ cô ấy đã chết vì dịch bệnh”

“Bản thân anh cũng mù mờ về thế kỷ XVII. Anh chỉ nhớ một chút về cuộc nội chiến và vụ chém đầu Charles I, đương nhiên cả Cromwell, nhưng nếu liên quan đến nạn dịch... Chờ đã”, anh bỗng rạng rỡ chen thêm. “Anh có một bản in nhật ký Pepys[4] vứt đâu đó. Anh nghĩ ông ấy đã ghi chép khá chi tiết về năm diễn ra nạn dịch. Để xem anh có thể tìm cho em không nhé.”

[4] Samuel Pepys (1633-1703) là một tác giả nổi tiếng người Anh chuyên viết nhật ký ghi lại cuộc đời cũng như các sự kiện quan trọng diễn ra trong giai đoạn ông sống, cung cấp rất nhiều thông tin giá trị cho các nhà nghiên cứu sau này.

Anh đứng dậy khỏi ghế lần thứ hai và xem xét kỹ lưỡng giá sách quá tải của mình ở phía xa tít tắp trong phòng. Sau cộc tìm kiếm dài hơi, anh rút ra một cuốn và lật giở tờ bìa. “Nó đây rồi. Bản in cũng đẹp đấy chứ. Anh mua nó tại một đợt giảm giá sách ở Oxford.” Anh đưa nó cho tôi, quyển sách nhỏ nép mình thoải mái trong bàn tay mở rộng của tôi. Giở trang tiêu đề, tôi đọc to:

“Nhật ký của ông Samuel Pepys, T.H.K.H. “T.H.K.H” là gì vậy?”

“Thành viên Hiệp hội Khoa học Hoàng gia”, Tom dẫn chứng. “Ông ta làm việc ở văn phòng của Bộ Hải quân và giữ cuốn nhật ký từ năm 1659 đến 1669, cho đến khi thị lực bắt đầu giảm sút. Bản gốc còn gồm

mấy tập liền cơ. Quyển của anh là bản đã chỉnh sửa, anh e là thế, đã bị cắt tất cả các chi tiết sinh động, nhưng đọc vẫn rất hấp dẫn.”

“Cám ơn.” Tôi gấp sách, giữ nó thật chặt.

Tom tư lự nhìn tôi. “Em biết luôn được chào đón ở lại vài ngày mà”, anh nói. “Là thế, nếu em muốn...”

“Cám ơn anh. Để em xem thế nào đã.”

Bà Pearce xuất hiện nơi khung cửa. “Tôi đã dọn giường trong phòng ngủ xanh dương dành cho khách”, bà ấy điềm nhiên nói, như thể việc em gái mục sư đột ngột ghé thăm vào bữa sáng và ngủ lại vào ban ngày là chuyện bình thường vậy. “Cô có cần dùng phòng tắm trước khi tôi bắt đầu dọn dẹp trong đó không?”

“Không, cảm ơn bà”, tôi mỉm cười. “Giường ngủ nghe cứ như thiên đường với tôi vậy.”

“Người phụ nữ diệu kỳ”, Tom nói, khi bà giúp việc đi ra. Anh nhìn tôi và nhe răng cười. “Anh cá ngay cả lãnh chúa của trang viên Exbury cũng không được nhân viên đối xử như vậy đâu.”

“Ôi, lạy chúa!” Tôi đứng bật dậy. “Mấy giờ rồi?”

“Vừa qua trưa. Sao thế?”

“Em có thể sử dụng điện thoại của anh không?”

Phải mất vài phút để người trực tổng đài tìm thấy số của lâu đài Crofton, thêm vài phút nữa để cô ta nói máy cho tôi và tám hồi chuông dài để ai đó ở đầu bên kia trả lời điện thoại.

“Xin chào?”

“Xin chào. Geoff đấy à?”

Ngừng một chút. “Không, tôi xin lỗi”, giọng đáp cẩn thận, với trọng âm của người Scotland không lẫn đi đâu được. “Giờ cậu ấy không có ở nhà. Tôi có thể nhận lời nhắn không?”

“Iain”, tôi nói, “tôi là Julia Beckett đây. Anh làm ơn nói với Geoff giúp tôi là tôi không thể đến tham quan chiều nay được không? Anh ấy sẽ hiểu ý của tôi. Có một... tình trạng khẩn nho nhỏ trong gia đình và tôi phải đến chỗ của anh trai ở Hampshire.”

“Không có gì nghiêm trọng chứ, tôi hy vọng thế?”

Anh ta nghe có vẻ rất lo lắng và tôi cảm thấy thật tội lỗi vì đã nói dối.

“Ôi, không đâu”, tôi đáp. “Sáng mai tôi sẽ có mặt ở nhà.”

“Được rồi. Vậy tôi sẽ chuyển lời nhắn hộ cô.”

“Cảm ơn.” Tôi cúp máy, cảm thấy đầu óc thư thái hơn một chút và quay sang, để rồi phát hiện anh trai đang quan sát mình.

“Mọi chuyện vẫn ổn chứ?” Anh hỏi.

“Ổn.”

“Vậy em đi nghỉ thôi”, anh nói. “Trông em như thể sắp lặn ra đất đến nơi rồi ấy.”

Trong khoảng thời gian ngắn đến ngạc nhiên, tôi thấy mình đang rúc gọn bên dưới những tấm chăn bằng len có mùi rất ngọt ngào trên chiếc giường rộng bằng đồng trong căn phòng ngủ xanh dương dành cho khách ở trên tầng, mặc một chiếc áo ngủ rộng rãi của anh tôi với tay áo xắn lên đến khuỷu.

Bà Pearce đã kéo những tấm rèm xuống để phủ bóng tối lên căn phòng cho tôi dễ ngủ, nhưng vẫn còn đủ ánh sáng để đọc sách.

Tôi thở dài, khoan khoái lim dim mắt và quờ quạng vươn tay về phía cuốn sách nhỏ đã bỏ lại trên chiếc bàn cạnh giường. Mở bất kỳ một trang trong cuốn nhật ký của Samuel Pepys, tôi đọc dòng mở đầu cho ngày 6 tháng Tư năm 1665:

Câu chuyện kỳ thú về một ngôi sao chổi mới, ông đã viết, và trong điều kiện thuận lợi nhất, nó chắc chắn sẽ sáng rực như ngôi sao chổi mới xuất hiện gần đây; nhưng tôi không được tự mình chứng kiến. Hai sao chổi...

Tôi bắt giắc xoay người trên những chiếc gối, gáy tôi rộn rạo như thể một bàn tay lạnh băng vừa vuốt qua. Tất cả một mỗi bay biến, tôi siết cuốn sách chặt hơn trong tay và bắt đầu đọc.

10. Chương 10

Tôi đã mong đợi sẽ cảm nhận được nhiều cảm xúc nào đó khi lái xe quay lại Exbury vào sáng hôm sau. Bồn chồn, chắc chắn là vậy, và sợ hãi, thậm chí là cả thích thú. Nhưng tôi không được chuẩn bị để đón nhận cảm giác hoàn toàn thanh thản bao trùm như một tấm chăn dễ chịu, gần như trước khi tòa tháp nhà thờ chỗ anh tôi bị những chùm cây nuốt mất trong gương chiếu hậu. Đó là một cảm giác mạnh mẽ, rất mạnh mẽ, bình tĩnh và lan tỏa. Và hoàn toàn vô lý, sau những sự kiện điên cuồng ngày hôm trước.

Tôi để ánh mắt lần theo sau những chuyển động thất thường của những tài xế trên đường khi họ lách mình vượt lên trước trong giờ cao điểm, trong khi tâm trí tôi vợ vẫn trôi trở lại sáng hôm qua.

Tôi đã cố gắng đọc gần trọn một năm trong cuốn nhật ký của Pepys trước khi bị sự mệt mỏi đánh bại. Lúc tỉnh dậy thì đã chiều muộn. Qua khung cửa sổ khép hờ, bầu không khí có mùi sạch sẽ và trong lành vô cùng. Quần áo của tôi đã được bà Pearce giặt và là phẳng như mới, đang nằm phẳng phiu trên chiếc ghế như một người bạn chờ được chơi cùng. Tôi đứng dậy đi tắm rồi xuống tầng tìm anh trai.

Tôi thấy anh ngồi trong khoảnh hiên dài sau nhà, lơ đãng gặm đầu cây bút chì trong khi suy ngẫm, nhìn chằm chằm khắp bãi cỏ rộng rãi được cắt tỉa bằng đôi mắt không mấy tập trung.

Đột ngột nghe thấy tiếng bước chân của tôi vọng lại, anh mỉm cười ngược lên, bỏ chiếc bút chì khỏi miệng và đặt nó lên quyển sổ để mở trên chiếc bàn bên cạnh.

“Em trông khá hơn rồi đấy”, anh chào tôi. “ Có khi nào em nên ở lại vài ngày, cho bản thân thư thái.”

“Cảm ơn anh nhưng thôi.” Tôi ngồi xuống chiếc ghế lót đệm màu sáng trước mặt anh.” Sáng mai em phải về rồi. Anh đang làm gì ấy?”

Anh nâng quyển sổ lên, cho tôi xem những trang giấy chi chít chữ.” Giảng đạo. Theo anh nhớ thì em rất giỏi dùng từ. Còn cụm nào khác cho ‘trả lời tùy biến’ nữa nhỉ?”

“Ừng khẩu?”

“Hoàn hảo.” Anh đánh dấu thêm vài ghi chú khó đọc bằng cây bút chì và lần thứ hai đặt cuốn sách sang một bên.” Em đã đọc cuốn sách của Pepys chút nào chưa?

“Ừm.” Tôi ngả lưng, vắt chân và nhàn nhã lúc lắc một bên chân.” Em gần như đọc hết năm có thông tin về nạn dịch. Nhân tiện, đó là năm 1665. Rất khủng khiếp.”

Cũng gần như những gì tôi có thể hình dung, nạn dịch bắt đầu một cách chậm rãi, lan hết từ Hà Lan qua các con thuyền buôn neo đậu tự do ở eo biển nước Anh, từ Amsterdam đến Luân Đôn và ngược lại. Từng bước chiếm lấy quyền kiểm soát, nó lây nhiễm và mưng mủ như một vết thương đâm máu, lan rộng khắp các vùng ngoại ô đông đúc, gây nên hậu quả đầy chết chóc cho đến khi vờn đến thành phố. Là người được sinh ra ở thế kỉ XX, tôi buồn bã nhận ra người Luân Đôn thời bấy giờ, với sự dốt nát mê tín, đã nhanh chóng tàn sát tất cả chó và mèo họ có thể tìm ra, mà không hay biết chính loài động vật ấy là thiên địch của loại chuột mang mầm bệnh. Thậm chí cả ngày hôm nay, với nền y học hiện đại của chúng ta, một trận bùng phát dịch hạch cũng sẽ trở thành một cảnh tượng gây nhiều khiếp đảm. Cho nên trong mắt những người dân thế kỉ XVII, nó hẳn cũng giống như tận thế.

“Có tìm được gì thú vị không?” Tom hỏi.

“Một chút. Anh còn nhớ em đã mơ về hai ngôi sao chổi không? Thực sự có hai ngôi sao chổi xuất hiện ở Luân Đôn, một vào tháng Mười hai năm 1664 và ngôi sao thứ hai vào xuân năm xảy ra nạn dịch. Đã gây ra rất nhiều náo động, theo những gì Pepys nói. Điều rất dở.”

“Phải, anh có thể hình dung.” Tom gật đầu. “Thời đó sao chổi được coi là biểu tượng của nguy cơ diệt vong. Thực sự không phải không có nguyên nhân. Tầm thảm Bayeux mô tả một ngôi sao chổi xuất hiện khi Harold giả tội nghiệp thừa kế ngai vàng, ngay trước khi William Xâm Lược đánh cho quân đội Anh không còn manh giáp và bắn xuyên một mũi tên qua mắt Harold.”

“Không phải”, tôi phản đối. “Thầy dạy Lịch sử của anh sai rồi, anh ạ. Người bị bắn tên vào mắt trên tấm thảm không phải Harold. Harold bị một cây đao bổ vào người hay sao đó, sau một khoảng thời gian.”

“Sao cũng được. Trọng điểm là sao chổi luôn bị coi là điềm gở. Nó là sự tương phản mang tính lịch sử với đàn chim sáo may mắn của em đấy, nếu em thích tể. Còn gì khác trong cuốn nhật kí nghe quen thuộc nữa không?”

“Không hẳn.” Tôi lắc đầu. “Vài điều ông ta đề cập đến vào đầu năm đó đã khuấy động trí óc em, nhưng khi ông ta viết về những tháng hè, với người chết như ngã rạ trên đường, em lại không có cảm giác gì cả.”

Anh trai tôi mỉm cười, nụ cười tự mãn đặc thù thường cho thấy có gì đó vừa sáng tỏ trong anh. “Em sẽ không cảm giác được, phải không?”

“Ý anh là gì?”

“Giả sử có kiếp nào đó em chính là Mariana, vậy em khó có thể hy vọng sẽ nhớ cảnh tượng Luân Đôn ra sao khi nạn dịch lên đến đỉnh điểm. Thời điểm ấy em vừa bị gửi đi khỏi Luân Đôn, không phải sao? Về vùng quê ấy.”

“Đến Exbury.” Tôi đắm chiêu. Tôi định thần và thoáng mỉm cười rầu rĩ. “Nghe càng lúc càng vô lý nhỉ? Nghe cứ như truyện một xu[1] ấy.”

[1] Nguyên tác: “penny dreadful”- một loại tiểu thuyết xuất bản vào thế kỷ XIX, dưới dạng các câu chuyện nhiều tập, cách vài tuần lại ra một phần và mỗi phần giá một xu. Đối tượng độc giả chính là tầng lớp lao động.

“Anh cũng chịu.” Tom nhún vai. “Anh thì lại thấy hấp dẫn chứ. Với lại anh cũng bảo người thủ thư tìm kiếm rồi, chúng ta phải chờ xem cậu ta có đào xới thêm được về chủ đề đầu thai không.”

Tôi mỉm cười. “Anh ta không thấy lạ khi mục sư vùng này lại nghiên cứu về chủ đề đó sao?”

Lạ trời, không.” Anh bác bỏ lời phát biểu của tôi. “Anh đã bảo cậu ta là mình cần thông tin cho bài giảng đạo sắp tới.”

Điều này, sau một lúc suy nghĩ, tôi cho rằng là một lời giải thích logic và đáng tin cậy. Những bài giảng đạo của Tom nổi tiếng là không chính thống. Khi đứng trên bục giảng kinh, anh có thể sẽ thảo luận về môn cricke trong lúc định trích dẫn một đoạn trong Kinh Thánh. Rõ ràng các giáo dân quen với tính cách lập dị của anh, nên giờ mới chấp nhận mà không buồn thắc mắc thế này.

“Anh sẽ phải lục tìm trong đồng tài liệu giáo trình cũ về các tôn giáo khác”, anh trai tôi tiếp tục. “Hắn sẽ có vài thông tin về sự đầu thai ở đây. Anh biết phần lớn tín ngưỡng của đạo Hindu và đạo Phật đều tin vào nó.”

“Em không chắc bản thân có hoàn toàn tin tưởng hay không”, tôi bảo. “Nhưng dù có chuyện gì đang diễn ra, thì cũng liên quan đến ngôi nhà của em.”

“Em có chắc mình muốn về không?”

Tôi nghĩ đến phòng đọc xinh đẹp ngập nắng của mình; đến bầu không khí thân thiết ở quán Sư Tử Đỏ, với Ned suốt ngày cắm mặt vào tờ báo ở cuối quầy bar; với Geoffrey de Mornay và cái đôi mắt anh thăm lại mỗi khi mỉm cười...

“Vâng”, tôi nói chắc chắn. “Em biết nghe thuật ngu ngốc - nhưng dường như việc em bị Đàn Cừ Xám hấp dẫn là có lý do. Rằng bằng lý do nào đó, em thuộc về ngôi nhà ấy”.

“Không ngu ngốc tí nào đâu. Anh tin mọi thứ diễn ra đều có nguyên do.” Vị mục sư phát biểu. “Và anh nghĩ em đúng. Em cần quay lại và đối mặt với chuyện này, nếu về sau em còn muốn được yên ổn. Em cần khám phá tất cả về Mariana trong khả năng của mình. Nếu có thể làm được thì em có thể tìm ra lý do tại sao tất cả chuyện này giờ lại đang xảy đến với mình. Một ít công việc đang dở, có lẽ, rất cần được hoàn thành.”

“Em nghĩ hoàn toàn có thể làm được.”

“Hoặc”, anh nhe răng cười thêm vào, “có lẽ học thuyết về kiếp trước của anh đều quá ủy mị và sau cùng thì em chỉ đang ngấm ngấm bị điên thôi. Giống như bà Sarah của chúng ta ấy”.

Tôi nhăn mặt. “Một ý tưởng để an ủi ư.”

“Có anh lớn để làm gì nào?”

“Dù sao”, tôi thừa nhận, “có lẽ thiết thực nhất là cứ đề phòng trường hợp bị mất trí. Em vẫn không chắc có tin vào quan niệm đầu thai không. Anh không thấy viễn vông sao?”

Tom liếc tôi một cái. Dường như muốn bỏ qua chủ đề này, anh hướng ánh mắt qua thăm cỏ rộng, nơi những chiếc bóng của màn đêm đến sớm đang vươn dài qua bãi cỏ mới cắt như những ngón tay ve vuốt dịu dàng. “Em vừa nói năm diễn ra nạn dịch là 1665 phải không? Khi đó ai đang ngồi trên ngai vàng?”

Tôi nhú mày. “Em nghĩ là Charles II.”

“Ô, đúng rồi. Chẳng phải lại thêm một vị vua xấu số thuộc dòng họ Stuart sao? Em đã đọc tí nào về lễ lên ngôi báu của ông ta chưa?”

“Chưa. Em không lật lại xa như thế”

“Ừm”, Tom ngả lưng ra sau, “anh muốn nói đến các điểm xấu. Trời mưa như trút cả ngày”.

Tôi lơ đãng lắc đầu. “Trời không đổ mưa cho đến tối hôm đó”, tôi sửa lại. “Sau khi các nghi lễ đã kết thúc.”

“Anh tin hôm đó là thứ Bảy.”

Câu trả lời của tôi lần này phát ra chậm hơn. “Không. Thứ Ba.”

“Và mặt đất được trải thảm đỏ.”

“Xanh dương...” Tôi quay đầu, cứng người, khi đón đôi mắt ranh mãnh của anh trai.

“Em nói phải”, anh bảo tôi. “Rõ ràng mảng đầu thai này có nhiều chứng cứ rồi.”

Tôi trừng mắt nhìn anh, đầu tiên không tài nào đối đáp được, đầu óc tôi kinh ngạc và mù mịt. “Chết tiệt”, tôi chậm rãi nói. Sau cùng, mục sư hay không phải mục sư...

“Chính xác”, Tom thốt lên và mỉm cười, rồi quay trở lại với bài giảng của mình.

Giao thông trước mắt vẫn thông suốt. Đột ngột tiếng còi của một chiếc xe rú lên, ngay lập tức kéo tôi khỏi dòng suy tưởng. Vẫn được bao phủ trong sự thanh thản ấm áp, tôi chuyển chiếc Peugeot bé nhỏ vào làn dành cho tốc độ cao hơn và nhấn ga tăng tốc rồi điều chỉnh vai dựa lên ghế lái một cách thoải mái với tiếng thở dài hầu như không rõ tiếng. Phần còn lại của quãng đường, tôi lái xe trong im lặng.

Khi tôi vọt chiếc xe qua cây cầu nhỏ đánh dấu sắp về đến Exbury, sự hài lòng như tấm chăn thít chặt quanh người tôi, một chút rộn rã vì mong đợi xộc khắp cơ thể rã rời vì chuyến đi của tôi. Sắp về đến nhà. Những từ ngữ đó choán hết đầu óc tôi như một tiếng nói, ngọt ngào và êm dịu.

Lại là từ đó, tôi nghĩ. Nhà. Nó xuất hiện quá dễ dàng và tự nhiên trong tâm trí tôi, gần như thế...

“Tôi không biết”, tôi nói to với tấm kính chắn gió lốm đốm bẩn trước mặt, “thật sự tôi đã từng sống ở đây trước kia, trong một cuộc đời khác ư?”. Lời đáp trôi trở lại, nhanh chóng và đơn giản, từ những gì có thể là do trí tưởng tượng của tôi hoặc từ nơi sâu kín nhất trong tiềm thức: Phải.

Xinh đẹp trong ánh nắng đã lên cao của buổi sáng với những bông hoa đầu xuân nở rộ dọc theo bức tường phía bắc, con đường cong cong và ngôi nhà hiện lên đầy uy nghi như chào đón tôi. Luôn luôn trở về với

ngôi nhà, tôi nghĩ, khi rẽ lên lối lái xe hẹp. Tôi không chọn ngôi nhà này, như những người khác, với tâm lý thoải mái và đầy lý trí; ngôi nhà đã chọn tôi. Nếu quả thật nơi đây hấp dẫn tôi là có chủ đích, thì tốt hơn hết tôi nên cố hết sức tìm ra chủ đích đó là gì, bắt đầu từ hôm nay. Bắt đầu ngay lúc này.

“Được rồi”, tôi kiên quyết nói, nâng cằm lên. “Tao đã về rồi đây. Giờ cho tao thấy mày muốn tao làm gì đi xem nào.”

Quả thật, ra vẻ hiên ngang thế này có hơi đáng xấu hổ. Tôi thậm chí chẳng mấy chắc chắn những lời nói của mình là hướng đến hồn ma, ngôi nhà hay chính bản thân nữa. Và tôi chắc chắn không hề mong đợi nghe thấy câu trả lời.

Nhưng khi đỗ xe vào chuồng ngựa được cải tạo ở sau nhà, một chuyển động mơ hồ lọt vào mắt tôi. Và khi quay đầu lại, tôi thấy hình dáng của một người phụ nữ trẻ trong khu vườn có chuồng bồ câu. Hình dáng bất động và tĩnh lặng của một người phụ nữ trẻ trong bộ đồ màu xanh. Trong giây lát, tôi hoảng sợ, ngực thít lại. Rồi người phụ nữ quay lại mỉm cười và vẫy tay, tôi thấy đó hoàn toàn không phải một hồn ma, chỉ là Vivien trong bộ đồ cũ màu xanh kỳ quái, với mái tóc xõa tùy tiện quanh vai và gương mặt sáng hồng rạng rỡ. Nhẹ nhõm hẳn, tôi chậm rãi băng qua bãi cỏ dài về phía chiếc chuồng bồ câu đổ nát. Vivien ngừng làm việc và tựa người lên cái cào, hướng đôi mắt thân thiện nhìn tôi đến gần.

“Vây là cô ở nhà”, cô ấy nói, một cách thừa thãi. “Mọi chuyện vẫn ổn với gia đình cô chứ?”

“Vâng, cảm ơn cô.” Tin tức lan truyền rất nhanh. Cô ấy trông như thể muốn biết thêm, nhưng tôi đã thay đổi chủ đề. Tôi chưa bao giờ thích nói dối, nhiều như lúc này. “Tôi không biết cô cũng bắt chước làm vườn đấy”, tôi nói.

“Không thường xuyên lắm. Tôi chỉ giúp Iain nhỏ cỏ thôi. Sáng nay đẹp quá”, cô ấy giải thích, chỉ lên bầu trời trong xanh hoàn mỹ. “Tôi ghét bị nhốt trong nhà.”

“Cái tay em không giúp được nhiều lắm đâu, cưng ạ”, giọng nói của Iain Sumner vọng lại khô khốc. Tôi không thể nhìn thấy anh ta ở chỗ bức tường đá, nhưng khi tôi tiến lại gần khu vườn hơn, anh ta đứng thẳng dậy và vươn vai. “Hai mươi phút vừa rồi em vẫn chỉ đang cào y nguyên tí tẹo đất ấy”, anh ta buộc tội Vivien.

Cô ấy thuần thục xới đất. “Đấy là em cẩn thận.”

“Phải rồi. Anh sẽ không tranh cãi với em ở đây.” Đôi mắt anh ta trượt ra xa khỏi Vivien, mỉm cười chào tôi, ném một búi cỏ đầy đất lên cái đồng mỗi lúc một chất cao sau lưng. Sáng nay, anh ta trông hết một chàng nông dân đích thực, trong chiếc quần thô và áo sơ mi xanh bạc màu, với găng tay dài bằng da kéo lên hết cẳng tay. Anh ta cũng trông mệt mỏi. Đôi mắt xám căng thẳng và trũng sâu trên gương mặt nghiêm túc. Tôi nghĩ đến người anh họ Ronald của mình, ở Cornwall, người mỗi sáng đều thức dậy từ bốn giờ để vắt sữa ba mươi con bò, và tự hỏi lần thứ một trăm vì sao lại có ai đó lựa chọn trở thành một người nông dân.

Iain giật mạnh một chiếc găng tay bong tróc ra và dùng bàn tay rậm nắng to lớn quệt mồ hôi khỏi trán. “Tôi đã chuyển lời nhắn của cô đến Geoff”, anh ta báo tin cho tôi biết. “Không vấn đề gì đâu. Cậu ta cũng đang đi vắng, lên phương bắc vì chuyện làm ăn, trong vài ngày tới, nhưng cậu ta nói sẽ gọi cho cô khi nào quay lại.”

“Ồ, vậy à?” Vivien tỉnh quá ngỡ ngàng.

“Anh ấy hứa sẽ dẫn tôi tham quan một vòng quanh lâu đài”, tôi giải thích, hy vọng không ai chú ý đến sắc hồng trên mặt mình giữa ánh mặt trời chói chang. Lần thứ hai, tôi thay đổi chủ đề. “Khu vườn trông đáng yêu quá”, tôi nói.

Nó thật sự đáng yêu. Những hàng cây non màu xanh tí hon ngay ngắn giờ được bao quanh bởi những lùm dạ lan hương và hoa anh thảo mượt mát. Anh ta cũng thêm vào một cụm hồng leo, có lẽ đã được chiết từ vườn hồng nổi tiếng ở lâu đài Crofton, đám dây leo của nó lười biếng bám lưng chừng các tầng nhà được ánh mặt trời sưởi ấm. Trong vòng một, hai tháng nữa, mảnh đất nhỏ này chắc chắn sẽ nở rộ đầy sức sống và sắc màu.

Iain nhìn theo ánh mắt ngưỡng mộ của tôi và nhún đôi vai rộng. “Đúng vậy”, anh ta ngượng ngùng nói.

Tôi liếc xuống đồng hồ đeo tay. Đã gần mười một giờ. “Có ai muốn một tách trà không?” Tôi ngỏ lời.

“Thế thì tuyệt quá.” Vivien nhẹ nhõm vứt bỏ luôn cái cào, Iain dành cho cô ấy một ánh nhìn trêu mếu đầy khoan dung trước khi đôi mắt xám xịt mỗi chạm phải mắt tôi và anh ta mỉm cười.

“Tôi phải từ chối rồi”, anh ta trả lời.

Thành thực mà nói, tôi không phải thừa nhận với ai, ít nhất là với bản thân, nhưng tôi mừng vì mình không còn ở một mình khi mở khóa cửa ngôi nhà xám im lặng. Hít một hơi thật sâu đầy kiên quyết, tôi băng qua ngưỡng cửa đang chờ đợi.

11. Chương 11

Sau cùng, tôi không cần phải lo lắng. Những ngày còn lại của tuần trôi đi trong sự bình thường im lìm và hoàn hảo, mờ đục như nước trong gương. Sự chán nản đeo bám tôi dai dẳng. Đó không phải phản ứng có chừng mực, nhưng tôi không thể ngăn được bản thân. Sự kiên nhẫn, như toàn thể gia đình tôi chứng thực, chưa bao giờ là điểm mạnh của tôi, và giờ tôi đã được chuẩn bị - thậm chí còn hăm hở - để trải nghiệm thêm một cảnh khác từ cuộc đời của Mariana Farr, tôi thấy thật bất rút nếu từ chối cơ hội này. Ngay cả kẻ cười ngửa theo dõi cũng ruồng rẫy tôi. Nơi đó, dưới tàn cây sồi già, mỗi lần tôi đủ can đảm để nhìn, cũng trống rỗng.

Sáng thứ Sáu, tôi trở nên sốt ruột và bất rút không ngừng, đành lấy công việc để làm xao nhãng tâm trí. Dù sao bắt đầu công việc vào thời điểm này cũng đã hơi chậm so với tiến độ rồi, tôi lấy giọng cương quyết để nhắc nhở bản thân. Ngồi vào tư thế quen thuộc trước bàn vẽ, với trang bản thảo đánh dấu có nếp gấp ở vạch trên cùng và một tờ giấy vẽ trải rộng bên dưới chiếc bút chì, ngay khi đó tôi cảm thấy tập trung và thư thái hơn nhiều.

Đã hơn một tháng kể từ lần vẽ tranh minh họa cho cuốn sách trẻ em gần đây nhất. Tôi quá hưng phấn sau khi mua được ngôi nhà, quá bận rộn trong quá trình chuyển nhà và quá điên cuồng bởi những sự kiện trước đó để có thể lên khung vẽ cho các yêu tinh và nữ hoàng của mình. Các nhân vật nhỏ bé đã đợi, túm tụm vào với nhau trong suốt khoảng thời gian đó, và giờ đây đương nhiên chúng đã chạy từ tâm trí tôi ra đầu cây bút chì và trên trang giấy mới tinh, thổi sự sống vào câu chuyện phỏng theo cổ tích Hàn Quốc về một con rồng xấu tính.

Câu chuyện cần tất cả bốn hình minh họa. Đến đầu giờ chiều, tôi đã hoàn thành các phác thảo bằng bút chì với hầu hết các chi tiết cầu kỳ là thương hiệu của tôi. Các phác thảo vẫn cần phải được tô màu nước, nhưng việc này có thể đợi đến ngày mai. Tôi ngã lưng lên phần ghế đặc biệt lót bông của bàn vẽ, đan hai tay rồi duỗi ra sau đầu để thả lỏng các múi cơ trên xương bả vai và thỏa mãn nhìn quanh căn phòng.

Tôi không thể chọn nơi nào thích hợp hơn để làm việc. Căn phòng này nhỏ, vuông vức và có trần thấp, nhưng các bức tường được sơn màu hoàng hôn nhạt và lối kéo thêm được ánh sáng rực rỡ từ ván sàn rộng bóng loáng. Đây là một căn phòng nhỏ nhắn, vui tươi và ấm cúng.

Chỉ cần xoay ghế lại là tôi có thể có một tầm nhìn bao quát rõ ràng qua cửa sổ, nhìn bóng hàng cây in trên dòng sông uốn lượn chậm chậm chảy về phía tây khu đất của mình, và phía xa là những ô đất trồng trọt ngang dọc cùng đồng cỏ rì rào rõ nét bên dưới. Phía tây nam, ngay trong giới hạn tầm nhìn, ngọn tháp có lỗ châu mai của nhà thờ đứng gác cho ngôi làng và những ống khói bằng gạch lừng lững của lâu đài Crofton uy nghi vươn lên vòm lá xanh tươi.

Tôi không nghe nhiều tin tức từ Geoffrey de Mornay và cho rằng anh vẫn đang đi công tác xa. Đâu đó trên phương bắc, Iain đã bảo thế. Có lẽ là Lancashire, tôi suy đoán, hoặc Northumberland. Hãng điện tử Morland đều có nhà máy ở cả hai địa điểm trên.

Nhưng dù sao đi nữa, tôi tự nhắc bản thân, tôi sẽ không nín thở đợi cuộc điện thoại từ anh. Sau cùng, tôi không còn là cô nhóc hay tương tự nữa và đã có vô vàn những thứ khác choán hết thời gian của tôi rồi. Bên

cạnh đó, tôi nghĩ, khi bước xuống cầu thang để pha một tách trà, mình mới chỉ biết người đàn ông đó một tuần.

Không thể lý giải tại sao, khi chiếc điện thoại cuối cùng cũng reo, tôi xem chút nữa nhảy qua bàn bếp để lao đến trả lời. Hoặc vì sao giọng nói của tôi đột nhiên trở nên nghèn nghẹn, gọi lên những hình ảnh của Greta Garbo[1] thời kỳ hoàng kim. “A lô?”

[1] Nữ diễn viên người Mỹ gốc Thụy Điển nổi tiếng nhất thời kỳ vàng son của Hollywood.

“Julia?”

“Ôi, là anh”, tôi nói, thất vọng thấy rõ.

“Xin lỗi nhé.” Giọng Tom có vẻ sững sốt. “Anh nên là ai thế?”

“Không ai cả.” Tôi lấy lại giọng bình thường.

“Sao vậy?” Anh tôi ngưng lại, quyết định không theo đuổi vấn đề thêm nữa và thận trọng đổi sang chủ đề nào đó nghiêm túc hơn. “Anh vừa từ thư viện về”, anh thông báo, “và nghĩ em có thể hứng thú với những gì người thủ thư lục tìm cho anh”.

“Xong rồi á? Anh ta nhanh nhẹn thật đấy.”

“Cậu ta là một thằng nhóc siêng năng kinh khủng. Đại khái là”, Tom tiếp tục, “ngoài đào bới một danh sách dài dằng dặc những người nổi tiếng tin vào sự đầu thai - tất cả từ Plato đến Voltaire - cậu ta cũng xoay sở tìm được một dòng tôn giáo chính thống về vấn đề này, cả trong đức tin của các tín đồ đạo Phật và đạo Hindu. Hàng trang thông tin, thật đấy. Học thuyết nền tảng diễn giải linh hồn con người được gửi đến cuộc sống trên trái đất hết lần này đến lần khác cho đến khi học được những bài học cần thiết để thăng cấp thành một thực thể vượt trội.”

“Và những bài học đó là gì?”

“Không cụ thể. Có quy luật nhân quả, nói rằng những hành động của em trong kiếp này sẽ ảnh hưởng đến những điều sẽ xảy ra trong các kiếp sau, cho nên nếu kiếp này em thực sự là một kẻ đáng khinh thì em sẽ có một cuộc sống khốn cùng ở kiếp sau. Nhưng đương nhiên”, Tom dè dặt, theo lối suy nghĩ thận trọng thường thấy ở anh, “đó chỉ là một góc tín ngưỡng. Có rất nhiều điều tra nghiên cứu ở đây chứng tỏ hiện tượng đầu thai không đặt nặng các khía cạnh của tôn giáo”.

“Điều tra nghiên cứu?” Tôi lặp lại. “Anh đang đùa em đấy à?”

“Không, thật đấy.” Tôi có thể nghe thấy tiếng giấy tờ loạt soạt từ đầu kia vọng lại. “Vài người đã thực sự chết vì vấn đề này. Ví dụ, một giáo sư tâm thần học ở đại học Virginia đã thu thập một nghìn bảy trăm trường hợp những người vẫn có ý thức về những ký ức của kiếp trước. Hầu hết là trẻ nhỏ, chúng đột ngột nói mình là người này người kia trong kiếp trước, có thể miêu tả những ngôi nhà, bạn bè và những người chồng, người vợ trước kia của chúng. Thật kỳ quái. Có một trường hợp đáng kể hơn cả ở Ấn Độ...” Anh ho, và giấy tờ lại sột soạt. “Nhưng anh lạc đề mất rồi. Phần nghiên cứu chính khác dường như có được từ những người sử dụng thuật thôi miên, nếu em tin vào các phương pháp ấy. Họ chuyển dịch hàng nghìn người theo đúng nghĩa đen về quá khứ và phát hiện hầu hết những con người này đều chỉ là những thường dân.Ồ, có cái này thú vị một chút này. Ở đây có một bài báo chứng minh việc triệu hồi kiếp trước và nó nói rằng những người trong cuộc nghiên cứu này đều thuật lại có nghe thấy tiếng chuông vọng bên tai, kèm theo cảm giác hoa mắt chóng mặt, ngay trước khi sự việc xảy ra. Nghe đã quen chưa?”

“Nghe có vẻ anh có khá khá tài liệu rồi đấy”, tôi bình luận, cố gắng lờ đi cơn run rẩy quét khắp da.

“Hàng tập giấy tờ”, Tom đồng ý. “Anh bảo, sao anh không đóng gói chỗ này gửi cho em để em tự đọc, thay vì huyền thuyên qua điện thoại nhỉ?”

“Được rồi. Anh có địa chỉ của em rồi, đúng không?”

“Để chỗ nào rồi ấy.”

Không tin tưởng trí nhớ của anh trai, tôi đọc lại lần nữa và lắng nghe tiếng cây bút cào trên mặt giấy khi anh ghi chép. Lúc chúng tôi lại bắt đầu cuộc nói chuyện, anh có vẻ thất vọng khi thấy tôi kể chẳng có chuyện gì xảy ra từ lúc trở về nhà.

“Không gì luôn?” Anh hỏi. “Không cả một giấc mơ khác thường?”

“Em còn chẳng mơ tí nào, theo những gì em nhớ.”

“Có lẽ em đang cố gắng quá sức.”

“Em không chú ý làm gì hết, Tom à.” Giọng nói của tôi giật cục và bực bội. “Anh biết em chỉ háo hức đợi nó xảy ra như anh thôi.”

“Anh hiểu. Xin lỗi” Ngay cả qua đường dây điện thoại, tôi có thể cảm nhận nụ cười của anh. “Hài hước cái là em bắt đầu trần trở vì nó rồi.”

“Cái gì?”

“Ừ thì vào thứ Hai, em còn đang buồn bực bởi những việc đang xảy ra, và giờ cả hai chúng ta đều buồn bực vì chúng không xảy ra còn gì.”

“Ồ, em hiểu. Nhưng cuối cùng em chẳng thấy hài hước gì cả. Đáng lo ngại hơn thì có, dù anh có miễn cưỡng muốn biết hay không.”

“Gió lạnh trước cơn bão à?”

“Giống như... em đang bị theo dõi thì đúng hơn”, tôi bảo anh. “Giống như ai đó đang đứng sau lưng em, theo dõi em. Và chờ đợi.”

“Em nghĩ là chờ đợi cái gì?”

Tôi lắc đầu, không quan tâm anh không thể nhìn thấy điệu bộ đó. “Em không biết nữa. Em nghĩ chắc anh cũng không tìm ra gợi ý nào hữu dụng từ mớ thông tin ở chỗ người thủ thư phải không?”

“Ừ, thực sự là không có.” Anh lại lật giở đống giấy tờ. “Ồ, nhưng có hai tuyên bố khác anh nghĩ em sẽ thấy hứng thú...”

“Vâng?”

“Đường như có rất nhiều bằng chứng chứng minh ở mỗi đời người đều có chừng ấy con người vây quanh chúng ta - rằng cha em ở kiếp này có thể trở thành bạn của em ở kiếp sau, vân vân. Họ đôi khi có liên quan đến một nửa của em, những người em sẽ yêu thích ngay lập tức mà không thực sự biết lý do vì sao.”

“Cho nên anh có thể từng là anh trai của em ở kiếp trước.”

“Hoặc chồng của em”, Tom trêu ghẹo. “Hoặc con trai em. Có khi là cả con gái em cũng nên. Qua nhiều kiếp thì giới tính có vẻ cũng không phải là thứ bất biến.”

“Thôi được rồi.” Tôi chấp nhận thông tin. “Và điểm còn lại là?”

“À”, Tom nói. “Để xem, điểm còn lại hơi bị hấp dẫn, nhưng... hầu hết những người liên quan đến một trong số những cuộc nghiên cứu này đều nói họ thực sự đã chọn được tái sinh; rằng họ đã sống trong mình giới, nếu muốn, cho đến khi cơ hội hiện thân tự nó xuất hiện.”

“Cho nên?”

“Cho nên em nói hồn ma này, hồn ma Thiếu Phụ Xanh trong khu vườn nhà em, ba mươi năm rồi chưa có ai nhìn thấy phải không?”

“Đấy là những gì em đã nói.”

“Và em chưa bao giờ nghĩ”, Tom chậm rãi nói, “rằng ba mươi năm trước là khoảng thời gian em đã được sinh ra sao?”

Bước chân nhẹ nhàng, nàg gần như... Những từ ngữ nảy lên, tự nhiên và tùy ý, trong trí óc hỗn loạn của tôi khi đứng một mình trong nghĩa trang nhà thờ có tường bao quanh, nhìn chăm chăm xuống nắm mộ cỏ

mọc xanh rì của Mariana Farr. Đây là một bài thơ cổ, của Oscar Wilde. Tôi từng phải học thuộc nó thời đi học, và thậm chí giờ đây, bao nhiêu năm trời đã trôi qua, tôi vẫn có thể nhớ dòng chữ ám ảnh cuối cùng: Vui lấp sinh mệnh nơi đây, Bên dưới đồng chất đầy.

Nhưng chắc chắn, tôi tự nhủ, điều đó không hề đúng. Tôi nên đào xới quá khứ để ngộ, chứ không phải lấp đất để bao phủ nó lại. Nhíu mày, tôi nhét hai bàn tay sâu hơn vào túi quần jean và trừng mắt nhìn phiến đá đơn sơ nhỏ nhắn. Vui lấp sinh mệnh nơi đây...

Cơn gió giá buốt thổi bay tóc khỏi trán lúc tôi quay người, cúi gằm đầu trầm ngâm và lê từng bước chân nặng nề về phía nhà thờ. Như lúc trước, cánh cửa bằng gỗ lớn dễ dàng mở ra trước cái chạm nhẹ của tôi. Đứng giữa không gian lạnh lẽo và im lìm bên trong, tôi thêm lần nữa bị kinh ngạc bởi sự tĩnh mịch tĩnh tể và hương thơm lãng mạn tự do lan tỏa của nơi này. Giống như tu viện Glastonbury Abbey đổ nát, với cỏ mọc trên đỉnh những bức tường cao không có mái, nhà thờ nhỏ bé này cho người ta ấn tượng rằng tất cả mọi người đã bỏ quên nó một thời gian rất dài.

Thật ngỡ ngàng, tôi nghĩ, bởi cứ đến Chủ nhật là các hàng ghế dài sẽ đầy ắp tín đồ ở Exbury. Tuy vậy, cái ấn tượng ấy vẫn cứ rơi rớt lại trong tôi. Tôi định ngồi xuống một trong những hàng ghế dài sứt sẹo bóng loáng kia một lát, tận hưởng bầu không khí yên bình, dễ thỏa mãn, nhưng một âm thanh bên ngoài nhà thờ vang lên khiến tôi chú ý. Đầu tiên, nó chỉ là một âm thanh mờ nhạt, qua những bức tường đá dày chỉ như một tiếng va đập không dứt, va đập của một cành cây lên khung cửa sổ, nhưng âm lượng mỗi lúc một gần và trở nên đều đặn hơn, cho đến khi tôi có thể nghe thấy rõ ràng vó ngựa nện trên nền đất chắc nịch của con đường quanh co phía sau nhà thờ - con đường dẫn về tòa trang viên.

Tò mò, tôi lại ra ngoài và vòng qua bức tường phía tây nhà thờ, đi bộ một quãng ngắn qua thảm cỏ đến cánh cổng thấp dẫn vào con đường đến tòa trang viên. Mặc dù có thể nghe tiếng con ngựa khá rõ ràng, nhưng không nhìn thấy gì trong tầm mắt, tôi bước xuống con đường để có tầm nhìn tốt hơn.

Cơn váng vất đột ngột tấn công tôi. Tôi hầu như chỉ kịp đưa những ngón tay lên hai thái dương đập rộn, nhắm chặt đôi mắt trước ánh sáng nổ tung chói lòa. Khi nghe thấy một tiếng chửi thề hét lên sau lưng, tôi quay lại để thấy một cặp móng vuốt đồ sộ cắt lẹm qua không khí chỉ cách mặt tôi vài centimet. Kinh hãi, tôi giật lui, đập hông lên một tảng đá. Bị mắc kẹt bởi móng vuốt vung vẩy lung lay vướng vào chân, tôi chỉ có thể đứng yên đó, nửa ngồi nửa nằm trên mặt đất, ngược lên nhìn trần trần người đàn ông cưỡi ngựa điều luyện không nghi ngờ vừa cứu sống mình.

Tôi không thể nhìn thấy gương mặt anh ta - anh ta đưa lưng về phía mặt trời và tôi chỉ có thể nhìn thoáng qua gương mặt nghiêng của anh ta khi anh ta trấn an con ngựa xám đang nhảy chồm chồm. Nhưng trong lúc không thể nhìn thấy biểu cảm của anh ta, tôi vẫn chắc chắn anh ta không hề mỉm cười.

“Chết tiệt, cái cô kia!” Anh ta lại chửi thề, chứng thực sự ngỡ vực của tôi. “Cô không biết nhìn trước ngó sau sao? Cô thích chết đấy à?”

Trợn tròn mắt im thin thít, tôi lắc đầu, không chắc nên trả lời câu nào trong hai câu được hỏi. Đường nét trên cằm nghiêng chặt, như thể đang chuẩn bị cho tôi một bài thuyết giảng, nhưng anh ta chỉ khó khăn trút một hơi điên tiết và nhìn ra chỗ khác trong một chốc, cho tôi cơ hội nhìn thấy gương mặt nghiêng quyến rũ tuyệt đẹp và rần rở ấy kỹ càng hơn. Khi quay lại nhìn tôi và nói, giọng anh ta đã trở nên nhã nhặn hơn và gần như ân cần.

“Cô có bị thương không?”

Một lần nữa, tôi lắc đầu và cảm nhận được nụ cười của anh ta.

“Cô không thể nói sao, Mariana Farr?” Anh ta hỏi. “Tôi nghe đồn khoản ăn nói của các cô gái ở Luân Đôn đặc biệt giỏi cơ mà nhỉ.”

Máu tôi đông cứng lại vì lo lắng. “Tôi không đến từ Luân Đôn, thưa ngài. Tôi đến từ Southampton.”

“Thật lạ lùng”, anh ta khẽ nói. “Không đầy một tuần trước, tôi đã đứng uống bia với một người đàn ông tự nhận là đánh xe đến từ Luân Đôn. Anh ta bảo không chở gì đến đây ngoài một hành khách và cô gái đó có mái tóc vàng như lúa mạch chín. Sau vài ly, anh ta có thể nói huyền thuyên, nhưng không cho tôi ấn tượng là một kẻ nói dối.” Thấy tôi lặng im, anh ta tiếp tục nói, vẫn cái giọng nhẹ nhàng và vô tâm ấy. “Cô cần

thôi cái dáng vẻ sợ hãi ấy đi - tôi sẽ không kể với ai. Tôi không phải nông dân, thưa cô, để làm dấu thập và lẩm bẩm những lời cầu nguyện khi ai đó thì thầm về ‘bệnh dịch’ và cũng sẽ không nhìn cô bị tống ra khỏi thị trấn vì mấy kẻ đàn độn cho rằng cô đang mang theo mầm bệnh.”

Tôi chống chân đứng dậy, phủi bụi đất khỏi chiếc váy với những ngón tay còn hơi run rẩy. “Ngài đẩy tôi vào thế bất lợi, thưa ngài”, tôi nói với anh ta, với hết thảy sự trang nghiêm có thể có, và nheo mắt nhìn anh ta giữa ánh nắng chói chang. “Ngài biết tên tôi.”

“À, ừm, khoảng thời gian này chúng tôi rất hiếm có khách quý ở Exbury”, anh ta giải thích, “và những người thu hút được sự chú ý của tôi lại càng hiếm hơn”. Ánh nhìn tầm tói của anh ta thiêu đốt nơi tôi đang đứng và nét cười trong tiếng nói của anh ta thậm chí còn chứng minh rõ ràng hơn. Có lẽ lấy làm thương hại ánh nhìn của tôi, anh ta thúc con ngựa vòng lại để ánh mặt trời không chiếu thẳng vào lưng anh ta nữa và màu mè nâng chiếc mũ lên khi cúi đầu chào một cách giễu cợt.

“Richard de Mornay, hân hạnh được phục vụ tiểu thư”, anh ta tự giới thiệu.

“Thưa ngài.” Tôi cúi đầu đáp lại, một phần vì không thể hoàn toàn bỏ quên lối cư xử phải phép của mình, một phần không thể chịu đựng việc nhìn vào gương mặt anh ta lâu hơn được nữa. Đó là một khuôn mặt tuyệt đẹp, góc cạnh và đẹp trai một cách ma mị, thêm một bộ râu đen cắt tỉa gọn gàng và những lọn tóc đen bồng bênh tự nhiên, không phải một trong số những bộ tóc giả chau chuốt tôi đã quá quen thuộc trong thành phố.

Bộ trang phục của anh ta cũng không phải loại hợp một eo lả. Anh ta mặc một chiếc áo gi lê và quần ống túm đơn giản màu đen, với chiếc áo khoác dài và bột da tiếp màu. Chất vải anh ta mặc là thượng hạng, lớp thêu dày đặc, nhưng không hề lòe loẹt, vì thế hết thảy đều trông rất đắt tiền. Tôi thấy bản thân thắc mắc về Richard de Mornay. Anh ta dường như rất khác so với những người nông dân thẳng thắn và nhà buôn tôi gặp từ khi mới đến đây.

“Cô có chắc mình không bị thương không?” Anh ta lại hỏi.

“Tôi chắc chắn. Cảm ơn ngài.” Tôi giữ đầu thật thấp, chờ anh ta đi. Lúc anh ta vẫn đứng yên, tôi đánh liều nhìn một cái và phát hiện anh ta đang quan sát mình.

“Vây chúc cô một ngày tốt lành, thưa cô”, anh ta chậm rãi nói, gật đầu thêm cái nữa trước khi đặt lại mũ lên đầu và hướng con ngựa về phía ngôi làng. “Mong trong tương lai cô sẽ cẩn thận hơn khi đi trên con đường này.”

Tôi lại có ấn tượng rằng anh ta đang cảnh báo tôi điều gì đó khác chứ không phải việc lao ra trước mặt một con ngựa thế này, nhưng trước khi tôi có toàn bộ thời gian ghi nhớ lời nhắc nhở trong tâm trí thì anh ta đã đi mất. Tôi chỉ còn lại một mình đứng giữa đường như một con ngốc. nỗ lực tập hợp lại sức lực, tôi rời khỏi con đường và băng qua cánh đồng về nhà, không mong ước sẽ gặp Richard de Mornay thêm lần nào nữa trên những con đường làng.

Ngôi nhà của bác tôi, nhìn từ phía sau qua cánh đồng rì rào, là một cảnh tượng ảm đạm và thiếu đón chào. Trong vài ngày ít ỏi tôi ở đây, tôi đã biết kinh sợ nơi này, giống cảnh tượng gớm ghiếc về tòa tháp Luân Đôn khiến tôi khiếp hãi thời thơ ấu. Cả hai nơi, theo từng cách riêng, đều là những nhà tù.

Song cảm tưởng của tôi không dựa trên căn cứ logic nào, mà cũng không phải vì nỗi sợ bác trai ngày một lớn trong tôi. Tôi không hề bị ngược đãi, tôi được chấp nhận vô điều kiện vào các hoạt động thường nhật của gia đình và thái độ của bác Jabez với tôi lúc nào cũng nhã nhặn, dù có chút xa cách. Tuy vậy, tôi bắt đầu cảm thấy bồn chồn không yên, giống một đứa trẻ đi lang thang trong những hành lang của một ngôi nhà xa lạ giữa đêm đen mịt mờ, cho rằng trước mỗi lối rẽ sẽ gặp phải một con quái vật vô cùng gớm ghiếc nào đó. Quả vậy, khi nhiều ngày qua đi, tôi bắt đầu dần nhận thức được sự hiện diện của con quái vật này; tôi hầu như có thể cảm nhận được nó, với vẻ bề ngoài thường ngày, luồn lách hết như con rắn độc ác trong Vườn Địa Đàng. Và dù vẫn chưa đối diện được với nó, tôi cũng chắc chắn về sự tồn tại của nó.

Lê từng bước chân, tôi bước vào ngôi nhà qua cửa sau và thấy Rachel trong nhà bếp, xắn tay áo để nhào bột. Cô ấy ngược lên, mỉm cười vì lớp bột vương vãi đầy trên người.

“Chuyển đi dạo dễ chịu chứ?” Cô ấy hỏi tôi và tôi gật đầu, “Tôi bắt đầu lo cho chị rồi này, chị đi lâu quá”.

“Tôi đến nghĩa trang nhà thờ, thăm mộ của ông ngoại tôi”, tôi giải thích, giọng lơ đãng. “Rachel à, cô biết gì về người đàn ông tên Richard de Mornay không?”

Cô ấy ngẩng phắt lên, do dự, đôi mắt lướt qua tôi, rồi đột ngột nói rộng e dè. Tôi không nghe thấy bác mình vào phòng, nhưng có thể cảm nhận được ông đang đứng sau lưng trước khi ông cất giọng.

“Richard de Mornay”, ông lặp lại, giọng nói kéo dài từng chữ khó nghe. “Làm sao chị biết anh ta?”

“Chúng cháu chạm mặt nhau trên đường hôm nay”, tôi thành thực trả lời, “và anh ta nói chuyện với cháu”.

“Anh ta... nói chuyện với chị. Thế thôi?”

“Vâng.”

“Và rồi chị hỏi thăm về anh ta.”

Sự thăm vấn đang cào ác liệt lên những dây thần kinh của tôi, nhưng tôi dùng sức kiềm lại cơn giận và giữ giọng nói bình thản hết mức có thể. “Cháu hỏi thăm về anh ta vì hiếu kỳ”, tôi nói, vênh cằm lên một chút. “Quần áo anh ta đặc biệt sang trọng và anh ta cũng cười một con ngựa đáng yêu.” Tôi nuốt nước bọt, nhìn thẳng vào mắt bác. “Cháu hiếu kỳ thôi”, tôi nhắc lại.

Jabez Howard giữ chặt ánh mắt tôi một lúc lâu trước khi hạ mắt xuống và mỉm cười, buông tha cho tôi.

“Richard de Mornay”, ông nói với chất giọng bình thường, “là lãnh chúa trẻ tuổi của lâu đài Crofton. Anh ta là con một gia đình quý tộc và được giữ chức hiệu Nam tước từ cha của anh ta, người qua đời năm năm trước. Anh ta được kính trọng, nhưng”, ông lại giữ ánh mắt của tôi, “anh ta không phải một quý ông. Có một con quỷ ngụ trong người Richard de Mornay. Chị không được nói chuyện với anh ta nữa”. Ông quay người và đi vào phòng ăn, bỏ tôi đứng cạnh lò sưởi trong cơn ớn lạnh đột nhiên xâm chiếm. Tiếng ồn ã lạ lùng xé rách không gian im ắng ngọt ngào, tiếng chuông đình tai mỗi lúc một rền vang, theo sau tiếng vó ngựa phi nước đại đứt đoạn giập cục. Căn phòng rung chuyển, mờ ảo như đường chân trời vào một chiều hè nóng nực, những bức tường cùng đồ nội thất tự mình co rút lại trước khi quy tụ, một cách rõ ràng và thống nhất.

Tôi đang đứng trong phòng chứa đồ ăn ở ngôi nhà của chính mình, đối diện với cửa phòng bếp, lắng nghe tiếng chuông điện thoại reo không ngừng trong sảnh phía trước. Tôi mặc kệ nó tiếp tục reo, chờ dẫn nhìn vào khung cửa mở, cho đến khi âm thanh cuối cùng câm bặt. Thực tại nhỏ giọt từng chút một vào dòng chảy suy nghĩ rời rạc, cứ như kéo dài đến muôn đời trước khi tôi có thể triệu hồi quyết tâm di chuyển khỏi chỗ đứng hiện tại cạnh vách phòng chứa thức ăn để ra sảnh ngoài rộng rãi và thoáng đãng, nơi tôi đứng nhìn xuống chiếc điện thoại đen bóng như thể nó đến từ một hành tinh khác.

Khi tôi đứng đây, nhìn chằm chằm xuống chiếc điện thoại, với bàn tay ngáp ngừng vươn ra, nó lại bắt đầu đổ chuông.

12. Chương 12

Ngày tiếp theo mặt trời ló dạng ấm áp và tuyệt đẹp, kèm theo là cái oi bức đầu tiên báo hiệu mùa hè sắp đến. Đầu chiều hôm ấy, những đám mây từng rất rõ rệt vào ban sáng giờ thu hẹp lại thành những đám khói trắng trong mờ, hầu như không thể nhìn rõ trên bầu trời xanh rực rỡ, mặt trời treo cao như một viên đá quý màu vàng cực đại nơi chính giữa.

Giữa hai hàng hoa rộng chạy dọc lối đi trước lâu đài Crofton, những con ong chuyên tâm hút mật, không mấy may quan tâm đến sự hiện diện đầy tính xâm phạm và ầm ĩ của những khách du lịch đang chen lấn, vui vẻ tán gẫu dạo chơi tham quan bắt đầu lúc một giờ mười lăm phút.

Bên cạnh tôi, trên bãi cỏ, Geoff ngừng bước và cúi xuống buộc lại dây giày, ném một ánh nhìn đánh giá về phía đám đông râm ran.

“Thứ Bảy luôn là ngày làm việc thành công nhất của chúng tôi”, anh nói. “Tốt hơn hết chúng ta nên đợi họ xuất phát khoảng mười lăm phút rồi hăng đi, có vậy những người tụt lại đoàn tham quan mới không nhập vào với hai chúng ta.” Anh đứng dậy và mỉm cười. “Cô có muốn tản bộ quanh vườn hồng không?”

Một tuần trôi qua vẫn không làm giảm bớt lực sát thương của nụ cười đó. Vài đôi mắt tò mò nhìn theo khi chúng tôi băng qua bãi cỏ trước mặt, nhưng đó là sự tò mò vu vơ, tôi nghi ngờ bất cứ ai trong các vị khách tham quan có thể nhận ra người đàn ông trẻ tuổi đẹp trai mặc tùy tiện một bộ đồ jean cùng áo Polo đỏ tươi thực tế chính là ông chủ của lâu đài Crofton.

Nhưng họ cũng có thể tự hỏi tôi là đứa quái quỷ nào. Geoff nghe có vẻ quá trang trọng trên điện thoại ngày hôm qua nên tự tôi vô tình cũng cho rằng chuyến tham quan này có vẻ cầu kỳ. Tôi đã chọn từ tủ quần áo của mình một chiếc váy có hình những cánh hoa sang trọng, một chiếc áo lụa màu kem và đôi giày Ý đắt đỏ đến lố lằng với phần gót ngu ngốc cắm phập lên lớp cỏ mềm với từng bước chân. Để giữ mình khỏi bị lún xuống, tôi phải đi cà giạt để dồn hết trọng lượng lên mũi chân. Tôi thầm cảm ơn Geoffrey de Mornay, người rất hào hiệp tha thứ cho sai lầm của tôi, đã đi chậm lại cho tôi theo kịp.

Tôi phát hiện ra vườn hồng chiếm một vị trí đáng kể trên bãi cỏ gần bức tường phía bắc ngăn cách nghĩa địa nhà thờ khỏi đất đai của trang viên. Vươn sừng sững trên bầu trời, tòa tháp vuông của nhà thờ nhìn xuống chúng tôi qua bức tường đá cao khi chúng tôi đi bộ dọc theo những con đường mòn tĩnh lặng. Khu vườn toát lên hơi thở của thời kỳ Phục Hưng - rất gọn gàng, rất chính xác, rất ngăn nắp; nhưng những hình thù dạng khối trong vườn cùng đường viền gọn gàng bao quanh cũng không thể che dấu những dây leo quấn quýt một cách thú vị bên trong.

“Đương nhiên rồi”, Geoff thừa nhận, “mùa hè đến còn ấn tượng hơn nhiều, khi mọi thứ đều ra hoa...”.

“Thật đáng yêu”, tôi cam đoan. “Tôi không nghĩ từng thấy một khu vườn có thiết kế phức tạp thế này trước đây.”

“Phải, chúng tôi đã có một khoảng thời gian khủng khiếp chỉ để khôi phục nó cho đến khi Iain hình dung thiết kế của nơi này mô phỏng trần nhà trong phòng ăn.” Geoff mỉm cười. “Người ta bảo rằng có một mê cung nằm quanh mạn phía tây của ngôi nhà, nơi được làm theo thiết kế này - những hàng rào thủy tùng đồ sộ, khá ấn tượng - nhưng một trong số các người chủ từ thời Victoria đã chặt bỏ tất cả. Để xây một đài phun nước xấu xí lên khu đất ấy. Theo phong cách Ý. Tượng bịt ngàn.”

“Thật bất hạnh.” Tôi vẫn còn giữ niềm yêu thích vô hạn từ thời thơ bé với các mê cung. Tôi vẫn còn nhớ mình đã lạc trong mê cung ở cung điện Hampton vào một trong những kỳ nghỉ đáng nhớ của gia đình. Cha tôi đã để chúng tôi chạy vòng quanh các đường tròn mỗi lúc một phức tạp cho đến khi Tommy cảm thấy đói và không muốn bỏ lỡ bữa tối của anh ấy, nên đã chịu trách nhiệm dẫn chúng tôi trở lại lối vào một cách chính xác...

“Chuyện gì mà vui thế?” Geoff tò mò, nên tôi chia sẻ kỷ niệm ấy với anh.

Anh cũng cười duyên dáng - giọng nam trầm vang vang - và tôi thích cái cách đuôi mắt anh nhăn lại khi cười.

“Cô chỉ có một anh trai thôi à?” Anh hỏi.

Tôi gật đầu. “Nhà chỉ có hai anh em tôi. Thằng thối mà nói, tôi không nghĩ cha mẹ tôi có thể chống đỡ nếu có thêm đứa trẻ nào nữa. Chăm hai anh em tôi đã đủ vất vả lắm rồi.”

“Thật ư?” Anh thích thú nhìn xuống. “Cô trông không giống một đứa trẻ khó chăm.”

“Đừng tin vào vẻ bề ngoài”, tôi cam đoan. “Nếu không ở trong văn phòng hiệu trưởng, tôi cũng bị khâu trong phòng cấp cứu bệnh viện. Thấy không?”

Tôi ngẩng cằm lên và cho anh nhìn vết sẹo của mình. “Cái này là từ lần ngã khỏi mái nhà khi đóng vai Mary Popping[1]. Và cái này”, tôi kéo tay áo để lộ cánh tay trái, “là do ngã vào hàng rào kẽm gai lúc đang chơi bóng. Vết thương của anh trai tôi thậm chí còn tệ hơn nhiều”.

[1] Cô bảo mẫu kỳ diệu và nhiều phép màu trong loạt truyện viết cho trẻ em của nhà văn người Úc gốc Anh Pamela Lyndon Travers (09/08/1899 - 23/04/1996).

“Và giờ cô là một họa sĩ được nhiều người kính trọng”, Geoff nhận xét, “còn anh trai cô là một mục sư”.

“Phải.” Tôi cười nhả nhỏ. “Tôi nghĩ cha mẹ mình vẫn còn sốc lắm.”

“Mọi chuyện vẫn ổn với gia đình cô chứ? Iain nói cô được gọi đến Hampshire vì tình huống khẩn cấp nào đó.”

“Cuối cùng lại chẳng có gì xảy ra”, tôi nói nhanh - có hơi quá nhanh một chút. Thật buồn cười khi những lời nói dối nhỏ nhỏ lại khiến con người ta cảm giác tội lỗi tồi tệ như thế này. “Mọi người đều ổn, cảm ơn anh.”

“Thế thì tốt.”

Chúng tôi đi thêm vài bước nữa trong im lặng rồi tôi húng hắng ho và thử một hướng nói chuyện mới. “Chuyến du hành lên phía bắc của anh có thú vị không?” Tôi hỏi.

Anh nhìn xuống chân và mỉm cười. “Tôi không chắc ‘thú vị’ có phải cụm từ thích hợp với nó không”, anh nói, “tôi phải dàn xếp một tranh chấp lao động nhỏ trong nhà máy ở Manchester, nên phải bỏ ra vài ngày khóa mình trong phòng họp cũ kỹ với những con người điên tiết và uống đến cả lít cà phê. Nhưng cuối cùng cũng ổn thỏa”.

“Anh mới quay lại hôm qua à?”

Anh gật đầu. “Chiều hôm qua. Thực sự tôi đã đi suốt qua cô.”

Tôi ngạc nhiên ngẩng đầu. “Gì cơ?”

“Hôm qua cô không đến đây ư? Không à? Bản thân tôi sẽ tự mãn lắm nếu cô đến.” Anh mỉm cười, đôi mắt ấm áp. “Cô đang đi bộ trở về nhà, băng qua cánh đồng, khi tôi lái xe vượt lên. Tôi đã gọi cô, nhưng cô hẳn đã ở quá xa nên không thể nghe thấy tiếng tôi. Nên tôi gọi điện, thay vào đó.”

“Hôm qua tôi đến nhà thờ”, tôi giải thích, cố gắng không để anh nhìn thấy những lời anh nói đã khiến tôi run rẩy như thế nào. Tôi thừa biết đó là do “những hồi tưởng” của tôi - nếu dùng từ mỹ miều hơn - đã chiếm đóng không gian và thời gian thực; lúc đó, khi là Mariana Farr, lúc băng qua căn phòng hay lúc mở cửa sổ, tôi cũng lặp lại hành động tương tự trong thực tại. Nhưng tôi chưa bao giờ hoàn toàn hấp thu những ngụ ý từ hiện tượng này.

Liệu người ta sẽ nghĩ gì, tôi thắc mắc, nếu một ngày nào đó tôi đi qua họ trên đường Thượng, với đôi mắt ngây dại và đờ đẫn nhìn chằm chằm phía trước? Nếu như tôi băng qua đường mà không nhìn xe cộ, hoặc đâm thẳng vào một hàng rào chưa hề xây dựng vào năm 1665? Khả năng khiến bản thân gây tai họa hoặc xấu hổ là vô cùng lớn. Giá như tôi có thể tìm ra cách nào đó để kiểm soát cả quá trình; giá như tôi có thể chọn thời gian và địa điểm...

“Giờ an toàn rồi đây.”

Ngước lên nhìn Geoff, tôi giật nảy, nhưng anh đang nhìn lối đi trống trải phía trước lâu đài Crofton. “Đoàn khách giờ hẳn đang ghé qua sảnh của người làm, ngay phía trước chúng ta. Có sẵn sàng để quay lại chưa?”

Tôi gật đầu, lưu tâm đến đôi giày cao gót phiền phức của mình và lúng túng theo chân anh khi anh đưa cả hai lần ngược trở lại qua bãi cỏ rộng.

“Tôi nên bắt đầu chuyến tham quan này một cách tử tế”, Geoff nói, “bằng việc thuật lại rằng giờ cô đang tiến gần đến mặt phía đông của lâu đài Crofton, được xây dựng vào năm 1598 bởi William de Mornay cha”. Anh khoát rộng cánh tay ý chỉ cả tòa nhà lừng lững có đầu hồi dốc với nhiều hàng cửa sổ lấp lánh song đập vào mắt, lớp thạch cao cũ kỹ của bức tường xám và bằng bạc bởi địa y cùng hàng thế kỷ phơi trần trước khí hậu nước Anh.

“Mạn tôi ở cũ kỹ hơn nhiều”, Geoff giải bày, “và cũng mang nhiều tính lịch sử hơn, nhưng không được ấn tượng như nơi này. Đường nhiên đây là quang cảnh được in trên tất cả những tấm bưu thiếp của chúng tôi”.

Có vài tấm bưu thiếp nằm rải rác trên chiếc bàn nhỏ cạnh cửa, cảm dỗ những du khách đang phải chờ đợi, cùng với một chồng những cuốn chỉ dẫn lưu niệm nhỏ được trông coi bởi một cô gái có gương mặt tươi tắn và mái tóc màu ngũ cốc cùng một nụ cười vô cùng chân thật.

“Công việc thế nào rồi?” Geoff hỏi.

“Nhóm cuối có mười bảy người.” Cô gái tự hào cười rạng rỡ. “Đến giờ chúng ta đã có hơn năm mươi khách đến tham quan ngày hôm nay. Cathy thậm chí còn chưa có thời gian để nghỉ ngơi, nhưng chị ấy bảo sẽ để em dẫn đoàn khách tiếp theo.”

“Tốt. Cathy là hướng dẫn viên chính của chúng tôi”, anh giải thích cho tôi hiểu. “Sally đến vào các ngày nghỉ để giúp một tay khi lượng khách gia tăng. Sally, đây là Julia Beckett.”

“Là cái chị vừa mới chuyển vào Đoàn Cừu Xám sao ạ? Là chị họa sĩ ấy ạ?” Đôi mắt cô gái tròn xoe kính nể, tôi sẽ là kẻ dối trá nếu bảo rằng cái tôi của mình không phồng to một chút trước phản ứng ấy. “Đây là vinh hạnh rất lớn với em, thưa chị”, Sally vừa nói vừa bắt tay tôi với sự nhiệt tình của tuổi trẻ.

“Anh sẽ đưa chị Beckett tham quan một vòng lâu đài”, Geoff tiếp tục, “nên để mắt cho bọn anh nhé? Bọn anh sẽ cách đủ xa để tránh chen ngang vào đoàn khách kế tiếp của em, nhưng cũng cố đừng có bao vây bọn anh đấy nhé, nếu em không phiền”.

“Vâng, thưa anh de Mornay.”

“Cô bé rất ngoan”, Geoff bảo khi chúng tôi băng qua cổng vòm to bằng đá và bước vào cánh cửa trước để mở. “Mẹ cô bé là được sĩ vùng này, một người đàn bà rất ghê gớm.” Anh nhe răng cười. “Bà ta cứ quả quyết rằng tôi sẽ cưới một trong số các con gái của bà ấy, nên tôi nghĩ ít ra mình có thể thuê một trong số họ.”

“Anh thật cao thượng.”

“Ừm, tất cả chỉ là một phần của ‘ông chủ tòa lâu đài’ thôi. Tôi còn trẻ, giàu có và độc thân. Điều đó biến tôi thành mục tiêu ở một nơi thế này.”

Tôi liếc nhìn anh, hàng lông mày nhướn cao. Anh đang khiêm tốn hoặc là một kẻ ngốc nghếch đến khó tin. Anh không đơn thuần chỉ trẻ trung và giàu có - nói thẳng ra thì quá hoàn mỹ, đã thế lại là một triệu phú nữa. Chẳng trách các bà mẹ ở Exbury lại bày mưu tính kế hộ các cô con gái của mình.

Chúng tôi xuất hiện nơi lối vào một căn phòng, ngay tức khắc khiến tôi chết lặng.

Các bức tường phủ rèm nhung đắt tiền được vén lên giao với trần nhà đắp thạch cao công phu, ít nhất phải cao hơn sáu mét bên trên sàn gỗ sồi bóng loáng phủ những tấm thảm Ba Tư vô giá. Đây là một căn phòng được thiết kế ấn tượng và nó đã đạt được mục tiêu gây ấn tượng tương đối dễ dàng; nhưng thứ siết lấy tôi chính là chiếc lò sưởi.

Tôi chưa bao giờ trông thấy một chiếc lò sưởi thế này trước đây, kể cả trên phim ảnh. Nó đủ to để hai người đàn ông có thể đứng bên trong với hai cánh tay giang rộng và đây phong cách với mặt đá trắng trắng lè. Dày đặc các hình thù chạm khắc lạ kỳ quấn lấy nhau mỗi bên và dọc theo mặt lò nặng nề, phía bên trên mặt lò sưởi, càng khiến nó thêm hoàn thiện, là tấm gia huy được khắc và sơn màu tuyệt đẹp.

“Đại sảnh”, Geoff nói sau lưng tôi. “Rất được, phải không? Tôi khẳng định những tấm rèm nhung cắt may trên tường có xuất xứ từ Genoa[2]. Có một nhân viên đến đây bảo quản và vá nó giúp chúng tôi - đúng là kỳ diệu khi toàn bộ cái này không rụng lả tả qua hàng thế kỷ.”

[2] Một thành phố cảng ở tây bắc nước Ý.

Tôi vô tình nâng bàn tay lên, rồi lại thả nó xuống. Tôi biết tốt hơn là không nên chạm vào nó. Một trong những hàng xóm của tôi ở Luân Đôn làm hướng dẫn viên ở Bảo tàng Anh thường xuyên than khóc về những hư hại không thể cứu vãn do những bàn tay ngu dốt và ánh đèn máy ảnh. Siết chặt tay sau lưng, tôi thán phục nhìn quanh và im lặng thưởng thức.

“Lò sưởi đương nhiên là vật độc nhất vô nhị”, Geoff tiếp tục thích thú. “Đá trắng được vận chuyển đến từ vùng Compton, chỉ cách đây vài dặm, và việc điêu khắc được thực hiện bởi thợ nề trong vùng.”

“Đó là gia huy của dòng họ nhà anh phía trên, phải không?” Tôi hỏi.

“Phải. Đại khái thuộc về gia đình tôi. Gia huy được phong cho William de Mornay con, vào thế kỷ XVII. Là người nối dõi trực hệ, tôi có quyền sử dụng chúng nếu muốn như gắn nó lên văn phòng phẩm của tôi chẳng

hạn. Nhưng lúc nào nó cũng có chút trưởng giả với tôi. Bên cạnh đó, cần phải nghĩ đến vấn đề sai khác nữa.” Khi thấy ánh mắt ngây ra của tôi, anh giải thích: “Arthur de Mornay - tổ tiên của tôi, vì được thừa kế nên được cho là cháu trai của William, nhưng vì không có các ghi chép chính xác nên chúng tôi không tài nào biết được cha của Arthur là con thứ nhất, thứ hai hay thậm chí thứ ba hoặc thứ tư. Tất cả bọn họ đều phải dùng các ký hiệu khác nhau trên gia huy của gia đình - hoa hồng, thánh giá, trắng lưỡi liềm, đại loại thế - phụ thuộc vào thứ bậc trong gia đình của họ. Người ta gọi đấy là dấu hiệu của các chi và các thứ. Chỉ có người đứng đầu gia đình mới được quyền sử dụng toàn bộ gia huy”.

“Tôi không biết điều đó”, tôi thú nhận, tiến lại gần để quan sát kỹ hơn. “Tôi hơi mù mờ về ý nghĩa của các biểu tượng trên gia huy. Một cô giáo ở trường dạy vẽ của tôi từng làm việc cho Viện lưu trữ Gia huy, nên tôi có học được một chút về thiết kế và thuật ngữ...”

“Vây để xem cô biết gì nào”, Geoff nói, bước lại gần sau lưng tôi. “Cô thử nói cho tôi về chiếc khiên đi?” Đó là một thách thức trực diện, tôi chưa bao giờ có khả năng kháng cự một thách thức trực diện. Tôi siết hai tay lại chặt hơn và trầm ngâm nhìn phần điêu khắc sơn màu. Tôi biết chiếc khiên chỉ là một phần của gia huy, hai thứ này không hề tương đồng về ngữ nghĩa.

“Hừm”, tôi bắt đầu, “nó có một đường cắt ở giữa, còn được gọi là phân chia gì đó đúng không?”.

“Phân ngang.” Anh gật đầu.

“Và màu ở nửa bên dưới là vàng, nhưng tôi không nhận ra màu bên trên.”

“Huyết dụ”, Geoff gợi ý. “Đỏ máu, không phổ biến lắm.”

“Biểu tượng của phần dưới là hoa hồng đỏ, gai và hạt giống”, tôi bảo, ngược lên nhìn bông hồng đỏ tươi với những chiếc gai màu xanh và hạt giống màu vàng ở chính giữa, sáng bừng lên trên nền vàng bao quanh. “Thế nào?”

“Tuyệt vời”, anh thừa nhận. “Thế còn nửa trên?”

Tôi nhú mày, nghiên cứu hai con điều hâu vàng lấp lánh mang mũ trùm trên màu nền đỏ sẫm, mũ trùm của chúng có màu sáng bạc, đôi cánh cùng những chiếc móng vuốt dang rộng. “Anh vừa nói là huyết dụ đúng không? Hai con chim điều hâu huyết dụ, hay thứ muốn nhấn mạnh ở đây là... mũ trùm màu bạc?”

Tôi không mấy chắc chắn về điều này, nhưng nụ cười tán thành của anh đã cho tôi sự tin tưởng.

“Tôi bị ấn tượng đấy”, anh khẽ nói. “Biểu tượng hoa hồng thể hiện lòng yêu nước và sự trung thành với hoàng gia, những con điều hâu tượng trưng cho đức tin và sự ngoan cố mù quáng của chúng tôi. Mũ trùm và móng vuốt. Có thêm một chút nữa đi”, anh thuyết phục. “Chiếc mũ giáp trên đỉnh chiếc khiên cho cô biết điều gì?”

Cái đó thì tôi biết.

“Người chủ của phù hiệu này là một hiệp sĩ hoặc Nam tước”, tôi khẳng định.

“Làm sao cô biết điều đó?”

“Bởi chiếc mũ hướng ra trước và chiếc mạng che được kéo lên, mà không có chắn song nào bên trên.”

“Và chiếc mũ giáp làm bằng thép”, anh thêm vào, “chứ không phải vàng hay bạc. Xong. Còn phần chóp?”.

“Ý anh là phần trên chiếc mũ giáp phải không? Đầu con điều hâu nằm trên vòng hoa.”

Con điều hâu cũng chụp mũ giáp và trông rất dữ tợn.

“Giờ thì”, Geoff khoanh tay trước ngực, “nói cho tôi biết khung cuộn bao quanh chiếc khiên gọi là gì đi và tôi hứa sẽ rap mình kinh ngạc”.

“Xin lỗi nhé.” Tôi ngoác miệng cười. “Tôi không nhớ nó gọi là gì, nhưng tôi biết nó biểu trưng cho chiếc áo choàng không tay các kỵ sĩ thường mặc để chắn bộ giáp của họ trước ánh nắng mặt trời.”

“Nó gọi là diêm”, anh bảo tôi với nụ cười chiến thắng. “Ít nhất cũng có một điều tôi biết cô không biết. Tôi sợ mình hơi mù mờ về ý nghĩa của các biểu tượng trên gia huy”, anh nhại giọng tôi, nụ cười thật rộng. “Cô đang định đổi hướng sang nghề hướng dẫn viên đây à?”

Tôi đỏ mặt một chút và lắc đầu. “Không. Tôi chỉ giỏi ghi nhớ những điều vụn vặt thôi. Những gì tôi thấy, những gì tôi đọc, tôi đều nhớ.”

“Tôi không định làm cô xấu hổ.” Anh nhăn mày. “Tôi chỉ đang đùa thôi mà. Cô không nên ngượng ngùng vì sự thông minh của mình như vậy.”

“Tôi không có, thật đấy, tôi...”

“Tôi thích những phụ nữ thông minh”, anh vừa nói vừa thân thiện nháy mắt với tôi. “Thông minh là quyền rũ lăm đấy nhé.”

Má tôi đỏ hơn và tôi đành tập trung lên tấm gia huy trên đầu. “Khẩu hiệu kia nghĩa là gì?” Tôi hỏi.

“Cô cũng hơi mù mờ về tiếng Latin nhỉ?” Anh di chuyển lại gần hơn cho đến khi tôi có cảm giác hơi ấm của anh lan qua làn vải áo mỏng của mình. Giọng anh trầm, rung rung êm ái bên tai tôi.

“Everti nan polest.” Anh nghiêm trang đọc to dòng chữ một cách chậm rãi và thành kính. “Nó có nghĩa là Không thể phá hủy.”

Cụm từ lơ lửng trong không khí giữa chúng tôi vài giây trước khi những âm thanh rì rào thích thú tiến lại gần đánh bật chúng tôi khỏi sự thờ ơ ngoạn. Chúng tôi đã nán nã quá lâu trong đại sảnh và chuyển tham quan của đoàn khách tiếp theo chuẩn bị bắt đầu.

“Chết tiệt”, Geoff khẽ chửi thề, nhìn quanh để tìm đường trốn thoát. “Lại đây”, anh nói và tóm lấy tay tôi để lôi tôi qua khung cửa bên trái chiếc lò sưởi vào hành lang hẹp phía bên kia cánh cửa.

13. Chương 13

“Và đây là hành lang phía tây”, Geoff nói khi đóng cánh cửa lại sau lưng, dựa lưng vào nó và cười nhún nhử như sói. “Tôi không thể đợi được chỉ cho cô xem.”

“Để thương thật đấy”, tôi vừa nói vừa cười. “Có phải tất cả các lần dạo chơi của anh đều thế này không?”

“Thường là vậy”, anh thừa nhận. “Tôi không thích đám đông. Cô nên cảm thấy may mắn vì vài năm trước lúc tôi đưa Vivien đi xem số phòng còn lại, chúng tôi đã phải trốn trong tủ búp phê hai mươi phút liền.”

Vivien may mắn, tôi suýt thốt lên câu đó nhưng đã ngăn bản thân kịp thời. Thay vào đó, tôi lấy giọng hài hước hỏi anh, “Chẳng phải vẫn có một cái tên chuyên chỉ chuyện đó sao? Bệnh lý sợ đám đông?”.

Anh gật đầu. “Sống khép kín.” Anh ra hiệu về phía cánh cửa đối diện. “Sảnh dành cho người làm ngay bên kia, nhưng đây là chỗ dừng chân tiếp theo của đoàn khách, tôi nghĩ chúng ta nên bỏ qua mà đi thẳng đến khu bếp, nếu cô không phiền.”

Tôi đi theo anh xuôi theo hành lang dài có sàn lát đá thoai thoải. “Anh có thấy phiền không”, tôi hỏi, “khi tất cả những người đó lang thang quanh nhà anh?”.

“Thực ra cũng không phiền.” Anh nhún vai, giọng nhả nhặn. “Như đã nói, tôi giữ phần tốt nhất của ngôi nhà cho bản thân và khu vực đó mới là nhà tôi - với những căn phòng gắn liền với tuổi thơ của tôi. Toàn bộ chỗ này chỉ... hơi không cần thiết, tôi nghĩ thế. Quá rộng cho một gia đình sống ở đây, chứ đừng nói chỉ cho một người. Phần lớn nhiều căn phòng chắc chắn sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy ánh sáng mặt trời nếu không có khách du lịch tham quan. Hơn nữa, tất cả có hơi nhiều quá, cô có nghĩ thế không? Ý tôi là, nếu giữa đêm tôi mà đói, thật sự cô có thể tưởng tượng nổi tôi sẽ nấu qua loa được món gì đó trong cái nơi này không?”

Anh dừng chân và ra đầu về một nhà bếp trang hoàng cân xứng, tất cả đều bằng gạch và đồ đồ bóng loáng, với một cái bếp lò khổng lồ. Cái bếp lò có niên đại cả thế kỷ nằm trong góc trông như có thể nướng hai mươi con gà tây mà vẫn còn thừa không gian.

“Tôi hiểu ý anh”, tôi nói, nhướn cả đôi lông mày.

Chúng tôi thảnh thơi đi qua khu bếp, phòng ủ bia, phòng làm bơ, phòng trữ bia, phòng để thức ăn và cuối cùng là buồng để bát đĩa, xây quanh một cái giếng đào trong nhà khác lạ. Qua một cánh cửa nhỏ nặng trĩu, buồng rửa bát thông ra khoảng sân hình vuông nhìn lên bầu trời và ba mặt được bao quanh bởi chính các bức tường của ngôi nhà. Mặt thứ tư được ngăn lại bởi một bức tường đá cao phủ kín những dây thường xuân và cắm những chấn song nhọn đầu bằng sắt bên trên.

Khá giống một khu vườn bí mật giữa nhà, tôi nghĩ. Ngoại trừ nơi đây thực vật mọc tràn lan. Ở vài chỗ, người ta chẳng thấy mặt đất đâu cả, những bụi cỏ lẫn hoa dại chằng chịt đã nuốt chửng lối đi lát đá rêu xiên một góc qua cái sân nhỏ. Tôi ngạc nhiên khi Iain không làm gì với nơi này và nói điều ấy ra.

“Ý cô là biến nó thành một kiểu khu vườn bí mật sao? Phải, tôi cũng có lần từng gợi ý cho cậu ấy, nhưng cậu ấy không thiết tha ý tưởng ấy lắm. Cậu ấy không thích sân trong”, Geoff nói. “Bảo nó cứ như một nấm mồ.”

Quả thật là thế. Không khí bên trong những bức tường tĩnh mịch và không sức sống, sự im lặng ở đây như có thể chạm tay vào được. Dù mặt trời đang rực rỡ chiếu sáng xuống chúng tôi, bên dưới chân tôi, thậm chí như thở dài vì buồn thương và bị bỏ mặc.

“Nhưng nếu những khu vườn là nơi cô hướng đến, thì đi ngắm chúng thôi nào”, Geoff đề nghị. Anh dẫn tôi trở lại con đường đến phần chính của ngôi nhà, một lần nữa kéo tôi qua hành lang phía tây. Đối diện mạn nhà bếp là những nhịp cầu thang ngắn dẫn vào nhà kính, một căn phòng tuyệt vời theo đúng phong cách thời Victoria, lấp đầy với kính và ánh sáng cùng vật dụng đan từ liễu gai được sơn màu, hương huệ tây lan tỏa khắp nơi.

Lần thứ hai, âm thanh của những bước chân tiến lại gần khiến chúng tôi nháo nhào đi trốn. Geoff xua tôi chạy qua một hành lang khác lên trên chiếc cầu thang tối đen, thậm chí mùi lạnh lẽo và ẩm ướt phả ra từ đá. Đi được nửa đường thì anh kéo tôi lại, chỉ vào một điểm gần chân chúng tôi.

“Thấy không? Phần đá khắc bên dưới lớp ván ốp ấy? Nó là từ thế kỷ XVII. Có niên đại vào thời của tu viện Benedict. Ngoài vài hồn ma cùng một số mái vòm Gothic trên tường phía tây, đây là tất cả những gì các tu sĩ để lại cho chúng tôi.”

Tôi cúi thấp người xuống để nhìn rõ hơn, vạch những ngón tay theo phần khắc đá. “Họ có để lại cho anh nhiều hồn ma không?”

“Ồ, một hay hai gì đó thôi. Tôi nghĩ họ là những hồn ma đáng kính duy nhất ở đây. Đám hồn ma ở lâu đài Crofton mất trật tự lắm.”

“Vậy là anh tin chúng có tồn tại.”

“Tôi thừa nhận khả năng ấy”, anh nói gọn. “Sau cùng, khi có cả tá người hoặc nhiều hơn, họ không quen biết lẫn nhau cũng không thân thuộc với ngôi nhà, tự nhận đã nhìn thấy cùng một thứ, cô phải thừa nhận có gì đó ở đây. Tất cả bọn họ không thể đều điên được.”

“Và có hồn ma nào trên tầng không?” Tôi hỏi, liếc nhìn lên tầng trên với vẻ tò mò hiển nhiên.

Geoff bật cười. “Mười ba”, anh báo cho tôi biết. “Đây là tầng của các phòng ngủ, cô thấy đấy, các hồn ma có vẻ thích các phòng ngủ. Ma nhà tôi cũng thế. Có một hồn ma đặc biệt - thực sự cũng không hẳn là ma, giống cảm xúc hơn - khiến rất nhiều người... nhưng tôi sẽ để cô tự mình khám phá.”

“Ồ, cảm ơn anh nhiều lắm”, tôi lạnh nhạt nói. “Đó không phải hồn ma hay dùng riu đi giết người đấy chứ?”

“Không, không phải thế đâu.” Anh mỉm cười lắc đầu. “Hơi khó để giải thích, nhất là khi tôi chưa từng cảm nhận được nó. Đây rồi.” Anh dừng lại ở bậc trên cùng để đẩy một cánh cửa làm từ gỗ sồi. “Tôi sẽ đi sau cô.”

Những phòng ngủ trên gác rất đáng yêu, được trang bị đồ đạc lộng lẫy và kỹ lưỡng đến từng chi tiết. Khăn trải giường và những tấm màn thêu nặng nề biến chiếc giường bốn cọc đồ sộ trông càng bề thế và sang trọng, giống như bên trong những mô hình nhà vậy, trần nhà cao hơn bốn mét rưỡi càng khiến tôi trở nên nhỏ bé và tầm thường.

Tôi đặc biệt thích phòng ngủ khổng lồ của vua Charles, theo ghi chép là nơi vị vua bạc mệnh đã nghỉ lại vài đêm trong lúc tập hợp đội kỵ binh của mình chống lại Cromwell. Căn phòng ngủ nằm ngay bên trên đại sảnh cũng mang kích cỡ đồ sộ như vậy, với những đường trang trí uốn lượn tuyệt đẹp mang lại cho căn phòng vẻ trang nhã gần như vô giá.

“Và đây là phòng Kỵ sĩ”, Geoff tiếp tục, dẫn tôi qua khung cửa cuối cùng. “Trước đây nó được gọi là phòng ngủ đồ thẩm, nhưng cái tên Kỵ sĩ nghe lãng mạn hơn nhiều nếu in trong cuốn sách hướng dẫn du lịch và có lẽ cũng phù hợp với phòng vua Charles bên cạnh.”

Tôi thấy cái tên nguyên bản nghe hợp lý hơn, khi để ánh mắt lướt khắp những bức tường phủ vải đỏ bạc màu và sắc đỏ đậm của những tấm trướng trên chiếc giường thời James I. Rồi tôi cảm thấy lạnh.

Geoff tiếp tục bài tường thuật của mình, nhưng tôi không còn lắng nghe nữa. Loại sức mạnh nào đó, cường thế và không sao cắt nghĩa, đang kéo tôi về phía chiếc cửa sổ duy nhất của căn phòng, một ô cửa có khung và những chấn song lớn nhìn khắp bãi cỏ rộng phía trước và bức tường bao quanh nghĩa trang nhà thờ.

Anh ngừng nói, quan sát tôi, rồi tôi nghĩ mình nghe được câu anh thốt lên, “Vây là cô cũng cảm nhận được nó”, hay tương tự thế, cơ thể đột nhiên bị những cơn thủy triều cảm xúc mạnh mẽ nhấn chìm khiến tôi không còn sức lực kiềm chế. Đầu tiên là sự khát khao, sâu sắc và thê lương xé toạc tâm hồn tôi, rồi là một loại khẩn cầu điên rồ, một tràng kinh cầu nguyện đến tuyệt vọng lặp đi lặp lại trong tâm trí như đang lên cơn sốt của tôi, cuối cùng là nỗi đau khổ đâm sâu như một con dao vụn xoắn. Tôi sụm người xuống gờ cửa sổ, những giọt nước mắt đột ngột tuôn trào.

“Cô ổn chứ?” Geoff dùng đôi bàn tay ấm áp, mạnh mẽ siết lấy vai tôi, giọng lo lắng.

Tôi chớp mắt, thu lại những giọt nước mắt và cho anh thấy nụ cười cam đoan chỉ hơi run run một chút. “Tôi ổn”, tôi nói. “Vây ra đây là hồn ma?”

“Phải. Coi này, tôi thực sự xin lỗi.” Anh nghiêm túc nhìn xuống. “Tôi nên cho cô vài cảnh báo - nói với cô chuyện gì sắp xảy đến - thay vì tỏ ra giấu giếm như thế.”

“Có hại gì đâu.” Tôi bước khỏi cửa sổ, lơ đãng vuốt lại những nếp gấp trên váy. “Như anh nói, nó chỉ là một cảm xúc... không hơn.”

“Loại cảm xúc đau buồn khôn tả, phải không?”

“Phải.” Tôi nén lại cơn rung mình trước ký ức ấy. “Anh có biết nguyên nhân không?”

Geoff lắc mái đầu đen, nhúm mày. “Không. Tôi nghĩ đó là nỗi đau khổ của một người phụ nữ. Đường như chỉ có phụ nữ mới có thể cảm nhận được nó, luôn luôn tại cùng một điểm - ngay trước khung cửa sổ. Nhưng tôi chưa bao giờ có thể nắm được nguyên nhân. Lịch sử gia đình không ghi lại điều gì về nó. Chúng tôi biết không có ai qua đời trong căn phòng này, hay họ tự ném mình qua cửa sổ, hay những điều tương tự.”

“Tôi không nghĩ nó thực sự liên quan đến căn phòng”, tôi chậm rãi nói. Anh cho tôi một ánh nhìn kỳ quặc, tôi hơi đỏ mặt, ngượng ngùng hạ thấp đầu. “Xin lỗi”, tôi nói, “đấy chỉ là cảm tưởng của tôi thôi. Với tôi thì có vẻ cô ấy - nếu như hồn ma là phụ nữ - đã nhìn thấy điều gì đó qua khung cửa sổ này. Điều gì đó ngoài kia...”. Tôi hát đầu về phía bãi cỏ xanh mướt đang trên đà vươn tới bức tường cao của nghĩa địa với hàng cây cao. Tất cả đều ban sơ, tinh mịn và vô hại - ngay cả những chiếc bóng nằm lặng lẽ và im lìm trên bãi cỏ. “Cô ấy đã nhìn thấy điều gì đó khủng khiếp. Điều gì đó làm tan vỡ trái tim cô ấy. Và nó để lại một dấu ấn, ngay trong căn phòng này.”

“Tôi nghĩ, đó cũng có thể là một khả năng.” Geoff vẫn nhìn tôi với con mắt lạ lùng, trộn lẫn giữa cả quan tâm và thận trọng. “Thế này đi, có lẽ chúng ta nên kết thúc chuyến tham quan vào một ngày khác.”

“Trời ạ, không cần đâu. Tôi khỏe mà”, tôi quả quyết thêm lần nữa, ngược lên mỉm cười với anh. Lần này là một nụ cười rất chân thật. Thật ngớ ngẩn nếu để một sự tình cờ làm tấm tối cả ngày hôm nay của tôi.

“Tiếp theo chương trình sẽ là đâu đây?”

“Thư viện”, anh thả lỏng đáp. “Với cô, nó có nhàm chán quá không?”

“Không hề. Tôi rất thích các thư viện. Dẫu vậy, tôi chắc chắn sẽ muốn đánh cắp vài cuốn sách của anh, nên cứ cảnh báo trước với anh thế. Anh không có ấn bản đầu tiên các cuốn tiểu thuyết của Dickens[1] đấy chứ?”

[1] Charles Dickens (1812 - 1870): nhà văn nổi tiếng người Anh, các cuốn sách tiêu biểu của ông gồm có David Copperfield, Oliver Twist...

“Không có Dickens đâu, không có.” Anh nhe răng cười.

“Ôi, lạy Chúa.” Tôi đảo tròn mắt lên trời. “Tôi biết mà. Nó sẽ là một trong những bộ sưu tập tuyệt vời bao gồm những tác phẩm văn học quý hiếm, các công đoạn thủ công tương xứng với bìa bằng da, không phải sao?”

“Cũng gần như thế”, anh nói, mỉm cười trước tiếng rên của tôi, “nhưng nếu khiến cô cảm thấy đỡ hơn, tất cả những cuốn thật sự hiếm và có giá trị đều được chuyển sang địa phận của tôi rồi. Không thể hoàn toàn tin tưởng các vị khách nếu họ nhìn thấy chúng, phải không?”

“Đấy là điều duy nhất tôi ghen tị với người giàu”, tôi nói khi theo anh đi xuống cầu thang đượm mùi ẩm thấp để trở lại tầng trệt.

“Là gì?”

“Năng lực mua những cuốn sách mà phần lớn chúng tôi không bao giờ hy vọng có thể sở hữu.”

Geoff thông cảm. “Hừm, nếu cô muốn mượn quyển nào cứ bảo với tôi.”

Tôi thở dài. “Không giống nhau.”

Chúng tôi dừng chân trong hành lang tiền sảnh rộng rãi, với đại sảnh phía sau và nỗi sợ hãi tột nhất của tôi đã được chứng thực khi Geoff mở tung cánh cửa để lộ những giá sách bằng gỗ gụ từ sàn-lên-đến-trần chứa đầy những cuốn sách đủ kích cỡ, hình dạng và niên đại. Các giá sách bao kín bốn bức tường trong căn phòng vuông vức, chỉ gián đoạn tại ba chỗ bởi những khung cửa sổ lồng kính màu cao và hẹp bên trên cùng những chiếc ghế đệm bên dưới, tùy ý tô điểm với những chiếc đệm căng phòng - loại chỗ ngồi bên cửa sổ mà tất cả những người yêu sách đều ước mơ, mơ ước, khao khát...

Tôi bước vào căn phòng, kinh ngạc hít vào mùi hương đậm đà từ những bìa sách bằng da được lau dầu cùng giấy cổ và đồ gỗ đánh bóng loáng.

“Đẹp quá”, tôi nói.

“Phải”, Geoff đồng ý. “Cô phải cảm ơn cha tôi vì điều này. Ông yêu sách - đã dành phần lớn cuộc đời để thu thập và phục chế lại chúng. Thư viện nguyên bản của ngôi nhà là một căn phòng nhỏ tù túng ở tít hành lang phía nam, gần nhà bếp cũ. Quá nhỏ với cha tôi. Cô biết không, ông đã xây nên chỗ này nhờ đập đi những bức tường. Người chủ cũ dùng nó như một phòng giải trí - chơi bi a, đại loại thế - và trước đó tôi nghĩ nơi đây từng là một nhà kho. Cha tôi nghĩ nó hoàn hảo cho một thư viện.”

“Ông ấy đã đúng. Mà ông ấy tìm thấy những giá sách này ở đâu vậy?”

“Từ một điền trang ở Tây Sussex. Nơi đó đang dần xuống cấp và các chủ thầu đồng ý bán giá sách cho cha tôi đổi lấy một cái giá phải chăng.”

“Đáng đến từng xu”, tôi tán thành hành động của cha anh. “Chúng đẹp quá. Tất cả những gì anh còn thiếu là một cây thang trượt[2].”

[2] Loại thang đặc biệt dùng trong thư viện.

“A ha.” Geoff mỉm cười. “Cô chưa quan sát đủ gần rồi.” Anh chỉ vào một góc vắng xa. “Cha tôi là người đã làm việc gì thì luôn chu đáo đến chi tiết cuối cùng.”

Quả thật, ở đó có một cái thang, chạm đến giá trên cùng và đầu trên được gắn những bánh xe tròn để có thể trượt theo một thanh đồng bóng loáng. Thực sự nó hết như trong một bộ phim, đang định reo lên vui vẻ thì một vật khác trong góc thu hút sự chú ý của tôi, rồi tôi đông cứng, cổ họng nuốt xuống dữ dội.

“Richard”, tôi thều thào, giọng nói của tôi líu nhíu và nhạt nhòa lạ thường.

“Gì cơ?” Geoff tiến lên trước, vào luồng mắt tôi, nhưng tôi tiếp tục nhìn trừng trừng qua vai anh vào tấm chân dung khổng lồ tối thẫm treo trên bức tường đối diện. Bức chân dung của một người đàn ông cao lớn với đôi mắt từng trải và nụ cười ngạo mạn, một người đàn ông tóc đen mặc bộ đồ đen với chiếc áo choàng không tay vắt lên một bên vai trong khi tay kia siết lên chuỗi kiếm sáng loáng...

Tôi liếm môi và lần nữa cố gắng, định hình những từ ngữ cẩn thận hơn. “Bức tranh đó...”, tôi bắt đầu, ra hiệu về phía ấy.

Anh quay lại nhìn. “Ồ, cái đó à. Chúng tôi đã đặt tên cho ông ấy là ‘Tay chơi’. Có sẵn trong nhà đấy. Rất có thể đây là Arthur de Mornay, hoặc thậm chí là cha ông ấy. Điểm tương đồng khá rõ rệt, phải vậy không?”

Tôi không cần phải thắc mắc điểm tương đồng anh đang nhắc đến là gì. Rất có thể đây chính là bức chân dung của anh đang treo ở đây. Tôi hết nhìn bức chân dung lại quay sang nhìn Geoff, đôi mắt mở to.

“Nó là tranh Lely vẽ”, anh tiếp tục như tất cả là một phần lịch trình trong chuyến tham quan. “Ông ta có một phong cách khá đặc biệt.”

Một tiếng gõ khẽ khàng và xin thứ lỗi vì đã cắt ngang trên khung cửa sau lưng phá vỡ thoáng trầm ngâm, khiến cả hai chúng tôi quay ngoắt lại như một cặp học sinh phạm lỗi. Một người phụ nữ lớn tuổi dong dỏng cao đang đứng ngay khung cửa để ngó. Cái tạp dề gọn gàng buộc chặt quanh chiếc váy kín đáo màu xanh thẫm của bà và mái tóc trắng mềm mại được chải theo kiểu cổ điển mang đến một bức tranh điềm tĩnh và hiệu suất làm việc đầu ra đấy, còn gương mặt bà, với đôi mắt xanh dương ánh lên nụ cười lẫn nét mặt hiền hòa, dường như quen thuộc lạ lùng với tôi.

Nhưng bà không hề nhìn tôi - bà đang nhìn Geoff.

“Cậu có điện thoại”, giọng nói của bà du dương êm ái. “Tôi không định làm phiền cậu, nhưng đó là ông MrCandless từ nhà máy ở Manchester, ông ấy nghe có vẻ khá cấp bách.”

“Được rồi,” Geoff nhảu nhó. “Để tôi nghe. Cảm ơn bà, Freda. Ồ”, anh nói, như mới chợt nhớ ra, “hai người đã gặp nhau chưa? Đây là Julia Beckett, còn đây là Alfreda Hutherson, quản gia của tôi”.

Chúng tôi mỉm cười và bắt tay nhau, rồi tôi chợt nhớ ra.

“Chúng tôi gặp nhau rồi”, tôi nói. “Bác đã vòng qua nhà để chào cháu.”

“Đúng vậy”, người phụ nữ lớn tuổi đáp. “Mọi thứ sắp xếp ổn thỏa rồi chứ?”

“Vâng, cảm ơn bác.”

Geoff chạm nhẹ lên vai tôi, rồi đi lướt qua tôi và Freda. “Tôi sẽ phải đi nghe cuộc điện thoại đó phải không? Sẽ không tốn đến một phút đâu.”

Bà Hutherson tránh sang một bên để nhường đường, rồi lại tiến lên phía trước, hơi nghiêng đầu như lần đầu tiên bà nhìn tôi, rồi nhìn vào bức tranh tối màu nằm trong góc.

“Một bức tranh đẹp, không phải sao?” Bà nhận xét và tôi gật đầu.

“Rất đẹp.”

“Một người đàn ông rất đẹp trai.”

“Vâng.”

“Thật đáng tiếc khi không ai biết đó là ai”, bà nói. “Một người đàn ông đẹp trai và bảnh bao. Ai đó hẳn đã từng một lần yêu anh ta.”

Bà lại nhìn tôi và mỉm cười.

“Thứ lỗi cho tôi nhé, tôi vẫn còn những khung cửa sổ trên tầng chưa lau. Tôi hy vọng cô sẽ tận hưởng phần còn lại của chuyến tham quan.”

Tôi phải hắng giọng trước khi trả lời. “Cảm ơn bác.”

Bà nhã nhặn gật đầu và rời đi, những bước chân rõ ràng và có cả nhịp điệu trên sàn gỗ cứng bóng loáng của hành lang dài. Lạ lùng ở chỗ cả tôi lẫn Geoff đều không nghe thấy bà tiến lại gần, tôi thậm nghĩ. Một mình trong căn phòng im lặng đáng yêu, tôi ngược mắt thêm lần nữa về phía bức tranh.

Richard de Mornay mỉm cười nhìn xuống tôi.

Tôi chắc chắn đó là Richard de Mornay - tôi chắc chắn về điều đó. Không lẫn đi đâu về kiêu hãnh lẫn nét đẹp trai đầy ngạo mạn, cũng như chút hoài nghi trong ánh mắt đen dưới chiếc mũ sùm sụp của anh ta. Ai đó hẳn đã từng yêu anh ta, bà Hutherson đã nói thế, và một lần nữa, giọng nói khê khàng, am hiểu trong tôi lên tiếng trả lời.

Phải, nó nói, với nỗi đau đớn rõ ràng... Tôi đã từng yêu.

Nhưng điều đó tôi cũng biết rồi. Đường như đã biết từ lâu. Và tôi có cảm giác lạ lùng - trái ngược với bất cứ lý lẽ thực tế nào - rằng Alfreda Hutherson cũng biết điều đó.

14. Chương 14

Quán Sư Tử Đỏ là nơi bận rộn nhất tôi từng thấy, vài chiếc bàn đầy ắp khách quen vào chiều thứ Bảy, phải mất một lúc lâu trước khi Vivien có thể quay trở lại quầy bar để phục vụ chúng tôi. Ngay cả Ned cũng phải ra tay hành động, anh ta đã thông thả đi về phía chúng tôi ít nhất hai lần để mang những đĩa sandwich và khoai tây chiên từ nhà bếp phía sau.

“Được rồi.” Vivien quăng người lên chỗ ngồi sau quầy, mái tóc vàng xoa tung quanh gương mặt ửng hồng. “Để em trình bày lại nhé.” Cô nhìn về phía Geoff. “Hôm nay anh đã đưa Julia đi tham quan lâu đài.”

Geoff gật đầu.

“Và để trả công cho đặc ân to lớn này” Vivien tiếp tục, “Julia đã đồng ý để anh mời cô ấy uống một ly”.

“Chính xác.”

“Thỏa thuận này nghe có vẻ không công bằng mấy, cô bạn”, cô ấy nói với tôi. “Tôi có thể lấy gì cho cô nào?”

“Làm ơn cho tôi một ly Gin Tonic.” Tôi mỉm cười đáp lại.

Cách hai chiếc ghế, bên cạnh Geoff, Iain Sumner đang nhào người về phía trước với cái nhíu mày chê trách.

“Cô vừa gọi đó là loại đồ uống gì vậy?” Anh ta hỏi tôi, bàn tay anh ta đang nắm một vại bia đen ướp lạnh.

“Cứ lờ anh ấy đi”, Vivien mách. “Anh ấy đang khó ở.”

Iain nhướng một bên lông mày. “Không hề nhé.”

“Cô thấy ý tôi là gì rồi đấy.” Vivien nháy mắt, trượt ly rượu qua quầy về phía tôi.

Geoff quay sang nhìn anh bạn.

“Hôm nay cậu có vẻ hơi tiêu cực đấy, Iain. Mọi chuyện vẫn ổn chứ?”

“Mọi việc đều ổn chết đi được”, Iain vắn vẹo, “và tâm trạng của tôi cũng tuyệt chết đi được đây này, cảm ơn”. Anh ta rút một điều từ gói thuốc trước mặt và châm lửa, chiếc hàm góc cạnh bạnh ra đầy thách thức.

Geoff và Vivien trao nhau những ánh nhìn ẩn ý. Vivien hướng sự chú ý trở về phía tôi, chống hai khuỷu lên quầy và cúi về trước để chuyển phần nào sức nặng khỏi đôi chân mệt mỏi của mình.

“VẬY”, cô ấy rạng rỡ nói, “cô thấy chuyển tham quan thế nào?”.

“Đáng yêu lắm”, tôi nói. “Ai đó đã hoàn thành một cách tuyệt vời công việc phục chế các căn phòng cũ - giống như là được đối diện với quá khứ vậy.”

“Khá đúng theo nghĩa đen”, Geoff xen vào. “Julia đã có một cuộc chạm trán với hồn ma của chúng tôi trong căn phòng Kỵ sĩ.”

Ánh mắt Vivien ánh lên sự thích thú. “Thật vậy sao? Cảm giác của cô thế nào?”

“Choáng váng”, tôi đáp khi nghĩ lại, “đau đớn và... một loại khấn nài gì đó, nếu nó có ý nghĩa gì đó”.

“Chính xác là thế.” Vivien gật đầu. “Nó thực sự là cái gì đó, phải không? Cũng khá sờn tóc gáy, nhưng tất thấy đều thú vị.”

Iain lại nhào người về trước, găm vào tôi ánh mắt tò mò. “VẬY là cô tin vào sự tồn tại của chúng. Ý tôi là những hồn ma ấy.”

“Vâng”, tôi kiên quyết, nâng cằm cao hơn một chút. “Tôi nghĩ dứt khoát có những điều trên thế giới này chúng ta không thể giải thích bằng khoa học - dù sao đi nữa thì vẫn chưa thể giải thích - nhưng không có nghĩa sẽ khiến chúng bớt xác thực hơn. Hamlet đã nói rồi đấy thôi.”

“Còn nhiều thứ trên thiên đường và hạ giới nữa, Horatio ạ?” Anh ta trích dẫn. “Phải rồi. Hamlet lúc nào cũng hơi khác người mà.”

“Cậu không nghĩ những điều như thế tồn tại sao?” Geoff hỏi.

“Thôi xin.” Đôi mắt xám của Iain ánh lên nét cười cợt chế giễu. “Sau cùng, tôi là người Scotland. Cậu không thể đi bộ cả nửa dặm ở Scotland mà không giẫm lên vật áo choàng của một hay hai hồn ma được. Nhưng tôi vẫn chưa gặp hồn ma nào ở lâu đài.”

“Anh cần nói chuyện với dì Freda”, Vivien khuyên anh ta. “Dì lúc nào cũng nhìn thấy chúng. Dì thậm chí còn bảo đã thấy người phụ nữ trong căn phòng Kỵ sĩ rồi kìa.”

“Dì Freda nhà em lúc nào cũng thấy rất nhiều thứ”, Iain đáp, rít một hơi thuốc lá. “Nếu là năm trăm năm trước họ đã lập đàn hỏa thiêu bà ấy.”

Vivien nhào người qua quầy bar và vui vẻ đập lên tay áo anh ta. “Nói thế là kinh khủng lắm đấy”, cô trách mắng. “Anh nên giữ mồm giữ miệng đi, không em sẽ mách đi!”

“Không cần đâu.” Iain nhún vai. “Bà ấy thừa biết điều anh nghĩ. Bên cạnh đó, anh chưa bao giờ bảo có gì sai khi trở thành một phù thủy...”

Geoff bật cười. “Bà ấy khá đặc biệt”, anh đồng ý. “Em phải thừa nhận, Viv à, người có năng lực bắt anh phải ngăn nắp thì chắc chắn là có một loại sức mạnh siêu nhiên nào đó rồi...”

“Ồi, cứ tiếp tục đi!” Vivien xua cả hai bọn họ với cái phẩy tay. Quay sang phía tôi, cô ấy hỏi, “Cô đã gặp dì Freda chưa?”.

Tôi đang hoàn toàn mờ mịt, cho đến khi Geoff nhảy vào trả lời hộ. “Rồi, thực tế là cô ấy đã gặp dì ấy hôm nay. Freda là quản gia nhà tôi”, anh giải thích.

“Ồ.” Tôi nghĩ ra sau một thoáng. “Ý anh là bà Hutherson phải không? Phải, tôi gặp bác ấy rồi. Phải nói là hai lần. Khoảng hai tuần trước, bác ấy đến thăm nhà tôi cùng mọi người trong làng. Mang cho tôi một ít bánh nướng dòn nữa. Bác ấy có vẻ rất tốt bụng.”

“Đấy, hai người thấy chưa?” Vivien thách thức những người đàn ông. “Julia nghĩ dì ấy tốt kìa kìa.”

“Đương nhiên là bà ấy tốt rồi”, Iain bắn trả.

“Một phù thủy tốt bụng”, Geoff thừa nhận, không mấy thành công lắm trong việc cố tỏ ra nghiêm túc.

Tôi lờ cả hai bọn họ đi. “VẬY là bác ấy đã nhìn thấy hồn ma trong căn phòng trên tầng phải không?”

“Ừ”, Vivien nói. “Vài năm trước, vào lần đầu tiên đi đến làm việc ở tòa trang viên. Đường như đó là một người phụ nữ trẻ, giống như tất cả mọi người đều nghĩ. Một người phụ nữ trẻ rất xinh đẹp, đi Freda đã nói vậy, với mái tóc dài màu vàng.”

“Cô ấy không mặc váy màu xanh đấy chứ?” Tôi cố gắng biến câu hỏi như một lời nói đùa.

“Không, tôi không nghĩ thế. Tôi khá chắc đi nói chiếc váy cô ấy mặc màu đen. Nhưng rồi đi vẫn bảo phần lớn các hồn ma trông đều xám nhợt và không rõ ràng.”

Geoff mỉm cười nhìn xuống tôi. “Cô nghĩ Thiếu Phụ Xanh nhà cô đang nấu mình trong phòng ngủ nhà tôi đấy à?” Anh hỏi.

“Một chỗ trốn quá buồn chán”, Vivien trêu.

Ngay cả Iain cũng phải mỉm cười trước câu nói đó, tâm trạng của anh ta đang dần cải thiện. Anh ta châm điếu thuốc thứ hai và dựa lưng trên ghế ngồi.

“Nói đến Thiếu Phụ Xanh”, anh ta nói với tôi, “tôi rất vui được mang diện mạo khu vườn cũ trở lại cho cô, nếu cô muốn”

“Ôi, không, cảm ơn anh.” Tôi giơ một bàn tay khấn cầu lên. “Tôi không thể giữ khu vườn sống sót được. Chỉ nhìn thôi là tôi đã giết hết đám cây rồi.”

“Julia nghĩ cậu nên làm gì đó với khoảng sân bên trong lâu đài”, Geoff nói. “Cô ấy khá ngạc nhiên khi thấy cậu chẳng trồng gì ở đó cả.”

“Hả, ý cậu là cái hầm mộ đó á?” Iain nheo mắt trầm ngâm. “Bây giờ tôi còn đang phải đi vòng qua nó đây này”, anh ta nói. “Cậu có bao giờ biết đâu.”

“Khi nào anh có thời gian cho nó thì nhớ cho em biết nhé?” Vivien nhìn anh ta bao dung. “Với em, có vẻ anh đã có đủ công việc cần giải quyết rồi.”

“Làm vườn không phải công việc”, Iain sửa lại. “Nó là giải trí. Và em lúc nào cũng bảo anh nên dành nhiều thời gian cho nó.”

“Và ít thời gian hơn cho những cái này.” Cô hát đầu về phía điếu thuốc của anh ta. “Mà anh có bao giờ chịu nghe em đâu.”

Geoff xông đến cứu nguy cho bạn bằng cách thay đổi chủ đề. “Tôi nghe nói tuần sau có một bất động sản lớn đang rao bán gần Calne. Là nơi ở của ngài Ashburn, tôi tin là thế. Có ai muốn đi một chuyến xuống dưới đó không?”

“Họ có bán đấu giá cuốn sách nào không?” Tôi hỏi.

“Có lẽ chỉ vài trăm cuốn thôi.”

Tôi mỉm cười. “Vậy anh có thể tính tôi vào trong danh sách.”

“Tuyệt. Còn Vivien?”

“Em thích lắm”, Vivien nói, “nhưng họ bán đấu giá vào thứ Bảy và em đã hứa sẽ cho Ned nghỉ hôm đó để đi xem con trai anh ấy chơi bóng bầu dục rồi”.

Tôi không chắc còn điều gì có thể khiến mình ngạc nhiên hơn - khám phá anh chàng Ned đã kết hôn, hay biết con trai anh ấy có nhiều năng lượng để chơi thể thao đến thế.

“Tệ quá.” Geoff nhìn Iain. “Cậu thì sao?”

“Không thể”, đó là lời đáp của anh chàng Scotland. “Những người xén lông sẽ đến vào thứ Bảy.”

“Những người xén lông?” Tôi hỏi.

“Ừ. Cho đàn cừu. Họ phải đi khắp các trang trại trong hạt, nên lịch trình của họ kín lắm.”

“Hóa ra anh không tự xén lông cừu à?”

“Lạy Chúa, không.” Anh ta mỉm cười. “Tôi không biết xén - tôi mà mó tay thì đàn cừ sẽ trông khủng khiếp lắm. Những người đến xén lông đến từ phía bắc. Các chàng trai trẻ. Chuyên nghiệp. Trong một buổi chiều là họ xong việc.”

“Nên hôm thứ Bảy cậu cũng vắng mặt”, Geoff kết luận. Tôi giật nảy mình vì anh trông không có vẻ phiền muộn vì tin tức ấy. “Hừm”, anh nói, “thật đáng tiếc. Tôi nghĩ, vậy chỉ còn mình Julia với tôi rồi”.

“Phải.” Iain cho tôi ánh nhìn như của một người anh trai đang lo cho cô em gái. “Cô nên coi chừng cậu ta, Julia”, anh ta bảo tôi. “Cậu ta có thể trông vô hại, nhưng không tin được về ngoài đâu.”

Geoff nhe răng cười, “Thế là vu khống đấy nhé. Cậu lúc nào chẳng biết tôi luôn cư xử như một quý ông hoàn hảo.”

“Thôi được rồi, ngài Galahad[1]”, Iain lạnh nhạt nói. “Cậu nghĩ mình có thể bớt chút thời gian để giúp tôi sửa hàng rào cuối mạn phía tây của vườn cây ăn quả, như cậu đã hứa không?”

[1] Một trong các kỵ sĩ bàn tròn của vua Arthur, cũng là người đã tìm ra Chén Thánh.

“Khỉ thật, tôi quên tiết mất đấy. Tôi nghĩ là mình đã hứa rồi mà, phải vậy không?”

“Ừ. Và đàn cừ sẽ sống ra hết và chạy được nửa đường đến Beckhampton nếu đến chập tối tôi không sửa xong.” Anh ta hất đầu về phía vại bia của Geoff, cố gắng không mỉm cười trước vẻ mặt tiu nghỉu của bạn. “Uống hết đi”, anh ta nghiêm nghị khuyên.

Geoff uống nốt vại bia và đứng dậy, vươn thẳng thân hình khoảng một mét tám của mình. “Các quý cô”, anh nói một cách phô trương, “tôi phải bỏ lại các quý cô rồi”. Quay sang tôi, anh thêm vào, “Cảm ơn vì đã bầu bạn với tôi hôm nay”.

“Cảm ơn vì chuyến tham quan.” Tôi mỉm cười. “Tôi thích lắm.”

“Không có gì.” Sự ảm áp trong ánh nhìn của anh dường như có thể chạm tay vào được. “Lúc nào đó, trong tuần này tôi sẽ gọi điện cho cô và chúng ta sẽ sắp xếp cho chuyến đi thứ Bảy tới, được chứ?”

“Được.”

“Ừm”, Vivien nói, thở một hơi thư thái khi người đàn ông rời đi. “Ít nhất anh ấy cũng cười lúc đi. Ý tôi là Iain ấy. Thành thật mà nói”, cô bảo tôi, “anh ấy và tâm trạng của anh ấy. Anh ấy ngồi trên chiếc ghế đó đến nửa buổi chiều, cứ uống bia, hút thuốc và trông rầu rĩ hơn cả quỷ. Tôi đang hy vọng Geoff sẽ đến để giải thoát anh ấy khỏi tình trạng đó”.

“Họ là bạn tốt của nhau, phải không?” Tôi lơ đãng hỏi và suy nghĩ, thật lạ lùng, không phải về Geoff và Iain, mà về người đàn ông tóc đen cười con ngựa xám, dõi theo một người đàn ông khác đang sải bước qua cánh đồng với những bước chân dễ dàng, đang vác trên vai một chiếc rương nặng như thể món đồ chơi trẻ con.

Đó là Evan Gilroy, tôi nghe giọng nói rõ ràng của Rachel vọng bên tai. Anh ấy sống ở trang viên...

“Họ là bạn thân”, Vivien trả lời, giọng dứt khoát. “Cô thể nào cũng nghĩ họ đã biết nhau cả đời, nếu nghe họ nói chuyện.”

Tôi nhú mày một chút, dùng ngón tay vẽ lên một hình thù từ hơi lạnh thoát ra hai bên cạnh ly của mình. “Di Freda nhà cô”, tôi nói, chọn từ ngữ một cách cẩn thận. “Tại sao Geoff và Iain lại gọi bà ấy... ý tôi là, tại sao cả hai đều nghĩ bà ấy là...”

“Một phù thủy.” Vivien kết thúc hộ tôi, miệng nhướn cười. “Tôi không biết. Sau cùng thì cũng có thể lắm chứ. Bà luôn sở hữu những vật dụng của một bà đồng. Luôn biết khi nào tôi rơi khỏi cây, hoặc khi nào tôi làm điều gì không được phép. Không hiểu sao bà dường như luôn biết mọi thứ. Bên cạnh đó thì”, cô lại dựa lên quầy bar, nghiêng mái đầu sang một bên, “bà chỉ là một phụ nữ đặc biệt. Phàm tục, nếu cô hiểu ý tôi là gì. Bà có thể chữa lành vết thương cho các con thú, huyết sáo với những con chim và...”. Một lần nữa nụ cười lại hiện lên, “trong vườn của bà, bà trồng được những củ khoai tây to hơn bất cứ ai khác ở làng. Đây là tất cả những gì tôi biết, tất cả những phép màu. Cô có muốn nữa không?”.

Tôi ngậy ra nhìn chiếc ly và lắc đầu.

“Thôi, cảm ơn. Tôi có khi nên về nhà. Tôi còn phải hoàn thành vài bản vẽ phác thảo. Chủ biên của tôi sẽ ngất xỉu mất nếu trong tuần này tôi không gửi cho cô ấy chút gì để chứng minh mình vẫn đang làm việc chăm chỉ. Cuộc sống ở vùng quê”, tôi thừa nhận khi vươn hai vai, “đang rút đi tất cả năng lượng của tôi”.

“Như tôi đã bảo cô đấy.” Cô gật đầu. “Chẳng có căng thẳng nào ở đây để lo lắng cả. Không giống Luân Đôn. Chẳng có chuyện gì xảy ra ở một nơi như Exbury.”

Chính xác thì tôi sẽ không nói thế, vài phút trước tôi đã nhủ thầm như vậy, khi nặng nhọc leo lên con đường trở về nhà, đi qua những hàng rào dày đặc và cánh đồng mang mùi ngai ngái của đất. Không, tôi nghĩ, khi tự mỉm cười, tôi sẽ không nói chẳng bao giờ có chuyện gì xảy ra ở đây...

Một con cừu, có lẽ là một thành viên lâu lổ từ bầy của Iain, đang chạy lon ton trên đường và bận rộn ngấu nghiêng một bụi hoa non mềm. Nó ngừng đầu khi tôi lại gần và nhìn tôi chằm chằm với đôi mắt điềm tĩnh, không quan tâm. Nó là minh chứng hoàn hảo cho bức tranh của Vivien về cuộc sống ở một miền quê chăn nuôi gia súc - phò phạc, đơn giản và buồn chán chết người.

“Mày đừng có lừa tao đấy nhé”, tôi nói với nó.

Có quá nhiều chuyện đã xảy đến với tôi trong một tháng vừa qua đến mức nếu con vật có đứng thẳng dậy và nói chuyện, tôi nghi ngờ mình có khi còn chẳng buồn chớp mắt nữa. Nhưng điều đó không xảy ra. Nó chỉ đứng đó và tiếp tục nhai nhóp nhép, rồi ngẩng ra nhìn tôi với cặp mắt khinh khỉnh thường có ở những con cừu, như thể tôi là một đứa gàn dở.

Trời mưa cả ngày hôm sau - cơn mưa dai dẳng, phiền muộn và không chút mệt mỏi trút xuống khung cửa sổ trong xưởng vẽ bé nhỏ của tôi. Ít nhất tôi cũng thấy may mắn, khi không có gì làm mình xao nhãng khỏi công việc - không một ngọn gió dịu dàng nặng trĩu hương thơm của hoa mùa xuân vậy gọi, không có tiếng chim hót líu lo rủ rê tôi ra khỏi cửa. Chỉ có cơn mưa, bầu trời xám đen và cơn gió xấu xa lắc những ô cửa sổ cùng những hàng cây run lên bần bật.

Đến giờ ăn tối, tôi đã hoàn thành việc tô màu các bản phác thảo cho câu chuyện cổ tích Hàn Quốc, những trang giấy dày khoe sắc sỡ như một chiếc kính vạn hoa. Tôi dùng bàn tay co cứng và đau nhức rửa các cây cọ, cất gọn màu vẽ và đi xuống tầng dưới, vào nhà bếp lấy thịt nguội và pho mát để ăn tối. Cầm theo tách trà vào thư viện, tôi chọn cuốn sách từ vụ giết người bí ẩn yêu thích và yên vị ngồi vào chiếc ghế bành bọc da để có một tối thư thái đọc sách. Tôi đã thiếp đi trước khi anh chàng thám tử phát hiện ra xác chết.

Tôi thức dậy trước bình minh, với một cái cổ cứng đơ và cảm giác buốt lạnh gần như đau đớn thường đến trước khi mặt trời mọc. Bầu trời vẫn còn tối đen và khung cửa quay về hướng đông phản chiếu hình ảnh của chính tôi đang ngó trân trân vào bản thân, một dáng hình kỳ quái trong ánh sáng phát ra từ ngọn đèn đọc sách nho nhỏ bên cạnh chiếc ghế. Tách trà rỗng đặt trên chiếc bàn bên cạnh. Nâng nó lên, tôi đứng dậy, cất những bước chân ngẫn và rời rạc vào bếp, khao khát hơi ấm dồ dành từ chiếc ấm đun nước và một tách trà mới.

Trong khi tôi đang ngồi ở đây, lắng nghe sự im lìm của ngôi nhà với hai bàn tay lạnh lẽo bao quanh chiếc tách nghi ngút khói, ý tưởng lần đầu tiên nảy đến với tôi. Kể từ thứ Bảy, tôi luôn lo lắng khi nhận ra mình không thể kiểm soát điều gì sắp xảy đến với bản thân - rằng tôi có thể, nói một cách ngắn gọn, quay ngược thời gian vào bất cứ thời điểm hay địa điểm nào, đi lang thang quanh làng trước toàn thể tầm mắt của tất cả mọi người nhưng không hề chú ý đến họ. Vấn đề ở chỗ, dường như “những hồi tưởng” đến một cách ngẫu nhiên, không lời cảnh báo, không cho bản thân tôi cơ hội dự liệu trước trải nghiệm ấy.

Nhưng nếu tôi có thể tự mình dự liệu thì sao? Nếu như tôi có thể tự tạo ra các hồi tưởng, khi nào tôi muốn, và kìm nén chúng khi nào tôi không muốn thì sao? Nếu tôi thực sự đối phó được với những ký ức - với các cảnh tượng từ chính trí óc của mình - thì tôi rất có thể sẽ tìm ra cách “nhớ lại” theo ý muốn.

Ít nhất cũng rất đáng để thử, tôi tự nhủ. Giờ là thời điểm hoàn hảo cho một thử nghiệm như thế. Tôi đang an toàn trong chính ngôi nhà của mình, được ủng hộ bởi sự can đảm giả dối vì chưa hoàn toàn tỉnh táo. Trong trường hợp có lang thang ra khỏi nhà, ít nhất tôi cũng đã ăn mặc đầy đủ với chiếc quần jean màu xanh bạc màu và chiếc áo phông nhàu nhĩ tôi thường mặc để vẽ tranh. Tôi rất chỉnh tề. Bên cạnh đó, phải vài giờ nữa mới có ai đó trong làng tỉnh giấc.

Thuyết phục bản thân tin vào tính thực tế của kế hoạch vừa lập ra, tôi dành vài phút tiếp theo để lược loại tủ búp phê bừa bộn để tìm một cây nến. Tôi đã đọc ở đâu đó rằng nến là một yếu tố cần thiết để tự thôi miên. Cuối cùng, cũng tìm thấy một mẫu nến vùi trong khay đựng dao kéo, tôi cắm nó lên một chiếc đĩa nông. Ngồi vào chỗ ở chiếc bàn đã được lau dọn, tôi đặt cây nến trước mặt và nín thở châm nó lên.

Ngọn lửa sáng lung linh, đong đưa và nhảy múa giữa luồng không khí vờn quanh căn phòng yên lặng. Cả thế giới của tôi dường như co nhỏ lại chỉ còn một điểm sáng và đốm lửa nhỏ bé, bập bùng, mê hoặc đó sáng lung linh trong bóng tối gần kề. Tôi giữ đôi mắt mình cố định vào nó, nhìn chăm chăm và tập trung, trong khi trí óc tiếp tục lặp đi lặp lại một ý nghĩ: Tôi muốn nhớ lại. Tôi muốn nhớ lại. Hết lần này tới lần khác, như một phần trong vở thanh xướng kịch Messiah của Handel[2], quyết tâm nhằm chán không sao lay chuyển. Tôi muốn nhớ lại. Tôi muốn quay trở lại...

[2] George Frederick Handel: là nhà soạn nhạc người Anh nổi tiếng vì những vở thanh xướng kịch - thể loại âm nhạc cổ điển có quy mô lớn viết cho dàn giao hưởng, ca sĩ solo và dàn hợp xướng.

Không khí lao vun vút qua tai tôi như ca hát và đốm lửa trên ngọn nến vươn cao nhọn hoắt hưởng ứng.

“Chị vẫn chưa hoàn thành bản phác thảo của mình à?” Rachel ngạc nhiên hỏi. “Phiên chợ đã bắt đầu rồi đấy, không nhanh là chúng ta sẽ để lỡ những món hời mất thôi.”

Tôi uống cạn tách của mình với vẻ có lỗi, suýt nữa bị sặc vì thứ rượu mạnh. “Tôi xin lỗi, tôi đang suy nghĩ.”

“Chị nghĩ nhiều quá rồi. Trong ngôi nhà này, việc ấy chỉ càng dẫn chị vào rắc rối thôi”, cô ấy nói, mỉm cười với tôi từ khung cửa trong khi chỉnh lại chiếc áo choàng nặng nề và kéo mũ trùm đầu che đi mái tóc sáng màu của mình. “Ít ra mưa cũng tạnh rồi, trời đang sáng dần lên. Hôm nay hẳn sẽ là một ngày đẹp trời.”

Tôi thả chiếc mũ trùm đầu xuống. Tôi thích cảm giác cơn gió mơn man tóc mình, nhất là những ngọn gió trong lành thổi đến sau một cơn mưa muộn mùa xuân. Chiếc áo choàng màu xanh thẫm của tôi bị rách, đã được sửa kịp thời, nhưng chiếc váy bên dưới vẫn còn mới. Tôi đang mong đợi một buổi sáng tránh xa khỏi ngôi nhà và tầm ảnh hưởng của bác mình. Mở chốt cửa bếp giống như mở khóa một xà lim, nụ cười rộng mở khi tôi theo Rachel băng qua vườn sau để tiến về phía con đường dẫn chúng tôi rời xa khỏi căn nhà, rời xa khỏi ngôi làng, về phía phiên chợ đầy ắp người, tiếng cười và sự sống.

15. Chương 15

Khu chợ của vùng Wexley Basset nằm cách Exbury bốn dặm về phía đông, trên đường Marlborough. Chúng tôi không phải những khách bộ hành duy nhất trên con đường - ba lần chúng tôi bị những chiếc xe bò chở người và hàng hóa đến chợ vượt qua. Đi xa thêm một chút, chúng tôi lại tự mình vượt qua một cậu bé đang dắt một con bò màu nâu hiền lành cùng con bê con mắt uớt. Cảm dỗ muốn được trò chuyện với những người ở đây lớn dần sau những tuần cô đơn của tôi, nhưng tôi noi theo gương của Rachel và đi về một mé của con đường, đôi mắt e dè cúi xuống.

Đây là phần khó khăn nhất, chờ đợi cho những người lạ vượt lên, hoặc rút lại phía sau, để một lần nữa có thể ngẩng đầu và tận hưởng quang cảnh quanh mình. Tự do như một thứ rượu mới cất nồng nàn và những bông hoa dại được mưa gột rửa mang hương thơm tươi mát đang thổi đi thứ mùi của thất vọng khỏi mũi tôi và trong giây lát, khiến tôi quên đi tình cảnh bấp bênh vô vọng của mình.

Con đường thẳng như đường bay của một mũi tên, thẳng như một con đường La Mã, với những vết lún sâu trơn trượt sau trận mưa hôm qua. Phía bên tay phải là những cánh đồng lúa mì mới trồng và những bãi rào lổm đổm hình dáng của những con cừu; bên tay trái đường là dải đất xanh mướt mát của Wexley Hạ và khu vực săn bắn cuộn cuộn phía xa. Vào thời ông ngoại tôi, Rachel kể, vua Charles I đã thân chinh đến đây săn bắn, thúc ngựa chạy nước kiệu sau những con điều hâu với cận thần và một nửa dân làng hỗn loạn theo sau. Nó làm nên một bức tranh lãng mạn và đầy màu sắc. Vì đang quá bận rộn để dừng lại cảnh tượng ấy trong tâm trí đến mức Rachel phải nói hai lần tôi mới để ý.

“Giờ không còn xa nữa đâu”, cô ấy nói. “Chị có thể nhìn thấy nó khi chúng ta lên đến đỉnh ngọn đồi này.” Và rồi mặt trời khuất bóng sau những đám mây khi chúng tôi trèo lên ngọn đồi, tôi đã có cái nhìn thoáng qua đầu tiên về vùng Wexley Basset.

Những khu chợ trong ký ức của tôi là chợ trong thành phố lớn, những khu chợ ở Luân Đôn, nhồi nhét trên những con đường hẹp hay quảng trường rải sỏi, với những người bán hàng rong khăn giọng rao hàng và vây xung quanh tôi là những đoàn người chen lấn không thương tiếc, nhìn đâu cũng thấy người. Quả là một thay đổi thú vị khi nhìn thấy những tấm bạt sọc sáng bay phấp phật quanh cây thánh giá dài dầu mưa nắng, ánh nắng chan hòa chiếu xuống cả khu chợ. Chắc chắn ở đây cũng có những đám đông, nhưng họ là những người nông dân thân thiện, giọng nói rõ ràng và chân chất, với những gương mặt thật thà bị gió và thời tiết hun cho đỏ bừng.

“Chị đang nghĩ gì thế?” Rachel hỏi.

Chỉ có thể mắt mở to, miệng há hốc như một đứa trẻ đang bị mê hoặc, tôi làm cô gái bật ra tiếng cười đáng yêu du dương rồi cô ấy chop lấy bàn tay tôi lên vào đám đông dày đặc. Cả hai cũng bị xô đẩy, nhưng tôi nhận ra mình không hề cảm thấy phiền. Tôi nghe thấy mình bật cười khi những mảnh áp lực cuối cùng trôi xa khỏi người, điều đó khiến tôi sững sốt. Ngọn gió thổi mái tóc bay bay và ánh mặt trời sưởi ấm gương mặt, đột nhiên tôi có cảm giác mình đang sống, một sức sống tràn trề.

“Tuyệt quá!” Tôi hét to với Rachel, nhưng giọng tôi bị cả biển âm thanh nuốt trọn, nên cô ấy không nghe thấy. Cô ấy dẫn tôi đi xa hơn một chút, rồi quay lại, gương mặt đỏ ửng vì kích động.

“Lại đây, chị phải xem những người diễn kịch này”, cô ấy nói.

Một đám người túm tụm đứng ở một góc chợ và cô ấy kéo tôi về phía họ. Khi tới nơi, Rachel mỉm cười ngọt ngào với một trong số những người đàn ông cao lớn. Anh ta đã tránh sang một bên để chúng tôi đứng trước mặt anh ta, nơi cả hai có thể dễ dàng theo dõi diễn biến phía trước. Có tám diễn viên, mặc những bộ quần áo đồng bóng và kỳ quặc bầy sắc cầu vòng. Một trong số họ, một cậu nhóc khoảng mười bốn tuổi, dùng chất giọng cao vút và trong trẻo của mình cất lời giới thiệu.

“Tôi đã hy vọng họ sẽ có mặt ở đây”, Rachel vui vẻ thì thầm. “Họ thường đến vào ngày họp chợ, để mua vui cho mọi người.”

Lời mở màn đã kết thúc, im lặng bao trùm những người theo dõi. Đó là một vở kịch ngắn, chỉ dài khoảng vài phút, nhưng diễn xuất tuyệt vời.

Một người đàn ông mặc bộ đồ đen tuyền tiến lên phía trước tấm rèm, với chiếc mũ Thanh giáo[1] trên đầu và từ “Nghị sĩ” sơn lên tấm biểu ngữ vắt qua ngực. Anh ta nói một tràng dài về hình ảnh thối nát của nước Anh, với những cụm từ đảo ngược cùng ngữ nghĩa méo mó hài hước chỉ đơn thuần là đang giễu cợt chính bản thân mình - trong vai Oliver Cromwell, và khiến các khán giả cười rộ lên vì sự ngốc nghếch của anh ta. Lần lượt, Oliver Cromwell cùng một người lính về phe nghị viện và một kẻ thuyết giáo dâm dăng, cả ba đồng thanh than vãn và đưa ra những kế hoạch tàn ác nham hiểm khiến đám đông hò reo phản đối và huyết sáo.

[1] Một giáo phái xuất hiện ở Anh thế kỷ XVI và XVII: giáo phái này chủ trương tổ chức các buổi lễ nhà thờ đơn giản hơn, họ tin rằng sự tự chủ và làm việc chăm chỉ mới quan trọng, còn khoái lạc là sai trái và không cần thiết.

Một thiên thần vô hình tiến vào, buồn bã lắng nghe rồi băng qua chỗ “Nghị sĩ” và chạm vào anh ta. Ngay sau đó, bộ quần áo Thanh giáo màu đen bị quăng khỏi người, để lộ ra một Nghị sĩ hoàn toàn mới, mặc đồ trắng lấp lánh ánh vàng. Một diễn viên đại diện cho dân chúng, mặc quần áo đỏ và vung một lưỡi gươm của lửa, gia nhập với Nghị sĩ mới và thần thánh, cả hai thách thức rồi đánh bại những kẻ mang âm mưu ma quỷ. Tiếng hoan hô dậy lên từ đám đông tập hợp xung quanh khi bản sao tương đối giống nhà vua Charles tốt bụng xuất hiện để đòi lại ngai vàng và tiếng âm ỉ cũng phải sánh vang với ngày diễn ra lễ lên ngôi.

Có rất nhiều tiếng “Hoan hô!”, người ta thi nhau ném tiền lên sân khấu khi các diễn viên hoàn thành màn trình diễn.

“Một vở kịch hay”, tôi nói với Rachel khi chúng tôi quay đi.

“Phải”, cô ấy đồng ý, “nhưng bác của chị sẽ không nghĩ vậy đâu”.

“Sao không?”

Cô ấy nhìn tôi và dường như đang cân nhắc điều gì đó, rồi đột ngột đổi chủ đề.

“Nhìn kia”, thay vào đó, cô ấy nói, “ở kia có hàng bán cam. Hay chúng ta mua một quả nhé? Tôi vẫn còn tiền này”.

Tôi cũng có tiền - một vài xu dành dụm được cất giấu an toàn trong lớp vải lót trên váy, nhưng tôi để Rachel mua quả cam, sau đó chúng tôi cẩn thận chia đôi, ném thịt quả ngọt ngào mọng nước và mùi hương ngoại lai từ lớp vỏ[2]. Mùi hương vẫn vương lại trên những ngón tay dù cả hai đã ăn xong từ lâu.

[2] Cam có nguồn gốc ở Đông Nam Á, đến cuối thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI, người Italia và Bồ Đào Nha mới bắt đầu đưa cây cam vào khu vực Địa Trung Hải để trồng.

“Giờ”, Rachel nói, khi nhớ lại lời dặn dò, “tôi sẽ đi mua một con ngỗng và một miếng thịt bò cho Caroline. Hàng thịt ở ngay đằng kia, bên kia đường”.

Tôi giật lùi, ngập ngừng. “Nếu cô không phiền”, tôi bảo, “tôi muốn đi loanh quanh một chút”.

Sự thật là tôi sợ cái mùi hôi ở những quầy bán thịt và tôi chưa bao giờ chịu đựng được cảnh tượng những con vật bị giết mổ. Rachel dường như không thấy miễn cưỡng bởi sự từ chối của tôi.

“Thế nào cũng được”, cô ấy khẽ nhún vai đề nghị. “Tôi sẽ tìm chị khi mua xong.”

Tôi có chút cảm giác cắn rứt vì tội lỗi. “Cô có cần tôi giúp không? Như xách thịt ấy?”

“Không cần đâu. Đừng tự gây phiền hà cho bản thân như thế”, cô ấy bật cười. “Tôi vẫn thường đi chợ một mình mà. Chị cứ đi đi và nhớ chơi vui nhé. Chị có thể xách bớt đồ giúp tôi trên đường về nhà.”

Không mấy khó khăn để khiến bản thân vui vẻ, khi tôi được vây quanh bởi vô vàn đồ vật lạ kỳ, màu mè và tuyệt diệu: thuốc tăng cường sức khỏe, những thước lụa Pháp và ruy băng Bỉ nhập khẩu, táo và chanh chất cao trên những chiếc xe bò đồ trên đường rải sỏi, cá khô, những chiếc kèn bằng thiếc, thùng gỗ và nữ trang tinh xảo. Như bị mê hoặc, tôi sà hết từ quầy này sang quầy khác, ngừng lại nơi rìa đám đông để nghe tiếng rao quảng cáo của một người bán hàng hoặc nhìn một người khác dùng chất lỏng gọt sạch những vệt dầu mỡ khỏi mảnh vải trắng như đang phù phép.

Tại một trong những quầy hàng đó, một chiếc vòng xinh đẹp níu giữ ánh mắt tôi. Tôi ngừng lại để ngắm nó. Nó là một chiếc vòng xinh xắn được mạ vàng óng ánh, dọc theo chiếc vòng là một bầy chim thiên đường có đôi mắt khảm thủy tinh xanh sáng lấp lánh như những viên đá quý lộng lẫy. Tôi nấn ná trước nó đầy khao khát, dùng những ngón tay vạch theo những hình thù tinh xảo kia. Những đồng tiền của tôi có vẻ đang rất sốt ruột trong nơi ẩn náu, và người bán hàng, như cảm nhận được sự yêu thích của tôi, đã thận trọng đẩy nó lại gần hơn.

“Hàng thực sự chất lượng đấy, thưa cô”, ông ta nói, không quên kèm theo một nụ cười lấy lòng. “Giống như thứ các tiểu thư cao quý thường đeo khi vào cung vua. Chỉ mười siling thôi.”

Những mười siling! Tôi miễn cưỡng rút tay lại. Chỉ có sáu xu[3] trong túi, tôi không bao giờ có thể hy vọng sẽ trả giá để ông ta hạ thấp xuống mức đó được. Dẫu vậy, nỗi thất vọng mới đó chỉ kéo dài trong chốc lát, bởi khi quay đi khỏi quầy trang sức, ánh mắt tôi đã rơi đúng vào chiếc xe bò của người bán sách nấu trong góc tối ở ven khu chợ, và trái tim tôi hân hoan rộn lên. Mới tuyệt vời làm sao, tôi nghĩ, nếu lại được cầm một cuốn sách trong tay, để cảm nhận những trang giấy giòn và nhẵn cùng mùi cay nồng của giấy và lớp da phết dầu.

[3] 1 siling = 12 xu.

Ngôi nhà ở Luân Đôn của tôi đầy những sách. Chúng được ních đầy trong tủ búp phê và mỗi ngăn đều trĩu xuống vì quá nặng, nhưng trong nhà bác tôi chỉ có một cuốn Kinh Thánh của vua James trang nghiêm và nặng nề.

Vì quá hạnh phúc khi thấy nhiều sách như vậy nên tôi hầu như không chú ý đến người bán sách, một người đàn ông gầy gò kiếm lời chỉ dựa vào xe sách, ông ta chằm chiếc tẩu thuốc và bao dung nhìn tôi mãi mê

ngắm bộ sưu tập của mình trong im lặng. Có đến vài cuốn tôi muốn mua, nhưng cuối cùng tôi chọn Những bức tranh thiên nhiên sống động thối hồn từ cây bút của Margaret Cavendish, Nữ công tước Newcastle lừng danh. Đó không phải một cuốn sách mới - thực sự nó đã được xuất bản khoảng mười năm, được viết trong suốt chuyến lưu vong của bà khỏi nước Cộng hòa - nhưng cha tôi đã đọc nó và hoàn toàn tán đồng với những gì viết trong cuốn sách. Tuyệt hơn hết là nó chỉ có giá bốn xu.

“Một lựa chọn thông minh”, người bán hàng khen ngợi với một nụ cười, “với điều kiện cô đừng để tất cả những tưởng tượng lãng mạn của bà ta chi phối đầu óc mình. Quý bà đó rất lạ thường, xứng đáng được người ta ngưỡng mộ, nhưng tôi không nghĩ bà ta là người nên noi gương”.

Tôi mỉm cười đáp lại. “Tôi sẽ luôn ghi nhớ lời khuyên của ông, thưa ông”, tôi hứa, khá chắc chắn rằng mình sẽ không bao giờ bị cám dỗ để ganh đua với những bộ váy và phong cách sống hoang phí của Nữ công tước Newcastle.

Tôi đưa những đồng xu cho ông ta, nhưng ông ta khế lắc đầu, rồi đẩy một đĩa nhỏ đựng chất lỏng về phía tôi. Mùi giấm hăng hắc cuộn lên xộc thẳng vào mũi tôi.

“Cẩn thận trước nạn dịch đáng nguyên rủa”, ông ta giải thích. “Cô có thể không đến từ Luân Đôn, cô bé, nhưng chẳng ai biết được những đồng xu của cô đến từ đâu cả.”

Tôi ném bốn xu vào đĩa giấm bằng những ngón tay run rẩy, chắc chắn ông ta có thể đọc được về tội lỗi trong đôi mắt đang sụp xuống của tôi. Siết chặt món đồ vừa mua, tôi vội vã quay đi và không bước chậm lại cho đến khi lạc vào một đám đông rộn rã vô danh nào đó.

Không thể định hướng được đường đi, tôi thấy mình đi loang quanh thành những vòng tròn vô định, không thể tìm thấy Rachel hay dãy bán thịt. Sau khi làm một vòng quanh khu chợ tưởng như dài vô tận, tôi ngừng lại trong một chiếc lán để nghỉ một chút và phát hiện mình đang đối mặt với một con ngựa xám khổng lồ trông quen thuộc đến lạ kỳ.

Con thú được buộc vào một chiếc đai sắt trên bức tường, đứng cực kỳ điềm tĩnh, chỉ nhìn chăm chăm xuống tôi với đôi mắt to dịu dàng hơi để lộ một chút tò mò.

“Ôi”, tôi khẽ kêu.

Tôi luôn yêu thích các chú ngựa. Khi còn nhỏ, tôi đã bộc lộ là một cô bé gan dạ, không bao giờ sợ các con vật. Sở thích đó ngày càng trở nên đáng lo ngại khi tôi luôn chạy ra đường để cưỡi những chú ngựa đánh xe cũng như ngựa dùng để cưỡi la liệt trên các con phố của Luân Đôn. Không hề thấy sợ hãi, tôi bước lại gần hơn đến chỗ con ngựa cao ngất và vươn một bàn tay ra dò hỏi.

“Ôi”, tôi lại thốt lên, “cậu bé xinh đẹp. Ổn rồi mà, tao sẽ không làm mày đau đâu”.

Hai lỗ mũi rộng của nó loe ra, ngửi ngửi mùi của tôi.

“Đây rồi, bé yêu”, tôi tiếp tục nói với cái giọng ngu ngốc người ta vẫn dùng để dỗ những đứa bé và động vật, “Đừng sợ. Tao chỉ muốn chạm vào mày thôi mà. Đây này”

Tôi khum tay trên mũi chú ngựa, vuốt nhẹ. Sau một lát, tôi cảm nhận được sự thả lỏng của nó, nó ấn gương mặt vào bàn tay đang vuốt ve của tôi. Tôi hân hoan bật cười và cúi mình để hôn lên chiếc mũi lũng sục của con ngựa, lướt bàn tay dọc theo chiếc cổ cong cong xinh đẹp của nó.

Giọng một người đàn ông, vang lên ngay sau lưng, đột ngột chen ngang khiến tôi giật bắn người.

“Cô liều mạng thật đấy, tiểu thư”, giọng nói lạnh nhạt vang lên. “Nó là một con quỷ xấu tính và phản ứng của nó thường gian dối lắm.”

“Thật vớ vẩn”, tôi nói. “Nó là một con vật đáng yêu.” Tôi quay đầu lại để nhìn thẳng vào mắt Richard de Mornay.

Thực ra tôi phải ngược lên khá cao mới tới. Lúc đứng, anh ta dường như không nhỏ hơn khi ngồi trên lưng ngựa là mấy, đỉnh đầu của tôi dường như chỉ đến vai anh ta.

Anh ta nhắc chiếc mũ khỏi đầu với một cử chỉ tao nhã và cúi mình thật thấp trước mặt tôi, đôi mắt ánh lên nét cười.

“Chúng ta lại chạm mặt rồi.”

“Chào ngài”, tôi vừa chào vừa gạt đầu đáp lại.

Anh ta có một mái tóc tuyệt đẹp, tôi vẫn nhớ. Khi anh ta đứng và gạt mái tóc ra sau, dưới ánh mặt trời, nó sáng lấp lánh như bộ lông mượt mà của loài hải cẩu, và tôi lấy làm tiếc nuôi khi một lần nữa chiếc mũ rộng vành che lấp nó. Nhìn gần thế này, anh ta trông trẻ hơn rất nhiều so với những gì tôi đã nghĩ kể từ lần đầu chạm mặt. Chắc chắn anh ta không thể nhiều hơn tôi mười lăm tuổi, nên không thể quá ba mươi lăm.

“Chúc mừng cô đã chiến thắng được lòng tin của Navarre”, anh ta nói, hất đầu về phía con ngựa.

“Navarre? Đây là tên nó sao?” Tôi vỗ về chiếc hàm đầy cơ bắp của con vật. “Cái tên thật dễ thương.”

Richard de Mornay nhún vai và băng qua chỗ tôi để nhét một gói hàng vào một trong hai chiếc túi da ngoắc vào yên ngựa.

“Tôi không có khiếu đặt tên. Tôi gọi nó là Navarre vì đó là nơi tôi mua nó. Cô bị lạc Rachel rồi à, hay đơn giản cô phát mệt vì phiên chợ rồi?”

Tôi thận trọng chớp mắt. “Làm sao ngài biết tôi đi với Rachel?”

“Trước đó tôi có thấy hai người. Thật khó mà không để mắt tới hai người đẹp tóc vàng ở một nơi thế này.” Rồi anh ta làm một việc lạ lùng, đó là vươn tay chạm vào cánh tay tôi, ngay phía trên cổ tay. Những ngón tay ấm áp chạm vào lớp vải trơn ở tay áo tôi.

“Cô nên mua chiếc vòng tay, cô biết đấy”, anh ta điềm tĩnh bảo tôi. “Những viên đá sẽ rất tiếp màu với mắt cô.”

Lòng kiêu hãnh đã ngăn tôi thốt lên rằng món đồ nữ trang đó quá đắt. Tôi lui lại một bước nhỏ, bàn tay anh ta thông xuống, về mặt hồ hững.

“Thay vào đó, tôi đã mua cái này.” Tôi giơ cuốn sách lên cho anh ta xem.

“Thì ra cô có thể đọc.”

“Cha tôi là người sao chép tài liệu. Ông coi nạn mù chữ là một tội lỗi không thể dung thứ.”

“Cô thật may mắn. Tôi không thể hình dung cô sẽ tìm thấy nhiều thứ để đọc trong nhà của bác cô.”

Dù không muốn nhưng tôi đành mỉm cười. “Cực ít.”

“Vậy cô phải đến lâu đài thăm tôi thôi. Tôi có một thư viện khá lớn. Cô luôn được hoan nghênh mượn bất cứ cuốn sách nào cô muốn.” Đôi mắt anh ta thoáng lướt qua tôi và quét về phía khu chợ đằng sau. “Rachel kia kia.”

Tôi quay lại nhìn, đôi mắt mở to một chút khi phát hiện Rachel đang đi cùng một người đàn ông. Một người đàn ông cao lớn, với đôi vai rộng và bàn tay to khỏe khoắn cùng gương mặt mạnh mẽ vô cùng hấp dẫn. Tôi lại nhìn thấy đôi bờ vai đó và đột nhiên nhớ ra trước kia đã từng nhìn thấy anh ta ở đâu.

“Đó có phải là Evan Gilroy không?” Tôi hỏi.

“Phải.” Richard de Mornay nhìn tôi lạ lùng. “Tôi không nhận ra hai người đã gặp nhau rồi đấy.”

“Không phải. Tôi đã nhìn thấy khi anh ta mang chiếc rương của tôi từ trong làng đến. Rachel nói với tôi tên của anh ta. Anh ta là bạn anh.”

Nó không hẳn là một câu hỏi, nhưng dù sao anh ta vẫn trả lời.

“Phải, chúng tôi là bạn. Rachel nhà cô sẽ được chăm sóc tử tế.”

Vẫn chưa chắc đâu, tôi gượng nghĩ và dõi theo khi Evan Gilroy chuyển vài gói hàng cho Rachel cùng lúc cúi người nói chuyện với cô. Dù anh ta có nói gì thì điều đó cũng mang sắc hồng ửng lên trên đôi má nhợt nhạt của cô gái trẻ. Khi anh ta quay người đi thẳng đến chỗ chúng tôi, cô ấy nhìn theo với đôi mắt không buồn che giấu nỗi khao khát bên trong. Cô ấy không hề nhìn thấy tôi đang đứng trong góc tối cạnh con ngựa xám cao lớn, và tôi vô thức thở một hơi nhẹ nhõm.

“Evan”, Richard de Mornay gọi, “đây là cô Farr, mới chuyển đến Đàn Cừu Xám”.

Evan Gilroy nhắc chiếc mũ lên khi đến đứng cạnh chúng tôi. Sự đánh giá thẳng thắn và sắc sảo từ đôi mắt xám của anh ta không hề khó chịu, tôi thoải mái mỉm cười đáp lại.

“Tôi tin ngài đã giúp đỡ tôi, thưa ngài”, tôi bảo với anh ta, “nên tôi nợ ngài một tiếng cảm ơn”.

“Ý cô là việc chuyển chiếc rương hộ cô phải không? Cam đoan với cô, không to tát gì đâu. Richard mới là người cô nên cảm ơn, bởi chính cậu ta đã yêu cầu tôi...”

“Chúng ta phải đi rồi” Richard de Mornay cắt ngang, đầu tiên ném một ánh nhìn tầm tối về phía Evan Gilroy, sau đó là nụ cười chân thật. “Cậu nên tìm ngựa của mình đi, anh bạn.”

“Nó ở con hẻm bên cạnh”, người đàn ông to lớn nói, gật đầu chào tôi thêm lần nữa trước khi bước đi. “Hân hạnh của tôi, thưa cô.”

Richard de Mornay nhảy lên yên ngựa và siết dây cương, khiến đôi mắt sáng bóng ngoắc vào bàn đạp chỉ cách mặt tôi vài centimet.

“Cô nhớ”, anh ta nói, “đến thăm thư viện của tôi đấy nhé”.

Tôi ngẩng cổ lên nhìn anh ta. “Tôi xin lỗi”, tôi nói, “nhưng tôi không thể”.

“Tôi có thể hỏi lý do không?”

“Bác tôi”, tôi nói thẳng, “đã cấm tôi nói chuyện với ngài”.

Anh ta nhìn chằm chằm xuống tôi một lúc lâu, đôi mắt nheo lại nghiền ngẫm.

“Thật lạ lùng”, anh ta chậm rãi nói. “Tôi không nghĩ cô là một người nhất gan.”

Trước khi tôi có cơ hội trả lời, anh ta đã giật dây cương và thúc ngựa đi mất, lần thứ hai bỏ lại tôi bối rối trở mắt nhìn theo như một kẻ ngốc.

“Mariana!” Rachel gọi từ con đường và tôi chậm chậm bước về phía cô ấy.

“Tôi cứ nghĩ chị bị lạc”, cô ấy vừa nói vừa đưa cho tôi một gói thịt bò và đổi chỗ các gói đồ trên tay cho dễ cầm. “Chị có tìm được thứ mình cần không?”

“Tôi đã mua một quyển sách.” Tôi cho cô ấy xem.

Rachel nhướn mày.

“Chị sẽ phải giấu không cho Jabez nhìn thấy”, cô gái thẳng thắn khuyên. “Bác chị không có mấy thiện chí với những người phụ nữ thích đọc sách đâu.”

Tôi bắt đầu nghĩ, dù sở thích có là gì đi chăng nữa thì cũng không tạo nên thiện chí với bác tôi, nhưng tôi chỉ đơn thuần cần môi và ôm cuốn sách chặt hơn. Chúng tôi bắt đầu hành trình đi bộ dài bốn dặm về nhà trong im lặng, cả hai đều bận rộn với những ý nghĩ của riêng mình. Mỗi bước tôi đi, tảng thịt bò dường như càng trở nên nặng nề và khó cầm hơn. Khi mới đi được nửa dặm, tôi suýt chút nữa đã đánh rơi hết thịt xuống đất.

“Tiếc rằng anh chàng Evan Gilroy không đủ hào hiệp để mang cái mớ khốn khổ này về nhà hộ chúng ta”, tôi rầu rĩ bảo với Rachel, khi vật lộn để giữ chặt đồng đồ của mình.

Rachel quay phắt đầu lại, đôi mắt mở to đầy báo động. “Chị đã nhìn thấy chúng tôi?”

Tôi gật đầu, bối rối trước sự xấu hổ của cô ấy. “Anh ta khá điển trai, Rachel à.”

Cô ấy cúi đầu tránh ánh mắt tôi.

“Tôi đính hôn rồi”, cô nói bằng giọng đều đều, “với Elis Webb, quan khâm sai của Exbury”.

Tôi đã nhìn thấy vị quan khâm sai đó, một người đàn ông nghiêm nghị, cứng nhắc với chiếc miệng khắc khổ, khó tính và vẻ mặt luôn tầm tối tương xứng với bộ quần áo ảm đạm của ông ta.

“Ôi, Rachel.” Tôi không thể kiềm chế cảm giác khổ sở của bản thân.

Cô ấy cam chịu nói tiếp. “Ông ta là bạn của bác chị và là một người đàn ông tử tế. Chúng tôi sẽ kết hôn vào cuối hè.”

Tôi im lặng, và sau một lát, cô ấy ngược mắt lên nhìn tôi thêm một lần nữa, vẻ mặt gần như van nài.

“Nên chị thấy đấy”, cô ấy bảo tôi, “sẽ không hay lắm nếu tôi bị người ta bắt gặp đang nói chuyện với Evan Gilroy. Đương nhiên tôi sẽ không bao giờ lại hành động như thế”.

Tôi siết nhẹ bàn tay cô gái và cam đoan. “Tôi không nhìn thấy gì hết”, tôi nói.

Gương mặt căng cứng của Rachel giãn ra thành một nụ cười. Khi nhìn cô ấy, tôi thấy vẻ lấp lánh đã quay trở lại trong đôi mắt màu hoa lưu ly của cô ấy.

“Tôi cũng không làm thế nữa”, đó là lời đáp kín đáo của Rachel.

Chúng tôi không nói gì thêm cho tới khi đến Exbury và ngôi nhà màu xám lẻ loi. Lúc chúng tôi vào nhà, bác Caroline đang cho bé John ăn cạnh lò sưởi trong bếp. Bác trông ủ rũ và mệt mỏi đến khó tin, đôi mắt đỏ ngầu.

“Jabez đến Salisbury một thời gian”, bác đều giọng thông báo cho chúng tôi. “Ông ấy có vài công chuyện ở đó.”

Đây không phải là một tin tức khó chịu. Caroline tuy nhợt nhạt và yếu ớt, nhưng tính khí của bác ấy khá dễ chịu và tôi không thể ngừng nghĩ rằng, chỉ cần thêm chút thời gian, chúng tôi có thể trở nên thân thuộc. Bác cũng không già hơn tôi là mấy, dù trông nhiều tuổi hơn nhiều, mái tóc đã có những dải trắng xóa vì cuộc sống cơ cực.

Tôi mỉm cười, nhưng bác không đáp lại.

“Một người đàn ông vừa đến đây”, bác ấy nói với tôi, không hề có chút hứng thú trong giọng nói. “Một người hầu đến từ tòa trang viên. Anh ta mang đến một gói đồ cho chị. Bảo rằng chị đánh rơi nó trong khu chợ. Nó kia kìa, ngay trên bàn ấy.” Bác chỉ, cẩn thận không quấy rầy đến đứa bé đang bú sữa.

Tôi nhìn theo. Đó là một gói đồ nhỏ và mỏng, buộc bằng sợi màu trên nền giấy gói sáng. Thành thực mà nói, tôi bị sự hiện diện của món đồ làm cho kinh ngạc, nhưng tôi không muốn để Rachel hay chị gái của cô ấy nhìn thấy phản ứng của mình.

“Tuyệt quá”, tôi vui vẻ reo to. “Cháu cứ tưởng đã đánh mất nó. Cảm ơn bác, Caroline.”

Bác tôi nhìn gói đồ với chút tò mò lóe lên trong mắt, liếc sang quyển sách trong bàn tay kia của tôi rồi nhướn một bên mày nhạt màu, nhưng không bình luận gì cả. Điều đó khiến tôi nhẹ nhõm, Rachel cũng vậy. Chẳng mất chút, ngồi một mình trong căn phòng trên gác, tôi đặt gói đồ lên giường và cẩn thận bóc nó ra, máu chảy rần rật vì hồi hộp. Tôi có thể cảm nhận được hình dạng cứng cáp của món đồ bên trong qua lớp giấy trước khi bóc được một nửa.

Dẫu vậy, không được chuẩn bị trước cho chiếc vòng tay xinh đẹp đang hiển hiện trước mắt, với đàn chim thiên đường mắt xanh trang trí xung quanh, tôi đã làm rớt nó xuống lớp chăn thô ráp và sơ sài.

16. Chương 16

“Julia.”

Cả người tôi chấn động, hay ít nhất cũng là cảm giác của tôi về bản thân. Cũng có thể là do căn phòng. Chắc chắn những bức tường không còn vững chãi nữa; chúng tỏa sáng lung linh và nhảy múa như thể ánh sáng huyền ảo đang chuyển động, phản chiếu qua cả một nghìn lăng kính xoay.

“Julia.” Giọng nói lại vang lên, tôi chậm chạp quay đầu lại, với nỗ lực tập trung cao độ, hướng về phía phát ra giọng nói.

Đầu tiên, tôi không thể nhìn thấy thứ gì ngoài khung cửa phòng mở toang, một hình thù màu xám quái dị chặn ngang tầm nhìn ra ngoài hành lang. Hình thù màu xám quái dị mỗi lúc một phình to và trôi bồng bênh, như những đám mây, về phía tôi, gọi tôi bằng giọng đàn ông rõ ràng mỗi lúc một sắc bén hơn.

“Julia.”

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là, đó không phải tên mình, rồi tôi nghĩ, nhưng mình biết giọng nói ấy, rồi lại nghĩ, Ôi, đó là Tommy, càng thêm chắc chắn, đúng là anh trai đang đứng trước mặt tôi, khoác lên vẻ mặt cha tôi mỗi lần thấy một trong hai anh em bị ốm. Đó là vẻ mặt khổ sở và lo lắng xen lẫn bất lực thảm thương, lời đáp của tôi hoàn toàn vô thức. “Em ổn mà, Tom. Thật đấy.” Rồi nói tiếp, khi thực tại tác động đến mình mạnh mẽ hơn, “Anh đang làm cái trời ơi đất hỡi gì ở đây thế này?”

Anh lơ câu hỏi của tôi đi, tiếp tục nhìn tôi chằm chằm với đôi mắt lúc này dường như trở nên hứng khởi tốt độ hơn là lo lắng. “Em không ở đây”, anh tuyên bố với giọng căng thẳng, “phải không? Em ở một nơi khác. Là ai đó khác”.

Tôi vẫn quỳ trên sàn, buộc bản thân chuyển sang tư thế đứng dậy, cảm giác các khớp xương kêu răng rắc phản đối. Một cách im lặng, tôi gật đầu.

Tâm trí tôi chắc chắn không còn nghi ngờ gì về chuyện vừa xảy ra. Mái tóc ướt đầm, khi tôi gạt khỏi gương mặt và bần bảm đây trên đôi giày lấm sần nhà bằng gỗ, lấm lem nơi tôi bước qua trong xưởng vẽ. Bàn tay cứng ngắc và đỏ bừng vì lạnh, tôi ngơ ngẩn nhìn chằm chằm xuống chúng, như thể ngạc nhiên khi phát hiện ra chúng thuộc về cơ thể mình.

“Lạy Chúa”, Tom thở hắt ra, đôi mắt vẫn ghim chặt vào tôi.

Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy anh thốt ra cụm từ đó kể từ khi tốt nghiệp trường Oxford. Anh nghiêng đầu và nheo mắt lại. “Em có tí rượu brandy nào trong nhà không thế?”

“Hả?” Bối rối, tôi liếc xuống chiếc đồng hồ đeo tay. “Anh Tom, giờ mới mười rưỡi. Anh không nghĩ vẫn còn hơi sớm sao? Nhất là với một người mặc quần áo tu hành như anh.”

Nụ cười nhăn nhó của anh thật thiếu tôn kính. “Anh đảm bảo Chúa sẽ tha lỗi nếu anh uống cả một thùng brandy trong những dịp đặc biệt. Nhưng rượu không phải dành cho anh. Em mới cần brandy đấy, cưng ạ. Chết tiệt, trông em kinh khủng quá.”

“Mục sư không được nói chết tiệt”, tôi vụng về nhắc nhở.

“Thật may vì giám mục không ở đây để nghe thấy”, Tom vắn lại, dùng tay đẩy tôi qua căn phòng để đi ra ngoài hành lang, hướng tôi về phía cầu thang.

“Em không có chút brandy nào trong nhà hết”, tôi cự nự, nhưng sau đó thỏa hiệp, “nhưng em nghĩ vẫn còn một ít Grand Marnier^[1] trong tủ trên lò sưởi”.

[1] Một loại rượu cognac nổi tiếng.

“Tuyệt”, Tom nói. “Được đấy.”

Tôi phải nỗ lực rất nhiều mới đi được xuống cầu thang, đôi chân cứng đờ kỳ quặc đã gây nhiều trở ngại, cho đến khi tôi nhận ra rằng, khi là Mariana Farr, tôi đã phải đi bộ tám dặm sáng nay.

Tom thô lỗ ấn tôi ngồi xuống bàn ăn trong bếp, xác định vị trí của chai Grand Marnier và hào phóng rót một lượng lớn vào chiếc ly cho tôi. Dưới ánh mắt nghiêm khắc và ép buộc của anh, tôi đành phải uống. Rượu nóng chảy khắp người tôi, mang màu đỏ sẫm lên làn da và xua đuổi tình trạng tê cứng khỏi những đầu ngón tay. Tôi lại uống thêm một hớp, gạt mái tóc nhóp nhép khỏi đôi mắt và ngược lên nhìn Tom.

“Anh vẫn chưa nói mình đang làm gì ở đây”, tôi nhắc nhở.

“Thăm em chứ gì nữa”, đó là câu trả lời đơn giản. “Không có việc gấp phải làm hôm nay nên anh nhường quyền phụ trách lại cho cha phó và lái xe đến đây. Anh muốn xem em thế nào - để đảm bảo mọi thứ vẫn ổn. Và anh muốn đưa cho em cái này”, anh thêm vào, nhìn xuống chồng giấy tờ dày cộm đặt trên chiếc bàn chắn giữa chúng tôi. Tiêu đề của đám tài liệu trên cùng cho thấy rõ ràng đây là những thông tin mà

người bạn làm thủ thư của Tom đã đào xới được. Giờ Tom đang nhìn nó như thể nó đã mất đi phần nào tầm quan trọng, như thể từ những gì vừa được chứng kiến, đám tài liệu này đã trở nên dư thừa.

“Dù sao đi nữa”, anh tiếp tục, “khi đến, anh phát hiện cửa hậu mở tênh hênh và ngôi nhà thì vắng vẻ. Anh gọi to nhưng không ai trả lời nên đã đi lên tầng kiểm tra phòng ngủ của em và thấy giường của em đã được thu dọn, nghĩa là có thể em đã dậy sớm và tự mình thu dọn”, đôi mắt thẳng thắn của anh báo cho tôi biết rằng anh thấy ý nghĩ ấy vô lý đến cỡ nào, “hoặc em không hề ngủ ở đây. Nghĩ vậy, anh bắt đầu thấy lo lắng, anh vừa xuống tầng dưới để quyết định nên làm gì tiếp theo thì em lao ào ào qua cửa hậu, mắt tròn trĩnh như một con cừu và quần áo nhỏ nước tong tong lên khắp sàn”.

“Em có nói gì không?”

“Không.” Anh lắc đầu. “Em chỉ đứng cạnh cửa một lúc, rồi đi thẳng qua anh và leo lên tầng đến phòng vẽ của em. Anh nghĩ mình có thể đợi em tự thoát ra một cách tự nhiên, nhưng anh e mình đã quá hoảng sợ. Anh có làm gián đoạn chuyện gì quan trọng không?”

Tôi nghĩ đến chiếc vòng đáng yêu, gần như lại cảm giác được nó tuột khỏi bàn tay mình và nghe thấy được giọng của Richard de Mornay vang lên, “Cô nên mua chiếc vòng tay ấy”, trong khi anh ta nắm cổ tay tôi ở khu chợ. Cổ tay của Mariana. Tôi áp một bàn tay lên trán và nhắm mắt lại.

“Không”, tôi nói, “không có gì quan trọng cả”. Nhưng tôi có thể nghe thấy sự tiếc nuối trong chính giọng nói của mình và tự hỏi không biết Tommy có nghe thấy không.

“Thật may vì em đã ăn mặc như vậy khi chuyện đó xảy ra”, anh bình luận lúc nhìn chiếc áo, quần jean ẩm ướt và nhăn nhúm của tôi. “Nếu em mà mặc váy ngủ và đi dép lê lang thang ngoài đường thì chuyện còn kinh dị hơn nhiều.”

Tôi mỉm cười. “Em chắc chắn mình đã ăn mặc tử tế rồi chứ. Nếu không, em sẽ không cho phép mình chạm vào tay nắm cửa, thế thôi.”

“Anh không dám chắc mình có thể hiểu kịp.”

“Em đã lên kế hoạch rồi, Tommy”, tôi nói, không thể ngăn chút tự hào thoát ra từ giọng nói. “Anh thấy đấy, nó gần như một kiểu thử nghiệm. Em muốn biết có thể tự mình quay về quá khứ, với thời gian và địa điểm theo sự lựa chọn của e hay không.”

“Và?”

“Và rõ ràng rất hiệu quả, dù không diễn ra chính xác theo cách em mong muốn. Em đã nghĩ đến chuyện ngăn quá khứ quay lại trong căn nhà này.”

Tom liếc qua vai về phía cánh cửa bếp đang khép hờ, mặc làn hơi ẩm tươi mới của một buổi sáng muộn thứ Năm tràn vào.

“Và Mariana đã mở cửa”, anh đoán. “Anh hiểu rồi. Chắc chắn không thể cùng loại khóa sử dụng vào thế kỷ XVII được.”

Tôi tò mò nhìn chiếc then cài nặng nề. “Không, nhưng nó ở cùng một chỗ và thiết kế cũng tương tự nhau. Hãy nhìn mà xem, anh chỉ phải kéo nó lên và cánh cửa bật mở.”

“Anh hiểu rồi.” Anh nhăn mày. “Đó là một cái khóa cổ. Không có mấy tính bảo vệ. Cái em cần là một cái khóa chết. Thực tế, chúng ta cần mua luôn một đôi vào chiều nay và anh sẽ tự lắp chúng cho em.”

“Anh nói giống hệt người chuyển đồ giúp em ấy”, tôi bảo anh, mũi nhăn lại. “Ông ta cũng bảo em cần phải thay những chiếc khóa mới.”

“Người đàn ông khôn ngoan.”

“Anh đừng lo lắng quá, Tom à. Quanh đây chẳng ai khóa cửa nhà cả, nơi này rất an toàn. Bên cạnh đấy, nếu em lại quay trở về quá khứ và cố mở cửa khi nó bị khóa thì sao? Em có thể sẽ khiến bản thân bị thương.”

“Anh chẳng thấy làm sao cả. Lúc ấy cảnh hồi tưởng sẽ bị ngăn lại, anh nghĩ vậy đấy. Mariana, trong quá khứ sẽ mở cửa và đi đến đâu đó, nhưng em sẽ bị mắc lại phía sau.” Anh lại nhìn bộ dạng ướm nhẹp thảm thương của tôi, rồi thắc mắc. “Dù sao thì sáng nay cô ấy đã mang em đi đâu vậy?”

Tôi uống nốt chỗ rượu và dần chiếc ly thủy tinh xuống bàn. “Đi theo em”, tôi vừa nói vừa đứng dậy. “Em sẽ chỉ cho anh thấy.”

“Giờ là gì nữa nào?” Tom ném ánh mắt hoảng hốt qua cửa sổ bếp. “Trong thời tiết này á?”

Trời lại mưa rả rích, tôi có thể nghe thấy tiếng nước chảy ồ ộc qua ống thoát nước từ máng hứng mưa trên đầu, tạo thành một vũng nước lầy lội ngay bên ngoài cửa hậu.

“Em nghĩ có lẽ chúng ta nên dùng ô tô”, tôi giải thích, với sự nhấn nại cường điệu. “Em vừa có buổi đi dạo trong mưa sáng nay.” Tôi chia vạt áo sơ mi ẩm nước như một bằng chứng.

Tom mỉm cười. “Phải rồi. Anh xin lỗi, anh không nghĩ ra. Nhưng trước hết em sẽ đi thay quần áo chứ?”

“Em thấy như thế sẽ tốt hơn.” Tôi nhìn xuống bản thân. “Chờ em nhé, không đến một phút đâu.”

Song thực tế, tôi mất không đầy năm phút để đổi một chiếc quần jean khô ráo và chiếc áo chui màu đỏ tươi, choàng lên mình chiếc áo mũ đi mưa, rồi đi vào chuồng ngựa kiêm nhà để xe với anh trai.

“Chúng ta sẽ đi hướng nào đây?” Tom hỏi và chui vào chiếc xe để cài số lùi.

“Rẽ trái ở cuối lối vào nhà, rồi chọn nhánh đường bên phải khi chúng ta băng qua sông.”

Tom im lặng tuân theo sự chỉ dẫn của tôi, vọt chiếc xe Ford thể thao qua chiếc cầu nhỏ và rẽ khỏi trục đường chính để men theo tuyến đường hẹp và ít người qua lại.

“Đường Marlborough cũ”, anh đọc biển chỉ dẫn. “Đây là đường em đã đi?”

Tôi gật đầu. “Em nghĩ thế.”

Trong vài phút tiếp theo, tôi đã có thể chắc chắn, khi những hàng cây thưa dần và vạt rừng rì rào xanh mượt của khu săn bắn Wexley trôi dần sang bên trái. Con đường rải đá được cơn mưa gột rửa - nếu có đi bộ theo lối này, tôi cũng không để lại dấu vết nào cả - nhưng phong cảnh đồng quê rực rỡ vẫn nung thành một dấu vết sâu sắc trong ký ức của tôi.

Trong một giờ hay có thể nói kể từ lần cuối tôi nhìn thấy, nó đã đổi khác rất nhiều. Những ngôi nhà hiện đại mọc san sát con đường và trên cánh đồng, nơi đàn cừu từng chạy loanh quanh. Những chỗ trống trước đây giờ được lấp đầy cây, thay vào mảng rừng cũ là một mảnh đất bằng. Tuy vậy, con đường vẫn thân quen như những con phố từ thời thơ ấu của tôi vậy. Khi lái xe lên ngọn đồi và bắt đầu xuôi xuống khu Wexley, tôi không thể thôi ngăn lại chút run rẩy vì cái cảm giác thân quen ấy.

Đây là một thị trấn nhỏ đơn sơ. Vây quanh khu chợ hình vuông chỉ là một cụm hàng quán có tường bằng khung gỗ được sửa chữa lại mặt ngoài, ganh đua với các tòa nhà hiện đại thực dụng xấu xí và các ngôi nhà xây từ gạch đỏ từ thời Victoria. Giống như nhiều thị trấn ở Anh khác, nó là tổ hợp kỳ dị của nhiều kiểu kiến trúc và thị hiếu khác nhau, dần dần hòa nhập với truyền thống, và cuối cùng, thành quả là một sự sắp xếp tương đối thoải mái.

Khu chợ từ thời Trung Cổ phía trước, theo như tôi nhớ, nằm ở trung tâm của quảng trường, đã biến mất. Có lẽ nó là nạn nhân của một vụ hỏa hoạn, của sự phát triển hoặc đơn giản bị lụi tàn và chia cắt bởi thời gian. Đứng ở vị trí của nó giờ đây là bức tượng một người đàn ông nghiêm nghị mặc quần áo thời Nhiếp chính, không nghi ngờ là một trong số các cha cố điem đăm của thị trấn này từ thế kỷ trước.

Tommy đỗ xe vào bóng râm của bức tượng và quay sang nhìn tôi.

“Cuộc đi bộ được đấy”, anh bình luận. “Gần bốn dặm. Chắc hẳn em phải mất gần một giờ cho mỗi lượt đi.”

“Em cũng nghĩ thế. Đương nhiên đoạn đường có vẻ cũng không xa lắm, vì em có người đi cùng.”

“Kiểu đi cùng thế nào đấy?”

“Rachel.”

“Ai?”

“Rachel”, tôi lặp lại, trước khi kịp nhận ra, dù tất cả những người sống ở kiếp trước có thân thuộc thế nào với tôi đi chăng nữa, họ chẳng có ý nghĩa gì với Tom cả. Họ là những người lạ từ một vùng đất xa lạ, không đi kèm với thực thể hay mang bất cứ ý nghĩa nào.

Thế nên tôi tiếp tục kể với anh trai những gì tôi biết về Đàn Cừu Xám - nó từng thuộc về ông ngoại của Mariana, sau đó được người con trai cả thừa kế, Jabez Howard cứng rắn và tẻ ngắt. Tôi kể với anh về bác Caroline có đôi mắt trống rỗng, và Rachel, người đã sống cùng chị gái và anh rể từ khi hai người kết hôn. Tôi cũng kể lướt về những người cư ngụ trong tòa trang viên, nhưng lúc đó Tom không mấy lưu tâm. Anh thích thú với hành trình đến khu chợ vào sáng nay của tôi hơn.

“Vậy là em cùng Rachel đã đến quảng trường này”, anh nói, “và... sau đó thì sao? Em đã làm gì?”

“Bọn em đứng ở kia”, tôi phẩy tay về phía quầy báo ở tít một bên của bức tượng, “xem một vở kịch, rồi cả hai tách ra và em đi lòng vòng quanh đây, nếu anh hiểu ý em là gì. Ngừng lại để xem vài quầy hàng, nhưng hầu hết em chỉ đi loanh quanh. Cuối cùng em đứng ở cái ngõ kia, giữa quán trà và ngân hàng”.

Gần như không còn là một con ngõ nữa, tôi tự sửa lại. Nó đã được mở rộng thành làn đường đủ cho xe ô tô đi vào, dù vẫn nằm trên phần đường hẹp và lớp sỏi trước đây đã bị chôn vùi dưới mặt đường màu đen trơn nhẵn.

Tom nhìn theo.

“Em đã làm gì ở đó?”

“Em vỗ về một con ngựa.”

“Và rồi em rời đi?”

“Vâng. Rachel đến tìm em và bọn em trở về nhà, theo đúng con đường đã đến.”

“Anh hiểu rồi.”

Tôi nhìn anh ngờ vực. “Anh không cho rằng em đang say rượu đấy chứ?”

“Không đâu! Anh chưa bao giờ bảo...”

“Ôi, bỏ đi.”, tôi bảo anh, giơ bàn tay mệt mỏi lên bóp đầu. “Em xin lỗi. Không phải tại anh đâu, Tom. Chỉ là... Em không biết nữa, mọi thứ dường như thật đến chết tiệt khi nó thực sự xảy ra, rồi lúc kết thúc, em cảm thấy thật... mất phương hướng. Như thể tất cả đều xảy ra trong mơ, em không biết rằng...”

Giọng tôi trở nên cực kỳ khỏ sở, Tom cho tôi cái trừng mắt cứng rắn của bậc làm anh trước khi đẩy cánh cửa bên ghế lái bật mở.

“Hừm”, anh tươi tỉnh nói, “có một cách để kiểm chứng xem em có thật sự ở đây sáng nay không đấy”.

“Bằng cách nào?”

Nụ cười kẻ cả của anh vụt hiện lên. “Cưng à, em đã loanh quanh khắp khu này trong cơn mưa như trút. Chắc chắn phải có ai đó chú ý đến em rồi.”

“Nhưng các cửa hàng vẫn chưa mở cửa.”

“Anh cược ít nhất một trong số chúng đã mở cửa rồi”, là câu trả lời quả quyết của anh trai tôi. Tôi nhìn anh băng qua quảng trường rồi biến mất vào trong cửa hàng sách báo. Khi xuất hiện mười phút sau đó, anh cầm theo hai chiếc cốc giấy và trông tự mãn một cách khủng khiếp.

“Cà phê chứ?” anh vừa mời vừa đưa cho tôi một cốc khi chui vào ghế lái và kéo chiếc cửa đóng lại sau lưng. Trời vẫn mưa lất phất, kéo theo cả sự ẩm ướt theo vào với anh, những giọt nước lỏng lạnh đọng trên mái tóc đen cùng chiếc áo khoác màu xanh thẫm.

“Em không thể uống thứ này được”, tôi phản nản, khi nhìn xuống chiếc cốc trong tay. “Nó không phải cà phê thực thụ đâu Tom.”

“Tùy em.” Anh hóp một ngụm lớn từ cốc của mình trước khi nói tiếp. “Tình cờ em đã có mặt ở đây sáng nay. Người phụ nữ trong cửa hàng đã nhìn thấy em. Ít nhất chị ta đã trông thấy một cô gái nhỏ nhắn mặc bộ đồ đen với mái tóc quấn ngắn, đứng trong quảng trường vào khoảng bảy giờ ba mươi phút. Đầu tiên chị ta cứ nghĩ em đang nhìn qua cửa sổ quán nhà chị ta, nhưng khi chị ta đi ra để nói chuyện với em, thì em lại đi mất. Chị ta đã nhìn thấy em vài lần, đi bộ quanh quảng trường. Cho rằng em đang đợi ai đó đến đón mình.”

“Anh làm thế nào mà khiến chị ta kể hết những chuyện này cho anh vậy?” Tôi nhả nhận hỏi. “Em có cần phải biết không?”

“Không có gì.” Tom nhún vai. “Anh bảo mình là bác sĩ ở bệnh viện tâm thần, bọn anh đang bị lạc mất một bệnh nhân. Chị ta rõ ràng rất lấy làm thông cảm.”

“Tom!” Tôi choáng váng. “Anh đùa chắc! Anh thừa biết đây là một cộng đồng nhỏ - rồi tin tức này sẽ lan ra mất thôi. Sau này sao em dám bước chân ra khỏi nhà nữa!”

“Vấn quá đơn giản mà, em yêu.” Anh cười ra vẻ khoan dung. “Ý anh là để giải thoát cho em. Em có thể bình tĩnh được rồi đấy, anh chỉ bảo chị ta là anh có hẹn với em ở đây sớm hơn, nhưng vì xe của anh gặp trục trặc nên anh đến muộn. Anh hỏi chị ta có nhìn thấy em không, thì chị ta bảo có, rồi anh giả vờ hối lỗi vô hạn và mua cà phê thôi. Chị ta chắc chắn đã nghĩ em chờ anh mệt quá nên quyết định đi về và giờ anh đang tìm cách để cố gắng xoa dịu em. Được chưa?”

“Rồi.”

“Tốt. Thế thì cúi đầu em xuống thấp một chút khi chúng ta lái xe qua đó nhé? Anh không muốn người phụ nữ kia nghĩ anh vừa là tay sát gái vừa là tên đàn ông vô tâm đã bỏ mặc bạn gái của mình trong mưa dầm.”

Tôi ngoan ngoãn cúi thấp đầu, chúng tôi lái xe vòng qua tượng đài của khu chợ, hướng trở lại đường Marlborough Cũ để quay lại Exbury.

“Thế”, tôi nói, giờ đã ngồi thẳng dậy khi đến được khu vực an toàn, “anh muốn làm gì trong phần còn lại chuyến thăm viếng nào? Tất cả câu chuyện cường điệu này hẳn buồn chán kinh khủng với anh”.

“Ngược lại là khác, anh chưa bao giờ kích động thế này suốt bao năm trời.” Tom cười nhả nhỏ. “Nhưng anh phải thừa nhận các kế hoạch của mình cho ngày hôm nay thì trần tục hơn nhiều. Anh cứ tưởng chúng ta sẽ dùng bữa trưa ở quán rượu của...”

“Gi cơ, quán Sư Tử Đỏ á?”

Anh gật đầu. “Anh nghĩ đây là lúc mình nên gặp gỡ những người bạn mới của em. Nếu không có gì khác thì đó là vì lòng hiếu kỳ. Sau khi lắp máy ổ khóa mới lên cửa nhà em, anh nghĩ mình có thể đưa em đến Swindon trong phần còn lại của ngày hôm nay. Chúng ta sẽ ngó nghiêng các cửa hàng, nếu em muốn, dùng bữa tối thịnh soạn ở đâu đó, thậm chí có thể đi xem phim sau đó nữa. Có nhớ vụ đi xem phim không?”

“Em không.”

“Anh cũng vậy”, anh thở dài. “Thế em thấy thế nào?”

“Nghe có vẻ tuyệt lắm”, tôi thừa nhận.

“Tốt. Vậy chúng ta cứ tiến hành thôi.”

Mất một khoảng thời gian chúng tôi cứ lái xe trong im lặng, rồi Tom đột ngột nhíu mày và nhìn tôi.

“Julia, anh ghĩ thế này.”

“Vâng?”

“Những chuyện từ kiếp trước ấy. Anh nghĩ em không nên tốn thời gian để cố gắng khiến mọi chuyện xảy ra nữa.”

Tôi tròn mắt nhìn anh. “Nhưng tuần trước anh đã nói...”

“Anh biết. Nhưng đây là trước khi anh tận mắt... chứng kiến. Chứng kiến tình trạng của em khi việc đó diễn ra. Giờ đã nhìn thấy, nên anh đổi ý. Cứ dành ra một phút ngẫm mà xem”, anh khấn cầu tôi. “Em có thể bị xe đâm trên đường, hay gì đó. Và có khi chính quá khứ cũng đầy nguy hiểm. Làm sao em biết cái cô Mariana đó không treo cổ tự vẫn, trèo mình xuống sông, hoặc nhảy khỏi vách đá?”

“Quanh Exbury có vách đá nào đâu.”

“Em biết ý anh là gì. Chúng ta đơn giản vẫn chưa đủ hiểu biết về các hiện tượng siêu nhiên, anh nghĩ sẽ không an toàn nếu để em cố gắng thực hiện thử nghiệm đó, thế thôi. Đôi khi chỉ riêng việc chúng tự động phát sinh thôi cũng đủ tệ lắm rồi.”

Tôi quay đầu ra ngoài cửa sổ nhìn phong cảnh trôi qua vùn vụt trước mắt, không trả lời anh, Tom tiếp tục nói với giọng thận trọng. “Julia à? Anh muốn em hứa sẽ không thử làm bất cứ chuyện gì như thế này nữa cho đến khi chúng ta có thêm manh mối về chuyện đang diễn ra. Em sẽ hứa với anh chứ?”

Bên kia những khu đồi sũng nước mưa của khu săn bắn Wexley, một bầy chim đập cánh bay lên như một đám mây ồn ào đang chuyển động, lượn vòng thành một đội hình chặt khít trên những cánh đồng lấm chấm xanh mướt mềm mại. Tôi quay khỏi cửa sổ và mỉm cười ngọt ngào với anh trai.

“Đương nhiên rồi, anh Tom”, tôi nói. “Em hứa.”

17. Chương 17

“Tôi nghĩ anh trai cô còn hơn cả tuyệt vời”, Vivien bình luận. “Không giống một mục sư thực thụ tí nào.”

Giờ là chín rưỡi sáng thứ Bảy hôm sau và tôi đang nhân lúc ánh nắng rực rỡ cùng nhiệt độ dịu nhẹ để cố gắng, bằng phương pháp nghiệp dư của bản thân, nhổ cỏ khu vườn có chuồng bồ câu sau nhà, trong khi Vivien ngồi vắt vẻo trên bức tường đá chực đổ, uống trà từ một trong những chiếc tách rạn của tôi và nói chuyện với tôi khi tôi đang làm việc.

“Ừ.” Tôi đứng thẳng dậy, ném một nắm thứ gì đó tôi hy vọng là cỏ sang một bên. “Tôi e rằng nhà thờ cũng có khuynh hướng đồng ý với cô. Không có chỗ nào giống mục sư thực thụ cả, dù người trong giáo khu của anh ấy nghĩ rằng anh ấy là cả thế giới. Và khi nào muốn, anh ấy có thể trở nên rất nghiêm nghị. Cô có nghĩ đây là cây hoa không?”

Tôi nghiêng đầu sang bên, hồ nghi nhìn loại thực vật nhỏ nhắn, thanh tú với những chiếc lá như dương xỉ.

“Nói thật thì tôi cũng chịu”, Vivien nói. “Tôi hết thuốc chữa với các khu vườn rồi. Coi này, cô có chắc muốn làm không thế? Iain sẽ lột da cô nếu cô nhổ tay nhổ một trong số mớ cây whatchma-whoosit Nam Mỹ quý báu của anh ấy đấy.”

Tôi tha cho cái cây đáng ngờ kia và nhổ cái đám trông như một lùm cỏ thay vào đó, vênh cằm lên một góc mà anh trai tôi sẽ ngay lập tức nhận ra là sự thách thức.

“Tôi không sợ Iain Sumner. Hơn nữa, anh ta có lẽ không thể làm tất cả mọi việc. Anh ta đang giúp khôi phục khu vườn ở trang viên, đồng thời còn phải chăm sóc khu vườn và đàn cừu của anh ta cùng lúc.”

“Anh ấy còn có một vườn cây ăn quả nữa.”

“Đã bảo rồi mà.” Tôi lôi thêm cụm nữa để nhấn mạnh ý kiến của bản thân. “Tôi vừa giữ cho anh ta khỏi bị suy nhược tinh thần còn gì.”

Vivien nhún nhó. “Hừm, đừng bảo tôi không cảnh báo cô đấy nhé. Cô sẽ không bao giờ chịu đựng được một trong những tràng mắng mỏ của anh ấy đâu.”

“Chúng không thể tệ hơn những tràng mắng mỏ của anh trai tôi được.”

“Gì cơ, chính người đàn ông đáng yêu ngọt ngào đã ngồi ở quầy bar trong quán của tôi và kể những câu chuyện hài cả buổi chiều đấy á? Đừng có bảo tôi là anh ấy nóng tính đấy nhé?”

“Khè ra lửa với lưu huỳnh luôn”, tôi xác nhận. “Trong tầm vóc của Kinh Thánh.”

“Hừm.” Vivien mỉm cười, lúc lắc đôi chân. “Ít nhất khi Iain bắt đầu quất tháo, trọng âm của anh ấy cũng nặng hơn, nên cô thường không hiểu một từ của anh ấy... Không, đừng nhổ cái đó”, cô ấy đột ngột ngăn tôi lại. “Cái cây đó thì tôi nhớ. Nó là một loại cúc hay gì đó.”

Tôi ngoan ngoãn rút tay và ngồi lên hai gót, nghiên cứu công sức bằng tay của mình với sự thỏa mãn. Khu vườn trông đã gọn gàng hơn, tôi tự nhủ, và hạnh phúc hơn, được giải thoát khỏi đám thực vật xanh tua tủa ghê rợn đã nuốt chửng những cụm hoa mao lương, mẫu đơn, diên vĩ đỏ tía đang trở bông tuyệt đẹp.

“Khu vườn thực sự đẹp quá”, tôi nói to và Vivien gật đầu.

“Nằm trên đám phân chim bồ câu tích trữ được vài thế kỷ”, cô ấy phân tích. “Hẳn có vô số đạm trong đất.”

“Tôi không nghĩ thế.” Tôi đứng dậy, gom đồng cỏ thành một chồng để vứt đi. “Khi nào nó không được sử dụng làm chuồng nuôi bồ câu nữa?”

“Tôi không biết. Tôi sẽ phải hỏi dì Freda. Chắc chắn vào khoảng thời gian nào đó ở thế kỷ trước. Không còn nhiều người ăn thịt chim bồ câu nữa, phải không?”

“Tôi thì không. Tôi nghĩ những hốc nhỏ này là nơi những chú chim làm tổ.”

Vivien cúi người để nhìn, luồn bàn tay vào một trong những hốc hẹp giữa các tảng đá. “Phải. Cô khó mà nhìn thấy chúng thêm nữa, các tảng đá bị mài mòn rất nhiều. Cô thấy đấy, mấy cái hốc càng mở rộng về phía sau, và những con chim có thể...” Lời nói của cô ấy đột ngột đứt quãng, vẻ mặt thay đổi. “Tôi thì chưa bao giờ!”

“Sao thế?”

“Có gì đó trong đây.” Cô ấy chau mày. “Tôi e mình không thể với tới nó từ vị trí này. Cô có muốn thử không? Tôi dám chắc nó là thứ gì đó làm từ kim loại, ngay đằng sau hốc ẩn nấu của lũ chim.”

Cô ấy rút tay ra và tôi bước lên trước, trượt những ngón tay qua lớp đá bạc màu ẩm ướt. Lối vào chật hẹp của cái hốc đột ngột ngoặt sang phải và mở rộng thành không gian như một chiếc hang, có lẽ nó được thiết kế để những con chim bồ câu có một nơi nấu mình tách biệt lý tưởng.

Những ngón tay của tôi lướt qua bùn đất lộn cợn và một búi nhỏ cảm giác như một cụm địa y, trước khi chạm vào mảnh kim loại. Đôi bàn tay của tôi khá nhỏ, nhưng tiện thay những ngón tay lại dài, cọ nhẹ cổ tay lên những bức tường mỗi lúc một thắt lại của lối vào, tôi chỉ nắm được vật đó giữa những đầu ngón tay rướn lên của mình.

Tôi rút tay ra và nhìn chằm chằm xuống món đồ nhỏ bé trong lòng bàn tay với vẻ tò mò tột độ.

“Một chiếc chìa khóa”, Vivien thốt ra, thật không cần thiết. “Nơi cất giữ quái thật đấy.”

Tôi nghe thấy tiếng o o hơi nhỏ vọng vào tai, thoáng cảm giác được cơn hoa mắt nhức nhối, và cương quyết nhắm mắt, siết chặt hàm răng đầy quả quyết. Không phải bây giờ, tôi cứng rắn tự nói với bản thân. Không thể xảy ra ngay bây giờ.

Mặt đất rung chuyển rồi lại đứng vững, khi mở mắt, tôi phát hiện Vivien đang cúi người điềm tĩnh nhìn thứ mới khai phá được của chúng tôi. Tôi vẫn đang lằng lằng thì cô ấy hỏi, bằng giọng rất thoải mái:

“Là Geoff đang đến phải không?”

Tôi ngược lên và quay về phía sau nhà, thấy dáng hình thẫm tối quen thuộc đang băng qua bãi cỏ đi đến chỗ chúng tôi. Làm sao cô ấy lại có khả năng biết được anh ta đang lại gần, trong khi bùn đất đã làm giảm tiếng bước chân và chúng tôi vẫn quay lưng về phía anh ta, tôi không sao biết được. Vivien Wells cũng rất thính tai, tôi tự lự, hoặc dì Freda của cô ấy không phải phù thủy duy nhất trong gia đình.

“Phải”, tôi đơn giản nói, “đúng rồi”.

Anh mặc một chiếc áo len màu đen cùng quần jean tối màu, mái tóc đã được cắt tỉa gọn gàng hơn cái lần mới đây tôi trông thấy. Anh đều chân bước đến bên bức tường đồ nát và chống khuỷu tay lên nó, rồi nheo mắt trước ánh mặt trời.

“Buổi sáng tốt lành”, anh lên tiếng. “Và cô đang...” Mặt Geoff đột ngột chảy xệ khi nhận thức được bộ quần áo xù xì lem luốc cùng chồng cổ dưới chân tôi. “Không phải cô đang khuấy tung khu vườn của Iain đấy chứ?”

Tôi cảm thấy tội lỗi một cách vô lý. “Tôi chỉ nhỏ một ít cỏ thôi.”

“Em cảnh báo cô ấy rồi”, Vivien tự biện hộ, “nhưng cô ấy không nghe”.

“Hừm”, Geoff trao cho tôi một ánh nhìn thoáng thương hại, “làm thì cũng làm rồi. Dù thế nào đi nữa bọn tôi cũng đảm bảo cô sẽ có một lễ tang tươm tất”.

Tôi mở miệng định đáp lại thì anh bắt gặp mảnh kim loại ó bần trong tay tôi.

“Thứ gì thế này?” Anh nhướn một bên lông mày.

“Chìa khóa.”

“Bọn em tìm thấy nó trong một ổ chim trong hốc tường, đây này”, Vivien bổ sung, khi tôi thất bại trong việc đưa thêm bất cứ thông tin nào cụ thể hơn. “Rất đáng chú ý phải không?”

Anh giơ một bàn tay ra. “Tôi nhìn nó được chứ?”

Nó thậm chí trông còn nhỏ hơn trong bàn tay anh. Anh nhúu mày, lật đi lật lại vài lần và dùng móng tay cạo lên lớp kim loại. “Tôi nghĩ nó làm bằng đồng. Có thể là một chiếc chìa khóa cửa, dù có vẻ không đủ lớn. Thật thú vị.” Anh nghiêng cứu thêm một lát, rồi đưa trả lại cho tôi. “Tôi không nghĩ đàn bò câu thu thập những chiếc chìa khóa.”

“Rất có thể ai đó đã nhét nó vào đây”, Vivien gợi ý.

“Nhưng sao họ lại phiền hà thế?” Geoff hỏi.

Tôi cất chiếc chìa khóa vào túi và nhún vai. “Tôi đoán chúng ta chẳng bao giờ biết được đâu.”

Cả ba chúng tôi lặng người trong khoảng một phút, cân nhắc các khả năng, rồi Vivien quay đầu lại và mỉm cười rạng rỡ.

“Vậy là hai người chuẩn bị đi đến tòa dinh thự đang rao bán gần Calne phải không?”

“Phải.” Tôi gật đầu rồi quay sang Geoff. “Tôi không muộn đấy chứ?”

Anh lắc đầu. “Tôi nghĩ do tôi đến sớm đấy.”

“Dù sao tôi cũng cần thay đồ”, tôi bảo anh, khi nhìn xuống bộ quần áo làm vườn của mình. “Anh không phiền nếu đợi thêm vài phút chứ?”

Vivien vẫy tay tạm biệt tôi. “Cô cứ thong thả đi”, cô ấy nói. “Tôi sẽ tiếp đón anh ấy hộ cô. Tôi không phải mở quán Sư Tử Đỏ trong nửa giờ nữa.”

“Cảm ơn.”

Tôi lao người qua sân vào nhà, chỉ dừng lại ngay sau cửa hậu để đá bay đôi giày tả tơi, trái tim đập cuồng loạn. Tôi càng bị kích thích hơn nữa bởi sự thật mình có thể ghim “trải nghiệm” kia xảy ra nhờ nỗ lực từ chính khả năng kiểm chế của bản thân, hơn việc phát hiện ra chiếc chìa khóa bí ẩn.

Chiếc chìa khóa nắm giữ mối liên hệ nào đó với Mariana Farr, tôi không còn nghi ngờ gì về điều đó, nhưng tôi biết mình sẽ phải đợi cho đến khi mối liên hệ đó dần lộ ra. Trong khi chờ đợi, tôi có thể ăn mừng trước thông tin mình không chỉ có năng lực tái tạo các hồi tưởng, mà còn ngăn chặn được chúng. Ít nhất hiện thời tôi cũng kiểm soát được và đó là một cảm giác đầy phấn khởi.

Không ít phấn khởi hơn chút nào, tôi nghĩ, so với sự hứa hẹn được dành cả phần còn lại của ngày hôm nay bên cạnh một người đàn ông trẻ trung đẹp trai và tắm mình trong ánh nắng của một chiều mùa xuân lộng

lấy ở nước Anh. Ở trên tầng, tôi cẩn thận đặt chiếc chìa khóa lên bàn trang điểm và mỉm cười với chiếc gương.

Chẳng mấy chốc, sau khi đã tắm và thay sang loại quần áo phù hợp với những món đồ trong tủ áo thường ngày của Geoff, tôi phát hiện bản thân đứng trước một bãi cỏ cắt tỉa gọn gàng của một lâu đài lớn từ thời Victoria tọa lạc phía bắc ở Calne, bận rộn giữa guồng quay vui vẻ và ồn ã của một phiên bán đấu giá bất động sản của vùng quê một cách rất chân thực.

Những chiếc tủ búp phê, rương đựng quần áo đồ sộ, tủ chén đĩa thanh nhã được xếp thành hàng bên cạnh lối đi trải sỏi, giống như những người lính đang đợi lễ duyệt binh vậy. Vô số các món đồ nhỏ hơn nằm rải trên mấy cái bàn kê trên niềng cùng rương phủ mền, chúng còn tràn ra khỏi những chiếc hộp nhét dưới bàn vì thiếu không gian. Tôi theo chân Geoff qua khu trưng bày hút hồn tốt độ, ngừng lại để nghiên cứu chiếc đồng hồ trên mặt lò sưởi ở chỗ này, một hộp nhạc chỗ kia, hay vuốt ve đồ nội thất làm từ gỗ sơn tiêu đặc biệt lôi cuốn.

Cha tôi thích những phiên bán đấu giá thế này vô cùng. Ngay từ khi tôi còn rất nhỏ, ông thường dẫn tôi theo, dạy tôi làm thế nào để phát hiện nét đặc biệt của một chiếc ghế cũ và làm thế nào để nhận ra một người môi giới ẩn giấu giữa những người buôn bán đông đúc ở vùng quê. Có một lần, tôi nhớ lại, tôi muốn một bức tranh chó săn vô cùng. Nó không có gì đặc biệt, chỉ được tô một lớp xenluloit khắp bề mặt thạch cao, một món đồ rẻ tiền từ thời Victoria - nhưng tôi muốn nó. Ấy vậy mà cũng cách đây bảy năm rồi.

Ngày đó, tôi cứ đứng canh giữ báu vật của mình cho đến khi người bán đấu giá đi vòng về phía nó, cũng là lúc tất cả mọi người trong đám đông có thể nhìn thấy tôi đã công khai chủ quyền của mình. Giá khởi điểm - năm mươi xu - là của tôi. Tôi đã quá hăm hở và quyết tâm đến mức khi người bán đấu giá hỏi ai muốn trả ông ta bảy mươi lăm xu, bàn tay tôi lại vọt lên không trung lần nữa, chuyện đó biến tôi thành người đầu tiên trong hạt tự phá mức giá mình vừa đặt ra ở phiên đấu giá. Nếu là người ít cẩn trọng hơn, người bán đấu giá rõ ràng có thể nâng giá lên hai bảng, đúng số tiền tôi mang trong túi, nhưng thay vào đó ông ta chỉ bật cười và trao cho tôi món đồ sắc sảo đó với cái giá khởi điểm là năm mươi xu.

Sau đó, ông ta cúi xuống và cảnh báo tôi không bao giờ được để ai biết mình khát khao sở hữu một thứ gì đó đến mức nào. “Giờ cháu vẫn còn trẻ, cô bé ạ”, ông ta nói, “và nhiều khả năng sẽ không có ai trả giá cao hơn cháu. Nhưng khi cháu lớn lên, món đồ sẽ trở nên tương đối đắt đỏ đấy”.

Tôi đã quên chuyện gì xảy đến với chú chó săn bằng thạch cao đó từ lâu, nhưng chưa bao giờ quên lời khuyên của người bán đấu giá. Giờ tôi đã nhớ ra nó khi đi qua một thùng đựng sách. Thứ trông có vẻ như ấn bản đầu tiên cuốn Người Hobbit[1] của J.R.R. Tolkien thoáng lướt qua mắt tôi giữa một mớ những cuốn tiểu thuyết trinh thám bìa cứng rẻ tiền. Một cách ngẫu nhiên - ồ, thật ngẫu nhiên - không để lộ sự biến đổi trên nét mặt mình, tôi lật tờ bìa vài cuốn sách trong cái thùng đó, giở vu vơ qua những trang giấy ố vàng.

[1] Cuốn tiểu thuyết Chúa tể của những chiếc nhẫn là phần tiếp nối của cuốn tiểu thuyết này.

“Anh vừa bảo tất cả chỗ này đều chỉ thuộc về một người đàn ông phải không?” Tôi hỏi Geoff, vật lộn để có một tông giọng bình thường.

“Phải. Ngài Ashburn. Tôi tin rằng ông ấy mới qua đời tháng trước. Dù sao ông ấy cũng khoảng chín mươi mấy rồi. Tôi không nhìn thấy ông ấy rất nhiều năm rồi, nhưng ông ấy thường chơi golf với cha tôi khi tôi còn nhỏ.”

Tôi mở một trang cuốn sách của Tolkien để kiểm tra ngày tháng, rồi quay lại mặt sau tờ bìa để đọc trang bìa giả, sự kích động của tôi tăng vọt khi phát hiện một từ viết sai chính tả được sửa lại bằng tay, thêm một chi tiết chứng minh cuốn sách là ấn bản đầu tiên. Gấp cuốn sách lại, tôi nhìn Geoff và mỉm cười.

“Thị hiếu của ngài Ashburn chắc chắn theo chủ nghĩa chiết trung[2]”, tôi bình luận.

[2] Chủ nghĩa pha trộn, phối hợp nhiều chi tiết, trường phái, phong cách khác nhau.

Anh gật đầu. “Và cả tấn tiền. Quả thực ông ấy mang hơi hướng của người theo phái chiết trung, gần như là lập dị. Thậm chí không bao giờ sống trong tòa nhà chính. Ông ấy sống tại một ngôi nhà tranh ở ngay kia.” Anh chỉ về phía mái nhà giữa hàng cây cối ở đằng sau khu đất. “Biến ngôi nhà thành một kiểu bảo tàng, cho mình ông ấy sử dụng.”

“Tôi đoán chúng ta nên cảm ơn ông ấy vì điều đó”, tôi nói, để mặc đôi mắt lang thang khắp bãi cỏ huyền ảo và đám đông người mua cũng như săn lùng đồ cổ. “Anh có thấy hứng thú với thứ gì không?”

“Một vài, những quả địa cầu kia, là một ví dụ.” Anh hất đầu về phía một cặp địa cầu bày trong thư viện, tượng trưng cho đất và trời, cách chúng tôi vài mét bên phía trái. “Niên đại của chúng là 1828, ở trong tình trạng tương đối tốt. Giá đỡ bằng gỗ hồng mộc, tôi nghĩ vậy, càng nâng cao giá trị của chúng hơn. Tôi luôn tìm kiếm một thứ gì đó để bổ sung nét đặc sắc cho ngôi nhà.”

Tôi đang mỉm cười trước ý nghĩ ai đó lại đi cho lâu đài Crofton là một “ngôi nhà” đơn thuần, dù nó không lớn hơn tòa nhà một tầng ba phòng ngủ, khi người bán đấu giá ngập ngừng hắng giọng vào micro và đề nghị đám đông trật tự. Geoff khá tự nhiên choàng tay quanh vai tôi và dẫn tôi đến rìa một đám người đứng túm năm tụm ba. Cúi đầu xuống, anh nói nhỏ vào tai tôi.

“Cô sẽ trả giá cho món đó chứ?”

“Trả giá cho món gì?”

“Cuốn của Tolkien”, anh mỉm cười nói. Tôi có thể cảm nhận được nụ cười đó trên tóc mình và cổ tỏ ra điềm nhiên để lờ sự xúc động của mình đi. “Nó là ấn bản đầu tiên phải không?”

“Phải.” Mặc kệ ý chí của bản thân, tôi mỉm cười đáp lại. “Và đúng, tôi định trả giá cho món đó.”

Tình cờ, khi thùng sách cuối cùng cũng mang lên, tôi không trả quá cao. Tôi liếc nhìn về phía người đàn ông đang có mức giá cao hơn, tôi hạ tay xuống và từ chối theo đến cùng.

Geoff huých vào vai tôi. “Sao cô không trả tiếp?”

“Bởi người đàn ông đó là một người môi giới”, tôi nói. “Ông ta biết rõ giá trị của các cuốn sách và tôi không thể trả cao hơn được.”

Geoff nhìn theo ánh mắt tôi đến chỗ người đàn ông chưa chắc đã lù đù như vẻ bề ngoài giữa đám đông, đôi bàn tay ông ta dút trong túi, một chiếc tẩu làm từ rễ thạch nam dùng thường xuyên được ngậm chặt giữa hàm răng, trông không khác gì một người nông dân.

“Cô chắc chứ?”

“Tôi chắc chắn.”

Anh suy nghĩ một lúc. “Cô có muốn tôi mua nó cho cô không?”

“Không.” Câu trả lời thoát ra hơi quá vội vàng một chút, nhưng tôi không muốn Geoffrey de Mornay nghĩ toàn bộ hứng thú của tôi đều đặt ở tiền của anh. “Không”, tôi lặp lại, uyển chuyển hơn, “cảm ơn anh nhiều lắm, nhưng nó không quan trọng với tôi thế đâu”.

Tôi cắn môi và làm khán giả khi màn đấu giá leo thang lên đến con số hàng trăm, cho đến khi chắc chắn người môi giới kia sẽ thắng, rồi theo dõi với vẻ thích thú thời điểm biểu cảm bảnh chọe bị lột khỏi mặt ông ta bởi người tham dự vào phút cuối, khi người đó phồng tay trên hộp sách với cái giá năm trăm bảng chưa từng được vang lên. Những tiếng rì rào kích động rộ lên khắp đám đông lúc người đàn ông có bộ râu màu xám tiến lên trước đón món đồ mới mua được. Người môi giới, khao khát nhưng không nhiều đến thế, sững sờ, khoanh hai tay và giận dữ thổi ống tẩu phì phò, tuôn ra một tràng liên tiếp những cuộn khói xanh nhạt phụt lên bầu không khí tươi mát, trong lành.

Về phần mình, tôi tự an ủi bản thân bằng việc trả giá cho món đồ tiếp theo, một chiếc bàn gấp nhỏ đơn giản bằng gỗ sồi, dường như tôi đã mua đắt hơn giá trị thực của nó. Tôi hân hoan ôm chặt nó vào người, trong khi người bán đấu giá tiếp tục.

“Đây rồi”, ông ta tuyên bố đầy lời cuốn, “một cặp địa cầu thư viện của Cary, từ năm 1828, làm từ gỗ hồng mộc và gỗ sồi sơn màu với phần bao quanh toàn bộ bằng gỗ hoàng dương. Ai sẽ trả cho tôi năm nghìn bảng cho mức khởi điểm?”.

Những người môi giới thi nhau đặt giá, và bên cạnh tôi, Geoff gật đầu với người bán đấu giá, rõ ràng anh khá thân thuộc với ông ta. Khi mức giá dừng lại ở hai mươi một nghìn bảng, toàn bộ đám đông - bao gồm

cả tôi - dường như đều thở hắt ra, không ít mái đầu quay ra nhìn chăm chăm người đàn ông trẻ khiêm tốn và đẹp trai đưa ra mức giá cuối cùng.

Geoff rút quyển séc để tiến hành trả tiền, tôi đứng đó nhìn mày một lúc, nhìn anh và nghĩ về hồ sâu địa vị xã hội chia cách chúng tôi. Anh là lãnh chúa của một trang viên, vì Chúa, tôi tự nhắc bản thân. Và dù cụm từ đó nghe có vẻ như ở thời trung cổ, nhưng chẳng có tí tính chất trung cổ nào trước sự thật tài khoản ngân hàng của anh sẽ biến các khoản thu thập của tôi chỉ như chút tiền lẻ nhét trong túi. Tôi hẳn đã mất trí rồi.

Nhưng khi Geoff quay lại, mới nhìn vào gương mặt đó thôi mà cái cảm giác e ngại về việc bản thân thuộc tầng lớp trung lưu đã bị tôi quên bay biến. Vào giờ phút này, Geoffrey de Mornay chẳng có điểm nào giống vị lãnh chúa của một vùng đất nửa cả. Tôi nghĩ anh trông hết như một cậu bé - hạnh phúc, vô tư lự và hài lòng tột độ với bản thân mình.

“Có gì xảy ra trong lúc tôi đi không?” Anh hỏi.

“Không nhiều lắm. Một vài quý bà ngất xỉu khi họ nhìn thấy anh viết tấm séc đó, ngoài ra thì khá buồn tẻ.”

Anh bật cười, hơi ngửa đầu và nhìn tôi trêu mếu. Anh đã từng bảo tôi rằng không cần xin ai thứ lỗi vì sự thông minh của bản thân và giờ anh cũng không cần xin tôi thứ lỗi vì sự giàu có của mình. Tôi thích anh vì điều đó. Thay vào đây, anh lại vòng tay ôm lấy vai tôi và hướng sự chú ý của tôi về chiếc tủ búp phê gần đó. “Tự bản thân cái tủ thì không có gì”, anh nói, “nhưng tôi cực kỳ bình pha lê đặt trong đó ít nhất cũng sẽ ra đi với sáu nghìn bảng”.

Tôi ngó theo. “Chấp nhận”, tôi đồng ý đánh cược. “Tôi đặt năm mươi xu.”

Chúng tôi lưu lại thêm khoảng một giờ - đủ lâu cho tôi mất năm mươi xu và chi thêm hai mươi lăm bảng nữa cho một bức tranh hoàn toàn không cần thiết với hành lang nhà mình - rồi, một cách miễn cưỡng, chúng tôi đi xuống cuối lối lái xe, nơi đã hơi ngổn ngang bởi những món hàng cồng kềnh.

Người đàn ông râu xám cấp cái hộp dựa vào nắp xe của Geoff, hút một điếu thuốc và lơ đãng nhìn trở lại phiên bán đấu giá đang tiếp diễn với vẻ mặt điềm tĩnh. Ông ta trở người khi chúng tôi lại gần.

“Xin lỗi”, ông ta tạ lỗi với Geoff. “Tôi đang đợi con trai đến đón. Không thể tưởng tượng có thể tha chỗ này”, ông ta ra hiệu về phía thùng sách, “đi xa hơn được nữa”.

“Tôi không trách ông”, Geoff vừa cố gắng vật lộn cho những quả địa cầu thư viện đáng ao ước của mình vào cốp sao cho nguyên vẹn vừa nói.

Tôi mỉm cười với người đàn ông lớn tuổi. “Cái giá ông phải trả ở đó tương đối lớn.”

“Tôi biết.” Ông ta tường tận gật đầu. “Cha tôi sáng tác hầu hết những cuốn tiểu thuyết trinh thám đó. Không thể định giá, phải không?”

Geoff ngừng cất đồ và bắn cho tôi một cái liếc đầy hàm ý, nhưng tôi đã bắt đầu.

“Ôi, nhìn này!” Tôi cúi xuống và rút quyển sách của Tolkien khỏi những cuốn sách nằm sõng soài, giả vờ ngạc nhiên. “Quyển Người Hobbit này! Nhìn xem, anh yêu, đây chẳng phải là cuốn sách yêu thích của Jimmy bé bỏng nhà mình sao?”

Geoff chỉ cười nhún nhõ với tôi, từ chối diễn trò và tôi hướng gương mặt tràn trề hy vọng, dò hỏi sang người đàn ông lớn tuổi hiền lành, hy vọng ít nhất tôi vẫn còn giữ lại chút khấn khoản ngày ngọ mình có khi còn là đứa trẻ bảy tuổi.

“Tôi không cho rằng”, tôi nói, ngập ngừng đôi chút, “tôi không cho rằng ông...”.

“Cô có thể lấy nó”, ông ta hào phóng nói. “Tôi muốn mua đồng tiểu thuyết trinh thám thôi. Cô cứ lấy cuốn sách đó đi, cho con trai cô.”

Đạt được mục đích nhưng tôi vẫn cảm giác cơn nhức nhối tội lỗi chích vào người.

“Hãy để tôi trả tiền”, tôi đề nghị và đưa cho ông tờ mười bảng, điều đó làm giảm đáng kể cảm giác tội lỗi của tôi, và ông ta đã chấp nhận. “Sau cùng”, tôi mỉm cười thật rộng, “nó chắc chắn phải là thứ gì đó rất đáng giá”.

Geoff đóng sập cốp với tiếng ho kỳ quặc và mở cánh cửa xe cho tôi. “Đến đây nào, em yêu”, anh nói. “Chúng ta phải đi rồi.”

Trong xe, anh trao cho tôi cái nhìn thật dài khác trước khi cả hai phá lên cười trước vận may của tôi.

“Cô thật đáng xấu hổ”, anh buộc tội. “Giỏi kinh hoàng, nhưng đáng xấu hổ.”

“Tôi đã có một giáo viên tuyệt vời”, tôi giải thích, trong vài dặm tiếp theo, tôi kể cho anh về những kỳ công trong các phiên đấu giá của cha tôi cũng như tài diễn trò quỷ quyệt chảy mạnh mẽ trong dòng máu gia đình tôi.

“Từ những gì vừa nghe nói, tôi rất thích thú nếu được gặp cha cô”, Geoff nói.

Câu trả lời của tôi chỉ hơn một lời lảm bảm vô thưởng vô phạt một chút. Cũng may cho Geoff, tôi nghĩ, rằng cha tôi vẫn đang ở nước ngoài. Các bạn trai cũ của tôi đã chạy trốn chết và tìm chỗ nấp ngay khi nhìn thấy ông, chuyện đó thành thông lệ rồi. Những lần đó, cha tôi còn hơn cả khó tính, ông vẫn chưa tìm thấy một chàng trai trẻ nào đạt được đến những tiêu chuẩn khắt khe của mình. Điều tốt nhất, tôi phát hiện ra là đơn giản không giới thiệu họ với ông. Như vậy sẽ tránh được rất nhiều lo lắng, một cách toàn diện.

Chuyến lái xe trở về Exbury xa xôi lại trở nên quá ngắn, chẳng mấy chốc chúng tôi đã lái xe lên hông nhà tôi. Geoff vươn tay ra sau và đưa cho tôi chiếc bàn gấp và bức tranh lồng khung nho nhỏ mà tôi đã ngớ ngẩn mua về. Lần đầu tiên trong ngày hôm ấy, cách ăn nói của chúng tôi trở nên câu nệ.

“Vui thật đấy”, tôi nói. “Tôi thực sự rất lấy làm thích thú.”

“Tôi cũng vậy.” Anh nhìn lên đôi bàn tay đặt trên vô lăng. “Nghe này”, anh nói, “tôi lại phải lên phía bắc vài ngày, thậm chí có thể đi đến một tuần, nhưng khi quay lại, tôi muốn gặp lại em”. Anh quay sang nhìn tôi. “Tôi muốn mời em đi ăn tối.”

“Tôi thích lắm”, tôi nói và anh mỉm cười, toàn bộ sự quyến rũ của anh ngay lập tức khiến tôi choáng váng.

Nụ hôn này tuyệt hơn nụ hôn đầu tiên. Thứ nhất, tôi lý luận, chúng tôi đã biết về người kia trong gần hai tuần dài và chúng tôi vừa mới chia sẻ một ngày tuyệt đối hoàn hảo bên nhau. Khi nụ hôn kết thúc, tôi gửi đến anh một nụ cười hạnh phúc và vươn tay tìm tay nắm cửa xe.

“Tạm biệt.”

Anh nhào người qua ghế, giúp tôi mở cửa.

“Em có chắc mình sẽ ổn với thứ đó không?”

“Vâng, cảm ơn anh.” Tôi gật đầu, ôm các món đồ của mình vào người chặt hơn.

“Vậy thì được rồi.” Anh lại cười. “Tôi sẽ gọi điện cho em khi quay lại.”

Tôi nhìn anh lái xe đi, cảm giác hạnh phúc đến buồn cười, tôi gần như nhảy múa quanh nhà đến cửa sau. Tương phản với tâm trạng của tôi, chiếc chìa khóa từ chốt xoay mình trong ổ khóa mới. Trong quá trình vật lộn với nó, chiếc bàn gỗ gấp bằng gỗ sồi trượt khỏi tay tôi và rơi lạch cạch xuống đất, chỉ sượt qua những bậc thêm bằng đá vài centimet.

“Chết tiệt!” Tôi nguyên rửa anh trai cùng cái khóa và quỳ xuống mặt cỏ để nhặt chiếc bàn. Nó bung hết ra khi rơi xuống, bề mặt bọc nhung dùng để viết vốn đã lỏng lẻo xệch hẳn một góc khỏi những khớp nối. Tôi đóng chiếc hộp và dùng ngón tay lau vết bẩn khỏi chữ H bay bướm trên bảng tên bằng đồng.

Khi tôi nhặt cái bàn lên, thứ gì đó bên trong kêu lạch cạch, và tôi thăm rên rĩ, đập mạnh vào cửa sau với sức lực vừa mới phục hồi. Lần này, ổ khóa đã hợp tác, một cách cứng nhắc. Tôi dùng vai đẩy cửa mở, thêm lần nữa đá nó đóng lại sau lưng.

Đặt những món đồ mới mua lên bàn bếp, tôi lại mở chiếc bàn gấp và kiểm tra khoang rỗng bên dưới mặt bàn. Trông không có thứ gì bị vỡ, nhưng một ngăn kéo bí mật đã bị bung lỏng vì cú rơi. Bằng những ngón tay tò mò, tôi dùng lực kéo nó mở ra hoàn toàn.

Bên trong ngăn kéo là một chiếc vòng thủ công xinh xắn từ những lá vàng dát mỏng ó màu, một dải những chú chim thiên đường với đôi mắt bằng thủy tinh xanh lấp lánh như những viên đá quý lỏng lẻo.

18. Chương 18

Với những ngón tay hơi run rẩy, tôi nhấc chiếc vòng khỏi ngăn kéo nông, nơi nó đã nằm ẩn mình trong... bao lâu? Hàng thế kỷ chăng? Nó đúng là chiếc vòng tay ấy, tôi biết điều đó với sự chắc chắn vượt qua logic thông thường. Nhìn thấy nó, cảm nhận nó, sức nặng trên lòng bàn tay quá đỗi thân quen, không cần thắc mắc cũng biết chiếc vòng này đã từng thuộc về tôi.

Nhưng làm thế nào nó lại ở trong chiếc bàn gấp này - nếu nhãn hiệu của người sáng chế đáng tin - chiếc bàn này thậm chí không được tạo ra cho đến giữa thế kỷ XVIII, khoảng hơn bảy mươi năm sau khi Mariana Farr đến Exbury? Vẫn siết chặt chiếc vòng tay, tôi đẩy nắp chiếc bàn gấp lại và nhú mào nhìn chữ H trên biển tên. Liệu có khả năng nào chữ H này là viết tắt của “Howard” không? Liệu có khi nào chiếc hộp nhỏ đơn giản này từng thuộc về một thành viên của gia đình Howard ở Đan Cừ Xám?

Tôi lắc đầu, hoang mang. Tất cả dường như đều quá dị một cách khó tin, nằm ngoài phạm vi của những điều hợp lý. Quá nhiều trùng hợp ngẫu nhiên để có thể trở thành hiện thực, tôi ngẫm nghĩ. Hay... đúng thế? Tôi lần chiếc vòng qua những ngón tay như gậy chuỗi tràng hạt, và những chú chim thiên đường dường như đang nhảy mắt với tôi khi đôi mắt thủy tinh của chúng hứng lấy tia nắng. Có lẽ, tôi suy đoán, chỉ có lẽ thôi, nếu quả thật tất cả mọi chuyện đang diễn ra đều có nguyên do và nếu thực sự có một sức mạnh siêu nhiên kéo chúng tôi đến với định mệnh hay số phận này, vậy thì phát hiện ra chiếc vòng tay này, sau cùng cũng không hẳn là ngẫu nhiên. Có lẽ, thực tế, đây là cần thiết...

Tiếng gõ cửa khấn trương, rõ ràng vang lên trên cửa sau khiến tôi giật nảy khỏi những trầm tư. Tôi nhét vội chiếc vòng tay trở vào bàn gấp trước khi đáp lời. Tâm trí tôi vẫn chưa hoàn toàn rời bỏ mạch suy nghĩ và sự khó chịu vì bị quấy rầy hẳn đã hiển hiện trên khuôn mặt lúc tôi mở cửa để đối diện với người đàn ông đứng trên bậc thềm bên ngoài.

Iain Sumner đứng lấp đầy khung cửa, chặn lại phần lớn ánh nắng, biểu cảm của anh ta đầy vẻ buộc tội.

“Cô đã làm cỏ”, anh ta thẳng thừng nói, “đúng không?”.

Anh ta rõ ràng đang chuẩn bị cho một trong những bài diễn thuyết đầy năng lượng mà Vivien đã cảnh báo tôi, nhưng tôi được cứu vào giây cuối cùng nhờ một sự kiện khá lạ thường, lần thứ hai trong những tuần qua, tôi bật khóc.

Lần này tôi thừa nhận, không được ngoạn mục như cái lần bột phát trước trong ngôi nhà của Tom ở Hampshire, tuy vậy đôi mắt tôi cũng trở nên mờ hồ và miệng khẽ run rẩy. Iain đột ngột ngừng nhú mào để nhìn tôi chằm chằm với vẻ hồi lồi đầy lo lắng. Cũng gần đến mức tức cười khi chứng kiến một người đàn ông Scotland điềm tĩnh hoàn toàn đứng hình và tôi không thể ngăn đôi môi khỏi cong lên thành một nụ cười.

“Tôi xin lỗi”, tôi vừa nói vừa lau nước mắt, “không phải tại anh. Chỉ là...”. Tôi ngập ngừng, tìm cách giải thích, trước khi quyết định đơn giản là chẳng có cách nào dễ dàng để thanh minh cho tình trạng xúc động quá mức của bản thân. “Dù sao đi nữa”, tôi hít vào, “phải, tôi đã nhổ cỏ trong vườn nhà anh. Có phải tôi đã bày bừa thành một đồng rêu không?”.

Iain lẳng lặng nhìn xuống nhánh cây héo rũ anh ta cầm trong tay, cân nhắc rồi dường như bỏ ý định ban đầu đi. Chuyển bàn tay ra sau lưng, anh ta để nhánh cây rơi xuống chân và nhìn thẳng vào mắt tôi.

“Không, không quá tệ đâu, thật đấy”, anh ta nói.

Anh ta là một kẻ nói dối duyên dáng và tôi đã bảo anh ta thế. Bất cười, anh ta nghiêng đầu sang một bên, thật thỏa mãn khi tôi đã lấy lại được vẻ điềm tĩnh, anh ta lên tiếng, “Để tôi bảo cô thế này. Nếu cô cứ nhất quyết muốn giúp đỡ tôi, sao cô không ra ngoài một lúc để tôi chỉ cho cô biết tất cả mọi thứ ra sao?”

“Tôi tưởng anh không thích mọi người đi lung tung trong vườn của mình.”

“Đó là một lời đồn đáng sợ.” Anh ta mỉm cười. “Lại đây, sẽ không tốn nhiều thời gian đâu.”

Khi băng qua lối đi, theo sau anh ta, tôi cúi xuống nhặt cái cây xơ xác anh ta đã lịch thiệp vứt đi. “Đây không phải thứ gì đó từ Nam Mỹ đấy chứ?” Tôi thận trọng hỏi.

Anh ta nhìn tôi với đôi mắt thoáng hấp háy.

“Không phải”, anh ta khẳng định dứt khoát. “Nếu cô nhổ một trong số đám cây đó, dù có khóc hay không thì cô cũng phải nghe thuyết giảng rồi.”

Tôi nhận ra sau đó, đây chính xác là điều tôi cần - nửa giờ vật lộn trong đám bùn đất, cảm giác đất khô cứng, đầy bụi trên những đầu ngón tay và ngửi mùi hương hăng hăng ngọt ngào của hoa lá được mặt trời sưởi ấm. Tôi được an ủi, được cam đoan, và thêm lần nữa được sống trong thực tại. Iain thực sự đã chứng minh mình là một thầy giáo rất giỏi. Với sự cẩn thận và kỹ lưỡng, anh ta nhận dạng từng bông hoa và cây trồng trong vườn, chỉ ra những nụ hoa vô hình sẽ không nhìn thấy cho đến cuối hè. Anh ta bảo tôi những việc cần hoàn thành và hướng dẫn tôi làm những việc đó ra sao, cho nên khi anh ta kết thúc, tôi cảm giác khá tự tin vào khả năng của bản thân, ít nhất giờ có thể làm cỏ cho khu vườn mà không sợ gây thêm thiệt hại.

“Cô sẽ dần dần hiểu thôi”, anh ta hứa hẹn. “Chỉ cần luyện tập.”

“Anh có chắc sẽ không ngại không?” Tôi nhăn trán hoài nghi, anh ta hướng gương mặt điềm tĩnh về phía tôi.

“Cô không tin tôi sao?”

“Ừm, Vivien và Geoff hình như đều nghĩ tôi đang vướng vào loại mạo hiểm chết người...”

Anh ta cười nhăn nhó và vươn tay để ngắt một bông hoa héo khỏi nhánh diên vĩ gần đó. “Tôi không ngại”, anh ta nói. “Bên cạnh đó, thi thoảng ra ngoài này cũng có lợi với cô. Làm vườn sẽ giúp cô có thêm sức khỏe.” Anh ta kiểm tra đồng hồ đeo tay và đứng dậy, vươn vai. “Vậy tôi sẽ giao nó cho cô. Đến lúc tôi về nhà rồi.”

Bản thân tôi không nhận biết được thời gian, nhưng mặt trời đang nằm rất thấp trên bầu trời và hắt cũng gần bảy giờ tối. Tôi đứng dậy cùng anh ta.

“Cảm ơn anh”, tôi nói. Thực sự tôi đang cảm ơn anh ta vì vô số điều. Vì không cáu giận với tôi, vì thông cảm cho tâm trạng của tôi, vì tốt bụng đến chết tiệt như thế...

Anh ta chỉ nhún vai và mỉm cười.

“Không thành vấn đề.”

Anh ta quay lưng bước đi và rải chân qua cánh đồng, trong khi tôi hướng mặt về phía mặt trời dần tàn, dựa lưng vào bức tường đá trơn nhẵn, đổ nát sau lưng, mơ màng khép hờ đôi mắt. Đây là một chiều hoàng hôn hoàn hảo, như trong cổ tích, ánh vàng đỏ với những đám mây bông xốp viền vàng tạo nên vẻ đẹp gần như ảo ảnh, như thể chúng thuộc về một trong những bức tranh minh họa của tôi vậy. Để hoàn thiện bức tranh, tất cả những gì đang thiếu là người đàn ông cưỡi ngựa dưới tán sồi, một kỵ sĩ lãng mạn trên lưng con ngựa chiến cao quý của anh ta, theo dõi lũ rồng từ những ngọn đồi phía xa. Tôi quay đầu lại để nhìn về phía cây sồi với đôi mắt gần như trông mong, nhưng không có gì ở đó.

Phía trên cây sồi, một con điều hâu bay là là thành một vòng tròn vô định, tiếng kêu của nó vang lên đầy cô đơn náo nức.

Nhiều ngày đã trôi qua, nhanh chóng và lặng lẽ, tôi chuyên tâm vào những bức tranh minh họa với sự cẩn mẫn hoàn toàn xa lạ với tính cách của chính mình. Tôi biết mình đang trì hoãn. Lạ lùng là phát hiện ra mình có năng lực tự dịch chuyển bản thân về thế kỷ XVII theo ý thích càng khiến tôi chần chừ thực hiện

việc đó. Suốt tuần ấy, trong khi vẽ phác thảo, tô màu và tiếp tục những công việc thường nhật, từ trong thâm tâm, tôi thầm hy vọng điều gì đó sẽ chỉ xảy ra theo một cách tự phát và dễ chịu, để tôi khỏi phải bận tâm với những điều diễn ra tiếp sau.

Nhưng đương nhiên, chẳng có chuyện gì xảy ra, dù đến cuối tuần tôi hoàn toàn bị bao vây bởi màu nước trong nhiều giai đoạn làm khô khác nhau, điều khiến tôi có cảm giác - nếu không còn gì khác - là một thành tựu kinh khủng. Thứ Sáu, Geoff gọi điện báo tin một tuần công tác phía bắc của anh ta đã bị kéo dài thành hai tuần và hỏi liệu tôi có phiền nếu phải chờ bữa tối kia thêm một chút hay không? Tôi đã đáp là không ngại.

Thăng thần mà nói, bữa ăn tối đó là điều xa vời nhất trong tâm tưởng tôi ngay lúc này. Mỗi bận tâm với công việc, như mọi khi, đã khiến các thói quen của tôi mang hơi hướng tự kỷ. Trong vài ngày qua, tôi cứ ngủ, làm việc và không gặp một ai, dùng đồ ăn đóng hộp trừ bữa và bò lên giường vào một, hai giờ sáng. Khi Vivien gọi nhanh cho tôi một cú điện thoại trước bữa trưa ngày thứ Ba tuần tiếp theo, cô ấy không nhin nổi mà bình luận về cái giọng khản đặc của tôi. Lời giải thích tôi đưa ra - rằng tôi không mở miệng nói chuyện trong ba ngày nay - chỉ khiến cô ấy càng thêm lo lắng.

“Cô thậm chí không tự mình tắm rửa sao?” Cô ấy muốn biết.

“Không.” Tôi mỉm cười trước ống nghe. “Tôi có một người chị họ có thói quen như vậy, tôi không thích bị gộp chung với chị ấy, dù sao cũng cảm ơn cô.”

“Tôi hiểu. Vậy cô có muốn ra ngoài một chút vào chiều nay không? Hay giờ các phát kiến đang dạt dào mắt rồi?”

“Ôi, đương nhiên tôi có thể bị thuyết phục để dứt bản thân ra ngoài vài giờ rồi”, tôi nói. “Cô có ý tưởng gì rồi nào?”

“Dùng trà ở lâu đài Crofton.”

Tôi nhăn mày. “Chắc chắn Geoff vẫn chưa trở về, phải không?”

“Ừ anh ấy vẫn còn ở trên mạn bắc. Thực sự thì lời mời đến từ dì Freda nhà tôi. Dì ấy tìm tôi suốt mấy ngày nay để đưa cô đến đây nói chuyện, nhưng tận hôm nay tôi mới có thời gian. Ned bị cúm nên nghỉ ốm.”

Vậy là Phù Thủy Trắng của Exbury đã mời tôi đến uống trà. Viễn cảnh ấy nghe thú vị ra trò.

“Tôi sẽ đến”, tôi nói.

“Tuyệt vời. Ba giờ, được không? Cô có thể đi luôn từ bây giờ nếu muốn, tiện thể cho tôi đi nhờ luôn nhé.”

“Được. Tôi có nên mang theo thứ gì không?”

“Mang người là được rồi. Và cảm giác thèm ăn”, cô ấy khuyên. “Những bữa tiệc trà của dì Freda có thể phục vụ cho một gia đình bốn thành viên chuyên làm việc nặng và chúng ta được kỳ vọng sẽ ăn hết những thứ được bưng ra.”

Ba giờ chiều hôm đó, tôi rất vui vì đã nghe theo lời khuyên của Vivien và bỏ bữa trưa, khi rên rỉ dưới sức nặng của những chồng đĩa bánh ngọt, sandwich, nước sốt chua và bánh thịt hun khói nguội.

“Cháu không cần phải ăn tất cả thế đâu, cô bé”, bà Hutherson quả quyết với tôi. Bà châm thêm nước sôi vào ấm trà và ngồi xuống đối diện với tôi. “Không cần quan tâm đến những gì Vivien nói với cháu, ta không khó tính đến vậy đâu.”

Chúng tôi đang ngồi trong bếp của lâu đài Crofton. Đây không phải căn bếp đồ sộ và vang vọng tôi thấy trong chuyến tham quan tòa nhà chính, mà là một căn phòng nhỏ hơn, tiện dụng hơn trong mạn nhà riêng phía bắc, với sàn nhà bằng gỗ thông sạch sẽ, rèm đăng ten và thực vật mọc tràn khỏi mọi bệ cửa sổ. Alfreda Hutherson rõ ràng dành phần lớn thời gian trong căn bếp này và căn phòng cũng hấp thu rất nhiều sinh lực của bà, tỏa ra hơi ấm, thân thiện và thoải mái.

Tôi thấy bà rất quyến rũ - một người phụ nữ dong dỏng cao trong chiếc váy màu đen giản dị, với đôi mắt cười xanh biếc quá giống Vivien đến mức tôi tự hỏi làm sao mình có thể bỏ qua nét tương đồng này trước đây. Bà di chuyển với nét quý phái, hoàn toàn là từ sự duyên dáng bẩm sinh, dầu mái tóc bà gần như trắng

xóa, tôi vẫn thấy thật khó mà đoán ra tuổi của bà. Giống như người cháu, bà có tài bắt chuyện tuyệt vời, thông minh và đầy học thức, với sự hóm hỉnh đơn giản mà kín đáo đã biểu lộ hết lần này sang lần khác.

“Ta phải nói”, giờ bà lên tiếng, đẩy đĩa sandwich vòng quanh lần thứ ba, “thật tốt khi có thêm người trong căn nhà này. Ta lúc nào cũng có cảm giác ăn không ngồi rồi mỗi khi Geoffrey đi vắng”.

“Thay vào đó, tuần này dì đã nhồi nhét cho Ian - anh ấy bảo cháu thế”, Vivien tố cáo. “Anh ấy sẽ tăng cân mất thôi.”

“Thằng bé làm việc vất vả mà”, dì cô giải thích. “Rồi nó sẽ lại giảm cân thôi. Với lại, nhìn ai đó biết thưởng thức đồ ăn ngon cũng tuyệt lắm.”

“Vậy là bác vẫn sống ở đây à?” Tôi lấy một miếng sandwich. “Trong tòa trang viên?”

Bà mỉm cười. “Ồ, không đâu. Ta có một ngôi nhà nhỏ trong làng. Ta chỉ làm công việc hàng ngày ở đây, lau chùi, trông nom các cô gái trẻ, trước khi về ta sẽ để bữa tối của Geoffrey trong lò và cậu ta sẽ tự rửa bát. Một sắp xếp rất tự nhiên.”

“Nhà của dì Freda ngay phía bên kia tòa cha sở^[1] cũ”, Vivien chen vào. “Đó cũng là nhà của bà ngoại tôi, khi bà còn sống. Ngôi nhà đá nhỏ với những khung cửa chớp màu xanh lá. Có phải điện thoại đang reo không?” Cô ấy đột ngột ngéech đầu lắng nghe. “Đúng rồi. Không, dì cứ ở yên đấy đi, để cháu nghe cho”, cô ấy bảo, đẩy chiếc ghế ra sau và mất hút vào hành lang dài mờ tối. Một lát sau, cô ấy quay lại và lắc đầu.

[1] Cha sở là chức vụ trong một giáo xứ, do đức giám mục địa phương hay đáng bản quyền sở tại sai phái.

“Có chuyện rồi”, cô ấy tuyên bố. “Đấy là Ned. Các ông dẫn bia có vẻ không chịu hoạt động, sắp hết đồ uống phục vụ cho mọi người ở đấy rồi. Tốt hơn hết cháu nên chạy ra đó và xem có thể làm được gì không. Cháu sẽ quay lại ngay khi xong việc.”

“Không cần vội đâu, cháu yêu”, Alfreda Hutherson vừa nháy mắt vừa bảo. “Vẫn còn rất nhiều đồ ăn. Chúng ta sẽ để phần vài cái bánh quy cho cháu.”

Vivien bật cười. “Cháu cực kì sẽ làm thế mà.”

Cánh cửa đóng lại sau lưng cô và người phụ nữ ngồi chéo với tôi nâng tách trà của mình lên, đôi mắt bà đột nhiên trở nên tư lự khi nhìn tôi qua vành tách.

“Cháu trông mệt mỏi quá”, bất ngờ bà lên tiếng. “Hết thầy trở nên quá sức với cháu rồi phải không?”

Tôi ngáp ngừng một phút trước khi trả lời, không chắc nên diễn giải câu hỏi ra sao và vật lộn với chính câu hỏi của bản thân. Tôi do dự đón ánh mắt của bà và bà mỉm cười, đặt tách trà xuống đĩa.

“Cháu muốn hỏi ta có biết, biết những gì và làm sao ta biết, phải không?” Bà điềm tĩnh nói, “Nhưng cháu sợ ta sẽ nghĩ cháu bị điên nếu cháu nói điều đó ra trước. Nên hãy để ta giúp cháu. Phải, ta có biết. Ta biết rất rõ những gì đang xảy đến với cháu từ khi cháu chuyển đến đây. Thực tế, ta khá lo lắng cho cháu”. Bà thẳng thắn nói. “Đó là lý do tại sao ta nhờ Vivien đưa cháu đến đây gặp ta. Ta muốn tự mình nhìn xem cháu thế nào.”

Sau bài diễn văn phi thường đó, bà lại nâng tách trà lên lần nữa và chờ đợi phản ứng của tôi. Bà không phải đợi lâu. Trước đó, tôi đã giật bắn mình ngồi thẳng dậy trên ghế, nhìn chăm chăm, nhưng giờ tôi chớp mắt với bà và mỉm cười, nhướn hai mày lên.

“Họ bảo bác là phù thủy.”

Bà bật cười, nhưng không phủ nhận. Bà rót cho tôi một tách trà mới và ngả lưng ra sau, khoanh tay chờ đợi. “Cháu có thắc mắc.”

“Rất nhiều thắc mắc”, tôi thừa nhận. “Nhưng cháu không hoàn toàn chắc mình có muốn biết những câu trả lời không.”

Bà chỉ gật đầu một cái, nhưng rất quan trọng. “Mà cháu cũng không nên làm thế. Đây là hành trình do cháu khởi đầu, Julia ạ, không ai có thể chỉ dẫn cho cháu. Cháu phải tự tìm hướng đi cho mình.”

“Nhưng chắc chắn bác có thể...”

“Phải, ta có thể tiết lộ với cháu vài điều. Nhưng sự can thiệp của ta có thể trở thành lực cản thay vì giúp đỡ cho cháu.”

“Ồ.” Tôi thất vọng, bà cười-khi-thấy-biểu-cảm-của-tôi.

“Đừng tiu nghỉu quá thế, cô bé”, bà nói. “Cháu có thể tiến xa đến chừng này mà không cần đến ta và cháu đã làm rất tốt. Cháu biết điều gì đó về Mariana và cháu đã chấp nhận cái thực tế mà rất nhiều người không có khả năng hoặc không nguyện ý chấp nhận. Quan trọng hơn hết, ta nghĩ cháu dần bắt đầu hiểu được mình nắm quyền kiểm soát trong tình huống này nhiều hơn cháu tưởng, không phải sao?”

Tôi gật đầu.

“Vậy thì tốt.” Bà xòe hai bàn tay bày tỏ thái độ. “Có lẽ tự cháu đang thực hiện rất tốt. Cháu phải kiên nhẫn, Julia ạ, và tin tưởng vào quá trình này. Bao giờ đến lúc, cháu tự khắc sẽ có được những câu trả lời của mình, mà không cần đến sự giúp đỡ từ ta đâu.”

“Cuối tuần trước cháu mua được một thứ”, tôi nói, vạch ngón tay dọc theo vành chiếc tách. “Một loại hộp.”

“Một chiếc bàn gấp. Phải.”

Tôi ngẩng đầu lên. “Nó được khắc chữ H.”

Bà nghiêng đầu, giống như một chú chim và nhìn tôi chăm chú. “Chữ H, đương nhiên là viết tắt của họ Howard. Cháu cũng biết điều đó, phải không?”

“Dạ phải. Nhưng...”

“Là người nào? Hừm, ta không nghĩ sẽ gây hại bao nhiêu nếu nói với cháu điều đó.” Đôi mắt bà lướt khỏi tôi. “Chiếc bàn thuộc về John Howard.”

“John sao?” Tôi lật cái tên trong đầu. “John ư? Là con trai của bác Caroline, tên là John?” Tôi nghĩ đến đứa bé nhỏ xíu có gương mặt đỏ bừng, rồi đến chiếc vòng tay bạc màu được cất ngay ngắn trong ngăn kéo bí mật của chiếc bàn. “Nhưng làm sao cậu ta...?”

Bà ngăn tôi lại với một cái lắc đầu. “Bí ẩn đó dành cho cháu khám phá”, bà bảo tôi. “Và cháu sẽ tìm ra. Cháu có muốn dùng thêm một chiếc bánh nữa không?”

Bà đẩy chiếc đĩa về phía tôi và tôi nhặt một chiếc bánh quế sô cô la, cảm giác hơi bị mê hoặc một chút. Thật lạ, tôi nghĩ thầm, khi ngồi ở đây, trong một nhà bếp ấm cúng và hoàn toàn bình thường, để thảo luận chủ đề đầu thai với một phù thủy. Trong không khí thường nhật, giản dị và thông thường thế này, cuộc nói chuyện của chúng tôi dường như kỳ quái đến lạ lùng, giống như người ta đang bàn về thời trang giữa một đám tang vậy. Tuy vậy, tôi ở đây, lẳng lặng nhấm nháp chiếc bánh và ngồi cách không quá một mét với người phụ nữ có thể đọc ý nghĩ của mình một cách dễ dàng như đọc một tờ giấy in vậy. Giờ bà cũng đang đọc ý nghĩ của tôi và tôi có thể nói được điều ấy thông qua cái cách đôi mắt bà nhìn tôi...

“Thứ lỗi cho ta nếu làm cháu cảm thấy áu lo”, bà khẽ nói. “Ta biết những điều mà cháu không biết. Nhưng ta không phải một bà già thông thái. Ta từng chứng kiến thời điểm thuận lợi rồi nhìn nó trôi qua, nếu có điều gì khác ta không học được, thì ta hiểu rằng định mệnh đã tự lên sẵn một lịch trình từ chính sự hình thành của nó rồi.” Bà ngồi dựa lưng vào ghế và bình thản đối mặt với tôi. “Đúng hơn thì hết thấy giống như một vòng tròn”, bà tiếp tục, “sự sống là vậy. Cháu khởi đầu ở một nơi, chọn con đường của cháu, và khi kết thúc cháu mới phát hiện mình đang quay lại đúng điểm ban đầu. Đó cũng chính là những gì cháu đang làm bây giờ, với cuộc đời của Mariana. Khi đi hết con đường, khi khép lại vòng tuần hoàn, đấy cũng là lúc mục đích cuộc hành trình sẽ trở nên rõ ràng với cháu”.

“Và bác có hoàn toàn chắc chắn”, tôi hỏi bà, “rằng cháu là cô ấy... ý của cháu là, cô ấy... cái người tên Mariana Farr ấy và cháu là cùng một người không?”

“Ồ, có chứ.” Đôi mắt bà thật dịu dàng. “Ta nhận ra cháu ngay lập tức.”

“Nhận ra cháu sao?”

“Trước đây ta đã từng gặp cháu”, bà giải thích. “Đương nhiên không phải là cháu của bây giờ, nhưng dù vậy vẫn đúng là cháu.”

“Đương nhiên rồi”, tôi nói khi chợt nhớ ra. “Thiếu Phụ Xanh.”

“Và người phụ nữ trong phòng ngủ Kỵ sĩ trên tầng”, bà thêm vào. “Mariana thường lui tới cả hai nơi đó, trong một khoảng thời gian dài.”

Tôi nhú mày. “Nhưng cháu tưởng bóng ma trên tầng vẫn còn ngụ lại ở đó. Chẳng phải để một linh hồn xuất hiện ở hai nơi cùng một lúc là không thể hay sao?”

Alfreda Hutherson kiên nhẫn lắc đầu. “Không có bóng ma nào trên tầng”, bà nói với tôi. “Không có thêm nữa. Những gì cháu cảm nhận ở trên đó đơn thuần chỉ là phần tàn ra từ cái đã từng tồn tại. Cháu thấy đấy, thứ cô ấy để lại trong căn phòng cũng chỉ như một chiếc bóng người ta hắt lên tường mà thôi.”

Tôi lặng người trầm ngâm.

“Thi thoảng cháu nhìn thấy một người đàn ông”, tôi chậm rãi nói. “Một người đàn ông cười con ngựa xám.”

“Richard.” Bà gật đầu. “Cậu ta cũng là một dạng hình bóng, khi cháu nhìn thấy cậu ta như vậy. Dưới cây sồi già, phải không nào? Đúng rồi, đây là nơi cậu ta lưu lại khá lâu. Cũng là tự nhiên thôi khi phần nào đó ở cậu ta chần chừ không đi. Cháu phải hiểu rằng một phần trong ấy được phản chiếu từ chính tâm trí của cháu. Như khi cháu nhìn chăm chăm vào mặt trời quá lâu, cháu sẽ thấy nó ở khắp mọi nơi.”

Vậy hóa ra bản năng của tôi đều chính xác, tôi nghĩ thầm. Nếu Richard de Mornay không phải một hồn ma, vậy thì anh ấy, cũng giống Mariana, rất có thể đang sống mạnh khỏe ở Exbury. Thậm chí anh ấy có thể, tôi mặc định, đang sống trong lâu đài Crofton. Trước đây Tom đã từng nói với tôi thế nào? Những người chọn được sinh ra tại kiếp sống mới có khuynh hướng đặt mình giữa những người quen từ kiếp trước của họ. Bằng cách nào đó, tất cả chúng tôi đều được liên kết với nhau. Vivien, Iain, Geoff và tôi... thậm chí ngay cả...

“Bác và cháu đã từng gặp nhau bao giờ chưa?” Tôi hỏi bà Hutherson, đột nhiên lấy làm tò mò. “Ý cháu là trước kia ấy. Bác có phải là ai cháu từng quen biết không?”

Bà mỉm cười nhưng với tôi, nụ cười đó có vẻ nhuốm một chút buồn bã, đôi mắt bà tuy chạm vào mắt tôi nhưng lại như vượt qua cả chúng. “À”, bà nói, đưa ánh mắt hướng về phía cửa sổ, “tất cả chúng ta đều đã từng là một ai đó”. Bà nghiêng đầu sang một bên lắng nghe. “Đó là Vivien”, bà nói, với giọng đứt khoát. “Ta nghĩ tốt hơn hết nên đun thêm ấm nước để pha bình trà mới thôi.”

Bản thân tôi thì chẳng nghe được gì ngoài cơn gió và loáng thoáng tiếng chim hót líu lo, tôi không hề ngạc nhiên khi nhìn thấy Vivien đi qua khung cửa bếp một lát sau đó đúng lúc ấm đun reo vang báo hiệu nước sôi trên bếp lò.

19. Chương 19

Đêm đó tôi mơ về mẹ. Tôi mơ mình trở về thời thơ ấu, với hai đầu gối sây sát và tóc tết đuôi sam, chơi đùa trong sân nhà chúng tôi ở Oxford, trong khi mẹ tôi ngồi đọc sách ở bãi cỏ bên cạnh. Trong giấc mơ ấy, đôi mắt mẹ có màu xanh dương. Mắt bà màu tối, giống tôi, tôi cũng nhớ rõ mình cảm thấy kỳ quái đến mức nào khi đôi mắt bà đột nhiên trở thành màu xanh trong khi đáng nhẽ phải là nâu như lúc thường, nhưng khi tôi thối má, bà chỉ mỉm cười và hôn tôi, rồi bảo tôi đi chơi.

Sân sau nhà chúng tôi thực sự rất nhỏ, nhưng khi tôi đi về phía hàng rào, lần ranh dường như lùi ra xa phía trước tôi, cho đến khi tôi phát hiện mình đang bước đi trong một cánh đồng hoa dập dờn theo gió, ánh mặt trời ấm áp chiếu trên vai và bầu không khí đầy sức sống với tiếng côn trùng râm ran. Nếu vươn tay và lướt trên đỉnh những bông hoa, tôi có thể ngửi mùi hương ngọt ngào đột nhiên lan tỏa của chúng.

Giờ tôi đã cách nhà tương đối xa. Khi tôi quay lưng lại nhìn, ngôi nhà không hơn gì một chấm nhỏ ở quãng xa. Tuy cánh đồng hoa rất đáng yêu và đang gọi mời, nhưng tôi biết mẹ sẽ lo lắng nếu tôi đi quá xa. Một cách miễn cưỡng, tôi bắt đầu quay lại. Đường như lần đi bộ trở về này còn dài hơn nữa, tôi phải trèo qua

hàng rào để vào sân. Lúc tôi về đến nơi thì ánh nắng đã phai màu, bầu không khí trở nên mát lạnh và ẩm ướt. Mẹ tôi không còn ngồi trên bãi cỏ nữa.

Tôi đi vào nhà, nhưng cũng không có ai trong đó. Ngôi nhà trống không và hoang vắng, bản thân sự tĩnh lặng còn mang nhiều âu lo hơn bất cứ âm thanh kỳ quái nào tôi có thể tưởng tượng ra. Bối rối và sợ hãi, tôi chạy, vấp ngã, trên con đường đến nhà bạn tôi và gõ dồn lên cánh cửa. Bạn tôi lên tiếng đáp lại, nhưng cô ấy không còn là một đứa trẻ giống tôi - cô ấy là một phụ nữ trưởng thành, đứng đó trên khung cửa, hướng đôi mắt thương xót nhìn xuống tôi.

“Tôi rất tiếc”, cô ấy nói. “Chưa ai nói với cậu sao? Mẹ cậu đã mất cách đây nhiều năm rồi...”

Những giọt nước mắt vẫn còn đầm đìa trên gương mặt tôi lúc giấc mơ chấm dứt. Tôi có thể ném chúng khi nằm đây trong bóng tối, lắng nghe tiếng nhỏ tí tách từ đám ống nước trong nhà tắm và theo dõi bóng cây sồi đong đưa trên những tấm chăn trong lúc cố gắng trấn tĩnh trái tim đang đập như điên trong lồng ngực. Ngay khi có thể hít thở bình thường, tôi vươn tay bật chiếc đèn đọc sách trên bàn cạnh giường và ngồi dậy, xộc cả hai bàn tay qua mái tóc ướt đầm rồi bù và gạt chúng xuống che phủ đôi mắt.

Nó chỉ là một giấc mơ, tôi tự nhủ. Mày không còn là một đứa trẻ nữa, mày sắp ba mươi tuổi rồi, và mẹ mày không chết. Tôi nhặt chiếc áo ngủ đã bỏ lại trên sàn trước lúc lên giường và luồn tay vào tay áo, vừa thất dai lưng vừa lê chân ra ngoài hành lang. Từ kinh nghiệm, tôi biết mình sẽ không ngủ tiếp cho đến khi thoát khỏi ký ức dai dẳng từ giấc mơ kia. Vào những lần như thế này, tôi thường ước mình có một chiếc tivi, giống như những người bình thường khác, nhưng tôi đã mang cho chiếc tivi của mình từ nhiều năm trước rồi. Nó là món đồ cấm đồ luôn khiến tôi xao nhãng khỏi công việc.

Thay vào đó, giờ tôi ngồi lặng yên một chỗ, nghe chương trình trò chuyện đêm khuya trên cái đài xách tay cùng một tách ca cao dễ chịu. Khi cách đó không ăn thua, tôi cố đọc sách. Một giờ sau, vẫn không thể rũ bỏ tình trạng bứt rứt mơ hồ cùng nỗi sợ hãi không tên lạnh lẽo âm ỉ như bóp nghẹt trái tim, tôi đầu hàng và nhắc điện thoại, run run bấm nút đến số điện thoại ở New Zealand.

Mẹ tôi trả lời sau tám hồi chuông, giọng bà bối rối nhưng vẫn rõ ràng. Chẳng mấy chốc bà đã hoàn toàn tỉnh táo.

“Julia à? Mọi chuyện vẫn ổn chứ con?”

Tôi phải thừa nhận, một cách khá bền vững rằng mọi việc vẫn ổn và giải thích rằng tôi chỉ gọi để chào và xem bố mẹ tôi đang thế nào mà thôi.

“Vào bốn giờ sáng thế này á?” Mẹ tôi nghe có vẻ hoài nghi sau khi tính thời gian.

Tôi thở dài. “Thực ra còn gặp ác mộng. Con mơ mẹ mất.”

“Ôi, con yêu...” Giọng mẹ tôi như một cái ôm qua đường điện thoại. “Thật kinh khủng. Hừm, dù sao thì mẹ có chết đâu nào, trong tương lai gần mẹ cũng không có dự định chết, nên con có thể ngừng lo lắng được rồi.” Tôi nghe thấy âm thanh sột soạt và biết bà vừa ngồi lên ghế, nhét những chiếc gối để dựa lưng. “Cuộc sống ở ngôi làng của con thế nào rồi?” Bà hỏi tôi. “Tom kể với bố mẹ là ngôi nhà của con hết sức đáng yêu, dù thằng bé hơi nghi ngờ đám ống nước...”

Không đợi hồi đáp, mẹ tôi dễ dàng sa đà vào cuộc tự thoại phần lớn liên quan đến tình hình của những người bà con khác nhau của chúng tôi ở Auckland, thi thoảng bị đứt quãng bởi những âm thanh rời rạc thoát ra từ bố tôi, người chắc chắn đang cố đọc sách hoặc chợp mắt bên cạnh bà.

“Cái gì cơ Edward, anh yêu?” Bà khẽ hỏi. “Ôi, phải rồi, em quên biến mất đấy. Sau đó, Julia à, cô ta xuất hiện với chiếc mũ đáng kinh ngạc bậc nhất đội trên đầu...” Và khi nói xong, bà lại tiếp tục kể một câu chuyện nghe ngóng từ những chuyện ngồi lê đôi mách khác, được sắp xếp một cách tài tình để giúp tôi quên đi nỗi khiếp đảm mà cơn ác mộng đem lại.

Cha mẹ tôi thực sự rất tuyệt vời, tôi nghĩ thầm, khi tôi đặt điện thoại lại giá đỡ gần một giờ sau đó. Vươn thẳng tay, tôi quan sát sánh trước với niềm thích thú vu vơ. Mẹo của mẹ tôi rõ ràng rất hiệu quả. Tôi không còn hoảng sợ hay e ngại nữa. Nhưng thật không may, tôi cũng không thể ngủ thêm.

Ừm, tôi kiên cường tự an ủi, nếu dậy luôn và tỉnh táo, tôi rõ ràng cũng có thể thay quần áo. Tôi bước thắt thểu lên cầu thang và đổi sang một chiếc quần jean cùng một chiếc áo phông rộng, đôi mắt rớt xuống chiếc chìa khóa lem nhem nho nhỏ vẫn nằm trên bàn trang điểm trước mặt. Một cách chậm rãi, trán nhả lại suy tư, tôi đặt lược xuống và nhặt chiếc chìa khóa nhỏ lên, tự lự ước lượng nó trong lòng bàn tay.

Phải chăng các bí mật ẩn giấu đang chờ để được tôi hóa giải? Tôi nhớ đến gương mặt dịu dàng, hiểu biết đang mỉm cười của bác Hutherson nhìn tôi ngày hôm qua lúc ngồi bên bàn bếp trong lâu đài Crofton. Đây là cuộc hành trình do cháu khởi đầu, bà đã nói vậy với tôi. Nắm lấy chiếc chìa khóa chốt lát, tôi ngược nhìn gương mặt quyết tâm trong tấm gương. Tôi nghĩ chẳng có lý nào để trì hoãn việc chắc chắn sẽ xảy ra. Đây là thời điểm để bước tiếp trên chuyến hành trình của tôi. Là lúc để quay trở lại.

Dưới tầng, tôi châm cây nến từng dùng suốt lần đương đầu mang tính trải nghiệm vừa rồi và đặt nó ngay ngắn giữa bàn. Nó bắt đầu tỏa ánh sáng nhàn nhạt ra xung quanh, đốm lửa của cây nến không được mê hoặc như mong đợi, nhưng tôi khép hờ mắt, nỗ lực tập trung vào nó. Thời gian ngừng lại, và dao động. Tiếng thở của tôi trở nên thật ồn ào trong căn phòng tĩnh lặng.

“Mariana!” Giọng Caroline sắc nhọn và tôi ngẩng phắt đầu lên, ngay lập tức tỉnh táo. Bác gái mỉm cười một chút trước phản ứng của tôi, giọng dịu dàng. “Cháu sẽ cắt vào tay mắt”, bác cảnh báo tôi, “nếu cứ nghĩ miên man như thế. Chúng ta có đánh thức cháu quá sớm không?”.

“Cháu bị khó ngủ”, tôi bào chữa bằng một lời nói dối nho nhỏ, không muốn thú nhận sự vô ý của mình là do mãi nghĩ đến người hàng xóm tóc đen nào đó. Tôi siết chặt con dao thêm một chút và tiếp tục thái rau cho món xúp mà Rachel đang ninh trên lò.

“Trời nóng khác thường”, Rachel biện hộ giúp tôi. “Thời tiết này khiến ai cũng thấy uể oải.” Cô ấy đứng lên, quay khỏi bếp lò, gương mặt đỏ ửng lấm tấm mồ hôi và ranh mãnh đưa mắt liếc về phía Caroline. “Em thậm chí còn thấy chị gà gât lúc đọc lời cầu nguyện sáng nay đó, chị à.”

“Chị không ngủ gật lúc cầu nguyện”, Caroline nghiêm túc nói, nhưng đôi mắt ánh lên vui vẻ, bác thậm chí trông như trẻ lại khi đáp trả câu trêu chọc của Rachel. “Chị chỉ đang tỏ ra thành kính thôi.”

Rachel định bình luận thì cánh cửa nhà bếp bật mở và bác trai tôi bước vào trong. Ngay lập tức sự sống biến mất khỏi đôi mắt Caroline, như thể có bàn tay vô hình nào đó vừa lướt qua gương mặt bác. Jabez không chú ý đến sự biến đổi đó. Mặt ông đỏ rục và bức bối trước cái nóng và mang biểu cảm rất cáu kỉnh.

“Đây là ngày nóng nhất ta từng biết”, ông phàn nàn, gạt những giọt mồ hôi khỏi cằm. “Cái nóng chết tiệt. Mariana, mang cho ta một ly nước đi, và mau chân lên.”

Tôi làm theo mà không nói một lời, đưa chiếc ly cho ông và quay trở lại với công việc đang làm dở. Ông uống ừng ực không khác gì một con thú và dẫn chiếc ly lên bàn với sự thỏa mãn. Đôi mắt rắn đanh của ông quay sang tôi.

“Chị trông mệt mỏi vậy, Mariana.”

Caroline tựa quây trong góc cạnh bếp lò. “Con bé ngủ không ngon, Jabez ạ. Không có vấn đề gì đâu.”

Đôi mắt ông nheo lại. “Nó thiếu vận động. Đi dạo ngoài trời sẽ chữa bệnh cho nó.” Ông gọi tôi bằng giọng gần như quan tâm. “Khi công việc của chị ở đây kết thúc”, ông nói, “chị có thể ra ngoài nốt sáng nay. Đi xuống bờ sông ấy, ở đó trời sẽ mát hơn”.

Tôi cố giấu vẻ ngạc nhiên trước lời ông nói. Dường như đó là chuyển biến quá lạ và bất thường ở một người đàn ông hiếm khi cho phép tôi ra khỏi tầm mắt, thành ra việc ông khuyên tôi nên dành thời gian ra ngoài làm tôi khó lòng tin nổi. Ngay cả Caroline cũng nhướn cả hai mày lên, dấu vẩy bác cũng khôn ngoan khi không lên tiếng.

Jabez quay sang Rachel. “Bữa trưa hôm nay sẽ có khách”, ông thông báo. “Ngoài ta còn bốn người nữa. Ta muốn một chiếc bánh nướng nhân thịt chim cu vào bữa ăn, không ít hơn hai con cho mỗi người, và một bình rượu táo ngon từ hầm chứa rượu. Mariana có thể mang lũ chim về cho chị, trước khi nó ra ngoài.”

Tôi khẽ kêu một tiếng phản đối, đôi mắt trợn trừng. Rachel ngược lên từ nồi xúp. “Để em đi bắt lũ chim”, cô bảo ông. “Mariana quá đa cảm. Cô ấy không thích vận cổ lũ chim đâu.”

Bác tôi nhún vai. “Ta không quan tâm ai sẽ giết cái đám khốn khổ ấy, miễn là chúng nằm trên bàn của ta vào bữa ăn.” Ông quét ánh mắt về phía vợ. “Ta tin cô sẽ trông nom đứa trẻ”, ông nói, “và giữ nó im lặng. Ta không muốn tiếng la hét của thằng nhóc phá hủy cảm giác ngon miệng của các vị khách”.

Caroline lẩm bẩm điều gì đó đáp lại, mái đầu thấp xuống phục tùng. Tôi biết lời bình phẩm ác ý của Jabez đã làm tổn thương bác sâu sắc. Rachel kể với tôi rằng Caroline khao khát hoài thai một đứa trẻ, trong những năm bất hạnh cằn cỗi của bác, cũng như niềm hạnh phúc của bác khi cuối cùng cũng sinh ra John. Còn việc Jabez không có chung niềm tự hào với đứa trẻ dường như đã trở thành nỗi đau khôn nguôi với bác.

“Johnnie là một đứa bé ngoan”, tôi lên tiếng. “Cháu không nghĩ em ấy sẽ quấy rối ai.”

Bác trai đặt đôi mắt xanh lạnh lẽo lên gương mặt tôi lần nữa. “Chị có thể đi bất cứ khi nào chị sẵn sàng”, ông nói, giọng dừng dừng. “Và tự lo cho cuộc dạo chơi của chị đi. Ta không muốn thấy chị ở đây trước giữa chiều.”

Ông đột ngột quay đi và rời khỏi phòng, Caroline bước theo như một cái bóng nhợt nhạt. Rachel nhìn tôi với đôi mắt ngạc nhiên và khê trách. “Chị không nên nói với bác mình như thế. Đỡ lời cho chị tôi không ăn thua đâu, Mariana. Chị ấy vẫn vui vẻ như một con cừu đến chỗ tên đồ tể thôi.”

“Tôi biết”, tôi đáp. “Nhưng tôi không thể ngăn những lời đó khỏi thoát ra.”

“Hừm”, Rachel băng qua căn phòng để đứng cạnh bàn, “cũng không hại gì. Chị sẽ có cả sáng để làm dịu đi cơn nóng giận của mình. Hẳn sẽ mang đến nhiều hứa hẹn thú vị cho chị”.

Mới nghĩ đến chuyện có vài giờ ra ngoài, tôi đã thấy toại nguyện lắm rồi, nhưng sự toại nguyện của tôi với đi phần nào bởi sự tức giận. Bác tôi không muốn tôi ở trong nhà khi các vị khách của ông đến, điều đó quá rõ ràng, và tôi thì quá bận rộn để dằn lại nỗi hiếu kỳ.

“Rachel à”, tôi băng quơ hỏi, “những vị khách bác tôi nhắc đến là ai thế? Cô có biết họ không?”.

Tôi đã khám phá được rằng Rachel không thể nói dối dễ dàng. Mỗi khi không thể đưa ra câu trả lời trung thực, cô ấy sẽ tìm cách lảng tránh câu hỏi. Giờ cô ấy cũng đang cố gắng lảng tránh, bằng việc cúi thấp đầu để phần tóc vàng rơi xuống che đi gương mặt. Cô ấy đang chậm rãi lựa chọn từ ngữ, một cách cẩn trọng.

“Đôi khi sẽ tốt hơn”, cô ấy khuyên tôi, “nếu chị che mắt và bịt tai, thay vì cứ đưa ra thắc mắc như vậy”.

Tôi biết cô ấy sẽ không nói thêm, nên tôi bỏ qua chủ đề này, cầm chiếc bát đầy rau mang đến gần lò và đổ nó vào chiếc nồi đang sôi sùng sục.

“Giờ tôi đi nhé?” Tôi vừa hỏi vừa lau bàn tay ẩm ướt vào vạt váy.

“Trừ khi chị muốn đi bắt đám chim bồ câu”, Rachel nói, rồi bật cười trước vẻ mặt của tôi. “Đi đi”, cô ấy ra lệnh cho tôi, bắt chước giọng bác tôi, “và tự lo cho cuộc dạo chơi của chị đi”.

Tôi quá hạnh phúc ấy chứ. Bầu trời rộng rãi và mời gọi còn bãi cỏ mát lạnh, tươi non dịu dàng dưới bàn chân trần khi tôi băng qua cánh đồng gợn sóng về phía bờ sông. Đi bộ không bao xa, chỉ khoảng một dặm gì đó, nhưng cũng không vội, cứ để linh hồn tắm trong cảm giác tự do và thanh thoi tuyệt vời.

Dù cho nhiệt độ không thể giảm bớt. Cái nóng hừng hực của mặt trời đã đốt trụi những phần ốm yếu và bệnh tật trong thể chất của tôi, khiến những phần khỏe mạnh có thể phát triển trở lại, tràn trề và sinh động hơn trước. Càng đến gần con sông thì lối đi càng râm mát, bóng râm dày đặc nhờ những tán lá sum suê từ các lùm cây mọc ven dòng nước đang lững lờ trôi.

Ở đây chỉ có những âm thanh đó từ thiên nhiên - bầy chim líu lo trên những cành cây cao chót vót, tiếng sột soạt khe khẽ của một sinh vật vô hình trong rừng, cá đột ngột quấy nước khuấy động bề mặt con sông cạn. Tôi lơ đãng nghĩ, mình giống như đang lạc vào khu vườn địa đàng sau chuyến dừng chân ở địa ngục vậy. Nạn dịch cùng Luân Đôn dường như ở rất xa, những hành lang tăm tối ở Đan Cừ Xám thậm chí còn xa hơn nữa.

Tôi nắm những nếp váy trong tay và lội xuống sông, nâng vạt váy khỏi mặt nước. Làn nước lăn tăn mát lạnh vỗ lên làn da trên hai mắt cá chân, và không dâng cao hơn, thay vào đó thúc giục tôi lội ngược lên thượng nguồn, để tận hưởng cảm giác những viên đá cuội nhẵn thín bên dưới đôi chân mết mỏi.

Tôi lội một quãng xa, làm nước bắn tung tóe theo mỗi bước chân và vui vẻ ngâm nga, một bài hát ngắn lung tung tự tôi sáng tác. Đến khúc quanh của dòng sông, cây cối trở nên rậm rạp hơn, tôi ngừng lại và đánh bạo tiến sâu và nâng vạt váy cao lên.

Những chú chim làm tôi giật mình, khi lao vút khỏi đám cây mà không buồn báo động nỗi hoảng sợ của chúng, cả đàn đập cánh bay liệng thành một khối hoàn hảo trên bầu trời như đồ lửa, rồi biến mất. m thanh như khẩu thần công khai hỏa trong một nơi tĩnh mịch, trong sự kích động tôi hụt chân, ngã tõm người xuống nước kèm theo một tiếng chữ thề bất nhã. Gạt mái tóc ướt nhẹ khỏi mắt, tôi ngược lên để nhìn xem thứ gì đã khiến bầy chim hoảng loạn như thế, trái tim tôi như dội theo cuộc trốn chạy của chúng.

Đầu tiên, tôi chỉ thấy các bóng râm. Cho đến khi một trong các bóng râm đó chuyển động và tán lá xanh rờn lộ cho một người đàn ông tóc đen cao ráo cười trên con ngựa xám, chuyển động với vẻ duyên dáng nhẵn nhụi dọc theo bờ sông về phía tôi.

20. Chương 20

Richard de Mornay ghì Navarre lại cách dòng nước đang lững lờ trôi không đến một mét và chống khuỷu tay lên yên ngựa, nhìn tôi với vẻ thích thú qua chiếc cổ lực lưỡng của con ngựa.

“Buổi sáng tốt lành, cô Farr.” Anh ta nhắc chiếc mũ rộng vành khỏi mái tóc đen và trưng ra cho tôi thấy một hành động mô phỏng tương đối giống cái cúi mình. “Tôi không biết cô liệt cả khoản bơi lội vào giữa rất nhiều tài năng của mình đấy.”

Giờ mà đáp lại bằng một cái nhún gối phải phép từ vị trí của tôi có vẻ rất lố bịch. Bên cạnh đó, cái điệu cười thẳng vào mặt tôi của anh ta khiến tôi vô cùng oán giận. Tôi ngay lập tức đứng dậy và hát đầu kiêu hãnh. “Tôi có vô số tài năng, thưa ngài”, tôi cộc lốc đáp lại anh ta, rồi xòe chiếc váy ra để kiểm tra mức độ thiệt hại.

“Tôi cũng không nghi ngờ điều đó đâu.” Về suy tư được thay thế bằng nét cười trong đôi mắt anh ta, và anh ta nhảy xuống khỏi yên ngựa, nắm dây cương trong một bàn tay to khỏe. “Cô bị ướt hết váy rồi”, anh ta nói, như thể đây là một bí mật được khám phá không bằng. “Cô cần đi lại dưới ánh mặt trời để hong khô nó.”

Tôi bước bình đứng nguyên chỗ cũ. “Tôi không muốn đi lại dưới ánh mặt trời, thưa ngài. Tôi thấy cánh rừng mát mẻ khoan khoái hơn nhiều.”

“Vậy thì cô cần đi lại trong rừng. Lại đây, để tôi giúp cô.”

Anh ta vươn bàn tay rảnh rang về phía tôi, đôi mắt ánh lên vẻ thách thức. Sau một thoáng cân nhắc, tôi đặt tay mình vào anh ta và để anh ta đỡ tôi bước lên khỏi mặt nước đến chỗ bờ sông. Đó là một sự trợ giúp đáng hoan nghênh, tôi nhất định phải thừa nhận, bởi lớp vải ướt đầm trên váy khiến đôi chân tôi trĩu nặng và đe dọa sẽ lôi tuột tôi trở lại con sông. Khi cuối cùng đã đứng vững, tôi buông phắt tay anh ta ra như thể đó là một con rắn, phá vỡ mối kết nối ảm áp.

“Cảm ơn ngài”, tôi ngọt ngào nói với anh ta. “Ngài thật là tốt bụng.” Tránh khỏi anh ta, một lần nữa tôi đi bộ lên thượng nguồn, lần này ở trên mặt đất, cảm giác không mấy thướt tha trong chiếc váy ướt sũng nhưng tôi vẫn giữ tư thế ngẩng cao đầu.

“Không có gì.” Richard de Mornay dễ dàng bước từng bước một bên cạnh tôi, dẫn theo con ngựa đi đằng sau. “Chắc chắn cô sẽ không phiền nếu tôi đi cùng cô chứ? Tôi mà để một tiểu thư đi bộ một mình trong khu rừng không có người hộ tống thì đâu còn là một chiến binh đích thực nữa?”

Tôi thử xử sự thông thường. “Tôi không biết ngài là một chiến binh.”

“Tôi đến từ một gia đình toàn các chiến binh.” Anh ta mỉm cười, nhưng nụ cười không hề hài hước. “Các hiệp sĩ quả cảm và các kỵ sĩ hào hoa, tôi là kẻ duy nhất còn lưu lại để bảo vệ thanh danh của gia đình.”

“Vậy tôi không cần sợ hãi sẽ đánh mất trinh tiết của bản thân nếu đi cùng ngài.” Tôi thừa biết đây là một lời phát biểu táo bạo. Anh ta hướng đôi mắt sững sờ nhìn thẳng vào tôi và ngay lập tức phá lên cười, âm thanh vui vẻ cứ thế vang vọng trong cánh rừng hẻo lánh.

“Cô là một cô gái dạn dĩ.” Anh ta nhe răng ra cười. “Phải, cô không cần lo đâu. Tôi sẽ không đòi hỏi đặc ân của lãnh chúa trong vùng đất của mình. Tôi chưa bao giờ có động cơ để ép buộc một người đàn bà theo ý muốn của mình.”

Tôi ngược lên nhìn khuôn mặt đẹp trai đang cười của anh ta và tin rằng những điều anh ta nói là sự thật. Có lẽ chính tình ý nơi tôi mới khiến tôi phải lo âu, chứ không phải của anh ta...

“Nói tôi nghe xem”, anh ta tiếp tục, bằng cách thay đổi chủ đề, “tình hình ông bác của cô thế nào rồi? Ông ta hẳn đang đau yếu nghiêm trọng lắm mới để cô mạo hiểm ra ngoài thế này. Thực ra, đây là lần thứ hai tôi thấy cô đi dạo một mình. Nào, nói tôi nghe xem, vì sao sáng nay ông ta lại cho cô đi lang thang thế?”

Tôi mỉm cười trước cách diễn đạt đó. “Cho phép tôi ra khỏi nhà là yêu cầu của chính ông ấy”, tôi giải thích. “Ông ấy bảo rằng lo lắng cho sức khỏe của tôi.”

“À”, anh ta khô khốc nói, “ông ta quả là người rộng lượng bậc nhất. Hèn gì ông ta đối xử nhã nhặn với người nhà đến vậy”.

Tôi liếc nhìn anh ta. “Tôi thấy ngài có vẻ không ưa bác tôi.”

“Tôi cho rằng ông ta là kẻ độc ác và nhẩn tâm”, anh ta nói, nhún bờ vai rộng, “và có chút hiềm khích giữa hai chúng tôi”.

Tôi gật đầu thông cảm. “Ông từng bảo quỷ dữ ngụ trong người ngài.”

“Không nghi ngờ việc ông ta tin vào điều đó. Cô thì sao, Mariana Farr?”

Anh ta trông hơi xảo quyệt, người đàn ông mặc bộ quần áo đen có mái tóc đen cùng đôi mắt lấp lánh sắc màu của cánh rừng xung quanh, ngăn cách chúng tôi khỏi thế giới bao la ngoài kia, đang mỉm cười nhìn xuống tôi. Tôi nghiên cứu anh ta cẩn thận và nhún vai đáp lại.

“Tôi không phải mấy cô nàng yếu điệu, thưa ngài. Tự tôi có mắt để đánh giá và tôi không nhìn thấy chiếc sừng quỷ nào cả.”

Anh ta điềm tĩnh nhìn tôi khi cả hai cùng sánh bước. “Hẳn rất khó khăn cho cô”, anh ta khẽ nói, “để sống trong ngôi nhà đó”.

Tôi cứng nhắc vươn người lên, không chào đón sự thương hại của anh ta. “Tôi chỉ là một kẻ mồ côi, thưa ngài, sống phụ thuộc vào lòng cưu mang của họ hàng. Tôi không thắc mắc đến vị thế của mình.”

Đôi mắt anh ta ngờ vực về ngay thẳng của tôi, nhưng anh ta để mặc lời bình luận trôi đi và chúng tôi cứ thế bước đi trong im lặng. Khi đến một khúc quanh của dòng sông, con ngựa xám đằng sau hất đầu ra sau và giật mạnh dây cương, khiến bạn đồng hành của tôi khựng lại.

“Tôi tin Navarre khát rồi”, anh ta giải thích hành động của nó với tôi. “Lại đây ngồi với tôi một lát trong khi chờ nó uống nước. Đây là chỗ rất thoải mái để giết thời gian.”

Tôi để bản thân bị dẫn đến một bãi cỏ sạch sẽ cách vài mét so với mép nước và ngồi lên một thân cây đổ, gạt bỏ chút tội lỗi chằm vào lương tâm của chính mình. Bác tôi sẽ không bao giờ phát hiện được chuyện này, tôi tự nhủ, và thậm chí ông có biết, cũng đâu có gì đáng phải hổ thẹn? Sau cùng, tôi không mời mọc Richard de Mornay đi cùng mình, và đơn thuần người ta cũng không thể xua đuổi lãnh chúa của vùng ra chỗ khác như thể anh ta là một gã trai làng bình thường được. Và sự thật là tôi cũng không đặc biệt muốn xua đuổi anh ta, đối với tôi thì điều đó thật bất thường.

Anh ta ngồi ngay chỗ tôi để chân, lưng dựa vào lớp vỏ thô nhám của thân cây đổ, một chân đi bót co lên đỡ cho cánh tay vươn ra trước. Qua đôi mắt lưới biếng, anh ta nhìn con ngựa xám uống nước.

“Ngài vừa bảo ngài là người cuối cùng trong gia đình”, tôi nhắc anh ta, cố gắng bắt chuyện. “Ngài không có anh em trai nào sao?”

“Tôi có năm anh em trai”, anh ta nói, “nhưng họ đều yên nghỉ cả rồi. Họ đều mất trong khi phụng sự cho vua Charles I”.

Tôi nghiêm nghị nhìn xuống. “VẬY là gia đình ngài đứng về phía nhà vua, chống lại Nghị viện.”

“Phải.” Từ đó nghe thật chua chát. “Và đổi lại cho những cố gắng, họ mất mạng, đất đai cùng tất cả những gì họ sở hữu và thân quý.”

“Ngài đâu có chết”, tôi chỉ ra.

“Phải, tôi đâu có chết.” Anh ta dịch vai trên thân cây đổ và cười nửa miệng với tôi. “Đứa em trẻ nhất trong số chúng tôi mới được mười tám tuổi và vừa kết hôn khi nó ngã xuống, rồi chính nhà vua cũng mất. Lúc đó tôi hai mươi tuổi. Sau cuộc hành trình, tôi bỏ chạy sang Pháp và nhập vào gia đình của mẹ tôi trong triều đình của vua Pháp. Tôi không còn bụng dạ nào để chiến đấu, trong khi cha tôi bị giam trong tháp Luân Đôn, tôi có thể chẳng mấy giúp ích cho ông nếu tiếp tục ở lại Anh.”

Tôi nhìn anh ta chằm chằm. “Cha ngài bị giam trong tháp sao?”

“Ông bị bắt trong khi đang bảo vệ Exeter, lúc đó ông mới bốn mươi sáu tuổi. Họ giam giữ ông mười bốn năm trong những bức tường của tòa tháp, mà không có một cuộc xét xử đúng luật. Ông trở nên già nua trong cái nơi tăm tối đó. Ông chỉ sống đến khi nhìn thấy sự tự do, và đất đai của ông được trả lại, nhưng không kịp đợi tôi trở về từ Pháp.” Anh ta nhổ một lá cỏ và vò nó giữa những ngón tay, bóng tối của nỗi đau xa xưa giăng trên nét mặt khắc kỷ.

“Tôi rất tiếc.” Với nỗi cảm thông, tôi khẽ nhào người lên trước. “Tôi biết cảm giác mất cha là như thế nào. Ngài không còn một ai bên cạnh ư?”

“Cũng không đến nỗi không còn ai. Tôi có một đứa cháu, Arthur, con trai đứa em út của tôi. Nó sống ở Hà Lan với mẹ. Nó vừa bước sang tuổi mười lăm và là một kẻ bảnh chọe ầm ưong, nhưng dù sao nó cũng là cháu tôi. Và tôi có Evan. Như vậy cũng đủ cấu thành một gia đình rồi.”

Evan Gilroy, anh ta kể với tôi, là bạn của anh ta từ rất lâu rồi, trước khi hỏa lực của chiến tranh quét ngang vùng quê và bỏ nó lại cho thần chết tối cao. Khi Richard de Mornay theo Charles Stuart trở về quê nhà ở Anh năm năm trước, Evan Gilroy đã đề nghị được phục vụ người chủ mới của lâu đài Crofton, chịu trách nhiệm quản lý chuồng ngựa cùng những hộ nông dân trong vùng.

Người đàn ông ngồi cạnh chân tôi mỉm cười trước ký ức ấy. “Viễn cảnh một ngôi nhà trống không cùng một vùng đất khô cằn ko mấy chào đón đối với một người đàn ông”, anh ta nói. “Nếu không vì Evan, tôi không nghĩ mình sẽ ở lại.”

Tôi lẳng lặng thừa nhận mình nợ Evan Gilroy. Tôi đang cảm thấy rất dễ chịu, mặc cho đám quần áo ướt trên người, khi ngồi ở đây dưới ánh nắng lấp loáng xuyên qua kẽ lá và nói chuyện với một người đàn ông ở địa vị xã hội cao hơn tôi vài bậc. Cha tôi sẽ thích người đàn ông này, tôi nghĩ, mặc dù bác Jabez không hề tán thành.

Tôi ngả người và lồng bàn tay vòng ôm đầu gối. “VẬY ngài đã gặp đức vua bao giờ chưa?”

“Chính thức hả? Chỉ một lần thôi.” Anh ta liếc tôi qua vai. “Dù tôi nhìn thấy ngài thường xuyên, thậm chí còn đánh bài với ngài một hoặc hai lần. Rất dễ dàng để nhìn thấy ngài ở cung điện Pháp, trong suốt chuyến lưu đầy của ngài.”

“Chính tôi cũng từng thấy ngài ấy một lần. Ở lễ đăng ngôi.” Lần đó ngài để lại một ấn tượng sâu đậm trong tôi, tôi hồi tưởng, một dáng hình uy nghi và cường tráng với những lọn tóc quần dài, khuôn miệng gợi cảm và đôi mắt đen biêng nhác đầy thu hút. “Ngài ấy có vẻ là người tốt”, tôi bình luận.

“Ngài ấy khá tốt bụng”, Richard de Mornay đồng ý, “và chính trực hơn hết thảy. Ngài có một trái tim hào phóng, nhưng không phải một vị vua vĩ đại. Thời của các vị vua vĩ đại qua rồi”.

Tôi nhăn trán suy ngẫm. “Họ bảo, thực tế ngài ấy là người theo đạo Thiên Chúa.”

Người đàn ông bên cạnh tôi nhún đôi vai mạnh mẽ. “Mẹ tôi cũng theo đạo Thiên Chúa”, anh ta nói. “Tôi nghĩ cũng không phải tội lỗi gì to tát.”

Tôi giả vờ lạnh nhạt. Tôi chưa bao giờ gặp một người theo đạo Thiên Chúa trước đây. “Còn ngài?” Tôi hỏi anh ta. “Đức tin của ngài là gì thế?”

Richard de Mornay hơi cúi đầu, vẻ mặt của anh ta tối đi. “Tôi có rất ít niềm tin với Chúa”, anh ta nói thẳng với tôi. “Ngài ấy cũng có rất ít niềm tin vào tôi.”

Anh ta ném nhánh cỏ xơ xác sang một bên và lơ đãng với tay bắt giữ cả hai bàn tay tôi trong một tay của anh ta, kéo chúng về phía trước để anh ta có thể nhìn thấy hai cổ tay tôi. “Em không đeo chiếc vòng”, anh ta nhận xét.

Mặt tôi đỏ ửng, cố kéo tay mình ra một cách vô vọng. “Tôi không thể đeo nó”, tôi phản kháng. “Công bằng mà nói, tôi không thể nhận nó, như thế là không thỏa đáng. Tôi đang định trả lại cho ngài.”

“Tôi sẽ không nhận lại.” Anh ta trông có vẻ bức mình. “Tôi đã mua nó tặng em như một món quà và em nên đeo nó.”

“Bác tôi chắc chắn sẽ không vừa lòng, thưa ngài”, tôi nhẹ nhàng nhắc anh ta. Buông tay tôi ra, anh ta đứng dậy để đi dắt con ngựa đang ăn cỏ, thu những chiếc dây cương trong nắm tay.

“Tôi không quan tâm”, anh ta nói. “Bác em thì liên can gì đến việc của tôi?”

“Đúng là không, thưa ngài”, tôi phải thừa nhận, “nhưng ông ấy rất quan tâm đến những chuyện có dính líu tới tôi, và tôi không muốn kích động cơn giận dữ của ông ấy”.

Anh ta liền quay lại, dáng hình cao lớn hiện trên con ngựa màu xám, vẻ mặt nghiêm trọng. “Nếu Jabez Howard dám bày tỏ thái độ với em dưới bất kỳ hình thức nào, tôi cũng không cho phép điều đó xảy ra.”

Tôi cũng đứng bật dậy và nhìn thẳng vào anh ta. “Tôi rất lấy làm hãnh diện, nhưng đây không phải việc của ngài. Tôi không phải là trách nhiệm của ngài.”

“Em sai rồi, tiểu thư ạ”, anh ta nói bằng cái giọng ngọt lịm như mật ong. “Em là trách nhiệm của tôi nhiều lắm đấy. Tôi sẽ biến nó thành hiện thực.” Anh ta tiến về phía tôi, một tay chỉnh lại chiếc yên ngựa. “Đến đây, tôi sẽ đưa em về.”

Tôi căng thẳng ngược nhìn anh ta. “Tôi sẽ không cưỡi ngựa cùng với đàn ông, thưa ngài.”

“Vậy thì cưỡi một mình vậy”, anh ta đề nghị, mỉm cười trước sự bẽn lẽn của tôi.

Tôi ngược lên trời tìm cơ thoái thác và thoáng nhẹ nhõm khi thấy mặt trời vẫn chưa xuống thấp trên phần phía đông. “Vẫn còn quá sớm để tôi quay về”, tôi xin lỗi. “Bác tôi đã chỉ thị tôi dừng về cho đến giữa chiều.”

Richard de Mornay hí mắt không tin. “Cái gia đình cư mang em thú vị thật đấy. Không thành vấn đề.” Anh ta gạt phăng sự phản đối của tôi. “Em có thể cưỡi ngựa với tôi đến lâu đài Crofton và lưu lại làm khách của tôi cả chiều.”

Bị lời đề nghị ấy cảm dỗ vô cùng, nhưng phút chót tôi lại lắc đầu, hơi lui ra sau và sém chút nữa vấp phải thân cây đổ vì hành động đó.

“Tôi rất cảm kích lòng tốt của ngài, thưa ngài”, tôi khẽ nói với anh ta, “nhưng tôi nghĩ tốt hơn hết mình không nên làm thế”.

“Đây là quyết định của em”, anh ta quả quyết với tôi, rồi nhả nhận nhảy lên yên ngựa. Anh ta thúc ngựa lại gần hơn, dây cương gò mạnh đến mức phần đùi đầy cơ bắp của con ngựa chỉ cách mặt tôi vài gang tay đáng sợ, khi biết rằng khúc gỗ nặng nơi gót chân đã chặn đường tháo lui của mình. “Tôi đã từng bảo sẽ không ép buộc em làm theo ý tôi”, anh ta nhắc tôi nhớ, vạch một ngón tay dọc theo phần quai hàm đang hướng lên của tôi. “Khi chúng ta trở thành tình nhân, thì đó là do em khao khát điều đó cũng nhiều như tôi vậy.” Ngón tay anh ta lướt qua làn môi tôi, đem theo huyền hoặc chớp mắt về một nụ hôn, trước khi anh ta đưa bàn tay lên mũ và lịch sự chúc tôi một ngày tốt lành.

Mặc cho toàn bộ kích cỡ của bản thân, con ngựa xám di chuyển với tốc độ và sự lạnh lẽo tuyệt vời. Tôi nhìn những hàng cây dần nuốt lấy họ và rồi trong vài phút cứ đứng đó lắng nghe tiếng vó ngựa mờ dần. Tôi cho rằng mình có thể cử động, nếu không cũng là tôi muốn thế, nhưng thực sự tôi không muốn làm như vậy.

Tôi cứ đứng đó dưới tán cây rọi nắng, cố gắng lưu giữ khoảnh khắc này thật lâu, khi cùng lúc cảm nhận nó đang tuột dần ra xa như những hạt cát lọt khỏi kẽ tay tôi... tuột dần... tuột dần...

Cảnh vật trước mắt nhòe đi và khoảnh khắc ấy biến mất.

Tôi đang đứng một mình bên bờ sông lững lờ trôi, nơi chỉ có những bụi cây cao đến đầu gối rải rác khắp nơi cùng những nhánh liễu còn sót lại gợi nhớ về sự hùng vĩ của khu rừng đã từng chạy dọc hai bên bờ sông. Con sông giờ đã bị nắn lại nhờ bờ kè cao chót vót cả hai bên, tôi gần như không nhìn thấy gì ngoài nước, cỏ và bầu trời xanh trên đầu. Tôi không biết mình đang đứng ở đâu.

Trèo lên bờ kè dốc, tôi ngược ra xa cánh đồng và cố gắng lấy lại phương hướng. Tít tắp phía bên tay trái, tôi có thể nhìn thấy những bãi cỏ được rào lại cùng những mái nhà uốn cong của một ngôi làng nhỏ rất có thể là Exbury. Cũng rất khó nói từ cái góc nhìn lạ lẫm này. Trước mặt tôi cũng có một hàng rào bằng đá, cách không đầy một mét và xa hơn về một bên là một ngôi nhà nhỏ đặc trưng của đồng quê được quét vôi trắng, ngăn nắp, với những chậu hoa nở tươi tốt trên mỗi khung cửa sổ. Một khu rừng thu nhỏ từ những cây táo xương xường, oằn mình vươn rộng theo một tạo hình gọn ghẽ nằm cách xa một bên sườn của ngôi nhà và vài con cừu mới xén lông tĩnh lặng nhìn tôi từ chỗ của chúng bên kia hàng rào bằng đá.

Tôi biết mảnh đất này thuộc về ai thậm chí còn trước khi Iain Sumner vừa huýt sáo vừa đi vòng quanh ngôi nhà và dừng lại bên ngoài chiếc kho siêu vẹo phía sau, mó mảy với món đồ cơ khí nào đó tôi không thể nhận dạng từ phía xa. Lưng anh ta quay về phía tôi, những cơ bắp kéo căng dưới mặt vải từ chiếc áo sơ mi bằng cotton, mái tóc đỏ của anh ta như gột ánh vàng nhờ những tia nắng hừng hực chiếu xuống từ mặt trời buổi sáng.

Tôi phải thừa nhận, khi nhảy qua hàng rào và bắt đầu bước qua đám cừu thờ ơ đó, mục đích duy nhất của tôi là tiến về phía Iain và hỏi xin một tách cà phê, nhưng khi tôi càng lại gần ngôi nhà, anh ta vẫn tiếp tục không nhận ra được sự xuất hiện của tôi, một chút quỹ quyết bắt đầu khuấy động trong tôi.

Cơ hội đây rồi, tôi nghĩ, cơ hội bắt anh ta trả giá cho tất cả những lần anh ta làm tôi giật nảy đến bờ cả người vì cứ lén lút đến sau lưng tôi. Tôi sẽ chẳng bao giờ có cơ hội tốt hơn thế này. Tôi bước chậm để hạ thấp âm thanh hết mức có thể.

Khi chỉ còn cách vài mét, tôi nhìn thấy nguyên do giải thích cho hành động của anh ta. Anh ta đang bận rộn dùng dụng cụ xử lý một khối gỗ nặng, loại công cụ tôi vẫn thường nhìn thấy được treo trong các kho thóc. Làn khói xanh phả ra từ điều thuốc bốc lên đầu khi anh ta nhào người lên trước, dùng cả hai tay để điều chỉnh chiếc máy khó cầm.

Giờ tôi chỉ còn cách không đầy một mét hai. Thêm một bước nữa thôi và tôi có thể vươn tay chạm vào vai anh ta. Bàn tay tôi thực tế đã giơ lên lưng chừng thì Iain ngẩng phắt đầu lên và nghiêng nhẹ sang một bên, dùng những ngón tay nhem nhuốc, thành thạo rút điều thuốc khỏi môi.

“Buổi sáng tốt lành, Julia”, anh ta nói.

21. Chương 21

May cho anh ta là đã không thể giữ vẻ mặt ngây thơ quá lâu. Nhe răng cười, anh ta rít thêm một hơi thuốc lá và gác lại công việc, quay sang đối mặt với tôi. “Mất nước vì một cái máy ảnh cho xem[1]”, anh ta nói, đôi mắt xám nhẵn lại thích thú. “Cô nên nhìn lại mặt mình.”

[1] Nói lái từ lời thoại “Mất nước vì một con ngựa” của Richard III trong vở kịch cùng tên của Shakespeare.

Tôi khép cái miệng đang há hốc lại và lắc đầu sững sờ.

“Làm thế nào anh biết tôi ở đây?” Tôi hỏi anh ta.

Iain chống tay lên eo và vặn người. “Tôi không có năng lực nhìn thấu tương lai đâu”, anh ta đảm bảo. “Chỉ là tôi đã nhìn thấy cô trèo qua hàng rào. Dù cô mất một khoảng thời gian quỹ quái để đến đây. Bên cạnh

đó”, anh ta thêm vào, chỉ về phía đường nét rõ ràng từ những chiếc bóng của chúng tôi trên bức tường đỏ, “nếu cô định lên làm gì sau lưng một gã Scotland, thì tốt nhất cô nên thực hiện điều đó khi mặt trời không chiếu lên lưng cô”. Anh ta nheo mắt lại một chút rồi hết nhìn lên lại nhìn xuống tôi. “Cô vừa đi lặn về đây à?” Anh ta bình luận.

Tôi lấy làm ngạc nhiên khi không tự nhận ra sự thật ấy. Có lẽ tôi đã dần trở nên quen với cảm giác chiếc váy sũng nước của Mariana dính trên da thịt, để phát hiện tâm trí mình không còn lưu giữ cảm giác khó chịu nữa. Có chút tò mò, tôi nhìn xuống bản thân, đột nhiên nhận ra chiếc quần jean nặng nề cùng chiếc áo phông quá khổ đang bám chặt vào người. Tôi thử xọc tay qua mái tóc và đỡ căng thẳng phần nào khi thấy nó vẫn còn khô ráo, có chăng chỉ hơi lòa xòa một chút. Tôi phải nhìn một cái mới được.

“Tôi bị rơi xuống sông”, tôi nói với anh ta. “Tôi nghĩ cũng gần khô rồi.”

Iain nhìn vào bàn chân trần và khuôn mặt của tôi, nhướn một bên mày nâu đỏ lên. “Cô có thể bị cảm lạnh nếu cứ đứng như thế”, anh ta cảnh báo tôi. “Vào trong và hong khô người đi. Cô có thể mượn ít quần áo của tôi nếu muốn.”

“Hừm”, tôi phẩy tay, “nếu không có vấn đề gì...”.

“Không có vấn đề nào cả”, anh ta nói. “Tôi rất vui khi có người bên cạnh vào giờ ăn sáng.”

Chúa lòng lành, tôi nghĩ, mới đến giờ ăn sáng thôi? Nghe có vẻ thật kỳ cục, trước khi tôi nhắc mình nhớ chính tôi đã rời nhà vào lúc năm giờ sáng nay. Chuông của chiếc đồng hồ treo tường trong bếp nhà Iain kêu tám hồi khi chúng tôi vào căn nhà qua cửa hậu, như để xác thực cho cái giờ sớm sửa thế này.

“Tôi phải đi rửa ráy cái đã”, anh ta nói, giơ cả hai tay lên chứng minh, “nhưng cô có thể đi thẳng vào nhà và thay đấm quần áo ướt đó ra. Cô sẽ tìm thấy phòng ngủ xuôi theo hành lang bên tay phải, có rất nhiều thứ có thể mặc được trong tủ áo”.

Thật kỳ quái, tôi nghĩ khi đứng chân trần trong phòng ngủ của Iain Sumner vài phút sau, trước cái cách tủ quần áo của một người đàn ông có thể nói lên anh ta là ai. Tủ quần áo của Iain trưng ra những chiếc móc áo sơ mi chồng chồng lớp lớp, từ vải cotton đến vải flanel kẻ sọc, vây bên cạnh là vài chiếc quần cùng một chiếc áo khoác dự tiệc trông bất hợp lý một cách lạ lùng. Tôi cởi đấm quần áo ướt ra - đồ lót vẫn để lại vì giữ ấm - và chọn một chiếc quần jean cùng áo sơ mi sọc màu xanh khaki đồng đồ được phân loại trước mặt.

Chiếc quần dài lướt thướt một cách buồn cười trên mình tôi và cứng còng quanh eo như quần áo của một chú hề, nhưng nhờ xắn cao gấu quần và buông thông đuôi áo sơ mi, tôi cố gắng tạo nên một ấn tượng khá lôi thôi nhưng hợp thời trang có thể nhận được vinh dự xuất hiện trên trang bìa một tạp chí dành cho thanh thiếu niên.

Iain, lịch thiệp hơn bao giờ hết, không buông một lời bình phẩm về vẻ ngoài của tôi khi tôi quay trở lại phòng bếp với anh ta. Ngôi nhà miền quê này có một thiết kế rất đơn giản và tiện dụng, một phòng lớn được ngăn đều thành phòng bếp và phòng khách, chia dọc theo hành lang hẹp dẫn đến phòng ngủ và nhà tắm. Người ta có thể bắn một mũi tên vào cửa trước và nó lại bay vút qua cửa sau mà không chạm đến một mảnh đồ nội thất, cho nên không gian mở và thoáng đãng chính là nét đặc sắc của căn phòng.

“Tôi nên treo cái này ở đâu?” Tôi hỏi anh ta, giơ cao bọc quần áo ướt đẫm của mình.

“Tôi có một máy sấy ở sau kho”, anh ta nói, hất mái đầu về phía cửa hậu. “Nó trông hơi giống đồ cổ một chút, nhưng vẫn ổn nếu cô cho nó biết ai mới là ông chủ. Cô phải dùng sức mạnh.”

Lúc xác định được chiếc máy sấy bên dưới chồng dụng cụ trong nhà kho sáng rực, tôi mới hiểu ý anh ta là gì. Mất đến bốn lần thử mở máy và một cú đập mới có thể khiến chiếc máy khởi động, nhưng chắc chắn tôi đã quay lại nhà bếp với cảm giác hả hê vô cùng.

“Mọi chuyện ổn chứ?” Iain ngược lên dò hỏi và khi tôi gật đầu, anh ta hướng sự chú ý trở lại chiếc chảo đang kêu xèo xèo trên bếp. Tôi để ý thấy anh ta đã nấu nướng cho cả hai người, và một tách cà phê bốc khói đang đợi tôi trên chiếc bàn bên cạnh anh ta. “Có khả năng phải để thêm một lúc nữa”, anh ta cảnh báo lúc tôi với tay nhắc chiếc tách lên. “Tôi mới pha cách đây vài giờ. Cô thích ăn trứng với xúc xích không?”

Tôi thận trọng nhấp một ngụm cà phê. “Tôi có.”

“Thực sự, theo lý thuyết thì”, anh ta nói, nhấc chiếc chảo khỏi bếp và chia món đồ trong đó vào hai chiếc đĩa. “Đó là tất cả những gì tôi có thể nấu. Bánh mì nướng nhé?”

“Vâng, cảm ơn anh.”

Anh ta đặt một miếng bánh mì phết bơ dày cộp lên cạnh đĩa và để nó lên bàn trước mặt tôi, rồi tự ngồi vào chiếc ghế đối diện.

“Vâng.” Anh ta gửi cho tôi một ánh nhìn thắc mắc. “Cái gì đã đưa cô ra khỏi nhà theo lối đó vào giờ này của buổi sáng vậy?”

Tôi nhún vai. “Tôi có cảm giác muốn đi bộ thôi. Tôi chưa đi xuôi theo bờ sông trước kia bao giờ và tôi muốn nhìn thấy nó chảy đến đâu.”

“Nên giờ thì cô biết rồi?”

“Vâng.” Tôi mỉm cười đáp lại anh ta, xúc thêm một nĩa khác từ bữa sáng thịnh soạn.

“Cô biết không, cô đã đi bộ khoảng ba dặm đấy, nếu cô đi cả quãng đường dọc theo bờ sông. Từ đây đến chỗ cô mất không đến một dặm đường. Thậm chí còn ngắn hơn nếu cô băng qua cánh đồng.”

“Vâng từ chỗ đó tôi đã nhìn thấy Exbury?” Tôi chỉ về một hướng chung chung và anh ta gật đầu.

“Phải. Cô có nghĩ mình bị lạc không?”

“Đừng cười nhé”, tôi nói với anh ta, “nhưng chuyện này từng xảy ra rồi. Cảm giác định hướng của tôi tệ vô cùng”.

“Cô không so với mẹ tôi được đâu”, anh ta nói. “Tôi nghĩ bà lần nào cũng làm một chuyến du lịch quanh cao nguyên mỗi khi ra khỏi nhà để đi đến chợ.”

Tôi bật cười trước hình ảnh đó. “Cả cha mẹ anh đều làm nghề nông à?”

“Lạy Chúa, không đâu.” Anh ta tu một hơi cả phê để nuốt trôi cả một mồm đầy bánh mì nướng. “Cả hai người họ đều không có khả năng phân biệt đâu là điểm cuối của cán cuốc kia. Cha tôi là kế toán, ở Balloch. Còn mẹ tôi là luật sư, trước khi bà về hưu.”

Điều lý giải phần nào vì sao con trai họ đã theo học Cambridge, tôi nghĩ. Tôi nhìn quanh căn phòng lớn với đôi mắt quan sát tỉ mỉ hơn và thấy vài dấu hiệu thừa thớt về một phong cách sống tiện nghi - một món đồ nội thất chất lượng cao, một cặp tranh đáng yêu treo trên tường, một tủ sách mặt trước làm từ kính nhét đầy những cuốn sách bọc da bên trong...

“Tôi không kiếm luôn nghề thó đồ vào thời gian rảnh rỗi”, anh ta nói, dễ dàng đọc ý nghĩ của tôi một cách lạ lùng. “Một vài thứ thuộc về gia đình tôi, phần còn lại tôi mua thời còn làm việc cho cha của Geoff, ở Paris.”

“Vâng là anh đã từng làm việc ở Morland?”

“Phải, nhưng chỉ vài năm thôi. Nhưng ngoài việc khiến tôi phát điên thì công việc ấy chẳng mang lại lợi lộc gì cả”, anh ta thú nhận. “Chẳng thà tôi vầy vò với đám đất còn hơn. Cho nên tôi bỏ Morland và mua nơi này ngay sau sinh nhật thứ ba mươi, năm năm sau đó. Rất gần với Geoff, và phù hợp với nhịp sống của tôi.” Tôi cố gắng hình dung anh ta ngồi sau một chiếc bàn trong một văn phòng hiện đại nào đó, nhưng thất bại. “Vivien kể anh đã gặp Geoff ở Cambridge.”

“Phải, cái thời hư hỏng ấy.” Anh ta cười nhả nhở với chiếc ly. “Ngay sau khi gặp cậu ta là điểm chác của tôi lao dốc không phanh. Tôi thật sự lấy làm ngạc nhiên khi cả hai chúng tôi đều không bị đuổi học.”

“Anh học Ngữ văn à?”

Anh ta gật đầu. “Thú vị hơn hẳn bất cứ thứ gì khác. Nhưng cô không thể kiếm sống bằng việc làm thơ.”

Không hiểu sao, tôi cũng không thể hình dung ra cảnh Iain Sumner làm thơ. Nghĩ đến đây, quả thực thật khó mà định hình được anh ta. Chính xác thì anh ta không hề đẹp trai - cảm anh ta quá ngang bướng và đôi mắt thì quá sắc sảo - tuy vậy vẫn còn có điểm gì đó... Anh ta rất đáng tin cậy, tôi nghĩ vậy. Đáng tin

cây, sôi nổi và là chỗ dựa vững chắc, tôi cứ có cảm giác thoải mái đến lạ lùng mỗi khi ở cạnh anh ta. Anh ta ngả lưng ra ghế và gạt chiếc đĩa trống sang một bên.

“Cô không phiền nếu tôi hút thuốc chứ?”

Tôi đặt nĩa xuống và lắc đầu. “Không đâu.”

Anh ta châm điếu thuốc rồi phẩy que diêm, sau đó đặt nó ngay ngắn sang một bên của chiếc đĩa. “Tôi nghe nói hôm qua cô đã đến dùng trà ở trang viên.”

“Nó giống một bữa ăn được chuẩn bị công phu^[2] hơn”, tôi sửa lại. “Dì của Vivien là một đầu bếp tuyệt vời.”

[2] Nguyên tắc five-course meal: bữa ăn được phục vụ năm món, lần lượt từ xúp, khai vị, salad, món chính và tráng miệng.

“Đúng vậy”, anh ta đồng ý. “Tuần trước tôi phải sửa sang lại vài chỗ trong vườn hồng, nên dì Freda đã nấu ăn cho tôi. Nếu công việc của tôi mà kéo dài thì thể nào tôi cũng chẳng mặc vừa quần nữa cho mà xem.”

“Bác ấy bảo anh sẽ tiêu hao hết chúng.”

“Bà ấy đã nói thế á?” Anh ta rít một hơi thuốc và mỉm cười. “Tôi cho rằng bà ấy biết rõ nhất. Lúc nào cũng vậy. Cô biết không, đây cũng chính là ý nghĩa cái tên Alfreda - ‘thông thái phi thường’, hay gì đó tương tự. Vivien đã từng tra cứu trong một cuốn sách giải nghĩa những cái tên.”

“Không khiến tôi ngạc nhiên.” Tôi nhắc hai chiếc đĩa ăn khỏi bàn và bê nó đến chỗ chậu rửa. “Chẳng phải những cái tên là những thứ rất khác lạ sao?”

“Tôi đoán vậy.” Giọng anh ta lơ đãng. “Tuy nhiên tôi bị mắc kẹt với một cái tên buồn chán.”

“Iain á? Tôi nghĩ nó hay đấy chứ.”

“Buồn chán”, anh ta bảo vệ ý kiến của mình. “Một dạng khác của cái tên John ở Scotland thôi. Chẳng đáng đến tí liên tưởng nào cả. Iain, Evan, Sean, Hans - tất cả đều là biến thể từ một loại hình.”

Những chiếc đĩa va loảng xoảng trong bồn, làm Iain quay người lại trên ghế để nhìn tôi.

“Xin lỗi”, tôi nói, “tôi nghĩ mình vừa làm vỡ một cái rồi”. Tôi nhìn xuống đám mảnh vụn, trái tim nện thình thịch. Evan...

“Cô không bị thương chứ?”

Tôi tỉnh táo lại và lắc đầu. “Không. Chỉ chiếc đĩa thôi, tôi e là thế.”

“Không tổn hại gì cả”, anh ta quả quyết với tôi. “Tôi càng đỡ phải rửa một cái. Cô có muốn dùng thêm một chút cà phê không?”

“Vâng.”

Anh ta đứng dậy và rót đầy hai cái tách. “Có muốn dạo quanh nơi này không?” Anh ta hào phóng đề nghị. “Tôi phải thừa nhận nó không được ấn tượng như lâu đài, nhưng cũng có nhiều thứ đáng xem lắm.”

Tôi đẩy người khỏi quầy bếp. “Có.”

“Tốt hơn hết cô đừng đi chân trần”, anh ta khuyên, thoáng nhìn về phía tôi, “không thì cô sẽ giẫm phải thứ gì đó không mong muốn đấy. Tôi nghĩ có một đôi ủng còn dư ở sau cửa bếp”.

Tôi tìm thấy đôi ủng và xỏ chân vào, cảm giác mình ăn mặc giống một chú hề hơn bao giờ hết. Iain thì nhìn tôi và nhún nhử cười.

“Hơi rộng một chút hả?” Anh ta bình luận. “Đừng lo, tôi sẽ đi thật chậm.”

Tôi nhe răng cười đáp lại. “Đừng bận tâm. Chỉ cần không để ai nhìn thấy tôi thế này là được rồi.”

“Chỉ lũ cừu thôi”, anh ta hứa, “và tôi đảm bảo đã cho chúng nhìn những cảnh tượng còn kỳ quặc hơn nhiều”.

Tôi nghiêng người cho anh ta đi qua, một trong hai chiếc bốt lố lằng va phải một chiếc đĩa trượt bằng gốm.

“Tôi không biết anh nuôi chó”, tôi vừa nói vừa nhìn xuống.

“Không đâu.” Nụ cười của anh ta ngưng ngừng. “Nó chết vài tháng trước rồi. Tôi vẫn chưa có can đảm thu dọn những món đồ của nó.”

“Anh nên nuôi một chú chó khác.”

“Sau cùng, chắc tôi phải làm vậy thôi. Lùa đàn cừu không phải nhiệm vụ nhỏ nếu không có một chú chó. Trong thời gian đó có một người hàng xóm vẫn cho tôi mượn con Còli[3] của ông ấy mỗi khi tôi cần.”

[3] Giống chó cỡ trung, lông dài, thường được huấn luyện để chăn cừu.

Anh ta giữ cửa sau mở ra cho tôi và chúng tôi bước ra ngoài ánh nắng mặt trời, Iain tiến lên phía trước với những sải chân khỏe khoắn và dễ dàng, còn tôi thì lạch theo sau trong đôi ủng quá khổ. Chúng tôi mất hơn một giờ để đi quanh khu đất, lúc quay trở lại ngôi nhà, có mùi hơi khét bay ra từ sau kho ở gần đấy, quần áo của tôi thế là khô hoàn toàn rồi.

“Nếu cô muốn thay đồ, tôi có thể cho cô đi nhờ vào thị trấn”, Iain đề nghị. “Đi bằng ô tô sẽ nhanh hơn, cô không cần đi bộ trên đường với đôi bàn chân trần nữa.”

“Tôi không muốn gây phiền toái cho anh”, tôi bắt đầu, nhưng anh ta gạt những lời phản đối của tôi sang một bên.

“Không phiền hà gì cả. Dù sao tôi cũng phải ngừng lại ở quán Sư Tử Đỏ vài phút. Sau đó tôi có thể đưa cô về nhà.”

Iain mất vài lần mới khiến chiếc xe già cỗi khởi động, và tôi có thể đoán chính xác rằng anh ta rất hiếm khi sử dụng chiếc xe này, bởi mọi lần tôi nhìn thấy anh ta, anh ta dường như đều đi bộ. Theo anh ta nói, từ đây đến Exbury chỉ là một hành trình rất ngắn, không đến nỗi phải mở máy một chiếc xe. Những cánh đồng và rào ngăn lướt qua chúng tôi trước khi tôi có thời gian thực sự lưu giữ hình ảnh của chúng vào trong tâm trí, chúng đã bị thay thế bởi nhà cửa và vườn tược, chúng tôi đã tiến dần đến bãi đỗ xe của quán Sư Tử Đỏ rồi.

Vivien đang lau những khung cửa sổ bên ngoài. Cô bước đến chào và khoanh hai tay trước ngực khi chúng tôi leo ra khỏi xe.

“Tôi vừa mới nhận được điện thoại của anh cô”, cô cho tôi biết.

“Tommy á?” Tôi nhướn mày ngạc nhiên. “Anh ấy gọi cho cô làm gì vậy?”

“Nghe có vẻ anh ấy đang cố gắng tìm kiếm cô”, cô ấy tươi cười nói. “Anh ấy vừa ghé qua nhà cô, giờ thì đang xử lý đồ đông đồ ăn trong tủ lạnh và chờ cô về đây.”

“Có phải đó là người anh trai làm mục sư của cô không?” Iain dò hỏi và tôi gật đầu.

“Anh chưa gặp vào cái lần ghé qua gần đây nhất của anh ấy phải không, Iain?” Vivien nhìn anh ta. “Em nghĩ hôm đó anh ở Marlborough. Phải nói anh ấy khá là vui tính”, cô ấy đột nhiên nghĩ đến điều đó và quay sang tôi. “Sao cô không gọi điện bảo anh ấy đến gặp cô ở đây? Tôi vẫn chưa phải mở cửa trong vòng hai giờ nữa; chúng ta có thể ngồi ở quầy bar và mở một bữa tiệc.”

Iain nhìn nhanh Vivien. “Em không nghĩ vẫn còn hơi sớm để uống rượu sao?”

“Anh không biết anh trai Julia rồi”, cô ấy đáp. “Đi vòng về phía sau đi Julia, cô có thể gọi cho anh trai ở đó.”

Anh trai tôi đã kìm nén trí tò mò của bản thân một cách đáng khen ngợi khi tôi nói chuyện điện thoại với anh, thậm chí anh còn không tỏ ra ngạc nhiên lúc tôi nhờ anh tìm một đôi giày trong phòng thay quần áo và lái xe đến gặp chúng tôi ở quán Sư Tử Đỏ.

“Kiểu cách hay bình thường?” Là câu hỏi duy nhất của anh.

“Gi cơ?”

“Giày ấy”, anh nói thêm. “Kiểu cách hay bình thường?”

“Ồ, bình thường thôi.”

“Được rồi. Anh sẽ có mặt trong vòng năm phút.”

Tôi chuyển lời nhắn cho Vivien, người đã cười như một đứa trẻ sắp được nhận quà. “Tuyệt vời”, cô nói. “Cả hai qua quầy bar đi nào, tôi sẽ mở một chai rượu.”

Iain theo chúng tôi qua cánh cửa nối liền từ dãy phòng của Vivien đến mặt tiền quán rượu, hai mày của anh ta nhăn cao. “Một mục sư uống rượu vào mười giờ sáng”, anh ta kinh ngạc suy đoán. “Tôi phải gặp mới được.”

Anh ta đã có cơ hội ấy khi Tom lái chiếc xe vào bãi đỗ đúng năm phút sau theo như lời hẹn. Lúc Vivien mở cửa cho anh, anh đang giơ chân chuẩn bị bước với chiếc giày tennis giữ thăng bằng trên những ngón tay giơ lên, như thể chúng là đôi hài thủy tinh.

“Anh mang giày cho em rồi đây này”, anh nói nghe rất kịch. “Thế đã đủ tư cách để vào cơ ngơi này chưa?”

“Đồ ngốc”, tôi chào. “Vào đi.” Tôi lấy chiếc giày khỏi tay anh. “Cái gì, anh mang một chiếc thể này thôi á?”

“Anh chỉ tìm được mỗi một chiếc”, anh vô tình đáp lại. “Tủ để giày của em đúng là một thảm họa.”

“Cô có thể mượn một đôi giày của tôi”, Vivien bật cười đảm bảo với tôi. “Tôi có nhiều lắm.”

Cô ấy tìm cho tôi một đôi giày lười cũ và chúng tôi cứ thế dành ra vài giờ vui vẻ ngồi trước quầy bar, theo dõi chai rượu vơi dần. Tôi rất mừng vì thấy Tom và Iain dễ dàng kết bạn thế nào, ngay sau khi họ được giới thiệu với nhau. Chỉ cần một lời bình luận băng quơ về chính trị thôi là cả hai người đàn ông nhanh chóng mải mê thảo luận sôi nổi, đi hết từ chủ đề này đến chủ đề khác với tốc độ ánh sáng, trong khi Vivien và tôi ngồi ngả lưng trên ghế và thong dong nhấm nháp rượu.

“Anh rất thích Iain Sumner”, Tom thổ lộ với tôi sau đó, lúc chúng tôi liêu xiêu ra khỏi quán Sư Tử Đỏ và ngồi vào trong chiếc xe.

“Em mừng lắm”, tôi nói. “Anh lái được chứ?”

Anh trai trao cho tôi một ánh nhìn hờn hĩnh. “Anh chỉ uống một ly thôi. Không như ai đó.”

Tôi cố nặn ra vẻ mặt đường hoàng. “Anh đang ngụ ý em say rượu hay gì đó đấy à?”

“Xin rồi.” Anh gật đầu. “Đã thế còn trước buổi trưa.” Anh tặc lưỡi trách mắng. “Anh sốc đấy.”

“Cố vượt qua đi”, tôi ngoẹo cái đầu lắc lư sang một bên ghế để nhìn anh. “Thật mừng khi được thấy anh, Tom à. Em không nghĩ anh đã từng đến thăm em nhiều thế này khi em còn sống ở Luân Đôn. Anh sẽ mài mòn những cái rãnh trên đường cho xem.”

Anh mỉm cười. “Lần này là một chuyến ghé thăm chớp nhoáng thôi mà. Anh đang trên đường đến dự một hội nghị ở Bristol. Khi mới đến vùng lân cận, anh chỉ nghĩ mình sẽ dừng lại chào em rồi đi luôn.”

Tôi quan sát kỹ gương mặt anh. “Mẹ gửi anh đến để kiểm tra em thế nào, đúng không?”

“Đúng rồi đấy.”

“Hừm, anh có thể bảo với mẹ là em ổn”, tôi nói, quay trở lại nhìn kính chắn gió. Chúng tôi đã ra đến đường lớn, vừa rời khỏi ngôi làng, những hàng cây dần quây kín hai bên chúng tôi.

“Em thực sự không thể trách mẹ vì đã lo lắng được”, Tom bình luận. “Bà mẹ nào chả vậy. Sáng nay em còn khiến anh lo hơn nữa, khi anh đến và thấy em mất tăm mất tích.”

“Em không ngủ lại được sau cuộc điện thoại với mẹ”, tôi giải thích. “Nên em đi dạo một chút.”

Anh cho xe đi chậm lại để một chú nhím bò qua đường. “Em không khóa cửa lúc ra ngoài.”

“Em không thích cái khóa mới”, tôi bảo anh. “Nó cứng lắm, không phải lúc nào em cũng xoay được nó. Cho nên trừ khi ra khỏi nhà nhiều dặm, em sẽ không cần phải bận tâm khóa nó lại. Bên cạnh đó”, tôi thêm vào với tông giọng thực tế, “đôi khi Ian cũng làm việc ở khu vườn sau nhà, và anh ấy có thể cần uống nước, hoặc sử dụng nhà vệ sinh”.

“Đúng là cuộc sống làng quê.” Nụ cười của anh tôi nhạt đi. “Nếu anh là một kẻ đa nghi”, anh nói, “có thể anh đã nghĩ cuộc dạo chơi nho nhỏ của em đã tiến thẳng về thời Trung Cổ luôn rồi”.

“Thế kỷ mười bảy”, tôi sửa lại.

Nếu anh trực tiếp hỏi, tôi nghĩ, tôi sẽ kể cho anh nghe. Tôi chưa bao giờ giỏi nói dối Tom - anh lúc nào cũng dễ dàng lật tẩy tôi. Nhưng anh không hỏi.

“Sao cũng được.” Anh nhún vai và lấy lại tốc độ, suốt phần còn lại của chuyến đi, chúng tôi cứ lái xe trong im lặng.

22. Chương 22

Tháng Sáu rực rỡ, với những ngày dài ngập nắng và ban đêm ấm áp, thoảng hương khi cơn gió hè phiêu dạt qua cánh đồng xanh mướt trong khi con chim sơn ca cất tiếng hót tìm bạn đời dưới màn đêm. Tiếng hót lẫn khuất trong tiếng rì rào của dòng sông. Ngay cả những cơn mưa cũng rơi dịu dàng hơn hẳn, khu vườn chuồng bồ câu cũng bèn lên chuyển mình trở hoa. Hoa mao lương và diên vĩ trĩu xuống nhường đường cho những nhành nữ lang đỏ tía bạo vươn lên, xen lẫn vô số cụm hoa chuông và cẩm chướng, màu xanh lam và hồng đan quện, nhảy múa dưới chân vạt mao địa hoàng và phụ tử tím biếc đậm cao sừng sững.

Sự biến đổi tự nhiên của khu vườn huyền hoặc tôi. Nhờ mượn được những cuốn sách từ chỗ Iain, tôi dần học được tên của mỗi loại hoa mới, và chẳng mấy chốc các loài hoa đã tự mình dọn đường vào thẳng các bức tranh minh họa, thêm sắc màu tươi tắn và đa dạng cho những cánh rừng Trung cổ tăm tối trong những câu chuyện cổ tích của tôi. Biên tập của tôi đã run lên vì sung sướng khi tôi gửi cho cô ấy các mẫu vẽ. Nếu có phát hiện tất cả các vị hoàng tử của tôi đều mang chung một vẻ giống nhau kỳ dị, cô ấy cũng không đưa ra bình luận gì.

Tôi, cũng như đang nở hoa, tắm trong niềm hồ hởi ngọt ngào báo trước sự khởi đầu của một mối tình lãng mạn mới mẻ.

Hai ngày sau cuộc du ngoạn bên bờ sông, Geoff đã quay trở lại vào tối thứ Bảy như đã hứa, mời tôi ăn tối rồi khiêu vũ tại một nhà hàng trang nhã ngay mạn bên này của Swindon.

Đó là một đêm tuyệt diệu không sao tin nổi, như trong những câu chuyện cổ tích mà tôi đang cần cù vẽ minh họa vậy. Bản thân nhà hàng cũng có thể trở thành một cảnh trong một bộ phim rồi - tất cả nến, hoa, khăn trải bàn và những người phục vụ thông dong. Khi chúng tôi uống xong ly cognac sau bữa ăn, tôi nghĩ mình đã rơi lưng chùng vào lưới tình với Geoffrey de Mornay mất rồi. Tôi phải là siêu nhân mới không đem lòng yêu anh.

Chúng tôi không thực sự thay đổi vì nhau, nhưng khi một tháng dần qua, rõ ràng có thứ gì đó được thêm vào mối quan hệ của chúng tôi, một loại tiềm năng ẩn giấu, tuy vậy vẫn đủ nhận thấy bên dưới những nụ cười thân thiết và cuộc chuyện trò đơn giản. Tôi được tán tỉnh.

Với quỹ thời gian được phân chia đều đặn giữa làm việc và giải trí, tôi chỉ còn lại một chút thời gian cho các chuyến du hành mang tính thử nghiệm về quá khứ. Bất cứ khi nào cảm thấy cơn chóng mặt báo động bắt đầu trĩu dậy, tôi nhanh chóng ép nó lại, nhắm nghiền hai mắt và kháng cự bóng tối xoay vần với từng chút sức sống trong người. Sau này vẫn còn ối thời gian, tôi lập luận. Nhưng mỗi sáng, khi tôi ngừng lại để chạm vào chiếc vòng tay của Mariana, đôi mắt như khảm ngọc của bầy chim thiên đường lại trợn trừng ngược nhìn tôi trong sự lên án lạnh căm. “Tao không quên”, tôi thuyết phục, tự nói với gương mặt mình trong gương cũng như với bầy chim mạ vàng. “Tao chỉ muốn vui vẻ một chút, thế thôi.”

Thậm chí nó khá giống một kỳ nghỉ. Geoff và tôi dạo bộ trên những con đường dài uốn lượn qua cánh đồng và miền quê, dành các buổi chiều lang thang trong mấy cửa hàng đồ cổ, các buổi tối chơi ném phi tiêu và chia sẻ những câu chuyện ở quán Sư Tử Đỏ, dưới đôi mắt hiền hòa của Vivien. Tôi tổ chức sinh nhật lần thứ ba mươi ở quán Sư Tử Đỏ, và rượu cứ thế khui tự do, từng người đàn ông lớn tuổi ngồi ở chiếc bàn

trong góc đều khăng khăng đòi tôi một ly mừng sinh nhật. Tôi đã yêu cầu mọi người không mua quà, nhưng Geoff vẫn tặng tôi một bó hồng, Vivien thì tự làm một đôi khuyên tai, cả Iain cũng tặng tôi một món quà - một chiếc bay làm vườn sáng lấp lánh với chiếc nơ buộc xung quanh. “Để cô ngừng làm hỏng đám dự tiệc của tôi”, anh ta nói cụt lủn. “Cũng phải đến mười chiếc bay nằm gổ sét trên ruộng rồi đây.”

Cuối tháng, cha mẹ tôi cuối cùng cũng bay trở về từ Auckland, Tom và tôi cùng nhau lái xe xuống Heathrow để đón họ. Theo đúng thủ tục, hai người cứ khăng khăng đến xem nhà tôi, trước khi trở về nhà ở Oxford. Phản ứng của họ cũng như tôi dự đoán. Mẹ tôi, với tâm trí đầy ấp các kế hoạch cho giấy dán tường và cửa sổ, rộn rã dạo khắp các căn phòng, trong khi cha tôi bật người vài cái trên sàn nhà để kiểm tra độ chắc chắn của kết cấu. Hai tay rút túi quần, ông hơi cúi mặt và khẽ gật đầu. “Rất đẹp”, ông nói. Đó là lời tán thưởng đắt giá nhất tôi có thể hy vọng, thế là nhiệt tình của tôi được dịp lênh láng.

Trong niềm hoan hỉ ấy, tôi trở nên bất cẩn. Vào một buổi chiều đáng nhớ thuộc tuần đầu tiên của tháng Bảy, Geoff thuyết phục tôi đi cưỡi ngựa với anh, mặc kệ việc tôi chưa từng ngồi trên lưng ngựa kể từ thời đi học. May thay, dường như chỉ con ngựa mới phát hiện ra kỹ năng còn nhiều thiếu hụt của tôi, tôi giả vờ thể hiện một màn trình diễn gan dạ bằng cách giữ lưng mình thẳng đơ và khoác biểu cảm bình tĩnh lên khuôn mặt.

“Em thấy không?” Geoff hướng nụ cười cổ vũ về phía tôi khi chúng tôi ngừng lại cho ngựa nghỉ. “Em không cần lo lắng. Em cưỡi ngựa rất cừ.”

Cúi mình về phía trước trên yên ngựa, tôi vỗ về cổ con ngựa, thầm cảm ơn nó vì đã tử tế cho phép tôi ngồi trên lưng nó thế này. “Vâng, cừ.” Tôi bắt chước với giọng tùy tiện. “Em nghĩ có một số chuyện người ta sẽ không bao giờ quên.” Đôi tai của con ngựa vểnh lên, đón lấy lời nói dối, nhưng Geoff đã quay sang hướng khác rồi.

“Nó đây”, anh bảo tôi. “Ranh giới của khu đất.”

“Ở đâu cơ?” Tôi tìm kiếm một hàng rào, nhưng không thấy đâu cả.

“Nằm ngay ngoài hàng cây kia. Đương nhiên trước đây còn vượt xa hơn nữa, nhưng phần lớn đất đai đã bị bán dần đi từ năm này sang năm khác. Anh nghĩ thời đó hẳn người sở hữu quá nhiều đất đai như thế là một tên dấn dạn. Và ích kỷ.”

Cũng còn tùy, tôi nghĩ, vào khả năng đánh giá của từng người. Sau cùng, gần như đất đai của trang viên đã vươn đến cửa sau nhà tôi, và chúng tôi chỉ mất nửa giờ để cưỡi ngựa từ lâu đài đến phần ranh giới phía tây của khu đất.

Một lúc sau Geoff thúc ngựa đi dọc theo những hàng cây, và với một bước giậm duyên dáng, con ngựa cái tôi đang cưỡi rơi lại phía sau, di chuyển thận trọng như một chú ngựa non đang giữ thăng bằng một đứa trẻ nhỏ trên lưng. Tôi để dây cương buông lỏng trên cổ con ngựa và thưởng thức quang cảnh xung quanh.

“Đáng yêu quá, Geoff à”, tôi nói, dõi theo một chú điều hâu nhún nhua lượn vòng quanh trên đầu. “Sao anh có thể chịu được việc xa rời nơi đây thường xuyên như vậy chứ?”

Anh nhún vai và gần như ngoái hẳn người lại trên lưng ngựa để nói. “Anh không biết nữa. Anh đoán do mình thích thay đổi. Nhà của anh ở Pháp cũng đẹp lắm. Anh không nghĩ có thể bó buộc tại một nơi suốt cả cuộc đời. Hơn nữa, nơi này luôn giống nhà của cha anh hơn của anh.”

Tôi lặng thinh, nghĩ về điều anh vừa nói. “Vì sao lại là Pháp?” Tôi hỏi anh.

Anh lại xoay người. “Sao cơ?”

“Sao anh lại mua một ngôi nhà ở Pháp? Anh có họ hàng gì ở đấy à?”

“Không hẳn”, anh trả lời. “Dù nghĩ nếu mang lịch sử gia đình qua eo biển Channel thì anh sẽ tìm thấy cả một đội quân những người họ hàng nhà de Mornay cư trú khắp các miền quê. Sau cùng, người de Mornay đầu tiên nhà anh là dân Norman. Lý do vì sao anh mua nhà ở đây là do sở thích thôi. Nó nhìn ra Địa Trung Hải tuyệt đẹp, còn có một cảng biển ngay bên cạnh để anh neo thuyền nữa. Và nắng quanh năm”, anh thêm vào, “theo ý anh thì đó chính là yếu tố được cộng thêm một điểm vượt Exbury”.

“Em tưởng anh thích sự khác biệt”, tôi mỉm cười nhắc và anh kiên quyết lắc đầu.

“Đây là khi không liên quan đến thời tiết.”

Từ đuôi mắt, tôi bắt được một chiếc bóng bập bùng lướt qua rặng cây phía bên tay phải của tôi. Kích động, tôi chỉ kịp kêu Geoff chú ý một giây trước khi một con hươu - một con hươu bệ vệ, mạnh mẽ với cặp sừng đồ sộ trên đầu - phá vỡ lớp ngụy trang và lao bắn qua cánh đồng trước mặt chúng tôi. Khi nó biến mất vào một rặng cây khác, tôi quay sang nhìn Geoff, đôi mắt vẫn sáng ngời và tôi thấy anh đang nhìn tôi với vẻ mặt rất kỳ quái.

“Ai là Richard vậy?” Anh bình tĩnh hỏi tôi.

“Cái gì cơ?”

“Vừa rồi em gọi anh là Richard.”

Nụ cười của tôi không được tự nhiên cho lắm. “Thế ư? Em cũng không biết sao nữa. Em xin lỗi.”

“Người tình cũ à?” Anh vẫn không buông tha.

“Đại loại vậy.” Tôi gật đầu, cố gắng biến nó thành một câu nói đùa. “Này, anh ghen đấy à?”

“Anh không chắc”, anh chậm rãi nói. Một thoáng sau thì nụ cười tôi trông đợi được nhìn thấy xuất hiện. “Đi nào”, anh nói, rồi hướng con ngựa về phía những ống khói cao vút của lâu đài Crofton, “Anh sẽ chạy đua với em về chuồng ngựa”.

Đúng là Chúa đã rủ lòng thương với tôi, bằng vài phép màu nào đó tôi đã gắng gượng duy trì được tư thế ngồi thẳng trước vó ngựa rền vang như sấm. Đến sân chuồng ngựa, tôi đường hoàng tuột xuống, thế nhưng đầu gối vẫn run rẩy trước ý nghĩ mình đã suýt văng qua đầu con ngựa vào đồng phân bón lúc chúng tôi thẳng cương lại.

“Cứng đờ rồi à?” Geoff nhìn tôi đánh giá lúc người trông ngựa dắt hai con ngựa đi.

“Một chút.” Đó là một lời tuyên bố trái sự thật. Tôi đang đi tập tễnh như một chàng cao bồi có đôi chân vòng kiềng, và tôi thì thừa biết điều đó. “Cũng lâu rồi em mới cưỡi ngựa.”

Anh cười ranh mãnh. “Em cưỡi cừ lắm mà. Thực tế còn hơn cả cừ ấy chứ.” Anh đỡ lấy khuỷu tay tôi và dẫn tôi về phía ngôi nhà. “Lại đây nào, để xem chúng ta có thể tìm ra món gì trong bếp của Freda không.”

Thứ chúng tôi tìm thấy, khá bất ngờ, là Iain, anh ta đang ngồi đong đưa trên ghế với đôi bốt gác lên thanh ngang dưới gầm bàn, điều thuốc hút dở trên môi với tư thế hoàn toàn thỏa mãn, đậm chất đàn ông.

“Gì thế này?” Geoff hỏi, chỉ vào chiếc đĩa trống trơn đáng ngờ nằm trên mặt bàn trước mặt bạn mình.

Iain nhe răng ra cười. “Pudding thịt bò và tim cật”, anh ta nói, “cùng khoai tây chiên, salad và quả mâm xôi dầm”.

“Đều thật”, Geoff nói với nụ cười chậm rãi. “Cậu làm thế nào đấy?”

Iain vênh cằm lên phần nộ. “Này, tôi làm việc nặng nhọc cả ngày đấy nhé, chứ không thông dong cưỡi ngựa thăm thú miền quê như tên quý tộc khỉ gió nào kia đâu. Mà chuyến cưỡi ngựa sao rồi?”

“Tôi ngồi yên được trên lưng ngựa”, tôi trả lời. “Vây là thành công lắm rồi.”

Có vẻ dạo này chúng tôi không chạm trán Iain nhiều lắm. Thời điểm này, thời tiết thực ảm áp, anh ta quá bận rộn làm việc trong trang trại và vườn cây ăn quả để thường xuyên vận chuyển vào thị trấn. Tôi phát hiện mình thấy nhớ anh ta, lẫn bộ dạng tùy tiện của anh ta.

“Đàn cừ thế nào rồi?” Đến lượt tôi hỏi lại.

“Ngu ngốc hơn bao giờ hết. Tôi nghĩ hôm nay nếu tạm tách khỏi chúng để hoàn thành một số việc trong vườn hồng ở đây.”

Geoff trao cho anh ta một ánh nhìn hiền từ. “Chúng tôi có một người làm vườn làm việc rất chăm chỉ, Iain à. Cậu không cần lo lắng đâu, cậu sẽ càng khiến bản thân kiệt sức mất thôi.”

“Khi nào người làm vườn nhà cậu học được cách làm việc thỏa đáng, tôi sẽ ngừng lo lắng”, Iain hứa hẹn cụt lủn. “Bên cạnh đó, tôi nghĩ năm nay mình sẽ thử chút gì đó khác biệt. Tôi muốn nghe ý kiến của cậu, nếu cậu có thể bỏ ra chút thời gian.”

“Khi nào?”

Iain nhún vai rộng. “Bây giờ thì sao? Không mất nhiều thời gian đâu.”

Geoff kiểm tra đồng hồ đeo tay, quay sang nhìn tôi, và đợi cái gật đầu của tôi trước khi trả lời. “Được”, anh đáp. “Nếu cậu nghĩ vẫn có thể đi lại sau bữa ăn vừa tiêu thụ. À mà Freda đâu rồi?”

“Bà ấy đi quét dọn thư viện.” Iain bỏ chân khỏi thanh ngang chiếc bàn và khiến chiếc ghế đang ngồi lao lên với tiếng cọt kẹt. “Khoảng mười lăm phút trước.”

“Được rồi.” Geoff quay sang tôi. “Em không phiền nếu gọi bà ấy xuống đây cho anh chứ?”

Tôi nhìn anh hồ nghi. “Gì cơ, ý anh là ở mạn đón khách du lịch á?”

“Ừ. Em không phải lo đâu”, anh đảm bảo với tôi. “Bọn anh không dẫn đoàn tham qua vào chiều muộn thế này. Em biết dùng cửa nào rồi chứ? Tốt. Để xem em có thể thuyết phục được Freda nấu nhanh cho chúng ta thứ gì đó tương tự như bữa tiệc thịnh soạn của Iain ở đây không.”

“Để em xem có thể làm gì”, tôi hứa.

Anh gửi đến tôi một cái nháy mắt kèm nụ cười chiến thắng trước khi theo Iain ra cửa sau. Tiếng cười và trò chuyện râm ran dội lại những ô cửa kính khi hai người đàn ông lên đường ra vườn hồng.

Khi họ khuất hẳn, tôi đi xuôi theo hành lang gấp gheh mờ mịt và đẩy cánh cửa nặng nề phía cuối, cánh cửa chia khu vực riêng tư của Geoff khỏi phần mở cho khách vào tham quan tòa trang viên.

Bằng qua một cánh cửa khác, tôi phát hiện mình đang đứng ở đại sảnh, nhìn chăm chăm chiếc lò sưởi khổng lồ cùng phần gia huy được chạm trổ và sơn màu ngừ bên trên. Những con đại bàng trùm mũ nằm trên tấm khăn màu huyết dụ trông hung tợn hơn những gì tôi nhớ, đôi móng vuốt bằng vàng của chúng quắp vào không khí. Không thể phá hủy. Đó là lời của Geoff về khẩu hiệu bằng tiếng Latin của gia đình anh. Tôi nhìn lại những cặp móng vuốt kia và rùng mình.

Tòa nhà lớn im lìm, y hệt như những gì Geoff nói trước đó. Không có tiếng bước chân nào ngoại trừ của chính tôi vọng lại qua căn phòng sâu hun hút lúc tôi di chuyển từ vùng tối mờ mịt sang phần rọi nắng bên dưới hàng cửa sổ cao vợi vợi ở mặt đông. Tôi thực sự không nghĩ sẽ tìm thấy bà Hutherson vẫn ở trong thư viện, nhưng vào đó tìm trước cũng chẳng hại gì. Và giả sử tôi có tốn mấy phút để nhìn những cuốn sách, ừm, cũng khó mà tránh khỏi, phải không? Nhất là khi ở đó chẳng có những hướng dẫn viên du lịch hay vị khách nào khác phá hỏng việc tận hưởng căn phòng đáng yêu đó của tôi.

Đương nhiên, tôi đã quên bay biển về bức chân dung. Bức chân dung của anh. Ngay giây phút bước vào sự tĩnh lặng mang đầy tính học thuật của thư viện, tôi cảm nhận được đôi mắt của Richard de Mornay chiếu lên mình, rõ ràng như thể hình ảnh trên bức tranh ấy đã từng là một người đàn ông sống động. Tôi nhìn không chớp mắt vào các kệ đựng sách, thậm chí còn đọc tiêu đề của vài cuốn sách tuyệt đẹp hơn cả, nhưng ánh mắt tôi cứ liên tục đảo qua đảo lại với dáng hình lừng lững mặc đồ đen đang liên tục dõi theo tôi từ góc của anh trong phòng.

Cuối cùng tôi cũng hoàn toàn đầu hàng và đến đứng trước bức tranh, nhận ra đôi mắt trên tranh dõi theo sự dịch chuyển của tôi. Siết hai bàn tay sau lưng, tôi hơi ngẩng đầu để nhìn rõ hơn, lấy làm kinh ngạc trước kỹ năng của họa sĩ khi có thể nắm bắt hoàn hảo phần cảm kiêu ngạo, tư thế tay trên hông, nụ cười nửa miệng hầu như không thể phát hiện cổ tình nấn ná trên đôi môi kia...

Tôi tự hỏi điều gì đã xảy đến với người đàn ông này để các thế hệ tương lai không còn nhớ đến tên anh?

“Bọn tôi đặt tựa cho ông là Tay Chơi”, Geoff đã nói với tôi câu ấy vào lần đầu tiên tôi bình luận về tấm chân dung. Chắc chắn đó là một di sản không lấy làm tự hào, với bất cứ một người đàn ông nào. Tôi đã tìm kiếm tên của Richard de Mornay trên những cuốn sổ nặng trĩu ghi chép về những lễ rửa tội, kết hôn và mai táng được mục sư của nhà thờ St. John cất giữ trong phòng lưu trữ.

Chính mục sư cũng tự mình giúp tôi, vùi đôi mắt lơ đãng vào những cuốn sổ chép tay ngay ngắn. “Thị lực của tôi không còn được như xưa”. Người đàn ông già tốt bụng xin lỗi. “Cô biết không, tôi từng làm việc này hàng giờ liền, tìm kiếm tên tuổi cho những người Mỹ muốn lần tìm tổ tiên của họ. Không có”, cuối cùng ông nói, “có vẻ không có Richard nào cả. Đương nhiên”, ông thêm vào, như một lời an ủi, “cũng không phải chúng tôi có tất thấy. Một vài cuốn bị thất lạc trong suốt giai đoạn Không người trị vì, cô biết đấy, khi Cromwell lên nắm quyền lực. Đây không phải quãng thời gian dễ chịu với nhà thờ, tôi e là thế”. Ông cười hiền từ. “Phe Đầu Tròn thường xuyên phá hủy các bản ghi chép và tất cả các món đồ thiêng liêng thuộc về nhà thờ của chúng tôi, kể từ đó họ đã lưu giữ những cuốn sổ, nên thật đáng buồn là việc ghi chép đã bị thiếu hụt. Những ghi chép ở đây, như cô thấy, kết thúc vào năm 1626, và phần tiếp theo không bắt đầu cho đến năm 1653. gần ba mươi năm sau đó. Nhưng cô có thể tìm thấy một mối liên hệ sau đó...”

Thực sự tôi nên lưỡng lự rằng đây sẽ là một nỗ lực vô ích. Cha của Geoff, với lòng mến mộ lịch sử gia đình, đã tìm kiếm tất cả ghi chép của giáo khu về hậu duệ của William de Mornay và đã thất bại.

©STENT

Cái chết của Mariana Farr, vào ngày mùng 3 tháng Mười năm 1728, đã được ghi lại chính xác dưới một bàn tay lưu loát, vô cảm. Nhưng số phận của Richard vẫn còn là một bí ẩn.

Giờ tôi nhìn chăm chăm lên bức chân dung, với cái nhú mày lơ đãng. Nâng một tay lên, tôi để những ngón tay vạch theo tà áo bay bay rũ xuống từ những nếp gấp đầy nghệ thuật trên bờ vai bất động của Richard. Đó là một sai lầm. Ngay cả khi những đầu ngón tay tôi đã rời xa khỏi lớp vải, những bức tường bắt đầu rung chuyển, các gam màu trên bức tranh chạy loạn xạ như thể bàn tay của họa sĩ đã vẽ nên những nét bất cần, khiến đường nét trên gương mặt đẹp trai, cay nghiệt đó nhòe nhoẹt. Vội vã lùi một bước, tôi ép mắt mình nhắm chặt.

Em không thể, tôi khẩn cầu trong im lặng. Anh không thấy em không thể làm vậy sao? Không phải lúc...

Như thể để trả lời cho những ý nghĩ của tôi, cơn chóng mặt giảm bớt và những bức tường đang chao nghiêng chấn động tự mình vững lại, mọi thứ hiện ra một cách vô hại đến yên bình khi tôi lấy dũng khí mở mắt. Hơi thở co rút gấp gáp đẩy kích động khiến hai lá phổi của tôi đau đớn. Tôi nhanh chóng quay lưng lại với bức chân dung và chạy nhanh ra khỏi phòng, chống người lên tấm bản lề kiên cố khiến tôi an tâm phần nào. Tròng cười của cô gái nào đó văng vào hành lang mở tối qua cánh cửa trước hé mở, tôi hướng những bước chân của mình về phía ấy, như một tù nhân tìm kiếm không khí trong lành và sự ấm áp từ tia nắng mặt trời.

Tôi không đến được chỗ cánh cửa. Chỉ còn cách vài bước chân trước khi lần nữa một cảm giác hung tợn ập đến, gần như một vũ lực trừng phạt khiến những hạt mồ hôi lạnh tủa ra trên trán làm tôi phải vò lấy bức tường để nỗ lực giữ bản thân đứng vững. Tôi cố gắng chiến đấu lại, nhưng thất bại. Lần này tiếng chuông rít lên inh ỏi bên tai, tôi cứ thế tuột dần theo hình tròn ốc vào bóng tối. Thời gian tưởng chừng dài vô tận trước khi cơn bão qua đi, bỏ tôi đứng đơn độc trong hành lang câm lặng, đôi bàn tay tôi run rẩy chờ đợi. Tiếng bước chân vọng lại từ lối đi chính sau lưng, tôi quay phắt lại, lần vẩy quét lên sàn nhà bóng loáng. Richard de Mornay ngừng chân ngay khi vẫn cách tôi vài mét, và tôi chờ đợi phản ứng của anh.

Đến thăm anh là một hành vi táo bạo vô cùng, tôi cũng không dám chắc lý do vì sao mình làm thế, có lẽ vì hai bác của tôi đã xuống Salisbury, còn tôi thì trở nên mất trí trước sự tự do bất thường như vậy. Hoặc có lẽ là vì chính những gì Richard đã nói với tôi hôm ở chợ, vì cái vẻ can đảm của tôi. Tôi đã đọc được nét thách thức cười cợt trong mắt anh ngày hôm đó, cũng chính là điều tôi thấy lúc này khi anh tiến thêm một bước lên trước và hơi cúi đầu chào lịch thiệp.

“Hoan nghênh đến lâu đài Crofton”, Richard de Mornay nói.

23. Chương 23

Anh trưng ra một nụ cười độ lượng. “Sau cùng thì em cũng không phải người hèn nhát”, anh nói và tôi cho rằng giọng của anh thoáng có chút thỏa mãn. “Em sẽ đối mặt với con quỷ thực sự cho mà xem.”

Nhưng ngày hôm nay anh trông không giống quỷ cho lắm. Thay vào bộ đồ đen thường gặp là một chiếc áo choàng đắt tiền màu lông bồ câu xám, và chiếc cà vạt đơn giản lộ ra ngoài chiếc áo gi lê lụa màu vàng ôm chặt lấy cơ thể bằng một chiếc thắt lưng to bản. Tôi rất vui khi thấy anh không theo phong cách thời trang chưng diện của các quý ông Luân Đôn. Chiếc quần ống túm cũng không bùng bùng và đầy ruy băng; chúng bó khít quanh cặp đùi cơ bắp và biến mất trong đôi boots tiện dụng ở vùng quê. Không có những chiếc giày gót cao cùng những chiếc khóa và nơ dành cho lãnh chúa trang viên Exbury.

Tôi dùng tay vuốt phẳng vạt váy và nhìn anh một cách can đảm. “Tôi chỉ nhận lời mời của một quý ông thôi, thưa ngài”, tôi êm ái chinh anh, “để mượn vài cuốn sách của ngài ấy”.

“May cho em tôi là một quý ông”, đôi mắt anh cười với tôi, “để em mạo hiểm đến một mình thế này. Đảm bảo lúc này người hầu nhà tôi đang lủ lượm ngất xỉu vì hành động thiếu lịch sự này cho xem”. Tôi mỉm cười khi nhớ lại biểu cảm trên gương mặt người đàn ông đã mở cửa cho mình và lời lắp bắp bối rối lúc bỏ tôi lại để đi tìm ông chủ của anh ta. Một ý nghĩ thỉnh linh tấn công, làm tôi nghiêm túc ngược lên.

“Họ sẽ không để lộ chứ?” Tôi nói nhanh. “Chuyện này, bác tôi...”

“... sẽ không bao giờ được nghe về chuyến phiêu lưu của em”, Richard de Mornay kết thúc câu nói hộ tôi. “Người hầu nhà tôi có thể theo Thanh giáo, nhưng họ cũng rất trung thành. Tôi nghĩ bác em không ở nhà.” Tôi gật đầu. “Ông xuống Salisbury với bác Caroline.”

“Vậy ư?” Tôi nghĩ trong vài khắc, đôi mắt anh đăm lại, nhưng đó chỉ là một ấn tượng thoáng qua và nhanh chóng bị quên đi. “Hừm, vậy tức là chuyến thăm của em không cần vội vã”, anh chắc chắn. “Em muốn xem thư viện trước, hay cả ngôi nhà?”

Đây là một câu hỏi lựa chọn đơn giản. “Xin đưa tôi đến thư viện.”

“Như em muốn.” Anh gật đầu, ra chiều không hề bất ngờ. “Vậy thì theo tôi nào.”

Anh dẫn tôi đi dọc hành lang tối đen và bước ra một lối đi dưới hàng hiên dẫn vào một khoảnh sân nhỏ tĩnh lặng, mát lạnh, xanh mướt và yên bình. Không có bông hoa nào nở trong này ngoài một ít dây hoa mảnh dễ dàng yêu cuốn quanh một tảng đá trắng hình vuông trên nền đất.

“Mộ của mẹ tôi”. Richard nói, khi tôi hỏi anh đó là gì. “Là tín đồ Công giáo, bà từ chối được chôn trong nghĩa địa của nhà thờ.”

Tôi nhăn mày trầm tư. “Đó là lý do anh không tham dự các buổi lễ phải không?”

“Tôi thà nộp phạt và cầu nguyện theo lương tâm còn hơn”, anh đáp. “Tôi không thể tán thành bất cứ nhà thờ nào quá mức xét nét một người phụ nữ ngoan đạo như vậy.”

Anh đẩy mở cánh cửa nặng nề kêu kẹt và dẫn tôi vào một hành lang khác, nơi bầu không khí nặng trĩu hương thơm cay nồng từ đồ da. Tôi thường mơ về những căn phòng không chứa gì khác ngoại trừ những cuốn sách, nhưng tôi chưa bao giờ thực sự nhìn thấy một căn phòng như thế, bởi vậy ngay ánh nhìn đầu tiên trước thư viện của Richard de Mornay lập tức khiến tôi đỡ người cảm lạnh.

“Tất cả chỗ này đều thuộc về anh sao?” Tôi kinh ngạc hỏi, đôi mắt rà khắp hàng sách trải ra vô tận và anh bật cười trước sự ghen tị vô biên trên gương mặt tôi.

“Ừ. Một ngày nào đó tôi sẽ xây một căn phòng rộng hơn cho chúng, nhưng giờ cũng đủ rồi. Em có thể mượn bất cứ thứ gì em thích.”

Tôi phải mất cả tháng mới đọc được hết tất cả các tiêu đề. Tôi tiến lên trước và chọn nhanh một cuốn sách nhỏ, dày cộm từ một trong những chiếc kệ thấp hơn. “Tôi có thể chọn cuốn này không?” Tôi hỏi anh.

“Shakespeare?” Anh gọi tên sự lựa chọn của tôi, rồi hiểu kỳ nhưn một bên mày. “Cứ lấy đi, nếu em muốn. Đó là Ấn phẩm thứ Hai[1], và bao gồm một bài thơ kỳ dị của Milton, kể tội đồ già nua, dưới dạng thường được khắc trên bia mộ.”

[1] Nguyên tác: Second Folio - tên đặt cho tuyển tập các tác phẩm của William Shakespeare ra đời vào năm 1632, tiếp theo ấn phẩm đầu tiên in năm 1623.

Một cách thành kính, tôi vuốt nhẹ những ngón tay lên bìa cuốn sách. “Cha tôi thường ca ngợi thơ của Milton”, tôi nói, “dù ông không tán đồng những quan điểm chính trị của ông ta”.

“Ông ta là một kẻ đáng ghê tởm”. Richard đồng ý, “nhưng cũng là một nhà thơ phi thường. Tôi nghe nói ông ta vừa hoàn thành một thiên anh hùng ca về sự sụp đổ của con người, nhưng không thể tìm được chỗ nào in cuốn đó”.

Kể từ giai đoạn Không người trị vì, Milton hung hăng đã bị mất đi sự ái, và người đàn ông từng viết những dòng độc địa bảo vệ phe muốn hạ sát nhà vua giờ đang sống trong mù lòa cùng nỗi cô đơn cay đắng. Còn tôi, tôi là người không hề thương tiếc trước sự sụp đổ của ông ta. Sự cuồng tín ở ông ta luôn luôn khiến tôi sợ hãi.

Chọn xong, chúng tôi rời thư viện và đi dọc theo sân trong thêm lần nữa, rồi lần này bước qua một cánh cửa khác để vào phần chính của ngôi nhà. Tôi đi theo vị chủ nhà xuôi theo một hành lang trưng bày dài, nơi những tấm chân dung thẩm mỹ nhìn trừng trừng xuống tôi từ vị trí đầy lợi thế của chúng trên bức tường ốp gỗ. Mọi ánh mắt đều mang vẻ chê trách. Mọi ánh mắt đều như vậy, ngoại trừ cặp mắt thuộc về một người đàn ông trẻ bước bình trên tấm chân dung gần cuối cùng.

“Là tấm chân dung của ngài sao, thưa ngài?” Tôi ngừng lại để nhìn. “Một sự tương đồng tuyệt vời.” “Được vẽ bởi Lely”, anh nói với tôi trong khi cho bức tranh của mình một ánh nhìn định giá, “không lâu sau khi tôi trở về từ Pháp. Một chút hư vinh nho nhỏ, về phần của tôi”.

“Và đây?” Tôi di chuyển sang tấm chân dung thứ hai và thoáng nhú mày trước gương mặt của một cậu bé bánh chọe tự mãn với mái tóc xoắn vàng và đôi mắt biếng nhác.

Richard nhìn theo. “Arthur, cháu tôi”, anh nhận diện đứa bé. “Nó có vẻ ngoài của em trai tôi, nhưng tôi e không có tính nết của em trai tôi.”

Tôi lừng chừng không muốn đi, nhưng anh đẩy tôi về phía trước, đi qua một khung cửa khác để vào một căn phòng rộng mênh mông có những khung cửa kính sáng choang và trần nhà dường như cũng cao vợi vợi như những mái vòm trong một nhà thờ lớn.

“Ôi”, tôi thở hắt ra, đôi mắt hướng tới lên cao. Đây là một căn phòng, tôi kinh ngạc, dành cho một công chúa. Những tấm vải nhung và thảm len trang trí màu đỏ thẫm và xanh biển treo đầy các bức tường, phô bày hình ảnh của các thần dê mắt đen bóng cùng các tiên nữ trắng nõn nà, có Vulcan[2], Venus cùng rất đông các vị anh hùng cổ xưa. Bao quanh căn phòng là những bộ móc đèn treo tường bằng bạc cắm đầy nến, sẵn sàng chiếu rọi đại sảnh với hàng trăm đốm sáng và xua đi màn đêm mãi mãi. Ánh sáng cũng tỏa ra từ lò sưởi nữa, tôi thầm nghĩ, lò sưởi bằng đá cỡ lớn có thể đốt vừa những thanh gỗ cháy rừng rực có chiều dài và bề ngang bằng cả một người đàn ông...

[2] Thần thợ rèn, người chồng chính thức của Venus - thần vệ nữ trong thần thoại Hy Lạp.

“Đây là một căn phòng đẹp”, Richard nói, bên cạnh tôi. “Tôi rất hối tiếc khi đồ đạc nghèo nàn như vậy, nhưng phần lớn đồ đạc đã bị bán đi trong suốt những năm cha tôi bị giam cầm.”

Quả thật căn phòng không có mấy đồ đạc, ngoại trừ vài chiếc ghế và bàn nhỏ, đặt gần lò sưởi lạnh lẽo, nhưng dường như cũng chẳng đáng bận tâm. Tôi tiến một bước lên trước, vươn cổ để nhìn lên huy hiệu chạm khắc trên mặt lò sưởi.

“Gia huy của gia đình tôi”, anh cho biết. “Những con điều hầu đội mũ giáp nhắc chúng tôi nhớ không được tin cậy những gì mắt mình nhìn thấy trên chiến trường, mà phải mù quáng theo sau đức vua. Chúng tôi nghe theo trái tim dẫn dắt”, anh giải thích, “chứ không phải trí óc. Và xem xem chúng tôi đã phải trả giá biết bao nhiêu”.

“Nhưng các ngài không thể bị phá hủy”, tôi chỉ ra. “Như khẩu hiệu của gia đình ngài, ít nhất cũng được phần nào an ủi.”

“Em đọc được tiếng Latin sao?” Giọng anh hoài nghi, tôi thì xấu hổ cụp mắt xuống. “Cha tôi đã dạy tôi”, tôi lí nhí thủ thỉ. “Ông bảo nếu một nữ hoàng có thể đọc được tiếng Latin, thì tôi cũng nên như thế.”

“Cha em hẳn phải là một người đàn ông phi thường. Ông mới mất gần đây phải không?”

Tôi lắc đầu. “Chín năm trước rồi. Ông bị sốt, rồi không hồi phục được nữa. Năm ấy tôi mười một tuổi.”

“Em không giữ lại cuốn sách nào của ông cho bản thân mình sao?”

“Chúng bị đốt”, tôi nói thẳng. “Mọi thứ trong ngôi nhà đều bị đốt cháy, sau cái chết của mẹ tôi, vì sợ bệnh dịch.”

Anh nhìn chăm chú xuống tôi. “Mẹ em chết vì bệnh dịch sao?”

Tôi gật đầu, không thể thốt nên lời, còn anh hơi lắc đầu đồng tình. “Chuyện đó thật kinh khủng”, anh nói. “Tôi nghe nói khoảng năm trăm người đã chết vì bệnh dịch ở Luân Đôn chỉ trong một tuần vừa rồi, và còn tăng nữa.”

“Sự báo thù của Chúa với những kẻ xấu xa”, tôi lơ đãng nói chậm, rồi liếc nhìn lên xin lỗi. “Đó là điều bác tôi đã nói.”

Gương mặt anh đanh lại. “Bác em là một tên ngốc. Sự báo thù chỉ có trong tâm trí của ông ta chứ chẳng ở nơi nào khác. Ông ta ở phe chiến bại, nên ông ta muốn nhìn những kẻ chiến thắng khốn khổ.”

Tôi trừng mắt nhìn anh, không hiểu hết những gì anh nói, anh đột nhiên mỉm cười, sắc tầm tối tan dần khỏi gương mặt. “Cuộc chuyện trò của chúng ta dần trở nên thê lương rồi”, anh phàn nàn. “Tôi xin lỗi. Lại đây nào, hãy để tôi dẫn em tham quan ngôi nhà trước khi chúng ta dùng bữa.”

“Tôi không thể ở lại dùng bữa với ngài được, thưa ngài”, tôi lắc đầu phản đối.

“Tôi nhất định phải mời em ở lại. Tôi không được thiết đãi khách khứa thế này.”

Tôi đứng chôn chân tại chỗ. “Tôi không thể”, tôi lặp lại. “Rachel sẽ lo lắng nếu tôi về nhà muộn.”

Anh cười ranh mãnh. “Tôi có thể cho Evan đến Đền Cừ Xám, để báo cho cô ấy biết về sự chậm trễ của em”, anh nói. “Rồi cô ấy sẽ không quá thiết tha chờ đợi em về nhà đâu.”

Tôi bắn cho anh ánh nhìn hốt hoảng. “Ngài nhất định không thể cho Evan đến chỗ cô ấy được!”

“Theo những gì tôi biết thì cậu ta giờ đã ở đấy rồi.”

“Nhưng Rachel đính hôn rồi”, tôi nói với anh, “với Elias Webb”.

“Thì sao?” Anh nhún vai. “Có thể dễ dàng thấy được cô ấy không yêu lão già hủ bại kia. Và tôi đánh cược Evan sẽ không phản khởi nhường bước sang một bên trước viên khâm sai xấu xa của chúng ta đâu.”

“Cô ấy không thể chống lại bác tôi”, tôi lặng lẽ nói.

“Vậy thì cô ta không xứng với tình yêu của bạn tôi. Thề có Chúa, tôi khinh thường người đàn bà nào yếu đuối và màu mè!” Tôi biết anh đang thách thức tôi.

Anh tiến lại gần hơn, đẩy tôi dựa vào lò sưởi. “Em sẽ ở lại dùng bữa với tôi chứ, hay là không?”

Tôi lại lắc đầu, bởi không tin vào giọng nói của bản thân.

“Thôi thì một điệu nhảy vậy”, anh bất ngờ đề nghị, nét cười lấp lánh trong đôi mắt. “Phải có gì đó đèn bùm cho lòng mến khách của tôi chứ.”

“Tôi không biết nhảy.”

“Tôi sẽ nhảy những bước đơn giản thôi”, anh hứa hẹn, còn tôi thì bắt lực lắc đầu. Khiêu vũ nơi không người với một người đàn ông thì đúng là chưa từng nghe nói bao giờ, tôi trầm nghĩ, và người đàn ông đó lại còn

không phải chồng mình nữa chứ. Làm như vậy chẳng khác gì một cô gái làng chơi hay những kẻ thiếu đứng đắn, ấy vậy mà ý nghĩ về nó vẫn khiến máu tôi chảy rần rật vì sự kích động rất đáng chê trách này.

“Không có nhạc”, tôi vừa nhận xét vừa rút lui thêm một bước nữa. Richard de Mornay mỉm cười. “Em có muốn tôi gọi cậu bé trông ngựa nhà tôi không? Cậu ta chơi đàn luyt giỏi vô cùng, tôi đảm bảo cậu ta sẽ đồng ý chơi một giai điệu có thể khiến vũ được cho chúng ta.”

“Không”, tôi ngập ngừng nói, không mong muốn có nhân chứng cho sự điên rồ của bản thân.

“Vậy thì em phải nhảy chạy thôi. Hoặc tôi có thể hát, nếu em muốn.” Anh chìa bàn tay ra. “Lại đây nào, em đâu phải người hèn nhát. Một điệu vũ, một bước đơn giản, và hết nợ.”

Sập bầy, tôi đón lấy tay anh.

Sau cùng thì anh cũng hát, êm ái và bằng tiếng Pháp. Anh có một chất giọng trầm và dịu dàng, hơi thở ấm áp phả lên má tôi khi anh dẫn tôi xoay vòng quanh căn phòng vắng lặng âm vang. Đó là một cảm giác đầy tội lỗi.

Tôi húng hắng ho một chút. “Ca khúc ngài hát tên là gì vậy?”

“Aux plaisirs, aux délices, bergères[3]”, anh đáp. “Mẹ tôi thường hát cho tôi nghe khi tôi còn nhỏ.”

[3] Được Pierre Guéron sáng tác.

“Nghe có vẻ là một bài hát vui vẻ.”

“Đúng vậy. Nó khuyên chúng ta nên sống trong tình yêu, vì thời gian một đi không trở lại, từng giờ từng giờ, cho đến khi những gì còn sót lại chỉ là nỗi tiếc nuối.” Anh xoay người tôi ra xa bên dưới những khung cửa sổ dài. “A vamour, aux plaisir, aux boccege”, anh dịu dàng trích dẫn, rồi dịch sang tiếng Anh: “Trong tình yêu, trong mê mải, trong những khu rừng, hãy sống hết mình những ngày tươi đẹp..”

Tôi lặng câm ngược nhìn lên anh, trái tim như muốn nhảy lên cổ họng. Tôi không phát hiện chính xác chúng tôi đã ngừng khiêu vũ từ lúc nào, lúc anh hướng đôi mắt sâu thẳm, mang sắc xanh ngắt của khu rừng và dùng dụng chạm tinh tế vạch theo đường nét gương mặt tôi.

“Đây là những ngày tươi đẹp của em, Mariana Farr ạ”, anh dịu dàng nói, rồi bỏ vai che hết ánh mặt trời lúc cúi đầu xuống hôn tôi.

Hắn anh sẽ phát hiện ra đây là lần đầu tiên tôi được một người đàn ông hôn. Tôi không biết phải làm sao, không biết làm thế nào đáp lại cơn xúc cảm lạ lẫm và mới mẻ dâng lên trong người. Dụng chạm của anh quá tuyệt vời, quá ngọt ngào, dịu nhẹ và đau đớn, để rồi lúc kết thúc tôi có cảm giác như thể mình vừa bị chiếm đoạt.

Anh nhìn tôi và bật cười, anh ôm mặt tôi trong tay và nói điều gì đó, bằng tiếng Pháp trầm thấp, cụm từ nào đó tôi không thể bắt kịp, gương mặt anh lại nhòe trước mắt tôi lúc anh cúi mình hôn tôi lần nữa...

Cảnh tượng trước mắt tôi trở nên rõ ràng. Tôi đang đứng, trơ trọi một mình, cạnh những khung cửa sổ cao vợi vợi ở đại sảnh, nhìn chăm chăm ra ngoài bãi cỏ nơi hội tụ của những chiếc bóng chiều muộn đang dần vươn xa. Tôi có thể nhìn thấy Geoff và Iain, vẫn đứng trong vườn hồng cạnh bức tường ngăn cách nghĩa địa của nhà thờ, mái đầu đen cúi xuống mái đầu màu nâu đỏ, chăm chú lắng nghe, trong khi Iain chống người lên chiếc thuổng và nói chuyện.

Thực sự tôi chỉ nhìn thấy họ trong thoáng chốc, và sau đó tầm nhìn của tôi nhòe đi, lần này là vì những giọt nước mắt. Tôi nhanh chóng chớp mắt ngăn chúng lại, song chúng lại dâng lên từ nơi nào đó tưởng chừng như vô tận sâu bên trong tôi, tuôn trào dữ dội trong đôi mắt đỏ đau của tôi. Khóc thế này thật ngu ngốc, tôi kiên định nhắc nhở bản thân. Vô cùng ngu ngốc. Sau cùng, đó chỉ là một nụ hôn, và đã diễn ra từ lâu... từ quá lâu rồi...

Tôi nghe thấy tiếng bước chân ngập ngừng trên khung cửa đằng sau, theo cùng một tiếng ho do dự. “Xin lỗi, thưa cô, nhưng... tôi có thể giúp gì cho cô không?” Đó là giọng của một cô gái và tôi đột nhiên nhớ đến những hướng dẫn viên.

Tôi quay lại và nhìn thấy gương mặt cô gái giãn ra khi nhận ra tôi. “Ôi, là chị à, chị Beckett. Em không nghĩ ra là ai nữa... Em bảo này”, cô gái nhăn mày nói, “chị vẫn ổn đấy chứ?”.

Tôi với tay chạm vào gương mặt nóng rẫy của bản thân và cảm giác những giọt nước mắt đầm đìa trên hai má, sợ hãi rằng tôi chẳng thể làm gì để ngăn chúng lại. Tôi nhẹ hết cả người khi nghe thấy giọng nói điềm tĩnh, sáng khoái của bà Hutherson vang lên từ khung cửa căn phòng.

“Không cần lo đâu, Sally”, bà đều giọng nói với cô gái trẻ để cô bé yên tâm. “Chị Beckett đây chỉ bị sốc một chút thôi. Giờ cháu có thể khóa cửa được rồi đấy.” Bà cứ như thể mẹ của tôi, khi vòng tay ôm chặt lấy tôi và dẫn ra khỏi đại sảnh rồi theo hành lang dài đến phòng bếp, trong khi đó không quên duy trì mạch chuyện trò vui vẻ. Tôi thật sự không nghe được bất cứ điều gì bà nói, nhưng sức mạnh từ sự điềm tĩnh trong giọng nói của bà khiến tôi định thần lại, đến khi bà đặt tôi ngồi xuống một trong những chiếc ghế trong nhà bếp, những giọt nước mắt của tôi đã rơi thành những tiếng sụt sịt đứt quãng.

“Nào, nào.” Bà vỗ về vai tôi. “Những gì cháu cần là một tách trà thật đặc.”

Tôi cảm giác chắc chắn một tách trà đặc ngon lành sẽ là hành động đầu tiên của Alfreda Hutherson trước bất cứ một cơn khủng hoảng tinh thần nào.

Bà bắc ấm lên bếp và nhìn tôi, đôi mắt thân thiết. “Ta cho rằng gặp phải chuyện như vậy có hơi sốc với cháu.”

“Anh ấy đã hôn cháu”, tôi nói, như thể điều này giải thích cho tất cả mọi chuyện.

“Phải rồi, cháu yêu, ta biết mà. Nào, giờ lau mặt đi”, bà đưa cho tôi một tấm khăn ướt và hướng dẫn. “Đám đàn ông sẽ đến đây bất cứ lúc nào.”

Tôi lau mặt và để nó tự khô, rồi nỗ lực thu mình lại. Đột nhiên nhớ đến gì đó, tôi vụt ngược lên, rồi như tờ vò vì ý nghĩ ấy. “Cháu không thể ngăn nó xảy ra”, tôi nói với bà. “Trước đây cháu còn có khả năng ngăn được, nhưng giờ cháu không làm được gì hết.”

“Nào nào.” Đôi mắt xanh dương của bà vô cùng thông thái. “Rồi cháu sẽ học được một bài học giá trị từ đây, không phải sao? Cháu không thể đánh lừa số mệnh, Julia ạ. Nếu cháu không tìm kiếm những bài học từ quá khứ, vậy thì quá khứ sẽ tìm đến cháu.”

24. Chương 24

Tôi vẫn thường xuyên nhớ lại những lời nói đó trong vài ngày tiếp theo, cảm thấy trăn trở nhiều hơn về ý nghĩa của chúng. Dẫu vậy tôi cũng không hề may mắn hiểu được những bài học từ quá khứ có thể là gì. Tôi chỉ biết rằng quá khứ - quá khứ của tôi - sẽ không thể lờ đi, và tôi càng trì hoãn thì chuyến trở về của tôi càng trở nên khó khăn, cả về mặt thể chất, lẫn xúc cảm. Và sau trải nghiệm gần đây nhất, tôi không chắc mình có còn muốn trì hoãn thêm không nữa. Dù gây ra nhiều bối rối, nhưng tôi phải thừa nhận dòng ký ức về một người đàn ông đã chết từ lâu sở hữu loại quyền năng bao phủ tôi hơn bất cứ thứ gì tôi có thể chạm đến ở hiện tại.

Nếu ý tưởng đó làm tôi bối rối, thì nó lại khiến Tom hoảng loạn. Tôi có thể cảm nhận được áp lực từ việc phản đối của anh qua đường dây điện thoại.

“Quá nguy hiểm”, đó là đánh giá của anh.

“Giờ cũng không còn là quyết định của em nữa phải không?” Tôi thách thức anh trực diện. “Nó vẫn xảy ra dù em có muốn hay không đi chăng nữa.”

“Anh tưởng em đã nói có thể kiểm soát được. Em chẳng bảo đã tìm ra cách để trấn áp và xua nó đi rồi còn gì.”

“Không phải lúc nào cũng hiệu quả”, tôi thừa nhận. “Nghe này, Tom, em hứa sẽ cẩn thận. Em sẽ khóa tất cả các cánh cửa và giấu chìa khóa đi, nếu anh muốn. Em sẽ ở bên trong ngôi nhà. Và em sẽ chỉ thực hiện một tuần một lần thôi, em hứa...”

“Không, đừng có hứa”, cuối cùng anh cũng cười nói. Tôi có thể nghe thấy tiếng cười của anh, và cảm giác bản thân thả lỏng khi anh nói với giọng ít cương quyết hơn. “Anh không thích ý tưởng ấy”, anh nói với tôi. “Anh vẫn nghĩ em đang quá mạo hiểm. Nhưng nếu em cẩn thận và lý trí, cố gắng giữ khoảng cách với mọi thứ, thì anh nghĩ mình không thể thực sự phản đối, phải không? Ý của anh, như em đã nói đấy, dường như chẳng có quá nhiều lựa chọn.”

Lần này đến lượt tôi mỉm cười. “Thần chú không được áp dụng trong những trường hợp thế này nhỉ?”

“Ừ.” Anh bật cười. “Các mặt khác em vẫn ổn đấy chứ?”

“Hoàn toàn”, tôi cam đoan với anh. “Công việc của em cực kỳ ổn và em không có gì phàn nàn hơn nữa về ngôi nhà cả.”

“Anh đoán em vẫn đi dạo với cậu chàng Geoff đó phải không?”

Tôi đáp với một lời khẳng định, và biết ơn cực kỳ vì anh đã chịu thay đổi chủ đề. Tôi vẫn chưa tiết lộ với Tom giả thuyết Geoffrey thực sự là Richard của tôi. Mà tôi cũng chưa nói với anh về bà Hutherson. Tôi nghĩ bản thân mình đang e sợ, bởi nếu kể với anh rằng thực tế tôi đang xin ý kiến của một bà đồng và ngày một thân thiết với người tình của Mariana trong kiếp này, rất có thể tôi sẽ kéo giãn hết giới hạn lòng tin của anh trai mất thôi. Và tôi thì cần anh tin tưởng mình đến khôn khổ.

Cho đến giờ, có vẻ đây là những gì thể hiện ở anh. “Tự chăm sóc bản thân”, đó là lời khuyên duy nhất anh đưa cho tôi trước khi tôi treo máy. Và tôi khắc ghi trong tâm trí.

©STENT

Tôi chọn một giờ thích hợp vào buổi sáng, khi vài người khác vẫn còn chưa thức giấc. Tôi đẩy tất cả đồ đạc trong phòng tranh vào một góc, để không có gì ngăn trở Mariana từ khung cửa đến giường và từ giường đi ra cửa sổ. Tôi khóa chốt cố định trên cả hai cửa, từ bên trong, và nhét chùm chìa khóa dưới chồng hóa đơn lẫn thư từ trong ngăn bàn của tôi. Rồi sau đó, chỉ ngay sau đó, tôi mới ngồi xuống bàn bếp và đốt nến.

Chuyến du hành ngược thời gian đầu tiên của tôi kéo dài chưa đến nửa giờ, điều này không khỏi gây thất vọng cho tôi sau những công đoạn chuẩn bị công phu. Tôi thừa nhận, nó buồn tẻ chết người. Bởi gần như hầu hết thời gian, Mariana đơn giản chỉ ngồi nhặt rau bên bàn bếp, trong khi Caroline cho cậu bé tên John bú sữa gần lò sưởi. Không một ai trong hai người phụ nữ cất lời. Khi tôi quay trở lại với thời hiện tại, tôi thấy hoàn toàn thoái chí.

Nhưng vài nỗ lực tiếp theo thu được nhiều thành tựu hơn. Lại lòng ở chỗ, tôi thử quá trình đốt nến trong phòng khách thay cho nhà bếp, thì phát hiện bản thân đang ngồi trước khung thêu, lắng nghe Caroline và Rachel thảo luận về kế hoạch tổ chức đám cưới. Thực tế giống tự thoại thì đúng hơn. Caroline nói về hoa, váy vóc và khách mời với giọng sôi nổi, trong khi Rachel cúi đầu vào công việc may vá và lẩm bầm những lời đáp hầu như không thể nghe thấy. Cô ấy giữ biểu cảm của mình tránh khỏi mắt chị gái, nhưng gương mặt ửng đỏ và khôn khổ đằng sau mái tóc vàng nhạt buông xõa.

Tiệc cưới được tổ chức ở Đàn Cừ Xám, bởi nhà của chú rể quá bé để tiếp đón tất cả các vị khách - từ cuộc nói chuyện của Caroline, tôi nghe ngóng được rằng cả dân làng đều đã được mời. Cô dâu và chú rể sẽ trải qua đêm đầu tiên dưới mái nhà của bác tôi, trước khi chuyển về ngôi nhà của các viên khâm sai trong làng. Thật khó mà tưởng tượng Rachel sẽ chung sống với Elias Webb trong ngôi nhà hoang vắng chật hẹp có những ống khói đen kịt cùng khung cửa sổ ảm đạm đó; song việc tưởng tượng các vị khách sẽ khiêu vũ trong phòng khách của bác tôi thì càng khó khăn hơn. Tôi đang cố nặn óc hình dung thì giọng bác gái vang lên phá tan những dòng suy tưởng của tôi.

“... và đương nhiên chúng ta phải mời ngài de Mornay, theo phép lịch sự, dù Jabez sẽ không chịu nổi sự hiện diện của người đàn ông đó vào bất cứ ngày nào khác. Và chị đảm bảo ngài lãnh chúa của chúng ta sẽ mang chàng trai tên Gilroy đi cùng, dù cậu ta hoàn toàn không được mời. Đây là rắc rối với giới quý tộc”, bác phàn nàn. “Họ có thể làm bất cứ điều gì theo ý thích, còn chúng ta đành chịu đựng hậu quả mà thôi.”

Bên cạnh tôi, Rachel nín thở khi cây kim đâm vào ngón tay, và tôi nhìn thấy một giọt máu nhỏ xíu rớt trên tấm vải mà cô ấy đang khâu...

Cuộc dạo chơi đến quá khứ chấm dứt ở đây, tôi đã đợi vài ngày trước khi thử lại một lần nữa. Bằng việc giới hạn bản thân bên trong ngôi nhà của chính mình và lặp lại quá trình trong những căn phòng khác nhau, tôi thấy mình đang dần thu thập khá hoàn chỉnh bức tranh về cuộc sống thường nhật của Mariana, cũng như cuộc sống của những người xung quanh cô. Thương hại là cảm giác mỗi lúc một sâu đậm qua từng ngày của tôi với Caroline. Rachel kể với tôi rằng Caroline cũng từng có thời hoạt bát và nhiệt huyết như cô ấy vậy. Rằng bầu nhiệt huyết của bác ấy dần dà cũng bị Jabez xói mòn lóe lên trong tâm trí tôi, nỗi ngờ vực ngày một củng cố bởi những vết thâm tím thi thoảng xuất hiện trên gương mặt nhợt nhạt của Caroline, hay tia nhìn táo bạo mới được phát hiện trong đôi mắt bác những lúc bác ôm và đong đưa đứa bé đang gào khóc. Tôi cũng thương hại đứa bé. Chẳng có chút thân ái nào trong đôi mắt Jabez Howard, không ẩn chứa một chút âu yếm mỗi khi ông ta nhìn con trai, chỉ có sự lạnh lùng cùng một dạng ghét bỏ đầy xa cách. Tôi nghĩ đến cha tôi, những gì ông đã dạy tôi, khiến trái tim tôi khóc than thay cho John bé bỏng.

Với tôi, Jabez Howard vẫn duy trì sự lịch sự sứt sẹo, thường xuyên hơn cả là thái độ thờ ơ và bí ẩn đến khó hiểu. Có những ngày, bác ấy vắng mặt để giải quyết công việc làm ăn. Những ngày khác, khi tiếng gõ vang lên ở cửa trước, tôi sẽ nhanh chóng rút lui vào phòng, dành nhiều giờ trong sự im lặng mộ đạo. Tôi không bận tâm quá nhiều, nếu có thì tôi sẽ đọc Shakespeare, lôi cuốn sách đi mượn quý giá từ nơi ẩn giấu bên dưới gầm giường của mình ra.

Dù vậy, có một lần, chìm đắm trong sự can đảm liều lĩnh và nỗi tò mò nung nấu, tôi rời phòng và len lén đi đến đỉnh cầu thang lúc các vị khách của bác tôi đến nhà. Hé mắt nhìn qua lan can, tôi chỉ có thể thấy phần phía sau đầu của bác tôi và gương mặt có đôi mắt tăm tối của viên khâm sai mang tên Elias Webb, hôn phu của Rachel, dù vậy giọng nói của những người đàn ông khác không nhìn thấy mặt cũng vọng đến chỗ tôi. Sau khi chào nhau, họ đi vào phòng khách rồi đóng cửa, đến đây thì giọng họ mất hút. Thất bại, tôi lẩn về phòng, không nghiệm ra được chút nào về những hoạt động kỳ quái của bác tôi.

Đương nhiên, bởi chưa bao giờ rời khỏi nhà trong suốt khoảng thời gian du ngoạn về quá khứ, thành ra tôi cũng không bao giờ chạm trán Richard de Mornay, dấu vậy tôi đã trông thấy anh cười ngửa vài lần qua cánh đồng đằng sau ngôi nhà. Tôi cũng biết rằng ít nhất vào một lần có cơ hội, Mariana đã quay lại lâu đài Crofton. Tôi biết bởi cuốn sách tôi đọc đã đổi tác giả từ Shakespeare sang Fletcher, và bởi tôi vẫn lưu giữ ký ức về sự kề cận của Richard vào chuyến viếng thăm cuối cùng, khi chúng tôi đi vào trung tâm của mê cung đồ sộ, ken đặc với hương thơm từ cây thủy tùng được xối qua làn mưa, rồi lại để rơi mất đồ đạc của mình trên đường ra nên chúng tôi vui vẻ quay lại, thành ra tìm mãi lối ra mà không được.

Rồi anh lại hôn tôi, giống như cái ngày ở trong đại sảnh, ký ức về nụ hôn đó khiến hai má tôi nóng rẫy.

Tôi đã chạy bộ cả quãng đường về nhà trong cơn mưa, Rachel chỉ cần nhìn một cái vào bộ váy sũng nước lẫn đôi mắt long lanh của tôi liền ngay lập tức luận ra tôi đã đi đâu. Cô ấy mỉm cười với tôi, một nụ cười khoan dung buồn bã, tôi biết cô ấy sẽ giữ bí mật. “Ít nhất thì một trong hai chúng ta cũng sẽ có được chút hạnh phúc”, cô ấy đã nói với tôi thế đấy.

Nhưng trong khi Richard de Mornay rõ ràng đã hôn Mariana Farr, và hơn một lần, họ vẫn chưa phải người tình của nhau. Trong tâm trí tôi quá chắc chắn rằng họ được sinh ra để trở thành người tình của nhau, rằng tôi thấy bản thân ngày một gia tăng tần số du ngoạn ngược thời gian của mình hơn. Việc khởi đầu chỉ như một nghi thức diễn ra hằng tuần bắt đầu trở thành thường nhật. Đến tuần cuối cùng của tháng Bảy, tôi đều dành ra hai, ba giờ mỗi sáng để lạc mình vào thế kỷ XVII.

Tôi giải thích việc mất tăm mất dạng vào ban sáng với mọi người bằng cách nói rằng phải vẽ bản thảo, nhưng dường như cũng chẳng có ai mấy chú tâm. Geoff hiếm khi dậy sớm hơn mười một giờ trưa - lý do đưa ra là anh thường thức khuya đọc sách - trong khi Tom thường xuyên bận rộn với các giáo dân, và Iain thì quá chuyên tâm vào công việc đồng áng đến mức hầu như tôi chẳng thấy anh ta bao giờ. Vivien cũng bắt đầu biến mất vào vài buổi sáng, dù không ai hoàn toàn chắc chắn cô ấy đã đi đâu. Có lần, sự vắng mặt của cô ấy kéo dài sang đến tận chiều, lúc Geoff cùng tôi ngừng lại ở quán Sư Tử Đỏ vào ngày thứ Bảy cuối cùng của tháng Bảy, chúng tôi phát hiện chỉ có Ned đang trông quầy bar. “Hỏi tôi không ăn thua đâu”, Ned vừa nói vừa rót hai vại bia cho chúng tôi với thái độ bất bình, “tôi chịu không biết cô ấy đi đâu cả. Chẳng ai

buồn bận tâm kể với tôi cái gì”. Anh ta quay trở lại với tờ báo, bởi rõ ràng sẽ không có thêm cuộc chuyện trò nào diễn ra ở quầy bar, Geoff và tôi rút về một chiếc bàn gần cửa sổ.

©STE.NT

Jerry Walsh không hề có chung bản tính lầm lì ít nói của cậu con trai, ông phần khởi chào tôi từ góc chiếc bàn đông đúc. “Chào nhé, cháu yêu! Cháu sao rồi?” Ông hỏi tôi với giọng sôi nổi, do mới được tiếp thêm cồn.

Tôi mỉm cười và quả quyết với ông rằng mình vẫn ổn.

“Cháu đang dính với cái tên phá quấy này đấy à?” Ông xĩa một ngón cái về phía Geoff và vờ vệt lắc đầu ra chiều thông cảm. “Cháu cần trông chừng cậu ta đấy, cháu yêu ạ, cậu ta thực sự đã làm tan nát nhiều trái tim lắm đấy.”

Geoff nhe răng ra cười. “Bác nên chú ý đến lời nói của bản thân, Jerry à”, anh cảnh báo người đàn ông già tốt bụng, “không thì cháu sẽ kể cho cô gái này nghe những câu chuyện cháu nghe được về bác đấy nhé”.

“Hiểu rồi”, Jerry nói, hài hước nháy mắt với tôi rồi quay lại chiếc bàn có các chiến hữu vui nhộn của mình, một vài người trong số họ liếc mắt thích thú về phía chúng tôi khi họ nâng cốc uống, chắc chắn đang bàn luận về tiềm năng của mẫu tin đồn mới nhất này cho xem. “Tôi đã nhìn thấy chàng trai trẻ nhà de Mornay đi với cô nàng họa sĩ vào quán bar hôm nay...”, tôi đánh cuộc đây sẽ là lời mở đầu tại rất nhiều cuộc chuyện trò vào thời gian uống trà ngay chiều nay.

“Vậy là”, tôi nói với Geoff, tiếp tục cuộc thảo luận dở dang trên đường đến đây, “anh sẽ quay lại Pháp vào tháng Chín”.

“Trong vòng sáu tuần.” Anh gật đầu. “Đáng tiếc, một số trong đó là dành cho công việc, với văn phòng của bọn anh ở Paris, nhưng sau đó anh sẽ xuống thẳng Antibes và chiếc thuyền. Mẹ anh rất có thể đang ở Tây Ban Nha vào tháng Chín, đấy là bà nói thế. Nếu vậy anh có thể đến thăm bà vài ngày. Anh không biết nữa.” Anh không thường xuyên nhắc đến mẹ, trong khoảng thời gian chúng tôi quen nhau.

“Vậy là bà có một ngôi nhà ở Tây Ban Nha sao?” Tôi hỏi thăm, với giọng vô tư nhất của mình.

“Không.” Anh lắc đầu. “Thời gian này, bà sống chủ yếu ở Ý. Nhưng bà đã nhắc điều gì đó về Tây Ban Nha vào lần mới đây gọi điện cho anh - Pamplona, anh nghĩ vậy.”

“Chỗ của những chú bò tốt đấy à?”

“Ừ.” Miệng anh xoắn lại nhăn nhó. “Hầu như lần nào ghé thăm mẹ anh cũng hơn cả một thức thách. Bà luôn cố gấn anh với các cô con gái của bạn bà, cố gấn ép anh kết hôn. Anh nghĩ bà muốn tốt cho anh, nhưng mệt mỏi vô cùng.” Anh đổi chủ đề. “Em muốn anh mang gì về cho em nào, như một món quà ấy?”

“Em không cần gì cả.”

“Vớ vẩn. Nào, em thích cái gì?”

Tôi nghĩ ngợi, “Ừm”, tôi bảo anh, “anh có thể mang về cho em một cặp tách cà phê cỡ lớn mà người ta hay dùng ở đó. Anh biết đấy, loại tách dùng vào bữa sáng, trữ được hàng lít cà phê. Em lúc nào cũng muốn có vài chiếc”.

“Thế thì”, Geoff hứa chắc nịch với tôi, “em sẽ có vài chiếc. Một tá với em thế nào?”.

Tôi bật cười. “Cảm ơn anh, hai là nhiều lắm rồi. Bên cạnh đó, họ sẽ chẳng bao giờ để anh lên máy bay với cả tá đồ vậy đâu.”

“Anh không bay bằng đường bay thương mại, cưng ạ”, anh nhắc tôi, đôi mắt ánh lên vẻ thông cảm cho sự ngu ngốc của tôi. “Anh có thể mang bất cứ thứ gì mình thích. Hơn nữa, em có một chạn bát khổng lồ trong phòng ăn và đĩa thì chẳng đủ nhét đầy nó đâu, cho nên dù muốn dù không cũng sẽ là một tá cốc, còn yêu cầu nào nữa không?”

Tôi mỉm cười xảo quyết với anh. “Chẳng hiểu sao em cứ có cảm giác đây là thời điểm hoàn hảo để vùi chiếc túi Louis Vuitton mà em luôn khao khát, nhưng em sẽ không mạo hiểm vận may của mình đâu.”

“Sao lại không?”

“Em sợ Chúa có thể đánh chết mình vì đã trở nên tham lam như vậy”, tôi giải thích làm Geoff phá lên cười.

“Không phải lúc nào tham lam cũng là tội lỗi, em biết chứ”, anh nói.

Tôi trao cho anh ánh mắt như của một người mẹ. “Anh cần nói chuyện với anh trai em rồi đấy”, tôi khuyên anh. “Linh hồn của anh gặp hung hiểm rồi.”

Vivien hăng hái lướt vào quán bar, mái tóc bị gió quăn thành một mớ vàng óng rối bù. “Ai gặp hung hiểm?” Cô hỏi lúc ngừng bên cạnh bàn chúng tôi với vẻ quan tâm.

“Anh”, Geoff báo cho cô. “Hay ít nhất cũng là linh hồn của anh, theo Julia đây.”

Vivien gật đầu tán đồng. “Em nghĩ đấy là sự chuộc lỗi muộn màng”, cô bảo với anh.

“Thế thì một vai nữa cũng chẳng hại gì nhỉ.” Anh uống sạch vai bia và giơ nó lên với vẻ hy vọng. “Đấy là nếu em phục vụ.”

“Anh cho em cơ hội cởi áo khoác đã chứ”, Vivien phá lên cười, rồi lấy chiếc vai rỗng. “Anh nhớ em nhiều thế cơ à? Em tưởng Ned sẽ tiếp tục tiếp đãi anh”, cô trêu, người đàn ông ngồi ở quầy bar lười biếng liếc lên từ tờ báo, không để lỡ một nhịp nào.

“Em lỡ việc xem anh nhảy clacket lúc sớm rồi”, anh nói cụt lủn.

“Thôi đi”, Vivien vừa đáp vừa đập lên cánh tay anh khi anh đi qua. “Cả hai chúng ta đều biết anh sẽ bị tác động mạnh nếu thử làm việc ấy.” Cô ấy rút một vai khác cho Geoff và quay trở lại ngồi chung với tôi ở chiếc bàn cạnh cửa sổ.

“Hôm nay cô vui thế”, tôi bình luận, cô ấy ngoác miệng cười thật rộng, đôi mắt giấu giếm.

“Tôi có lý do mà”, đó là tất cả những gì cô ấy nói, không cần biết đã thúc ép cật lực thế nào, chúng tôi vẫn không thể khiến Vivien khai ra nơi cô ấy đã đi.

“Cô ấy chắc chắn đã ra ngoài gặp gỡ với tên đàn ông có vợ nào đó”, Geoff đùa lúc lên đường trở về nhà tôi khoảng một giờ sau đấy.

Tôi nhìn anh kinh hãi, nghĩ đến Iain Sumner nhiều hơn là mối quan hệ liên quan đến đạo đức kia. “Ôi, em hy vọng là không đâu.”

“Anh đùa mà”. Geoff giải thích, rồi ôm lấy vai tôi cười. “Cô ấy sẽ kể với chúng ta bí mật của cô ấy khi nào sẵn sàng. Kế hoạch chiều nay của em là gì? Em vẫn làm việc à?”

Tôi gật đầu. “Em phải có loạt tranh minh họa tiếp theo để gửi cho biên tập, nếu không cô ấy sẽ lấy đầu em mất. Anh thì sao?”

“Anh nghĩ mình sẽ đi bộ đến xem Iain đang làm gì”, anh vừa nói vừa nhìn về phía dòng sông. “VẬY anh sẽ gọi cho em sau nhé?” Anh cúi xuống hôn nhanh tôi một cái và chúng tôi tách ra, Geoff rẽ vào khúc quanh nhỏ hơn dẫn về bên phải trong khi tôi tiếp tục đi theo đường chính về nhà.

Cả buổi chiều, gió đã giảm đáng kể. Lúc tôi đến lối đi vào nhà, bầu không khí gần như tĩnh lặng, những đám mây nặng trĩu giăng trên bầu trời, không di chuyển và che kín mặt trời. Mặc cho hơi ẩm, tôi rùng mình lúc vòng qua cửa sau và nhét chìa khóa vào ổ.

Căn bếp tối đen, hiu quạnh và lạnh lẽo, tôi để hẻ cửa cho tiết trời ẩm áp ngoài kia ủa vào. Ở nơi nào đó, một đứa trẻ cất tiếng khóc, âm thanh vọng vào căn phòng, nhỏ nhỏ nhưng dai dẳng. Thả chùm chìa khóa lên bàn, tôi đưa tay lên trán khi một cơn rùng mình khác lại tới, khiến mồ hôi lấm tấm nổi trên làn da tôi.

Tiếng khóc của đứa trẻ trở thành một tiếng thét, ngay đằng sau, tôi hạ tay xuống thì thấy Rachel đang lo lắng nhìn mình.

“Cô bị đau đầu à?” Cô hỏi.

Cũng hợp lý đấy chứ, tôi suy luận. Johnnie đã cáu gắt liên tục trong cả giờ qua, mặc cho tất cả nỗ lực của Caroline nhằm khiến cậu bé yên lặng trở lại. Nhưng sự thực là đầu tôi không hề đau - tôi chỉ đang cố gắng

gạn lọc suy nghĩ của mình. Tôi đang định nói với Rachel thế thì cánh cửa nhà bếp bật mở và bác tôi đi vào căn phòng, nét mặt tăm tối như bão tố.

Tâm trạng ông không vui vẻ trong vài ngày vừa qua, tất cả chúng tôi đều phải hứng chịu điều đó. Giờ ông dồn bất mãn lên vợ. “Cô không thể làm đứa con của cô ngừng khóc à?”

Không kịp suy nghĩ, tôi lên tiếng bảo vệ Caroline. “Thằng bé đang thay răng”, tôi đều giọng nói với bác mình. “Nó không thể ngừng khóc được.”

Tôi bị coi như vô hình. Jabez Howard cúi thấp xuống vợ, nét mặt điềm tĩnh. “Làm thằng bé ngậm mồm lại”, ông khuyên, “không ta sẽ cho nó im mồm hộ cô”.

Kinh hoàng, Caroline áp đứa trẻ vào bầu ngực, kích động đong đưa chiếc ghế. Như thể cảm giác được nguy hiểm, John ngừng bật khóc. Thỏa mãn, bác tôi đứng thẳng dậy và quay sang nhìn tôi, đôi mắt trông thật kinh khủng với sự hung ác sâu thẳm bên trong.

“Mariana”, ông nói, “ta muốn có chim bồ câu cho bữa tối. Đi ra chuồng chim và mang về đây cho ta một con”.

Tôi nhìn Rachel, cô vui vẻ đứng dậy từ công việc đang làm dở, chùi đôi bàn tay lên váy. “Để em đi cho”, cô ấy đề nghị, nhưng bác tôi giữ tay ngăn lại.

“Ta không nói chuyện với chị”, ông đáp, với cái giọng ngọt lịm như mật ong. “Ta nói với Mariana. Ta muốn chị ta mang về cho ta một con chim, ta sẽ đợi ở đây cho đến khi chị ta giao con chim chết vào tay ta. Lúc ấy chị ta sẽ học được cách tước đi mạng sống.” Đôi bàn tay run rẩy, tôi giấu chúng ra sau lưng để ông không nhìn thấy sự yếu đuối của mình. Sẽ không nhận được giúp đỡ từ bất cứ đâu nữa. Mắt Rachel ánh lên vẻ thông cảm nhưng cô ấy không thể làm được gì, còn tất cả những gì Caroline làm là ôm đứa bé thổn thức trong cái góc cạnh lò sưởi. Dưới ánh nhìn cương quyết của bác tôi, tôi xoay người và đi ra khoảng sân đầy nắng, trái tim nặng trĩu trong lồng ngực.

25. Chương 25

Chuồng chim bồ câu nằm ở góc vườn, đó là một công trình vuông vức và vững chãi làm từ đá thô, phần mái lợp bằng gỗ, trên đỉnh là một mái vòm để mở. Những con chim bồ câu có thể ra vào thông qua cái vòm đó, luôn luôn quay lại chính xác chiếc chuồng, để nuôi dưỡng hết thế hệ này đến thế hệ khác trong những ngăn tổ đông đúc và tối mịt đó. Nó có một kết cấu đem lại hiệu quả cao - một cái bẫy thoải mái, xinh xắn và đầy chết chóc.

Chỉ cần giật mạnh chiếc dây thừng treo trên trần, cửa lồng sẽ rơi xuống khóa chặt lối vào trên mái vòm. Không thể trốn thoát đến bầu trời xanh tự do, những chú chim chỉ còn biết quẫy cánh trong sợ hãi trong khi những chiếc tổ của chúng bị tàn phá và đồng loại bị đem ra làm thịt. Tôi chẳng bao giờ biết được vì sao chúng vẫn chọn ở lại chuồng bồ câu sau những việc như thế. Hay vì sao chúng không bay đi, khi cái bẫy lại mở? Sao chúng nán lại và chờ đợi cái chết, như những con thỏ nuôi trong chiếc hang bên cạnh cửa nhà bếp? Vì chúng thiếu khả năng dự cảm về số mệnh ư? Hay đơn giản nỗi khiếp đảm đã làm u mê đầu óc chúng, rằng chúng đã trở nên quen thuộc với sự yên ổn trong nơi giam cầm, chúng không còn biết nơi nào khác để đi nữa?

Tôi đột ngột nghĩ mình có thể sẽ giống như vậy. Nếu không cảnh giác, tôi cũng có thể sẽ giống như những con chim có số phận bi đát trong chiếc chuồng bồ câu này. Sẽ giống như Caroline đáng yêu với đôi mắt không sinh khí và mái tóc bạc dần vì nhọc nhằn ở tuổi hai mươi lăm. Bởi nếu chiếc chuồng bồ câu là một cái bẫy, thì Đàn Cừ Xám cũng vậy, đôi bàn tay nắm dây thừng của bác tôi có thể đóng sập cánh cửa và ngăn cản cuộc rút chạy của tôi.

Ngay lúc này tôi cũng có thể cảm nhận được đôi mắt ông đang dõi theo mình từ ngôi nhà và tôi so vai kiên quyết trước khi kéo mở cánh cửa gỗ thấp và quyết tâm bước vào bên trong. Trước hết, tôi chẳng nghe được

gì ngoài tiếng cửa cọt kẹt sắc nhọn đằng sau khi khom mình đóng nó lại. Rồi âm thanh khe khẽ bắt đầu lan tỏa và thẩm thấu qua các giác quan của tôi - tiếng gù hiền hòa từ hàng trăm chiếc cổ họng êm ái rung lên, hàng trăm chú chim bồ câu béo mập và ấm áp rúc mình trong những hốc tường.

Nơi này có vẻ ngoài của một nấm mồ, xin xin và tuềnh toàng. Bóng đen đan dày đặc trong các góc. Từ nơi đang đứng, tôi chỉ có thể hình dung ra bóng dáng của những bức tường. Ánh sáng ít ỏi trong đây tụ lại trong một vòng tròn, trải những tia nắng từ mái vòm để mở trên đầu, lẫn trong đám bụi, và khiến chúng bay lượn vu vơ trong bóng tối.

Tôi mò mẫm xuống thấp bức tường để tìm một chiếc hốc có chim làm tổ và phát hiện một con chim bồ câu đậu ngay trên gờ hốc. Con chim dễ dàng lọt vào tay tôi, mà không sợ hãi, cứ nằm đó ngược nhìn tôi với đôi mắt tròn không mấy quan tâm. Tôi có thể cảm nhận được trọng lượng nhẹ bẫng lẫn trái tim nhỏ bé đập liên hồi trên lồng ngực mảnh dẻ của nó.

“Lạy Chúa, xin người hãy giúp con”, tôi nhắm nghiền mắt, thều thào nài xin. “Con không thể.”

Giọng nói trầm sâu đáp lại từ bóng tối sau lưng đột ngột vang lên khiến tôi quay ngoắt lại với nỗi sợ hãi đột ngột dâng cao, tay áp chặt chú chim nhỏ bị giật mình vào vật áo.

“Tên trộm nào đến cuỗm chim nhà tôi đều phải trả giá đắt đấy”, giọng nói cất lên.

Tôi đã nhận ra đấy là giọng của ai trước khi câu nói kết thúc và trái tim tôi cũng từ từ lấy lại nhịp đập bình thường. Richard de Mornay tiến một bước lên trước, đến gần hơn các tia sáng, nhưng gương mặt đang mỉm cười của anh vẫn lưu lại một nửa trong bóng tối.

“Ngài đến đây bằng cách nào?” Tôi hỏi cộc lốc, giọng nói chỉ to hơn tiếng thì thầm một chút.

“Qua cửa sau”, anh đáp, chỉ về phía lối vào chẳng mấy khi được sử dụng ở bức tường phía tây. “Bác em không nhìn thấy tôi đâu, nếu đó là những gì khiến em lo lắng.”

“Làm sao ngài có thể chắc chắn về điều đó?”

“Bởi tôi đã nhìn thấy ông ta. Tôi đảm bảo với em lúc đó ông ta đang bận rộn bên trong chuồng ngựa. Tôi là một quân nhân, Mariana à”, anh nhẹ nhàng khiển trách. “Tôi biết chiến thuật mai phục chứ.”

“Cho nên đây là một cuộc mai phục?”

“Thực tế, do cơn đói đơn thuần đã đưa tôi đến đây.” Anh vươn một bàn tay về phía ánh sáng để cho tôi thấy hai chú chim đã mất đi sự sống trong tay mình, nhưng tôi không hoàn toàn bị thuyết phục.

“Chắc chắn ngài có người hầu”, tôi nói, “những người có thể bắt chim bồ câu về cho ngài”.

“Phải.” Chút ánh sáng lóe lên từ trong bóng tối. “Nhưng rồi tôi sẽ nhớ cảm giác thỏa mãn khi được ở bên em.”

Tôi liếc nhanh những con chim bồ câu đã chết rũ xuống, ôm sát con còn sống vào lòng. “Ngài lại tặng bóc tôi rồi, thưa ngài.”

“Phải. Đây là dịp người khác sẽ làm thế.” Trong một thoáng anh trở nên im lặng và tôi cảm nhận được ánh nhìn chăm chú của anh. “Em thích cuốn sách mới đây chứ?” Cuối cùng anh hỏi.

“Thích lắm.” Tôi gật đầu. “Tôi e chẳng bao lâu nữa tôi sẽ mượn thêm một cuốn khác, tôi đã đọc gần xong rồi.”

Anh mỉm cười. “Tôi e em sẽ phải đợi vài ngày thôi. Tôi phải đi xa một chuyến.”

“Trong bao lâu?” Tôi ngẩng phắt lên, ngạc nhiên khi thấy ý nghĩ anh sắp đi khiến mình âu lo đến chùng nào.

“Có lẽ là một tuần. Không hơn. Tôi phải đến Poitsmouth để hộ tống nhà vua rời về Salisbury.”

Mắt tôi mở to. “Nhà vua sẽ rời về Salisbury sao?”

“Ngài ấy sợ phải lưu lại Luân Đôn. Thống kê hàng tuần ở đây cho thấy có hơn một nghìn người đã chết vì bệnh dịch trong riêng tuần vừa rồi. Các cố vấn của nhà vua đã thuyết phục sẽ khôn ngoan hơn nếu về đồng quê.”

“Nhưng sao ngài lại phải hộ tống ngài ấy?”

Anh nhún vai. “Đó là bổn phận của tôi và bổn phận của gia đình tôi, để bảo vệ nhà vua. Đây vẫn là một giai đoạn còn nhiều bất ổn, Mariana ạ. Dư đảng của Phe Đầu Tròn vẫn còn khắp các làng quê, có quá nhiều kẻ muốn nhìn thấy ngài Charles mất đầu giống cha của ngài ấy.”

“Và ngài thì coi việc ngăn chặn bọn chúng là trách nhiệm của ngài?”

“Lưỡi kiếm của tôi sắc bén như lưỡi kiếm của bất cứ ai.”

“Vâng, da thịt của ngài cũng dễ tổn thương như họ vậy.” Giọng tôi đầy cay đắng làm anh tiến lên trước, cúi thấp xuống để nhìn gương mặt tôi.

“Em lo sợ cho tôi sao?” Anh dùng một ngón tay dịu dàng chạm lên má tôi. “Không cần phải lo đâu.”

Tôi quá xấu hổ vì sự bộc tuệch của bản thân. “Tôi không sợ gì cả, thưa ngài”, tôi đáp, “ngoại trừ sự chán nản nếu ngài vắng mặt”.

“Câu trả lời của một nhà ngoại giao”, anh khen.

“Hừm, thế thì tôi sẽ trao cho em quyền điều hành thư viện của tôi, trong lúc tôi đi vắng. Như vậy em sẽ không còn chán nản nữa.” Thò tay vào túi áo khoác, anh lôi ra một chiếc chìa khóa rồi giơ cho tôi xem. “Thứ này sẽ mở cửa vào sân trong, ở mặt phía tây ngôi nhà. Từ đó em có thể tiếp cận thư viện bất cứ khi nào em muốn.”

“Tôi không thể lấy chìa khóa của ngài”, tôi phản đối.

“Sao không?”

Tôi tìm kiếm lý do. “Tôi không có chỗ nào để cất cả”, tôi nói, “cất ở đâu để không bị phát hiện”.

“Vậy thì hãy giữ nó ở đây”, anh nói, giải quyết vấn đề một cách dễ dàng. Anh cúi người ra trước, gần đến mức cánh tay anh lướt qua cánh tay tôi, anh vươn tay qua người tôi và nhét chiếc chìa khóa vào một trong những chiếc hộc còn trống. “Nó nằm trong ô có đường viền nứt, em thấy chứ? Mỗi khi cần, em sẽ chẳng gặp rắc rối nào để tìm lại nó đâu.” Anh thẳng người dậy, nhưng không đứng cách xa. Bầu không khí trở nên đặc quánh giữa hai chúng tôi. “Còn lại là việc trừng phạt em”, anh nói, giọng lưỡi biếng trầm trầm.

“Trừng phạt tôi?”

“Vì đã đánh cắp một con chim bồ câu của tôi”, anh nhắc.

“Tôi không đánh cắp con chim này, thưa ngài”, tôi nói thẳng, “theo những gì tôi được biết thì chuồng chim thuộc về bác tôi”.

“Chắc chắn bác em là người sử dụng nó, nhưng nó được tổ tiên nhà tôi xây dựng và nằm trên đất nhà tôi. Thế nên quyền sở hữu của tôi không cần bàn cãi nữa.”

Tôi cố gắng lên tiếng phản đối, nhưng anh càng sát lại hơn và lắc đầu. “Khó mà chối bỏ tội danh”, anh nói với tôi, “khi bằng chứng vẫn còn nằm trong tay em. Đây là đánh cắp rõ ràng rành rành và tôi có quyền yêu cầu hình phạt”.

Anh dùng bàn tay không vướng bận giữ tôi đứng nguyên và hôn tôi, những ngón tay anh lùa qua mái tóc, đỡ lấy viên quai hàm và đường cong nơi cổ tôi. Khi anh nâng đầu lên, trái tim tôi rộn rã cùng nhịp điệu với chú chim tôi vẫn ôm trước ngực. Tôi cân nhắc đến khả năng sẽ bắt thêm một tá chim bồ câu nữa, nếu anh hứa sẽ áp dụng y nguyên hình phạt này với mỗi con bị bắt, nhưng tôi không dám nói như vậy.

Nhưng dù sao anh vẫn đọc được ý nghĩ của tôi.

“Em có muốn bắt thêm con chim nào nữa không?” Anh nhăn nhở hỏi tôi.

“Em không thể giết con chim mình bắt được”, tôi lắc đầu nói. “Bác em lệnh cho em đến đây như một sự trừng phạt, ông biết em không thể làm được điều đó.”

Nụ cười nhăn nhó bay biến. “Và em đã làm gì để chịu hình phạt ấy?”

“Em đỡ lời cho vợ ông ấy”, tôi đáp thẳng, “ông không quan tâm đến sự can thiệp của em.”

“Quả là tội nặng”. Richard châm biếm nói. Anh nhìn tôi, vẻ mặt trở nên nghiêm túc. “Trái tim dịu dàng của em đã đúng. Mariana ạ. Chẳng có gì đáng xấu hổ khi do dự giết một thứ gì đó. Vậy chúng ta sẽ để anh bạn này sống nhé?” Một cách khê khàng, anh tách chú chim im lìm khỏi bàn tay tôi và đặt nó trở vào ổ. “Đây, em có thể lấy những con này, thay vào đó.” Anh đưa cho tôi những con chim anh giết từ trước.

Tôi nhìn xuống những cái xác cứng đờ mất đi sự sống, thậm chí còn cảm thấy bất đắc dĩ khi phải đón lấy chúng. “Nhưng anh sẽ dùng bữa bằng gì đây?” Tôi hỏi anh.

Richard de Mornay mỉm cười thích thú. “Trái tim anh cứng rắn hơn trái tim em nhiều. Tước đi mạng sống không gây khó khăn gì với anh.” Anh khép những ngón tay tôi bao quanh những con chim chết. “Mang về cho bác em đi”, anh nói. “Anh đã có hơn những gì mình cần rồi.”

Sau đó tôi rời đi, nhưng thay vì đứng sang một bên để tôi đi qua, anh lại lấy cả hai bàn tay đỡ lấy mặt tôi và hôn tôi lần thứ hai. Một phút dài dằng dặc và nín thở trôi qua trước khi tôi được thả ra, hơi thở gấp gáp của tôi gần giống điệu gù thỏa mãn lộn xộn của đám chim.

“Sau cùng”, anh tự bào chữa, giọng nói không được vững vàng cho lắm, “em cũng được hưởng hai trong số những con chim tuyệt nhất của anh rồi”.

Đám chim trở nên ồn ào hơn, vòng sáng dưới chân chúng tôi đột nhiên trở nên rộng hơn, chói lòa, sáng rõ, rồi chỉ còn im lặng, và ánh nắng, còn tôi thấy mình đang đứng đơn độc bên cạnh bức tường thấp đổ nát, giữa những bụi hoa tan tác gãy gãy rì rào dưới chân.

Đi bộ băng qua cánh đồng và đảo một vòng rộng quanh chuồng ngựa, tôi tiến thẳng đến mặt phía tây của lâu đài Crofton mà không cần thông báo trước, cuối cùng tôi thấy mình đứng giữa một con đường mòn chìm sâu trong bóng râm, quanh những bức tường đá cao chót vót và chẳng mấy khi sử dụng. Xác định phần tường che đi cái sân trong không phải vấn đề gì quá khó khăn. Thấp hơn hẳn những phần tường bên cạnh, không có mái và dây thường xuân lan đến đỉnh - một khối màn này đặc từ lá xanh cùng những dây leo bên xoắn không sao xuyên thủng, trĩu nặng xuống tận mặt đất bên dưới.

Mặc cho đám thường xuân, tôi thấy cánh cửa ngay lần thử tìm đầu tiên. Đó là một cánh cửa thấp, thẳng hàng với bức tường, làm từ gỗ sồi giả bạc thếp y như cái màu xin xin của những tảng đá bao quanh. Đám thường xuân quần quýt dần tách ra với tiếng loạt soạt khi tôi lần bàn tay quanh viền cánh cửa, tìm kiếm tay nắm và ổ khóa.

Khi đã xác định được nó, tôi thọc tay vào túi lần tìm chiếc chìa khóa nhỏ và hít một hơi trông đợi. Chiếc chìa khóa dút gọn lỏn vào ổ... nhưng không xoay chuyển. Hàng thập kỷ, có lẽ hàng thế kỷ bị bỏ rơi và chìm trong ẩm thấp đã khiến ổ khóa gỉ sét.

Tôi thả đám dây thường xuân xuống, che khuất cánh cửa và giải thoát nỗi thất vọng thành một tiếng thở dài nho nhỏ rồi quay người, lại theo những dấu chân cũ băng qua cánh đồng trống không. Thực sự tôi cũng không trông đợi chiếc chìa khóa vẫn còn dùng được, tôi nhắc nhở bản thân. Dù sao đi nữa, tôi thậm chí còn không chắc việc mở ra cánh cửa sẽ đạt được điều gì, ít nhất giờ đây tôi cũng biết công dụng của chiếc chìa khóa và vì sao nó bị bỏ lại trong chuồng bò cẩu.

Một cảm giác kỳ quặc ập đến khi tôi xuất hiện từ thung lũng và nhìn bức tường hình chữ L sụp đổ, tất cả những gì còn sót lại của chuồng bò cẩu, tâm trí của tôi vẫn có thể thấy rõ ràng công trình thâm thấp vuông vắn vẫn đang đứng ở đây. Rồi cảm giác kỳ quặc bị thay bằng lòng can đảm lúc tôi tiến gần khu vườn hơn.

Mọi thứ đang rộn ràng nở rộ và sắc sỡ sắc màu hơn bao giờ hết. Cây lan đỏ rực tung những nhánh trĩu hoa rực rỡ, trong khi hoa dăng tử[1] và giáp trúc đào chen chúc giữa những phiến hoa phi yến màu hồng vươn cao lẫn trong những nhánh phụ tử như những chiếc đầu gậy gù thu nhỏ. Ngay cả những bông hoa hồng, loại hồng leo đáng yêu, cổ xưa ở miền quê mà Iain trông dọc theo bức tường, cũng đang trở nên tươi tốt và phủ kín bởi những chiếc nụ tròn mập mạp. Nhưng lại làm nên vẻ đẹp hoàn hảo cho mảnh đất nhỏ đã từng bị

tàn phá. Chính bàn chân tôi đã hạ rạp một vạt cỏ ở trung tâm khu vườn, từ mặt bên cho đến bức tường, những bông hoa ở đó xô vào nhau và bị giẫm đạp không thể cứu chữa.

[1] Tên gốc: campion - một loài hoa thuộc chi cẩm chướng.

Bước thận trọng để tránh những cây còn sống sót, tôi bước đến bức tường thấp và nhìn xuống những hàng hốc bị bỏ quên từ lâu. Vẫn có thể nhận ra một cách rõ ràng cái hốc có viền nứt, và tôi cười nhẹ, dùng những ngón tay vạch theo đường gờ của nó. Tôi không cần giữ chiếc chìa khóa lâu hơn nữa, tôi thầm nghĩ. Tốt hơn nên trả về nơi Richard đã cất nó, từ rất nhiều năm trước. Tôi lại lấy chiếc chìa khóa ra và trượt nó vào nơi cất giữ bên trong hốc. Tiếng kim loại cào trên nền đá ram ráp tạo nên âm thanh quyết định cuối cùng. Tôi vẫn còn ngồi ở đó, suy nghĩ miên man lúc Geoff đi vòng qua hông nhà tôi vài phút sau đó, bước từ tốn và cẩn trọng, như thể đôi chân đang đau đớn.

“Tìm thêm được báu vật nào nữa sao?” Anh hỏi, còn tôi lắc đầu và ráng nở một nụ cười.

“Không có gì mới, em e là thế. Chuyến ghé thăm Iain của anh thế nào?”

“Tốt. Anh đã xoay sở để thuyết phục cậu ta nghỉ làm việc một thời gian”, anh vừa nói vừa nghiêng người dựa lên bức tường. Anh trông vui vẻ khùng khiep, dù chỉ một thoáng mơ hồ. “Anh thậm chí còn khiến cậu ta mở một chai Scotch mười hai năm. Bọn anh đã có một buổi chiều tuyệt vời.”

“Em có thể thấy vậy”, tôi nói. “Anh còn bước đi được là tốt lắm rồi đấy.”

“Cũng không nhất thiết phải đi theo đường thẳng mà”. Geoff thừa nhận, “nhưng anh cũng cố gắng lắm đấy. Chúa lòng lành!”. Anh đột nhiên chú ý đến tình trạng của khu vườn và nheo mắt cố gắng tập trung. “Chuyện gì xảy ra với những trái tim róm máu[2] của em vậy?”

[2] Tên gọi của hoa Tigôn.

Tôi nhìn theo ánh mắt anh. “Đấy là tên chúng sao?” Tôi lơ đãng lầm bầm. Những trái tim róm máu. Và hợp thật đấy, tôi nghĩ.

“Những con vật đã tạo nên đồng hỗn độn này phải không?” Anh lắc đầu bình luận. “Iain sẽ ngắt xỉu mất thôi.”

“Không đâu”, tôi phản đối, với vẻ chắc chắn. “Anh ấy không lẫn ra ngắt xỉu vì khu vườn của em, ngay cả khi em nhổ cây gì đó không nên nhổ. Anh ấy điềm đạm hơn nhiều so với những gì anh và Vivien gán cho anh ấy đấy.”

“Có lẽ vậy.” Anh nhún vai tỏ vẻ ra sao cũng được.

“Dù sao anh không đến đây để nói chuyện về Iain hay khu vườn đâu.”

“Anh có lý do nào hấp dẫn hơn ư?”

“Thực tế là hai lý do.” Anh ngả người một chút lên bức tường đá, nhưng nhanh chóng đứng thẳng. “Thứ nhất, anh đến để thông báo anh không thể giữ hẹn về bữa tối thứ Bảy của chúng ta rồi. Anh phải đến Luân Đôn vài ngày. Anh xin lỗi.”

“Anh lại đi công tác à?” Tôi hỏi và anh gật đầu.

“Hừm”, tôi nói, “không sao đâu. Chúng ta đi vào lần khác vậy”.

“Em không thất vọng à?”

“Lạy trời, không đâu.” Tôi tròn mắt nhìn anh. “Sao em lại phải thế? Anh đâu thể ngừng làm việc. Làm gì có chuyện giàu có mà nhàn rỗi đúng không?”

Geoff nhe răng cười. “Em đừng vội tin. Đây là công việc nghiêm túc đầu tiên anh phải làm trong nhiều tháng trời đấy, anh sẽ lại nhàn rỗi vào tháng Tám.”

“Còn lý do thứ hai là gì?” Tôi hỏi anh.

“Gì cơ?”

“Lý do của anh để tạt vào đây thăm em”, lời nhắc của tôi khiến anh như bưng tỉnh.

“Ồ. Anh muốn hỏi em xem có thể pha cho anh một tách cà phê không.” Anh mỉm cười hạnh phúc. “Rượu Scot của Iain mạnh kinh khủng, em biết đấy, đã vậy cậu ta còn rót rất hào phóng, anh thì quá kiêu ngạo để tự thú lúc đã uống đủ rồi. Cậu ta có thói quen nhắc anh nhớ người Anh uống rượu tẹt đến mức nào. Nhưng anh không nghĩ mình có khả năng đi bộ về ngay bây giờ”, anh thú nhận, “mà không ngã vào một cái mương ở dọc đường”.

“Ừm, chúng ta không thể để điều đó xảy ra”, tôi đồng ý. “‘Nếu anh gặp may, Jerry Walsh sẽ cầu anh lên và chắc chắn anh sẽ trở thành đề tài bàn tán cho cả thị trấn. Đi theo em”, tôi nói, thận trọng nhón chân ra khỏi khu vườn, “em sẽ pha cho anh một chút cà phê”.

Trông tẹt hơn một chút so với vẻ ngoài đang thể hiện, anh nghiêng ngả sang một bên như con tàu thủng đáy lúc băng qua bãi cỏ phía trước tôi. Anh cố gắng với tay đến cửa sau mà không xảy ra va chạm, nhưng lại ước lượng nhầm không gian mở của cánh cửa và khẽ lia qua khung cửa trước khi lắc lư người khá cứng nhắc để vào bếp. Tôi theo sau, một chân bước qua cửa thì từ đuôi mắt chợt thấy một bóng đen thẫm quanh quất ở thung lũng, bên dưới tán sồi già.

Tôi nhanh chóng quay đầu, nhưng không đủ nhanh. Bên dưới cây sồi trống không, chẳng có âm thanh nào hết ngoại trừ những tiếng thì thầm của cơn gió thổi qua khu vườn có chuồng chim bồ câu trống rỗng.

26. Chương 26

Cơn mưa kéo dài cả bốn ngày bốn đêm. Mưa rơi đều đều, ử rử, không ngưng nghỉ, giăng lên một màu mưa u buồn khắp vùng đất như tấm vải liệm và biến cả thế giới thành một màu xám buồn tẻ và không sắc màu qua khung cửa sổ xuống về nhà tôi.

Chính ra trước đây tôi rất thích mưa. Tôi thích ngắm nó, đi đầu trần dưới nó, lắng nghe giai điệu bất chợt của nó trên những khung cửa sổ trong khi cuộn mình trên một chiếc ghế thoải mái và đọc sách. Nhưng sau bốn ngày thì ngay cả những dây thần kinh của tôi cũng bắt đầu co giật.

Những chuyến du hành về quá khứ cũng không mang nhiều hữu ích. Ba lần tôi cố gắng chuyển dịch bản thân, thì cả ba lần đều phát hiện mình đang đứng một mình, làm việc để hoàn thiện quần áo hồi môn cho Rachel, mà không có ai bên cạnh để phá vỡ tình trạng cô độc. Khi quay trở lại hiện tại, tôi luôn thất vọng hơn lúc trước. Tôi ghét công việc may vá.

Sau cùng, sự buồn tẻ khiến tôi rời nhà đi tìm kiếm bầu không khí thoải mái hơn ở quán Sư Tử Đỏ. Dường như tôi không phải người duy nhất có ý tưởng ấy. Tất cả các bàn trong quán bar đều nênm cứng người, bọn họ đang nói chuyện rất rôm rả. m thanh vui vẻ từ một cuộc thi phóng phi tiêu vọng ra từ một góc, không khí ở đây càng đặc quánh với khói thuốc cùng mùi quần áo ẩm ướt lẫn sấy khô. Iain rõ ràng đã đến thẳng đây từ cánh đồng. Anh có mùi như một chú cừu xúc lên mình mùi hương cạo râu. Anh né người cho tôi lách lên quầy bar, rồi châm một điếu thuốc lá.

“Lâu rồi tôi chưa nhìn thấy anh”, tôi mở lời.

“Cô không nên gặp tôi lúc này. Tôi còn cả đồng việc đang chờ, những cơn mưa khiến tôi rò hết cả người lên, vì thế tôi đến đây uống vài ly. Bằng giá nào tôi cũng phải nhận bưu phẩm.”

Tôi cúi đầu nghiên cứu kiện hàng nhỏ, phẳng phiu trên quầy bar bên cạnh khuỷu tay anh ta. “Đấy có phải chữ của anh trai tôi không?” Tôi hỏi.

Iain gật đầu. “Ừ. Chúng tôi đã nói chuyện về nhà thơ Robert Herrick vào lần ghé qua gần đây nhất của anh ấy, Tom hứa sẽ cho tôi mượn bản sao các tác phẩm của Herrick mà anh ta đang giữ, để tôi có thể thư giãn. Tôi nghĩ là nó đấy.”

“Ý anh là anh vẫn chưa mở ra xem sao?” Vivien ngả người trên quầy bar hướng về phía chúng tôi, nét mặt hoài nghi. “Thực tế mà nói, Iain à, anh chẳng có tí tẹo tò mò nào hết cả. Đây có thể là bất cứ thứ gì...”

“Thế thì mời em”, anh ta hất đầu về phía bưu phẩm. “Cứ mở nó ra, nếu em háo hức thế.”

“Được rồi, để em.” Cô ấy xé lớp giấy nâu, nhấc cuốn sách nhỏ khỏi lớp bao bên ngoài với nụ cười nhếch một bên. Tuyển tập thơ Robert Herrick, cô ấy đọc to bìa sách.

Iain không nói gì, nhưng đôi mắt thoáng ánh lên chút tự mãn khi anh ta phả ra làn khói thuốc mỏng.

“Tôi không nghĩ mình từng đọc bất cứ bài thơ nào của Robert Herrick”, tôi nói.

Vivien búng ngón tay về phía mục lục. “Hừm, cô nên đọc đi”, cô ấy nói. “Ông ta viết một đồng thơ về cô đấy.”

“Về tôi á?”

“À, về Julia. Cả đồng ấy chứ. ông ta thậm chí có một bài ở đây mô tả về quần áo của Julia cơ.”

“Hấp dẫn đấy nhỉ”, tôi rướn người lên trước và nói khô khốc. Vivien chậm rãi lật những trang giấy, rà soát các dòng chữ.

“Rõ ràng đây là lý do vì sao anh trai cô mua cuốn sách này”, cô ấy suy đoán. “Anh ấy rất yêu quý cô, phải không? Ô, nhìn này, bài thơ về cô này:

Hỡi, Julia, hãy để ta theo đuổi em,

Đến đây, hãy đến bên ta;

Cho ta nhìn thấy

Đôi bàn chân dát bạc,

Cho ta dốc cạn tâm hồn cùng em.”

Biểu cảm của cô ấy có lẽ chỉ xuất hiện trong những vở kịch, cuối cùng cô ấy khẽ nhún mày một chút. “Cô nghĩ ý ông ta là gì khi nói đôi bàn chân dát bạc?”

Iain trao cho cô ấy một ánh nhìn lười biếng. “Liệu thực tế họ đã gặp nhau dưới trăng có cho em manh mối nào không?” Anh ta hỏi.

“Ồ. Em hiểu rồi.”

“Đó là một chi tiết đáng yêu”, anh ta vừa bình luận vừa giơ tay lấy lại quyển sách. “Tôi không đọc thơ Herrick kể từ hồi học ở Cambrige. Anh cô thật tốt bụng khi đồng ý cho tôi mượn.”

Tôi không trả lời ngay. Lời mời gọi người tình đến hẹn hò của nhà thơ kia vẫn vang vọng trong đầu óc tôi như tiếng ai đang nói, trầm trầm và thân thuộc. Tôi lắc đầu một chút để rũ bỏ tiếng nói kia và mỉm cười với Iain. “Anh hẳn đã để lại nhiều ấn tượng cho anh tôi”, tôi nói. “Riêng sách thì Tom cực kỳ keo kiệt. Nhắc đến cái này thì chắc là lỗi của tôi - tôi vẫn cất những cuốn sách mượn của anh ấy từ khi còn là một đứa bé trong tủ sách của mình và chưa trả lại bao giờ.”

“Cùng với một, hai cuốn dạy làm vườn của tôi nữa.”

“Ừm, tôi nhớ rồi.” Tôi nuốt một ngụm rượu Gin Tonic rồi mỉm cười xin lỗi. “Tích trữ sách đúng là một thói quen xấu của tôi. Thư viện trên khắp đất nước này chắc cũng phải rùng mình khi nghe đến tên tôi mất thôi. Tôi hứa sẽ sớm trả lại các cuốn hướng dẫn làm vườn cho anh.”

“Không phải sợ đâu”, anh ta nhún vai. “Dù sao tôi cũng không dùng chúng thường xuyên lắm, trông cô có vẻ đang dần học được vài thứ từ chúng. Khu vườn trông tuyệt lắm.”

“Anh mới thấy nó gần đây sao?” Tôi dò hỏi.

“Vài ngày trước.”

“Ôi. Tôi thật sự xin lỗi khi để những bông hoa tigôn bị phá hủy như thế”, tôi nói, nhưng lời đáp của Iain cũng rất bình thản.

“Không phải lỗi của cô đâu”, anh ta miễn tội cho tôi. “Cô làm sao mà tự mình vật hết chúng xuống thế được. Đôi khi chuyện như vậy vẫn xảy ra đấy. Có thể rút cho anh ly nữa được không, cưng?” Anh vừa hỏi Vivien vừa nâng chiếc ly trống không lên cách vài centimet so với mặt quầy.

“Chắc rồi. Julia thì sao?” Cô ấy nhìn tôi thắc mắc, nhưng tôi lắc đầu. Cơn bồn chồn không yên lại dấy lên, tôi muốn hoạt động liên tục.

“Thực tế”, tôi nói, “tôi nghĩ mình sẽ ghé qua thăm di cô vài phút. Liệu giờ này bác ấy có còn ở lâu đài không?”.

Vivien kiểm tra đồng hồ. “Ba giờ mười lăm ấy hả? Tôi nghĩ là có. Ngay cả khi Geoff đi vắng, di ấy cũng thường ở lại cho đến giờ ăn tối kia. Căn nhà có quá nhiều chỗ cần dọn dẹp.”

“Cô nghĩ tôi có nên gọi cho bác ấy trước không?”

“Ai cơ, Freda á?” Miệng Iain cong lên giễu cợt. “Không cần đâu. Khi cô đến đó thì bà ấy đã châm sẵn một bình trà đợi cô rồi, cứ thử xem liệu có thể không nhé.”

Quả thật anh ta đã đúng. Thật tuyệt vời khi bước vào gian bếp ấm áp, sáng bừng, nơi ấm trà nấu mình bên trong túi giữ ấm kể ca rô trên bàn trong khi ấm nước rít lên trên bếp lò và mùi hương ngọt ngào của món bánh nướng nào đó đượm lên tất cả mọi thứ.

“Quả là một bất ngờ đáng yêu”, Alfreda Hutherson thốt lên, rót đầy tách trà cho tôi và đặt một đĩa bánh nướng vẫn còn ấm lên bàn. “Ta đang trông đợi một chuyến viếng thăm vào buổi chiều.”

“Thực ra đây là một chuyến viếng thăm có mục đích”, tôi cắn một miếng bánh giòn rụm phủ bơ và đáp. “Hôm nay lâu đài có đợt thăm quan nào không ạ?”

“Không, vào thứ Tư hằng tuần thì không.” Bà nghiêng đầu nhìn tôi, đôi mắt sắc sảo và thấu hiểu. “Cháu muốn sử dụng một trong các căn phòng?” Đây không phải một câu hỏi.

“Vâng.” Tôi thu hết dũng khí để nhìn lên. “Cháu muốn biết Mariana đã nhìn thấy gì qua cửa sổ phòng Kỵ sĩ. Tất cả hồi tưởng của cháu đều gắn chặt với một địa điểm cụ thể và cháu phải đứng ở chính địa điểm đó nếu muốn quay về.”

“Phải, ta biết. Nhưng cháu có chắc mình muốn quay lại khoảnh khắc đó không? Cháu đã tự mình cảm nhận nỗi đau trước đây rồi đấy.”

Tôi thoáng lặng im nhớ lại. “Cháu phải biết”, cuối cùng tôi cũng nói. “Bác sẽ hiểu thôi. Những con người đó, tất cả bọn họ đều quá thật đối với cháu... cháu phải biết.”

“Cháu có muốn ta đi cùng không?”

“Không đâu ạ, cảm ơn bác”, tôi vội vã nói, rồi mỉm cười để làm dịu đi sự khiếm nhã của mình. “Cháu sẽ xấu hổ nếu để ai đó nhìn mình.”

“Nếu cháu đã quyết vậy”, bà vừa nói vừa đặt chiếc tách lên đĩa, “bất cứ khi nào đã sẵn sàng thì cháu cứ lên trên đó. Ta nghĩ cháu sẽ không gặp nguy hiểm gì đâu. Tất cả đồ đạc vẫn ở nguyên vị trí.”

“Cháu sẽ kể cho bác sau nhé”, tôi vừa nhả nhổ vừa nói với bà. Mình sẽ phát hiện ra sớm thôi, tôi nghĩ thầm, nếu cố gắng băng qua cái giường ngủ bốn cọc đồ sộ đó. Rồi đột nhiên một ý nghĩ đánh vào tôi khiến tôi nhả mày. “Những... ký ức đó của cháu”, tôi chậm rãi nói, “đôi khi kéo dài đến vài giờ. Nếu khi bác muốn về nhà mà cháu vẫn chưa kết thúc thì...”

“... thì ta sẽ để điện cho cháu và khóa cửa lại”, bà hứa. “Cháu biết cách mở chốt rồi đúng không? Tốt. Ta không muốn làm cháu gián đoạn, một khi cháu bắt đầu. Cháu chỉ cần gạt chốt cửa phụ sang bên phải trước khi sắp cửa là nó sẽ tự khóa lại lúc cháu ra về.”

Tôi mỉm cười biết ơn với bà. “Cảm ơn bác. Ừm”, tôi đẩy người đứng dậy, có hơi căng thẳng một chút, “bác chúc cháu may mắn đi ạ”.

Những căn phòng rộng lớn, vang dội của tòa trang viên giờ mang lại cảm giác sâu hun hút hơn lúc bình thường, dù trống rỗng hay không. Tôi có cảm giác bị chèn ép bởi những cơ thể không sao nhìn thấy đông đúc xung quanh khi leo lên cầu thang và sự thấp thỏm thì mắc như mạng nhện ở từng góc nhà. Đây trông đợi và lặng lẽ, những linh hồn ở lâu đài Crofton đang chờ đợi, dõi theo tôi bước lại gần ô cửa phòng Kỵ sĩ.

Đó là một căn phòng tối hơn cả do thiếu ánh sáng mặt trời. Những giọt nước mưa đua nhau tạt lên ô cửa sổ và bám vào khung cửa trước khi rơi xuống mặt đất bên dưới. Ngọn tháp nhà thờ chỉ hơn một chiếc bóng hình vuông thẫm đen vươn khỏi chiếc bóng tai tái của bức tường nhà thờ một chút, trước mặt là bãi cỏ cùng khu vườn hoa hồng hòa lẫn vào màn mưa nhòe nhoẹt, xanh, tím một màu nâu xám xịt, vô cùng thiếu sinh khí. Giữ tầm mắt mình cố định lên quang cảnh đó, tôi bước sâu hơn vào căn phòng, siết chặt hai bàn tay mà không hề hay biết.

Cảm giác đó, khi xuất hiện, đánh vào tôi với áp lực như một cơn thủy triều và giật mạnh cầm tôi ngược lên. Khao khát, đau đớn, các xung động tăng tăng lớp lớp ập lên nhau với nỗi van nài héo úa tâm hồn. Không, tâm trí tôi tự động nài xin, rồi vụt trở nên điên dại, không, không, không...

Hồi chuông bên tai tôi rít lên tới mức không sao chịu nổi, tất cả dây thần kinh của tôi chấn động vì nó, rồi đột nhiên, đột nhiên như thể một cánh cửa bị đóng sập lại, âm thanh ngưng bật, còn tôi bị bỏ lại trong im lặng an bình. Tôi mở choàng mắt.

Bãi cỏ trải dài trước mặt tôi ngập ánh mặt trời, hơi biến dạng đôi chút qua những ô cửa kính, màu xanh kéo dài hun hút, chỉ bị gián đoạn bởi lối đi bụi bặm quét ngang bên phải và những đường uốn lượn phức tạp của vườn hồng bên trái. Cách ngôi nhà một quãng, trên một trong những vạt sỏi cao vời vợi, một con chim đang hót véo von những nốt nhạc ngọt ngào, rung động, lặp đi lặp lại, bài đồng ca của tự nhiên.

Sau lưng tôi, Richard xoay người trên chiếc giường. Tôi có thể cảm nhận anh đang quan sát mình.

“Em đang nghĩ gì thế?” Giọng nói của anh trầm sâu, thoáng vẻ ngái ngủ. Giọng nói của một người tình. Tôi thu chặt chiếc khăn choàng thô ráp quanh bờ vai tròn để trần của mình và thoáng rùng mình.

“Mọi thứ”, tôi đáp, “và không gì cả”.

“Anh ở về nào trong đó?”

Mọi thứ, tôi có thể trả lời như vậy, nhưng cứ mắc nghẹn trong cổ họng. Tôi quay lại từ khung cửa sổ để nhìn anh. Anh nằm đó, bờ vai dựa lên gối, lồng ngực rộng và nâu rám trên lớp vải lạnh trắng, đôi bàn tay lồng gọn vào nhau trên phiên bụng phẳng lì. Đó là thái độ thỏa mãn đậm chất đàn ông, thế nhưng đôi mắt trông hoang mang và dễ bị tổn thương đến lạ kỳ.

Tôi đã hiểu sai ánh mắt ấy. “Anh muốn em rời đi bây giờ sao?”

“Sao em lại nghĩ vậy về anh?” Đôi lông mày của anh nhướn cao, vẻ dễ bị tổn thương bay biến. “Em không phải người hầu, Mariana à, để bị yêu cầu ra khỏi tầm mắt của anh.”

“Không”, tôi cúi đầu nhìn xuống chân và thừa nhận, “em không phải người hầu. Em là nhân tình của anh. Một sự khác biệt không mấy quan trọng, em công nhận với anh là thế”.

Đôi mắt anh gắn chặt lấy gương mặt tôi. “Em là tình yêu của anh”, anh khẽ chỉnh lại, “và chẳng có gì phải xấu hổ hết cả. Em có ước giá như chiều nay chưa xảy ra không?”

Tôi ngẩng đầu lên. “Không”, tôi thành thật nói.

“Anh sẽ không ép buộc em lên giường với anh”, anh đáp. “Anh không muốn một người phụ nữ hoảng sợ, hay một cô nàng e thẹn, ngoại trừ cô ấy sẵn lòng trao cho anh tình yêu. Anh không hứa hẹn, bởi thế giới này là một nơi luôn biến đổi và lời nói hầu như không còn nhiều ý nghĩa. Nhưng nếu em nghi ngờ lòng chân thành từ tình yêu của anh, thì em đến đây”, anh giơ bàn tay vươn về phía tôi, “hãy để anh nhắc lại lời hứa của mình”.

Tôi tiến đến bên anh, mùi quáng như đóa hoa vươn về phía ánh mặt trời, còn chiếc khăn rơi mất khỏi bờ vai lúc anh kéo tôi sà vào vòng tay của anh. Đó là một lần yêu dịu dàng, không còn chút bóng dáng của niềm đam mê cấp bách lúc trước. Khi kết thúc, anh ôm tôi thật chặt, đầu tôi tựa lên tim anh, bàn tay anh lùa qua mái tóc tôi.

“Giờ thì em nghĩ gì?” Anh lè nhè hỏi tôi.

Tôi mỉm cười. “Em nghĩ sự vắng mặt của bác em có lẽ sẽ không thường xuyên.”

Anh bật cười, cuốn một lọn tóc tôi quanh những ngón tay. “Em nói bác em sẽ về vào ngày mai phải không?”

Tôi gật đầu. “Chẳng mấy chốc sau khi anh đi thì bác ấy cũng đi. Em quên không hỏi anh, chuyến đi của anh thế nào? Đức vua sao rồi?”

“Ngài vẫn khỏe khi anh chào từ biệt ngài ngày hôm qua”, Richard đáp. “Ngài đã tốt bụng nhắc lại sự phục vụ của cha anh và mời anh dùng bữa với ngài, nhưng anh quá mệt mỏi và hăm hở muốn về nhà, bên cạnh đó, cung điện không phải nơi dành cho một quý ông.” Tôi cảm giác được nụ cười của anh. “Cũng công bằng thôi, em đang lo lắng về sự thích đáng khi có một người tình, ở cung điện em sẽ được nhắc đến như một kẻ ra vẻ đức hạnh khác thường.”

“Một người tình là tất cả những gì em cần”, tôi nói, rúc sâu hơn vào lồng ngực anh.

“Đấy là tất cả những gì em sẽ có.”

“Đến lúc bác em hứa gả em cho nhà buôn nào đó thì sao?” Tôi tò mò lắc đầu. “Chuyện gì sẽ xảy ra sau đó?”

“Anh sẽ không cho phép nó xảy ra. Anh sẽ cưới em.” Cánh tay anh siết chặt. “Anh sẽ không để mất em.”

Tất cả chỉ là ảo tưởng thôi, tôi tự nhủ. Đương nhiên anh sẽ không cưới tôi - sự khác biệt trong địa vị của chúng tôi quá lớn. Nhưng đó vẫn là một ảo tưởng tuyệt vời và trong một khoảnh khắc đau đớn và mê mải, trái tim tôi như được lấp đầy.

Tôi thu tròn bàn tay trên ngực anh và anh phủ tay mình lên đó, gạt mái tóc khỏi trán tôi.

“Ngủ đi em”, anh nói với tôi. “Còn vài giờ nữa trời mới tối và chúng ta có thể... nghỉ ngơi một chút.”

Đầu tiên tôi không mệt chút nào, nhưng sau vài phút nằm đó, lắng nghe hơi thở đều đều của anh, cảm nhận nhịp đập trái tim mạnh mẽ dưới má mình, muốn lưu trữ hết thấy vào ký ức để không bao giờ quên mất. Nhưng cuối cùng giấc ngủ cũng kéo đến, phủ lên tôi với sự ấm áp thoải mái như một tấm chăn.

Lúc tôi thức dậy, căn phòng đã chìm sâu trong bóng đêm và mặt trăng chiếu lai láng trên bãi cỏ. Tôi đang nằm một mình trên giường, trên lớp ga trải giường màu đỏ thẫm, đôi bàn tay tôi vẫn vươn về hướng người tình vắng mặt.

Một mình trên giường, nhưng tôi không ở một mình trong căn phòng. Ai đó đang đứng trong góc, một chiếc bóng cao xám có đôi mắt hơi lấp lánh. Khi tôi ngẩng đầu khỏi tấm đệm, chiếc bóng dần tiến lại gần và ánh trăng dát bạc chạm lên phần viền cứng cáp, thanh lịch của gương mặt một người đàn ông. Tôi không thể nhìn thấy biểu cảm của Geoffrey de Mornay khi anh đứng đó đưa lưng về cửa sổ, nhìn chăm chú xuống tôi, nhưng tôi có thể cảm giác được sự căng thẳng của anh.

“Anh nghĩ chúng ta cần nói chuyện”, anh lên tiếng.

27. Chương 27

Cuối cùng, hầu như chỉ có một mình tôi nói. Geoff ngồi đối diện với tôi trong phòng khách trang trí lộng lẫy, nơi chúng tôi nói chuyện lần đầu tiên. Gương mặt anh mệt mỏi dưới ánh đèn, cho thấy rõ ràng tình trạng căng thẳng do chuyến lái xe đường dài từ Luân Đôn trở về. Nhưng đôi mắt anh vẫn kiên định và ân cần. Thi thoảng anh ngắt ngang bài tường thuật huyền thoại của tôi và đặt một câu hỏi, hay làm rõ một điểm nào đấy, nhưng không di chuyển khỏi ghế ngoại trừ để đổ đầy ly rượu của chúng tôi từ chiếc chai đặt trên bàn ngăn giữa hai người. Đến lúc tôi kể xong thì mặt trời buổi sáng đã nhô lên, một con chim chiến chiến cất tiếng hót trong treo trên một cái cây bên ngoài cửa sổ, và chai rượu đã rỗng không.

Geoff không đưa ra đánh giá ngay lập tức. Anh áp hai lòng bàn tay lại với nhau và nhẩn mào nhìn xuống đôi giày.

“Anh nghĩ em điên chẳng”, tôi đoán.

“Đương nhiên là không.”

“Thế thì tốt”, tôi vừa nói vừa dùng bàn tay rã rời bóp trán. “Đôi khi chính em cũng nghĩ mình bị điên.”

“Không phải anh nghi ngờ những gì đang xảy đến với em. Ừ”, anh mỉm cười, “có lẽ anh cũng có chút nghi ngờ, nhưng không nghi ngờ điều em tin tưởng, mà thật sự tin vào những gì em đã nhìn thấy. Anh chỉ không chắc sẽ đón nhận nó thế nào”. Anh dựa lưng lên ghế và lại nhẩn mào. “Richard”, anh lơ đãng nói to. “Giá như chúng ta có vài ghi chép về Richard de Mornay...”

“Không có gì trong các tập hồ sơ của cha anh sao?”

“Chắc chắn là không có. Anh có thể kiểm tra lại nếu em muốn, nhưng anh đảm bảo nếu có thì anh đã nhớ rồi...” Anh đứng dậy và mang tới một chồng giấy tờ từ chiếc bàn viết gần đó. Khi anh trải chúng lên chiếc bàn thấp ngang đầu gối chúng tôi, tôi nhận ra chúng là những giấy tờ anh đã cho tôi xem vào cái đêm chúng tôi ở chỗ của Vivien. Anh im lặng giữ chúng trong vài phút, rồi đóng tập tài liệu và lặp lại lời củng cố của mình. “Không có gì. Em có chắc đây là Richard không?”

Tôi gật đầu dứt khoát. “Chắc chắn. William de Mornay là cha anh ấy.”

“Hừm, cũng không giúp ích được nhiều lắm. Cha anh không tìm thấy bất cứ tư liệu gì về những đứa con của William, chỉ có vài tấm chân dung trông có vẻ hợp với niên đại thôi, có thể còn sót giấy tờ ở đâu đó, nhưng anh e mình không giữ chúng.”

“Anh không thể kiểm tra di chúc của cha họ hay thứ gì đó sao?”

“Ông ta không để lại di chúc.” Miệng Geoff mím lại. “Phần lớn đều khá sơ sài, nếu nhìn từ góc độ quan sát cây phả hệ mà nói. Anh chỉ biết sau cái chết của William thì ghi chép về người chủ tiếp theo của lâu đài Crofton là Arthur, cháu trai ông ấy.”

“Arthur...” Tôi vỗ lấy cái tên đó. “Richard đã cho em xem bức chân dung của Arthur, trong hành lang trưng bày tranh. Đứa trẻ trông không dễ chịu cho lắm. Cậu ta sống ở Hà Lan, em nghĩ vậy, với mẹ cậu ta. Ồ, còn cha cậu ta tên là gì thế?” Tôi hỏi, ấn những ngón tay lên bầu mắt. “Richard cùng từng đề cập đến một lần... cái tên cũng bắt đầu với chữ R... Robert? Robert”, Tôi khẳng định. “Robert là em trai của Richard.”

Geoff kiểm tra các ghi chép lại lần nữa. “Xin lỗi. Có thể em đã đúng, chắc chắn là em đúng, nhưng anh không thể xác nhận nếu không có bản ghi lại nào.” “Hẳn vẫn còn gì đó”, tôi nói. “Thế bức chân dung trong thư viện thì sao? Có bất cứ manh mối nào ở đó không?”

Anh nhún vai. “Cũng đáng để thử lắm.”

Tôi bồn chồn quay sang nói trong khi cả hai băng qua đại sảnh, cố gắng duy trì cuộc nói chuyện. “Làm sao anh biết em ở trên tầng?”

“Anh tìm thấy áo mưa của em trong bếp. Biết thế nào em cũng ở đâu đó quanh đây. Freda hẳn đã để em vào, phải không?”

“Vâng.” Tôi gật đầu. Tôi không hề đề cập tới bà Hutherson lúc trước. Vì vài lý do, tôi chưa sẵn sàng chia sẻ với anh những cuộc nói chuyện riêng tư giữa tôi và bà ấy. Thay vào đó, tôi nói đơn giản: “Bác ấy và em đã uống trà với nhau, rồi em đi ngó nghiêng một chút trên gác. Bác ấy hẳn đã nghĩ em đã về nhà rồi nên mới khóa cửa khi bác ấy rời đi.”

Anh lơ đãng thốt lên một âm thanh vô thưởng vô phạt và thúc khuỷu tay mở cánh cửa thư viện. “Anh sẽ đi theo em”, anh đề nghị và theo tôi băng qua tấm thảm rộng để đứng bên dưới bức chân dung cao lừng lững. “Em hy vọng sẽ tìm thấy loại manh mối nào đây?” Anh ngược lên nhìn và hỏi tôi.

“Em không biết nữa. Bất cứ thứ gì có thể giúp em chứng minh với anh đây là Richard.”

“Đây có đúng là loại quần áo anh ta đã mặc khi em... nhìn thấy anh ta không?”

“Không.” Tôi đứng gần để quan sát kỹ hơn.

“Đương nhiên chúng cũng có màu đen, nhưng kiểu dáng thì khác hẳn. Cũ hơn, em nghĩ vậy. Sau cùng, bức chân dung này được vẽ gần năm năm trước khi em gặp anh ấy.”

Tôi cảm nhận được cái nhìn dò xét thoáng qua từ anh. “Anh hiểu rồi.”

“Anh ấy đeo một cái nhẫn ở ngón út bàn tay bên trái” tôi nói. “Một chiếc nhẫn khá nặng. Bằng bạc. Có khắc gia huy, đầu con diều hâu đội mũ giáp nằm trên dải hoa bao quanh nhẫn. Anh có thể nhìn thấy nó, trong bức tranh này.”

Tôi chỉ, và Geoff nhìn theo.

“Cũng không thực sự quan trọng lắm”, tôi tiếp tục, “bởi nó chỉ cho thấy anh ấy là người đứng đầu gia đình. Chứ không chứng minh tên anh ấy là Richard”.

“Đúng vậy”, Geoff thừa nhận, và ngẩng đầu lên, “nhưng có thể chứng minh rằng ai đó là người đã sở hữu lâu đài giữa khoảng thời gian William qua đời và Arthur được thừa kế. Đương nhiên là trừ khi chúng ta đang nhìn vào tấm chân dung của Arthur”.

Tôi kiên quyết lắc đầu, những lọn tóc đen đưa. “Không thể nào. Arthur có gương mặt như chồn, trông hết như một con chuột.”

“Cẩn thận đấy”. Geoff cười nhe răng cảnh báo. “Anh là con cháu trực hệ của kẻ như chuột như chồn ấy đấy nhé.”

“Xin lỗi.”

Anh dựa vào sát hơn, cho đến khi mũi chỉ cách vài centimet so với nét vẽ. “Quả là đáng thương khi người mẹ anh chàng này không thêm tên anh ta lên áo khoác”, anh châm biếm.

“Đúng rồi!”

“Sao vậy?” Anh ngạc nhiên quay đầu lại.

“Mẹ của Richard”, tôi nói, sự kích động tăng vọt. “Coi nào, em nghĩ mình có thể chứng minh với anh rằng em biết vài điều, vài điều em không thể biết được ở đâu trừ khi trực tiếp nhìn thấy, em nghĩ mình có thể đưa ra bằng cớ, một bằng cớ chân thực. Thì lúc ấy anh sẽ tin Richard có thật chứ?”

“Giờ anh cũng tin rồi mà.”

“Không, anh không tin đâu. Không thực sự tin. Nhưng nếu em có thể chỉ cho anh thấy một phần trong câu chuyện của em là xác thực, thì có thể anh sẽ chấp nhận được phần còn lại cũng là sự thật.”

“Ý của em là theo quy luật logic.” Anh cười nhẹ. “Được rồi, Ngài Sherlock. Ngài có gì trong đầu rồi?”

“Chúng ta sẽ cần một cái xẻng”, tôi nói và nụ cười nhạt hẳn.

“Một cái xẻng ư?”

“Thứ gì đó dùng để đào.”

Mặt trời dần lên cao đến đỉnh đầu, chắc chắn chẳng thể tìm được cái bóng nào trong sân sau cả. Chỗ tôi đứng ngập cỏ và thạch nam đến đầu gối, tôi ngược nhìn những dụng cụ trong tay Geoff.

“Em không chắc thế này đã đủ chưa” giọng nói của tôi đầy nghi ngờ, anh cũng nhìn xuống, nhíu mày trước chiếc dùi đập đá cùng một cái bay.

“Ừm, dù sao chúng cũng phải thực hiện nhiệm vụ thôi”, anh đáp. “Không phải lỗi của anh khi Iain giấu tiết mọi dụng cụ đi như thế. Cậu ta có đủ thể loại từ thuổng, xẻng nhét ở đâu đó, nhưng anh chịu không đoán được ở đâu.”

“Thôi được rồi.” Tôi nhún vai, tiến thêm một bước lên trước và thử nâng tấm thảm thực vật bằng một chân. “Em nghĩ nó ở đâu đó quanh đây.”

“Cái gì?”

“Bia mộ”, tôi nói thẳng. “Bia mộ của mẹ Richard. Họ không chôn bà trong nghĩa trang nhà thờ vì bà theo đạo Công giáo, cho nên William de Mornay đã chôn bà ấy ở đây.”

“Hắn em đang đùa.”

“Không đâu. Đó là một phiến đá màu trắng, rộng khoảng chừng này”, tôi xòe tay cách nhau khoảng hơn nửa mét, “và tên của bà được khắc trên đó”.

Đôi mắt anh bắt được ánh nhìn kích động lấp lánh của tôi. “Em vừa nói là ngay ở đây hả?”

“Em nghĩ vậy. Có thể bên dưới rất nhiều đất đá”, tôi thận trọng nói rồi nhìn quanh. “Mặt đất trông có vẻ cao hơn so với bức tường nếu so với lúc đó, nhưng cũng có thể là do em quá tưởng tượng.”

“Thế nếu dùng cánh cửa làm điểm tham khảo thì sao?” Anh đề nghị, hất đầu qua vai về phía ngôi nhà. “Hồi đấy mặt đất có cân với cánh cửa đó không?”

“Thế thì cánh cửa không nằm ở đó. Toàn bộ hành lang phía tây từng được sử dụng thông ra mặt này, giống hàng hiên trong một tu viện vậy.”

Geoff đồng ý với lời tuyên bố mang tính triết lý của tôi. “Vậy thì chúng ta đành phải kỳ vọng vào những gì có trong tay thôi. Chiếc dùi đập đá này có lưỡi dài mười lăm phân, có lẽ thế là đủ rồi.”

Tôi cảm giác cơn thôi thúc chạy rần rật qua những ngón tay khi nhìn anh ngồi xuống và bắt đầu dùng chiếc dùi đập đá thăm dò mặt đất mọc tràn thực vật, những cử động của anh thận trọng, dường như đã tin tưởng một nửa những gì tôi nói. Tôi nghĩ mình đang thăm hy vọng rằng ngay từ đầu Geoff cũng biết anh đã từng là Richard. Tôi đã tưởng tượng ra những ảo ảnh sống động về khoảnh khắc hạnh phúc tột độ lúc mọi thứ được tiết lộ, với việc hai chúng tôi tay trong tay như những cặp đôi nhàm chán trên tivi, hãnh diện trước sự thật rằng chúng tôi lại tìm thấy nhau sau hơn ba thế kỷ chờ đợi mỗi mòn... Đương nhiên, điều đó sẽ không xảy ra giống như vậy. Từ kinh nghiệm, tôi biết rằng thực tế hiếm khi chiều theo ảo tưởng. Nhưng biết đâu đấy, tôi nghĩ, nếu có thể thuyết phục anh rằng ít nhất tôi không hề điên, rằng Richard de Mornay là có thật, vậy thì rồi cũng đến lúc anh nhận ra anh là ai. Nhận ra chúng tôi là ai.

Giọng nói của anh lạc vào những dòng suy nghĩ của tôi. “Em nghĩ anh là Richard đúng không?”

“Điều gì khiến anh nói thế?”

“Thì do suy diễn thôi”, anh nói, nụ cười chên chéch về phía tôi. “Nếu em đã từng là Mariana, thì...” Anh thận trọng ngừng lại.

“Em không thể nói ý tưởng ấy chưa từng đến với mình”, tôi thừa nhận, chọn lựa từ ngữ một cách cẩn thận. “Chúng ta đã trở nên hơn cả thân thiết, em và anh, họ của anh cũng là de Mornay, chưa kể tình yêu với nước Pháp của anh cũng nhiều gần như anh ấy vậy.”

“Thế làm sao em biết anh ấy không trở lại với thân phận là một người đàn ông Pháp?”

Tôi nhìn xuống mái đầu đen đang cặm cụi làm việc của anh nên không thể thấy được biểu cảm của anh. “Và anh trông giống hệt anh ấy”, tôi kết thúc bằng một giọng nói điềm tĩnh.

Anh để chủ đề đó trôi qua, và đi xa hơn một chút khỏi ngôi nhà. “Rất có thể không còn ở đây nữa”, anh cảnh báo. “Ý anh là ngôi mộ ấy. Nó có thể đã bị vỡ, hoặc sau nhiều năm ai đó có thể đã đào lên và bỏ ngôi mộ đi, nghe thật báng bổ. Hoặc có thể nó đã lún sâu xuống đất thêm mười lăm phân nữa.” Anh liếc nhìn mặt tôi và nhe răng cười. “Nhưng em sẽ tiếp tục bắt anh ở ngoài này cho đến khi anh tìm ra cái vật quý quái đó, phải không?”

Mắt tôi nghiêm túc nài nỉ anh. “Quan trọng mà anh.”

“Thôi được rồi”, anh nói, “Anh đoán tốt hơn hết mình nên tìm ra nó, phải không?”

Anh chống mạnh đầu gối xuống đất ra chiều quyết tâm, gỡ một chùm hoa dại li ti đang chấp chới trong gió, chúng tôi đều nghe thấy âm thanh sắc nhọn, vang vang khi chiếc dùi đâm vào đá.

Cả hai đều không lên tiếng trong cả một phút, rồi tôi quỳ gối bên cạnh anh, dùng tay và chiếc bay vạch tìm trên mặt đất, gạt hết lớp cỏ sang một bên để phơi bày ra tảng đá trắng trơn nhẵn bên dưới. Khi Geoff vươn tay qua tôi để phủi lớp đất bẩn khỏi dòng chữ mòn vẹt, những ngón tay của anh không còn vững nữa.

“Louise de Mornay”, anh đọc to dòng chữ, gạt thêm đất khỏi bề mặt và ngồi xổm, quay đầu sang nhìn vào mắt tôi. “Lạy Chúa”, anh thốt lên.

“Em biết. Gia nhập câu lạc bộ với em đi.” Tôi vén tóc khỏi mắt. “Anh nên thử tưởng tượng từ góc độ của em mà xem.”

Anh liếc mắt nhìn mặt trời một lúc, rồi chùi cả hai bàn tay lem luốc lên quần jean và chậm rãi đứng dậy. “Chúng ta có nên đi hít thở một chút không?”, anh nói khe khẽ đầy chủ ý. “Dùng bữa luôn. Cho anh chút thời gian để tiếp thu tất cả những chuyện này.”

“Được.”

Trở lại hành lang phía tây, khi tôi tự động đi thẳng về phía nhà bếp thì Geoff túm lấy khuỷu tay tôi.

“Không phải ở đây”, anh nói. “Anh muốn thoát khỏi đây một vài giờ, nếu em không phiền. Đến quán Sư Tử Đỏ đi.”

Đó là một chuyến đi bộ ngắn trong trạng thái im lặng. Tôi thì quá mải mê nghĩ ngợi đến mức suýt tông thẳng vào ghế ngồi của anh trai, rõ ràng tôi đã làm như vậy nếu Vivien không nói gì đó.

“Xem ai này!”, cô ấy nói. “Anh ấy không nghe thấy ai trả lời ở nhà cô nên đến đây với chúng tôi.”

“Anh hình dung dù sớm dù muộn thì thể nào em cũng đến đây”. Tom nói. Hơi thở của anh có vị rượu Scot, lúc tách ra tôi liền quay sang ném ánh nhìn buộc tội cho Iain, người đang ngồi một mình ở vị trí quen thuộc trên quầy bar.

“Anh làm anh trai tôi say đây à?” Tôi hỏi.

“Thành thực mà nói”, anh ta đáp, với cái nháy mắt chậm rãi. “Tôi đang cố theo kịp anh ta đây này.”

“Ừm. Thêm một ngày nghỉ nữa hả anh?” Tôi hỏi Tom làm anh mỉm cười.

“Ừ. Các cha phó không tuyệt vời sao?” Ánh mắt anh trượt qua tôi. “Đây là Geoff phải không?” Anh vừa hỏi vừa chìa tay ra bắt. “Rất vui vì lại được gặp cậu. Tôi có thể mời cậu một vai không?”

Quả là anh trai tôi, tôi ấm lòng nghĩ, khi anh thò tay vào những chiếc túi nông của mình để đãi một tỷ phú một vai bia. Geoff nhả nhận chấp nhận lời đề nghị, trong vòng vài phút cả bốn chúng tôi đã ngồi thành một hàng dọc theo quầy, Vivien đứng chống tay đối diện.

Iain nâng cốc lên và thúc vào cánh tay Tom.

“Mà anh vừa nói gì về Morrissey ấy nhỉ?” Anh ta hỏi anh trai tôi.

“Cậu ta chưa bao giờ đối đầu với Conner cả.”

Geoff quay sang Vivien thắc mắc, mắt Vivien đảo tròn nhìn chúng tôi. “Cờ vua”, cô ấy giải thích. “Nếu hai người tin được. Bọn tôi đã nói về chủ đề này cả tiếng vừa rồi.”

Tom không nghe. “Ned”, anh gọi về phía cuối quầy bar, “người ta nói gì về những cơ hội của Morrissey?”.

Ned lật tờ báo và đáp mà không buồn ngẩng đầu. “Không có một cơ hội mong manh nào hết”, anh ta trả lời, Tom chỉ ra.

“Thấy chưa?”

“Anh sai bét.” Iain lắc đầu. “Sau cùng, Morrissey là người Scotland.”

“Chính xác.” Anh trai tôi mỉm cười với vai bia, ánh nhìn ranh mãnh lọt vào đôi mắt xám của Iain.

“Anh có muốn đánh cược một khoản nho nhỏ không?”

Geoff giơ một bàn tay cảnh báo chen ngang. “Cẩn thận đấy, Tom”, anh khuyên anh trai tôi. “Tôi đã mất nhiều tiền với người đàn ông này nếu liệt kê chi tiết ra.”

Tom nao núng, nhưng chỉ trong chốc lát. Anh không thể kháng cự lại cụm từ “đánh cược một khoản nhỏ”.

“Năm bảng”, anh đề nghị.

“Xong.”

Iain chột hạ lần đánh cược với một cái bắt tay, đôi mắt thoáng sáng lên khi nhìn Geoff, và châm một điếu thuốc. “Cậu trông kinh thế”, anh ta lơ đãng nói với bạn. “Cái quái gì khiến cậu ra thế này đây?”

“Thực ra là lỗi của Julia”, Geoff vừa đáp vừa đẩy hết trách nhiệm đi. “Tôi không được ngủ từ lúc trở về từ Luân Đôn.”

Tôi co rúm người lại trước cách lựa chọn từ ngữ của anh. Ba cặp mắt tò mò quay phắt về phía chúng tôi. Đến cả Ned cũng phải liếc nhìn hai đứa tôi một cái trước khi quay trở lại với trang báo vừa lật. Geoff cũng nhận ra sai lầm và cười ngoác miệng.

“Này, mấy người bỏ hết đồng suy nghĩ đen tối khỏi đầu đi. Thực tế bọn tôi đã thức suốt đêm để lục lại lịch sử của lâu đài đấy.”

Không hẳn là một lời nói dối, tôi nghĩ và thầm tán thưởng khả năng che giấu sự thật của anh. Bên cạnh tôi, Tom thắc mắc rướn một bên lông mày lên, làm tôi phải gật nhẹ đầu. Tin tức xẹt qua rõ ràng giữa hai chúng tôi là: Phải, em kể anh ấy nghe rồi, Tom chuyển mắt khỏi tôi để nhìn Geoff với vẻ hứng thú mới mẻ và đột ngột.

“Thực sự thì chúng tôi tìm thấy một thứ rất thú vị”, Geoff tiếp tục, thi thoảng đùa nghịch với vại bia trong tay. Anh nhìn Iain. “Có nhớ cậu luôn bảo sân sau nhà tôi giống một ngôi mộ không?”

“Có”

“Ừm, đúng là vậy đấy. Bọn tôi đã tìm thấy một tấm bia mộ bị vùi bên dưới vạt cỏ. Vợ của William de Mornay.”

“Thứ nhất hay thứ hai?” Vivien hỏi, Geoff nhăn mày.

“Cái gì, vợ á?”

“Không, là William. Cha hay con?”

“Ồ.” Gương mặt Geoff sáng lên. “Con. Người ở phe Kỵ sĩ đã bị nhốt vào tháp Luân Đôn.”

Vivien nhướn hàng lông mày. “Vì sao họ lại chôn bà ấy trong sân sau? Không phải thường chôn cất ở nhà thờ sao?”

“Không biết nữa”, Geoff đáp. “Có lẽ là do bà ấy theo Công giáo. tên của bà ấy là Louise, một cái tên Pháp.”

Hoan hô, tôi lại lẳng lặng khen anh. Anh thậm chí còn giỏi thu xếp chuyện này hơn tôi rất nhiều.

Iain trông không ngạc nhiên chút nào trước khám phá của chúng tôi. “Dù sao”, anh ta nói, “chúng ta tốt hơn hết nên dọn dẹp một chút, nếu có ai đó đang yên nghỉ ở đấy. Sáng mai tôi sẽ ghé qua với dụng cụ làm cỏ và xem có thể làm gì”.

Tiếng thở dài của Vivien lẫn giữa thích thú và sốt ruột. “Có gì trên danh sách công việc đó của anh rồi?”

Cô ấy hỏi. “Đến số một trăm linh một chưa?”

“Anh chỉ muốn giữ bản thân bận rộn thôi”, anh ta đáp trả.

“Tôi sẽ giúp cậu”, Geoff hứa, Vivien đành bỏ qua với một cái hắt nhẹ mái đầu vàng hoe.

Tom vẫn còn mắc kẹt trong một ý nghĩ trước đó. “Buồn thật đấy nhỉ, khi nghĩ ai đó từ chối được chôn cất trong khu đất thánh?” Anh trầm ngâm uống một ngụm rượu Scot. “Nhà thờ chắc chắn giữ nhiều câu trả lời, trong lịch sử.”

“Cứ tiếp tục nói như vậy đi anh”, tôi trêu, “rồi đến Giáng Sinh anh sẽ bị tước mũ áo cho xem”.

Anh tôi lắc đầu. “Không có cửa đâu. Tổng giám mục với anh chơi khá thân đấy nhé. Bên cạnh đó, tên của anh cũng khiến người ta cân nhắc rồi. Anh được sinh ra để trở thành người mặc bộ quần áo này, em cũng biết anh có cảm giác mãnh liệt thế nào về con đường do định mệnh sắp sẵn rồi đấy.”

Tôi liếc nhìn Geoff và ánh mắt chúng tôi gặp nhau trong một thoáng. Lúc Tom và Iain bắt đầu một cuộc thảo luận riêng về các nội quy trong Cơ Đốc giáo, Geoff vươn người qua tôi để gọi thêm một vai nữa, anh đặt một bàn tay ấm áp lên vai tôi. Đó là một đụng chạm của sự cam đoan, của hứa hẹn, của một lời xin lỗi dịu dàng, và trái tim tôi dâng trào đáp lại.

Tôi có thể chờ lâu hơn một chút, tôi nhủ thầm. Vì Richard, tôi có thể chờ.

28. Chương 28

“Được rồi, mẹ ơi, con biết rồi.” Tôi gác ống nghe điện thoại lên vai và vươn tay để chỉnh lại chiếc khung ảnh bị nghiêng trên bức tường cạnh cầu thang. “Anh Tom đã nói hết với con chiều nay rồi. Con nghĩ việc này là một bất ngờ đáng yêu với cả cha và mẹ.”

“Ừm.” Giọng mẹ tôi lơ đãng và có vẻ không hoàn toàn bị thuyết phục cho lắm. “Thế nào cha con cũng sẽ tiếp tục tham gia các cuộc thi giải ô chữ, nên mẹ chỉ còn cách chờ thôi. Dù mẹ không cho rằng kỳ nghỉ cuối tuần ở Brighton là một giải thưởng thực sự lớn lao gì cho cam. Nhưng mà”, bà nói, chọn một thái độ tích cực hơn, “cha con cũng thích điên lên rồi. Nếu nghe ông ấy nói thế nào con cũng nghĩ bố mẹ cứ như chưa được đi nghỉ bao giờ ấy, chúng ta sẽ đi vắng tận một tháng liền”.

Tuy nhiên bà không thể giấu nổi niềm vui trong giọng nói. Cả hai chúng tôi đều biết chính là chiến thắng, chứ không phải giải thưởng, đã khiến ông phấn khích - ý nghĩ đoạt được gì đó chẳng để làm gì cả.

“Cha có nhà không mẹ?”

“Không, ông ấy đi mua quần bơi rồi. Cứ tưởng tượng”, bà cười khúc khích, “với đôi chân của ông ấy xem! Mẹ sẽ phải đi cách mười bước sau lưng ông ấy và đeo một cái kính đen để không ai nghĩ mẹ với ông ấy đi cùng nhau”.

Tôi cười tinh quái. “Họ có vụ tắm khỏa thân ở Brighton đúng không mẹ nhỉ?”

“Con đang khuyến khích hay dọa mẹ sợ chết khiếp đấy?”

“Ôi, mẹ sẽ vui lắm, mẹ à. Và chỉ có một tuần thôi. Khi nào mẹ đi?”

“Thứ bảy tuần sau. Cha mẹ sẽ nghỉ đêm tại nhà Tom ở Elderwel, cha mẹ cũng nghỉ nếu không bận gì hôm đó, con có thể sẽ muốn lái xe xuống đây cùng ăn tối - làm một cuộc họp mặt gia đình.”

“Con rất tiếc.” Tôi lắc đầu. “Con không đi được mẹ ạ. Thứ Bảy tuần sau thì không được. Đám cưới của Rachel sẽ tổ chức vào hôm ấy, cô ấy sẽ thất vọng lắm nếu con không ở đó.”

“Rachel?”, giọng nói bối rối của mẹ ngăn tôi lại, tay tôi siết chặt quanh ống nghe khi nhận ra ý nghĩa của những điều mình vừa nói.

“Rachel Evers”, tôi bịa, giữ giọng nói của mình sao cho thật bình thường. “Bạn thân ở trường cũ.”

“Ồ.”

Từ sự im lặng kéo dài theo sau, tôi biết mẹ tôi đang lục tìm trong ký ức để tìm cho ra một khuôn mặt khớp với cái tên, tôi vội vã đổi chủ đề. “Tom bảo cha lại gặp vấn đề với vai”, tôi nhắc và thả lỏng cả người khi mẹ tôi sa vào hướng mới. Bà luôn luôn hạnh phúc khi được thảo luận về các vấn đề sức khỏe của cha tôi - theo ý kiến của bà, chủ yếu là do quá nhiều đêm ông uống rượu và chơi bi a ở câu lạc bộ.

Phần còn lại của cuộc nói chuyện, tôi chỉ lơ đãng lắng nghe có một nửa, còn lại thì lấp đầy những khoảng ngừng trong bài tường thuật của mẹ tôi với những âm thanh đồng ý hay thông cảm phù hợp.

“Con có chắc là vẫn khỏe đấy chứ?” Bà hỏi tôi, vào lúc kết thúc câu chuyện đặc biệt dài.

“Đương nhiên rồi ạ. Sao thế mẹ?”

“Con không nói quá hai từ trong suốt mười phút.”

“Vậy sao? Con xin lỗi. Sáng nay con dậy hơi sớm và dường như nó bắt đầu ảnh hưởng đến con rồi.”

“Ừ, con xem thế nào rồi nghỉ sớm đi”, mẹ tôi khuyên. “Và ăn đầy đủ nữa. Phải đảm bảo lọ vitamin của con được bổ sung cả sắt nữa nhé. Con vẫn uống vitamin đấy chứ? Tốt. Giờ con không muốn bị ốm đâu, đúng không?”

“Con thấy khỏe mà mẹ”, tôi lại nói, dường như đã lặp đến cả trăm lần trong hôm nay rồi. Đó là một câu nói dối, tôi tự thừa nhận thế khi cúp máy. Tôi đã nói câu đó với Geoff vào ban sáng, với Tom vào buổi chiều và giờ là với mẹ tôi, nhưng nó vẫn chỉ là một câu nói dối. Tôi không thấy khỏe một chút nào. Thực tế, tôi có cảm giác rất suy nhược và biết chỉ một người duy nhất trong ngôi làng này sẽ thấu hiểu lý do tại sao.

Ngôi nhà của bà Hutherson là căn thứ hai qua tòa cha sở bằng gạch đỏ trên đường Thượng. Nó thực sự trông giống một căn nhà ở miền quê, nhỏ nhắn, vuông vắn và hơi lún xuống bên dưới do sức nặng của mái ngói cổ. Lối đi được trồng hoa oải hương và những bông hoa thả xuống từ bệ cửa sổ giữa những cánh cửa chớp sơn màu xanh tươi mát. Ngay cả khi Alfreda Hutherson không lui húi ở một bên mé rào, chăm sóc những hàng cà chua trĩu quả, tôi cũng biết ngôi nhà này là của bà.

Bà đứng thẳng người khi tôi đi qua cánh cổng thấp, mở được cả hai chiều, chào đón tôi với nụ cười ân cần và thấu hiểu.

“Ta đã mong cháu sẽ đến sớm hơn”, bà nói.

“Nhưng ta nghĩ cháu vừa có một ngày bận rộn. Cháu thất vọng là tự nhiên thôi mà.”

Không cần giải thích mới tuyệt làm sao. “Vâng ạ.”

“Cháu muốn nhiều hơn nữa.”

“Cháu muốn cái kết của một câu chuyện cổ tích”, tôi thừa nhận với nụ cười ỉu rù. “Cháu mới ngu ngốc làm sao.”

“Không hề”, bà quả quyết đáp. “Nhưng ngay cả những cặp tình nhân trong các câu chuyện cổ tích cũng gặp phải những thời điểm khó khăn, trước khi đến được cái kết mãi-mãi-về-sau. Cho nó chút thời gian đi cháu. Hãy tin tưởng cả quá trình, khi kết thúc tất cả sẽ đâu ra đấy. Cháu đã dùng bữa chưa?”

“Chưa ạ.” Tôi lắc đầu. “Cháu không đói.”

“Vào trong đi cháu. Cháu sẽ thấy khỏe hơn nếu có chút gì đó để ăn.”

Bên trong ngôi nhà cũng ấm cúng như bên ngoài, tươi vui với những chiếc ghế hoa căng phòng, những bức tường trắng và tấm rèm ren thả, những dải nắng cuối cùng của ánh mặt trời trong ngày rớt qua khung cửa sổ hai cánh hình vuông. Tôi không ngạc nhiên khi nhìn thấy một con mèo nằm trên bệ cửa sổ; điều khiến tôi bất ngờ, một cách khá ngây thơ, là con mèo có màu vàng rộm, chứ không phải màu đen. Và sau cùng, dựa theo suy nghĩ của tôi, tôi nhận ra chẳng có gì phải bất ngờ đến thế cả...

“Cháu tin đã nhìn thấy con mèo nhà bác một lần”, tôi bình luận, “khi nó băng qua con đường gần nhà cháu”.

“Không khiến ta bất ngờ. Anh chàng này vẫn thường hay đi lang thang lắm. Mẹ của nó lại là kiểu suốt-ngày-ru-rú-trong-nhà, nhưng nó thì giống ông nó, ta e là vậy.”

Dẫn tôi vào trong một căn bếp nhỏ, bà Hutherson bận rộn bày biện nào bánh sandwich, nào bánh mặn và một ấm trà đang ủ như mọi khi. Nếu không thể cho tôi những câu trả lời, thì dường như ít nhất bà cũng xác định sẽ cho tôi cảm giác thoải mái và hạn chế đến tối đa những vết cứa sắc nhọn từ nỗi thất vọng của tôi.

“Người ta nhìn thấy trong chuồng ngựa với Geoff và Iain có phải anh trai cháu không?” Bà đột nhiên hỏi tôi.

Tôi gật đầu. “Cháu nghĩ họ đưa anh ấy đi tham quan một vòng.”

“Cậu ta có vẻ ngoài rất giống cháu. Vivien kể cậu ta là một mục sư.”

“Anh ấy sống ở Hampshire. Lần tới anh ấy đến cháu sẽ giới thiệu với bác”, tôi hứa. “Cứ vài tuần anh ấy lại ghé qua kiểm tra cháu một lần.”

“Ta nghĩ cậu ta lo cho cháu.” Bà nghiêng đầu, cẩn thận nghiên cứu gương mặt tôi. “Phải chăng cậu ta có lý do để làm thế?”

Tôi gạt qua một bên ý kiến ấy. “Không, không đâu... Cháu ổn mà, thật đấy.” Bên dưới đôi mắt dịu dàng từ đôi mắt bà, thái độ của tôi dịu đi. “Cháu đang gặp một chút rắc rối với sự kiểm soát, nếu bác nhất quyết muốn biết. Không phải lúc nào cháu cũng được lựa chọn thời gian thực hiện chuyển quay về quá khứ, đôi khi cháu bị lôi tuột đi mà không có lý do nào cả.”

“Bây giờ cháu đều quay lại mỗi ngày phải không?”

“Gần như thế.” Tôi gật đầu. “Thật khó để không làm như vậy. Bác thấy đấy, cháu rất quan tâm đến họ. Cháu quan tâm điều gì sẽ xảy đến với họ và tất cả họ đều quá thật...”

“Có lẽ còn thật hơn cả chúng ta nữa phải không?” Biểu cảm của tôi đã trả lời hộ tôi, bà gật đầu. “Phải, ta hiểu rồi. Một khi quá khứ lắng lại, sẽ có đủ thời gian cho hiện tại. Nhưng cháu không được để mất kết nối với hiện tại. Julia ạ”, bà cảnh báo tôi. “Quá khứ có thể dạy cho chúng ta nhiều điều, có thể nuôi dưỡng chúng ta, nhưng không bao giờ là nơi chứng minh sự tồn tại của chúng ta cả. Khi bản chất của cuộc sống thay đổi thì chúng ta phải tiếp tục dần thân lên trước, không thì linh hồn sẽ héo tàn rồi chết đi.”

Tôi dành ra vài ngày tiếp theo để làm việc một mình trong im lặng, giữa khu vườn nơi những nhánh hồng leo đang e ấp hé nở dọc theo bức tường đồ sộ. Khi nụ hồng đầu tiên xòe cánh, tôi âu yếm cất lấy nó và cắm vào chiếc bình bên cạnh bàn vẽ của mình. Một cách cẩn thận, tôi sao chép từng cánh hoa thanh mảnh lên trang giấy và đồ bóng bức tranh với chủ ý chính xác đến từng chi tiết. Trong những bức tranh minh họa của tôi, nó sẽ trở thành đóa hồng hoàn hảo, độc nhất mà Giai Nhân đã đánh cắp từ khu vườn của Quái Vật. Trên giấy, đóa hoa sẽ trở nên bất tử. Trong xưởng vẽ cũ kỹ, cánh hoa rụng hết chỉ trong vòng ba ngày.

Tôi tận dụng trạng thái ẩn dật nửa vời để đọc nốt tập thông tin Tom thu lượm từ người bạn làm thủ thư về chủ đề đầu thai. Các trang tài liệu trải dài từ phong trào Kỷ Nguyên Mới[1] u ám cho đến những học thuyết hàn lâm khô khốc, Nhưng cả tập tài liệu này dù sao cũng rất hấp dẫn. Tôi đặc biệt bị thu hút bởi các cách thức khác nhau mà con người nhớ lại được kiếp trước của họ.

[1] Nguyên tác: New Age, một phong trào sống và suy nghĩ phát triển vào cuối những năm 1980.

Với vài người, giống như tôi, chuyện này xảy ra một cách khá bất ngờ, hoàn toàn không thể dự liệu. Với những người khác, như những đứa trẻ chẳng hạn, lại có cách nhận thức đầy sinh động về kiếp trước của chúng và chúng chỉ mất đi những ký ức đó khi lớn lên. Thi thoảng phải cần đến một chấn thương nghiêm trọng hoặc tình trạng thôi miên trước khi những ký ức được gợi lên. Và vài người... vài người thì không bao giờ nhớ lại...

“Anh chẳng cảm nhận được gì cả”, Geoff thất vọng nói, khi một tuần sắp kết thúc. Chúng tôi đứng trong sân sau, nhìn chăm chăm xuống phiên bia mộ màu trắng đã được quét dọn sạch sẽ. Đám cỏ hỗn độn đã rạp xuống dưới chiếc máy cắt cỏ chuyên dụng của Iain, lộ ra những vật cổ xanh rỉ sét cùng vài bông hoa dại mọc thấp hơn ôm quanh khu đất bảo vệ. Geoff thọc hai bàn tay vào túi quần và nhìn trừng trừng, trấn nhấn lại. “Chắc chắn anh sẽ cảm nhận được gì đó...”

Chúng tôi nói rất ít về những gì đã xảy ra vào tuần trước. Geoff dường như đã lật tung tất cả mọi thứ trong đầu, thăm dò chính những suy nghĩ và cảm nhận của bản thân những lúc rảnh rang. Nhìn bề ngoài, chúng tôi vẫn y hệt như trước đây. Ngày của chúng tôi vẫn trọn vẹn và đụng chạm của anh vẫn ấm áp như thế, đôi mắt anh vẫn mỉm cười mỗi khi nhìn vào mắt tôi, nhưng không hiểu sao phần nào đó trong anh đã cách xa tôi. Tôi bỏ qua, bởi chắc chắn phần ấy sẽ quay lại, và sự ám ảnh mỗi lúc một lớn, cuộc đời Mariana Farr đã che phủ hết những vấn đề lật vạt của chính tôi.

Vào cái ngày diễn ra lễ cưới của Rachel, không cần đặt câu hỏi về khả năng giao du của tôi. Trước khi dải nắng yếu ớt đầu tiên của bình minh len lén chiếu xuống, tôi đã bật dậy và mặc quần áo, nhắc điện thoại khỏi giá treo và để bản thân mình được thư giãn chờ đợi những điều chắc chắn sẽ xảy ra.

Tình trạng này kéo dài khá lâu. Ngày mới đã bắt đầu, ánh mặt trời cuối hè sớm thứ Bảy rải khắp bên dưới bầu trời xanh ngắt hiếm có, nhưng khi nhiều giờ trôi qua, những đám mây bắt đầu thu lại, mặt trời dần dần tắt nắng và được thay thế bởi tấm màn xám ảm đạm. Bóng tối sẽ bao trùm ngay lưng chừng chiều, gió nhẹ nhàng thổi qua những khung cửa sổ của tôi cùng tiếng khóc lóc khe khẽ của một người phụ nữ.

Tôi phát hiện Rachel trong phòng ngủ chật hẹp phía trước mà cách đây không lâu đã trở thành phòng ngủ của cô ấy. Chiếc giường hẹp bị lật trần và trơ trọi, không có dấu hiệu nào cho thấy cô ấy đã ngủ trên đây. Đêm tân hôn của cô ấy sẽ diễn ra trong căn phòng tương đối sang trọng trong góc, trên chiếc giường bốn cọc đồ sộ từng là phòng ngủ của ông bà tôi. Đây là đêm cuối cùng cô ấy ngủ trong căn nhà này.

Tôi không biết mình sẽ sống sót như thế nào nếu không có cô ấy, ý nghĩ đó đè lên trái tim tôi nặng trĩu. Tôi biết những suy nghĩ của cô ấy thậm chí còn nặng nề hơn cả tôi, dù cho cô ấy không hề chia sẻ chúng. Cô ấy dùng bàn tay kiên định chạm lên cửa sổ, nhìn chằm chằm về phía con đường mờ昧. “Khi màn đêm buông xuống, trời sẽ đổ mưa”, cô ấy nói, nhận ra tôi đang đứng nơi khung cửa. “Các vị khách của chúng ta sẽ bị ướt mắt.”

“Dù thích hay không thì họ cũng chẳng để ý đâu.” Tôi bước vào phòng, đóng cánh cửa lại sau lưng để ngăn chặn tiếng ồn ào từ âm nhạc và cuộc hội hè bên dưới. “Mặc cho sự chê trách của bác tôi, họ đã uống hết hai thùng bia ông chuẩn bị rồi.”

Cô ấy thoáng cười trước tin tức đó. Rachel mặc chiếc váy đẹp nhất làm từ lụa hồng nhạt, trang trí những đường diềm, sắc màu sắc sỡ tương phản với bộ quần áo tằm tối của chồng cô ấy. Elias Webb đã chứng tỏ mình là một chú rể khắc khổ. Và trong nhà thờ sáng nay, chính mục sư cùng phải ngập ngừng suốt buổi hành lễ, như thể ông cũng gặp khó khăn khi phải kết hợp một thiếu nữ trẻ trung và sôi nổi với người đàn ông thế này.

“Tôi đảm bảo chồng tôi sẽ không quá chén”. Rachel nói. “Ông ấy có thói quen như người theo đạo Thanh giáo vậy. Cô biết mấy giờ rồi không?”

Tôi lắc đầu. “Gần đến bữa tối rồi. Nhưng tôi không biết chính xác là giờ nào. Cô sẽ nhanh chóng đi xuống chứ?”

“Hiện tại tôi...” Cô ấy đột ngột ngắt quãng, rồi áp lòng bàn tay lên khung cửa kính. Tôi đứng gần ngay sát sau lưng cô ấy, đủ gần để nhìn thấy điều cô ấy cũng thấy. Một con ngựa xám to lớn và người cưỡi ngựa không lần đi đâu được. Bên cạnh là Evan Gilroy ngồi hiên ngang và quả quyết trên con chiến mã hồng mao, dẫn theo đằng sau một con ngựa cái màu đen sổng động, dường như họ đang khiêu vũ trên con đường mòn.

“Anh ấy đã đến”. Rachel thở hắt ra, một tiếng thở dài rã rời. “Anh ấy thực sự đã đến.” Cô ấy quay lại đối diện với tôi, đôi mắt tỏa sáng dữ dội không sao hiểu nổi. “Hãy chớp lấy hạnh phúc của mình bằng cả hai tay, Mariana ạ”, cô ấy khuyên, đôi môi run rẩy, “và giữ lấy nó thật chặt, bởi chị không thể biết lúc nào mình có thể sẽ đánh mất nó”.

Tôi muốn ôm lấy, vỗ về cô ấy, nhưng trước khi cánh tay tôi có thể cử động thì cô ấy đã lao vụt qua tôi với đôi mắt cúi xuống tuyệt vọng, và tôi không còn nghe được gì ngoại trừ âm thanh vang vọng từ những bước chân chạy xuống cầu thang. Dưới khoảnh sân bên dưới, Navarre hất mái đầu xám khi Richard xuống ngựa. Evan dẫn cả ba con ngựa về phía cây lê oằn mình nằm ở bức tường phía nam, và buộc chúng vào đó. Dưới tầng, âm thanh hội hè xập xình lên xuống, không mấy ảnh hưởng bởi sự xuất hiện của những vị khách mới.

Giọng Richard trôi ngược lên trên qua lớp ván sàn bên dưới chân tôi, mang tôi khỏi cửa sổ và lao xuống cầu thang quay lại với đám đông.

“Thưa ngài”, giọng Rachel cắt ngang rõ ràng qua những âm thanh huyền ảo, nụ cười thật rộng lúc cô ấy băng qua căn phòng để chào đón họ. “Chúng tôi thật vinh dự khi được tiếp đón ngài.”

Richard hạ mũ và nhã nhặn cúi chào trước bàn tay vươn ra của cô ấy. “Được ở bên cô, thưa phu nhân, là niềm vinh dự đối với bất cứ người đàn ông nào”, anh êm ái đáp lại.

Nụ cười của cô ấy không nao núng chút nào lúc hướng sự chú ý đến người đàn ông bên cạnh. “Thưa anh Gilroy”, cô ấy lại đưa bàn tay ra chào.

Nụ hôn của anh ta ngắn gọn, nhưng đôi mắt vẫn nấn ná nhìn cô. “Tôi chúc em hạnh phúc”, anh ta điềm tĩnh nói với Rachel.

Bác tôi cùng tiến lên, đôi mắt ông lạnh băng phản lại chiếc mặt nạ hiếu khách. “Hân hạnh chào đón các anh, các quý ông. Xin mời đến đây và dùng vài món với chúng tôi.”

Richard lơ đãng gật đầu, mắt anh tìm kiếm khắp căn phòng. “Ông Webb đáng kính đâu rồi?” Anh hỏi. “Tôi sẽ nói chuyện với ông ấy một lát.”

Bác Jabez vẫy tay ra hiệu về phía chú rể, Elias Webb lại gần những người đàn ông, cái quắc mắt tăm tối hằn lên gương mặt nhăn nheo của ông ta. Trong Richard có vẻ không mấy chú ý đến sự chào đón lạnh nhạt của bọn họ.

“Cho phép tôi gửi đến ông lời chúc mừng của tôi”, anh nói thân thiết, “với cuộc hôn nhân tuyệt vời bậc nhất của ông”.

“Cảm ơn, thưa ngài.” Là một lời đáp khá miễn cưỡng.

Richard mỉm cười. “Tôi mong được tặng ông một món quà nhân dịp này. Trong sân, ông sẽ thấy con ngựa cái màu đen tên Barbary. Nó dành cho các quý cô và là một tùy tùng vô cùng thích hợp với vẻ đẹp của vợ ông. Xin phép ông nhận cho món quà nho nhỏ này.”

Elias Webb liếc nhìn Rachel đang đỏ bừng mặt trước khi trả lời. “Thay mặt vợ tôi, tôi xin cảm ơn và nhận món quà cưới của ngài”, ông ta nói, nhưng rõ ràng không hề hài lòng.

Các nhạc công, đánh đàn luyt, sáo và uống prôvăng khuấy động lên bầu không khí vui nhộn, Richard nghiêng đầu lắng nghe.

“Một giai điệu đáng yêu”, anh bình luận. “Nói tôi nghe xem, thưa ông, liệu ông có nghĩ tôi quá táo bạo khi cả gan mời người vợ đáng yêu của ông một điệu nhảy không?”

Khuôn mặt xấu xí của chú rể đông cứng. “Tôi rất lấy làm tiếc, thưa ngài, rằng tôi không thể cho phép vợ tôi khiêu vũ trong đám cưới. m nhạc và bia rượu thì tôi có thể chịu được, nếu dùng một cách điều độ. Nhưng khiêu vũ là trò tiêu khiển của ma quỷ.”

Richard không nhìn tôi lấy một lần kể từ khi tôi xuống cầu thang, tôi nghĩ anh không nhận ra sự hiện diện của tôi, nhưng giờ đôi mắt anh tìm thấy luồng mắt tôi một cách chính xác. Tôi áp lưng vào bức tường ốp gỗ, cầu nguyện anh sẽ không mời tôi khiêu vũ, bởi bác tôi đang đứng đây ngay bên vai anh thế này.

Từ nụ cười của anh, tôi biết ý tưởng này rõ ràng cũng lóe lên trong óc anh, nhưng anh lịch sự nhìn ra chỗ khác, xin Rachel cùng chồng cô thứ lỗi, để hòa vào cùng những vị khách khác, Evan Gilroy theo sau.

Vài phút trôi qua, khi băng qua các vị khách để rót đầy rượu cho họ, tôi thấy anh đang đứng ngay bên cạnh mình.

“Em sẽ làm tổn thương lòng kiêu hãnh của anh”, anh dịu dàng cảnh báo, “nếu cứ lơ anh đi như thế”.

Tôi ném cho anh một ánh nhìn một nửa mang tính thiếu kiên nhẫn. “Em không được phép nói chuyện với anh, theo yêu cầu của bác em.”

“Và khi nào thì em bắt đầu tuân theo các yêu cầu đó vậy?” Anh giơ ly của mình ra cho tôi rót, miệng cong lên thích thú. “Bên cạnh đó, lúc này bác em bận rồi, với phần lớn các quý ông nghiêm nghị. Nếu ông ta có nhìn theo hướng này, anh chỉ cần hụp đầu xuống là ổn.”

“Ngài đúng là không sao chấp nhận được đấy, thưa ngài.”

“Thưa vâng. Và khiêu hải hước của cô đúng là quá thiếu sót đấy, thưa cô. Điều gì làm em khó chịu đến thế?”

Tôi nhăn mặt cúi thấp đầu. “Em xin lỗi, thưa ngài, nhưng ngày hôm nay bụng em cứ quặn thắt hết cả lên. Làm sao anh có thể mang Evan đến đây được?”

Giọng anh điềm tĩnh. “Bọn anh được mời mà.”

“Rachel đã đủ khổ sở lắm rồi, đây là còn chưa nhắc đến niềm hạnh phúc cô ấy đã trải qua nữa, việc anh ta dường như chẳng mấy bị ảnh hưởng vì đám cưới của cô ấy càng làm mọi chuyện xấu hơn.”

Đôi mắt Richard dõi theo mắt tôi nhìn về phía dáng hình dong dỏng, im lặng của Evan Gilroy, anh ta đang đứng uể oải dựa vào bức tường cạnh lò sưởi, một chân đi boots xộc gác lên lò sưởi nguội ngất.

“Đây nào có phải đám cưới”, Richard phủ nhận với nụ cười thoáng xấu xa, “cho đến khi nó được hoàn thành”.

Đúng lúc đó thì bác tôi quay lại và nhìn thấy chúng tôi, mặc cho lời hứa sẽ húp đầu xuống của Richard de Mornay. Thay vào đấy anh nâng ly của mình lên, giọng nói đầy biểu cảm vang rền khi anh kêu gọi mọi người nâng ly chúc mừng.

“Vì bệ hạ, nhà vua Charles!”

“Vì nhà vua!” Tất cả mọi người đồng loạt nâng ly lên đáp lời, rồi uống cạn. Bác tôi cũng nâng ly chúc mừng, nhưng đôi mắt ông híp lại và trở liên khắc nghiệt lúc hạ cốc xuống.

“Vì cô dâu và chú rể!” Ai đó hét lên, từ phía sau căn phòng, một lần nữa đoạn điệp khúc lại đồng thanh hô vang và những chiếc ly lại được giơ cao.

“Vì tình yêu”, Evan Gilroy đề nghị bằng chất giọng đều đều, sinh động, không buồn chuyển động từ vị trí cạnh lò sưởi. Lần thứ ba, các giọng nói đồng thanh lặp lại và rượu mừng lại được uống cạn. Richard gấn chặt đôi mắt lên tôi trong khi uống cạn ly của mình, rồi đặt nó xuống kèm theo một cái nháy mắt.

“Em hãy ghi nhớ cái cách anh đã uống ly rượu mừng này”, anh nói với tôi trước khi bỏ đi.

Không lâu sau đó món sack posset[2] lại được bưng ra, mùi hương nồng nàn ấm áp của sữa đặc hòa trong rượu vang Tây Ban Nha cùng hương liệu bốc lên, đó cũng là lúc những chiếc đèn cháy hết được châm lên, ngọn lửa cũng được nhóm trong phòng ngủ trên tầng, nơi chiếc giường cỡ đại được chuẩn bị cho đôi vợ chồng tân hôn.

[2] Rượu vang pha với sữa đặc thêm vào một chút hương liệu.

Caroline và tôi hộ tống Rachel lên phòng ngủ để giúp cô ấy thay váy. Vài phút nữa là tất cả các vị khách sẽ theo sau, theo phong tục bắt buộc, để quăng tất của cô dâu[3] và chứng kiến cặp đôi mới cưới đi vào phòng ngủ. Rachel rõ ràng không có hứng thú với viễn cảnh ấy, nhưng cô ấy vẫn dờ người ngồi im dưới sự giúp đỡ của chúng tôi.

[3] Theo tục lệ, cô dâu sẽ ném tất vào đám đông, như trao tặng may mắn cho người nào bắt được nó.

“Em phải vui lên”, Caroline vừa véo vào má Rachel cho có thêm sắc hồng vừa trách em gái. “Đây có phải đám tang đâu. Jabez đã gả em cho một người đàn ông giàu có và đáng kính trọng, em nên thể hiện lòng biết ơn của mình rõ ràng hơn.”

“Em đang rất biết ơn đây”, Rachel đều giọng nói.

Caroline cuống quýt sửa sang tóc cho Rachel, và chặc lưỡi. “Trông em chẳng có gì là biết ơn cả. Em phải mỉm cười, và nói...”

“Ôi, cứ kệ cô ấy đi, Caroline!” Tôi quát lên, lòng kiên nhẫn của tôi mỗi lúc lại bị bóp méo, những âm thanh ồn ào ngưng bật. Tôi nhìn đôi mắt Rachel qua tấm gương. “Cô có muốn chúng tôi ở với cô không?”

Cô ấy chậm rãi lắc đầu. “Tôi nghĩ mình thích ở một mình hơn, nếu cả hai không phiền. Tôi sẽ có thời gian để suy nghĩ, và...” Cô ấy ngừng lại, mỉm cười với chị gái. “Cầu nguyện Chúa sẽ biến em thành một người vợ tốt và biết nghe lời.”

Cô ấy đứng dậy ôm lấy cả hai chúng tôi, trông tái nhợt và đáng yêu trong bộ váy ngủ thướt tha. “Tôi sẽ nhớ chị lắm”, cô ấy thì thầm bên tai tôi, bám chặt lấy tôi với sự tuyệt vọng không khác gì một đứa trẻ đang sợ hãi.

“Chúng tôi sẽ đến thăm cô thường xuyên”, tôi run run hứa. “Cô sẽ chẳng có lý gì để nhớ tôi đâu.”

Cô ấy đơn giản chỉ lắc đầu, đôi mắt rạng ngời với những giọt nước mắt, và lại ôm tôi. Tôi mang tâm trí bồn chồn muốn rút lui. Dưới nhà, cuộc vui từng bừng với những đợt chúc tụng và ca hát, tất cả các vị khách đều tỏ ra phấn khởi lúc tập trung nhau lại hộ tống chú rể vào phòng tân hôn. Tôi không có lòng dạ nào để tham gia với họ, khi cuối cùng họ cũng lên đến cầu thang, tôi vẫn còn rầu rĩ lòng khùng nơi hành lang, hy vọng mình sẽ không bị coi là vắng mặt.

Tôi chỉ ngỡ ngợ nhận ra âm thanh từ những giọng nói ầm ĩ dần dứt quãng, rồi thay đổi, càng lúc càng trở nên chói tai. Mọi người dường như đang quay lại, lũ lượt kéo xuống cầu thang hẹp trong bầu không khí kích động, run rẩy tràn ra từng góc của đại sảnh, bác tôi đứng giữa tất cả, khuôn mặt sầm sì và nguy hiểm hơn bao giờ hết.

“Lấy ngựa!” Ông ra lệnh với những người xung quanh. “Chúng sẽ không bỏ trốn được. Vì Chúa”, ông gầm lên, trông đáng sợ vô cùng cao lớn. “Chúng sẽ không bỏ trốn được thế này!”

Bầu không khí xung quanh tôi nháo nhào kích động, phủ đầy những tiếng thì thầm hăm dọa. “Đi rồi... có nghe thấy gì không...? Đương nhiên là qua cửa sổ... Gilroy đó, trời ạ, từ tòa trang viên... không thể nghi ngờ chuyện gì cả...”

Elias Webb, run rẩy vì giận dữ, gạt qua cả đồng người chen chúc để lao về phía tôi. “Mở cửa ra!” Ông ta ra lệnh, tôi tự động nghe theo, rồi tôi ép chặt bản thân lên cánh cửa để ông ta đi qua. Vài người đàn ông khác theo ông ta ra ngoài bãi cỏ, chủ động tỏa đi tất cả các hướng. Theo bản năng, tôi nhìn qua họ đến chỗ Evan đã buộc những con ngựa. Navarre đứng một mình dưới ánh trăng, bóng dáng màu xám mờ mờ với mái đầu xoay thẳng về phía những ngọn đồi ở tít xa.

Tôi rời ánh mắt khỏi nó và xoay người lại. Richard de Mornay đang đứng nơi lưng chừng cầu thang, một bờ vai dựa lên bức tường sau lưng, hai cánh tay anh thư thái khoan khoái trước ngực. Bên trên cả biển những khuôn mặt kinh ngạc, đôi mắt anh chạm mắt tôi, và anh mỉm cười.

29. Chương 29

Bà Hutherson mỉm cười với tôi qua vành chiếc tách in hình hoa. “Cháu nghĩ chuyện gì đã xảy đến với họ?” Bà hỏi.

“Cháu không biết nữa”, tôi khẽ cắn môi trả lời. “Cháu muốn nghĩ họ đã bỏ trốn, sống hạnh phúc đời đời bên nhau.” Tôi cười yếu ớt. “Thế là chuyện cổ tích lại xảy ra.”

Đây dần trở thành một cảnh tượng quen thuộc, hai chúng tôi ngồi đối diện nhau qua chiếc bàn sạch sẽ trong căn bếp của lâu đài Crofton, ánh nắng rót qua khung cửa sổ và chiếc ấm vẫn bốc hơi nghi ngút trên lò.

“Cháu đã đến nhà thờ sáng nay”, tôi tiếp tục, “và kiểm tra lại những cuốn sổ lưu trữ. Không có ghi chép nào về tang lễ của cả Rachel hay Evan, hay về đám cưới nào của hai người họ. Mục ghi chép về hôn lễ của Rachel và Elias Webb vẫn còn đó”, tôi chỉ ra. “Không có ai gạch xóa, hay làm bất cứ điều gì.”

“Rõ ràng họ thấy không cần thiết”, bà Hutherson giải thích. “Chẳng bao lâu sau đó Elias cũng chết. Nhưng mà”, bà ngừng lại và mỉm cười, “ta đã kể với cháu, sau đó ta đã hứa với bản thân sẽ không làm thế nữa”.

“Thế thì bác sẽ không phải bận tâm nếu kể cháu nghe về Evan và Rachel chứ ạ?”

“Không đâu.”

“Đó là một điều khá nghiêm trọng thời đó, không phải sao? Bỏ trốn với một người đàn ông khác. Cháu hy vọng họ sẽ không bị treo cổ, nếu bị bắt lại.”

Bà nhắc ấm trà lên, từ chối mắc câu. “Cháu có muốn một tách nữa không?”

“Không, cảm ơn bác.” Tôi đưa tay lên bụng. “Cháu sẽ bơi trong trà mất.”

“Cháu đã kể với Geoffrey về chuyện này chưa?”

“Cháu chưa. Cháu mới gặp anh ấy vài phút, trước khi qua trưa, anh ấy định ra ngoài cưỡi ngựa. Anh ấy vẫn không nhớ được gì cả. Ý cháu là về Richard.”

Đó là một lời bình luận không cần thiết nhưng dù sao bà cũng gật đầu. “Ta biết.”

“Liệu anh ấy có nhớ lại không ạ?”

“Dùng thêm một cái bánh quy nữa đi cháu.” Bà đẩy chiếc đĩa về phía tôi.

“Bác sẽ không trả lời cháu câu đó phải không? Thôi được rồi. thế thì thử theo góc độ này vậy. Liệu cháu có thể nói gì hay làm gì để giúp Geoff nhớ lại không?”

“Không gì cả.” Bà lắc đầu chắc chắn. “Cháu không thể tác động đến bước chân của số phận được, Julia à.”

Nụ cười của tôi ngưng đọng. “Thử sẽ chẳng hại gì.”

“Ngược lại, cháu có thể gây ra rất nhiều nguy hiểm.” Bà nghiêng đầu sang một bên và quan sát tôi thật kỹ. “Cháu có phiền nếu ta đưa ra một đề nghị không?”

“Không đâu ạ.”

“Trước đây cháu có nói không phải lúc nào mình cũng kiểm soát được những trải nghiệm. Rằng đôi khi cháu cứ thế bị kéo tuột trở về.”

“Đúng vậy.”

“Vậy thì ta nghĩ sẽ sáng suốt hơn nếu cháu rời nhà vài ngày, đi nghỉ chẳng hạn. Dù không phải cháu đang gặp nguy hiểm nào, nhưng bác của Mariana là một người đàn ông hung bạo và cuộc bỏ trốn của Rachel không hề cải thiện tính khí của ông ta. Có thể sẽ đau đớn - đau đớn về mặt thể xác - cho cháu nếu nhớ lại bất cứ phân đoạn nào ngay lúc này. Cháu hiểu rồi chứ?”

Tôi nghĩ đến những vết thâm tím của Caroline và đôi mắt trống rỗng của bác ấy. “Vâng”, tôi nói. “Cháu nghĩ mình hiểu rồi.”

“Cháu không cần đi quá lâu. Có lẽ là đến thứ Năm thôi. Mọi chuyện sau đó rồi sẽ lắng xuống. Những cơn thịnh nộ của Jabez Howard không bao giờ kéo dài lâu cả.”

Tôi tò mò nhìn bà. “Bác dường như biết rất rõ về ông ta.”

“Cũng nên vậy mà”, bà đáp, bình tĩnh nhìn tôi. “Jabez Howard là...”

Cánh cửa bên ngoài đột ngột mở tung, Vivien thò đầu qua khung cửa. “Xin lỗi đã cắt ngang”, cô ấy nói, dù không có vẻ xin lỗi một chút nào, “nhưng tôi đang tìm cô khắp nơi. Julia ạ. Tôi rất cần ý kiến của cô về bộ cánh tôi mặc ra ngoài tối nay”.

Alfreda Hutherson mỉm cười khoan dung với cô cháu gái. “Tối nay có dịp gì vậy?”

“Không có gì đâu ạ”, Vivien nhe răng cười nói. “Cháu chỉ mượn Julia vài phút thôi ạ.”

“Ý kiến của ta không dùng được sao?”

“Thôi đi ạ.” Nụ cười ngoác miệng của Vivien rộng hơn. “Cháu nhìn thấy tủ quần áo của dì rồi. Bên cạnh đó, Julia là một họa sĩ. Cô ấy rất có mắt nhìn màu sắc, vải vóc và mấy thứ đại loại thế.” Cô ấy nhìn tôi tràn trề hy vọng. “Cô có dành ra được một phút không? Hay tôi thật sự đã cắt ngang cái gì rồi?”

“Đừng lo, để sau cũng được”, bà Hutherson trả lời hộ tôi, tùy tiện xua tay. “Cháu tốt hơn nên đi với con bé đi, Julia ạ. Chúng ta không thể để mặc Vivien đi tìm quần áo, hay mặc những bộ quần áo cùng màu với đám khăn trải bàn được. Và đừng để con bé mặc bất cứ thứ gì có màu đen nhé, mấy thứ đó sẽ hoàn toàn xóa nhòa nó mất thôi.”

“Tôi không sở hữu thứ gì màu đen cả”, Vivien giải bày khi cả hai hướng về con hẻm phía sau dẫn về quán Sư Tử Đỏ. “Không có thêm nữa. Thi thoảng tôi cũng lắng nghe dì Freda mà.” Mỉm cười, cô mở cánh cổng dẫn đến dãy phòng riêng ở sau quán bar.

Bên trong, Vivien thả chùm chìa khóa lên quầy bếp và lắc đầu. “Cô nhìn mà xem”, cô ấy quét bàn tay nói. Tôi nhìn theo. Iain nằm thẳng người trên đi văng, một cánh tay gác sau đầu, chân thì bắt chéo, mắt thì nhắm chặt. “Đạo này cứ gặp vấn đề suốt với mấy anh thợ đấy”, cô ấy thích thú nói với tôi. “Cô cứ quay đầu đi một tí thôi là họ ngủ gật ngay được rồi.”

Anh ta trông rất khác khi ngủ. Các đường nét mạnh mẽ, trầm tĩnh, những góc độ từ gương mặt cùng sự tự chủ đến khắc khổ trên đó đều biến mất. Không hiểu sao trông anh ta trẻ hơn nhiều. Đó là gương mặt của một người hay mơ mộng, tôi tự nhủ, gương mặt của một nhà thơ, chứ không phải của một người nông dân. Nhưng rồi mắt anh ta hấp háy mở ra nhìn chúng tôi, cái ấn tượng kia biến mất. “Anh không ngủ”, anh ta nói. “Anh chỉ nhắm mắt nghỉ ngơi thôi.”

“Theo như em nhớ thì anh định đến sửa cái bồn rửa cho em.”

“Vâng, thưa phu nhân. Làm ngay đây, thưa phu nhân.” Anh ngáp, một bên mắt xám trợn khỏi Vivien hướng về chỗ tôi. “Lạy Chúa, cô nghĩ tôi sẽ được trả tiền cho công việc này cho mà xem.”

“Tôi không biết anh là một thợ hàn đấy, Iain”, tôi nói.

“Không phải, nhưng có thể làm được một số bước căn bản.” Anh ta ngồi dậy, xoa bóp gáy. “Viv đã sai lầm khi đề cập đến đám ống nước bị rò trong quán bar ngày hôm qua, cha Ned đã đề nghị được sửa. Thế nên Viv mới hốt hoảng gọi tôi đến giải quyết vấn đề trước khi ông ấy đến đây.”

“Nếu có một điều cô không muốn”, Vivien chêm vào, “đó là Jerry Walsh sửa sang lại đám ống nước nhà cô”.

Tôi bật cười. “Tôi biết. Tôi nghĩ cái lỗ rò trong nhà tắm của tôi đã rỉ nước khoảng ba mươi năm rồi.”

“Cô may mắn đấy”, cô ấy nói. “Ông ấy đã làm ngập nhà bếp của tôi ngay lần đầu tiên tôi nhờ ông ấy. Cứ nhờ ai nghiệp dư cho an toàn.”

“Ồ, cảm ơn em nhiều nhé”, Iain vừa lạnh nhạt nói vừa xoay chân. “Lời giải bày của em khiến anh ầm lòng lắm đấy.”

“Anh biết ý em là gì mà.”

“Rồi. Em có phiền nếu anh cầm một chai bia trong lúc gõ quanh đám ống nước nhà em không? Hay anh bị cấm say xỉn trong lúc làm việc?”

“Anh cứ tự nhiên.” Cô ấy di chuyển sang một bên để anh ta đến chỗ tủ lạnh. Ánh sáng ban ngày chiếu lên cả khuôn mặt, những nét hằn mệt mỏi càng hiện lên rõ ràng, Vivien cũng nói với anh ta như vậy. “Anh cần ngủ thêm một chút đấy.”

Anh ta ném cho cô ấy ánh nhìn thích thú kín đáo. “Em có thể nghĩ đến điều đó, cưng ạ, trước khi em đánh thức anh. Thế hai người định làm gì?”

“Julia sẽ giúp em chọn đồ để mặc tối nay.”

Iain nhún vai. “Anh đã bảo với em bộ anh thích rồi còn gì”, anh ta vừa nói vừa đóng cửa tủ lạnh và bật nắp một chai bia Đức. “Chiếc váy màu xanh, có nhiều cúc.”

“Em chỉ muốn một ý kiến chuyên môn, thế thôi.”

Nửa giờ sau, sau khi đã duyệt tất cả những bộ quần áo tiềm năng, tôi phải thừa nhận Iain đã đúng.

“Chiếc màu xanh”, tôi nói, “dứt khoát là nó. Nó có đường cắt đáng yêu và rất phù hợp với cô”.

“Phù hợp cho một buổi tụ họp buồn tẻ với những con người còn hơn cả kiểu cách và trang nghiêm ấy hả?”

“Tôi nghĩ vậy. Dù sao thì cô định đi đâu?”

“Luân Đôn”, cô ấy đáp, xoay người để ngắm nghía hình ảnh của mình trong tấm gương dài. “Tôi được mời đến dự tiệc tối ở Belgravia. Hay đó là Knightsbridge nhỉ?”

“Với Iain à?”

“Lạy trời, không đâu. Iain không chịu đựng nổi Luân Đôn.” Cô ấy lo lắng nhìn độ dài chiếc váy. “Cô không nghĩ chiếc này quá ngắn sao? Không ư? Ừm, tôi nghĩ nếu cả hai đều chọn chiếc này, thì tôi nên nghe theo lời khuyên của hai người và mặc nó.” Cô ấy liếc nhìn chiếc đồng hồ và nhăn mặt. “Trời ạ, đến giờ rồi sao? Tôi đã hứa với Ned sẽ cho anh ấy nghỉ trước khi tôi đi.”

Về phần tôi mà nói, tôi chưa bao giờ trông thấy Ned sử dụng đủ năng lượng để xin phép nghỉ ngơi, nhưng tôi giữ ý kiến đó cho riêng mình. Vivien đá bay đôi giày cao gót và vội vã thay sang quần áo thường ngày, lùa tay vào mái tóc và sửa sang sao cho gọn gàng.

“Tôi sẽ không đi lâu đâu”, cô ấy nói. “Cô có thể đến chỗ quầy bar nếu muốn, hoặc chờ ở đây.”

“Tôi sẽ chờ ở đây. Dù sao cũng nên có ai đó để mắt đến anh thợ hàn nhà cô.”

Cô ấy mỉm cười. “Quá đúng. Khi nào nước ngập đến đầu gối thì nhớ gọi tôi nhé.”

Thực tế, tôi chỉ có thể phát biểu là Iain đang làm việc rất thành thạo. Tôi đã ngó vào nhà tắm và nhìn anh ta làm việc. Một lần nữa, như mọi khi, sự yên tĩnh dễ chịu nơi anh ta lan ra quanh tôi như một dòng nước tĩnh khiết. Tôi nghĩ Vivien là một người phụ nữ vô cùng may mắn.

“Bọn tôi đã quyết định chọn chiếc váy xanh”, tôi thông báo.

“Ồ, thế à”, anh ta mỉm cười nói, “cũng không cần thắc mắc nhiều, phải không? Bộ váy đó mặc lên người cô ấy rất đẹp”.

Tôi nhìn xuống mái đầu đang cúi của anh ta. “Anh biết không, trông anh thực sự mệt mỏi lắm.”

“Biết ngay cô sẽ nói thế mà.” Anh ta thoáng ngẩng đầu lên. “Gần đây cô có soi gương không? Cô trông như thể cần một kỳ nghỉ ấy.”

Tôi mỉm cười. “Thực tế tôi cũng sắp đi nghỉ rồi. Bắt đầu vào ngày mai.”

“Ồ? Ở đâu thế?”

“Brighton.”

Anh ta lại ngược lên, lần này nhe răng cười. “Brighton? Nơi có đám bưu thiếp tục tũn đấy á? Không hợp với cô nhỉ.”

“Thực sự thì đúng là không hợp. Cha mẹ tôi đến đó nghỉ một tuần, tôi nghĩ mình có thể đi chung vài ngày với họ.”

“Ồ, đúng rồi. Tôi nhớ anh trai cô có nói gì đó về chuyện này. Đại loại là phần thưởng cha cô thắng được từ một cuộc thi phải không?”

“Giải ô chữ.” Tôi gật đầu. “Mẹ tôi không quá thích thú, nhưng sự có mặt của tôi ở đó có thể khiến bà vui lên. Ngoài ra, cũng phải mấy năm rồi tôi chưa ra biển.”

“Ừm, vậy cô nên đi và tận hưởng thôi. Chúng tôi sẽ để mắt đến ngôi nhà hộ cô, nếu cô muốn. Đây.” Anh ta vịn ống nước và ngồi dậy, quan sát thành quả công việc. “Tôi nghĩ việc này ít nhất cũng xứng đáng có một vài bia miễn phí. Sao chúng ta không đi xem Vivien đang làm gì ngoài kia nhỉ?”

Brighton vẫn lờ lợc như ký ức tuổi thơ của tôi về nó, nhưng thời tiết tỏ ra đẹp đến khác thường và cha mẹ tôi thì quá vui mừng khi nhìn thấy tôi. Tôi bỏ ra bốn ngày để kề cận bên cha mẹ, đi dạo trên bãi biển và chụp ảnh Royal Pavilion[1] và bật cười trước những gì lưu trữ ở đó.

Tôi quay trở lại vào chiều thứ Năm với tâm trạng hoàn toàn khoan khoái, tôi thả hành lý ở sảnh trước và đi tìm Geoff. Tôi thấy anh ngồi trong quầy bar quán Sư Tử Đỏ, ôm một vài bia và trò chuyện về bóng bầu dục với Ned.

Lần này, Ned trông khá sôi nổi. “Pewsey sẽ thắng Calne mười điểm vào thứ Bảy này, anh cứ chờ mà xem.”

“Có muốn rút lại ý kiến đó không, chàng trai?”

“Mười bằng Anh nếu anh đoán sai.”

“Đồng ý.” Hai người đàn ông bắt tay nhau, Geoff mỉm cười quay lại khi tôi ngồi lên chiếc ghế bên cạnh. “Một anh chàng làm việc cho anh là cầu thủ chạy cánh phải cho Calne”, anh giải thích. “Anh chỉ tỏ ra trung thành thôi.”

Ned cười toe toét. “Giống như lấy kẹo từ một đứa bé vậy”, anh ta nói.

Tôi gửi cho Geoff ánh mắt quở trách âu yếm nhất của mình. “Đấy có phải là những gì anh làm khi em không có ở đây không?” Tôi hỏi. “Uống rượu và cá cược?”

“Anh buồn chết đi được”, anh biện hộ. “Không có ai đi chơi với anh. Tuần này Iain quá bận rộn, còn Vivien...” Anh nhăn mày nhìn Ned. “Dù sao thì chính xác Vivien đã đi đâu vậy?”

Anh chàng làm lì trông coi quầy bar giơ một bàn tay lên và lắc đầu. “Hỏi tôi chả ích gì đâu. Mối tôi bị khâu lại luôn rồi.”

“Hừm”, Geoff tiếp tục. “Vivien thì ở đâu đó. Anh đành phải tự tiêu khiển chứ biết làm thế nào.”

“Hừm, giờ thì em về rồi đây. Anh muốn làm gì nào?”

Anh nghiêng đầu, ra chiều đang cân nhắc lời đề nghị. “Để bắt đầu, tại sao anh không đưa em đi ăn tối rồi em có thể quay về lâu đài với anh và giúp anh thu xếp hành lý nhỉ?”

“Hành lý để làm gì?”

“Anh sẽ đi Pháp vào thứ Bảy”, anh nói. “Hay em quên mất rồi?”

“Thứ Bảy này á? Nhưng em tưởng anh sẽ không đi cho đến cuối tháng Tám.”

Geoff mỉm cười. “Giờ là cuối tháng Tám, hay cũng gần cuối rồi. Đừng nhìn anh như thế. Anh chỉ đi có sáu tuần thôi.”

Sáu tuần! Đó giống như ra đi vĩnh viễn hơn. Tôi vẫn nhú mày khi chúng tôi rời quán bar và đi bộ dọc theo con đường rợp bóng dẫn về lâu đài. Geoff đi sát bên cạnh, bờ vai anh sượt qua người tôi. Sau vài phút im lặng, anh quay đầu sang và nhìn xuống tôi, đôi mắt không sao đọc thấu.

“Sao em không đi với anh?”

Tôi ngay lập tức ngược lên. “Cái gì?”

“Đến Pháp, ý anh là thế. Sao em không đi với anh? Còn rất nhiều chỗ trống trên máy bay, rất nhiều không gian ở ngôi nhà, sẽ không có trở ngại nào cả. Và anh muốn được ở bên em.”

“Ôi, Geoff, em không thể.” Đôi mắt tôi van nài. “Em chỉ không thể đi.”

Anh ngộ ra. “Vì Mariana.”

“Chuyện gì đó quan trọng sắp xảy ra, Geoff ạ, em có thể cảm nhận được nó. Chuyện gì đó có thể giúp lý giải vì sao chuyện này xảy đến với em. Và nó sắp xảy ra rồi. Nhưng em phải ở đây, ở Exbury này, nếu muốn tìm hiểu đoạn kết của câu chuyện. Giờ em không có cách nào đi được.”

Chúng tôi gần đến khúc quanh bao lấy nghĩa địa nhà thờ. Phía sau nhà thờ là chiếc bóng đồ sộ từ những cánh cổng đá của lâu đài Crofton, nhưng trước khi tôi có thể bước thêm một bước về phía chúng, vai tôi đột ngột bị giữ chặt và tôi bị lôi đi một cách thô lỗ về phía lùm cây. Ở đó, dưới những chiếc bóng xanh mát lạnh, Geoff giữ lấy gương mặt tôi trong tay và anh hôn tôi, nụ hôn của anh khá hung dữ và ẩn giấu sự cấp bách trong đó.

“Sao anh lại làm thế?” Tôi hỏi khi có thể thở lại.

“Anh không biết nữa. Có lẽ anh chỉ muốn đảm bảo rằng em sẽ chú ý.”

“Em đang chú ý đây mà.”

Anh mỉm cười, rồi lại hôn tôi, lần này dịu dàng hơn rất nhiều, sau đó anh ngắt đầu và vươn tay bắt lấy một lọn tóc quăn ương ngạnh trên gò má tôi. “Em sẽ nhớ anh, trong lúc anh đến Pháp chứ?”

“Đương nhiên rồi.”

“Anh chỉ tự hỏi thôi.” Nụ cười biến mất và gương mặt anh trở nên nghiêm túc dưới những bóng cây đong đưa.

Tôi nhìn anh chằm chằm. “Ý anh là gì?”

“Em nhìn thấy ai mỗi khi nhìn anh?” Anh hỏi. “Geoff? Hay Richard?”

Rõ ràng có thể dễ dàng đưa cho anh câu trả lời, nhưng tôi không thể. Tôi không thể nói được gì, tôi chỉ tiếp tục nhìn anh, bị mắc kẹt bởi sự mãnh liệt tối thẳm trong đôi mắt anh. Anh ngừng nghịch mái tóc tôi, vuốt một ngón tay lên cằm tôi trước khi buông tay.

“Là ai trong hai bọn anh, hả Julia?” Anh khẽ hỏi. “Em nên suy nghĩ thật kỹ về điều đó, trong lúc anh đi.”

30. Chương 30

Tháng Chín u ám và cô đơn, yên ắng đến tẻ nhạt và mưa liên miên. Khu vườn hoa hồng ở lâu đài chưa bao giờ thực sự nở bùng rực rỡ, những cánh hoa úa tàn vương trên nhánh cây đen sẫm, còn nước mưa bám loang loáng trên đám lá cây. Trong khu vườn chim bồ câu nhỏ của tôi, hoa cỏ chân ngỗng màu rượu đỏ đứng cặm lắc rắc khoe mình qua cả biển cúc tây, nhưng cuối cùng những cơn mưa cũng nhanh chóng khiến chúng gục ngã. Tuy vậy xung quanh vẫn còn sót lại chút màu sắc, chỉ là một màu xanh mỗi mét và ướt đầm cùng màu xanh xám thê lương của bầu trời cùng sỏi đá.

Những tấm bưu thiếp tươi sáng Geoff gửi cho tôi từ miền nam nước Pháp là một chút cổ vũ đáng hoan nghênh, tôi đã dựng chúng thành một hàng dọc bên cửa sổ để có thể ngắm trong lúc bận bịu với công việc mình họa. Tôi đang ở trong trạng thái tự kỷ khác, nhưng dường như không có ai để ý.

Iain vẫn tiếp tục bận rộn thu hoạch táo để giao cho những người nấu rượu táo ở Somerset. Thi thoảng tôi để ý thấy mảnh đất sạch sẽ gọn gàng trong khu vườn là biết anh đã đến đây, nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy anh. Anh hẳn đã làm việc khi màn đêm buông xuống. Vivien đôi khi vẫn gọi điện nói chuyện với tôi, có một sáng bà Hutherson cũng ghé qua xem tôi thế nào, nhưng phần lớn thời gian tôi vẫn vui mình vào công việc mà không bị cắt ngang bao giờ.

Sau ba tuần, tôi vẫn chưa thể trả lời câu hỏi của Geoff xem mình quan tâm đến anh hay Richard hơn - tôi thấy mình nhớ cả hai bọn họ. Những ngày của Mariana cũng ảm đạm như tôi, bởi tôi vẫn chú ý hạn chế những hồi tưởng trong căn nhà của chính mình nên Richard de Mornay không hề xuất hiện trong đó. Tôi bị cảm dỗ thứ lần thứ hai ở trang viên, nhưng không hiểu sao lại chùn bước, có lẽ vì bản năng nào đó trong người mách bảo tôi điều đó là không cần thiết. Dù chuyện gì sắp xảy ra, giọng nói đó lặp đi lặp lại, thì nó cũng bắt đầu ở Đan Cừ Xám. Cho nên tôi sẽ đợi.

Ngày hai mươi ba tháng Chín bắt đầu như bất cứ một ngày thứ Bảy nào khác. Tôi dậy sớm, lắng nghe tiếng mưa xối ồ ạt không dứt qua những ống thoát nước. Với lượng nước mưa ngoài trời, sẽ không cần phải tắm làm gì, dù vậy tôi vẫn tắm rồi xuống nhà ăn sáng.

Người chuyển thư sáng đã mang thêm một tấm bưu thiếp khác từ Geoff, một quang cảnh phủ tuyết đẹp mắt của dãy Pyrenees[1], với dòng giới thiệu đơn giản: “Xứ Basque”. Anh đã chán các bãi biển, anh viết, nên đến thăm mẹ và Pamplona vài ngày. Anh thậm chí còn thử tìm kiếm Roncesvalles, nơi chàng Roland trong bản Trường ca đã chết trong khi cố gắng chiếm Navarre cho vua Charlemagne. Thầy giáo lịch sử của anh hẳn sẽ tự hào lắm. Thân ái, Geoff.

[1] Dãy núi ngăn giữa Pháp và Tây Ban Nha.

Navarre...

Một hình ảnh tự ý hiện lên trong óc tôi, một con ngựa xám to lớn với đôi mắt trong trẻo dịu dàng và chàng cười ngựa đẹp trai đến mơ hồ. Những ngón tay khao khát của tôi chạm vào tấm bưu thiếp và sau đó tôi

đặt nó cạnh những tấm bưu thiếp được gửi đến trước đó, tự cổ vũ bản thân bằng ý nghĩ mình có thể dùng hình ảnh về những ngọn núi phủ tuyết cho bức tranh minh họa kế tiếp về câu chuyện dân gian Thụy Sĩ.

Dù sao kế hoạch hiện thời cho sáng nay của tôi là dọn dẹp phòng ăn. Tôi không thực sự dùng đến nó từ khi chuyển đến đây, nó đã trở thành nơi cất đồng những thùng hộp chưa mở, đồng đồ đạc chưa bày biện, cùng hàng tập giấy tờ được tôi phân sang loại “dùng sau”. Thực tế, lần duy nhất tôi mở cửa phòng ăn là khi muốn tổng thứ nào đó khác vào kho. Tuân theo nguyên tắc của mẹ tôi là một ngôi nhà gọn gàng sẽ tạo nên một cuộc sống ngăn nắp, tôi quả quyết đi xuống căn phòng.

Cơn hoa mắt xuất hiện ngay trước khi ăn trưa. Trước tiên tôi nghĩ nó đơn giản là vì đói, nhưng rồi hồi chuông réo rất bắt đầu vọng vào tai, bàn tay tôi bắt đầu nhòe đi trước mặt. Tiếng chuông rít lên, dồn dập, rồi ngừng bật, như thể có một cánh cửa vừa sập lại.

Tôi đưa tay lên trán, gạt tóc khỏi gương mặt nóng ran, rồi tiếp tục lau sàn, hai chân bị quấn chặt trong lớp váy bằng vải bông thô ráp khi lau qua lớp ván sàn bằng gỗ sồi chắc nịch. Khi tôi đến gần cửa phòng khách, tiếng của một người lạ ở bên trong vang lên khiến bàn tay tôi bất động và tôi ngẩng phắt đầu lên.

“Váy sẽ là tối nay”, giọng nói cất tiếng.

“Phải.” Tiếng thứ hai là của bác tôi. Họ đang đang cách tôi không đầy một sải tay, gần đến mức bóng họ chặn hết ánh sáng hắt dưới khe cửa. Tôi nín thở, không dám cử động và bốt căng thẳng phần nào khi bác tôi tiếp tục nói.

“Tối nay y sẽ chuyển đến Oxford. Một trong số chúng ta sẽ bí mật bám theo y và sẽ tìm cách chặn lại những kẻ hộ tống ở nơi chúng ta mai phục.”

“Chúng có bao nhiêu người?”

“Có y, cùng bốn người nữa, kể cả mật thám của chúng ta.”

“Chúng ta có bảy người.”

“Phải. Chúng ta không được thất bại.” Tôi nhận ra giọng của bác tôi và rụt người lại. Hai người đàn ông di chuyển một bước khỏi cánh cửa, nhưng giọng nói của họ vẫn truyền lại rõ ràng.

“Có tin tức gì từ Hà Lan không?” Kẻ lạ mặt hỏi.

“Richard Cromwell bác bỏ kế hoạch của chúng ta, nhưng tôi nghĩ đây là do ngài quá thận trọng. Khi thấy đây rõ ràng là cách để đưa ngài trở về, ngài sẽ đánh giá động cơ của chúng ta công bằng hơn.”

“Tôi nghe nói ngài đang trở nên yếu đuối, và vô dụng.”

Bác tôi tỏ ra thiếu kiên nhẫn. “Một quan nhiếp chính yếu đuối thì vẫn đáng giá hơn hàng trăm vị vua, những kẻ suốt ngày chỉ biết gái gú, bài bạc và nhân danh Chúa để biện minh cho những hành động vô bổ của mình. Không”, ông nói, “đần chúng Sodom sẽ phải run rẩy, vào cái ngày Đức Chúa đến”, ông ngừng lại, lúc này giọng ông phảng phất nét cười. “Cháu gái tôi thành thạo Kinh Thánh đến ấn tượng, tôi đã kể ngài nghe chưa?”

“Rồi. Có lẽ ông nên hứa cô ta cho Elias tội nghiệp, như một sự bồi thường.”

“Cũng có khả năng lắm. Ông ta có thể trở thành cha con bé, nếu em vợ tôi không chạy mất, Rachel giờ đã trở thành nỗi hổ thẹn với cả hai chúng tôi, quý tha ma bắt linh hồn con bé đi. Elias đã gặp quá nhiều thiệt hại, tôi nghĩ ông ta sẽ không yêu cầu tôi gả vợ cho ông ta nữa.”

“Ông ta biết chỗ hội họp tối nay chứ?”

“Elias hả? Có, ông ta cũng biết và mang theo thanh kiếm đã gắn bó với ông ta nhiều năm trời. Bảo những người khác sẵn sàng đi và tập hợp ở giao lộ trong ba giờ nữa.”

“Tôi sẽ cầu cho thành công của chúng ta”, người lạ mặt đề nghị, nhưng bác tôi gạt lời bày tỏ đó sang một bên.

“Không cần thiết. Đức Chúa đứng về phía chúng ta bằng việc giải phóng tên Quỷ vào tay chúng ta, ngày mai thôi tất cả chúng ta sẽ ăn mừng sự khôi phục nền Cộng Hòa.”

Rồi họ bước khỏi cửa, lưng tôi ấn lên chân bàn, cả người ớn lạnh, miếng giẻ lau sàn bắt giắc bị siết chặt trong bàn tay run rẩy. Đây không phải mơ, tôi tự nói với mình, cũng không phải hình ảnh không căn cứ từ trí tưởng tượng của chính tôi. Bọn họ định ám sát nhà vua. Bọn họ thực sự định ám sát nhà vua, và đưa một tên khác nhà Cromwell vào thay vị trí của ngài.

Chuyện này có vẻ thật khó tin, nhưng...

Tôi mò mẫm chạm tay lên má và cảm nhận cơn đau nhói từ những vết bầm vẫn còn lưu lại.

Bác tôi có khả năng giết người.

Tôi phải cảnh báo cho nhà vua, tôi thầm nghĩ... Nhưng chợt nhận ra ý nghĩ ấy mới ngu ngốc làm sao. Tôi, cảnh báo nhà vua ư? Không những ngu ngốc mà còn không thể thực hiện được. Nhưng vẫn phải cảnh báo. Cho Richard, tôi quyết định. Tôi sẽ kể với Richard và anh sẽ tìm cách nhắn cho nhà vua. Tôi nhổm dậy và đi được nửa đường đến nhà bếp thì nghe tiếng chén đĩa va loảng xoảng, nhắc tôi nhớ rằng Caroline vẫn đứng chắn ngang tôi và cửa sau. Bác tôi cùng vị khách kia không còn ở trong phòng khách, nhưng tôi vẫn có thể nghe thấy tiếng họ vọng ra từ sảnh trước. Cũng không còn lối thoát nào ở đó nữa.

Hoảng loạn, tôi quay đầu, ánh mắt tuyệt vọng rơi vào khung cửa sổ nhìn ra khu vườn. Một trong những khung cửa sổ mở hé, bằng việc dồn hết sức lực, tôi lằng lằng cố gắng đẩy nó lên từng phân một, cho đến khi nó mở đủ rộng để tôi luồn người qua bệ. Tôi cẩn thận nhảy xuống lớp đất mềm bên dưới và kéo cửa sổ sập xuống như cũ, sợ rằng ai đó sẽ nhòm vào căn phòng trong lúc tôi đi mất. Nếu may mắn, tôi tự nhủ, sẽ không có ai phát hiện được sự vắng mặt của tôi. Ngôi nhà im lặng đến khổ sở từ khi Rachel bỏ đi, cả bác trai lẫn bác gái hầu như đều không mấy để ý đến tôi.

Tôi khẩn cầu họ sẽ không nghĩ đến chuyện tìm kiếm tôi lúc này, khi tôi nhích người vòng qua bức tường phía nam của ngôi nhà và khê khàng chạy qua lớp cỏ mọc cao về phía thung lũng, nơi tôi lạc mất bản thân trong sự chở che đầy hoan nghênh của khu rừng. Tôi chạy một cách mù quáng, như con thỏ rừng trong cơn sợ hãi, không buồn quan tâm đến đôi bàn chân trần và mở quần áo luộm thuộm của bản thân. Tôi không ngừng chạy cho đến khi dừng lại trước cánh cửa gỗ sồi đồ sộ của lâu đài Crofton và nện cửa với tất cả sức lực còn sót lại.

Cánh cửa mở ra, người quản gia của Richard xuất hiện. Thoáng chần động mờ nhạt lóe lên trong đôi mắt đã tiết lộ sự ngạc nhiên của ông ta khi trông thấy tôi, dù ông ta vẫn cẩn thận giữ biểu cảm gương mặt theo đúng khuôn phép.

“Tôi phải nói chuyện với ngài de Momay”, tôi gần như hụt hơi cầu xin. “Vô cùng cấp bách.”

Người quản gia lịch sự gật đầu và bước sang một bên nhường lối cho tôi vào. “Ngài ấy đang ở trong phòng khách nhỏ, thưa cô Farr. Tôi tin rằng cô biết đường.”

“Vâng.” Tôi mỉm cười biết ơn. “Cảm ơn ông.” Richard đang ngồi một mình bên bàn cạnh cửa sổ, nhẩn mào đọc những giấy tờ trải ra trước mặt. Anh quay đầu lại khi tôi tiến vào, không giống vị quản gia điềm tĩnh, anh trông rõ ràng rất kinh ngạc. “Mariana! Em đến đây bằng cách nào thế?” Phản ứng đầu tiên của anh là vui mừng khi thấy tôi đến thăm, nhưng khi đôi mắt lướt qua gương mặt điên cuồng của tôi, cùng mở quần áo bẩn thỉu, nụ cười của anh biến mất. “Sao thế? Chuyện gì đã xảy ra?”

“Là mưu phản đó, Richard.” Tôi loạng choạng tiến về phía anh, đôi chân run run. “Bọn họ định ám sát nhà vua. Em nghe bọn họ nói.”

“Nghe ai nói? Bác em ư?” Tôi gật đầu, nét mặt Richard cứng lại. “Ông ta nói với ai?”

Tôi lắc đầu. “Em không biết. Em không nhìn thấy họ, giọng nói thì lạ lắm. Nhưng tất thấy bọn họ có bảy người, kể cả Elias Webb. Họ định ám sát nhà vua và đưa Richard Cromwell lên thay thế.”

“Richard Cromwell không muốn dính dáng đến chính trị.”

“Họ nghĩ đến chuyện khiến ông ta đổi ý.” Tôi tiến lên một bước, nhưng chân tôi run rẩy dữ dội như muốn sụm xuống. Trước khi có thể lại di chuyển, Richard đã đến bên cạnh tôi, hơi ấm và sức mạnh của anh khiến tôi vững dạ khi anh đỡ tôi ngồi lên chiếc ghế cạnh cửa sổ, ánh nắng sưởi ấm làn da tôi qua khung cửa, rồi anh đưa bàn tay dịu dàng đến không ngờ chạm vào những vết hằn mờ mờ trên da tôi. “Là ai?”

“Richard”, tôi nói, từ chối tiết lộ, “anh phải cảnh báo nhà vua. Tính mạng ngài đang bị nguy hiểm và một trong số thị vệ của Ngài thông đồng với bọn Phản bội”.

Bàn tay anh rơi khỏi gương mặt tôi, đôi mắt thắm như khu rừng xanh mượt. “Chúng lập kế hoạch vây bắt ngài lúc nào?”

“Đêm nay. Bọn họ nói nhà vua sẽ đi từ Salisbury đến Oxford đêm nay, chỉ có bốn thị vệ theo hầu, và một trong số đó là tên quỷ trá hình sẽ đưa ngài vào chỗ chết.”

“Chúa tôi.” Richard đưa tay vuốt mặt, anh quay đi, nhìn về nơi những ngọn đồi nằm trải mình yên ả về phía nam.

Tôi quan sát gương mặt anh. “Anh sẽ cảnh báo với ngài chứ?”

“Ừ, dựa vào đó anh sẽ cố hết sức để đuổi kịp ngài. Máu của một vị vua bị ám sát đã từng một lần nhuộm lên đất nước này, Ngày nào anh còn sống thì anh sẽ không nhìn nó xảy ra lần thứ hai. Bên cạnh đó”, anh thêm vào với nụ cười mím chặt, “Charles Stuart là người tốt, ngài ấy cũng rất độ lượng, anh không muốn nhìn ngài ấy chết”.

“Thế thì anh phải cưới ngựa”, tôi thúc giục. “Bác em sẽ gặp những kẻ đồng hành trong vài giờ nữa, em không biết họ đi đâu cả.”

“Về phần anh, anh muốn em ở lại đây”, anh kiên quyết nói. “Những người hầu của anh sẽ chăm sóc cho em.”

Một lần nữa tôi lắc đầu. “Em không thể, Richard ạ. Nếu em bị phát hiện đã mất tích thì chỉ càng đánh động cho bác em và khiến ông ấy đề phòng. Em không thể để Caroline cùng đứa bé ở một mình trong ngôi nhà đó được. Từ lúc Rachel bỏ đi, tính khí ông ấy càng trở nên tệ hơn - em không biết ông ấy có thể làm gì với họ. Em phải trở về.”

“Anh sẽ thấy em thoát khỏi Jabez Howard trước khi tuần này chấm dứt”, anh nói, chạm khế vào má tôi với cử động dịu dàng đầy âu lo. “Đừng cười anh, vì... anh đã quyết rồi, anh sẽ thực hiện. Hay em thấy cảnh tượng cưới anh tức cười đến thế cơ à?”

Nụ cười tắt lịm trên môi tôi. “Anh không thể cưới em.”

“Ồ, anh không thể ư?” Anh cười nhả nhỏ. “Anh có tiếng là luôn làm những điều không thể đấy, tình yêu của anh ạ. Trong một tuần nữa anh đảm bảo em sẽ không còn nghi ngờ lời nói của anh nữa.”

Rồi anh hôn tôi, đưa tay để đỡ tôi đứng dậy. “Đến đây nào”, anh nói, “anh sẽ hộ tống em về nhà an toàn”.

“Không còn thời gian đâu anh”, tôi phản đối. “Nhà vua...”

“... sẽ đợi cho đến khi anh đưa em về nhà”, anh êm ái kết thúc, với sự quả quyết tôi biết tốt hơn hết nên vâng theo. “Công bằng mà nói, sự an toàn của em khiến anh quan tâm hơn cả sự an toàn của Charles Stuart. Cuộc sống của ngài đã bị treo trên bờ vực quá lâu nên có dài thêm vài phút cũng không gây hậu quả gì cả. Nhưng chúng ta sẽ cưới ngựa, nếu thời gian là điều khiến em lo lắng. Navarre có thể chở cả hai chúng ta.”

Đó là lần tiếp xúc quá ngắn ngủi, tôi nghĩ thầm sau đó - mười phút ngắn ngủi được nép trong vòng tay của Richard, ngồi phía trước anh trên yên ngựa, đôi bàn tay bám lấy áo khoác anh để giữ thăng bằng trong khi cán thanh kiếm của anh áp lên hông tôi lạnh ngắt.

“Em đã nói sẽ không ngồi sau”, anh trêu ghẹo, “nên phải làm thế này thôi”.

Tôi cắn môi. “Nếu ai đó nhìn thấy chúng ta...”

“Thì cứ để họ nhìn”, anh đáp, cúi thấp đầu để hôn lên tóc tôi. “Em phải học được cách không quan tâm xem người khác nghĩ gì.”

Nhưng anh đã dừng ngựa ở thung lũng phía nam Đàn Cừu Xám, bên dưới tán lá rộng của một cây sồi đang reo xào xạc, và giúp tôi xuống ngựa.

“Em sẽ vào nhà bằng cách nào?” Anh hỏi.

“Cùng với lối em đi ra qua cửa sổ phòng ăn. Dễ trèo lắm.”

“Ô cửa nào?”

“Cái đó”, tôi chỉ, “thứ hai từ cửa ra vào, trên khu vườn”.

Anh tìm thấy nơi đó và gắn chặt mắt lên nó. “Khi em vào trong và chắc chắn thấy an toàn, hãy đóng cửa sổ lại sau lưng, nhưng trước đó thì đừng đóng”, anh hướng dẫn. “Nếu cánh cửa vẫn mở, anh sẽ biết em đã bị phát hiện, và sẽ đến để giải cứu em.”

Tôi đặt bàn tay lên đôi bốt của anh một lát và nhũu mảy. “Richard à.”

“Sao?”

“Anh sẽ cần thận chứ?”

Nụ cười nhếch miệng của anh ngay lập tức được trưng lên, chắc chắn đó là lời cam đoan với tôi. “Em chú ý thật kỹ khẩu hiệu của gia đình anh vào”, anh nói. “Anh không thể bị phá hủy, những mối e sợ của em đối với anh sẽ bị lãng phí mất thôi. Đi đi, nhớ tự bảo vệ mình. Anh sẽ đợi ở đây cho đến khi biết em được an toàn.”

Tôi đi men qua rặng cây mỗi lúc một xa và dùng hết sức bình sinh để chạy trở lại qua vạt cỏ rộng. Tôi cảm giác như thể có hàng trăm đôi mắt đang dõi theo mình, và cầu nguyện chúng không phải thật ngoại trừ từ trí tưởng tượng của chính tôi. Lần này đẩy người qua bệ cửa sổ từ bên ngoài vào trong khó khăn hơn rất nhiều, nhưng sau vài lần thử, tôi đã quay trở vào bên trong phòng ăn yên ắng, với duy nhất mùi nước lau sàn kề cạnh bên người. Tôi vượt phăng vạt vấy và bước khỏi cửa sổ, Nhưng trước khi tôi có thể trở về chỗ cũ thì cánh cửa nhà bếp đã mở tung và Caroline hé đôi mắt tò mò nhìn quanh.

“Cháu bỗng dưng im bất ở trong này”, bác nói, cố gắng nở một nụ cười. “Ta cứ tưởng cháu ngủ quên mất rồi.”

Tôi cười đáp lại, hy vọng bác sẽ không nhìn thấy đôi bàn tay run rẩy của tôi. “Cháu mở cửa sổ”, tôi nói, một cách thừa thãi. “Mùi nước lau sàn nồng quá, nó khiến cháu đau đầu.”

Caroline không bình luận gì, đơn giản chỉ nhìn thành quả của tôi và lấy nó làm sự thỏa mãn với mình. “Cháu sẽ trông Johnnie hộ bác một phút được chứ?” Bác yêu cầu. “Ta phải ra với bác cháu.”

“Đương nhiên rồi ạ. Cháu chỉ mất chút thời gian để dọn dẹp thôi.”

Bác gật đầu và trở vào bếp, tôi thở hắt ra và run rẩy thở dài. Từ thái độ của Caroline thì rõ ràng tôi vẫn chưa bị phát hiện, Nhưng tôi đã thoát khỏi tai họa chỉ trong chân tơ kẽ tóc, và nhận thức này khiến tôi run lấy bầy như một chiếc lá trước cơn gió mùa thu vậy.

Kéo người đứng thẳng dậy, tôi quay trở lại khung cửa sổ mở và đứng trước nó, hướng đôi mắt thẳng về phía thung lũng. Anh vẫn đứng đó, như đã hứa, chiếc bóng thăm tối cao hơn trên con ngựa xám sừng sững, lặng lẽ đứng đó bên dưới tán cây sồi. Một cách chậm rãi đầy cố ý, tôi kéo cửa sổ hạ xuống cho đến khi khung kính đập lên bệ và nhìn Richard giơ bàn tay lên ra hiệu đã biết.

Bàn tay tôi cũng giơ lên đáp lại, nhưng anh đã quay con ngựa xám vòng về phía hàng cây dọc theo bờ sông. Khi tôi hạ tay xuống, thần thờ áp mặt lên lớp kính lạnh toát, tôi thấy con ngựa cùng chủ nhân của nó thúc chân phi nước đại, hướng thẳng về phía nam, hướng về Salisbury.

31. Chương 31

Màn đêm phủ xuống chúng tôi như chiếc bóng của cái chết. Johnnie quấy khóc và cáu gắt vì chiếc răng sâu, không chịu đi ngủ, nhưng tôi rất vui mừng khi được dong đưa cậu bé trong vòng tay ngay bên cạnh bếp lửa, tạm thời quên đi lo lắng. Nếu Caroline biết nơi chồng bác đến giờ này, biết những dự định của ông, thì bác cũng không biểu lộ gì về nó. Chúng tôi toàn tán gẫu linh tinh mỗi lần nói chuyện, nhưng sự căng thẳng vẫn tồn tại và hữu hình, cả ba chúng tôi đều thấy bồn chồn vì nó.

Đến gần nửa đêm thì chúng tôi nghe thấy tiếng ngựa dừng lại bên ngoài ngôi nhà kèm theo tiếng những bộ yên ngựa kêu lộc xộc, tiếng những bộ guốc gỗ dồn cùng âm thanh của những người đàn ông băng qua khoảng sân. Rồi những âm thanh đó rút hẳn. Cửa trước đóng sập lại và tiếng bước chân của bác tôi vang lên trong sảnh. Caroline và tôi ngồi thẳng dậy, bất động, đôi mắt hướng ra cửa, tôi tưởng tượng cả hai chúng tôi dường như đều đang nín thở.

Cửa nhà bếp đập mạnh lên bức tường đằng sau. Chấn ngang lối vào, bác tôi trừng mắt nhìn cả ba chúng tôi, biểu cảm của ông còn tối tăm hơn cả địa ngục. Trong vòng tay tôi, Johnnie bắt đầu cất tiếng khóc.

“Elias Webb chết rồi”, ông nói, chất giọng điềm tĩnh của ông còn nguy hiểm hơn bất cứ tiếng quát tháo điên tiết nào. “Cả Bill Pogue và Edmund Harrap. Chết tất.”

Chúng tôi nghĩ không nên nói gì cả. Mà cũng không kịp nói gì. Bởi ngay lập tức ông tuôn ra liên tiếp và hất văng cái bàn cùng bát đĩa trên đó xuống đất.

“Quý bắt thằng khốn de Mornay!” Con giận dữ bùng nổ. “Ta sẽ không để yên mà chịu thiệt hại vì nó thế này!”

Johnnie gào lên inh ỏi, rúc gương mặt nhỏ xíu vào ngực tôi và bấu chặt đôi bàn tay sợ hãi lên váy tôi. Tôi áp thẳng bé sát hơn vào người và đong đưa, cố gắng không để cơn sợ hãi của bản thân chiếm cứ.

“Ngài de Mornay đã gây thiệt hại gì cho bác vậy?” Tôi bình tĩnh hỏi, nhưng ông không còn nghe thấy tôi. Đôi mắt ngùn ngụt căm hờn, trợn lên độc ác trong ánh lửa bập bùng từ lò sưởi.

“Những kẻ khác đều chấp nhận bại trận”, ông lẩm bẩm, như đang nói với chính mình, “và để tên quý chiến thắng. Nhưng ta đã nhìn thấy máu quý và biết hẳn là một con người”, ông siết chặt bàn tay đeo găng quanh chuôi kiếm, rồi nhíu mày nhìn tôi. “Chị không thể làm thằng nhỏ câm miệng được à?” Ông thô lỗ quát, làm tôi càng ôm chặt đứa nhỏ vào lòng, che chở cho nó.

“Bác Jabez”, tôi nói, cố thắm ướm đôi môi khô khốc, “bác định làm gì thế?”

Nụ cười của ông trông vô cùng xấu xa. “Ta định đợi cho ngài de Mornay của chị trở về từ chuyến cưỡi ngựa đêm của hắn và cho hắn sự chào mừng hắn sẽ không quên trong một sớm một chiều.”

Tôi cố giữ giọng mình điềm tĩnh. “Bác định hại ngài ấy sao?”

“Ta muốn nhìn thấy hắn chết.”

Caroline tái bọt trong góc cạnh ô cửa. “Nhưng, Jabez, chắc chắn...”

“Cô đang chống đối ta?” Thay vào đó ông hướng cơn thịnh nộ sang bác, đổ chiếc bóng to lớn và đầy hăm dọa trên ghế của tôi. “Lạy Chúa! Đến cô cũng nghĩ đến chuyện chống đối ta à?” Tôi thoáng nhìn thấy ý định khủng khiếp trong đôi mắt ông trước khi ông di chuyển, nhưng tôi bất lực không ngăn nổi ông. Trước khi tôi có thể bảo vệ đứa nhỏ, ông đã giằng nó khỏi cánh tay tôi và bằng một cử động độc ác, ném nó về phía lò sưởi bằng đá, nơi đứa trẻ rơi xuống như một món đồ chơi bỏ đi, méo mó và vỡ nát. “Ta là chủ cái nhà này”, bác tôi gầm lên, “và vì Chúa, cô sẽ không được thắc mắc thêm lần nào nữa!”

Cơn sốc khiến tôi cảm bất, tiếng thét phản kháng mắc nghẹn trong cổ họng. Nhưng bác tôi đứng đó bất động trong một lúc, trừng mắt nhìn xuống chúng tôi như kẻ thống trị địa ngục, rồi quay phắt gót chân bỏ đi, cánh cửa trước ngoài sảnh lại sập mạnh sau lưng. Một khắc sau đó tôi nghe thấy tiếng duy nhất của một con ngựa hướng thẳng về phía ngôi làng và lâu đài Crofton.

m thanh, và ý nghĩ kèm theo, đã khuấy động trạng thái sững sờ của tôi. Đờ đẫn, tôi ngẩng đầu quay sang nhìn Caroline đang thét lên hung dữ và lao mình qua căn phòng rồi đổ sập xuống trước lò sưởi cháy rừng rực, hai cánh tay khê khàng ôm lấy cơ thể bất động của con trai. Cơ thể bác run lên dữ dội, đôi môi nhúc nhích ru thành một bài hát đồ dành, nhưng đứa bé đã ở quá xa, vượt ngoài dụng chạm của bác. Tôi một lần nữa nhìn đôi mắt bác và không thể ép bản thân nhìn lại lần thứ hai. Đó là một đôi mắt chết chóc, không sinh khí và vô cùng tàn bạo. Như thể sự kinh khủng từ những gì chứng kiến đã đẩy tâm trí thống khổ của bác vượt qua tất cả nhân nhục, không bỏ lại gì ngoài cái vỏ trống rỗng, nơi một linh hồn người sống từng trú ngụ trong đó. Nhìn không thôi cũng quá đau đớn rồi.

“Caroline à.” Tôi khê nài nỉ. “Caroline, chúng ta không thể ở lại đây.”

Bác không trả lời, nhưng tôi vẫn cương quyết tiến lên trước.

“Jabez mất trí rồi. Caroline. Chờ ông ta quay lại còn nguy hiểm hơn. Chúng ta phải tìm kiếm sự giúp đỡ.”

Đôi mắt trùng sâu lạnh nhạt nhìn lướt qua tôi.

“Đợi cháu ở đây”, tôi nói. “Cháu đi một lát thôi.” Không đợi xem bác có nghe thấy lời hướng dẫn của mình không, tôi giật áo choàng khỏi chiếc móc treo đằng sau cửa hậu và vặn mạnh then cửa, lao đảo lao vào màn đêm.

Bên trong chuồng bồ câu tối đen như một nắm mộ, âm thanh gù gù của những con chim chẳng khác gì tiếng nhạc đệm kỳ quái cho nhịp đập điên cuồng của trái tim tôi. Cửa chuồng đóng chặt. Tôi rút chiếc dây thừng để mở nó, thăm cảm tạ bầu không khí sạch sẽ của màn đêm sộc lên xung quanh cùng ánh trăng từ trên cao rót xuống đầm thũng màn đêm hiển hiện, cho tôi đủ ánh sáng để ít nhất có thể nhìn thấy cái bóng mờ mờ của những bức tường bao xung quanh.

Mồ mẫm dọc theo bức tường, tôi gần như khóc lên vì nhẹ nhõm vì khi những ngón tay chạm vào phần bờ nứt nẻ của một cái hốc. Nếu Chúa phù hộ, tôi cuống quýt nghĩ, chiếc chìa khóa vẫn còn nằm ở đây. Chiếc chìa khóa Richard đã đặt ở đây cho tôi tùy ý sử dụng từ khoảng hai tháng trước. Chiếc chìa khóa sẽ đưa tôi vào sân sau của tòa trang viên. Tôi biết ở đó mình sẽ được an toàn - ít nhất cùng an toàn với Caroline, những người hầu của Richard sẽ đảm bảo được điều đó. Về phần tôi, tôi không có nơi nào để ẩn nấp cho đến khi Richard thoát khỏi bác tôi.

Ta đã nhìn thấy máu của tên quỷ, bác tôi đã nói vậy, những từ ngữ đó xộc lên lạnh buốt qua những mạch máu của tôi. Vậy tức là Richard đã bị thương ư?

Không, đương nhiên anh sẽ không bị thương, tôi tin tưởng nhủ thầm. Nếu anh bị thương, bác tôi chắc chắn trông đã hả hê rồi. Có lẽ Richard đã cưỡi ngựa hộ tống nhà vua đến Oxford. Ôi, cầu xin Chúa, tôi cầu nguyện, hãy để anh ở lại với nhà vua. Đừng để anh trở về nhà đêm nay...

Những khớp ngón tay của tôi cào lên mặt đá lởm chởm khi những ngón tay nắm được chiếc chìa khóa, tôi nhanh chóng rút nó ra, siết chặt trong lòng bàn tay rồi chạy băng qua sân vào nhà.

Caroline ngồi trên ghế, chờ đợi tôi, chiếc áo choàng buộc ngay ngắn trên vai. Một cách cẩn thận, bác bọc chiếc khăn quanh cơ thể đứa trẻ bất động trong lòng. “Nó có thể bị lạnh”, bác khẽ giọng giải thích, như thể sợ sẽ đánh thức thằng bé.

Trái tim tôi như bị bóp nghẹt đau đớn trong lồng ngực, nhưng tôi không lên tiếng phản đối. Giờ không phải là lúc đánh vỡ ảo tưởng của bác. “Vậy thì đi thôi”, tôi ra hiệu cho bác và chúng tôi cùng nhau ra khỏi ngôi nhà tăm tối, đóng cánh cửa lại sau lưng.

Caroline không một lần cất tiếng hỏi về nơi tôi sẽ đưa bác đến. cũng không thể hiện dù chỉ một chút hứng khởi với những gì xung quanh. Bác lầm lũi theo sau, ôm chặt đứa con đã chết vào ngực. Đêm lạnh và sáng lờ mờ dưới ánh trăng nhợt nhạt. Đêm sẫm lung nổi sợ hãi, những chiếc bóng sẽ đuổi theo ta qua khắp cánh đồng và thậm chí cả núi rừng cũng không thể bảo vệ ta khỏi những đôi mắt đang châu chực dõi theo.

Chúng tôi nhanh chóng băng qua rặng cây để tiến về lâu đài, men người vòng qua cả nhà thờ và chuồng ngựa để đến tòa trang viên qua bức tường phía tây. Ở rìa sân chuồng ngựa, một chiếc bóng khác lao vụt qua chúng tôi, tôi nín thở sợ hãi trước khi nhận ra đó là gì - một con chó nhút nhát chạy lang thang với chiếc đuôi buông thõng dưới chân. Tôi tưởng đã nghe thấy tiếng hít vào khác cạnh tiếng thở của tôi, nhưng Caroline không gây ra một tiếng động nào, nên tôi nghĩ đó là do trí tưởng tượng căng thẳng cùng tiếng vọng của cơn gió mà thôi.

Chẳng gặp mấy khó khăn để tìm ra cánh cửa thấp nép giữa bức tường bao quanh sân sau, nhưng tôi phải loạng choạng ba lần mới nhét được chiếc chìa vào ổ khóa. Một khi nhét vào, chiếc chìa khóa xoay một cách dễ dàng, cánh cửa bật mở vào trong trên những tấm bản lề tra dầu, tôi dẫn Caroline vào, rồi vội vàng khóa lại cánh cửa phía sau. Đẩy Caroline áp vào bức tường, nơi bóng tối đặc quánh, tôi đưa một bàn tay lên môi ra chiều bảo Caroline không được lên tiếng.

“Đợi ở đây nhé”, tôi thì thào. Bác ôm đứa con và im thin thít gặt đầu, đôi mắt thần thờ và không mấy quan tâm. Ánh đèn vàng tràn ra ngoài sân sau từ thư viện, tôi cẩn thận đi về hướng đó, nhắc lần váy để chúng

không quét sột soạt lên vật cở. Trái tim như muốn nhảy lên cổ họng khi tôi tiến lại gần khung cửa để ngủ, rồi tất cả ngưng bật khi một cánh tay mạnh mẽ siết lấy từ sau lưng tôi như một gọng kìm, lôi tôi về phía ánh sáng.

Tôi hẳn đã hét lên ngay khi có thể thở lại, nhưng cả hai hành động đó đều không thể thực hiện bởi một bàn tay to lớn đã ép chặt vào mũi và miệng tôi, khiến tôi khó thở. Đầu tiên mắt tôi mở to sợ hãi, rồi khi nhận ra nhau, bàn tay đang bóp nghẹt kia cũng ngay lập tức thả gương mặt tôi ra.

“Cô Farr!” Gương mặt của người quản gia lần đầu tiên đã hé lộ sự ngạc nhiên. “Thứ lỗi cho tôi! Tôi tưởng cô là trộm.”

Tôi chà mạnh lên cổ và nở nụ cười mệt mỏi. “Tôi đang tìm nơi ẩn náu”, tôi nói, “Nói cho tôi đi, bác tôi đã đến trước tôi phải không?”.

Người quản gia lắc đầu. “Không. Không ai đến đây kể từ lần ghé qua của cô sáng nay cả.”

“Xin ông.” Tôi đặt bàn tay lên tay áo ông ta. “Đừng cho phép bác tôi vào căn nhà này. Ông ấy định gây hại cho ông chủ của ông. Người đi cùng với tôi có thể làm chứng cho sự độc ác trong bản tính của ông ấy.” Quay người lại, tôi gọi Caroline vẫn chìm trong khoảnh tối ở bức tường phía xa. “Đến đây đi, Caroline, người này là bạn. Bác sẽ được an toàn.”

Bác chậm rãi tiến đến trong một bộ dạng cứng còng và lê chân đau đớn, siết chặt cái bọc nhỏ đáng thương vào bầu ngực đầy bảo vệ. Khi bác đến đứng trước mặt chúng tôi, ánh sáng từ thư viện phủ trọn lên gương mặt vàng như sáp và không còn sinh khí của đứa trẻ, cũng để lộ một vết máu khô biến màu trên làn da thoáng xanh tái.

Ông quản gia nhìn và ngược đôi mắt khiếp sợ về phía tôi. “Giờ bác cô đang ở đâu vậy, thưa cô?” ông hỏi tôi.

“Tôi sợ ông ấy đang ẩn nấp đâu đó ngay bên ngoài tòa nhà”, tôi trả lời thẳng thừng, “Ông có người nào đáng tin không?”

“Tôi có ba người có khả năng như tôi”, ông đáp, “và một chàng trai trẻ sẽ không rút lui khỏi trách nhiệm mỗi khi được gọi. Cô có muốn tôi cho người đi gọi quan khâm sai không?”.

Tôi lắc đầu, trái tim trĩu xuống. “Quan khâm sai không có tác dụng gì đâu, thưa ông, vì ông ta đã chết và bên cạnh đó cũng là một tên phản bội. Tôi xin thú nhận rằng tôi không biết ai có thể tin tưởng được. Lũ sói luôn đội lốt giữa bầy cừu.”

Người quản gia đứng thẳng vai đầy tự hào. “Vậy hãy giao cho chúng tôi”, ông nói, “tôi sẽ cử người cảnh báo nguy hiểm cho ngài”.

Tôi nhẹ nhõm mỉm cười với ông. “Cảm ơn ông, thưa ông. Tôi có thể đưa bác tôi đến đâu, để bác ấy có thể thấy thoải mái hơn?”

“Lò sưởi vẫn cháy trong đại sảnh, thưa cô, cả hai người sẽ cảm thấy ấm hơn khi ở trong đó. Tôi sẽ gọi một hầu gái đến chăm sóc cho hai người, và... đứa bé.” Ông nhìn Caroline thương hại, nhưng bác chỉ chăm chăm nhìn ông với đôi mắt đờ đẫn, và đi theo chúng tôi khi được bảo làm thế.

Tôi đợi cho đến khi người hầu gái đến và nhìn Caroline ngồi xuống ghế trước lò sưởi. Bác đang đưa Johnnie, thỏa mãn à ời. Không thể lưu lại, tôi rời hai người phụ nữ và đi lên cầu thang, vội vã bước hai bậc một lúc.

Phòng ngủ huyết dụ có cảm giác lạnh lẽo và cô đơn khi Richard không ở đây. Ánh trăng chiếu lên chiếc giường bốn cọc tạo thành những chiếc bóng mờ ảo, và đổ tràn một vùng sáng quanh chân tôi, nhưng tôi không dám chầm nển vì sợ đôi mắt của bác tôi. Tôi biết ông ta đang ở ngoài kia, náu mình đâu đó sau một cái cây hay hàng rào hoặc bức tường của khu vườn, bị thôi thúc bởi một mục tiêu độc ác duy nhất. Bãi cỏ trải dài nhợt nhạt và yên bình bên dưới khung cửa sổ, nhưng tôi có thể cảm nhận được sự hiện diện đầy ma mị của một con ác quỷ.

Tôi nhìn chăm chăm khắp bãi cỏ, hướng về phía con đường, hy vọng một trong những người hầu của Richard đã chặn đường anh và khiến anh quay lại. Tôi tiếp tục nhìn, hy vọng, cho đến khi tầm nhìn của tôi nhòe

dần vì mệt mỏi, nhưng tôi vẫn không chịu quay đi. Tôi không biết bây giờ là mấy giờ. Một cử động nhỏ đầu tiên lướt qua mắt, tôi bừng tỉnh.

Đầu tiên tôi không thể nhìn thấy gì rõ ràng, chỉ là một tia sáng trắng lướt qua giữa những hàng cây gần với con đường vòng quanh từ phía nam, rồi tôi nhìn thấy Navarre, phi những nước kiệu đường hoàng trở về nhà với Richard trên lưng. Giống như một bóng ma, im lặng, họ di chuyển giữa bóng đêm, tiếng rít gào mỗi lúc một tăng của cơn gió đã đánh cắp âm thanh như sấm từ tiếng vó ngựa.

Chắc chắn họ đã gặp anh ấy - một trong những người hầu hắc đã nhìn thấy anh và báo cho anh; thế nhưng anh vẫn đến.

Anh đã đến vì tôi, tôi đau đớn nghĩ. Anh biết Jabez Howard vẫn còn sống, bác tôi trong cơn điên tiết sẽ quay lại tìm kiếm sự trả thù. Tôi đúng là ngu ngốc khi nghĩ rằng Richard sẽ chọn cách quay lưng, thế nhưng sự gan dạ đến khinh suất của anh khiến tôi sầu khổ, tôi cũng không rõ tại sao.

Cho đến tận khi con ngựa lại gần tôi mới nhìn thấy lý do Richard không cho ngựa quay đầu và vì sao những lời cảnh báo từ người hầu không lọt được vào tai anh. Con ngựa sẽ không ngừng lại, người cưỡi ngựa nằm dài bất tỉnh trên chiếc cổ vạm vỡ của con ngựa. Navarre cuối cùng cũng dễ dàng chạy chậm lại, rồi ngừng hẳn. Tôi kinh hãi nhìn khi Richard văng về phía trước, trượt nặng nề khỏi lưng ngựa rồi nằm dài trên mặt đất. Anh không cử động.

Tôi nhớ lại nụ cười đều giả và âm thanh rin rít của ông ta.

Nhưng ta đã nhìn thấy máu của tên quý, và biết hẳn là con người.

Lần thứ hai trong đêm nay, tâm trí tôi lấp đầy những tiếng thét kinh hãi, lần thứ hai tôi bất lực không thể để chúng thoát ra. Tôi nhìn thấy một bóng đen chạy phăm phăm qua bãi cỏ hướng về phía người đàn ông đang ngã sõng soài, và lời kinh cầu nguyện vọt lên trí não quặn đau của tôi. Tỉnh dậy đi, tôi cầu xin bóng tối và dáng hình đang ngã gục. Ôi, xin anh, hãy tỉnh dậy. Làm ơn... làm ơn... làm ơn...

Bóng đen kia đã đến gần hơn, bị kích thích phải hành động, tôi lê bàn chân nặng như chì khỏi vị trí trước cửa sổ, chạy như bay với tốc độ phi thường để xuống cầu thang và băng qua hành lang tối thẫm.

Sự im lặng trong đại sảnh đã cảnh báo cho tôi. Gió vẫn rền rĩ đập vào khung cửa sổ cao vời vợi, nhưng không có âm thanh nào khác, những bước chạy đã mang tôi trở vào phòng trước khi nhận thức được sai lầm.

Caroline và người hầu gái vẫn ngồi trước ngọn lửa. Họ ngồi đó như những quân bài, cảnh giác cứng người, đôi mắt gắn chặt lên người đàn ông đứng trên tấm thảm phía trước lò sưởi với đôi bàn tay vươn về phía ngọn lửa. Phía sau ông ta là cánh cửa thông ra ngoài, bên kia cánh cửa là Richard đang nằm đó - bất lực, có lẽ đang dần chết, trên bãi cỏ. Nhưng bác tôi đã chặn đường của tôi.

Ông ta quay đầu lại, vẫn đưa lưng về phía tôi, và nói chuyện với tôi qua một bên vai. “Hừm. Mariana. Quả là màn chào đón thú vị đấy. Mày có gì biện hộ cho bản thân?”

Tôi không đáp lại. Từ đâu đó trong tâm trí choáng váng và quay cuồng của tôi, tôi để ý bác mình đã cởi bỏ dây lưng cùng găng tay, dù vẫn đeo kiếm. Ánh mắt tôi xéo nhanh về phía ông ta vắt chiếc thắt lưng lên một chiếc ghế, lơ mơ ghi nhớ con dao găm của ông ta vẫn còn nằm trong bao. Nó đủ trở thành một món vũ khí giết người nếu tôi có ý định nào đó.

Jabez Howard nhìn theo ánh mắt tôi, đôi mày của ông ta hạ thấp, và tôi di chuyển. Cuộc tấn công của tôi diễn ra chớp nhoáng, nhưng vẫn không đủ nhanh. Tôi chỉ kịp lao qua căn phòng, vồ lấy cán con dao găm thì ông ta xông đến, giằng con dao khỏi tay tôi và hất văng nó xuống sàn, đôi mắt ông ta khinh khỉnh.

“Mày coi ta là thằng ngu chắc?” Ông ta hỏi, đôi tay như muốn nghiền nát cổ tay tôi. “Mày tưởng ta vẫn chưa biết đến tội lỗi của mày sao? Mày là con điếm của quý dữ, Mariana Farr, mày có dám phủ nhận không?” Tôi vênh cằm nhìn thẳng vào mắt ông ta. “Tôi không phải điếm”, tôi phủ nhận lời buộc tội đó. “Và Richard de Mornay không phải quý. Anh ấy sắp trở thành chồng tôi.”

Một lần nữa tôi nhìn thấy nụ cười quái đản, vắn vẹo và căm thù đó.

“Ta nghĩ mày không thể cưới một thi hài”, bác tôi nói.

“Anh ấy không chết!”

“Có gì quan trọng nữa? Nếu giờ hân không chết, thì hân cũng sẽ sớm chết thôi.” Nụ cười tắt hân dưới đôi mắt điên dại và lạnh buốt kia. “Và mày cũng ước được thế, sau khi ta xử lý mày xong xuôi. Mày là một con điếm tội lỗi, Mariana ạ, giống như mẹ mày, Chúa sẽ trút sự trả thù lên đầu mày.”

Tôi nhìn thấy đòn đánh lao tới và nao núng, nhưng bàn tay ông ta đập lên cằm tôi không còn nguyên sức mạnh ban đầu. Thay vào đó, tôi cảm thấy ông ta rùng mình, cảm giác cơn chấn động siết lấy bàn tay đang bóp nghiêng lên xương cổ tay yếu ớt của tôi, đến khi tôi thét lên vì đau đớn thì những ngón tay của ông ta buông lỏng rồi rơi sõng soài, ông ta loạng choạng, đôi mắt trợn trừng ra sau trong hốc mắt và ngã vật ra không một tiếng động.

Tôi trừng mắt nhìn vào vết máu tuôn ra từ xương bả vai của ông ta, nơi chuôi con dao găm vẫn còn lòi ra một chút, rồi hướng ánh mắt nhìn Caroline. Bác đứng sát cái xác của ông ta, đôi bàn tay giữ cứng đờ trước mặt, những ngón tay vẫn trong trạng thái nửa siết chặt. Tuy gương mặt bác không để lộ dù chỉ một biểu cảm nhỏ, nhưng đôi mắt lại le lói ánh lên niềm chiến thắng.

Tôi nghe tiếng bước chân thỉnh thoảng đến gần và sững sờ đối diện với người quản gia vừa mới đến.

“Thằng nhóc trông ngựa ngři nó đã nhìn thấy một người đàn ông đi vào qua cửa phòng rửa bát đĩa”, ông hực hơi cảnh báo chúng tôi, rồi bản thân trước hoạt cảnh trước mặt.

Tôi háng giọng. “Bác tôi gặp tai nạn, thưa ông.”

Đôi mắt vị quản gia nhìn tôi qua vai Caroline, một thoáng thông cảm trao đổi giữa chúng tôi. Ông gật đầu lịch thiệp. “Sẽ được giải quyết, thưa cô.” Rồi, gần như một lời giải thích đến muộn sau đó: “Đức ngài đã trở về”.

Tôi nuốt xuống đau đớn. “Anh ấy có... anh ấy có...?”

“Chúng tôi đã đưa ngài ấy vào nhà thờ, cô biết đấy, không biết ngôi nhà có còn an toàn không nữa.” Đôi mắt ông thận trọng. “Tôi đã cử người cưỡi ngựa đến Marlborough, để đưa bác sĩ về đây.”

“Vậ anh ấy...?”

“Ngài ấy vẫn sống và yêu cầu được gặp cô.”

Đó là tất cả những gì tôi cần nghe. Tôi quên mất xác chết nằm sõng soài dưới chân, quên Caroline, quên tất cả mọi thứ. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến là Richard, anh đang cần tôi, đôi chân tôi dường như không chạm đất khi lao qua bãi cỏ, qua khu vườn hướng về phía nhà thờ, tòa tháp lừng lừng và đen thẫm trên bầu trời có bình minh dần hé dạng.

32. Chương 32

“Em không được đau lòng.”

Anh đã tỉnh và đang nhìn tôi. Tôi nâng cằm nhìn thẳng vào mắt anh.

“Em không có gì để đau lòng cả”, tôi nói, với sự điềm tĩnh không hề cảm nhận được. “Anh sẽ khỏe lại. Bác sĩ sẽ có mặt ngay bây giờ.”

“Mariana.” Đó là một lời khiển trách nhẹ nhàng, rung lên từ trong lồng ngực tàn tạ của anh. Đôi mắt anh trượt khỏi tôi và tập trung lên một góc sáng lơ mơ của nhà thờ, nơi ánh đuốc không thể chạm đến.

Đương nhiên anh đã nghe thấy cuộc nói chuyện, cũng giống như tôi - những tiếng thì thào bí ẩn của những người hầu đã đưa anh đến đây, họ đang đứng trông chừng ngoài cửa. Đó là một vết thương trí mạng, họ đã nói với tôi thế, chưa khi nào họ nhìn thấy một vết thương thế này, và họ cũng chỉ gặp vài người bị thương

trong cuộc đời... tốt hơn hết nên để ngài ấy nằm đó trong yên bình... và họ lắc đầu buồn bã, gương mặt hằn lên nỗi đau buồn của những người đàn ông lớn tuổi khi phải trông thấy một chàng trai trẻ qua đời.

Tôi thấy mình không thể rời mắt khỏi gương mặt anh. Từng sắc thái biểu cảm, từng cái chớp mi, dường như đã trở nên quý giá với tôi hơn chính bản thân sự sống. Chỉ kéo dài không bao lâu trước khi hơi thở của anh trở nên cực kỳ khó khăn, nhưng tôi tưởng tượng giờ anh trông khỏe hơn rồi. Nhìn anh nằm dài và xám nhợt trên chiếc áo choàng, trên mặt sàn lát đá lạnh lẽo của một hốc tường nhỏ hẹp bên dưới tòa tháp khiến tôi sốc khủng khiếp, mái đầu gối lên bệ của một suối nước rửa tội cổ xưa, cảm ngộ sang một bên trên vai. Đầu tiên tôi không nhìn thấy máu - không có trên nền vải đen từ áo khoác - nhưng áo sơ mi thì cứng bết lại vì máu, mùi của nó bám dai dẳng một cách buồn nôn trong mũi tôi.

Anh đã nhận được những vết thương dữ dội, và một chiến thắng dữ dội. Tôi nghe nói nhà vua đã được cảnh báo kịp thời, Richard đã đổi mặt và truy đuổi những tên phản tặc dưới trướng của bác tôi. Bốn người bị hạ sát, nhà vua thì an toàn lên đường đến Oxford, còn Richard... tôi không dám kết thúc suy nghĩ ấy. Vài người có thể gọi đó là một sự trao đổi công bằng, cho mạng sống của nhà vua. Nhưng tôi thì không.

Bên trên đầu chúng tôi, những vị thánh trên ô kính dừng đứng nhìn xuống qua mái vòm đá gân guốc của khung cửa sổ. Không hiểu sao nhà thờ lại mang tới cảm giác chết chóc khác biệt vào ban đêm, không phải vì cơn gió lạnh đã khiến tôi rùng mình. Richard cũng cảm thấy vậy, anh khẽ mỉm cười trong ánh lửa bập bùng.

“Khi anh còn là một đứa trẻ”, anh mơ màng nói, “sau khi mặt trời lặn, anh rất sợ nơi này. Anh nghĩ những ngôi mộ có thể sẽ mở toang bên dưới chân mình, nếu anh giẫm lên trên chúng. Thánh đường dường như đầy rẫy những bóng ma của các thầy tu và giáo sĩ đã chết từ lâu. Nếu trợn mắt lên, anh có thể thấy họ lặng lẽ đứng đó, đến thăm anh. Có lẽ họ muốn anh đi chung với họ.”

“Đừng nói ngốc thế”, tôi nói.

Giọng anh như vọng lại từ một nơi rất xa, điều đó khiến tôi hoảng sợ. “Anh chỉ nói vậy thôi”, anh cười trấn an tôi. “Anh nghĩ cũng khó để các thầy tu chào đón một kẻ ngoại đạo như anh vào nhóm của họ. Bên cạnh đó, hồn ma của anh cũng đã đủ bận rộn lắm rồi, với việc dõi theo em.”

“Tức là anh định sẽ ám theo em sao?”

“Phải.” Đôi mắt anh nhìn tôi thật ám áp. “Em sẽ không thoát khỏi anh dễ dàng đâu.” Đôi mắt anh lại trượt đi, lần này qua vai tôi về phía bệ thờ. “Điều bí ẩn chính là cái chết”, anh chậm rãi nói. “Shakespeare đã gọi nó là vùng đất chưa từng khám phá, chúng ta đều sợ phải du hành đến những vùng đất mới. Nhưng chắc chắn những bãi biển xa lạ sẽ đầy rẫy các khả năng, đúng không?” Anh nhíu mày. “Anh từng gặp một người đàn ông, ở cung điện của vua Pháp, người tự nhận mình đã sống ở thời La Mã và từng dùng bữa ở bàn ăn của Caesar[1]. Anh đã nghĩ ông ta bị điên”, anh lơ đãng nhớ lại, “Nhưng trông không có vẻ giống như vậy. Nhưng nếu như đúng không phải là vậy thì sao?”

[1] Danh hiệu của các hoàng đế La Mã.

Tôi lại rùng mình. “Chúng ta bắt buộc phải nói chuyện về cái chết thế sao?”

“Nếu như quả thật linh hồn con người sống lâu hơn cả”, anh tiếp tục, phớt lờ tôi, “và nếu những linh hồn lại được sinh ra lần nữa thì em không cần phải lo lắng hồn ma của anh sẽ ám theo em. Thay vào đó con người bằng xương bằng thịt của anh sẽ bám theo em”.

Đôi mắt tôi dịu dàng hoài nghi. “Và làm cách nào em biết đó là anh, lạ Chúa, trong một cơ thể khác?” “Rất đơn giản.” Anh ráng sức giơ bàn tay lên, xoay những ngón tay lại để cho tôi thấy chiếc nhẫn nặng nề khắc biểu tượng anh đang đeo. “Em hãy nhìn vào đây và ghi nhớ, con điều hầu trù mũ giáp của gia tộc de Mornay. Chiếc mũ giáp có thể che mờ nó nhưng rồi nó lại có thể thấy rõ ràng hơn là nhìn bằng mắt.”

“Ý anh là em nên tin theo trái tim mình.”

“Hơn cả trái tim. Là linh hồn em.” Bàn tay anh giơ lên cao hơn và siết chặt lấy tay tôi. “Hãy cảm nhận, tình yêu của anh. Không gì có thể phá vỡ nó. Chúng ta là hai nửa của một chỉnh thể, cả anh và em. Điều hầu kết bạn cả đời, và cuộc sống của chúng ta cũng vậy, chỉ có điều là mới khởi đầu thôi. Thành thật mà nói”, anh mỉm cười nói, “em có nghĩ anh sẽ để một thứ như nắm mồ chấn ngang chúng ta không?”.

“Em sẽ không mất anh.” Giọng nói của tôi run rẩy. Đôi bàn tay to lớn của anh dần buông lỏng trên tay tôi. “Hãy lấy chiếc nhẫn khỏi tay anh.”

“Richard...”

“Cầm lấy chiếc nhẫn của anh”, anh lặp lại, “và mang theo nó cùng với em”.

Giọng anh bướng bỉnh, rồi tôi vâng theo, tháo chiếc nhẫn to lớn khỏi ngón tay vươn ra của anh. Chiếc nhẫn lạnh lẽo, tay anh cũng lạnh lẽo, tôi âu yếm nắm nó trong lòng bàn tay, chớp lại sự ẩm ướt đang dâng cao trong đôi mắt.

“Hãy nhớ đến con diều hâu đó, Mariana Farr”, anh khẽ nói, “và đừng dùng đôi mắt để tìm kiếm anh, mà hãy dùng linh hồn em. Tâm hồn sẽ trông thấy những điều nội tại thật sự ở bên trong.” Một giọt nước mắt nóng bỏng tràn khỏi mắt và chảy dọc xuống má tôi, anh dùng một ngón tay giữ lấy nó. Tôi cố gắng mỉm cười với anh, nhưng không thể, miệng tôi bắt đầu run rẩy, cơn đau lóe lên thiêu đốt chóng vánh trong đôi mắt anh, anh trượt bàn tay ra sau đầu tôi và kéo tôi nằm xuống với anh.

Tôi nếm được vị mặn trên môi mình và vị cay đắng của máu trên môi anh. Đây là nụ hôn chia xa, loại nụ hôn ghi dấu lời giã biệt của những kẻ yêu nhau, một nụ hôn của đau đớn, hối tiếc, và một lời hứa mù quáng không lời. Tôi định ngồi dậy khi nụ hôn kết thúc, nhưng anh ôm tôi thật chặt, bàn tay vuốt ve tóc tôi.

“Em sẽ làm ngực anh đau mất”, tôi phản đối, nhưng anh lắc đầu.

“Anh đã vượt qua đau đớn rồi”, anh nói dối, “anh luôn tưởng tượng sẽ được chết trong vòng tay người mình yêu. Vô cùng lãng mạn”. Những lời của anh dính vào nhau nhẹ bẫng, sau vài phút, cử động của tay anh trên tóc tôi chậm dần, rồi ngừng hẳn.

Ngực tôi thít lại. “Đừng bỏ lại em.” Lời cầu xin buột ra thành một tiếng thì thào thống khổ mà tôi không sao ngăn lại được. “Xin anh. Richard... xin anh hãy ở lại...”

“Đừng sợ”, anh nói, hôn lên mái tóc tôi. “Anh không thể bị phá hủy, nhớ chứ? Anh chỉ ngủ một chút thôi.”

Tôi ngẩng đầu lên nhìn anh. Ngay cả trong ánh trăng mờ mịt đến đáng thương, tôi vẫn có thể nhìn thấy sự thật mà mình kinh hãi. “Không”, tôi thìu thào đau đớn. “Xin Chúa, không. Richard...”

“Để lần khác”, anh hứa, mỉm cười và khép mắt lại. Sau một lúc lâu, tôi quay mặt tựa vào vai anh và để cho nỗi đau đớn chiếm cứ trong những tiếng khóc nức nở, cảm giác không gì có thể cứu nỗi cơn đau trống hoác vì khổ sở. Tôi cố gắng ôm anh đến liêu lĩnh, nhưng anh sẽ không ở lại. Làn vải tấm áo choàng dày bên dưới má tôi rắn lại, trở nên lạnh hơn, cuối cùng trở thành một tảng đá bằng phẳng, cứng cáp. Tôi siết chặt tay quanh chiếc nhẫn của anh, nhưng rồi, nó cũng tan vào không khí. Đằng sau mí mắt nhắm nghiền của tôi, ánh nến trở nên mong manh và tôi cảm giác những tia nắng đầu tiên nhàn nhạt của mặt trời tỏa ấm áp trên làn da. Tôi đang ở một mình trong nhà thờ.

Tôi không biết mình đã nằm đây bao lâu, gương mặt áp trên lớp sàn đá ẩm ướt, đau lòng trước những ước nguyện của một người đàn ông đã chết hơn ba thế kỷ. Tôi chậm rãi chống cả người đứng dậy, lơ đãng lấy tay gạt những giọt nước mắt khỏi gương mặt và ngược mắt nhìn lên những vị thánh có đôi mắt buồn bã trên cửa sổ sáng rực rỡ trên đầu mình.

“Julia à.” Giọng nói đến từ bóng của chiếc cổng đằng sau tôi, khiến tôi nhảy dựng lên. “Julia”, bà Hutherson lại gọi và lặng lẽ yêu cầu, “đến lúc chúng ta đi rồi”.

Tôi bối rối quay lại.

“Tám giờ sẽ tổ chức Tiệc Thánh ở đây”, bà giải thích, “giờ đã gần bảy giờ rồi”.

Đương nhiên rồi, tôi nghĩ. Sáng Chủ nhật. Tôi không nghĩ đến việc đặt câu hỏi về sự diện diện của Alfreda Hutherson tại nhà thờ - việc bà ở đây chờ đợi dường như là vô cùng hợp lý. Tôi không cố gắng hỏi bất cứ điều gì. Vết thương xé lòng từ nỗi đau buồn đã khiến đầu óc tôi tê liệt. Đờ đẫn, tôi gật đầu với bà, lê vài bước dọc theo lối đi giữa hai hàng ghế để tiến về bệ thờ, đọc những cái tên mài mòn dưới chân. “Anh ấy ở đâu?” Tôi hỏi.

“Ở đó.” Bà chỉ. “Bên cạnh cha cậu ấy.”

“Không có cái tên nào cả.”

“Phải.” Bà khẽ cười và tiến lên trước. “Có lời giải thích cho điều đó. Là do bệnh dịch, cháu thấy đấy. Một tháng sau cái chết của Richard thì bệnh dịch tràn đến Exbury, người thợ đẽo đá cũng nằm trong số những người chết. Phải mất hơn một năm sau người ta mới tìm thấy người thay thế, lúc ấy đứa cháu của Richard tên Arthur đã chuyển vào tòa trang viên, cậu ta không muốn dùng tiền của mình để đi khắc đá.”

“Bệnh dịch đã tràn cả đến đây sao?”

“Ồ, phải. Rất khủng khiếp. Ta tin cứ ba người thì có một người chết vì dịch bệnh. Nó gần như đã xóa sổ ngôi làng khỏi bản đồ.”

“Nhưng Mariana vẫn sống.” Tôi mỉm cười không mấy hài hước với phiên đá lạnh lẽo bên dưới chân mình.

“Phải. Đương nhiên rồi”, bà kết thúc, “Nhưng cô ấy cũng không ở đây. Cô ấy bỏ đi, cùng với Caroline, trong vài tháng”.

“Cháu hiểu.” Nhưng tôi chỉ nghe được một nửa. “Chuyện gì xảy ra với chiếc nhẫn?”

“Nhẫn nào?”

“Chiếc nhẫn bạc của Richard, khắc gia huy trên đó. Anh ấy đã trao nó cho Mariana, để cô ấy có thể tưởng niệm anh ấy.”

“Ồ, cái đó.” Bà gật đầu. “Lại đây, ta sẽ chỉ cho cháu xem.”

Tôi theo bà ra bên ngoài nhà thờ cũ kỹ, lặng im và hòa mình vào ánh mặt trời trong trẻo buổi sáng. Cuối cùng cơn mưa đã ngừng, cả thế giới như trở nên tươi mát, sạch sẽ và đượm mùi hương ngọt ngào. Tít cao trên đầu chúng tôi là một con diều hâu chao lượn, cất tiếng kêu the thé và duyên dáng rải cánh đuổi theo luồng gió mỗi lúc một dâng cao. Đến bức tường của nghĩa địa, bà Hutherson ngừng bước và chỉ xuống, “Ở đó”, bà nói. “Giờ chiếc nhẫn nằm ở đó.”

Chúng tôi đang đứng trước nấm mộ của Mariana.

“Cô ấy luôn đeo nó”, bà tiếp tục. “Trên một sợi dây chuyền quanh cổ. John Howard đã tìm thấy nó khi cô ấy qua đời và đã chôn cất cô ấy cùng với nó.”

“John...” Tôi hơi lắc đầu, cố gắng gạt bỏ những suy nghĩ lộn xộn của bản thân. “Nhưng John Howard đã mất khi còn ẵm ngửa. Jabez đã giết thẳng bé. Cháu đã chứng kiến điều đó xảy ra.”

“Phải.” Bà nghiêng một ánh mắt lạ lùng về phía tôi. “Thật lạ, không phải sao? Nào, hãy đến đây. Giờ là lúc cháu cần một tách trà đậm đặc thật ngon và thứ gì đó để ăn.”

Tôi máy móc vâng lời, dù không thực sự nghĩ nhiều, lát sau tôi đã thấy mình một lần nữa ngồi gọn lỏn trên chiếc ghế trong nhà bếp trang viên, nhìn bà Hutherson qua bình trà quen thuộc. Bữa sáng bà làm cho tôi rất nhiều và ngon lành, nhưng tôi nhai thức ăn mà không hề cảm nhận được mùi vị của nó, tâm trí vẫn bướng bỉnh trôi về duy nhất một điểm.

“John Howard đã chết”, tôi lặp lại. Nhưng rồi John Howard đã sống để chôn cất Mariana, vào khoảng sáu mươi năm sau. John Howard cũng từng sở hữu chiếc bàn gấp mà tôi mua được ở phiên đấu giá bất động sản, chiếc bàn giấu trong mình chiếc vòng tay mạ vàng khắc bầy chim thiên đường mắt xanh...

“Có năm người biết đến cái chết của đứa trẻ”, bà chỉ ra, đếm họ trên đầu ngón tay. “Jabez Howard, người cùng chết đêm hôm đó. Mariana và Caroline, người đã che giấu chuyện này. Và hai người hầu nhà Richard de Mornay, vị quản gia cùng cô hầu gái, tất cả bọn họ đều giữ bí mật.”

Tôi lắc đầu. “Nhưng tại sao? Vì sao không có ai bận tâm...” Câu trả lời ngọt ngào đánh vào tôi, tôi giật mình ngược mắt lên. “Ồi, Chúa ơi.”

Bà Hutherson rót đầy tách trà cho tôi. “Cháu không cảm nhận được đứa bé, trong người cháu sao?”

“Không. Ý cháu là, cháu không để ý quá nhiều đến nó.”

“Caroline biết.” Giọng của bà chắc chắn. “Bà ấy thậm chí còn giúp đỡ theo cách của mình. Bà ấy bỏ đi với Mariana, đến một vùng thôn dã, chỉ hai người bọn họ. Và đến mùa xuân thì họ quay về Exbury, trở về Đàn Cừu Xám, họ mang theo một đứa trẻ có tên John. Khó có ai còn nhớ đến đứa trẻ, hay phán đoán chính xác số tuổi của thằng bé. Nên Mariana giữ lại được đứa con của Richard, lẫn thanh danh của cô và Caroline... giữ được bé Johnnie của bà ấy.”

Tôi trừng mắt lặng câm nhìn tách trà chưa hề được đụng đến của mình. “Cháu muốn được nhìn thấy nó”, cuối cùng tôi nói. “Con của Richard.”

“Cháu có thể thấy thằng bé, nếu cháu muốn.”

“Bằng cách nào?”

“Cháu yêu quý”, đôi mắt bà hiền từ, “cháu không hề bị mắc kẹt với thời gian, dù trông thì có vẻ đúng là như vậy. Thực tế tất cả những hồi ức của cháu đều theo trật tự của thời gian - điều gì xảy ra vào tháng Chín hồi đó, thì cũng xảy ra vào tháng Chín lúc này, đúng là vậy đấy. Nhưng có lần cháu đã nhảy cách về phía trước.”

Tôi chớp mắt. “Cháu đã làm thế sao?”

“Chuồng ngựa”, bà nói. “Cháu nhớ chứ? Cháu đã từng đi vào chuồng ngựa một lần và nhìn thấy con ngựa của Richard. Đó là một kỷ ức nằm ngoài trật tự. Theo ta nhớ điều đó diễn ra vào tháng Năm, nhưng vào thời điểm đó năm 1665 thì Mariana thậm chí còn chưa đến Exbury.” Bà nhìn tôi để đảm bảo tôi vẫn hiểu kịp. “Cảnh tượng cháu nhớ lại đó diễn ra muộn hơn sau đó, vào năm kế tiếp.”

Tôi cố gắng nhớ lại chính xác cảnh đó. Tôi đã đi vào bên trong chuồng ngựa và nhìn thấy Navarre đứng trong ổ của nó. Đó là những gì tôi nhớ. Và rồi...

“Có ai đó huýt sáo”, tôi đột ngột nhớ ra. “Ở bên ngoài. Nghe giống như Evan Gilroy.”

“Dù sao”, bà tiếp tục, “việc nhìn thấy những cảnh tượng diễn ra tại các thời điểm khác nhau giữa cuộc sống của cháu với Mariana rất có thể xảy ra, nếu cháu muốn. Chỉ cần cố gắng, cháu sẽ nhìn thấy. Nhưng”, bà cảnh báo tôi, “cháu không còn nhiều thời gian”.

“Ý bác là sao?”

Bà nhìn thẳng vào mắt tôi. “Cháu nhớ ta từng nói chuyến đi của cháu là một vòng tuần hoàn chứ?”

“Có.” Tôi gật đầu. “Bác nói rằng cháu phải đi hết vòng tuần hoàn trước khi hiểu ra mục đích của tất cả.”

“Phải. Vòng tuần hoàn sắp đóng lại rồi. Và chỉ còn một khoảng thời gian ngắn, có lẽ là vô cùng ngắn, cháu không thể sống cuộc đời của Mariana thêm được nữa.”

Tôi trở mắt nhìn bà. “Ý bác là cháu sẽ quên hết sao?”

“Lạy trời, không.” Bà vội vã cam đoan với tôi. “Những kỷ ức đó là một phần thiết yếu của cháu, Julia ạ, cháu sẽ không bao giờ quên chúng. Cháu chỉ không thể sống trong chúng thêm nữa, cháu hiểu ý ta chứ?”

“Không, cháu không hiểu.”

“Cháu thấy đấy, việc bị mắc kẹt trong quá khứ rất dễ xảy ra. Quá khứ vô cùng hấp dẫn, con người ta luôn nói về màn sương che phủ của thời gian, nhưng thực sự thì chính thực tại mới là thứ bấp bênh luôn bị che phủ. Quá khứ rõ ràng, ấm áp và thoải mái hơn. Đấy chính là lý do vì sao con người ta luôn bị mắc lại trong đó.”

Tôi buồn bã vật lộn để tiếp thu ý nghĩ đó.

“Thế này tốt hơn nhiều”, bà dịu dàng nói. “Thật đấy. Nếu không cháu sẽ phải tiếp tục làm sống lại đến từng mùa hè, năm này qua năm khác, trong khi ngay lúc này điều cháu nên làm là bước tiếp với cuộc sống ở đây.”

“Còn bao nhiêu thời gian”, tôi hỏi, “trước khi vòng tuần hoàn khép lại như bác nói?”.

Bà Hutherson mỉm cười. “Không lâu lắm. Khi nó đến cháu sẽ biết ngay thôi. Cháu đã ăn xong bữa sáng chưa? Rồi à? Ừm, thế thì đến lúc cháu nên về nhà đi ngủ rồi đây. Cháu sẽ cảm thấy đỡ hơn một khi cháu ngủ, và ta cũng thế.” Bà ngăn lại một cái ngáp. “Ta cũng có một đêm bận rộn, thức cùng với cháu.”

Đương nhiên rồi, tôi nghĩ thầm, và cảm thấy hơi xấu hổ. hẳn phải có ai đó theo cùng tôi, mở cánh cửa tòa trang viên cho tôi và trông chừng để tôi không bị nguy hiểm. Ai đó thậm chí còn bận tâm đến mức đi tra dầu vào ổ khóa sân sau, để chuẩn bị cho chuyến ghé qua cửa tôi, cho nên chiếc chìa khóa của tôi mới hoạt động.

Tôi xin lỗi vì đã đẩy bà vào rắc rối như vậy, nhưng bà gạt lời xin lỗi của tôi sang một bên.

“Ta thấy rất thú vị, khi nói ra sự thật”, bà thừa nhận. “Cháu chưa bao giờ nói to nó lên, nếu như muốn biết. Cháu chỉ đứng, nhìn và phản ứng. Và ở trong phòng Kỵ Sĩ cháu là hình ảnh của chính bóng ma ta đã nhìn thấy trong suốt những năm qua. Cháu đã nhìn thấy Richard trở về, có phải không, điều đã mang đến cho cháu đau đớn nhiều đến thế?”

Tôi gật đầu. “Bác biết đấy, anh ấy ngã khỏi lưng ngựa. Anh ấy ngã xuống, rồi...” Tôi cắn môi, nỗi đau lại hội tụ, bà nhào người qua chiếc bàn để bọc bàn tay mạnh mẽ của mình lên tay tôi.

“Ta rất lấy làm tiếc, cháu yêu ạ. Ta quên rằng chỉ trong sáng nay cháu đã mất cậu ấy.”

Tôi mỉm cười, góp nhặt từng mảnh nhỏ từ sự điềm tĩnh để bao quanh mình như một tấm khiên. “Lạ là”, tôi nói với bà, “lễ chôn cất của anh ấy không được ghi lại trong những giấy tờ của nhà thờ”.

“Thực sự không hề lạ đâu.” Bà đứng dậy để dọn bàn, một cách hiệu quả như mọi khi. “Cái năm xảy ra nạn dịch là một cuộc hỗn loạn kinh khủng. Thật khó mà giữ được một bản ghi chép khi cả thế giới cứ dần sụp đổ xung quanh mình. Bên cạnh đó, việc này hóa ra lại tốt.”

“Bằng cách nào?”

“Ta nghĩ, sẽ tốt hơn nếu cháu không biết trước điều gì đã xảy đến với Mariana và Richard”, bà nhã nhặn giải thích. “Cách tốt hơn hết để xác minh mọi thứ là sống cùng với chúng, chứ không phải đọc được trong một cuốn sách. Cháu có nghĩ mình sẽ băn khoăn với việc trở về, nếu cháu biết rằng Richard sẽ chết trẻ không?”

“Có lẽ là không”, tôi suy ngẫm về sự logic trong lý luận của bà, và chấp nhận. “Cháu có thể hỏi bác điều này không?”

Bà mỉm cười. “Nếu có liên quan đến Geoffrey, ta vẫn sẽ không can thiệp đâu.”

“Không liên quan đến Geoff. Thực tế, đó là về bác.”

“Ồ?”

“Có một hôm, khi chúng ta đang nói chuyện, thì bác có nói gì đó. Nói gì đó về cháu và Jabez Howard, bác hiểu tính khí ông ta thế nào.”

Bà ngáp ngừng, nhưng chỉ trong một thoáng, “Ông ta từng là anh trai ta.”

Tôi nhìn bà không dứt, nhận thức dần sáng tỏ. “Thế thì điều đó sẽ khiến bác... bác hẳn từng là..

“Nên con thấy đấy”, bà nói, “đấy là lý do vì sao ta phải giúp con vượt qua chuyện này. Ta đã từng một lần bỏ lại con, khi con cần ta. Bỏ lại con phải ăn nhờ ở đậu anh trai ta, khi là một linh hồn, ta chỉ có thể dõi theo và đau đớn cùng con mỗi khi con đau đớn. Kiếp này của ta cũng chỉ vì điều đó”.

Đây đáng nhẽ nên là một cuộc sum vầy tuyệt vời. Tôi đáng nhẽ nên ôm bà, hôn bà, khóc nức nở trong lòng bà. Nhưng thay vào đó tôi chỉ ngồi trên ghế, bà thì tiếp tục lau đĩa, nhưng không hiểu sao tình yêu, nguồn an ủi và sự cảm thông vẫn dâng lên giữa hai chúng tôi, như những đợt sóng rì rào vỗ vào bãi biển lộng gió. Thời gian dành cho việc nói chuyện có lẽ nên để sau. Lúc này, biết được đã đủ lắm rồi.

Thực tế là, tôi cũng không có nhiều cảm xúc để bộc lộ vào khoảnh khắc này. Nỗi tiếc thương Richard vẫn còn là một nỗi đau sống động, các dây thần kinh của tôi vẫn kéo căng, còn đôi mắt thì đau buốt và ráo hoảnh vì những giọt nước mắt mệt mỏi vẫn nuốt vào trong.

Cuối cùng khi rời khỏi căn bếp, thay vì đi về bằng cửa sau, tôi trở lại hành lang chính và bước ra sân sau. Bầu không khí ở đây rất tĩnh lặng, chẳng có gì chuyển động. Dây thường xuân trên bức tường đã đổi sắc giữa tiết thu, không chỉ còn màu xanh đơn độc nữa mà sắc xanh đã nhuộm thêm sắc đỏ và vàng rực rỡ, quá rực rỡ đều mức gần như khiến đôi mắt tôi đau đớn. Tôi gạt đám thường xuân sang một bên và cúi mình tìm cánh cửa.

Nó đã được tra dầu như tôi nghi ngờ. Không chỉ ổ khóa, mà bản lề cũng được tra dầu. Chìa khóa của tôi vẫn cắm trên ổ, khi tôi xoay và rút chìa khóa ra, dầu cũng chảy ra theo và bám vào những ngón tay. Tôi đẩy mở cánh cửa nhỏ và bước ra ngoài con đường, nắm chặt bàn tay chiếm hữu quanh chiếc chìa khóa.

Richard đã trao chiếc chìa khóa này cho tôi, tôi tự nhắc nhở bản thân, nên tôi sẽ không bao giờ rời xa nó. Richard...

Tôi kiên cường ngăn lại những giọt nước mắt chực tuôn trào, rồi xoay bước hướng về nhà, vừa đi vừa lảo đảo đôi chút trên những cánh đồng gồ ghề. Một gương mặt lướt qua trước mắt tôi - một gương mặt mơ hồ và đẹp trai đến đau đớn, đôi mắt nghiêm túc nhuộm sắc xanh của khu rừng. “Ai là người em nhìn thấy?” Geoff đã từng hỏi tôi như vậy. “Geoff hay Richard?”

Giờ tôi còn khó trả lời anh hơn bao giờ hết.

33. Chương 33

Tôi tin rằng chính mình cũng biết, kể cả ngay trước khi tôi nhắm mắt, rằng đây sẽ là chuyến trở lại quá khứ cuối cùng.

Mới chỉ vài giờ trôi qua kể từ khi tôi trở lại Đền Cừ Xám nhưng dường như nó kéo dài không sao chịu nổi. Tôi ngay lập tức lên giường đi ngủ, cố hết sức để nghe theo lời khuyên của bà Hutherson cùng giọng nói từ chính sự mệt mỏi của tôi, và tôi nằm đó, nhìn chằm chằm lên trần nhà, trong khi mặt trời chiếu lên ngôi nhà và tràn qua những chiếc lá bạch dương nhảy múa chắn ngang cửa sổ phòng ngủ của tôi.

Giấc ngủ không hề đến. Ý nghĩ về vòng tuần hoàn vô hình đó, giam cầm trong đường cung tàn nhẫn của nó, càng áp úp một cảm giác cấp bách khiến tôi càng lúc càng bồn chồn không yên. Cũng chính cảm giác cấp bách này đã đưa tôi đến nơi này bên ngoài ngôi nhà và tôi đã biết rõ ràng mà không cần thắc mắc.

Đằng sau lưng tôi, cây phong khẽ run rẩy khi những đám mây giăng kín mặt trời ban trưa, làn gió thoang thoảng thổi sạt bãi cỏ dưới chân, băng qua những cánh đồng tắm tấp ngoài kia.

Đây là khu vườn nơi Thiếu phụ Xanh đã đứng. Không phải khu vườn bờ câu Iain kiến tạo giữa đồng gạch vụn, mà là khu vườn nguyên bản của nhà bếp cũ, mọc lên từ rất lâu rồi, là nơi hồn ma của Mariana lưu luyến suốt bao năm qua. Cho đến khi tôi chào đời. Đây là nơi thích hợp, tôi nghĩ, để chấm dứt tất cả.

Tôi chỉnh lại dáng đứng và siết chặt nắm tay, hướng mặt về phía mặt trời với đôi mắt nhắm chặt. CƠN GIÓ NHẸ THỔI qua mái tóc trong khi tôi chờ đợi. Cường chế tất cả suy nghĩ trong tâm trí của mình trừ duy nhất một ý nghĩ...

Lần này không có cơn chóng mặt, cũng không còn âm thanh. Thời gian êm ái trôi ngược trở lại như một dòng sông hướng ra biển cả và kéo tôi vào sự trống trải huy hoàng, đáng tin cậy của nó.

“Mariana.”

Tôi mở choàng mắt, quay lại để đối mặt với một chàng trai đang băng qua sân đi về phía mình. Cậu ta là một chàng trai trẻ cao lớn, dứt khoát và rắn chắc, với mái tóc màu vàng sáng lẫn đôi mắt xanh thẳm như bầu trời thu.

Tôi vẫn thường tìm kiếm hình ảnh người cha trên thang bé, hy vọng sẽ tìm thấy một vài phần của Richard vẫn còn lưu lại, nhưng anh không có mặt ở đây. Tôi lý luận điều này sẽ tốt hơn cho John. Mọi người đều

cho nó là đứa con trai hợp pháp của Jabez Howard, không một ai từng biết tôi vẫn phủ nhận điều đó cho đến khi còn nhỏ.

“Chị họ”, thằng bé gọi tôi, đột nhiên ngừng lại khi chỉ còn cách vài mét. “Xong hết rồi nhé. Em đã buộc dây lỏng ra rồi - nếu đổi ý, chị có thể tháo ra.”

Tôi mỉm cười với thằng bé, một cách cương quyết. “Chị sẽ không đổi ý đâu.”

“Nhưng lãng phí khủng khiếp”, thằng bé vừa nói vừa nhún bờ vai rộng, “nhưng mà chị cứ làm theo ý chị đi”.

Nụ cười của tôi càng vững vàng khi ánh mắt lướt qua thằng bé nhìn về phía chuồng bồ câu bị bỏ rơi. Những con chim đều ra đi vào sáng nay, được những người hầu của ngài George Staynor - Người chủ mới của lâu đài Crofton cùng đất đai kèm theo nó, mang đi trong những bao tải. Ngài George là một quân nhân đã về hưu, ông ta đã thiết lập cho ngôi nhà mới của mình một chiến dịch thực thụ đầy năng lượng, tìm cách phục hồi lại sự giàu có cho tòa trang viên huy hoàng đã từng bị Arthur de Mornay hủy hoại.

Tuyên bố chiếc chuồng bồ câu cũ dù tu sửa vẫn còn xập xệ và bất tiện, ngài George yêu cầu xây dựng một chuồng bồ câu mới và lớn hơn gần lâu đài, cùng với một ao cá và hang nuôi thỏ gần đó. Ông ta đã sai năm người đàn ông đến để di chuyển những con chim. Tôi không cảm thấy hối tiếc khi chứng kiến sự ra đi của chúng. Khi con chim cuối cùng bị bắt lại, tôi đã bảo John niêm phong cửa chuồng lại.

Có lẽ, tôi lý luận, những con chim sẽ không dễ dàng quen với cái chuồng mới. Nếu cố gắng trở lại cái tổ cũ, chúng phát hiện lối vào đã bị chặn lại, có thể chúng sẽ lựa chọn tự do thay vào đó. Có lẽ thế. Dù sao đi nữa, tôi sẽ không để chúng quay lại, bị giam cầm trong sân nhà mình và chờ đợi cái chết ập xuống. Cái lồng này sẽ không được sử dụng thêm nữa.

Chỉ duy nhất một thứ còn lưu lại trong những chiếc hốc tối tăm và đầy bụi: một chiếc chìa khóa, được chính tay tôi đặt vào đó. Tất cả những cái hốc khác đều im lặng, chết chóc và trống rỗng.

John tiến lên đứng bên cạnh tôi, nhìn xuống gương mặt tôi với ánh mắt nghiêm túc và phê bình. “Tối qua chị không ngủ”, thằng bé nói.

“Chị nằm mơ.”

“Em nghĩ đấy là mộng du”, thằng bé khẽ buộc tội. “Em nghe thấy tiếng chị bước trên sàn. Mẹ em cũng từng có những giấc mơ như vậy, khi bà còn sống, nhưng bà là một người dễ bị kích động.”

“Em đừng tỏ ra âm ỉ thế, John. Chỉ duy nhất một đêm thôi mà.”

“Phải rồi. Cùng một đêm hằng năm. Có lẽ một ngày nào đó em sẽ biết được nguyên do.”

Tôi mỉm cười và chạm vào má thằng bé. “Có lẽ vậy. Nhưng không phải hôm nay.” Có thứ gì đó rơi leng keng khỏi cổ tay giờ lên của tôi và nó nhanh tay bắt lại.

“Chị nên thay móc”, thằng bé nói với tôi, “nếu không chị sẽ mất chiếc vòng tay, còn em thì không thể tượng tượng chị sẽ ra sao nếu không có nó”.

Tôi nhìn xuống đàn chim thiên đường bị mài mòn bởi thời gian vẫn đeo trên tay tôi suốt mười sáu năm - bằng với tuổi của John - và mỉm cười buồn bã. “Chị không thể thay một cái móc mới được.”

“Thật vớ vẩn.” Thằng bé nắm chặt lấy chiếc vòng tay. “Em sẽ xem có thể làm gì với nó chiều nay. Người bán trang sức là một người đàn ông tử tế, em nghĩ ông ấy sẽ cho em một mức giá hợp lý. Em sẽ không nhìn chị mất thứ chị quý trọng thế này.”

Trái tim tôi trào lên một tình yêu không lời. Tôi khao khát được nói với thằng bé rằng, trong số những món quà Richard trao cho tôi, thằng bé là điều tôi quý trọng hơn hết thảy... nhưng những từ đó sẽ không, không thể, tự định hình.

“Em luôn chăm sóc cho chị, John ạ”, tôi nói. “Chúng ta chăm sóc lẫn nhau.”

Đó là những năm tháng tốt đẹp, tôi suy ngẫm, tuy nghèo khổ nhưng yên bình và luôn tràn ngập hoa hồng thay vì những cơn mưa. Căn nhà đã từng giam giữ tôi như tù nhân dần trở thành mái ấm của tôi, những bóng đen giận dữ dần được năm tháng trôi qua khuyến giải. Giờ chỉ còn hai chúng tôi. Caroline đã qua đời

từ bảy mùa đông trước, nhưng bác cũng không còn ý chí để sống lâu thêm nữa, sự qua đời của bác cũng giống như một chiếc bóng đổ lên tường, khi tất cả những chiếc đèn đều tắt.

John và tôi đã cùng làm việc và gìn giữ ngôi nhà, trong suốt thời gian đó tôi đã nhìn thẳng bé dần trưởng thành thành một người đàn ông.

Tình trạng của tòa trang viên thì không được tốt cho lắm. Arthur de Mornay đã cướp phá toàn bộ sự giàu có của nơi đây, để mặc nó suy tàn trong khi đắm mình trong bài bạc và gái gú. Tôi thấy cậu ta bán đi lâu đài.

Nhưng tôi còn mừng hơn nữa khi biết Navarre sẽ không có trong những thứ bị cậu ta bán đi.

Chú ngựa xám to lớn trở nên tiều tụy sau cái chết của Richard. Khi tôi quay trở về Exbury vào mùa xuân, sau khi sinh hạ John, tôi đã có cơ hội nhìn thấy Navarre ngoài đồng, sự thay đổi của con thú làm tan vỡ trái tim tôi. Nó trông hốc hác và kề cận với cái chết, chiếc đầu kiêu ngạo của nó rũ xuống và lơ đãng, những chiếc chân to lớn oằn mình xuống đất.

Tôi đã cố gắng, theo cách của mình, vỗ về nó, mang theo sự can đảm để lên ghé thăm chuồng ngựa của tòa trang viên, khi chú bé giữ ngựa đi vắng. Tôi mang đồ ăn cho con ngựa đau ốm, trò chuyện với nó và làm hết sức để cổ vũ nó, nhưng dù nhận ra tôi, nó vẫn không chịu thay đổi, đôi mắt ủ dột buồn bã của nó như đang trộn lẫn với sự khốn khổ của chính tôi vậy.

Và rồi một ngày, trong lúc tôi ghé qua chuồng ngựa, cả con ngựa và tôi đều nghe thấy tiếng ai đó đang huyết sáo bên ngoài, ngay khi bị giật mình vì cảm thấy đang mắc lỗi, tôi đã nhận ra tiếng huyết sáo này vô cùng quen thuộc...

Evan Gilroy hiện ngang bước qua cánh cửa chuồng ngựa. Vừa nhận ra nhau, anh ta đã đưa một ngón tay cảnh báo lên môi mình. “Cẩn thận, tiểu thư ạ”, anh ta khẽ lẩm bẩm. Tôi không thấy anh ta quen thuộc ngoài đôi mắt và giọng nói ấy. Anh ta trông hoàn toàn thay đổi, với hàng ria và bộ tóc giả kiểu cách đổ xuống bờ vai gù gù thận trọng. “Tôi đến để đưa Navarre đi”, anh ta nói, với chất giọng thẳng thắn và kiên nghị. Đôi mắt anh ta nhìn qua tôi về phía chú ngựa, tôi thấy vẻ biến đổi trên biểu cảm của anh ta. “Lạy Chúa”, anh ta khẽ than, “họ đã làm gì với mày thể này?”.

Tôi hiểu ý anh ta. Navarre từng rất đẹp, việc nó bị bạc đãi thể này sau cái chết của anh dường như là một sự mạo phạm tàn bạo chính bản thân Richard.

Evan vượt qua tôi để vuốt ve chiếc cổ chú ngựa. Trước đụng chạm đó, đôi tai Navarre giật mạnh, quay về phía giọng nói thân thuộc. Đôi mắt trong vắt của nó ánh lên điều gì đó rất gần với niềm hy vọng, cơn kích động run run cợn lên khắp cơ bắp của chú ngựa, bên dưới bàn tay vỗ về của tôi. Tôi suýt chút nữa thì khóc lớn, khi nhìn thấy sự biến đổi của nó.

Và chuyện đã được giải quyết. Cuộc chia tay của chúng tôi diễn ra rất nhanh, chỉ có một chút thời gian để chuyện trò.

“Có tin tức gì về Rachel không?” Tôi hỏi anh ta. “Cô ấy đi cùng anh chứ?”

“Không. Tôi để cô ấy ở chỗ an toàn với người của tôi, ở bắc Bristol. Chúng tôi đã kết hôn được tám tháng.”

“Ôi, Evan”, tôi không thể ngăn nổi niềm sung sướng trong giọng nói. “Tôi mừng cho hai người.”

“Giá như cô có thể chung vui với chúng tôi”, anh ta dịu dàng nói. “Cô biết cậu ấy cũng rất yêu cô.”

“Vâng.”

“Cậu ấy đã định cưới cô.”

“Tôi biết.”

Sau đó anh ta nở nụ cười với tôi, nụ cười mím chặt cho thấy anh ta rất đau khổ. “Rachel và tôi sẽ lên phương bắc”, anh ta nói. “Đến Scotland. Chúng tôi nghĩ sẽ bắt đầu một cuộc sống mới ở đó, tránh xa tất cả những bóng đen săn đuổi chúng tôi ở đây.”

Tôi cố gắng nở nụ cười và chúc anh ta những điều tốt đẹp, dù cho trái tim tôi quặn thắt. Sau đó anh ta rời đi, trên lưng chú ngựa xám to lớn, tôi nghĩ mình đã nhìn thấy chút dấu vết từ lòng kiêu hãnh ban xưa trong dáng đi của nó.

Vụ mất trộm nhanh chóng bị phát hiện, nhưng người ta không bao giờ bắt được kẻ trộm. Trong khi người của Arthur de Mornay lùng sục trên đường làng, Navarre đã tự do phi thẳng trên đường lớn hướng về Bristol, chở Evan Gilroy trên lưng, và đi cùng với anh ta, là tình yêu tôi gửi đến Rachel. Tôi không bao giờ được gặp lại họ nữa.

Hồi ức đó khiến tôi nở nụ cười buồn, sát cạnh vai tôi, tôi nghe thấy John trút tiếng thở dài nặng nề. Tôi quay sang nhìn con và thấy thằng bé đang nhìn xuống tôi với sự thất vọng pha lẫn thất vọng.

“Chị là một câu đố, chị họ ạ, rồi đến một ngày em sẽ được sáng tỏ.” Nó cúi xuống hôn lên má tôi. “Chị đừng có làm việc cực nhọc quá trong lúc em vào làng đấy nhé? Đạo này trông chị dễ dàng mệt mỏi lắm.”

“Lời nguyện của tuổi tác.” Tôi cười. “Nhưng vì em, chị sẽ không khiến bản thân mệt mỏi nữa. Chị sẽ đứng ở đây và nhìn cánh đồng thêm một chút.”

John lại nhìn tôi, ngập ngừng đôi chút như thể muốn nói gì đó, hay hỏi gì đó, nhưng rồi khoảnh khắc ấy trôi qua. Mỉm cười, thằng bé quay người đi, tôi xoay ánh mắt trở lại với thảm hoa màu nhấp nhô, hút mắt toàn ánh vàng và xanh, đổ tại cho ánh nắng chói chang đã đột ngột che chở tầm nhìn của mình lúc này...

Sắc nhọn, thành linh thâm nhập, tiếng chuông âm ỉ và tàn bạo phá vỡ sự im lặng. Tôi chớp mắt, không còn là Mariana nữa, chỉ còn là Julia, với tiếng chuông điện thoại lạnh lạnh gọi tôi bước qua cánh cửa nhà bếp. Đường như cần đến những nỗ lực to lớn mới có thể di chuyển đôi chân từ nơi tôi đang đứng, như thể bằng cách nào đó tôi đã mọc rễ ở đó và không thể cử động.

Chiếc điện thoại tiếp tục reo trong lúc tôi chầm chậm quay vào.

“Em mất nhiều thời gian quá đấy”, giọng anh tôi reu rầy, tôi sụm người dựa vào bức tường, rồi lấy những ngón tay mỗi một bóp trán.

“Vâng”, tôi trả lời. “Em bận quá.”

“Lại làm vườn nữa à?”

“Đại loại thế.”

“Em vẫn ổn đấy chứ?” Giọng anh sắc bén. “Nghe giọng em lạ quá.” Trước khi tôi có thể trả lời, anh đã hỏi, “Em lại quay về quá khứ nữa đúng không? Giờ thì có chuyện gì đã xảy ra?”

“Em sẽ kể hết anh nghe, Tom ạ, em hứa đấy. Chỉ là không phải bây giờ thôi. Giờ em không muốn nói gì cả. Em chỉ muốn lên giường đi ngủ.”

“Em có muốn ai đến chỗ em không? Anh có thể thay đổi các bài giảng của mình một chút, và xuống đó. Hoặc có thể Vivien...”

“Không.” Lời từ chối thẳng thừng nghe có vẻ khiếm nhã, nhưng tôi không sao ngăn được. “Em không muốn ai đến cả, Tom ạ. Thật sự em không muốn. Em chỉ muốn ở một mình thôi.”

“Nhưng Julia...”

“Ôi, em xin anh ấy, Tom!” Tôi nhanh chóng mất kiên nhẫn. “Anh chỉ cần mặc kệ thôi mà, không được sao?”

Anh từ bỏ và cúp máy với một lời xin lỗi. “Hãy gọi cho anh khi nào em cảm thấy khá hơn chút nhé”, anh dặn, tôi có cảm giác mình không khác gì một con bé bạc bẽo chưa ngoan lúc đặt ống nghe xuống.

Tôi thơ thẩn trở vào bếp và đứng nhìn ra ngoài cửa sổ đứng cái chỗ tôi từng đứng, nơi đó trong khu vườn có một người phụ nữ trẻ đã đứng, đã nhìn và trở nên già cỗi, chờ đợi người yêu không bao giờ trở lại.

Hoặc cũng có thể, tôi nghĩ, sau cùng anh đã trở về bên cô, khi anh đến với tôi ngay buổi ban đầu - một dáng hình im lặng, cao lớn trên con ngựa xám, lấp lóa dưới những bóng râm từ tán sồi, gần đến trêu người nhưng bao giờ cũng nằm ngoài tầm với.

Bao nhiêu mùa đã trôi qua. bao nhiêu đợt tuyết đã đến và đi, hoa nở rồi khô héo dưới ánh mặt trời chói chang của mùa hè, trong khi Mariana và Richard đã chờ đợi, bất lực khi bị niêm phong giữa giao lộ thời gian... chờ đợi khoảnh khắc tâm hồn họ lại được giao hòa, ngất ngây trong men tình ái của nhân gian.

Và giờ đây khoảnh khắc ấy đã đến, tôi chẳng thể tìm ra được cảm giác khoan khoái nào, cũng không chuyển dịch, chỉ là một cảm giác thất vọng đến thần thờ và mệt mỏi vì những nỗ lực chẳng đi đến đâu. Quay khỏi cửa sổ, tôi hướng những bước chân rã rời lên gác và ngã lên giường la liệt quần áo. Nơi đây, trong căn phòng yên tĩnh nhập nhoạng tối, cuối cùng giấc ngủ cũng đến với tôi - một giấc ngủ mịt mờ, thăm thẳm, thăm thẳm như miệng vực hút sâu và trơ trọi không mộng mị. Thời của những giấc mơ đã qua rồi.

34. Chương 34

Thời tiết vẫn rất đẹp vào ngày hôm sau, tôi đã đến Luân Đôn để dùng bữa trưa. Đó là một chuyến đi bốc đồng và thừa thãi, một cuộc gặp gỡ được sắp xếp chóng vánh với biên tập để thảo luận về một rắc rối tưởng tượng với cuốn sách. Nếu có lòng tin vào bản thân, rất có thể tôi đã thừa nhận mình chỉ đang lãng tránh ngôi nhà, như một cố gắng trẻ con nào đó để trì hoãn những điều không sao ngăn chặn. Nếu tôi đi xa nhà và không có những hồi ức về cuộc đời của Mariana, thì sẽ chẳng có bi kịch nào hết. Hoặc đây là theo lập luận của tôi. Nhưng nếu ở Đan Cừ Xám và không còn ký ức sống động nào xảy đến nữa, tôi không dám chắc mình có thể chịu đựng nổi.

Tôi đã phải chịu đựng nỗi mất mát Richard và cảm giác hoàn toàn khác biệt khi mất đi Rachel; dường như thật không công bằng với tôi khi để mất đi cuộc sống ở nơi tôi từng thân thuộc. Nhưng rồi tôi cũng biết mình sẽ mất nó. Quả thực, nếu tin tưởng bà Hutherson, thì tôi sẽ phải mất nó. Tôi được sinh ra vì định mệnh này; thứ định mệnh đã kêu gọi tôi về nhà, vượt qua bao năm, đến Exbury, đến Đan Cừ Xám, và gặp Geoff...

Chính linh hồn sẽ nhìn thấy những thứ nội hàm thực sự, Richard đã hứa với tôi như vậy và tôi tìm kiếm lời giải trong lời hứa đó. Đảm bảo, đến đúng lúc, nỗi đau sắc bén trong tôi sẽ phai nhòa. Đến đúng lúc, tôi sẽ không còn bận tâm quá nhiều đến chuyện Geoff không còn lưu giữ ký ức, giống như tôi. Tôi sẽ tìm thấy hạnh phúc trong thực tại, sẽ vui vẻ mà đón nhận rằng mình đã tìm thấy anh hai lần trong những kiếp người tách biệt và để mọi thứ ngủ yên.

Sau cùng, anh đã thực hiện phần của mình trong thỏa thuận. Anh đã nói sẽ trở lại với tôi, tìm thấy tôi và tôi sẽ nhận ra anh. Anh đâu có hứa gì thêm nữa.

Thật thoải mái khi đến Luân Đôn, giữa những cửa hàng kinh doanh sầm uất, để ngồi với biên tập của tôi trong một nhà hàng hào nhoáng đắt đỏ và dõi theo hàng người kéo qua cửa sổ, vai kề vai với sự sống động và muôn màu muôn vẻ. Tôi không thể sống ở Luân Đôn thêm được nữa. Nó không còn là một phần trong tôi, hay tôi cũng không còn là một phần của nó, nhưng đến đây vài giờ sẽ mang lại trật tự cho cuộc sống của tôi và tiếp thêm cho tôi một nguồn năng lượng mới đầy sức sống.

Khi lái xe lao qua cây cầu nhỏ trên chuyến trở về, tôi lại cảm thấy được sự sống và gần như yên bình. Ngồi nhà hiện lên đầy kiêu ngạo từ những cánh đồng để chào đón tôi, vững chắc và không hề đổi thay dưới bầu trời tháng Chín bát ngát. Tôi lái xe dọc lối đi, vượt qua rặng cây rụng lá lên kính xe và đỗ chiếc xe vào bên trong chuồng ngựa cũ.

Có người đang đợi tôi. Vivien gọi to tên tôi và vẫy tay, đôi chân đang đưa khi ngồi trên bức tường của chuồng bồ câu. Bầu không khí ban chiều khô ráo và lành lạnh, cô ấy mặc một chiếc áo chui màu đỏ tươi với quần jean, mái tóc vàng cuộn lại thành một mớ hỗn độn.

“Bọn tôi đã tự ý pha cà phê”, cô ấy giải thích với nụ cười chào đón. “Tôi không nghĩ cô sẽ thấy phiền lòng. Cửa nhà bếp để ngỏ.”

Bên cạnh tôi, Iain đã ngừng làm việc và đang dựa vào cái cào, bàn tay đeo găng gạt mái tóc màu nâu đỏ khỏi trán. “Tôi định làm bánh sandwich”, anh hiền hậu nói, “nhưng cô ấy không cho tôi làm”.

“Chẳng ngạc nhiên tí nào”, Vivien nói khô khốc. “Em thấy anh làm bánh sandwich rồi. Anh nghĩ chẳng có ai ăn không bằng.”

Anh quay sang nhìn cô ấy một cái. “Anh làm việc hơi bị nặng nhọc đấy, cưng ạ. Anh cần được bồi bổ.” Quả thực công việc của anh đều là việc nặng. Khu vườn được xới tung nằm dưới chân, những bông hoa thắm nâu héo úa ném thành một chồng trên vạt cỏ lưa thưa. Thứ duy nhất được để lại là nhánh hồng leo đơn độc, nó đã chết và bện mình bám quanh tảng đá đổ nát, chỉ còn mỗi phần thân và những chiếc gai còn lưu lại. Đây từng là một khu vườn đáng yêu vào mùa hè vừa rồi. Tôi hướng mắt tránh khỏi nó và mỉm cười với Vivien.

“Tôi nghĩ sẽ tự pha cho mình một tách cà phê”, tôi nói. “Có ai muốn uống thêm không?”

“Hỏi vợ vẫn.” Iain nhe răng ra cười và đưa cho tôi chiếc tách của mình. Vivien theo tôi vào nhà, nhưng khi tôi định rửa cả tách cho cô ấy, cô ấy lắc đầu.

“Tôi không thể ở lại lâu”, cô ấy xin lỗi. “Tôi nay tôi phải làm việc. Nhưng tôi có một câu hỏi nếu cô có thời gian.”

Tôi tò mò đặt ấm nước lên bếp. “Được mà.”

“Tôi muốn cô là người đầu tiên được biết”, cô ấy bắt đầu, ngượng ngịu vặn ngón tay. “Ừm, cũng không hẳn là người đầu tiên... Đương nhiên Iain cũng biết, cả dì Freda nhà tôi nữa, nhưng không có thêm ai khác.”

Cô ấy hít một hơi sâu, mỉm cười và tiếp tục. “Tôi sắp kết hôn.”

“Vivien!” Tôi gần như đánh rơi tách cà phê, rồi vui mừng thốt lên. “Thật tuyệt vời!”

“Và tôi muốn cô trở thành phù dâu cho tôi.”

“Đương nhiên rồi”, tôi đáp ngay lập tức. “Tôi thích lắm. Tôi nghĩ Geoff sẽ trở thành phù rể.”

Cô hơi nhăn trán. “Vì sao lại là Geoff?”

“Ừm”, tôi đáp ứng, “Tôi chỉ nghĩ... với việc anh ấy và Iain thân thiết như vậy, tôi nghĩ điều đó cũng là tự nhiên...”

Nét mặt Vivien giãn ra, nhưng vẫn gửi cho tôi một ánh nhìn kỳ quặc trước khi trả lời. “Tôi không cưới Iain, Julia ạ. Không hiểu sao cô lại hiểu nhầm như vậy. Người tôi sắp cưới là Tom kia.”

“Tom?”

“Anh trai cô đấy.” Cô ấy gật đầu. “Anh ấy đã hỏi cưới tôi ngày hôm qua. Tôi nghĩ anh ấy sẽ tự mình nói với cô, nhưng anh ấy bảo cô không được khỏe.”

“Tôi bị đau đầu”, tôi lơ đãng nói. Giờ cũng bắt đầu đau đây. “Cô sắp cưới Tom á?” Tôi hỏi lại, không sao tin nổi.

“Phải.” Nụ cười xấu hổ của Vivien giờ biến thành biểu cảm đau đớn và bối rối. “Chúng tôi tưởng cô sẽ vui mừng.”

“Có chứ.” Tôi ép mình nở một nụ cười. “Tôi vui lắm, thật đấy. Tôi chỉ bị bất ngờ, thế thôi.”

Cô ấy thả lỏng người. “Là do chúng tôi đã ém nhem tất cả mọi chuyện, đúng không? Tôi cũng không chắc vì sao nữa. Tôi nghĩ khá là vui vẻ khi lén hẹn hò mà không ai hay biết. Phần lớn thời gian còn lại chúng tôi đều phải tỏ ra nghiêm túc.”

“Ừ, mấy người hòa vào đánh lừa tôi”, tôi thành thật nói. “Không thể tin nổi mẹ tôi cũng không nói gì với tôi. Bà giỏi giữ bí mật khủng khiếp.”

“Bác ấy chưa biết đâu”, Vivien ngập ngừng nói. “Tôi vẫn chưa gặp mặt cha mẹ cô.”

Tom hẳn đã yêu đến mất trí rồi, tôi kinh ngạc nghĩ, khi đi cầu hôn người ta mà không dẫn người ta về ra mắt gia đình trước, có vẻ có vài phần trong anh mà tôi vẫn chưa hoàn toàn hiểu rõ, trong suốt những năm thân thiết của hai anh em. Vivien cần môi nhìn tôi.

“Cô có nghĩ họ sẽ thích tôi không?” Cô ấy hỏi.

“Bố mẹ tôi á?” Tôi mỉm cười trước ý nghĩ ấy. “Họ sẽ hài lòng ngắt ngay ấy chứ. Bố mẹ tôi luôn miệng rầy rà Tom phải kết hôn kể từ khi anh ấy tốt nghiệp trường Oxford và cô thì giống tính cách cha mẹ tôi lắm. Tôi nghĩ họ sẽ thích cô”, tôi thêm vào. “Cha mẹ tôi hơi kỳ quái một chút, nhưng rất đáng yêu.”

“Giống Tom.”

Tôi cười toe toét. “Không kỳ quái đến mức ấy đâu.”

“Cô không khó chịu đấy chứ? Ý tôi là về chuyện hai chúng tôi cưới nhau ấy.”

“Đương nhiên là không rồi. Sao tôi lại phải khó chịu cơ chứ?” Vì sao, quả là vậy, tôi tự hỏi bản thân, ánh mắt tôi lang thang ra ngoài cửa sổ về phía người đàn ông đang lúi húi làm việc trong khu vườn cạnh bức tường đổ vỡ của chuồng chim bồ câu. Vì sao tôi lại nghĩ rằng định mệnh hoàn hảo? Sau cùng, Rachel và Evan đã ra đi cùng nhau, yêu nhau và có lẽ sẽ già đi bên nhau. Có lẽ lần này số phận đã rẽ riêng những hướng đi khác dành cho họ.

Richard và tôi, đã từng chia cách, rồi được đưa đến với nhau. Có lẽ Rachel cùng Evan, ở kiếp này, sẽ phải chia xa...

Ấm nước rít lên trên lò và tôi giật mình quay khỏi cửa sổ, vươn tay tắt bếp và rút dây tách cà phê. Vivien vẫn lẳng lặng quan sát tôi, lại khoác lên mình ánh nhìn lúng túng đầy lo lắng.

“Ôi”, cô ấy đột nhiên nói. “Tôi tí thì quên. Geoff đã gọi cho cô đấy.”

Tôi ngẩng đầu lên. “Ở đây ư?”

“Trong lúc tôi đi pha cà phê.” Cô ấy gật đầu.

“Khoảng một giờ trước. Kết nối chập chờn lắm, tôi hầu như không thể nghe thấy anh ấy nói gì, nhưng tôi hứa sẽ nhắn lại với cô.”

“Anh ấy vẫn ở Pháp sao?”

“Tôi nghĩ vậy. Tôi nghĩ anh ấy nói đâu đó ở khu Pyrenees. Dù sao anh ấy cũng bảo sẽ gọi lại cho cô tối nay.”

Tôi trầm ngâm khuấy cà phê. “Cô có bảo anh ấy rằng mình sắp kết hôn không?”

“Không.” cô ấy bật cười. “Hắn nó cũng lướt qua tâm trí tôi. Nhưng anh ấy đang cao hứng thì phải, nếu tôi để mặc anh ấy thao thao bất tuyệt. Không ai chen lời được với Geoff, một khi anh ấy bắt đầu.”

Tôi mỉm cười. “Tôi cũng nghiệm ra được điều đó. Anh ấy có bảo khi nào sẽ gọi lại không?”

“Không. Chỉ là tôi sẽ không kéo cô đến quán tối nay, cho đến khi anh ấy gọi cho cô.” Cô ấy kiểm tra đồng hồ và nhăn mặt. “Chúa ơi, tôi phải đi đây. Ned sẽ lột da tôi mất. Nghe này, tôi rất xin lỗi vì tự nhiên lại quăng vào đầu cô tin tức này...”

“Tôi đang run lên đây này”, tôi kiên định nói. “Thật đấy.”

“Và cô sẽ ủng hộ tôi chứ? Tôi hứa sẽ không bắt cô mặc đầm váy ghê rợn nào đâu, hay bất cứ thứ gì.”

“Tôi sẽ háo hức lắm”, tôi nói và đóng dấu lời hứa với một cái ôm. “Tôi hy vọng anh trai tôi sẽ trân trọng vận may của anh ấy.”

Vivien mỉm cười và lắc đầu. “Tôi mới là người may mắn”, cô ấy nói với tôi. “Và trên hết, tôi sẽ có một cô em gái. Tôi luôn muốn có một cô em gái.”

Một chiếc bóng lướt qua khung cửa, trong giây lát tôi tưởng tượng là Rachel đang đứng trước mặt mình, chứ không phải Vivien. Rachel, nụ cười dịu dàng và đôi mắt tươi vui, mái tóc vàng lúc nào cũng rối tung trên bờ vai. Nhưng khi tôi chớp mắt, cô ấy đã biến mất.

“Sau đó cô sẽ ghé quán Sư Tử Đỏ chứ?” Vivien ngừng ở khung cửa và quay người lại. “Sau khi Geoff gọi điện thoại ấy? Tôi sẽ đãi cô chai rượu Bordeaux hảo hạng nhất của mình, để chúc mừng dịp này. Tôi chắc chắn những người đàn ông cũng sẽ muốn chúc mừng.”

Tôi hứa sẽ cố cố mặt, cô ấy vui vẻ ra đi, hét to một lời tạm biệt với Iain lúc hướng về phía cánh đồng vào làng. Có lẽ vì đồng cảm với một anh chàng Scotland tự kỷ, tôi xếp một đĩa bánh sandwich cùng rau trộn, bê hai tách cà phê trong tay còn lại, tôi đi ra chỗ chuồng chim bồ câu, chậm rãi băng qua bãi cỏ để không làm tràn thứ gì.

Anh đã ngừng công việc khi thấy tôi đến, đứng thẳng lưng dậy và vươn vai. Anh kéo đôi găng tay và đặt chúng ngay ngắn lên bức tường thô ráp bên cạnh, rồi vươn tay đón lấy chiếc đĩa cùng tách cà phê từ tay tôi.

“Cô là một thiên thần”, anh vừa cảm ơn vừa ăn nhồm nhoàm. “VẬY là cô ấy đã kể với cô về đám cưới rồi à?”

Tôi gật đầu. “Vâng.”

“Cô ấy có khẩu vị tốt đấy. Tôi rất quý anh trai cô.” Tôi liếc nhìn anh, tìm kiếm một vài dấu hiệu cảm xúc ẩn dưới bề mặt điềm tĩnh ấy. “Dù vậy tôi nghĩ anh sẽ thấy nhớ cô ấy, khi cô ấy đi.”

Anh nhún vai. “Hampshire cũng không cách đây quá xa, tôi nghĩ chúng ta sẽ thấy họ thường xuyên.” Anh đặt chiếc đĩa lên tường. “Cô ấy hy vọng cô sẽ thấy hứng khởi.”

Anh rút ra một gói thuốc lá nhãn nhúm từ túi áo sơ mi, lấy ra một điếu và châm lửa. Phía trên ánh lửa thoáng bùng lên của que diêm, đôi mắt xám của anh hoài nghi lướt qua tôi. “Cô có phiền nếu kể với tôi vì sao trông cô như thể vừa mới mất bạn thân nhất không?”

“Tôi không biết nữa.” Tôi thở dài, dựa lưng vào bức tường, nhìn chằm chằm vào chuỗi những ngọn đồi phía xa. Mặt trời tàn dần về phía tây, để lại vầng hào quang bừng sáng của những sắc màu hấp hối trải khắp bãi cỏ dập dờn, ngã mình thật thấp bên dưới ngọn gió. Tôi nhìn xuống, nhìn khu vườn bị phá hủy. “Tôi thực sự cũng không biết nữa”, tôi lặp lại. “Mấy ngày này thật khốn khổ với tôi, nào mưa, nào tất cả mọi thứ đều héo hon, và...”, giọng tôi nhỏ dần. Tôi biết làm sao để giải thích đây. “Nơi đây đã từng là một khu vườn tuyệt đẹp”, tôi nói.

Anh có vẻ thấu hiểu. “Rồi sẽ lại đẹp thôi”, anh nói. “Vào năm sau. Đây là điều tuyệt diệu về những khu vườn, chúng luôn đâm chồi trở lại.”

“Tôi cũng nghĩ thế.” Tôi lại thở dài. “Nhưng tôi vẫn ước sao chúng sẽ không chết.”

Anh thoáng im lặng, trầm ngâm nhìn chằm chằm xuống bàn chân, rồi nhẹ đá vào một cục đất tươi xốp, dùng mũi ủng lật ngược nó lại, để lộ ra những chùm rễ trắng bên dưới.

“Cô xem này, nó vẫn còn ở đây”, anh chỉ ra. “Chùm củ và rễ cây, chỉ đợi để phát triển. Cô phải học cách nhìn chúng không chỉ bằng đôi mắt của mình, Julia ạ.” Anh rút một hơi thuốc dài và chậm rãi thốt ra. “Thay vào đó hãy cố gắng nhìn bằng tâm hồn. Tâm hồn sẽ trông thấy những điều nội tại thật sự ở bên trong.” Trong một phút dài, không có gì chuyển động. Rồi anh ngẩng đầu và đôi mắt đắm chìm trong mắt tôi, vượt qua sự tĩnh mịch của khu vườn chết. Vượt qua hàng thế kỷ. Đằng sau tôi, trong ngôi nhà, điện thoại bắt đầu đổ chuông, nhưng tôi không chạy đi nhắc máy. Tôi tiếp tục đứng đó nhìn anh chằm chằm trong câm lặng, trái tim như nhảy lên tận cổ họng.

“Em không thể nhìn thấy sao?” Anh dụ giọng hỏi tôi. “Chúa ơi, anh cứ tưởng sẽ rõ ràng lắm chứ. Freda đã hung dữ hăm dọa anh, một hay hai lần gì đấy, để bắt anh ngậm miệng.”

Giọng của chính tôi khó khăn thoát ra. “Bác ấy biết sao?”

“Ừ. Bà ấy biết ngay khoảnh khắc đầu tiên Geoff đưa anh về nhà từ Cambrige. Cái mùa hè đó chẳng khác gì địa ngục với anh. Anh nghĩ mình hấn điên rồi... Ừm”, anh cười yếu ớt rồi phả khói thuốc, “em biết cảm giác đó ra sao mà”.

“Vâng.”

Hình như chúng tôi đã bàn luận về thời tiết. Anh không chạm vào tôi - anh trông vẫn hệt như Iain xưa cũ, tựa người vào bức tường chuồng bồ câu, mái tóc chuyển sang ánh đồng dưới ánh mặt trời dần lặn chiếu một góc buồng bình lên cằm. Anh thông thả rút điếu thuốc khỏi miệng. “Sau đó, anh đến Paris, làm việc cho Morland. Anh tò mò muốn biết Richard đã làm gì ở Paris, trong những năm tha hương của anh ấy. Anh

đã có vài chuyến phiêu lưu nho nhỏ, ở đó, nhưng tất cả những gì anh thật sự cảm nhận là nỗi cô đơn, và đương nhiên, ở đó không có em.”

“Thế nên anh quay về.” Tôi gần như thì thầm những lời đó.

“Ừ. Anh đã mua ngôi nhà, chuyển vào đó sống và đợi em xuất hiện. Anh biết em sẽ đến.”

Anh liếc sang tôi, chạm vào một thoáng, rồi hướng đến chỗ cây sồi đứng trong bóng tối trên thung lũng. Chiếc điện thoại, bị quên đi, reo lên hồi chuông cuối cùng rồi khẽ khàng nhòe vào trong im lặng. Tôi hầu như không chú ý đến nó.

“Sao anh không nói gì?” Tôi hỏi.

“Anh rất muốn.” Lần này đôi mắt xám không nhìn đi đâu nữa. “Hãy tin anh, anh rất muốn. Mùa hè này anh cứ như từ cõi chết trở về. Nhưng Freda đã nói rằng em sẽ ổn, đến đúng lúc, nếu như anh im lặng chờ đợi.”

“Iain à...”

“Nói chung”, anh đều giọng tiếp tục, “anh là một người đàn ông kiên nhẫn. Nhưng anh nghĩ mình đã đợi đủ lâu rồi”. Anh ném điều thuốc đi và thận trọng tiến về phía tôi. “Đã đến lúc chúng ta ngừng chờ đợi và bắt đầu sống.”

Chất giọng, dáng đứng, từng thuộc về Richard, nhưng Iain là người đã tiến về phía tôi, Iain là người đã đứng trước mặt tôi với bờ vai rộng che hết ánh mặt trời. Làm sao tôi có thể mù quáng đến thế, tôi tự hỏi, mà không nhận ra điều này từ lâu? Tất cả những gì tôi muốn, tất cả những gì tôi từng có hay từng mong mỗi, đều nằm hết ở đây, trong đôi mắt xám điềm tĩnh này.

Mất một phút dài đau đớn, anh chỉ đứng đó nhìn xuống tôi, im lặng và nghiêm túc. Và trong đôi mắt tôi, anh đã nhìn thấy câu trả lời, cuối cùng anh mỉm cười và đón lấy gương mặt tôi trong tay anh, tình tế vuốt gò má tôi.

“Đây là những ngày tươi đẹp của em, Julia Beckett ạ”, anh dịu dàng hứa. Và khi anh hạ thấp đầu để hôn tôi, một toán chim sáo đập cánh bay lên từ thung lũng hóa thành một đám mây chao nghiêng tuyệt đẹp, xoay tròn lần nữa trên bầu trời đỏ rực như máu rồi biến mất.

Vòng tuần hoàn đã khép lại.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/mariana>